

Quan Thu
Tư Mệnh
360
Quyển 4

ĐỜI ĐƯỜNG
NGUY TRƯNG - TRỬ LƯỢNG - NGÔ THẾ NAM - TIÊU ĐỨC NGÔN
BIÊN SOẠN
TS. LÊ SƠN CHUYỂN NGỮ
MINH NGỌC NGUYỄN DUY NINH HIỆU ĐÍNH

Quan Thu
Tư Mệnh
360

Quyển 4

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

THƯ GỬI QUÝ ĐỘC GIẢ

Thưa quý độc giả tôn kính,

Quý vị thân mến! Hội Cơ kim Thư viện Quốc học văn hóa truyền thống thuộc thành phố Đà Nam - Đà Loan, thành viên trong tổ chức thừa kế công tác biên tập của Trung tâm Văn hóa Trung Quốc - Mã Lai, dưới sự quan tâm chỉ đạo của các vị giáo sư, thiện tri thức, tổ biên tập đã cùng nhau nỗ lực thực hiện bộ sách *Quần thư trị yếu 360* – Quyển bốn cuối cùng cũng đã có mặt.

Chúng tôi tự biết đức hạnh học thức hạn chế, chắc không tránh khỏi sai sót, chúng tôi xin lắng nghe ý kiến các nơi, và sẽ nghiêm chỉnh chỉnh lý. Vì muốn phổ biến sách này, cần được làm mới cho phù hợp, mong được sự quan tâm của quý vị để giúp thư viện chúng tôi có được bản hoàn chỉnh nhất.

Xin chân thành cảm ơn quý vị!

Hội Cơ kim Thư viện Quốc học văn hóa truyền thống thuộc thành phố Đà Nam - Đà Loan.

Kính trình

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tiểu tổ biên tập sách *Quần thư trị yếu 360*

LỜI TỰA

QUẦN THƯ TRỊ YẾU

Bộ sách *Quần thư trị yếu* do vua Đường Thái Tông Lý Thế Dân (599-649) hạ lệnh biên soạn vào niên hiệu Trinh Quán nguyên niên. Vua Thái Tông từ năm 16 tuổi đã theo cha tòng quân, khởi nghĩa bình định loạn lạc trong xã hội, vào sinh ra tử chinh chiến trong hơn 10 năm. Năm 27 tuổi ông lên ngôi vua, chăm lo việc võ việc văn, đặc biệt lưu tâm đến đạo trị bình, nuôi dưỡng sức dân.

Vua Thái Tông là bậc anh hùng dũng lược, tiếc là mình mãi việc chinh chiến không có nhiều thời giờ học thầy đọc sách. Lấy sự sụp đổ của nhà Tùy vừa qua, suy nghĩ kỹ thấy việc sáng lập cơ nghiệp không hề dễ dàng, giữ được cơ nghiệp lại càng khó, nên trong thời gian tại vị, vua khuyến khích quần thần mạnh dạn phê bình các chỗ khiếm khuyết của chính sách và lệnh giao cho Ngụy Trưng cùng Ngô Thế Nam, v.v... làm việc tập hợp và chỉnh lý sử liệu về việc trị nước của đế vương các thời kỳ, chọn ra chỗ tinh yếu về tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ trong *Lục kinh*, *Tứ sử*, *Bách gia chư tử*, biên soạn thành sách. Xưa bắt đầu thời Ngũ đế, đến hết thời nhà Tần, từ hơn mười bốn ngàn bộ, hơn tám mươi chín ngàn quyển sách cổ, chọn ra được 68 bộ, cộng hơn năm trăm ngàn chữ.

Biên soạn thành sách xong, như trong Lời tựa, Ngụy Trưng cho rằng bộ sách “Bảo điển trị thế” này “đã tham khảo đầy đủ cổ nhân, truyền cho các đời sau, có thể hữu ích trong việc cai trị ngày nay”. Vua Đường Thái Tông vui mừng cho rằng sách vừa quảng bác vừa thiết yếu, ngày ngày yêu thích không rời tay. Vua nói: “Khiến ta được tham

khảo tiền nhân mà gặp việc xử sự không lầm, công của các khanh rất lớn”. Do vậy, thời Trinh Quán nhà Đường được thái bình thịnh trị. Cống hiến của bộ sách này lớn thay! Giới chính trị gia đều ca tụng bộ sách này là “sách quý”.

Vì kỹ thuật in ấn thời ấy chưa được tốt, bộ sách này đến đầu nhà Tống đã bị thất truyền, sách *Tống sử* cũng không nhắc đến. Nhưng may mắn, vị tăng nhân người Nhật sống vào thời đại Liêm Thương (1192-1330), chép tay toàn bộ sách *Quần thư trị yếu* rồi được Văn khố Kim Trạch lưu trữ, để đến thời vua Càn Long nhà Thanh, Nhật Bản gửi trả lại cho Trung Hoa. Tứ bộ Tùng san của Thượng Hải, Thương vụ ấn thư quán và Đài Loan dùng bản ấy làm cơ sở cho xuất bản lưu hành. Cuối năm 2010, Tịnh Không may mắn có được bản sách này, xem đi xem lại rất làm hoan hỷ, và lãnh hội sâu sắc nền văn hóa giáo dục của các bậc tiên hiền thời xưa về khả năng an định hòa bình vĩnh viễn cho nhân loại toàn thế giới. Quan trọng hơn hết là bản thân người trong nước nên nhận thức cho đúng truyền thống văn hóa của dân tộc mình, mở ra lòng tin tuyệt đối không phân vân trước ảnh hưởng văn hóa ngoại lai. Truyền thống văn hóa của các bậc thánh hiền được hình thành và hiển lộ nơi tự tính của tất cả mọi chúng sinh vượt qua mọi thời đại và mọi không gian, thường xưa mà lại thêm mới. Học tập chính yếu bắt đầu ở hai chữ “Thành kính”. Sách *Khúc Lễ* viết: “Không gì không ngoài Kính”, Thời Tiên Thanh, vua Khang Hy nói: “Với dân dùng chữ Kính làm gốc”; Thành với kính, sở học lưu truyền từ ngàn xưa, không vượt được hai điều này”. Trình Tử viết: “Một chữ Kính thẳng trăm tà”; Nói rõ việc tu thân, tiến đức, lợi đời, cứu dân, chỉ hai từ “Thành kính” mới có thể hoàn thành viên mãn mà thôi. Nếu không thành kính đối với giáo dục của các bậc cổ thánh tiên vương, thì dù có xem trăm ngàn kinh sách cũng khó thu hoạch lợi ích đích thực. Đức Khổng Tử nói: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cố” là vậy.

Trước đây, Tôn Trung Sơn tiên sinh sáng lập ra học thuyết “Tam dân”, trong bài *Tam dân chủ nghĩa đệ tứ giảng* từng bảo rằng: “Khoa học Âu châu phát triển, tiến bộ văn minh vật chất, chẳng qua

là chuyện hơn vài trăm năm trở lại đây mà thôi, còn cơ bản về mặt triết học chính trị thì châu Âu phải học Trung Quốc. Mọi người đều biết trên thế giới học thuật của nước Đức là tốt hơn hết, nhưng hiện tại các nhà học giả người Đức lại đang phải tìm hiểu triết học Trung Quốc, thậm chí họ còn nghiên cứu Phật lý của Ấn Độ để bổ sung vào tư tưởng khoa học của Tây phương.

Tiến sĩ Toynbee người Anh nói: “Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ XXI này, chỉ nên tìm đến học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp Đại thừa”. Bình tĩnh quan sát sự hỗn loạn lung tung của thế giới ngày nay, muốn cứu thế giới, cứu Trung Quốc, chỉ có truyền thống văn hóa giáo dục Trung Quốc mới giải quyết được đến nơi đến chốn. Các vị tổ tiên đã truyền lại cho chúng ta kinh nghiệm, phương pháp, trí tuệ trị nước và thành quả, đều là kết tinh từ kho tàng quý giá được khảo nghiệm tích lũy suốt mấy ngàn năm. Quý thay bộ sách *Quần thư trị yếu* này! Quả có thể hiểu được những lý luận của sách này thì tự nhiên mà thiên hạ thái bình, cá nhân hạnh phúc. Làm trái đạo thì không tránh được phải chuốc lấy tai ương, họa hoạn không dứt. Tịnh Không tôi, hiểu tầm quan trọng của sách *Quần thư trị yếu* đối với cục diện ngày nay, vì sứ mệnh thần thánh của nó, đã hoan hỷ giao cho Thư cục Thế giới tái bản, in ấn thành mười ngàn bản, dành tặng các cấp lãnh đạo của các Đảng ở cả hải đảo và lục địa cùng tham khảo học tập, thì xã hội hài hòa, nền chính trị thế giới đại đồng là chuyện chờ ngày hình thành mà thôi.

Vui mừng thấy sách *Quần thư trị yếu* được tái bản, tin tưởng giao tôi viết Lời tựa. Tôi có mấy lời mạo muội ngỏ ý ca tụng.

Hương Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2010

Sa môn THÍCH TỊNH KHÔNG

LÝ DO BIÊN DỊCH SÁCH QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360

Sách *Quần thư trị yếu* là lý niệm, trí tuệ, phương pháp, kinh nghiệm, hiệu quả là tập đại thành về “Tu-tề-trị-bình” của các vị cổ thánh tiên vương, cũng là kết tinh văn hóa tích lũy khảo nghiệm cả ngàn vạn năm. Bộ sách được xem là “Bảo điển” này đã từng làm tư tưởng cơ bản giúp vua Đường Thái Tông mở ra thời kỳ thịnh trị, được tôn xưng là “Trình Quán chi trị”, làm cơ sở giúp cho nhà Đường thịnh hành bền vững suốt 300 năm, cung cấp tài liệu trị quốc trân quý cho giới lãnh đạo chính trị ngày nay tham khảo. Ngoài ra, ở nhiều lĩnh vực khác, đối với đông đảo nhân dân thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau thì sách này giống như nguồn suối trí tuệ, có khả năng giúp cho thân tâm an lạc, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp lâu dài.

Tôn sư Thích Tịnh Không của chúng ta vẫn hằng tâm niệm không bao giờ quên truyền bá văn hóa Trung Hoa. Cuối năm 2010, may mắn được tổ tông gia hộ, lão Giáo sư có được bộ “Bảo điển” này. Trong tâm khảm lão Giáo sư vui mừng khôn xiết, nhận ra rằng bộ bảo điển này giúp giải quyết rất tốt các vấn đề xã hội ngày nay; Lập tức lão Giáo sư ủy thác cho Thư cục Thế giới, ấn hành phổ biến.

Tôn sư Thích Tịnh Không đến Mã Lai bài phỏng hai vị lãnh đạo cao cấp nhất là Thủ tướng Najib và cựu Thủ tướng Mahathir, giới thiệu khái quát với họ nội dung sách *Quần thư trị yếu*, hai vị lãnh đạo cao cấp ấy ngỡ ý được xem qua bản dịch ra tiếng Anh, vì thế Tôn sư nghĩ đến việc trích từ sách *Quần thư trị yếu* tuyển thành 360 điều, dịch thành văn bạch thoại và phiên dịch thành văn tự của các nước,

trở thành phương tiện đại chúng mỗi ngày được đọc. Tôn sư bèn giao nhiệm vụ này cho Trung tâm Văn hóa giáo dục Trung Hoa - Tây Á Mã Lai. Trung tâm này mời các nhân sĩ toàn cầu có quan tâm cùng nhau hợp tác biên tập bản tiếng Hoa *Quần thư trị yếu 360*, từ đó mới dịch ra tiếng Anh. Tôn sư dự tính trong một số năm, mỗi năm tuyển ra 360 điều dịch thành các loại văn tự, ngữ ngôn khác nhau lưu thông trên toàn thế giới. Tôn sư cho rằng đó là cống hiến tối quan trọng của Trung Hoa cho hòa bình thế giới.

Việc biên dịch sách *Quần thư trị yếu 360* vừa triển khai, thì nhiều vị nhân sĩ tại lục địa, địa khu Hongkong cũng như Mã Lai chân thành hiệp trợ.

Vì đức hạnh và học thức của tổ biên tập có hạn, cuốn sách này chắc chắn có nhiều chỗ sơ sót, kính mong quý vị thẳng thắn chỉ giáo cho. Chân thành mong quý độc giả thân tâm hài hòa, gia đình an vui, sự nghiệp hòa thuận, hy vọng bộ sách này có thể giúp hóa giải xung đột xã hội, hướng đến yên định, hạnh phúc mỹ mãn, hòa bình thế giới, để chúng ta nắm tay nhau cùng tiến, chung sống hòa bình.

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tổ biên tập sách *Quần thư trị yếu 360* cẩn thức

THUYẾT MINH CỦA NHÀ XUẤT BẢN QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360 QUYỂN 4

I. Nguyên văn:

Sách *Quần thư trị yếu* (từ đây gọi tắt là sách *Trị yếu*) lấy từ trong Kinh, Sử, Tử. Sách này hiện còn nguyên bản, vào thế kỷ XIII Tây lịch, tại nước Nhật thời tướng quân Bắc Điều Thực, đời thứ 5 Mạc phủ Liêm Thương (cũng gọi là thời đại Kim Trạch) đã lưu trữ tại văn khố Kim Trạch bản sao bộ sách này, gọi tắt là bản **Kim Trạch văn khố**. Nhật bản niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ hai (1616 CN), lại có bản Tuấn Hà viết chữ Đồng Hoạt, lưu trữ gọi tắt là bản “**Nguyên Hòa**”. Nhật bản niên hiệu Thiên Minh nguyên niên (1781 CN) bắt đầu khắc bản, đến niên hiệu Thiên Minh thứ 6 (1786 CN) thì hoàn thành, in ra để lưu hành, gọi tắt là bản “**Thiên Minh**”.

Thời Trung Hoa Dân quốc, Thương Vụ ấn thư quán dựa theo bản Thiên Minh cho khắc in sách này ở Trung Hoa, gọi tắt là bản “**Thương Vụ**”. Điển tịch theo mục lục các bản Nguyên Hòa, Thiên Minh tổng cộng 67 bộ. Nhưng quyển 46 bản Kim Trạch văn khố riêng có phần tuyền văn “Thời vụ luận”, nội dung thì chính là hai đoạn cuối cùng của “Thế luận” thuộc quyển 48 bản Nguyên Hòa, Thiên Minh. Cho nên điển tịch mà sách “Trị yếu” thâm nạp thật sự là 68 bộ. Chia ra 50 quyển như sau:

“Chu dịch”, “Thượng thư”, Mao thi”, “Xuân Thu Tả thị truyện”, “Lễ ký”, “Chu lễ”, Chu thư”, “Quốc ngữ”, “Hàn thi ngoại truyện”, “Hiếu

kinh”, “Luận ngữ”, “Khổng Tử gia ngữ”, “Sử ký”, “Ngô Việt xuân thu”, “Hán thư”, “Hậu Hán thư”, “Ngụy chí”, “Thục chí”, “Ngô chí”, “Tấn thư”, “Lục thao”, “Âm mưu”, “Chúc Tử”, “Quản Tử”, “Yến Tử”, “Tư Mã pháp”, “Tôn Tử”, “Lão Tử”, “Hạt Quan Tử”, “Liệt Tử”, “Mặc Tử”, “Văn Tử”, “Tăng Tử”, “Ngô Tử”, “Thương Quân Tử”, “Thi Tử”, “Thân Tử”, “Mạnh Tử”, “Thận Tử”, “Doãn Văn Tử”, “Trang Tử”, “Úy Liâu Tử”, “Tôn Khanh Tử”, “Lã Thị Xuân Thu”, “Hàn Tử”, “Tam lược”, “Tân ngữ”, “Giả Tử”, “Hoài Nam Tử”, “Diêm thiết luận”, “Tân tự”, “Thuyết uyển”, “Hoàn Tử tân luận”, “Tiềm phu luận”, “Thôi thực chính luận”, “Xương ngôn”, “Thân giám”, “Trung luân”, “Điển luận”, “Thời vụ luận”, “Lưu Quảng chính luận”, “Tương Tử”, “Chính yếu luận”, “Thế luận”, “Điển ngữ”, “Truyền Tử”, “Viên Tử thư”, “Bào Phác Tử”.

Ngụy Trưng là quan đại thần thời Sơ Đường, ông đã dựa vào 68 bộ nguyên gốc mà biên tập sách “Trị yếu” này, đều là cổ tịch kinh điển kể từ niên hiệu Đường Trinh Quán vua Lý Thế Dân trở về trước. Một số cách dùng chữ của các cổ tịch ấy, so với các sách xuất bản ngày nay có sự sai khác. Ví như cổ tịch trong sách *Luận ngữ* có câu “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên”, còn tập lục *Luận ngữ* trong sách *Trị yếu* này thì viết “Ngã tam nhân hành, tất đắc ngã sư yên”. Đó là sách *Trị yếu* coi trọng giá trị văn hóa, nhằm bảo lưu nguyên mạo của cổ tịch thời Sơ Đường. Bộ sách *Quần thư trị yếu 360* hệ thống nguyên văn và cách dùng chữ của tuyển văn đã biên tập, đều trích từ bản “Thiên Minh”. Khi chú thích và dịch cũng đồng thời tham khảo bản “Thương vụ” cũng như bản thông hành tương quan với điển tịch. Nhưng 360 điều kinh cú đã trích ra, trừ đối chiếu sao chép nguyên văn *Trị yếu* ra, đồng thời sao chép những chú thích nhỏ, cũng như sao chép ghi nhận sửa chữa của bản “Thiên Minh”, đồng thời cũng tham khảo bản “Thương vụ” đã hiệu đính.

Sách *Trị yếu* bằng phương thức sao chép nguyên văn của 68 bộ điển tịch, là trích tuyển phân đoạn trong đó, sau đó cắt giảm và gia thêm câu từ các phân đoạn ấy làm cho cô đọng hơn. Ví như thiên “Lễ vận đại đồng” của sách *Lễ ký* làm thành: [*Đại đạo chi hành dã, thiên*

hạ vi công, tuyển hiền dữ năng, cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở duyên, ấu hữu sở trưởng, người quan quả cô độc [phế tật, đều có sở dưỡng, thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác gọi là đại đồng] Nếu độc giả muốn thâm nhập để hiểu hết 68 bộ điển tịch thì cần phải đọc kỹ toàn văn các điển tịch.

II. Tự thể, tự hình:

Sách này áp dụng chữ Hán chính thể, đối với chữ khắc bản lần lộn trong nguyên văn, như chữ dĩ 己, chữ kỷ 己, chữ ty 巳, chữ viết 日... gần giống, thì hiểu theo ý văn, không nêu ra hiệu ký. Mà những chữ dị thể trong nguyên văn, trừ tên người, tên đất ra, cơ bản đều vốn trứ tác theo nguyên tắc số đông, nguyên tắc thói quen, được thay làm chữ thường dùng hiện nay, số ít chữ thông dụng, cũng đổi làm chữ thường dùng hiện nay. Hiện đem những chữ đã sửa, trình bày như sau (dưới đây những chữ có trong ngoặc đơn () là trích từ nguyên văn bản Thiên Minh, còn những chữ không trong ngoặc đơn là chữ sách này hiện dùng).

Các chữ có hai cách viết như:

- Lữ 呂 và chữ (呂) nhưng không có phẩy nối 2 chữ Khẩu 口
- Cử 舉 và chữ (舉)
- Tượng 象 và chữ (象) giống chữ Thoán 豕
- Giả 者 và chữ (者) có chấm trên chữ Viết 日
- Quần 群 và chữ (羣)
- Kê 稽 và chữ (嵇)
- Tức 即 và chữ (卽)
- Vi 為 và chữ (爲)
- Dự 豫 và chữ (豫) có chữ Thoán 豕 bên phải

- Huống 況 và chữ (况)
- Nhĩ 爾 và chữ (尔)
- Vị 謂 và chữ (謂) có chữ Nhật 日 nhỏ góc phải dưới.
- Thỉnh 請 và chữ (請) viết hơi khác
- Thường: 嘗 và chữ (嘗) bên dưới là bộ khẩu 口 + cam 甘
- Tiết: 節 và chữ (節) bên phải viết hơi khác
- Kiêm: 兼 và chữ (兼) có bộ Bát trên đầu
- Giáo: 教 và chữ (教)
- Tình: 情 và chữ (情) có chữ Thanh 青 dạng viết khác
- Ngụy: 偽 và chữ (偽)
- Tường: 牆 và chữ (墙)
- Lận: 吝 và chữ (慳)
- Tàm: 慚 và chữ (慙)
- Cải: 改 và chữ (改) có chữ Ty 巳 bên trái.
- Phúc: 覆 và chữ (覆) có bộ Á 兩 trên đầu.
- Thông: chữ không phải Tịch và chữ (聰) có chữ Tịch
- Thận: 慎 và chữ (慎)
- Điển: 典 và chữ (典) với Khúc 曲 trên, Bát 八 dưới
- Khiên: 愆 và chữ (譽)
- Kỷ: 紀 và chữ (紀) thay Dĩ 巳 bên phải
- Thanh: 清 và chữ (清) không phải chữ Thanh 青 bên phải.
- Sĩ 恥 và chữ (耻)

- Chúng 眾 và chữ (衆)
- Khải: 啟 và chữ (啓)
- Sủng: 寵 và chữ (寵) thay bộ Mịch 冫 trên đầu
- Du 俞 và chữ (俞) viết hơi khác
- Bang: 邦 và chữ (邦) bên phải không trời đầu
- Gian: 姦 và chữ (奸)
- Ô: 汙 và chữ (汚)
- Mầu: 畝 và chữ (畝)
- Mông: 蒙 và chữ (蒙) không có bộ thảo đầu
- Trục: 直 không có nét sổ trái và chữ (直)
- Hiệu 校 và chữ (校)
- Tích: 跡 và chữ (迹)
- Khanh: 卿 và chữ (卿) viết hơi khác
- Tiếu: 笑 và chữ (笑) thay bộ Trúc 竹 thành bộ Khẩu 口 bên trái
- Bao 褒 và chữ (褒)
- Toán 算 và chữ (算)
- Bá 霸 và chữ 霸
- Tập 緝 thay bộ Mịch thành bộ Mộc 木 và chữ (戢) thêm bộ Mộc bên trái
- Trụ 胄 và chữ (胄) với bộ Nhật 日 bên dưới
- Phi: 妃 và chữ (妃) thay chữ Ty 巳 bên phải
- Mọt 沒 và chữ (沒) viết hơi khác

- Tượng 獎 và chữ (獎) có bộ Cửng 卅 bên dưới
- Quỹ 軌 và chữ (軌) thay bộ Kỷ 几 bên phải
- Trấn: 鎮 và chữ (鎮)
- Mặc 默 và chữ (默) với bộ Hỏa 火 dưới toàn chữ
- Tổng 總 và chữ (總) viết hơi khác
- Diêm: 閻 và chữ (閻) viết hơi khác
- Đố 妒 và chữ (妬)
- Tịnh 並 và chữ (並) viết hơi khác
- Khấu 寇 và chữ (寇)
- Du 踰 và chữ (Du) viết hơi khác
- Khái 慨 và chữ (慨) viết hơi khác
- Kỳ 既 và chữ (既)
- Bạt 拔 và chữ (拔) viết hơi khác
- Nùng 冗 và chữ (冗) thay bộ Nhân 儿 bên dưới
- Truất 黜 và chữ (黜) với bộ Hỏa 火 dưới toàn chữ
- Trắc 陟 và chữ (陟)
- Hàm 咸 và chữ (咸) thay bộ Khẩu 口 bằng bộ Viết 冫
- Hy 熙 và chữ (熙) thêm bộ Băng 礻 bên trái
- Tinh 精 và chữ (精) có chữ Thanh 青 bên trái hơi khác
- Minh 冥 và chữ (冥) thay bộ Miên 冫 bên trên
- Khí 棄 và chữ (弃)
- Đệ 弟 và chữ (弟) với chữ Bát 八 trên đầu

- Kị 忌 và chữ (忌) với chữ Ty 巳 trên chữ Tâm 心
- Tân 賓 và chữ (賓) viết hơi khác
- Lỗ 虜 và chữ (虜) viết hơi khác
- Biệt 別 và chữ (別) viết hơi khác
- Tĩnh 靜 và chữ (靜) viết hơi khác
- Tuấn 俊 và chữ (儁)
- Sách 策 và chữ (策) viết hơi khác
- Phối 配 và chữ (配) với chữ Tị 巳 bên phải
- Trí 寘 và chữ (寘) viết hơi khác
- Trí 置 và chữ (置) viết hơi khác
- Lạm 濫 và chữ (濫) thay bộ Bãng ㄩ̇ bên trái
- Cử: bộ Thảo 艹 trên chữ Lữ 呂 và chữ (莒)
- Nỗ 餽 và chữ (餽) thay chữ Ủy 委 bên phải
- Huyền 懸 và chữ (懸) viết hơi khác
- Tự 敘 và chữ (叙)
- Đồ 睹 và chữ (覩)
- Thế 涕 và chữ (涕) viết hơi khác
- Sậu 驟 và chữ (驟) viết hơi khác
- Cung 宮 và chữ (宮) nhưng không có phẩy nối 2 chữ Khẩu 口
- Tĩnh 靖 và chữ (靖) viết hơi khác
- Xan 餐 và chữ (飡)
- Miết 鰲 và chữ (鰲)

- Khước 卻 và chữ (却)
- Biền 徧 và chữ (徧)
- Lân 鄰 và chữ (隣)
- Hôn 昏 và chữ (昏)
- Dụ 喻 và chữ (喻) viết hơi khác
- Súc 飾 và chữ (飾)
- Sơ 疏 và chữ (疎)
- Triếp 輒 và chữ (輒)
- Tùg 叢 và chữ (叢)
- Thực 植 và chữ (植) viết hơi khác
- Hương 鄉 và chữ (鄉)
- Tai 災 và chữ (灾)
- Chướng 障 và chữ (鄣)
- Úy 畏 và chữ (畏) viết hơi khác.
- Phụ 負 và chữ (負) viết hơi khác
- Khái 概 và chữ (槩)
- Ninh 寧 và chữ (寧) viết hơi khác
- Tư 胥 và chữ (胥) với bộ nhật 日 bên dưới
- Câu 鈎 và chữ (鈎)
- Đấu 鬥 và chữ (鬪)
- Nhiễm 染 và chữ (染) viết hơi khác
- Thùy 垂 và chữ (垂) viết hơi khác

- Chỉ 旨 và chữ (旨) viết hơi khác
- Tầm 尋 và chữ (尋) viết hơi khác
- Kháng 抗 và chữ (抗) với bộ Nhân 儿 bên dưới
- Hác 壑 và chữ (壑) viết hơi khác
- Khiết 潔 và chữ (潔) thay bộ Thủy 氵 thành Băng 冫
- Đọa 墮 và chữ (墮) viết hơi khác
- Xu 趨 và chữ (趨)
- Ký 記 và chữ (記) nhưng thay chữ kỷ 己 thành Tị 巳
- Ly 釐 và chữ (釐) viết hơi khác
- Huyện 縣 và chữ (縣) viết hơi khác
- Hồi 迴 và chữ (廻)
- Tư 廝 và chữ (廝)
- Cử 糾 và chữ (糾)
- Chuẩn 準 và chữ (准)
- Khác 慤 và chữ (慤)
- Nhận 刃 và chữ (刃) viết hơi khác
- Bộ 步 và chữ (步)
- Phạt 罰 và chữ (罰)
- Sắc 敕 và chữ (勅)
- Vị 渭 và chữ (渭) viết hơi khác
- Minh 萌 và chữ (萌) dưới bộ Thảo 艹 là chữ Bằng 朋
- Nghiệt 藥 và chữ (藥)

- Dũ 愈 và chữ (愈) viết hơi khác
- Kỳ 期 và chữ (期) viết hơi khác
- Dĩnh 穎 và chữ (穎)
- Lệ 隸 và chữ (隸)
- Bán 擯 và chữ (擯) viết hơi khác
- Lang 郎 và chữ (郎)
- Kiếp 劫 và chữ (劫)
- Triều 晷 và chữ (晷) nhưng bên dưới chữ Viết 日 là bộ mãnh 黽
- Lũng 壘 và chữ (壘)
- Hiếu 孝 và chữ (孝) viết hơi khác
- Võng 網 và chữ (網) viết hơi khác
- Bảo 寶 và chữ (寶) với bộ Ngọc 王 bên trái và bộ Phũu 缶 bên phải
- Hôn 婚 và chữ (Hôn) với bộ Nữ 女 bên trái và chữ Hôn 昏 bên phải
- Cao 皋 và chữ (皋)
- Kỳ 暨 và chữ (暨)
- Vị 喟 và chữ (喟) viết hơi khác
- Liễn 斂 và chữ (斂) nhưng thay bộ Phọc bên phải thành bộ Khiếm 欠

III. Tiêu điểm:

Quần thư trị yếu của bản Kim Trạch Văn Khố, bản Nguyên Hòa không có ngắt câu. Ngắt câu của bản Thiên Minh toàn bộ dùng dấu

chấm “ \ ” làm tiêu chí. Ngắt câu của sách này chủ yếu tham khảo bản Thiên Minh, cá biệt có nơi dựa theo bản Thương Vụ hoặc những điển tịch giáo khoa hiện hành mà sử dụng ngắt câu. Toàn sách này đều áp dụng lối dấu chấm câu hiện hành.

IV. Chú thích và nguyên tắc phiên dịch:

Chú thích của sách này cố gắng làm thành văn xuôi rõ ràng. Nếu tiểu chú đối với từ ngữ của nguyên văn vốn đã có giảng giải, trên nguyên tắc là không đưa ra trùng lặp trong chú thích nữa. Dịch văn thì áp dụng theo cách kết hợp dịch thẳng (Trực dịch) và dịch ý. Dịch xong nếu cảm thấy chưa viên mãn, ắt sau văn dịch cần phát huy chút chút, thì để độc giả tham khảo thêm tinh thần của các bậc tiên hiền.

V. Thuyết minh về việc sắp xếp Mục lục và Tuyển câu

Mục lục của sách *Trị yếu* là đem tên các sách nằm trong các quyển (Điển tịch) trình ra theo thứ tự, mà sách *Quần thư trị yếu 360* thì trình bày văn tuyển, rồi qua thảo luận trong tổ thành viên biên tập cho nghiêm chỉnh khái quát thành sáu điều đại cương: **Quân đạo, Thần thuật, Quý đức, Vi chính, Kính thận, Minh biện**. Dưới mỗi điều đại cương lại quy nạp những luận thuật trọng điểm tương quan của sách *Trị yếu* để làm thành mục lục chi tiết.

Những câu được tuyển trong mỗi cương mục của sách *Quần thư trị yếu 360* tuy là trích lục theo 68 bộ không cùng điển tịch, nhưng đều từ những góc độ khác nhau thể hiện nội hàm của các cương mục ấy. Tuy có một số văn nội dung quy dưới điều mục nào đó, nhưng nội hàm của nó cũng luận bàn đến nhiều phương diện, nên khi độc giả xem đến, không nên câu thúc vào trong một điều mục riêng nào, mà nên mở rộng tư duy thích nghi. Ngoài ra, tổ biên tập trong khi sắp xếp thứ tự trước sau của những câu trong mỗi cương mục, đều không chiếu theo thứ tự trước sau của số quyển gồm chứa những câu đã tuyển chọn. Có những câu chỗ luận giải rất dài, để trình bày hoàn

chỉnh tư tưởng trong đó, cũng tiện cho độc giả lý giải toàn diện mà phân đoạn trình bày, nhưng trên dưới thì gắn liền ý tưởng lẫn nhau.

Hy vọng với phương thức thể hiện cách Tuyển câu và Cương mục của sách này, có khả năng hữu hiệu giúp cho độc giả lĩnh hội tinh thần của toàn bộ sách *Quần thư trị yếu*.

VI. Thuyết minh bài bản:

Mỗi câu tuyển trong sách này, phân ra ba phần là Nguyên văn, Chú thích, Bạch thoại (dẫn giải). Tiểu chú trong nguyên văn sách *Trị yếu* dùng phương thức trình bày “Giáp chú” (chưa, chú thích ngay câu đó, không để cuối) song hành. Ghi nhận hiệu đính số trang, dòng trong bản “Thiên Minh” thì hiện đổi vào trong nguyên văn, cũng trình bày theo phương thức “giáp chú” song hành; để chỉ rõ riêng biệt phần hiệu đính này, mà dùng thêm dấu ngoặc đơn ().

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tổ biên tập sách *Quần thư trị yếu 360*

Cẩn thức

Nguyên văn:

壹：君道

一：修身

甲：使命

—

人主執民之命。執民之命，仲任也，不得以快志。（卷三十九，呂氏春秋）。

Phiên âm:

CƯƠNG MỤC ĐỆ NHẤT: QUÂN ĐẠO

NHẤT: TU THÂN

GIÁP: Sứ mệnh

1

Nhân chủ chấp dân chi mệnh (1). Chấp dân chi mệnh, trọng nhiệm đã, bất đắc dĩ khoái chí (2). (Quyển 39 - Lã Thị Xuân Thu)

Chú thích:

(1) Chấp dân chi mệnh: Được dân giao quyền chưởng quản mệnh vận đất nước. Chấp nghĩa là chưởng quản.

(2) Bất đắc dĩ khoái chí: Không được bừa bãi phóng túng làm việc theo ý riêng. Khoái chí, thuận theo ý mình tức làm việc bừa bãi không theo ý chung.

Diễn giải

Nhà vua nắm trong tay vận mệnh của bách tính, nắm trong tay vận mệnh của toàn bộ nhân dân trong nước mình, là người chịu trách nhiệm vô cùng trọng đại, cho nên không được hành sự theo ý riêng.

(Theo sách Lã Thị Xuân Thu - Quyển 39)

Nguyên văn:

二

大舜招二八唐朝, 投四凶於荒裔. 殛鯀不嫌登禹親二也; 舉子不為宥父, 遠惡也. 以能昭德立化, 為百王之命也. (卷四十八, 典語).

Phiên âm:

2

Đại Thuấn chiêu nhị bát (1) ư Đường triều (2), đầu tứ hung (3) ư hoang duệ (4), Cúc (5) Cồn (6) bắt hiềm (7) đặng (8) Vũ thân nhân dã; Cử tử bất vi hựu (9) phụ, viễn ác dã. Dĩ năng chiêu đức lập hóa, vị bách vương chi mệnh dã. (Quyển 48 - Điển ngữ).

Chú thích:

(1) Nhị bát: 16 vị lương thần thời vua Nghiêu được gọi là “Bát nguyên bát khải”, tức 8 vị có phẩm đức mỹ thiện, 8 vị có khả năng làm cho nhân dân đoàn kết hòa mục, họ chia nhau giáo hóa nhân dân [cha thì nghĩa, mẫu thì từ, anh thì thân mật với em, em thì cung kính với anh, con cháu có hiếu]. Họ bồi dưỡng các mỹ đức [trung chính, bát đạt, hoàng đại, châu tường, minh trí, khả tín, hậu đạo, thành thực]. Sách *Tả truyện - Văn công thập bát niên* viết: “Họ Cao Tân có 8 đứa con trai tài năng là Bá Phấn, Trọng Kham, Thúc Hiến, Quý Trọng, Bá Hồ, Trọng Hùng, Thúc Báo, Quý Ly. Người trong thiên hạ gọi họ là bát nguyên: *Trung, túc, cộng, ý, tuyên, từ, huệ, hòa*. Sách *Chính nghĩa* của Khổng Dĩnh Đạt thời nhà Đường viết: “Nguyên là thiện, là nói làm việc thiện”. Sách *Tả truyện - Văn công thập bát niên* viết: “Xưa họ Cao Dương có 8 người con trai tài năng là Thương Thu, Đồi Nhai, Đào Diễn, Đại Lâm, Mang Giáng, Đình Kiên Trọng Dung, Thúc Đạt họ đều là *tề, thánh, quảng, uyên, minh, duẩn, đốc, thành*, Người trong thiên hạ gọi họ là bát khải”. Sách *Chính nghĩa* của Khổng Dĩnh Đạt thời nhà Đường viết: “Khải, nghĩa là hòa, ý nói là hòa với vật”.

(2) Đường triều: Chỉ triều vua Đường Nghiêu. Nghiêu, họ Y Kỳ, thị tộc Đào Đường; Tên là Phóng Huân, ban đầu ở nơi hoang vu

xứ Đào, sau chuyển đến xứ Đường (nay là Lâm phân và Tương phân), cho nên được gọi là Đường Nghiêu.

(3) Tứ hung: Theo truyền thuyết thần thoại của tộc người Hán thì bốn vị hung thần bị vua Thuấn đày đi tứ phương. Trong sách *Thượng thư* và sách *Tả truyện* đều có đề cập đến tứ hung, nhưng nội dung không khác nhau. Sách *Thượng thư - Thuấn điển* ghi rằng tứ hung là Cung Công, Hoan Đâu, Cồn, họ Hữu Miêu. Sách *Tả truyện - Văn công thập bát niên* viết: “Vua Thuấn vốn là bề tôi vua Nghiêu, là khách ở tứ môn, đày họ Tứ Hung là Hồn Đôn, Cung Kỳ, Đào Ngột, Thao Thiết tới miền ngoài biên giới xa xôi, dùng chúng chống yêu quái si mị”. Sách *Sử ký - Quyển I - Ngũ đế bản kỷ đệ nhất* ghi: “Hoan Đâu tiến cử Cung Công, Vua Nghiêu nói, chưa được mà nên giao việc để thử trước, quả nhiên Cung Công dâm tịch. Tứ Nhạc cử Cồn trị hồng thủy, vua Nghiêu cho là không thể, Tứ Nhạc năn nỉ xin cho Cồn làm thử, làm thử mà không thành công nên nhân dân không tin. Tộc người Tam Miêu miền Giang Hoài, Kinh Châu, mấy lần nổi loạn, ông Thuấn đem việc ấy tâu lên vua Nghiêu, cho lưu đày Cung Công đến U Lăng để ứng biến chống Bắc Địch, biếm trích Hoan Đâu đến Sùng Sơn để ứng biến chống Nam man, cho dời Hữu Miêu đến Tam Ngụy để ứng biến chống Tây Nhung, buộc Cồn đến Nhược Sơn để ứng biến chống Đông Di. Bố trí đúng bốn tên tội phạm ấy thì thiên hạ ổn định. Đây là một công tích rất lớn của ông Thuấn, trong việc sử dụng Tứ hung vào việc ích nước lợi nhà.

(4) Hoang duệ: Chỉ một miền đất ở ngoài biên giới xa xôi.

(5) Cức: Là kẻ ác thời thượng cổ, cũng có nghĩa là giết chết.

(6) Cồn: Là nhân vật thời thượng cổ, vốn là hậu đại của vua thủy tổ tộc Hán là Hoàng Đế, là cha của vua Vũ sau này, từng phụ trách việc trị lý hồng thủy, nhưng cuối cùng thất bại. Sách *Sơn Hải kinh - Hải nội kinh* viết: “Cồn trộm tức nhượng của vua để lấp hồng thủy, tức nhượng là một loại thổ những nở phình lớn đến vô hạn. Cồn không chờ mệnh lệnh của vua Thuấn kết quả vua sai thần Chúc Dung giết chết Cồn ở Vũ Sơn.

(7) Hiêm: Tị kỵ, ghen ghét.

(8) Đăng: Đăng dung, tức là tin dùng.

(9) Hựu: Khoan dung, tha thứ, rộng lượng.

(10) Bách vương chi mệnh: Di mệnh của tiên vương. Có nghĩa là công việc chưa xong của đời vua trước giao lại.

Diễn giải:

Vua Thuấn chiêu mộ được “Bát nguyên” (8 người con tài giỏi nhà Cao Tân) và chiêu mộ được “Bát khái” (tức 8 người con tài giỏi nhà Cao Dương), làm việc cho triều nhà Đường của vua Nghiêu, đầy bọn tứ hung đi đến những miền đất xa xôi hoang vu ngoài biên thùy, cho giết Cỗ mà không ngại tuyển dụng người con của Cỗ là Vũ. Đó là người gần với đức nhân. Để phạt người con mà không tha tội của người cha là rời bỏ tà ác, cho nên có khả năng làm sáng tỏ đạo đức, dựng cao sự giáo hóa, kế thừa di mệnh của tiên vương.

(Theo sách **Điển ngữ - Quyển 48**)

Nguyên văn:

三

賁. (象) 曰：[山下有火，賁。君子以明庶政，無感折獄。 (卷一，周易)。

Phiên âm:

3

Bí, (tượng) viết: [sơn hạ hữu hỏa, bí (1). Quân tử dĩ minh thứ chính, vô cảm chiết ngục (2). (Khi vật bị thì xú văn minh, không dùng cực hình, nên người quân tử làm rõ chính thứ mà không chiết ngục. (**Chu dịch - Quyển 1**).

Chú thích:

(1) Sơn hạ hữu hòa: Dưới núi có lửa; Bí: Tượng của quẻ Bí,

trên là cấn ☶ (cấn làm núi), dưới là ly ☲ (ly làm lửa), quẻ Bí trên cấn dưới ly, ly hòa làm sáng rõ, cấn núi là đứng yên [chỉ], vẫn minh mà có tiết chế. Bí, trang điểm [văn sức, tu sức]. Sách “Chu dịch tập giải”, dẫn Vương Diệc nói: “Dưới núi có lửa, là văn tướng chiếu. Sơn làm thể, hai ngọn núi chống lên cao, đỉnh nhọn chơm chớm so le. Hình thể như là đã được sắp xếp tô điểm vậy. Lại thêm ánh lửa chiếu rọi, trông đẹp lung linh, là tượng của quẻ Bí].

(2) Dĩ minh thứ chính, vô cảm chiết ngục: Đó là vì bình tĩnh sáng suốt [quân tử] xem tượng của quẻ Bí, ngộ ra là nên dùng [văn minh] quản lý chính, không thể dùng màu mè [văn sức] (thông qua trang điểm, nguy trang vẻ vẻ bề ngoài hoặc sự vật) [đoạn ngục]. Chiết, phán đoán, tài quyết. Sách “Chu Dịch chính nghĩa” có câu: “Dĩ minh thứ chính” nghĩa là dùng loại văn chương minh đạt ấy để trị lý nhân dân. “Vô cảm chiết ngục” có nghĩa là không được trực dụng quả cảm, trong xử kiện [chiết ngục]. Sách *Chu Dịch thiên giải* viết: “Bí không là lúc xử kiện. Thứ chính chưa [cầu] rõ thì có thể dân không nghe theo.

Diễn giải:

Lời tượng của Quẻ Bí viết: “Tượng của quẻ Bí *dưới ly* (hóa) *trên cấn* (núi), là lửa dưới núi bốc ngọn (hoặc chiếu sáng). Dưới núi chiếu sáng thì trên núi vạn vật được tươi tốt, cỏ cây tỏa ra ánh sáng, đó gọi là tô điểm [văn sức]. Người quân tử, từ trong đó được khái thị, dùng chế độ văn minh để khai minh chính lệnh, khiến cho dân chúng không ai là không theo, mà không phải thông qua tô điểm màu mè (hiện tượng bề mặt), mạnh mẽ phán quyết để cai trị thiên hạ.

(Theo sách **Chu dịch** - Quyển 1)

Nguyên văn:

四

夫高顯尊貴，利天下之徑也，非仁者之所以輕也。何以知其然耶？日之能燭遠，勢高也，使日在井中，則不能燭十步矣。舜之方陶也，不能利其巷下；南面而君天下，蠻夷戎狄，皆被其福。目在足下，則不可以視矣。天高明，然後能燭臨萬物；地廣大，然後能載任群體。其本不美，則其枝葉莖心不得美矣。此古今之大徑也，是故聖王謹脩其身，以君天下，則天道至焉，地道稽焉，萬物度焉，（卷三十六，尸子，明堂）。

Phiên âm:

4

Phù cao hiển tôn quý, lợi thiên hạ chi kính (1) dã, phi nhân giả chi sở dĩ khinh (2) dã. Hà dĩ tri kỳ nhiên da (3)? Nhật chi năng chúc (4) viễn, thế cao dã. Sử nhật tại tỉnh trung, tắc bất năng chúc thập bộ hỹ. Thuấn chi phương Đảo (5) dã, bất năng lợi kỳ hạng hạ; Nam diện chi quân thiên hạ, man di nhung địch, giai bị kỳ phúc (6). Mục tại túc hạ, tắc bất khả dĩ thị hỹ. Thiên cao minh, nhiên hậu tắc chúc lâm vạn vật; Địa quảng đại, nhiên hậu năng tải nhiệm quần thể. Kỳ bản bất mỹ, tắc kỳ chi diệp hành [ngọn lá cỏ] tâm bất đắc mỹ hỹ. Thử cổ kim chi đại kính dã; Thị cố thánh vương cẩn tu kỳ thân, dĩ quân thiên hạ, tắc thiên đạo chí yên, địa đạo khể yên vạn vật độ yên. (Quyển 36 - Thi Tử - Minh đường).

Chú thích:

- (1) Lợi thiên hạ chi kính: Vì sự nghiệp [đỗ kính] mưu tính lợi ích cho thiên hạ. Kính, tỉ dụ phương pháp hoặc quá trình để đạt đến mục đích.
- (2) Phi nhân giả chi sở dĩ khinh: Không phải là bậc chí sĩ có đức nhân thì dễ gì.
- (3) Hà dĩ tri kỳ nhiên da: Căn cứ vào đâu để biết người như vậy?
- (4) Chúc: Động từ có nghĩa là chiếu sáng.

(5) Thuấn chi phương Đào: Vua Thuấn khi còn giữ chức Đào công. Phương: tại, đương. Sách *Mặc tử* viết: “Ngày xưa Thuấn cày ruộng Lịch Sơn, bến Đào hà, ngư lôi trạch, Nghiêu đăc chi phục trạch chi dương, giao nắm quyền chính trị, thiên hạ bình”.

(6) Bị kỳ phúc: Mong được hưởng phước trạch của người ta; Bị: Minh được nhận, tao ngộ. Kỳ: Đại từ chỉ Thuấn.

Diễn giải:

Người có địa vị cao quyền lực vinh hiển, là người mưu tính làm lợi cho thiên hạ, nếu không là bậc chí sĩ có đức nhân thì không thể như vậy. Thế thì làm sao biết được người như vậy? Ánh mặt trời sở dĩ có khả năng rọi khắp mặt đất là vì ông mặt trời ở tí trên cao. Giả sử ông mặt trời ở trong đáy giếng, thì ánh sáng của nó chiếu sáng chưa xa tới mười bước. Ông Thuấn khi còn làm chức Đào Công, chẳng thể làm được điều gì tốt cho mình và cho nhân dân dưới quyền cai trị của mình. Một khi lên làm vua một nước, thì nhân dân bốn phương cho đến bọn man di nhưng địch cũng đều được hưởng phước trạch. Người có con mắt ở nơi gót chân thì không thể thấy được xa. Ông mặt trời tỏa sáng từ trên cao, thì mới chiếu khắp vạn vật. Mặt đất rộng lớn thì mới có thể chứa hết được quần thể, như là rễ của loài thực vật, không ăn sâu thì cành lá làm sao vươn dài xanh tốt cho được. Đó là đại đạo trị lý thiên hạ xưa nay vậy. Vì thế, các bậc vua chúa thánh hiền, nghiêm chỉnh tu dưỡng bản thân trong việc cai trị thiên hạ, đó gọi là “*Thiên đạo khả chí, địa đạo khả hợp, vạn vật hữu độ vậy*”.

(Theo sách **Thi Tử - Minh đường - Quyển 36**)

Nguyên văn:

五

人主者, 温良寬厚, 則民愛之; 整齊嚴莊, 則民畏之. 故民愛之則親, 畏之則用. 管民身親而為用, 主之所急也. 故曰: (且懷且威, 則君道備矣). (卷三十二, 管子, 形勢解).

Phiên âm:

5

Nhân chủ giả, ôn lương khoan hậu, tắc dân ái chi, chỉnh tề nghiêm trang, tắc dân úy chi. Cố dân ái chi tắc thân, úy chi tắc dụng. Phù dân thân nhi vi dụng chủ chi sở cấp (1) dã. Cố viết: [Thả hoài thả uy (2), tắc quân đạo bị hỹ]. (**Quyển 32 - Quản Tử, Hình thế giải**).

Chú thích:

- (1) Cấp: Nhu yếu bức thiết.
- (2) Thả hoài thả uy: Vừa được yêu mến vừa có uy quyền.

Diễn giải:

Nhà vua là người ôn hòa, lương thiện, khoan hậu, nhân dân đều yêu mến kính trọng vua của mình. Nhà vua đoan trang nghiêm túc, khiến dân chúng kính sợ, cho nên nhân dân yêu mến vua, gần gũi vua, kính sợ và ra sức làm việc vì vua. Nhân dân thân cận ra sức làm việc, chính là các nhu yếu bức thiết của nước nhà. Thế cho nên có câu “Vừa gần gũi vừa có uy, thì đạo làm vua hoàn bị vậy”.

(Theo sách **Quản Tử - Hình thế giải - Quyển 32**)

Nguyên văn:

六

文王曰：“吾地小而人寡，將何以得之？” . 太公曰：“可. 天下有地，賢者得之；天下有粟，賢者食之；天下有民，賢者收之，天下者非一人之天下也，莫常有之，唯賢者取之” . (卷三十一，六韜，武韜).

Phiên âm:

6

Văn Vương viết: “Ngô địa tiểu nhi dân quả, tương hà dĩ đắc chi?”. Thái Công viết: “Khả. Thiên hạ hữu địa, hiền giả (2) đắc chi; Thiên hạ hữu túc, hiền giả thực chi; Thiên hạ hữu dân, hiền giả thu chi. Thiên hạ giả, phi nhất nhân chi thiên hạ dã, mạc thường hữu chi, dy hiền giả thủ chi”. (Quyển 31 - Lục thao - Vũ thao).

Chú thích:

- (1) Hiền giả: Người có đức hạnh.
- (2) Túc: Lúa tẻ, chỉ lương thực.

Diễn giải:

Vua Văn Vương bảo: “Miền đất của ta nhỏ hẹp, dân số cũng ít, thì làm sao nắm được cả thiên hạ?”. Thái Công tâu: “Tất cả miền đất trong thiên hạ, người có đức hạnh mới có khả năng nắm hết được, lương thực trong thiên hạ, người có đức hạnh mới được hưởng, chỉ người có tài năng đức hạnh mới được cai trị con dân của mình. Thiên hạ hoàn chỉnh vừa không phải là thiên hạ của một cá nhân nào, vừa không thể được ủng hộ luôn luôn, chỉ người có đức hạnh mới có thể được người trong thiên hạ ủng hộ.

(Theo sách Lục thao - Vũ thao - Quyển 31).

Nguyên văn:

乙：戒貪

七

罔違道以干百姓之譽，罔拂百姓以從己之欲。無怠無荒，四夷來王。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

ẤT: Giới tham

7

Võng (1) vi đạo dĩ can (2) bách tính chi dự. Võng phát (3) bách tính dĩ tùng kỷ chi dục. Vô đãi vô hoang, tứ di (4) lai vương (5). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Võng: Không thể, không cần, muốn nói là cấm chỉ.
- (2) Can: Cầu mong.
- (3) Võng phát: Không thể vi phạm. Phát: Vi phạm, vi nghịch.
- (4) Tứ di: Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch. Tiếng gọi chung các tộc người không phải tộc Hán thời cổ đại.
- (5) Lai vương: Thời cổ đại chư hầu triều kiến thiên tử.

Diễn giải:

Không thể vi phạm chính đạo mà mong được nhân dân [bách tính] ca ngợi, không thể làm trái ý nguyện của nhân dân mà đòi được nhân dân làm theo mình, chỉ cần kiên trì thực hành chính sự không bê trễ, không lơ là, thì các tộc người di địch man mọi đều tìm đến quy thuận.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**).

Nguyên văn:

八

在昔殷先哲王，唯御事，弗敢自暇自逸，矧曰其敢崇飲？弗惟弗敢，亦弗暇。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

8

Tại tích Ân tiên Triết vương, duy ngự sự (1), phát cảm tự hạ (2) tự dật (3), thần (4) viết kỳ cảm sung (5) ẩm? Phát duy phát cảm (6), diệc phát hạ (7). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Ngự sự: Chính sự cai trị đất nước.
- (2) Hạ: Thông thả đã tình.
- (3) Dật: Thông thả, an vui.
- (4) Thần: Huống chi.
- (5) Sùng: Tự tập.
- (6) Phát duy phát cảm: Không chỉ không dám.
- (7) Phát hạ: Không có rảnh.

Diễn giải:

Ngày xưa bậc minh quân thời nhà Ân kiêng sợ thiên mệnh và nhân dân [bách tính], nên họ thi hành nền chính trị nhân đạo. Từ đời vua Thành Thang liên tục đến vua Đế Ất, vua sáng tôi hiền đều lo nghĩ tìm cách xử lý tốt việc nước, họ ban bố chính sách rất phù hợp với lòng dân, không dám tính đến chuyện vui sướng của chính mình. Không dám tự vui riêng, tự nhàn rỗi, nói chi đến chuyện tự tập rượu chè? Không những không dám, mà thực ra họ cũng không rảnh, không có thời giờ cho những việc như vậy..

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**).

Nguyên văn:

九

周公曰：“烏虘！子君所其無逸。先知稼穡之艱難，乃逸，則知小人之依”。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

9

Chu Công viết: “Ô hô! (1) Quân tử sở, kỳ vô dật (2). Tiên tri giá tường chi gian nan (3), nãi dật, tắc tri tiểu nhân chi y”. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Ô hô: Cũng viết là ư hồ. Ư hí, ô hồ, biểu thị cảm xúc lời than thở, cùng nghĩa với ôi.
- (2) Vô dật: Không tham luyến an nhàn.
- (3) Giá sắc: Chi gian nan: Chỉ việc nhà nông gian khổ, khốn nạn.

Diễn giải:

Ông Chu Công nói: “Này! Người quân tử giữ thân phận [vị] của mình, luôn luôn nhắc nhở mình tu dưỡng đức tính, không tham muốn nhàn hạ vui sướng riêng, trước chịu vất vả khổ nhọc trong công việc nhà nông thì sau mới no đủ nhàn hạ. Thế mới biết việc người dân mưu sinh không hề dễ dàng.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

十

成皇帝諱衍，字世根，明帝太子也。咸和七年，詔除諸養禽之屬

無益者. 集書令史夏侯盛表曰: “伏聞明詔悉除養熊虎之費, 舉朝曾慶, 咸稱聖主, 伏惟陛下, 未觀古今成敗之戒, 而卓爾玄覽, 明發自然, 遣除無益, 務在嗇民, 誠可謂性與天道, 生而知之”.
(卷二十九, 晉書上, 紀).

Phiên âm:

10

Thành hoàng đế hứ (1) Diễn, tự Thế Căn, Minh đế thái tử dã. Hàm hòa thất niên, chiếu trừ chư dưỡng cầm vô ích giả. Tập thư lệnh sử Hạ Hầu Thịnh biểu viết: “Phục (2) văn minh chiếu tất trừ dưỡng hùng hổ chi phí, cử triều tăng khánh, hàm xưng thánh chúa. Phục duy (3) Bệ hạ, vị quán cổ kim thành bại chi giới, nhi trác lưỡng huyền lãm (4), minh phát tự nhiên, khiến trừ vô ích, vụ tại sắc (5) dân, thành khả vị tính dĩ thiên đạo (6), sinh nhi tri chi. (Quyển 29 - Tấn thư thượng - Kỷ).

Chú thích:

- (1) Hứ: Ngày xưa, người ta tôn trọng không dám gọi thẳng hoặc viết đúng tên thật.
- (2) Phục: Dùng chó giữ cổng, dò xét người ra vào. Ở đây có ý nói đến sự dò xét. Là từ nói lên sự khiêm kính của người dưới đối với người trên.
- (3) Phục duy: Ý nói cúi người. Người dưới biểu thị tự thấy, hoặc là từ ngữ tôn kính đối với người trên. Rất thường dùng trong tấu chương, thư tín thời xưa.
- (4) Trác nhĩ huyền lãm: Chỉ việc rút ra các kinh nghiệm hay [trác việt siêu quần]. Nhĩ: Vĩ trợ từ: Vô nghĩa. Huyền lãm, xét kỹ, thấy xa [thâm sát, viễn kiến].
- (5) Sắc: Dè sẻn, tiết kiệm.
- (6) Tính dĩ thiên đạo: Tính là bản thể tự nhiên của thiên lý.

Diễn giải:

Vua Thành đế nhà Đông Tấn, tên là Tư Mã Diễn, là Thái tử

con vua Tấn Minh Đế. Vào niên hiệu Hàm Hòa thứ 7, (332 CN), vua Thành Đế hạ chiếu bãi bỏ việc chăn nuôi các loài dã thú vô dụng. Quan tập Thư lệnh là Hạ Hầu Thịnh dâng biểu tâu: “Nghe Bộ hạ hạ chiếu bãi bỏ việc nuôi các loài dã thú hổ báo vừa vô dụng vừa hao tổn, cả triều đình ca tụng Bộ hạ là thánh chúa. Bộ hạ chưa khảo sát những bài học từ sự thành bại hưng suy của các vương triều xưa nay, để rút ra bài học kinh nghiệm trác việt siêu quần, tự nhiên trời sinh cái tâm nhân hiếu, tự biết bỏ đi những gì vô dụng, tiết kiệm sức dân, đó mới đúng là thiên chất thuần mỹ, là bậc Thánh nhân sinh ra đã biết rồi [sinh nhi tri chi].

(Theo sách Tấn thư thượng - Kỷ - Quyển 29)

Nguyên văn:

十一

景公成路寢之臺，馮於何遭晏子於塗，再拜於馬前曰：“於何之母死，兆在路寢之臺牖下，願請合骨”。晏子曰：“嘻！難矣！雖然，嬰將為子復之”。遂入見公曰：“有逢於何者，母死兆在路寢，當牖下，願請合骨”。公作色不悅曰：“自古及今，子亦嘗聞請葬人主宮者乎？”晏子對曰：“古之君治其宮室節，不侵生人之居，其臺榭儉，不殘死人之墓。是生者愁憂，不得驩處；死者難析，不得合骨，豐樂侈遊，兼傲死生，非仁人之行也；遂欲滿求，不顧細民。（卷三十三，晏子，諫下）。

Phiên âm:

11

Cảnh Công thành (1) lộ tẩm chi đài (2), phùng Ư Hà ư đồ (4), tái bái ư mã tiền viết: “Ư Hà chi mẫu tử, triệu (5) tại lộ tẩm chi đài dã hạ (5), nguyện thỉnh hợp tang”. Yến Tử viết: “Hi! Nan hỹ! Tuy nhiên, Anh tương vi tử (8) phục chi”. Toại nhập kiến Công viết: “Hữu Bàng

Ư Hà giả, mẫu tử, triệu tại lộ tẩm, đương dũ hạ (6), nguyên thỉnh hợp cốt (7)". Công tác sắc bất duyệt viết: "Tự cổ cập kim, tử diệc thường văn thỉnh táng nhân chủ cung giả hồ?" Yến Tử viết: "Cổ chi quân trị kỳ cung thất tiết (9), bất xâm (10) sinh nhân chi cư; Kỳ đài tạ (11) kiệm (12). Bất tàn (13) tử nhân chi mộ, vị thường văn thỉnh táng nhân chủ cung giả dã. Kim quân xỉ (14) vi cung thất, đoạt nhân chi cư; Quảng vi đài tạ, tàn nhân chi mộ, thị sinh giả sấu ưu, bất đắc hoan (15) xú, tử giả ly tích, bất đắc hợp cốt. Phong lạc xỉ du (16), kiệm nhạo tử sinh (17), phi nhân nhân chi hành dã; Toại dục mãn cầu, bất cố tế dân (18) phi tổn chi đạo dã". (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián hạ**).

Chú thích:

(1) Cảnh Công: Vua nước Tề thời Xuân Thu, họ Khương tên Chủ Cữu, khi làm vua nổi tiếng dùng người tài là Án Anh làm phụ chính.

(2) Lộ tẩm chi đài: Cái nền đài của ngôi sảnh. Lộ tẩm: Các vị thiên tử, chư hầu thời xưa ăn ở nơi chính điện trong cung. Bài *Bí cung* thuộc thiên *Lỗ tụng* trong *Kinh Thi* có câu: "Tùng quyết, phương hình đích ốc chuyên [cây rui hình vuông], hữu tả [to lớn], lộ tẩm khổng thạc". Nhà thơ Lục Du thời nhà Tống trong sách *Lão học am bút ký* - Quyển 10 có câu "Cổ sở vị lộ tẩm, do kim ngôn chính sảnh dã".

(3) Bàng Ư Hà: Tên người, một ông lão người nước Tề.

(4) Đồ: Thông đồ, trên đường đi.

(5) Triệu: Đất nghĩa địa.

(6) Dũ hạ tức thần Trung Lựu, một vị thần thời cổ. Ở đây chỉ thiên tình, chỉ trung tâm khu nhà, chỉ trung tâm cung điện.

(7) Hợp cốt: Túc hợp tang, chôn chung.

(8) Phục: Hồi báo, bảm báo.

(9) Tiết: Tiết chế.

(10) Xâm: Xâm chiếm.

(11) Đài tạ: Phiếm chỉ vật kiến trúc lầu đài. Tạ: Phòng ốc xây dựng trên đài.

(12) Kiệm: Trói buộc, hạn chế, tiết chế.

- (13) Tàn: Tổn thương.
- (14) Xi: Phóng túng, không tiết chế.
- (15) Hoan: Vui sướng, vui lòng, ý an tâm.
- (16) Phong lạc xỉ du: Vui chơi du ngoạn tận tình.
- (17) Kiêm nhạo tử sinh: Khinh thường toàn bộ, người sống kẻ chết. Kiêm, đều nhau.
- (18) Tế dân: Chỉ bách tính, người dân bình thường.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công cho xây dựng nền móng của cung điện, lão Bàng Ư Hà làm đám tang cho mẹ, trên đường đi gặp Ân Anh, bèn quỳ trước ngựa Ân Anh thì lễ nói: “Mẹ già qua đời, nghĩa địa gia đình tôi nhằm nơi vua Tề sắp xây dựng cung điện, cầu xin tướng công tâu lên vua cho phép mẹ tôi được hợp táng vào mộ của cha tôi”. Ân Anh nói: “Chà! Chuyện này khó đó! Nhưng ta cũng phải vì lão mà bảm báo xem sao”. Yến Anh vào triều kiến vua Tề Cảnh Công, tâu: “Một người dân tên là Bàng Ư Hà, có mẹ vừa qua đời, mà nghĩa địa gia đình ông ấy lại nằm dưới chính điện tại khu đất Bệ hạ mở rộng cung vua, cụ mong muốn được Bệ hạ cho phép chôn mẹ vào mộ của người cha”. Sắc mặt vua Tề Cảnh Công rất không hài lòng, phán: “Từ xưa đến nay, ông từng nghe có chuyện người dân cầu xin chôn người nhà mình nơi cung vua chưa?” Ân Anh đáp: “Các vị vua thời xưa, khi xây dựng cung điện, đều rất tiết chế, không xâm phạm vào nơi yên nghỉ của người xưa, khi xây dựng đài tạ đều có qui định, không làm động đến mộ phần của cổ nhân, nên không bao giờ có chuyện phải mở rộng cung thất, xâm chiếm đất ở của nhân dân, Bệ hạ mở rộng đài tạ, xâm phạm đến mộ phần của tổ tiên người ta, khiến người ta lo buồn, không thể an cư, hài cốt người chết thì ly tán, chồng vợ không thể chung mộ. Ngày nay, Bệ hạ được thỏa thích vui chơi, coi thường người sống lẫn người đã chết, đó không phải việc làm của người có nhân có đức. Bệ hạ dùng quyền lực để thỏa mãn tư dục, chẳng hề quan tâm đến buồn vui của nhân dân, thì không còn đạo nữa”.

(Theo sách **Yến Tử - Gián hạ - Quyển 33**)

Nguyên văn:

將欲取天下而為之，吾見其不得已。天下神器，不得為也。為者敗之，執者失也。是以聖人去甚，去奢，去泰。（卷三十四，老子，道經）。

Phiên âm:

12

Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí (1), bất khả vi dã. Vi giả bại chi, chấp (2) giả thất dã. Thị dĩ Thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái. (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo kinh**).

Chú thích:

- (1) Thần khí: Vật tượng trưng thể hiện quyền lực thống trị của một nước. Ví như Cửu đỉnh, ngọc, ấn dụ để vị, chính quyền, những thứ ấy chỉ đạo cai trị.
- (2) Chấp: Miễn cưỡng, cưỡng bách, nhiệm tính vong hành.
- (3) Khứ thậm: Bỏ xa xỉ, bỏ khoe khoang [thái], bỏ những ham muốn xa xỉ, lãng phí quá phận, hành động vừa đúng thì dừng lại, không thể để quá phận. Thậm: Thái quá.

Diễn giải:

Người muốn cai trị thiên hạ, mà dựa vào sức mạnh của người khác, tôi cho rằng họ chẳng thể nào đạt được mục đích. Đạo cai trị thiên hạ, là phải làm những gì thuận với tự nhiên, không thể khiên cưỡng làm những việc xằng bậy, cố làm những việc xằng bậy, bại hoại trái với bản tính tự nhiên của con người trong thiên hạ, cố tình phá hoại tính chất phác của con người trong thiên hạ. Vì thế, bậc Thánh nhân kiên quyết dẹp bỏ những ham muốn dục lạc, xa xỉ, lãng phí quá độ (không tham dâm thanh sắc xa xỉ, không phô trương trong ăn mặc, không dám làm cung thất đài tạ vượt hơn thiên hạ.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

十三

墨子曰：“古之民未知為宮室時，就陵阜而居，穴而處下。潤濕傷民，故聖王作為宮室。為宮室之法曰：“室高足以避潤，邊足以圉風寒，上足以待雪霜雨露，宮牆之高足以則男女之禮。謹此則止”。凡費財勞力不加利者，不為也。是故聖王作為宮室，使上不以為觀樂也。作為衣服帶履，使身不以為辟怪也。故節於身，誨於民，是以天下之民，可得而治，財用可得而足。（卷三十四，墨子，辭過）。

Phiên âm:

13

Mặc Tử (1) viết: “Cổ chi dân vị tri vi cung thất thời, tựu lǎng phụ (2) nhi cư, huyệt nhi xứ hạ. Nhuận thấp (3) thương dân, cổ thánh vương tác vi cung thất. Vi cung thất chi pháp viết: “Thất cao túc dĩ tỵ nhuận, biên túc dĩ ngũ (5) phong hàn, thượng túc dĩ đãi tuyết sương vũ lộ, cung tường chi cao túc dĩ nam nữ chi lễ. Cẩn (6) thủ nhi chí”. Phàm phí tài lao lực bất gia lợi giả, bất vi dã. Thị cổ thánh vương tác vi cung thất, sử thượng bất dĩ vi quán lạc dã, thị dĩ thiên hạ chi dân, khả đắc nhi trị, tài dụng khả đắc nhi túc”. (**Quyển 34 - Mặc Tử - Từ quá**).

Chú thích:

- (1) Mặc Tử: Tên là Địch, nhân vật thời Xuân Thu Chiến quốc, người sáng lập học phái Mặc gia.
- (2) Lǎng phụ: Khâu Lǎng. Lǎng: núi đất to. Phụ: núi đất cao bằng mà lớn không có đá.
- (3) Nhuận thấp: Ẩm thấp, hồ thấp.
- (4) Biên: Bốn bên.
- (5) Ngũ: Cản trở, đề kháng; Cẩn: Ý là [cận].
- (6) Tích quái: Đòi khác lạ.

Diễn giải

Ông Mặc Tử nói: “Con người thời thượng cổ khi chưa biết xây dựng sửa sang nhà cửa, họ sinh sống gần các nơi gò đất, ở trong hang động. Những nơi mặt đất ẩm thấp, thường gây bệnh cho con người. Cho nên các bậc thánh vương khi xây dựng cung điện theo nguyên tắc là nền móng nơi đất cao ráo tránh ẩm ướt, bốn bề có thể án ngự được gió và lạnh, mái thì chịu đựng được sương tuyết mưa móc, tường ngăn bên trong đủ cao để ngăn tầm nhìn, theo lễ phân biệt không cho nam nữ thấy nhau khi ở trong phòng. Những việc làm khổ dân, hao tổn tiền của, không làm tăng thêm lợi ích thì họ không làm. Vì thế các bậc thánh vương xây dựng cung điện là để làm phương tiện sinh hoạt chứ không vì mưu cầu chuyện hưởng lạc. Còn về chuyện y phục, cũng chỉ làm phương tiện cho thân thể được kín đáo, chứ không phải để khoe khoang quần là áo lượt. Bởi vì họ tự tiết chế vì dân, cho nên xã hội yên trị, của cải sung túc”.

(Theo sách Mặc Tử - Tử quá - Quyển 34)

Nguyên văn:

十四

惟我周太王，王季，克自抑畏。文王卑服，自朝至于日中昃，弗皇暇食，用咸和萬民。（卷二尚書）。

Phiên âm:

BÍNH: Cần kiệm

14

Duy ngã Chu Thái vương (1), Vương Quý (2), khắc tư ức úy (3), Văn Vương ti phục (4), tự triều chí vu chí nhật trung trắc (5), phất hoàng hạ (6) thực, dụng hàm hòa (7) vạn dân. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (2) Thái Vương: Túc Cổ Công Đàm Phủ, ông nội của vua Văn Vương Cơ Xương, ông cố của Chu Công (Chu Công Đán).
- (2) Vương Quý: Túc Cơ Quý Lịch là con của Cổ Công Đàm Phủ, cha của Cơ Xương, ông nội của Chu Công.
- (3) Khắc tự ức úy: Dùng nghĩa để tự khắc chế khiêm tốn biết sợ mệnh trời. Ưc úy: Khiêm ức kính úy.
- (4) Ti phục: Chỉ ăn mặc quần áo thô xấu.
- (5) Trắc: Xế, ông mặt trời nghiêng về phương Tây.
- (6) Hoàng hạ: Nhàn rỗi, nhàn hạ Hoàng nghĩa là rỗi nhàn.
- (7) Hàm hòa: Hiền hòa, hòa mục, Chu Tuấn Thanh thời nhà Thanh viết sách *Thông huấn định thanh* có câu: “Hàm, hòa dã”, hàm hòa tức thành hòa”.

Diễn giải:

Ôi! Cũng chỉ có vua Thái Vương, Vương Quý nhà Chu có thể dùng nghĩa để tự khắc chế khiêm tốn biết sợ mệnh trời. Vua Văn Vương thì sống rất tiết kiệm, mặc y phục bằng vải thô, ngài cần cù làm việc từ sáng sớm đến trưa, rồi từ xế đến chiều khi ông mặt trời nghiêng hẳn về phương Tây, tưởng không có lúc nào nhàn rỗi nghỉ ngơi ăn uống, như vậy nên khiến vạn dân đều hòa hợp với nhau.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**).

Nguyên văn:

十五

慈故能勇，儉故能廣，不敢為天下先，故能成器長今舍慈勇，舍儉且廣，舍後且先，死矣。（卷三十四，老子，德經）。

Phiên âm:

15

Từ (1) cô năng dũng, kiệm (2) cố năng quảng, bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trường (3), kim xả (4) từ thả (5) dũng, xả kiệm thả quảng, xả hậu thả tiên, tử hỹ. (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) Từ: Có nghĩa là yêu mến, do nói người có đức nhân thí ái vật.
- (2) Kiệm: Tính kiệm phác tự nhiên.
- (3) Thành khí trường: Thành tức đại [nghĩa], thành khí tức đại khí. Thành khí trường là trường của đại khí, khí, biểu thị phong tước, thành khí tức là chư hầu một nước lớn. Thành khí trường là cách biệt xưng chỉ thiên tử.
- (4) Xả: Bỏ.
- (5) Thả: Ở đây có nghĩa là giữ.

Diễn giải:

Từ ái là coi dân mình như con mình, ra sức bảo hộ hạnh phúc của dân chúng, nên sinh ra có dũng khí; Tính tiết kiệm tự nhiên chẳng những có thể giữ được của cải tiền bạc, đồ dùng, mà còn làm gương cho bách tính giữ được tính chất phác, không ham hố, sinh gì dưỡng nấy, nhờ đó mà đất đai của dân chúng mở rộng, không làm chuyện lấn lướt thiên hạ. Phạm việc nhún nhường, thoái nhượng, vô tư không tranh cạnh với ai, thì chắc được đông người ủng hộ. Thế cho nên người có khả năng lãnh đạo vạn dân, nếu không có lòng từ ái, chỉ cần dũng khí, không kiệm ước mà tỏ ra xa hoa, không biết nhường nhịn, chỉ mong hơn người, thì không sớm thì chầy nhất định sẽ bị diệt vong.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

十六

德懋懋官, 功懋懋賞, 用人惟己, 改過弗吝. (卷二, . 尚書).

Phiên âm:

ĐINH - Cải quá

16

Đức mậu (1) mậu quan (2), công mậu mậu thưởng. Dụng nhân duy kỷ, cải quá phát lận. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

(1) Mậu: Cố sức giữ đức hạnh

(2) Mậu quan: Ý nói bổ làm quan là cách khuyến khích làm tốt hơn.

Diễn giải:

Người tu dưỡng phẩm chất đạo đức tốt, dùng quan chức để khuyến khích họ cố sức làm tốt hơn. Người lập được công to thì tưởng thưởng để họ gắng sức hơn. Đã có đức, thì càng có đức nhiều hơn, có lỗi thì sửa, đừng hối tiếc.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

十七

景公正晝, 被髮乘六馬, 御婦人. 以出正門. 別跪擊馬而反之, 曰: “爾非吾君也”. 公慚而不朝. 晏子入見. 景公曰: “昔者寡人有罪, 被髮乘六馬, 以出正門. 別跪擊馬而反之, 曰: “爾非吾君也”. 寡人以子大夫之賜, 得率百姓以守宗廟. 今見戮於則跪, 以羞社稷. 吾由可以齊於諸侯乎?” 晏子對曰: “君勿

惡焉。臣聞之。下無直辭，上有惰君，民多諱言，君有驕行。古者明君在上，下多直辭，君上好善，民無諱言。今君有失行，而別跪禁之，是君之福也，故臣來慶，請賞之以明君之好善，禮之以明君之受諫”。公笑曰：“可”。。 ʽ 於是令別跪倍資無征，時朝無事。(卷三十三，晏子，雜上)。

Phiên âm:

17

Cảnh Công (1) chính trú, bị phát (2), thừa lục mã, ngự phụ nhân, dĩ xuất chính môn (3). Ngoạt quy (4) kích mã nhi phản chi, viết: “Nhĩ phi ngô quân dã”. Công tà nhi bất triệu. Yến Tử nhập kiến. Cảnh Công viết: “Tích giả quả nhân hữu tội, bị phát, lục mã, dĩ xuất chính môn, ngoạt quy kích mã nhi phản chi, viết: “Nhĩ phi ngô quân dã”. Quả nhân dĩ tử đại phu chi tử, đắc suất bách tính dĩ thủ tông miếu. Kim kiến lục (5) ử ngoạt quy, dĩ tu xã tắc, ngô do khả dĩ tể ử chư hầu hồ?”. Yến Tử đối viết: “Quân vật ố yên. Thần văn chi, hạ vô chí tử, thương hữu nọa quân. Dân đa hứy ngôn, quân hữu thất hạnh, nhi ngoạt quy cấm chi, thị quân chi phúc dã, cố thần lai khánh. Thỉnh thưởng chi dĩ minh quân chi hiếu thiện, lễ chi dĩ minh quân chi thụ gián”. Công tiếu viết: “Khả hồ?” Yến Tử viết: “Khả”. ʽ thị lệnh ngoạt quy bội tư vô chinh (6), thời triều vô sự (7)”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Tập thượng**).

Chú thích:

(1) Cảnh Công: Tể Cảnh Công, họ Khương, tên Chủ Cữu, thời vua tại vị có danh tướng là Yến Anh phụ chính.

(2) Bị phát: Xóa tung đầu óc.

(3) Chính môn: Ở đây chỉ cửa nách, cửa tò vò.

(4) Ngoạt quy: Người bị tội bị chặt chân. Ngoạt, ngoạt hình: Hình phạt chặt chân còn gọi là phế hình, một loại hình phạt tàn khốc ở Trung Hoa thời cổ đại, người bị hình phạt này bị chặt đứt lia một chân phải hay chân trái, hoặc bị chặt cả hai chân. Dưới triều nhà

Hạ, ngoạt hình gọi là **tấn**, có nghĩa là tước bỏ xương đầu gối; Thời nhà Chu gọi là **ngoạt**, thời nhà Tần gọi là **trảm chi**, cũng đều có ý là tước bỏ xương đầu gối (**tấn cốt**), khiến cho phạm nhân không đứng lên được. Quy, chỉ chân.

(5) Kiến lục: Bị ô nhục.

(6) Bội tư vô chình: Tăng bội khen thưởng, miễn thuế; Chính: Phú thuế.

(7) Thời triều vô sự: Tùy thời có thể triều kiến vua.

Diễn giải:

Giữa ban ngày, vua Tề Cảnh Công xoa tung đầu tóc, ngồi xe to 6 ngựa kéo, đón phụ nữ nơi cửa nách, người đánh xe là một tội nhân vốn bị tội chặt chân, cho xe trở về, nói: “Ông không phải là vua của nước tôi”. Vua Cảnh Công thấy mình bị làm nhục, hổ thẹn, từ đó bỏ họp triều đình. Yến Tử vào tận trong cung xin ra mắt vua. Cảnh Công nói: “Cách nay mấy hôm, ta làm chuyện không đúng, xoa tung đầu tóc, ngồi xe 6 ngựa đi ra cửa nách, bị tên nài ngựa cụt chân đánh xe trở về nói với ta: “Ông không phải là vua của nước tôi”. Lâu nay, ta nhờ sự phụ trợ của ông cùng các vị đại phu thống suất bách tính và bảo vệ tông miếu xã tắc, nay bị một tên đánh xe vốn là tội nhân làm nhục thì ta còn mặt mũi nào đứng ngang hàng với các chư hầu nữa chứ!”. Yến Tử thưa: “Xin Bệ hạ đừng ác cảm, tôi nghe nói rằng nếu kẻ dưới không có lời trực gián thì bậc quân vương ở trên sẽ trở nên lười biếng, dân sợ không dám can thì vua sinh kiêu hãnh. Các bậc minh quân thời xưa, khi tại vị thì thích nghe những lời khuyên hữu dụng, nên bách tính không kiêng kỵ gì, dám thẳng thắn can gián. Ngày nay, Bệ hạ có sai, người vốn phạm tội bị chặt chân, nay đánh xe cho vua dám nói thẳng can vua là phước khí cho vua, cho nên thần vào đây chúc mừng Bệ hạ. Xin Bệ hạ tưởng thưởng cho tên đánh xe ấy, chúng tỏ nhà vua thích nghe những lời khuyên hữu ích, dùng lễ để đối xử với tên ấy, chúng tỏ quân vương thích nghe những lời can gián hữu ích”. Cảnh Công cười nói: “Nên chăng?”. Yến Tử nói: “Nên lắm” Sau đó tên nài ngựa cụt chân được thưởng lớn, được miễn đóng thuế, thỉnh thoảng còn được vào triều gặp vua.

(Theo sách **Yến Tử - Tập thượng - Quyển 33**)

Nguyên văn:

十八

朝有過, 夕改, 則與之, 夕有過, 朝改, 則與之. (卷三十五, 曾子, 脩身).

Phiên âm:

18

Triêu hữu quá, tịch cải, tắc dĩ chi, tịch hữu quá, triêu cải, tắc dĩ chi. (Quyển 35 - Tăng Tử - Tu thân).

Chú thích:

(1) Tắc dĩ chi: Ban lời khen ngợi và khẳng định cho là đúng.

Diễn giải:

Sáng sớm người ta sai lầm, đến chiều đã cải chính, thì tôi nói lời khen, chiều tối có sai lầm, đến sáng sớm hôm sau cải chính thì tôi cho là đúng.

(Theo sách Tăng tử - Tu thân - Quyển 35)

Nguyên văn:

十九

復而不改隕身覆家, 大者傾社稷. 是故君子出言愕愕, 行身戰戰, 亦殆免於罪矣. (卷三十五, 曾子, 脩身).

Phiên âm:

19

Phục (1) nhi bất cải vãn thân phúc gia (2), đại giả khuynh (3) xã tắc. Thị cố quân tử xuất ngôn ngạc ngạc (4), hành thân chiến chiến (5), diệc đãi (6) miễn ư tội (7) hỷ. (Quyển 36 - Tăng Tử - Tu thân).

Chú thích:

- (1) Phục: Tái hồi dạng cũ như trùng phúc.
- (2) Vãn thân phúc gia: Chỉ thân bại gia vong. Vãn: chết. Phúc khuynh đảo.
- (3) Khuynh: Bại vong.
- (4) Ngạc ngạc: Dạng cứng cỏi, ngay thẳng không sợ.
- (5) Chiến chiến: Cẩn thận.
- (6) Đãi: Cơ hồ, gẫn, sai không bao nhiêu, biểu thị lời nói
- (7) Tội: Lỗi.

Diễn giải:

Tái phạm cùng một lỗi mà không sửa đổi thì sẽ dẫn đến cái chết của bản thân, gia đình tan nát, nghiêm trọng hơn là dẫn đến mất nước. Vì thế cho nên, người có phẩm đức cao thượng không ngại dùng lời thực để phát biểu, làm việc thì cẩn thận từng việc nhỏ, nên mới tránh được sai sót, lỗi lầm.

(Theo sách Tăng tử - Tu thân - Quyển 35)

Nguyên văn:

二：敦親

二十

虞舜側微，堯閔之聰明，將使嗣位，歷試諸難，慎徽五典，五典克從。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

NHỊ: ĐÔN THÂN

20

Ngu Thuấn trắc vi (1), Nghiên văn chi thông minh, tương sử

tự vị (2), Lịch thí chữ nan, thận huy ngũ điển (4), ngũ điển khắc tòng. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Trắc vi: Chỉ xuất thân hèn kém. Trắc: Triều đình không gọi đến. Vi: Người thấp kém.
- (2) Tự vị: Nói ngôi làm vua.
- (3) Thận huy: Tuyên dương mỹ đức một cách kính cẩn. Huy: Tốt đẹp.
- (4) Ngũ điển: 5 loại có thể cúng, dựa vào quy phạm tiêu chuẩn hoặc mô phỏng chúng. Đó là 5 loại mỹ đức: *Phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hũu, đệ cung, tử hiếu.*
- (5) Khắc tòng: Khắc nghĩa là có nhiều, tòng là tuân tòng.

Diễn giải:

Vua Thuấn triều Ngu xuất thân nghèo hèn, vua Nghiêu nghe nói Thuấn thông minh, tính chuyện nhường ngôi vua cho Thuấn. Nhiều lần vua Nghiêu đưa ra các chuyện khó xử để khảo nghiệm, ban đầu giao ông Thuấn phụ trách thúc đẩy việc giáo dục đạo đức. Ông Thuấn dạy dân về 5 loại mỹ đức để chỉ đạo hành vi của chính mình. Đó là: Làm cha phải có nghĩa, làm mẹ phải hiền từ, làm anh phải thân gần em mình, làm em phải cung kính anh mình, làm con phải giữ chữ hiếu. Thần dân trong nước đều nghe theo nguyên lý giáo dục ấy, không vi phạm.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**).

Nguyên văn:

二一

齊王攸字大猷文帝第二子也。力行敦善。為侍中數年，受太子太傅，獻箴於皇太子，每朝正大議，悉心陳之，且孝敬忠肅至性過人。(卷二十九，晉書下，傳)。

Phiên âm:

21

Tể Vương Du (1), tự Đại Du, Văn đế đệ nhị tử dã. Lực hành đôn thiện (3), thậm hữu danh dự. Vi Thị trung số niên, thụ (3) Thái tử thái truyền. Hiến trâm ư Thái tử, mỗi triều chính đại nghị, tất tâm (5) trần chi, thả hiếu kính trung túc, chí tính (6) quá nhân. (Quyển 29 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Tể Vương Du: Túc Tư Mã Du (348-283 CN), thờ Tam Quốc làm quan to cho nhà Tào Ngụy, là con kế vị sau này của Tấn Cảnh đế. Tư Mã Sư là con thứ của Tấn Văn đế Tư Mã Chiêu, là em cùng mẹ với vua Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm, là một người tham gia cuộc nổi loạn “Bát vương”, là cha của Tư Mã Duệ.

(2) Lực hành đôn thiện: Ra sức hành thiện đôn hậu.

(3) Thụ: Nhận mệnh lệnh.

(4) Trâm: Tên văn lễ, văn khuyên quy gián.

(5) Tất tâm: Tâm lực hết sức.

(6) Chí tính: Đốc suất làm cho dày thiên tính của lòng nhân ái.

Diễn giải:

Tể Vương Du, tự là Đại Du, là con thứ hai của Tấn Văn đế. Ông nỗ lực thực hành đề cao việc thiện, là người có uy tín, ông làm chức Thị Trung mấy năm rồi được bổ nhiệm làm chức thái tử thái truyền, túc phụ tá cho hoàng thái tử. Ông dâng biểu can gián hoàng thái tử, mỗi khi dự bàn việc chính trị tại triều đình, ông đều đem hết tâm huyết phát biểu với tất cả lòng hiếu, kính, trung, túc, đốc suất làm dày nhân tính của một nhân vật thiên tính hơn người.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 29)

Nguyên văn:

三：反身

二二

武皇帝諱炎，字安世，文帝之太子也。泰始五年，廷尉上西平民麴路，伐聞鼓，言多妖妄毀謗。帝詔曰：“狂狷怨誹，亦朕之愆勿罪也”。（卷二十九，晉書上紀）。

Phiên âm:

TAM: PHẢN THÂN

22

Vũ hoàng đế (1) húy Viêm, tự An Thế, Văn đế chi Thái tử dã. Thái Thủy ngũ niên, Đình úy (2) thượng (3) Tây Bình dân Khúc Lộ (5), phạt đẳng văn cổ (5), ngôn đa yêu vọng (6) hủy báng. Đế chiếu viết: “Cuồng quyển (7) oán phỉ (8), diệc trảm chi khiên (9)”. (Quyển 29 - Tấn thư thượng - Kỷ).

Chú thích:

(1) Vũ hoàng đế: Vua Tấn Vũ đế, Tư Mã Viêm, phế vua Ngụy Tào Hoán xuống làm Trần Lưu Vương, lên làm vua xưng là Thế Tổ Vũ hoàng đế, tại vị 26 năm.

(2) Đình úy: Chức quan, là một trong 9 chức quan thời Tấn Thái Thủy, chuyên quản hình ngục.

(3) Thượng: Trình báo.

(4) Khúc Lộ: Tên họ người, họ Khúc tên Lộ.

(5) Phạt đẳng văn cổ: Đánh trống đẳng văn. Các triều đại phong kiến thời xưa đều treo một cái trống to bên ngoài cổng hợp triều đình, Nhân dân có điều cần can gián hoặc bị oan khuất thì đến đánh chiếc trống này.

(6) Yêu vọng: Quái lạ, xằng bậy, không thực tế.

(7) Cuồng quyển: Bọn người quá khích.

(8) Phi: Nói lời mặt sát người ta.

(9) Khiên: Sai lầm.

Diễn giải:

Vua Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm, là Thái tử con vua Tấn Văn Đế Tư Mã Chiêu. Vào niên hiệu Thái Thủy thứ 5, quan Đình úy báo cáo có người dân tên Khúc Lộ đến đánh trống dâng văn, báo rằng có nhiều lời đồn thổi bậy bạ, nói xấu triều đình. Nhà vua ban chiếu nói rằng: “Bọn người quá khích nói lời mặt sát người ta, cũng bởi trăm có sai sót. Đừng nên bắt tội họ”.

(Theo sách **Tấn thư thượng - Kỷ - Quyển 29**).

Nguyên văn:

二三

管子曰：“身不善之患，無患人莫己知，民之觀也察矣，不可遁逃。故我有善則立立譽我，我有過則立毀我。當人之毀譽也，則莫歸問於家。（卷三十二，管子，小稱）。

Phiên âm:

23

Quản Tử (1) viết: “Thân bất thiện chi hoạn (2), vô hoạn nhân mạc kỷ tri, dân chi quán dã sát hỹ, bất khả độn đào. Cố ngã hữu thiện tắc lập dự ngã, ngã hữu quá tắc lập hủy ngã. Đương nhân chi hủy dự dã, tắc mạc quy vấn ư gia”. (**Quyển 32 - Quản tử - Tiểu xưng**).

Chú thích:

(1) Quản tử: Túc Quản Trọng tên là Di Ngô, làm Tế tướng, phụ tá vua Tế Hoàn Công, đưa nước Tế lên hàng bá chủ chư hầu đầu tiên thời Xuân Thu.

(2) Hoạn: Ưu tư, lo nghĩ.

(3) Gia: Chỉ cận thân.

Diễn giải:

Ông Quản Tử nói rằng: “Nên cẩn thận tự xét bản thân mình đã tận thiện tận mỹ chưa, đừng nên quan tâm đến người ta không hiểu mình. Nhân dân quan sát biết hết không để lọt tơ hào nào, không dấu được nhân dân đâu. Cho nên khi ta làm việc tốt thì bách tính lập tức khen ngợi ta, Khi ta vấp sai lầm thì bách tính lập tức mắng chửi ta. Vì vậy, nhà vua nghe nhân dân ca tụng hay báng bổ thì chẳng phải chờ đến khi về cung tham vấn cận thân”.

(Theo sách Quản tử - Tiểu xưng - Quyển 32)

Nguyên văn:

二四

今夫桀紂則不然. 有善而反之於身, 有過則歸之於民. . 有過而歸之於民, 則民怒, 有善而反之於身, 則身驕, 往怒民, 來驕身, 此其所以失身也, 可無慎乎?” . (卷三十二, 管子, 小稱).

Phiên âm:

24

Kim phù Kiệt, Trụ tắc bất nhiên. Hữu thiện tắc phản ư thân, hữu quá tắc quy (2) chi ư dân. Hữu quá nhi quy ư dân tắc dân nộ; Hữu thiện nhi phản ư thân, tắc thân kiêu. Vãng nộ dân, lai (5) kiêu thân (6), thử kỳ sở dĩ thất thân (7) dã, khả vô thận hồ?”. (**Quyển 32 - Quản tử - Tiểu xưng**).

Chú thích:

(1) Phản: Quay đầu lại.

- (2) Quy: Thuộc ở.
- (3) Vãng: Đã qua rồi.
- (4) Nộ dân: Khiến nhân dân nổi giận.
- (5) Lai: Mời gọi.
- (6) Kiêu thân: Kiêu ngạo.
- (7) Thấu thân: Mất đạo đức.

Diễn giải:

Ngày nay chẳng phải lạ lùng gì chuyện vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương. Làm được việc tốt, bao nhiêu công lao giành hết công về cho mình, làm chi sai, thì đổ hết tội lỗi sai sót cho bầy tôi, bách tính. Sai sót đổ trút lên đầu nhân dân thì dân oán ghét, phẫn nộ. Bao nhiêu việc tốt giành hết cho mình thì sinh tự mãn, kiêu ngạo. Công mình to thì ngày càng phóng túng, càng đẩy nhân dân đến phẫn nộ ngày càng tăng. Đó là trường hợp của vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương đến nỗi mất hết đạo đức, bách tính oán hận, lão bách tính tạo phản, làm chuyện lật đổ. Từ chuyện bất cần thất đức tưởng là nhỏ, mà dẫn đến to chuyện đến nỗi làm cho sụp đổ quốc gia.

(Theo sách Quản tử - Tiểu xứng - Quyển 32)

Nguyên văn:

二五

君上不度聖王之興，而下不觀惰君之衰。逆政之行，有司不敢爭，以履社稷，nguy危宗廟矣。（卷三十三，晏子，諫上）。

Phiên âm:

25

Quân thượng bất độ (1) thánh vưng chi hưng, nhi hạ bất quán nọa quân chi suy. Nghịch chính (2) chi hành, hữu ty (3) bất

cảm tránh (4), dĩ lý xã tắc (5), nguy tông miếu (5) hỹ. (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng**).

Chú thích:

- (1) Độ: Có nghĩa là xét kỹ cho biết rõ [thẩm thận sát tri].
- (2) Nghịch chính: Làm ngược lại với việc cai trị.
- (3) Hữu ty: Cách gọi quan lại thời xưa, có ý nghĩa đại biểu chức trách có chuyên môn.
- (4) Tránh: Quy khuyến, khuyên can.
- (5) Xã tắc: Vốn chỉ thần đất đai và thần ngũ cốc, vì xã tắc được vua chúa tế bái. Về sau chỉ quốc gia đất nước.
- (6) Tông miếu: Ngôi nhà thờ tổ tiên mà thiên tử và chư hầu đều tế lễ tổ tiên của mình, về sau gọi là “Vương thất”, “Quốc gia”. Tông: Tiến hành lễ tế tổ tiên trong nhà. Miếu: Ngôi nhà mà ngày xưa làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Diễn giải:

Ở trên, nhà vua không xét kỹ đến sự hưng thịnh vào thời của các bậc thánh vương, ở dưới thì không quan sát sự suy sụp vào thời các vua dở lười, những ông vua làm ngược với đạo lý hành vi cai trị, mà các quan trong triều cũng không dám khuyên can, khiến cho hậu quả là xã tắc nghiêng đổ, tông miếu nguy vong.

(Theo sách Yến Tử - Gián thượng - Quyển 33).

Nguyên văn:

二六

不出户以知天下，不窺牖以見天道。其出彌遠，其知彌少。是以聖人不行而知，不見行而名，不為行而成。（卷三十四，老子，德經）。

Phiên âm:

26

Bất xuất hộ dĩ tri thiên hạ, bất khuy (1) dĩ (2) dĩ kiến đại đạo (3), kỳ xuất di (4) viễn, kỳ tri di thiểu. Thị dĩ Thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh (4), bất vi (5) nhi thành, (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) Khuy: Nhì, dòm, ngó.
- (2) Dĩ: Cửa sổ.
- (3) Thiên đạo: Quy luật phát triển biến hóa cả vạn vật.
- (4) Di: Càng thêm.
- (5) Danh: Minh bạch, rõ ràng. Do quan sát tình hình nội bộ nên suy ra biết tình trạng bên ngoài.
- (6) Bất vi: Không quen làm không bỏ ý làm.

Diễn giải:

Không thể dựa vào cảm quan, bởi vì người ta thường bị biểu tượng của sự vật mê cảm. Chỉ có liễu ngộ tốt xấu lợi hại, đều do nơi ta, mới nắm rõ biến hóa của thế sự, không bị mê cảm lộng hành. Thế cho nên bậc Thánh nhân không ra khỏi nhà, vẫn biết được sự lý trong thiên hạ, không ngó ra cửa sổ, mà thông hiểu pháp tắc quy luật của giới tự nhiên. Ngược lại, nhiều người ra sức ôm quá nhiều việc, đi nhiều nơi xa xôi, thì càng bị mê cảm, mà lĩnh ngộ đạo lý thì lại quá ít. Vì thế, bậc Thánh nhân bất tất đích thân kinh lịch mà có khả năng suy tri sự lý, bất tất tận mắt nhìn thấy, mà có khả năng xét trong mà biết ngoài, thuận ứng bản tính của sự vật bất tất phải đi đâu xa để có thể làm công việc thành tựu.

(Theo sách Lão tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34).

Nguyên văn:

二七

凡人臣之事君也，多以主所好事君。君好法則，法事君，君好言則臣以言事君。君好法則端正之士在前，君好言則毀譽之臣在側。（卷三十六，商君 脩權）。

Phiên âm:

27

Phàm nhân thần chi sự (1) quân dã, đa dĩ chủ sở hảo sự quân. Quân hảo pháp (2), tắc thần dĩ pháp sự quân, quân hảo ngôn (3) tắc thần dĩ ngôn sự quân. Quân hảo pháp tắc đoan trực chi sĩ (4) tại tiền, quân hảo ngôn tắc hủy dự (5) chi thần tại trắc (**Quyển 36 - Thương Quân Tử - Tu quyền**).

Chú thích:

- (1) Sự: Phục vụ
- (2) Pháp: Pháp độ. Tức quy phạm pháp luật và chuẩn mực hành vi.
- (3) Hảo ngôn: Lời đối đáp thân mật. Ở đây có ý là vui vẻ nghe lời phi báng hoặc bài bác mình.
- (4) Đoan trực chi sĩ: Người đoan chính cương trực.
- (5) Hủy dự: Chê với khen.

Diễn giải:

Nhưng phàm là bầy tôi thị phụng vua mình, hơn phân nửa dựa vào ý thích của vua mà phục vụ vua. Vua thích lễ pháp, thì bầy tôi dùng lễ pháp ra phục vụ vua. Vua thích nghe chuyện tào lao thì bầy tôi nói chuyện tào lao cho vua nghe. Vua thích lễ pháp thì các bầy tôi đoan chính cương trực ở gần vua. Vua thích nghe chuyện tào lao thì đám bầy tôi thích khen chê người khác luôn ở bên cạnh.

(Theo sách **Thương Quân Tử - Tu quyền - Quyển 36**).

Nguyên văn:

二八

無啓寵納侮, 無恥過作非. (卷二, 尚書).

Phiên âm

28

Vô (1) khái sủng (2), nạp (3) vũ (4). Vô sỉ quá (5) tác phi.
(Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Vô: Không cần.
- (2) Khái sủng: Dùng người mình sủng ái, chỉ người thân cận.
- (3) Nạp: Vời đến.
- (4) Vũ: Coi nhẹ, khinh mạn, khinh tiện.
- (5) Sỉ quá: Hổ thẹn thừa nhận mình sai.

Diễn giải

Không nên bỏ nhiệm người mình sủng ái tin tưởng, vì bổ nhiệm sẽ bị ý lại nhờn việc. Đừng nên hổ thẹn khi thừa nhận sai sót và lầm lỗi của mình. Vì che giấu sai lầm cuối cùng thành đại họa.

(Theo sách Thương thư - Quyển 2).

Nguyên văn:

四: 尊賢

二九

帝曰俞! 允若茲, 加言罔攸伏野無遺賢, 萬邦咸寧. (卷二, 尚書).

Phiên âm:

TỬ: TÔN HIỀN

29

Đế viết: “Du! (1), duẫn (2) nhược tư (3), gia ngôn võng du phục (4), Dã vô di hiền, vạn bang (5) hàm ninh. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Du: Đồng ý có nghĩa là vâng dạ.
- (2) Duẫn: Tin, thực, quả đúng.
- (3) Nhược tư: Nhược: giống như. Tư: Ấy, đó, đó là.
- (4) Võng du phục: Không chỗ mai phục. Du: Bố trí trước động từ, biểu thị tác dụng liên hệ. Tương đương với “sở”.
- (5) Vạn bang: Vạn quốc, vạn phương, tứ xứ.

Diễn giải:

Vua Đế Thuấn nói: “Đúng, đúng như vậy thật. Lời nói tốt đẹp không bị bưng bít, người hiền tài không bị bỏ bên ngoài triều đình, khắp nơi bách tính đều an ổn làm ăn”.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

三十

七不用：一曰主弱親強，賢者不用。二曰主不明，正者少，邪者眾，賢者不用。三曰賊臣在外，奸臣在內，賢者不用。四曰法政阿宗族，賢者不用。五曰以欺為忠，賢者不用。六曰忠諫者死，賢者不用。七曰貨財流，賢者不用。（卷三十一，六韜，文韜）。

Phiên âm:

30

Thất bất dụng: Nhất viết chúa nhược thân cường (1), hiền giả bất dụng. Nhị viết chúa bất minh (2), chính giả thiếu, tà giả chúng, hiền giả bất dụng. Tam viết, tặc thần (3) tại ngoại, gian thần (4) tại nội, hiền giả bất dụng. Tứ viết pháp chính a (5) tông tộc, hiền giả bất dụng. Ngũ viết dĩ khi vi trung, hiền giả bất dụng. Lục viết trung gián (6) giả tử, hiền giả bất dụng. Thất viết hóa tài thượng lưu (7), hiền giả bất dụng. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

- (1) Chúa nhược thân cường: Nhà vua thì nhu nhược, dòng họ thì giàu mạnh.
- (2) Bất minh: Ngụ muội hồ đồ, không hiểu sự lý,
- (3) Tặc thần: Loạn thần.
- (4) Gian thần: Chỉ đại thần tàn hại người trung lương hoặc âm mưu soán đoạt ngôi vua.
- (5) A: Nghinh hợp, bênh vực.
- (6) Gián: Khuyên can vua hoặc bậc tôn trưởng để sửa đổi sai lầm.
- (7) Hóa tài thượng lưu: Chỉ việc câu thông giữa quan chức và nhà buôn, của tiền thông qua hối lộ mà vào trong triều.

Diễn giải:

Bảy việc chẳng nên tham gia: Thứ nhất: Nhà vua nhu nhược mà họ tộc giàu mạnh, bậc hiền tài không được trọng dụng. Thứ hai: Nhà vua ngu muội hồ đồ, không rành sự lý, quan đại thần chính trực thì ít mà quan gian tà thì đông, bậc hiền tài không được trọng dụng. Thứ ba: Trọng dụng kẻ loạn thần ở bên ngoài triều đình, bọn gian thần thì ở ngay trong cung, bậc hiền tài không được trọng dụng. Thứ tư: Pháp quy chính lệnh bênh vực che chở tông tộc, bậc hiền tài không được trọng dụng. Thứ năm: Tin dùng

bọn lừa đảo mà cho là trung thành, bậc hiền tài không được trọng dụng. Thứ sáu: Bầy tôi trung thành can gián thì bị tử hình, bậc hiền tài không được trọng dụng. Thứ bảy: Quan triều câu thông ăn hối lộ của giới nhà giàu, bậc hiền tài không được trọng dụng.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

三一

然則眾賢之術，將奈何哉？譬若欲眾其國之善射御之士者，必將富之貴之，敬之譽之，然後國之善射御之士，將可得而眾也。況又有賢良之士，厚乎德行，辦乎言談，博乎道術者乎？此固國家之珍，而社稷之佐也，亦必且富之貴，敬之譽之，然後之良士，亦將可得而眾也。（卷三十四，墨子，尚賢）。

Phiên âm:

31

Nhiên tắc chúng hiền chi thuật (1), tương nại (2) hà tai? Thí nhược dục chúng kỳ quốc chi thiện xạ ngự chi sĩ giả, tất tương phú chi quý chi, kính chi dự chi, nhiên hậu quốc chi thiện xạ ngự chi sĩ, tương khả đắc nhi chúng dã. Huống hựu hữu hiền lương chi sĩ, hậu hồ đức hạnh, biện (3) hồ ngôn đàm, bác hồ đạo thuật giả hồ? Thủ cố quốc gia chi trân, nhi xã tắc chi tá dã, diệc tất tả phú chi quý, kính chi dự chi nhiên hậu chi lương sĩ. (**Quyển 34 - Mặc Tử - Thượng Hiền**).

Chú thích:

(1) Chúng hiền chi thuật: Phương pháp gia tăng. Chúng: Tác động từ, sử... tăng nhiều lên.

(2) Nại: Như hà, làm sao? Làm như thế nào?

(3) Biện: Thông “biện”, lời lẽ làm cho hiểu thông. Đây là chỉ tuyên truyền đạo của Thánh nhân.

Diễn giải:

Làm thế nào là phương pháp để một nước có nhiều người tài đức, tất phải làm cho họ giàu lên, phải biết kính trọng và ca tụng họ, thì sau đó những người hiền tài trong nước mới nhiều lên được. Huống nữa, các bậc sĩ phu hiền lương, đức hạnh thâm hậu, các loại ngôn luận tích cực tuyên truyền làm lợi cho nước nhà và nhân dân, những người thông hiểu sâu rộng đạo thuật của Thánh nhân, là nhân tài phò tá xã hội báu vật của đất nước. Những người như vậy phải làm cho họ giàu lên, sang lên, mà họ còn phải được kính trọng, phải được ca tụng. Như vậy những bậc hiền lương mới có thể tăng lên trong nước.

(Theo sách **Mặc Tử - Thượng Hiền - Quyển 34**)

Nguyên văn:

三二

自古及今，未有能全其行者也，故君子不責備一人。夏后氏之璜，不能無瑕；明月之珠，不能無穢。然天下寶之者，不小惡妨大美也。今志人之所短，而忘人之所長，而欲求賢於天下，即難矣。（卷三十四，墨子，尚賢）。

Phiên âm:

32

Tự cổ cập kim, vị hữu năng toàn kỳ hành giả dã, cố quân tử bất trách bị (1) ư hất nhân. Phù (2) Hạ Hậu thị (3) chi Hoàng (4), bất năng vô hà; (5) minh nguyệt chi châu bất năng vô uế, nhiên thiên hạ bảo chi giả, bất tiểu ác phương (6) đại mỹ dã. Kim chí

nhân chi sở đoán, nhi vong nhân chi sở trường, nhi dục cầu hiền ư thiên hạ, tức nan hĩ. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng Nghĩa**).

Chú thích:

- (1) Trách bị: Yêu cầu mọi người tận thiện, tận mỹ.
- (2) Phù: Phát ngữ từ trong văn ngôn. Tác dụng biểu đề.
- (3) Hạ Hậu thị: Một vương triều thế tập, gọi là triều nhà Hạ, gọi tắt là nhà Hạ, Hòa thị thời Tiên tần phân ra. Tính biểu thị hiệu của tộc, thị là tính phân chi của họ, dùng để phân biệt chi phái của con cháu. Từ thời Hán trở về sau, thì không phân biệt tính với thị nữa. Thời xa xưa, tộc người Hoa gọi là “Hoa hạ”, cũng là khởi nguyên ra từ Hạ hậu.
- (4) Hoàng: Tên một loại đồ dùng. Hình dáng như nửa viên ngọc bích, thời cổ khi họp triều đình, tế lễ, tang lễ đều dùng ngọc hoàng ấy làm lễ khí, cũng còn dùng làm trang sức.
- (5) Phương: Trở ngại.
- (6) Chí: Có nghĩa là ghi lại. Thông “Thức”.

Diễn giải:

Từ xưa đến nay, khó có ai có đầy đủ khả năng trí tuệ, đức hạnh, cho nên người quân tử không yêu cầu người tận thiện tận mỹ. Họ Hạ Hậu dùng đồ dùng bằng ngọc, mà không thể tránh khỏi lỗi lầm. Như viên bảo châu sáng như mặt trăng tròn, cũng không thể không có vết đen. Vì thế thiên hạ hiểu được người tài năng quý hiếm, không vì người ấy có chút lỗi nhỏ mà để ảnh hưởng đến cái tài lớn của người ấy. Ngày nay, người ta ưa soi mói đến sở đoán mà quên mất sở trường. Như vậy thì việc cầu được hiền tài trong thiên hạ là việc rất khó vậy.

(Theo sách Văn Tử - Thượng Nghĩa - Quyển 35)

Nguyên văn:

三三

堯從舜於畎畝之中，北面而見之，不爭禮貌。此先王之所以正天地，利萬物之故也。諸侯之君廣其土地之富，而奪其兵革之強以驕士。士亦務其德行，美其道術以輕上。仁者之所非也。
(卷三十六，尸子，明堂)。

Phiên âm:

33

Nghiêu tùng Thuấn ư quyển mẫu chi trung (1), bắc diện nhi kiến (2) chi, bất tranh (3) lễ mạo. Thủ tiên vương chi sở dĩ năng chính thiên địa, lợi vạn vật chi cố dã. Chư hầu chi quân, quảng kỳ thổ địa chi phú, nhi đoạt kỳ binh cách chi cường dĩ kiêu sĩ. Sĩ diệc vụ kỳ đức hạnh, mỹ kỳ đạo thuật dĩ khinh thượng. (Quyển 36 - Thi Tử - Minh Đường).

Chú thích:

(1) Nghiêu tùng Thuấn ư quyển mẫu chi trung: Ban đầu ông Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn, về sau được vua Nghiêu sử dụng, kể cả nhường ngôi vua cho Thuấn, là chuyện từ là người làm ruộng nơi điền dã lại lên ngôi làm vua. Trong quyển mẫu là nói nơi ruộng rẫy.

(2) Bắc diện nhi kiến: Thời xưa, bầy tôi lạy về hướng Bắc trong lễ triều kiến thiên tử, nên từ bắc diện thay cho vai trò là thần tử. Ở đây chỉ vua Nghiêu là thiên tử, mà hướng về phương Bắc ra mắt ông Thuấn, vua Nghiêu chịu làm nhỏ để tôn vinh người hiền tài.

(3) Bất tranh: Không câu thúc.

Diễn giải:

Vua Nghiêu tìm đến nơi thôn dã ruộng rẫy chỗ ông Thuấn, nhìn về hướng bắc làm lễ ra mắt ông Thuấn, chẳng câu nệ lễ tiết giữa vua và bầy tôi. Bầy tôi nhìn về hướng Bắc làm lễ triều kiến thiên tử là các vị tiên vương tuân theo quy luật của trời đất, có

nguyên nhân là lợi ích cho vạn sự vạn vật. Thế nhưng, ngày nay các chư hầu dưới quyền đều luyện tập binh mã, tranh nhau mở rộng lãnh thổ của nước mình, khinh mạn sĩ nhân. Còn giới sĩ nhân cũng ỷ vào đức hạnh, đạo thuật chuyên mỹ mà coi thường vua mình. Những việc như trên, người nhân đức không làm.

(Theo sách **Thi Tử - Minh Đường - Quyển 36**)

Nguyên văn:

三四

陳繩而斲之，則巧拙易知也。夫觀群臣亦有繩，以名引之則雖堯舜不服矣。慮事而當，若知賢；知賢又能用之，備矣。（卷三十六，尸子，發蒙）。

Phiên âm

34

Trần thẳng nhi trác (1) chi, tắc xảo chuyết dị tri dã. Phù quan quần thần diệc hữu thẳng (2), dĩ danh dẫn chi, tắc tuy Nghiêu Thuấn bất (3) phục hỹ. Lự sự nhi đáng, bất nhược tiến hiễn. Tri hiễn hựu năng dụng chi, bị hỹ. (**Quyển 36 - Thi Tử - Phát Mông**).

Chú thích:

- (1) Trác: Chặt, bửa.
- (2) Thẳng: Thẳng cây gỗ dùng làm công cụ để chống thẳng, dẫn thân làm quy củ, tiêu chuẩn.
- (3) Bất: Đặt ở trong câu để điều chỉnh âm tiết, không hàm nghĩa đặc thù.

Diễn giải:

Dùng mực thước đúng chuẩn làm tiêu chuẩn để đo lường

trong kỹ thuật của đũa của thợ mộc. Qua cách sử dụng mực thước thì dễ dàng biết được kỹ thuật của người thợ mộc ấy là linh xảo hay thô vụng. Quan sát các bầy tôi trong triều cũng theo tiêu chuẩn như vậy. Chiếu theo danh phận mà cân nhắc yêu cầu bọn họ để đo lường. Ngày xưa vua Nghiêu, vua Thuấn cũng làm như vậy. Tự mình khảo luận sự tình là đúng, còn không bằng cử tiến người hiền tài. Cử tiến bậc hiền tài được xứng, còn không bằng hiểu rõ hiền tài. Liều giải hiền tài còn có thể tin dùng họ, có như vậy thì mới hoàn bị.

(Theo sách Thi Tử - Phát Mông - Quyển 36)

Nguyên văn:

三五

周公戒于王曰：“文王罔攸兼于庶言。庶獄庶慎，惟有之牧夫，是訓用違。庶獄庶慎，文王罔敢茲，武王率惟敕功，弗敢替厥義德。（卷二，尚書）。

Phiên âm

35

Chu Công giới vua vương viết: “Văn Vương vông du kiêm vu thứ ngôn (2). Thứ ngục (3) thứ thận (4), duy hữu tư chi mục phu (5), thị huấn (6) dụng vi. Thứ ngục thứ thận, Văn Vương vông cảm tri (7) ư tư, Vũ Vương suất duy mị công (9), phất cảm thể (10) quyết (11) nghĩa đức. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Du: Dừng ở đầu hay giữa câu, không có nghĩa.
- (2) Thứ ngôn: Lời dân chúng nói chỉ giáo lệnh.
- (3) Thứ ngục: Kiện cáo của dân thường.

- (4) Thứ thật: Chỉ các lệnh cấm.
- (5) Mục phu: Quan địa phương quản lý dân sự thời xưa.
- (6) Huấn: Giáo huấn.
- (7) Tri: Chuởng quân.
- (8) Suất duy: Một thuyết, giải vi ngữ từ, một thuyết, suất giải làm cho tuân hành, noi theo [tuân tuần]. Duy, nghe theo, tùy theo.
- (9) Mị công: Chỉ Vũ Vương hoàn thành sự nghiệp võ an thiên hạ của Văn Vương. Mị: Võ an.
- (10) Thế: Phế trừ.
- (11) Quyết: Đại danh từ. Kỳ: Nó. Chỉ Văn Vương.

Diễn giải:

Chu Công khuyên vua Chu Thành Vương, nói: “Vua Văn Vương không cử quan viên thay mình ban bố mệnh lệnh. Chuyện kiện cáo cũng như các loại lệnh cấm, ông giao cho các quan viên chủ quản việc ấy, vua Văn Vương không dám can dự vào. Vua Vũ Vương lên ngôi, sau khi hoàn thành sự nghiệp võ an thiên hạ theo ý nguyện của vua cha, cũng phụng tuân theo đạo của cha, chẳng dám bỏ nghĩa đức của Văn Vương”.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

五：納諫

三六

說復于王曰：“惟木從繩則正，后從諫則聖。后克聖，臣弗命其承。誰敢弗祗若王之休命？”（卷二，尚書）。

Phiên âm:

NGŨ: NẠP GIẢN

36

Thuyết (1) phúc (2) vu vương viết: Duy mộc tùng thăng (3) tắc chính, hậu (4) tùng gián tắc thánh. Hậu khắc (5) thánh, thần phát mệnh kỳ thừa (6). Thù cảm phát kì (7) nhược (8) chi hưu mệnh (9)?” (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

(1) Thuyết: Truyền thuyết, tên người, là hiền tướng thời vua Ân Cao Tông (đời vua thứ 22 nhà Thương là Võ Đinh, tức Ân Cao Tông). Vị này ẩn cư nơi Truyền Nham, vua Cao Tông nằm mộng thấy ông ta, đi tìm hỏi biết ông là người hiền tài, mời về triều phong ông làm Tế tướng, thì nước nhà yên trị.

(2) Phúc: Phúc đáp.

(3) Tùng thăng: Giữ đúng theo mục thước.

(4) Hậu: Túc chỉ vua.

(5) Khắc: Nhiều, đầy đủ.

(6) Thần phát mệnh kỳ thừa: Hạ thần không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, để chủ động phát biểu. Phát mệnh: Không tuân lệnh. Thừa: Nhận chỉ ý.

(7) Kì: Sự cung kính. Thông “kì”.

(8) Nhược: Thuận theo.

(9) Hưu mệnh: Mệnh lệnh tốt đẹp đúng đắn, phần lớn chỉ “Chỉ ý” của nhà vua hay của thần minh. Hưu: Tốt đẹp.

Diễn giải:

Theo truyền thuyết lời phúc đáp cho vua là: “Cửa đục gỗ theo mục thước mới đúng chuẩn, Bệ hạ nhờ được can gián mà trở nên thánh minh. Vua thánh minh thì bầy tôi bất tất chờ lệnh vua mới tiến hành can gián. Thử hỏi ai còn dám không cung kính, tuân thủ mệnh lệnh đúng đắn của nhà vua anh minh mà còn phải can gián?

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

三七

劉毅，字仲雄，東萊人也。治身清高，厲志方直，為司隸校尉。子鼓吹入東掖門，毅奏劾保傳以下，詔赤之，然後得入。世祖問毅曰：“卿以吾可方漢何帝？”對曰：“可方桓靈”。世祖曰：“吾雖德不人，猶克己為治，又平吾會，混一天下。方之桓靈其已乎？”對曰：“桓靈賣官錢入官庫，陛下賣官錢入私門，以言之，殆不如桓靈也。”（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm

37

Lưu Nghị (1) tự Trọng Hùng, Đông Lai nhân dã. Trị thân thanh cao (2), lệ (3) chí phương trực (4), vi Tư lệ hiệu úy (5). Hoàng Thái tử (6) cố xuy (7) nhập đông dịch môn (8), Nghị tấu hạch (9) Bảo truyền (10) dĩ hạ, chiếu sắc chi, nhiên hậu đắc nhập. Thế Tổ (11) vấn Nghị viết: “Khanh dĩ ngô khả phương (12) Hán hà đế?” Đối viết: “Khả phương Hoàn, Linh (13)”. Thế Tổ viết: “Ngô tuy đức bất cập cố nhân, do khắc kỷ (14) vi trị, hựu bình Ngô Cối (15), hỗn nhất (16) thiên hạ, phương chi Hoàn, Linh kỳ dĩ thậm (17) hồ?”. Đối viết: “Hoàn, Linh mại quan tiền nhập quan khố, bệ hạ mại quan tiền nhập tư môn (18), dĩ thử ngôn chi, nãi đãi bất như Hoàn, Linh dã”. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Lưu Nghị: (216-285 CN), tự Trọng Hùng người huyện Đông Lai Dạ, là hậu duệ của Thành Dương vương Lưu Chương nhà Tây Hán, làm quan cho nhà Tào Ngụy rồi nhà Tây Tấn. Lưu Nghị là người công chính cương trực hạch nhiều cấp quan lớn nhỏ, hạch tội các nhà hào tộc tại kinh sư.
- (2) Trị thân thanh cao: Tu thân thanh liêm cao thượng.
- (3) Lệ chí: Khích lệ ý chí, rèn luyện ý chí. Lệ: Khích lệ.
- (4) Phương trực, chỉ nhân phẩm đoan phương chính trực.

(5) Tư lệ hiệu úy: Chức quan chuyên giám sát quan chức thời Tây Tấn, chức trách của chức này là giám đốc từ các đại thần, hoàng thân quốc thích trong triều, cho đến quan viên tại 6 quận phụ cận kinh sư.

(6) Hoàng Thái tử: Con trai đầu của vua hoặc người sẽ kế vị sau khi vua qua đời.

(7) Cổ xúy: Đội nhạc cung đình nhà Hán chơi trong tiệc tùng của vua với quần thần. Đại giá xuất du, đi trước và theo sau có đội trống kèn thổi nhạc làm nghi trượng, còn khi ban thưởng cho bầy tôi có công, như ban siêu báis trưởng sử, giả đánh trống thổi kèn, phẩy phướng, (khi quan viên xuất hành thì nghi trượng là cờ xí), tức là lệ cho bầy tôi được hưởng. Ở đây ý nói đánh trống thổi kèn huyền ảo.

(8) Đông Dịch môn: Cổng nhỏ bên đông cổng chính vào cung điện. Dịch môn: Ngày xưa cổng chính vào cung vua, có 2 cổng phụ hai bên, Nhan Sư Cổ chú: “Người tỵ dịch thì không vào cổng chính mà vào cổng phụ hai bên”. Thời cổ đại, Thái tử ở dãy nhà phía đông hoàng cung, Thái tử vào triều kiến phụ hoàng thì theo cổng phụ phía đông vào cung.

(9) Tấu hặc: Tấu chương nêu tội trạng.

(10) Bảo truyền: Ngày xưa các vua thường đề bạt các quan viên ưu tú hiển lương, bổ nhiệm vào việc dạy dỗ cho con trai con gái, gọi chung là “Bảo truyền”.

(11) Thế Tổ: Túc Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm (236-290 CN), tự là An Thế, người huyện Ôn, quận Hà Nội, là con của Tư Mã Chiêu, Viêm soán ngôi nhà Ngụy xưng đế, lập ra nhà Tây Tấn, là Tấn Vũ Đế, định đô tại Lạc Dương, cải niên hiệu là Thái Thủy (265 CN), làm vua 26 năm, thụy hiệu là Vũ hoàng đế.

(12) Phương: So sánh, đối chứng.

(13) Hoàn, Linh: Chỉ Hoàn Đế và Linh Đế, hai vị hoàng đế cuối nhà Hán. Hán Hoàn Đế tên Lưu Chí, là vua thứ 11 nhà Đông Hán, thời vua này có họa bè đảng “Đảng cố chi họa”, chính trị suy đồi, thế nước hèn yếu. Hán Linh Đế tên Lưu Hoàn, vua thứ 12 nhà Đông Hán, thời vua này tại vị cũng bị họa bè đảng “Đảng cố chi loạn”, chính trị ví như người bệnh đã nhập vào tận tụy.

(14) Khắc kỷ: Nghiêm khắc yêu cầu chính mình khắc chế tư dục.

(15) Bình Ngô Cối: Chỉ việc Tấn Vũ Đế bình định 2 quận Ngô quận và Cối Kê. Vào tháng 12, niên hiệu Hàm Ninh thứ 5 (279 CN), Tấn Vũ Đế tiến công nước Ngô, ông dùng Tào Sung làm Đại đô đốc, Vương Tuấn, Đường Bân Quân dẫn quân theo đường thượng du; Đỗ Dự, Hồ Phấn, Vương Nhung Quân dẫn quân theo đường trung du; Vương Hồn, Tư Mã Trú dẫn quân theo đường hạ du, chia thành nhiều ngã cùng tiến đánh. Đến năm thứ hai thì quân nhà Tấn tiến sát Kiến Nghiệp, kinh đô nước Ngô. Tôn Hạo thấy thế thua đã rõ nên xin hàng. Tây Tấn thống nhất thiên hạ, đổi niên hiệu là Thái Thủy nguyên niên. Theo sách “Tấn thư – Vương Tuấn truyện”. Văn: nhiều người ca ngợi quân nhà Tấn là “quân không chém giết, thành chắc mấy cũng phá được”. Ngô Cối, tức 2 quận là Ngô quận và Cối Kê, vào thời nhà Hán gọi chung là Ngô Cối, ngày nay là miền đất thuộc 2 tỉnh Triết Giang và Giang Tô.

(16) Hồn nhất: Hợp lại làm một.

(17) Dĩ thậm: Quá thậm, thái thậm, vượt quá.

(18) Tư môn: Gia môn.

(19) Đãi: Đại khái, qua loa, biểu thị lời không chắc ăn, đưa đẩy.
Vạn: Tên loài độc trùng.

Diễn giải:

Lưu Nghị tự Trọng Hùng, người Đông Lai, là người xử thế thanh cao chính trực, làm chức Tư lệ hiệu úy. Bọn thuộc hạ của Thái tử Tư Mã Trung, đánh trống thổi kèn huyên náo, đi vào hoàng cung theo cổng phụ phía đông, Lưu Nghị tâu vua hạch tội quan Thái bảo Thái truyền và các quan viên thuộc hạ có liên quan. Nhưng sau đó nhà vua hạ chiếu tha không bắt tội chúng, và cho phép chúng được vào cung. Một lần, vua Tấn Thế Tổ hỏi Lưu Nghị: “Khanh xem ta sánh với ông vua nào triều nhà Hán?”. Lưu Nghị đáp: “Có thể so với Hán Hoàn Đế, Hán Linh Đế”. Vua Thế Tổ nói: “Về nhân đức của cổ nhân thì ta không thể sánh với họ được, nhưng ta cũng cố gắng khắc chế tư dục của mình trong việc cai trị,

ta lại bình định Ngô Hội, thống nhất thiên hạ, khanh lại xem ta như Hoàn Đế, Linh Đế thì có quá khập khiễng không?”. Lưu Nghi đáp: “Hoàn Đế, Linh Đế bán chức quan lấy tiền nhập vào quan khố, còn Bệ hạ bán chức quan lấy tiền bỏ túi riêng. Nội chuyện này, thì Bệ hạ không bằng Hoàn Đế, Linh Đế”. Tấn Thế Tổ nghe xong cất tiếng cười lớn.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

三八

主好作宮室臺池，諫者不聽；主好怒，妄誅殺人，諫者不聽；主好所愛，無德而貴者，諫者不聽；主好利奪萬民，諫者不聽；主好珠玉奇怪異物，諫者不聽；是六不聽。（卷三十一，六韜，文韜）。

Phiên âm

38

Chúa háo tác cung thất đài trì, gián giả bất thính. Chúa háo phần nô, vọng tru sát nhân, gián giả bất thính. Chúa háo sở ái, vô công đức nhi cao quý giả, gián giả bất thính. Chúa háo tài lợi, xảo đoạt vạn dân, gián giả bất thính. Chúa háo châu ngọc, kỳ quái dị vật, gián giả bất thính. Thị vị lục bất thính. (Quyển 31 - Lục thao - Văn thao).

Chú thích:

- (1) Hào: Thích, ham.
- (2) Bất thính: Ý nói không nghe theo ý kiến của người khác.
- (3) Vọng: Làm bậy theo ý mình.

Diễn giải:

Nhà vua thích xây dựng cung thất lầu cao, không nghe những lời can gián. Nhà vua hay nạt nộ, vô cớ giết người, không nghe những lời can gián. Nhà vua thích gì làm nấy, cất nhắc người mình yêu mến làm to, chẳng nghe những lời can gián. Nhà vua ham tiền của, thâm tóm tài vật của nhân dân, không nghe những lời can gián. Nhà vua ham châu báu, chiếm đoạt của nhân dân, không nghe những lời can gián. Nhà vua thích vật lạ, không nghe những lời can gián. Đó là “6 thứ can gián không nghe”.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

三九

四必亡：一曰強諫不可止，必亡；二曰強諫知而不用，**hựu: rộng**
thứ 必亡；三曰以寡正，強正眾邪，必亡；四曰以寡直，強正眾，
必亡。(卷三十一，六韜，文韜)。

Phiên âm

39

Tứ tất vong: Nhất viết, cường gián (1) bất khả chỉ, tất vong; Nhị viết cường gián tri nhi bất khả dụng, tất vong; Tam viết dĩ quả chính (2) cường chính (3) chúng tà, tất vong; Tứ viết dĩ quả trực (4) cường chính chúng khúc, tất vong. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

(1) Cường gián: Dùng lời chính trực khuyên bảo người khác hết sức quyết liệt.

(2) Quả chính: Lực lượng chính hướng nhỏ lẻ.

- (3) Cường chính: Cứng cỏi không a dua, bắt làm theo trên.
- (4) Quả trực: Chính trực nhỏ lẻ.
- (5) Chúng khúc: Ở đây chỉ có nhiều chuyện bậy bạ, quái quỷ.

Diễn giải:

Cái gọi là “Bốn ắt bại” đó là: Một, can gián quyết liệt mà vua vẫn không nghe lời thì ắt bại. Hai, can gián quyết liệt những việc mà vua đã biết rõ mà không dùng đến, ắt bại. Ba, Dùng lực lượng chính hướng nhỏ lẻ chính đốn chống lại quyết liệt bọn gian tà đông đảo, ắt bại. Bốn, dùng lực lượng cương trực nhỏ lẻ đi uốn nắn số đông người bậy bạ, ắt bại.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

四十

公曰：“管夷吾親射寡人，中鉤殆於死，今乃用之，可乎？鮑叔曰：”彼為其君也！君若宥而反之，其為君亦猶是也”。公使人請之，魯囚管仲與齊，桓公親迎郊，與歸，禮之于廟，問為政焉。（卷三十二，晏子，小匡）。

Phiên âm

40

Công (1) viết: “Quản Trọng ngô (2) thân xạ quả nhân, trúng câu (3) đả ư tử, kim nãi dụng chi, khả hồ?”. Bão Thúc (5) viết: “Bỉ vĩ (6) kỳ quân dã! Quân nhược hựu nhi phản chi (7), kỳ vị quân diệc do thị dã”. Công sử nhân thỉnh chi, Lỗ tù (9) Quản Trọng dĩ dữ Tể. Hoàn Công thân nghinh chi giao, toại dĩ quy, lễ chi vu miếu, nhi vấn vi chính yên (10). (**Quyển 32 - Yến Tử - Tiểu khuông**).

Chú thích:

(1) Công: Ở đây chỉ vua Tề Hoàn Công, là ông vua thứ 15 nước Tề thời Xuân Thu, họ Khương, tên là Tiểu Bạch. Ông đứng đầu Ngũ bá thời Xuân Thu (Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Công và Tần Mục Công). Tề Hoàn Công được Bào Thúc Nha tiến cử, đã bổ nhiệm Quản Trọng làm Tể Tướng, tiến hành cuộc cách mạng cải cách nước Tề, thực hành chế độ “Quân chính hợp nhất, binh dân hợp nhất” nước Tề dần dần cường thịnh. Bấy giờ tại Trung nguyên nước Tàu, nhân dân khổ vì nạn người Nhung địch tiến quân đánh phá cướp bóc, Tề Hoàn Công dương cao ngọn cờ “Tôn vương nhượng di” tiến công Sơn Nhung phía bắc, chinh phạt nước Sở phía nam. Tề Hoàn Công trở thành bá chủ miền Trung nguyên, được vua nhà Chu ban thưởng.

(2) Quản Di Ngô: Là Quản Trọng, người Dĩnh thượng nước Tề, trước thờ công tử Củ, sau theo Tề Hoàn Công làm tới Tể tướng. Ông thúc đẩy lưu thông hàng hóa, tích tụ tiền của, binh mạnh nước giàu, tôn trọng nhà Chu, đánh trừ Nhung địch, liên kết các nước chư hầu, thống trị thiên hạ. Vua Tề Hoàn Công tôn trọng ông xưng ông là “Trọng phụ”, Quản Trọng là ông tổ khai sinh “pháp gia Trung Hoa. Tên thụy là “Kính”, cũng gọi là Quản Tử, Quản Trọng, Trọng Tử.

(3) Trúng câu: Chỉ việc thời Xuân Thu, Quản Trọng bắn trúng cái móc áo của hoàng tử Tiểu Bạch nước Tề.

(4) Đãi: Cơ hồ, gần với, sai không bao nhiêu.

(5) Bào Thúc: Tức Bào Thúc Nha, làm quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu. Thuở nhỏ Bào Thúc Nha chơi thân với Quản Trọng, biết bạn nhà nghèo nhưng có tài, Quản Trọng phò công tử Củ. Bào Thúc Nha biết Quản Trọng nhà nghèo, nhưng có tài, giao thiệp rộng, khi trưởng thành, Bào Thúc Nha phò công tử Tiểu Bạch, Quản Trọng phò công tử Củ. Công tử Củ chết, Quản Trọng ở tù. Bào Thúc Nha tiến cử Quản Trọng với Tề Hoàn Công, Quản Trọng phò tá vua Tề Hoàn Công lập nên nghiệp Bá, Người đời khen Bào Thúc Nha biết người mà tiến cử không tranh cạnh.

(6) Vi: Âm vị: Nghĩa bang trợ.

(7) Hựu nhi phản chi: Khoan thứ mong hồi tỉnh. Hựu: Khoan thứ, tua thứ, Phản: Trở lại, quay về.

Sử: Mệnh lệnh, sai khiến.

(8) Tù: Là ở tù.

(9) Yên: Bố trí cuối câu, biểu thị khẳng định. Tương đương với chữ “đã”, vậy.

Diễn giải:

Tề Hoàn Công nói: “Quản Trọng từng đích thân bắn quả nhân, bắn trúng cái móc áo của quả nhân, khiến quả nhân suýt nguy tính mệnh. Ngày nay ta dùng ông ta liệu có nên chăng?”. Bào Thúc Nha nói: “Lúc bấy giờ Quản Trọng ra sức phò tá chúa của mình là đúng chứ! Nếu chúa công khoan thứ cho ông ấy, để ông ấy trở về nước Tề, thì Quản Trọng sẽ ra sức phò tá chúa công”. Vua Tề Hoàn Công cử sứ giả đến nước Lỗ đòi Quản Trọng. Nước Lỗ dùng xe tù chở Quản Trọng bàn giao cho nước Tề. Tề Hoàn Công đích thân đến ngoài thành đón tiếp Quản Trọng, rồi cùng nhau về nước Tề. Tại tổ miếu, Tề Hoàn Công dùng lễ nghi tiếp đãi Quản Trọng rồi sau đó xin ông ta giảng dạy về đạo trị nước.

(Theo sách Yến Tử - Tiểu khuông - Quyển 32).

Nguyên văn:

四一

楚靈王作為頓宮，三年未息也，又為章華之臺五年未息也，而又為乾谿之役，八年百姓之力不足，而自息也。靈王死乾谿，而民不與歸。龜明君之義而修靈王之跡，嬰懼君之以暴之行，而不賭長來之樂也，不若息之”。公曰：“善！非夫子寡人不知得罪於百姓深也！”於是令勿收斬板去之。（卷三十三，晏子，諫下）。

Phiên âm

41

Sở Linh vương (1) tác vi Đốn cung (2), tam niên vị tức dã, hựu vi Chương Hoa chi đài (3), ngũ niên vị tức dã, nhi hựu vi Càn Hê (4) chi dịch, bát niên, bách tính chi lực bất túc, nhi tự tức dã. Linh vương tử Càn Hê, nhi dân bất dĩ quy (5). Giác minh quân chi nghĩa, nhi tu Linh vương chi tích, Anh cụ quân chi hữu bạo dân (8) chi hành, nhi bất đồ trường lai chi lạc (9) dã, bất nhược tức chi”. Công viết: “Thiện! phi phu tử, quả nhân bất tri đắc tội ư bách tính thâm dã! Ư thị lệnh vật thu (11) nhi khứ chi (12). (Quyển 33 - Yến Tử - Gián hạ).

Chú thích:

(1) Sở Linh vương: Tên là Vi, riêng thích gái đẹp lưng thon, sử chép: “Sở vương thích [gái] lưng thon, nên nhiều cô gái [cung nữ] chết đói”. Linh vương ở Càn Hê, việc nước trong tay Sái công Khí Tật (em của Linh vương, sau làm vua là Sở Bình vương). Sái công Khí Tật giết các con trai của Linh vương là Thái tử Lộc và công tử Bã Địch, đưa công tử Tỷ lên làm vua nước Sở. Khi Sái công Khí Tật cử binh đánh, thì quân lính của Linh vương vốn bất mãn với Linh vương nên tự nhiên tan rã, tan tác như đàn chim đàn thú, chỉ còn lại một mình Linh vương nơi Càn Hê. Năm thứ 12 (529 trước CN) Sở Linh vương đến nhà Thân Hợ trốn, Thân Hợ làm chức Vu thi (tên một chức quan nước Sở thời Xuân Thu), đến tháng 5, mùa hạ thì Linh vương tự thắt cổ chết. Vu thi Thân Hợ, buộc hai cô con gái của mình chết theo [tuần táng].

(2) Đốn cung: Làm “khoảnh cung”, cung điện cao to nguy nga, rất là cao to, nhìn thấy phải giật mình thán phục nên mới có tên Đốn.

(3) Chương Hoa chi đài: Tên khu lâm viên cung điện của vua nước Sở thời Xuân Thu, xây dựng năm thứ 6 Sở Linh vương, Đài Chương Hoa là đài chính trong một nhóm đài, nhiều đài đơn lẻ tạo thành rừng kiến trúc ly cung to rộng. Chiều đông tây khoảng hai ngàn thước, chiều nam bắc khoảng một ngàn thước, diện tích 2 triệu thước vuông, có kênh thoát nước. Sở Linh vương năm thứ

12, quân lính làm giặc tràn ngập, viên đài bị đốt cháy. Di chỉ nay là miền bắc thôn Chương Hoa Đài, thị trấn Thành Quan, huyện Thương Thủy.

(4) Càn Hề: Là tên đài Càn Hề, vào thời Xuân Thu, Sở Linh vương cho xây ngôi đài cao, dùng để quan sát thiên văn, di chỉ nay thuộc miền tây bắc huyện Giám Lợi, tỉnh Hồ Bắc. Sách *Công Dương truyện - Chiêu Công thập tam niên* viết: Linh vương làm chuyện vô đạo, xây đài Càn Hề, 3 năm chưa xong”.

(5) Dân bất dĩ quy: Chỉ việc nhân dân không chịu đưa thi hài Sở Linh vương về kinh đô nước Sở.

(6) Tu: Tuân thủ, y chiếu.

(7) Anh: Ân Anh, tự là Trọng, người nước Tề thời Xuân Thu, từng phò tá các vua nước Tề như Linh công, Trang công, cùng Cảnh công, ông là người thượng kiệt lực hành, là danh thần thời bấy giờ. Thụ là “Bình”, sử gọi là “Yến Bình Trọng”, người đời sau tôn sùng ông gọi ông là “Yến Tử”.

(8) Bạo dân: Dân chúng vi phạm pháp luật hoặc có hành vi bạo lực dẫn đến xã hội loạn lạc bất an.

(9) Trường lai chi lạc: Vui thích khi cung Trường Lai làm xong., Cung Trường Lai của nước Tề.

(10) Quả nhân: Người ít đức hạnh, lời nói khiêm của các ông vua thời xưa.

(11) Trảm bản: Cắt đứt dây buộc bản cam kết với nhau.

(12) Khứ chi: Bách tính đều trở về nhà.

Diễn giải:

Yến Tử can gián vua Tề nói: “Sở Linh vương cho xây dựng Đồn cung suốt 3 năm chưa xong, lại xây dựng Chương Hoa đài, 5 năm chưa xong, tiếp đó lại cho xây đài quan sát thiên văn Càn Hề thật cao, hết 8 năm làm hao tổn nghiêm trọng nhân lực tài lực của bách tính. Khiến cho các công trình không thể không tự đình chỉ, không thể đưa vào sử dụng được. Sở Linh vương phải tự tử ở Càn Hề mà nhân dân cũng không muốn đưa thi thể về kinh sư nước

Sở. Ngày nay, bệ hạ không tuân theo chính sách quy phạm của các vị minh quân hiền năng, mà muốn theo con đường phá sản của Sở Linh vương trước đây, thì hạ thần tin rằng bệ hạ sẽ bị cảnh bạo loạn của bách tính, trước khi cung Trường Lai xây dựng xong để nhà vua vui thú. không bằng nhà vua cho đình chỉ việc xây dựng công trình ấy”. Tề Cảnh Công nói: “Rất tốt! Quả không nhờ tiên sinh, vì quả nhân còn không biết chuyện ấy lại đặc trọng tôi với bách tính như vậy!”. Rồi nhà vua ra lệnh ngưng việc xây dựng, cho nhân dân đến làm việc tại công trường đều được về nhà.

(Theo sách **Yển Tử - Gián hạ - Quyển 33**).

Nguyên văn:

四二

魏武侯嘗謀事，群臣莫能及，罷朝而有喜色。吳起進曰：“昔楚莊王謀事，群臣莫能及，罷朝而有憂色。曰：“寡人聞之，世不絕聖，國不乏賢，能得其師者王，能得其友者霸。今寡人不才而群臣莫之過國其殆矣”。莊王所憂而君悅之，臣竊懼矣”。於是魏武侯乃慚。（卷三十六，吳子，厲士）。

Phiên âm

42

Ngụy Vũ Hầu (1) từng [thường] (2) mưu sự (3), quần thần mạc năng cập, bãi triều (4) nhi hữu hỉ sắc, Ngô Khởi tiến (5) viết: “Tích, Sở Trang vương (6) mưu sự, quần thần mạc năng cập, bãi triều (4) nhi hữu ưu sắc, viết: “Quả nhân văn chi, thế bất tuyệt thánh, quốc bất phạp hiền, năng đặc kỳ su (8) giả vương, năng đặc kỳ hữu (9) giả bá (10). Kim quả nhân bất tài (11) nhi quần thần mạc chi quá (12), quốc kỳ đãi (13) hỹ. Trang vương sở ưu, nhi quân duyệt chi, thần thiết cụ hỹ”. Ứ thị Vũ hầu nãi tầm. (**Quyển 36 - Ngô Tử - Lệ sĩ**).

Chú thích:

- (1) Ngụy Vũ Hầu: (?-370 trước CN), thống trị nước Ngụy thời Chiến Quốc, họ Ngụy, tính Cơ, tên Kịch, là con trai của Ngụy Văn Hầu. Kế vị Ngụy Văn Hầu năm 396 trước CN.
- (2) Thường: Từng trải qua.
- (3) Mưu sự: Làm kế hoạch.
- (4) Bãi triều: Nhà vua rời phòng họp hoặc bầy tôi rời phòng họp ra về.
- (5) Tiến: Tàu lên, dâng lên, trình lên.
- (6) Sở Trang vương: Vua nước Sở thời Xuân Thu, tên Lã là vua hùng tài, tín nhiệm Ngũ Cừ, Tô Tùng, cai trị sắc sảo, thế nước Sở đại chấn, diệt nước Dung, khắc nước Tống, phạt Trần, vây Trịnh, tranh ngôi bá chủ với nước Tấn; là một trong ngũ bá thời Xuân Thu, làm vua 23 năm, thụy là “Trang” còn gọi là Kinh Trang vương.
- (7) Ưu sắc: Thần sắc u sầu.
- (8) Sư: Điển hình.
- (9) Hữu: Thân cận.
- (10) Bá: Thời cổ đại nước làm minh chủ của chư hầu, gọi là bá chủ các chư hầu.
- (11) Bất tài: Không có tài.
- (12) Mạc chi quá: Không quá, không vượt qua nó.
- (13) Đãi: Ngụy.
- (14) Thiết: Tư thấy.
- (15) Tàm: Hồ thẹn.

Diễn giải:

Ngụy Vũ Hầu bàn việc nước với quần thần, trong đám bầy tôi của ông không có người giỏi hơn vua, khi bãi triều, khí sắc của Vũ Hầu có vẻ vui. Ngô Khởi tâu lên: “Ngày trước vua Sở Trang vương

hợp bàn việc nước với quần thần, trong đám quần thần không có ai giỏi hơn vua, khi bãi triều, vua Sở Trang vương buồn rầu nói: “Quả nhân nghe nói trên đời không hết bậc Thánh nhân. Đất nước chẳng thiếu người tài, những người có khả năng bày biểu vua, có khả năng thân cận vua, mưu chuyện bá chủ. Nay quả nhân bắt tài mà quần thần thiếu người giỏi hơn quả nhân, thì nước Sở nguy vậy”. Điều mà Sở Trang vương lo buồn, chúa công lại vui mừng, thần tự thấy lo sợ”. Ngụy Vũ Hầu có vẻ thẹn.

(Theo sách Ngô Tử - Lệ sĩ - Quyển 36)

Nguyên văn:

四三

范獻子遊於河，大夫皆存。君曰：“孰知樂氏之子？”大夫莫答。舟人清涓舍楫而答曰：“君奚問樂氏之子為？”君曰：“自吾亡樂氏也，其者未死而少者壯矣，吾是以之”。清涓曰：“君善修晉國之政，內得大夫外不失百姓，雖樂氏之子，其若君何？君若不修晉國之政，內不得大夫而外失百姓，則舟中之人皆樂氏之子也”。君曰：“善哉言！”明日朝，令賜舟人清涓田萬畝，清涓辭。君曰：“以此田也，易彼言也，子尚喪，寡人猶得也”。古之貴言也若此。（卷三十六，尸子，貴言）。

Phiên âm

43

Phạm Hiến Tử (1) du (2) ư hà, đại phu giai tồn. Quân (3) viết: “Chấp tri Nhạc thị (4) chi tử?” Đại phu mạc (5) đáp, Chu nhân (6) Thanh Quyên xả tiếp nhi đáp viết: “Quân hể vấn Nhạc thị chi tử vi?” Quân viết: “Tự ngô vong Nhạc thị dã, kỳ lão giả vị tử nhi thiếu giả tráng hỹ, ngô thị dĩ vấn chi”. Thanh Quyên viết: “Quân thiện tu Tấn quốc chi chính, nội đắc đại phu nhi ngoại

bất hất bách tính, Tuy Nhạc thị chi tử, kỳ nhược quân hà? Quân nhược bất tu Tấn quốc chi chính, nội bất đắc đại phu nhi ngoại thất bách tính, tắc chu trung chi nhân, giai hạc thị chi tử dã”. Quân viết: “Thiện tai ngôn!” Minh nhật triều, lệnh tứ chu nhân Thanh Quyên điễn vạn mẫu, Thanh Quyên từ. Quân viết: “Dĩ thử điễn dã, dị bỉ ngôn dã, tử thượng táng (11), quả nhân do đắc dã”. Cổ chi quý ngôn dã nhược thử. (**Quyển 36 - Thi Tử - Quý ngôn**).

Chú thích:

- (1) Phạm Hiến Tử: Họ Phạm, tính Kỳ, còn gọi là Sĩ Ưởng, sử sách viết là Phạm Hiến Tử, người nước Tấn thời Xuân Thu, tài năng trác việt, nhà chính trị, nhà ngoại giao xuất sắc.
- (2) Du: Trôi nổi.
- (3) Quân: Thời cổ đại, các cấp thống trị có điễn sản từ Đại phu trở lên đều thông xưng là quân.
- (4) Nhạc thị: Thời Tây Chu, Đường Thúc Ngu được phong ở Tấn, hình thành nước Tấn, Đòi sau người cháu của Tấn Tĩnh Hầu tên là Tấn, được phong ở Nhạc ấp, nay là Nhạc thành thuộc tỉnh Hồ Bắc, nên con cháu về sau bắt đầu lấy Nhạc làm họ của tộc mình, trở thành một danh gia vọng tộc ở nước Tấn.
- (5) Mạc: Không có.
- (6) Thuyền nhân: Phu thuyền.
- (7) Thanh Quyên: Tên người.
- (8) Xá tiếp: Nem mái chèo. Tiếp = tường: Mái chèo, mái chèo ngắn gọi là tiếp, mái chèo dài gọi là trạo.
- (9) Hê: Chỉ nghi vấn.
- (10) Diễn giải: Trao đổi.
- (11) Thượng táng: Còn có chỗ dờ.

Diễn giải:

Vua Phạm Hiến Tử ngồi thuyền du ngoạn trên sông, trên thuyền có các quan đại phu, Phạm Hiến Tử nói: “Có vị nào biết

rõ tình hình con cháu dòng họ Nhạc không?”. Các quan đại phu không có ai trả lời. Người chèo thuyền tên Thanh Quyên ngưng tay chèo, nói: “Có phải ngài muốn hỏi con cháu dòng họ Nhạc?”. Phạm Hiến Tử nói: “Từ khi ta tiêu diệt dòng họ Nhạc, đến nay người già đã chết hết không còn ai, người trẻ nay đã trưởng thành, ta muốn biết đến nay họ như thế nào?”. Thanh Quyên nói: “Bệ hạ ra sức cai trị nước Tấn rất tốt, trong triều nhà vua được các vị đại phu giúp rập, bên ngoài triều đình thì được bách tính một lòng ủng hộ, nếu con cháu họ Nhạc trưởng thành thì họ có làm được những thành tựu như bệ hạ hay không? Nếu trị nước không tốt, trong triều không được các vị đại phu giúp rập, bên ngoài bách tính không ủng hộ, thì các vị trong thuyền này sẽ biến thành con cháu họ Nhạc cả, thành kẻ địch chống lại vua cả”. Phạm Hiến Tử nói: “Người nói rất hay!”. Hôm sau, họp triều đình, hạ lệnh thưởng cho người chèo thuyền Thanh Quyên một vạn mẫu ruộng. Thanh Quyên từ chối không nhận. Phạm Hiến Tử nói: “Bấy nhiêu ruộng đối lấy lời nói hay của người cũng chưa tương xứng, trong việc này ta thấy ta còn có lỗi đấy!”. Người xưa coi trọng lời can gián đến như vậy đó.

(Theo sách Thi Tử - Quý ngôn - Quyển 36)

Nguyên văn:

六：杜讒邪

四四

馮胆字少胄，安平人也。稍遷左衛將軍，承顏悅色，寵愛日隆。賈充，荀勗並與之親善。世祖昭治金鏞，廢賈妃，已定，胆與勗乾沒救請，故得不廢。輔侍中，世祖篤得愈，胆與勗乃言於世祖曰：“陛下者苦差，太子廢矣。齊王為百姓所歸，公卿所仰，其得免乎？宜譴還藩，以安社稷”。世祖納之。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm

LỤC: ĐỔ SÀM TÀ

44

Phùng Đả (1), tự Thiếu Trụ, người An Bình. Sảo thiên (2) Tả Vệ tướng quân (3), thừa nhan (4) duyệt sắc (5), sủng ái nhật long. Giả Sung (6), Tuân Úc (7), tịnh dữ chi thân thiện. Thế Tổ chiêu trị Kim Dong (9), phế Giả phi (10), dĩ định, Đả dữ Úc can một cứu thính (11), cố đặc bất phế. Phụ Thị trung (12), Thế Tổ đốc bệnh đặc dữ (13), Đả dữ Úc nãi ngôn ư Thế Tổ viết: “Bệ hạ tiền giả bệnh khổ bất sai (14), Thái tử kỳ phế hỹ, Tề vương (15) vi bách tính sở quy, công khanh (16) sở ngưỡng, tuy dục cao nhượng (17), kỳ đặc miễn hồ? Nghi quý hoàn phiên (18), dĩ an xã tấ”. Thế Tổ nạp chi. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Phùng Đả: (?-286 CN): Tự là Thiếu Trụ, người An Bình (nay là huyện Ký tỉnh Hà Bắc), làm quan dưới thời nhà Tây Tấn.

(2) Thiên: Thăng chức.

(3) Vệ tướng: Thống soái quân đội phòng vệ.

(4) Thừa nhan: Thừa lệnh bậc trên, gọi là thị phụng các vị tôn trưởng. Ở đây có nghĩa châm biếm. Ý làm ra vẻ phụng thừa nhà vua.

(5) Duyệt sắc: Thần sắc vui tươi.

(6) Giả Sung: Tự Công Lữ, người huyện Tương Lăng quận Bình Dương (nay là Tương Phần, Thiểm Tây), là con của Giả Đạt làm quan Thứ sử Dự Châu thời Tào Ngụy. Thời Tam Quốc là đại thần của nhà Tào Ngụy, là công thần khai quốc của nhà Tây Tấn, là người tâm phúc của Tư Mã Chiêu và Tư Mã Viêm. Con gái của Giả Sung là Giả Bao lấy Tư Mã Du, em của Tư Mã Viêm, con gái là Giả Nam Phong lấy Tư Mã Trung, con Tư Mã Viêm. Giả Sung kết thông gia với hoàng thất, địa vị hiển hách. Thụy hiệu là Vũ Công.

(7) Tuân Úc: Còn gọi là Cầu Húc, tự Công Tăng, người Dĩnh Xuyên

thời Tây Tấn (nay là huyện Hứa Xương tỉnh Hà Nam), ban đầu làm quan cho Tào Ngụy, nhà Tây Tấn phong làm Tế Bắc Quận công, Quan Lộc đại phu, chuyên quản lý dược liệu. Bấy giờ nhân việc triều đình khai quật trong một nghĩa địa, tìm được quyển sách viết trên các thẻ tre, vua ban chiếu cử Tuân Úc soạn làm trung kinh, cất giữ trong bí thư. Tuân Úc chết được ban tên thụy là “Thành”.

(8) Thế Tổ: Túc Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm, (236-290 CN), tự là An Thế, người huyện Ôn, quận Hà Nội, con trai Tư Mã Chiêu, soán nhà Ngụy, xưng đế, lập nên nhà Tây Tấn, là Tấn Vũ Đế, định đô Lạc Dương, cải niên hiệu là Thái Thủy, (265 CN), làm vua 26 năm, thụy hiệu Vũ Hoàng đế.

(9) Kim Dong: Tên một tòa thành cổ. Vua Ngụy Minh đế thời Tam Quốc cho xây nên, bấy giờ nơi góc tây bắc Lạc Dương (nay ở phía đông thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), có một ngôi thành nhỏ, thành nhỏ là di tích thành Kim Dong.

(10) Giả phi: Giả Nam Phong, Giả Sung khai quốc công thần nhà Tây Tấn, có 3 con gái một cô là hoàng hậu của Tấn Huệ đế Tư Mã Trung, còn gọi là Huệ Giả hoàng hậu, Giả hậu.

(11) Can một cầu thỉnh: Đầu cơ cầu lợi mà cứ khẳng khăng khuyên can và cầu tình. Can một: Đầu cơ đồ lợi.

(12) Thị trung: Tên một chức quan, qua lại đông sớng nội điện. Nhà Tấn bố trí 5 người, giữ việc tấu sự. Thời nhà Hán trước đó dùng Gia quan, chia ra trách nhiệm từng phần việc, hầu hai bên tả hữu nhà vua, cùng tham gia việc triều chính, là trọng thần thân tín của nhà vua. Từ nhà Ngụy Tấn trở đi là trưởng quan của cơ quan Môn hạ tỉnh, đến thời nhà Nguyên phế trừ, cũng gọi là “Nạp ngôn”.

(13) Đốc bệnh đặc dữ: Bệnh thể trầm trọng được thuyên giảm. Đốc bệnh: Ý nói bệnh thể trầm trọng.

(14) Sai: Bệnh giảm.

(15) Tế vương: Tư Mã Du, tự Đại Do, tiểu tự Đào Phù, là đại thần nhà Tào Ngụy, là tông thất nhà Tây Tấn, là con trai thứ của Tư Mã Chiêu, em cùng mẹ với Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm, một trong 8 vương làm phản.

(15) Công khanh: Các quan to.

(16) Cao nhượng: Chắp tay cung kính nhún nhường, thời xưa biểu thị thói nhượng, từ nhượng, thì cung tay giờ cao, nên gọi như vậy.

(17)Phiên: Các vua chư hầu được phong làm vua một nước, như thuộc địa.

(18) Xã Tác: Vốn chỉ thổ thần và cốc thần. Vì xã tác được bậc đế vương cúng tế, nên về sau dùng chỉ quốc gia.

(19) Nạp: chấp, nhận.

Diễn giải:

Phùng Đảm, tự Thiếu Trụ, người quận An Bình, từng bước được thăng quan đến chức Tả vệ tướng quân. Ông ta giỏi quan sát lời nói sắc mặt của người ta, đón được tâm ý của nhà vua, nên được vua Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm sủng ái ngày càng sâu sắc. Giả Sung, Tuân Úc đều thân thiện với Phùng Đảm. Vua Vũ đế ban chiếu ra lệnh chinh tu thành Kim Dong là cấm địa của hoàng gia, muốn phế trừ Thái tử phi Giả Nam Phong. Những vụ việc ấy đã được quyết định rồi, Phùng Đảm và Tuân Úc, suy nghĩ xem xét đến hậu quả lợi hại được mất của việc ấy, ra sức cứu vãn. Nhờ đó mà Giả phi không bị phế. Phùng Đảm sau đó được thăng chuyển lên chức Thị trung, vào niên hiệu Thái Khang thứ ba, Vũ đế sau cơn bệnh trầm trọng đã tuyên giảm, Phùng Đảm và Tuân Úc tâu vua: “Trước đây Bệ hạ lâm trọng bệnh, tưởng không thể khỏe lên được, còn Thái tử thì bị phế. Tể vương Tư Mã Du được bách tính ủng hộ, được các công khanh đại thần tôn sùng, tình thế việc nhượng ngôi có thể tránh được chăng? Chi bằng nên điều động Tể vương trở về lãnh thổ ông ấy được phong để yên việc nước”. Thế Tổ nghe theo.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

四五

初謀吳壹與充勗其苦諫祖不納，斷從張華。吳平，胆內懷慚懼，疾華如讎。及華外鎮，威德太著，朝論當徵為上書令。胆從容帝，論晉魏故事，因曰：“臣常謂鐘會之反，頗由太祖”。帝勃然曰：“何言耶？”胆曰：“臣以為，夫善御者，則識六轡盈縮之勢；善治者，必審官方帶之宜。故漢高八王，以寵過夷滅；光武諸將，以抑損克終。非上之人有仁暴之異，在下諸有愚智殊。蓋抑揚與奪，使之然耳。鐘會才具有限，而太祖獎誘太過，喜其謀猷，盛其名位，授以重勢，故會自策無遺策，功在不賞，張害害，遂搆凶逆耳。向令太祖錄其小能，節以大禮，抑之權勢，納之以軌度，則逆心無由而生，亂事無階而成”。世祖曰：“然”。胆稽首曰：“愚臣言，宜鎮堅冰之道，無令如會之徒喪”。世祖曰：“當起有會乎？”胆曰：“陛下謀謨之臣，著大功於天下，海莫聞知。據方鎮，總戎馬之任者，皆在陛下慮矣”。世祖默然。徵張華為太常，尋免華官。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm

45

Sơ mưu phạt Ngô, Đam dữ Sung, Úc kỳ khổ gián (1), Thế Tổ bắt nạp, đoạn (2) Tùng Trương Hoa (3). Ngô bình, Đam nội hoài tàm cụ (4), tật Hoa như thù (5), cập Hoa ngoại trấn (6), uy đức thái trứ, triều luận đương trưng Thượng thư lệnh (7). Đam tùng dung thị đế, luận Tấn Ngụy cố sự, nhân viết: “Thần thường vị Chung Hội chi phản (9), pha do Thái Tổ (10)”. Đế bột nhiên viết: “Hà ngôm da?”. Đam viết: “Thần dĩ vi, phù thiện ngự giả tất thức lục bí doanh súc chi thể (11); thiện trị giả, tất thẩm quan phương (12) khổng đới chi nghi. Thị cố Hán Cao bát vương, dĩ sủng quá di diệt; Quang Vũ (14) chư tướng, dĩ ức tổn khắc chung (15). Phi thượng chi nhân hữu nhân bạo chi dị, tại hạ giả hữu ngu trí nhi thù. Cái ức dương dữ đoạt (16), sử chi nhiên nhĩ; Chung Hội tài cụ (17) hữu hạn, nhi Thái Tổ tưởng dụ thái quá,

hỉ kỳ mưu du (18), thịnh kỳ danh vị, thụ dĩ trọng thế, cố Hội tự vị sách vô di sách, công tại bất thường(20), trương lợi hại (21), toại cấu hung nghịch nhĩ (22). Hướng lệnh Thái Tổ lục kỳ tiểu năng (23), tiết dĩ đại lễ (24), ức chi quyền thế, nạp chi dĩ nạp chi dĩ quỹ độ (25), tắc nghịch tâm vô do nhi sinh, loạn sự vô giai nhi thành”. Thế Tổ viết: “Nhiên”, Đảm khể thủ (26) viết: Ngụ thần chi ngôn, nghi trấn (27) kiên bằng chi đạo (28), vô lệnh như Hội chi đồ (29), phục trí phúc táng (30)”. Thế Tổ viết: “Đương kim khởi hữu Hội hồ?” Đảm viết: “Bệ hạ mưu mô (31) chi thần, trú (32) đại công ư thiên hạ, tứ hải mạc bất văn tri. Cú phương trấn, tổng nhung mã (33) chi hiệm giả, giai tại Bệ hạ thánh lự hỹ”. Thế Tổ mặc nhiên. Trưng Trương Hoa vi Thái thường (34), tẩm (35) miễn Hoa quan. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Khổ gián: Khổ tâm ra sức khuyên can.
- (2) Đoạn: Quyết định, phán định.
- (3) Trương Hoa: (232-300 CN): Tự Mậu Tiên, người Phương Thành thời nhà Tây Tấn (nay thuộc miền nam huyện Cố An, tỉnh Hà Bắc). Học hành ưu bác, lời hay ý đẹp, không gì không thông thạo: chiêm tinh thuật số, nghề y, bói toán, các thuật... Trương Hoa có công chinh phạt nước Đông Ngô, được phong tước Quảng Vũ hầu, người bấy giờ cho ông là “Tử Sản nước Trịnh thời Xuân Thu” làm việc chính sự lâu dài. Sau bị Triệu vương ám hại. Trú tác sách *Bác vật chí*.
- (4) Tầm cụ: Hồ thẹn sợ hãi. Tiệm: Hồ thẹn.
- (5) Tật hoa như thù: Ghen ghét hận Trương Hoa như ghét kẻ thù.
- (6), Ngoại trấn: Là trấn trọng yếu ở ngoại thành, bố trí trưởng quan đốc thủ, cũng chỉ quan viên của địa phương trấn phủ.
- (7) Thượng thư lệnh: Một chức quan, giữ các loại văn thư tấu chương. Chức quan này có từ nhà Tấn, sang thời nhà Hán, lệ thuộc thiếu phủ. Sau thời Ngụy Tấn, địa vị quan Thượng thư lệnh ngày càng cao, đến thời nhà Đường là trưởng quan của cơ

quan Thượng thư tỉnh, phụ trách chức vụ của Tể tướng. Thời nhà Tống, danh vị càng cao, gần như người phong cấp các quan nhưng không thực thụ. Triều nhà Minh thì bỏ chức này.

(8) Tấn Ngụy cổ sự: Chuyện cũ thời Ngụy Tấn. Ngụy là nước Tào Ngụy thời Tam Quốc, Tấn là chỉ chủ yếu họ Tư Mã lập ra nhà Tây Tấn và Đông Tấn (thời Đông Tấn thì miền bắc Trung Hoa loạn “Ngũ hổ 16 nước”).

(9) Chung Hội chi phản: Chung Hội, tự Sĩ Quý, người xã Trường Đinh Châu (nay thuộc miền đông huyện Trường Cát, tỉnh Hà Nam), làm tướng cho nhà Tào Ngụy thời Tam Quốc. Niên hiệu Cảnh nguyên thứ tư (263 CN), Chung Hội cùng Đặng Ngải phân binh đánh nhà Thục Hán. Khi nước Thục bị diệt vong, Chung Hội tính chiếm nước Thục tự lập làm vua, cùng tướng Thục cũ là Khương Duy mưu tính, nhưng vì cấp dưới làm phản nên thất bại, bị giết trong cuộc binh biến của chính các bộ tướng của mình.

(10) Pha do Thái tổ: Hơn phân nửa là do Thái Tổ, (chỉ Tấn vương Tư Mã Chiêu) tạo nên. Pha: Có thể, biểu thị ngữ khí nghi vấn. Tấn vương Tư Mã Chiêu, tự Tử Thượng, người huyện Ôn thời Tam Quốc thuộc nước Tào Ngụy, con thứ của Tư Mã Ý, em kế Tư Mã Sư. Khi Tào Mạo tại vị, Tư Mã Chiêu kế nhiệm Tư Mã Sư làm đại tướng quân, nắm toàn bộ công việc nước Ngụy, tự làm Thừa tướng, sau được phong là Tấn công, gia cửu tích (Trung Hoa cổ đại, Thiên tử ban cấp 9 loại lễ khí, biểu thị lễ ngộ tối cao cho các vua chư hầu, các đại thần có công đặc biệt). Sau khi Tư Mã Chiêu qua đời, con trai là Tư Mã Viêm soán ngôi nhà Ngụy xưng đế, kiến lập triều nhà Tấn, truy tôn cha mình là Tư Mã Chiêu làm Tấn Văn Đế.

(11) Lục bí doanh súc chi thế: Người đánh xe ngựa, nhất định biết 6 dây tròng cổ các con ngựa kéo xe, các đầu dây thì rối mù và quấn lấy nhau. Bí: Dây cương ngựa. Thời xưa xe tứ mã, mỗi ngựa có một dây cương, hai bên kèm theo hai con ngựa gọi là xan hay tham mã.

(12) Quan phương: Đạo làm quan.

(13) Hán Cao bát vương: Khi hoàng triều nhà Tây Hán vừa thành lập, có 6 vị không phải họ Lưu hoàng thất, tức Tể vương Hàn Tín

(sau đổi là Sở vương), Lương Vương Bành Việt, Hán Nam vương Anh Bố, Hàn vương Tín, Triệu vương Trương Nhĩ, Yên vương Tăng Đồ (sau lập Lữ Oản), Hành Sơn vương Ngô Nhuế (sau đổi làm Trường Sa vương), Mân Việt vương Vong Chu. Hán Cao: Túc Hán Cao Tổ Lưu Bang.

(14) Quang Vũ: Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú, tự Văn Thúc, người Sái Dương, hậu duệ của vua Hán Cảnh Đế, khởi binh chống triều nhà Tấn của Vương Mãng, thống nhất thiên hạ, định đô ở Lạc Dương, lập lại chính quyền nhà Hán, chủ trì công cuộc trung hưng nhà Hán, chủ trương nguyên tắc thanh tịnh tiết kiệm, phát triển việc học, đề cao Nho thuật, tôn sùng tiết nghĩa là một nhà vua hiền tài, tại vị 33 năm, thụy hiệu là “Quang Vũ”, miếu hiệu “Thế Tổ”.

(15) Ưc tổn khắc chung: Ưc tổn: Hạn chế. Khắc chung: Là thiện chung.

(16) Dữ đoạt: Ban thưởng và trừng phạt.

(17) Tài cụ: Tài năng.

(18) Mưu do: Mưu kế, mưu lược.

(19) Sách vô di sách: Ý nói mưu hoạch chu mật, không bị sơ hở.

(20) Công tại bất thưởng: Công lao rất lớn, không biết thưởng như thế nào cho xứng, hình dung sự vĩ đại của công lao.

(21) Trương lợi hại: Trương lợi hại làm “Chu trương bạt hổ”, người man bạo ác, phô trương bá đạo.

(22) Cấu hung nghịch nhĩ: Tạo thành sói dữ ngỗ nghịch.

(23) Lục kỳ tiểu năng: Thu nạp tài năng nhỏ bé.

(24) Tiết dĩ đại lễ: Dùng lễ nghĩa để kéo giảm [tiết chế].

(25) Chấp độ: Làm cho hợp với pháp độ quy phạm.

(26) Khể thủ: Quỳ mọp, một loại quỳ lạy thuộc lễ nghi thời cổ, cúi đầu sát đất, là kiểu lạy tỏ ra cung kính nhất trong 9 loại lạy.

(27) Trấn: Trấn “Tu”.

(28) Kiên băng chi đạo: Chỉ ra cho thấy rõ đạo lý “Lý sương kiên băng”, chân giẫm lên sương, tức có thể biết tiết lạnh đóng băng sắp đến. Câu này lấy từ “Kinh dịch – quẻ khôn – hào sơ lục”: “Lý sương kiên băng chí”, về sau làm tỷ dụ theo các dấu hiệu nhỏ có

thể suy đoán kết quả phát triển của nó trong tương lai. Do đạo lý tích chứa nhiều lỗi nhỏ thành họa to.

(29) Như Hội chi đồ: Giống như con người Chung Hội.

(30) Phúc táng: Khuynh đảo tiêu vong.

(31) Mưu mô: Mưu hoạch, bày ra mưu lược.

(32) Trú: Lộ ra, biểu hiện.

(33) Cú phương trấn, tổng nhung mã: Làm trưởng quan quân đội của phương trấn, người có chức trách tổng lĩnh quân mã. Tổng: Thống lĩnh, thống suất. Nhung mã: Chỉ quân đội.

(34) Thái thường: Tồn chức quan, chuyên lo việc lễ nghi nơi tông miếu. Nhà Tần có quan Phụng thường, thời Hán đổi thành Tái thường, các đời sau đều dùng Thái thường.

(35) Tầm: không lâu, tùy tức.

Diễn giải:

Ban đầu, Tấn Thế Tổ bàn kế đem quân đi đánh nước Đông Ngô, Phùng Đám và Giả Sung, Tuân Úc cùng ra sức khuyên ngăn. Vua Thế Tổ không nghe họ mà dứt khoát thực hiện chủ trương phạt Ngô theo ý kiến của Trương Hoa. Sau khi nước Ngô bị tiêu diệt, Phùng Đám hổ thẹn vừa lo sợ, ghen ghét Trương Hoa xem như kẻ thù. Đến khi Trương Hoa đi trấn nhiệm ở địa phương, uy danh và đức hạnh của Trương Hoa rất lớn. Trong khi triều đình bàn tìm quan bổ nhiệm chức Thượng thư lệnh. Trong một lần làm việc riêng với vua Tấn Vũ đế, nhân hai người bàn đến những chuyện cũ về nước Tào Ngụy và nước Tấn trước đây, Phùng Đám nói: “Thần thường cho rằng Chung Hội làm phản, phần lớn do Thái Tổ tạo nên”. Thế Tổ nghe thế thì nổi giận la: “Khanh nói thế là nghĩa làm sao?”. Phùng Đám nói: “Thần cho rằng, người đánh xe giỏi là người nhất định phải rành 6 dây cương của xe 4 ngựa trong tình trạng chúng quấn lấy nhau rối mù. Nhà vua giỏi cai trị đất nước nhất định phải biết rõ đạo lý và khống chế quyền vị quan viên của mình, cho nên vua Hán Cao Tổ phong cho 8 vị công thần

không phải tông thất họ Lưu làm vua chư hầu, dẫn đến việc nhà Tây Hán bị tru diệt. Vua Hán Quang Vũ rút kinh nghiệm, ban cấp hạn chế cho các vị tướng lĩnh của mình nên kết cục tốt đẹp. Đó không phải là sự khác nhau giữa các vị quân chủ nhân ái hay tàn bạo, cũng không phải bầy tôi khác nhau vì ngu si hay thông minh mà là vì thủ đoạn vận dụng giỏi dở việc khen thưởng, trừng phạt mà dẫn họ đến những cái kết như vậy. Con người Chung Hội, tài năng có mức độ mà vua Thái Tổ tán dương tưởng thưởng quá nhiều, vì cho hắn ta là người có mưu lược, nên đề cao danh vị của hắn ta, giao cho quyền lực trọng yếu, nên dẫn đến chỗ Chung Hội tự cho mình hơn hẳn mọi người, không một ai sánh được với mình, công lao thì quá to, sinh tâm bá đạo không còn sợ một ai, để rồi gây ra tội ác phản lại triều đình. Nếu như trước đây, Thái Tổ biết sử dụng Chung Hội như một tay vừa phải, lại dùng lễ pháp đối xử có tiết chế, hạn chế quyền lực của hắn ta, khiến cho hắn ta hành sự theo phép tắc quy củ, thì cái tâm phản nghịch không thể sản sinh, sự phản loạn không hề xảy ra vậy”. Thế Tổ nói: “Khanh nói đúng quá!”. Phùng Đam quỳ mọp, thưa tiếp: “Ngu thần có chuyện này xin thưa, nên chăng thánh thượng phải nghĩ rằng nguyên lý “Tích nhiều lỗi nhỏ sẽ thành họa to”. Đùng nên để cái nạn Chung Hội tái diễn một lần nào nữa. Lập lại một lần nữa thì nhiễu loạn, táng vong thiên hạ”. Thế Tổ nói: “Ngày nay chẳng lẽ còn có người giống như Chung Hội hay sao?”. Phùng Đam tâu: “Thưa Bệ hạ, có người bày mưu hiến kế cho Bệ hạ, lập được công to, trong thiên hạ ai mà chẳng biết, được cho trấn giữ một phương, thống lĩnh nhung mã, đều do Bệ hạ sắp đặt cả!” Vua Thế Tổ trầm ngâm suy nghĩ không nói gì. Về sau Triệu Trương Hoa về kinh làm quan Thái Thường. Không lâu sau đó, tước hết chức quan của Trương Hoa.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

四六

今閭閻少名士, 司無高能, 其故何也? 清議不肅, 人不立德, 行在取容, 故無名士; 下不專局, 又無考課, 吏不竭節, 故無高能. 必有疾世事; 少名士, 則後進無進. 則臣思立課而肅議也.
(卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm

46

Kim diêm lư (1) thiếu danh sĩ (2), quan ty (3) vô cao năng (4), kỳ cố hà dã? Thanh nghị (5) bất túc (6), nhân bất lập đức (7), hành tại thủ dung (8), cố vô danh sĩ; Hạ bất chuyên cục (9), hựu vô khảo khóa (10), lại bất kiệt tiết (11), cố vô cao năng. Vô cao năng, tắc hữu tật hế sự (12); Thiếu danh sĩ, tắc hậu tiến (13) vô tiến (14). Cố thần tư lập lại khóa (15) nhi túc thanh nghị dã. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Diêm lư: Làng xóm, cũng phẩm chỉ dân gian. Diêm nghĩa là cổng trong của làng. Lư nghĩa là cổng ngoài của làng. Sách “Chu lễ” viết: “5 nhà là một tỉ, 5 tỉ thành một lư”, 25 nhà ở gần nhau tạo thành lữ. Về sau người ở ngày càng đông thành lý.
- (2) Danh sĩ: Nhân sĩ có danh tiếng hoặc người có danh vọng cao mà không tại chức.
- (3) Quan ty: Quan lại ở đó.
- (4) Cao năng: Tài năng ưu tú hoặc nhân tài có học thuật uyên thâm.
- (5) Thanh nghị: Bàn luận chính trị về thời thế.
- (6) Túc: Cung kính, nghiêm túc.
- (7) Lập đức: Dựng xây đức nghiệp.
- (8) Thủ dung: Xử tốt với người ta để cầu được dung thân.

(9) Chuyên cục: Cơ cấu chuyên chức. Cục nghĩa là cơ quan chính phủ hoặc cơ quan đoàn thể, đơn vị được phân công làm việc.

(10) Khảo khóa: Chiếu theo tiêu chuẩn nhất định để khảo hạch hay dở tốt xấu của quan lại, phân biệt việc bố trí đúng sai để quyết định thăng cấp hạ cấp, thưởng phạt.

(11) Kiệt tiết: Chí tiết hết sức trung thành.

(12) Tật thế sự: Xử lý có hại cho chính sự. Tật nghĩa là hại, có hại với.

(13) Hậu tiến: Người có học thức ít hoặc người thiếu lịch lãm.

(14) Vô chuẩn: Thủ pháp, phòng hiệu, vô sở thủ pháp.

(15) Lại khóa: Khảo hạch công tích của quan lại.

Diễn giải:

Ngày nay, nơi làng xóm thiếu bậc danh sĩ, trong cơ quan phủ huyện thiếu nhân tài, vì sao lại như vậy? Là vì triều đình bàn chuyện thời thế thiếu nghiêm túc, không công chính. Người ta không coi trọng việc lập đức cho bản thân, nhất cử nhất động đều uốn theo sao cho vui lòng người khác để được việc của mình, nên không hề có danh sĩ. Quan lại bên dưới thì không có khả năng chuyên môn theo nhiệm vụ phụ trách, thêm nữa chẳng có chế độ khảo hạch, giới thiệu làm việc không không tận tâm ra sức, cho nên chẳng thể xuất hiện quan lại có khả năng kiệt xuất. Chẳng có nhiều quan lại làm việc có năng lực, thì có hại trong việc xử lý chính sự. Thiếu danh sĩ, thì lực lượng quan viên, sĩ nhân kế thừa sẽ không có đối tượng làm việc có hiệu quả hơn. Vì thế, thần cho rằng nhiệm vụ cấp bách hiện nay là đưa vào bàn bạc chính thức tại triều đình, về việc thiết lập chế độ hoàn bị chương trình khảo hạch quan lại.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

四七

文王曰：“好用世俗之所譽者何也？”太公曰：“好德世俗之所譽者，或以非賢為賢，或以非智為智，或以非忠為忠，或以非信為信”。（卷三十一，六韜，文韜）。

Phiên âm

47

Văn Vương (1) viết: “hiếu dụng (2) thể tục chi sở dự giả hà dã?”. Thái Công (3) viết: Hảo đức thể tục chi sở dự giả, hoặc dĩ phi hiên vi hiên, hoặc dĩ phi trí vi trí (5), hoặc dĩ phi trung vi trung (6), hoặc dĩ phi tín vi tín (7)”. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

(1) Văn Vương: Chu Văn Vương, Cơ Xương, thời vua Trụ nhà Thương ông giữ chức Tây Bá, lập nước ở dưới núi Kỳ Sơn, tích thiện, thi hành chính sách nhân đạo, được nhân dân ủng hộ, bị Sùng Hầu Hồ dèm pha với vua Trụ nên ông bị bắt giam ở Dũ Lý, nay là miền bắc huyện Thang Âm tỉnh Hà Nam, ở đó ông viết sách “Dũ Lý”, sau được tha cho về quê. Ông thi hành chính sách nhân đạo nên được nhiều chư hầu ủng hộ theo về. Cuối triều nhà Thương, bộ tộc Chu lên nắm quyền cai trị thiên hạ, truy tôn ông là Văn Vương.

(2) Hiếu dụng: Vui vẻ sử dụng.

(3) Thái Công: Họ Khương tự là Tử Nha, người Đông Hải, trước phong ở Lã, theo phong tính, gọi ông là “Lã Thượng”, là bầy tôi tài năng thời Chu sơ, đến già vẫn còn ẩn thân làm người câu cá ở sông Vy, Vua Văn Vương trong một lần đi săn gặp ông ở bờ bắc sông Vy, trò chuyện rất tương đắc. Ông nói: “Tôi là Thái Công chờ ngài ở đây đã lâu”, nên ông còn được gọi là “Thái Công Vọng”. Văn Vương bái tôn làm thầy, về sau giúp Vũ Vương đánh bại nhà Ân. Được phong ở nước Tể, người ta còn gọi ông là “Khương Thái Công”, cũng gọi là “Lã Vọng”, “Khương Thượng”.

- (4) Hiễn: Người có tài năng đức hạnh.
- (5) Trí: Thông minh, hiểu sự lý sâu xa.
- (6) Trung: Thành ý dùng mỹ đức đối xử với người ta.
- (7) Tín: Thành thực không nuốt lời.

Diễn giải:

Vua Văn Vương hỏi: “Người được người đời vui vẻ tín nhiệm khen ngợi là người như thế nào?”. Thái Công đáp: “Thưa chúa công, người được người đời khen ngợi tán tụng, là người đang là người hiễn mà có thể không ai cho người đó là người hiễn. Là người đang là người tài trí mà có thể không ai cho người đó là người tài trí. Là người đang là người trung thần mà có thể không ai cho người đó là trung thần. Là người đang là người thành tín mà có thể không ai cho người đó là người thành tín.

(Theo sách Lục thao - Văn thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

四八

景公燕賞於國內，萬鍾者三，千鍾者五，命三出而職計筭之。公怒，令之免職計，命三出而士師筭之。公不悅。晏子見公謂晏子曰：“寡人聞君國者愛人不能利，惡人不能疏之。今寡人愛人不能利，惡人不能疏失君道矣”.. 晏子曰：“嬰聞之，君正臣從謂之順，君僻臣從謂之逆。今君賞讒諛之臣，而令吏必從，則使君失其道，臣失其守也”。(卷三十三，晏子，諫上)。

Phiên âm

48

Cảnh Công (1) yến (2) thưởng ư quốc nội, vạn chung (3) giả tam, thiên chung giả ngũ, mệnh tam (4) xuất nhi chức kế sách

chi (5). Công nộ, lệnh chi miễn chức kể, mệnh tam xuất nhi sĩ su (6) sách chi. Công bất duyệt. Yến Tử kiến, Công vị Yến Tử thuyết: “Quả nhân (7) văn quân quốc giả, ái nhân tác năng lợi chi, ố (8) nhân tác năng sơ (9) chi. Kim quả nhân ái nhân bất năng lợi, ố nhân bất năng sơ, thất quân đạo hỹ”. Yến Tử(10) viết: “Anh văn chi, quân chính thần tòng (11) vị chi thuận, quân tích (12) thần tòng vị chi nghịch. Kim quân thưởng sàm du chi thần (13), nhi lệnh lại tất tòng, tác thị sử quân thất kỳ đạo, thần thất kỳ thủ dã”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng**).

Chú thích:

(1) Cảnh Công: Tể Cảnh Công Khương Trữ Cửu, thời kỳ ông làm vua có danh tướng Yến Anh phụ chính. Sách *Sử ký - Tể thế gia* viết về Tể Cảnh Công như sau: “Giỏi việc trị cung thất, nuôi nhiều ngựa và chó săn, sống xa xỉ, thu thuế nặng, trọng hình ngục”. Sách *Luận ngữ - thiên Quý thị* viết: “Tể Cảnh Công có đến ngàn con ngựa, khi chết, dân cho là người không có đức”. Tể Cảnh Công thích săn bắn, nhưng bắn cung không giỏi, Yến Anh khuyên ngăn, Cảnh Công đều nghe lời”, Tể Cảnh Công từng gặp Khổng Tử hỏi về chính trị. Khổng Tử đáp “Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử”.

(2) Yến: Yến ẩm, uống rượu chuyện trò, nhậu.

(3) Chung: Là đơn vị đo lường thời cổ đại, một chung ước khoảng 6 hộc 4 đấu, “Vạn chung”, “Thiên chung” đều chỉ bồng lộc nhiều.

(4) Tam: Thể hiện đa số hoặc nhiều lần.

(5) Chức kể sách chi: Chỉ người quản lý sổ sách tài vật không nghe theo mệnh lệnh của vua Cảnh Công. Chức kể nghĩa là viên quan tài vụ. Sách chi nghĩa là không tuân theo.

(6) Sĩ su: Tên chức quan, cũng gọi là “Sĩ sử” là quan chấp chương lệnh cấm hình ngục thời cổ đại.

(7) Quả nhân: Người ít có đức, lời tự xưng khiêm tốn của vua thời cổ đại.

(8) ố: Ghét hận.

(9) Sơ: Xa vời, không gần gũi.

(10) Yến Tử: Túc Ân Anh, người nước Tề, từng phò tá ba triều vua Linh Công, Trang Công và Cảnh Công, người cần kiệm có năng lực, là bậc danh thần thời bấy giờ, tên thụy là Bình, nên còn gọi là Yến Bình Trọng. Người đời sau tôn xưng là “Yến Tử”.

(11) Tùng: Đi theo.

(12) Tích: Lạ không thường xảy ra hoặc tà ác bất chính.

(13) Sàm du chi thần: Bầy tôi đua nịnh gièm pha.

(14) Thủ: Chức trách.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công tổ chức bữa tiệc chiêu đãi ban thưởng cho quần thần. Trong đó có 3 người được thưởng vạn chung, có 5 người được thưởng ngàn chung. Lệnh vua nhắc tới ba lần mà quan quản lý sổ sách tài vật không tuân theo mệnh lệnh của vua Cảnh Công. Vua Cảnh Công nổi giận, ra lệnh cách chức viên kế toán, nhưng lệnh ban ra nhiều lần, viên quan hình ngục cũng không tuân lệnh vua. Cảnh Công rất buồn phiền, nhân khi Yến Tử đến bái, Cảnh Công nói với Yến Tử: “Ta nghe nói, chúa tể quốc gia thương ai thì ban lợi ích cho người đó, ghét bỏ ai thì xa rời người đó, mà nay ta không thể ban thưởng cho người ta thương mến, không thể rời xa kẻ ta ghét bỏ, thế thì còn gì là tiêu chuẩn của một vị chúa tể”. Yến Tử thưa: “Hạ thần đã nghe nói về chuyện này, hạ thần xin thưa, với nhà vua công chính mà bầy tôi làm theo lệnh vua gọi là thuận tùng, nhà vua bất chính mà thần tử làm theo lệnh vua thì bầy tôi ấy vi phạm pháp độ. Ngày nay, chúa công ban thưởng cho bọn a dua gièm pha nịnh hót mà muốn quan lại nhất định phải tuân theo thì chẳng khác gì xúi vua bỏ nguyên tắc chấp chính, khiến bầy tôi đánh mất chức trách của mình”.

(Theo sách Yến Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

四九

景公問晏子曰：“治國之患，亦有常乎？”對曰：“讒夫佞人之在君者，好惡良臣而行與小人，此治國之患也”。（卷三十三，晏子，問上）。

Phiên âm

49

Cảnh Công vấn Yến Tử viết: “Trị quốc chi hoạn (1), diệc hữu thường (2) hồ?”. Đối viết: “Sàm phu (3) nịnh nhân (4) chi tại quân trác giả, hiếu ố lương thân (5) nhi hành dữ (6) tiểu nhân, thử trị quốc chi thường hoạn dã”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Vấn thượng**”.

Chú thích:

- (1) Hoạn: Hoạn nạn, họa hại, tai nạn.
- (2) Thường: Theo quy luật, thường xuất hiện.
- (3) Sàm phu: Người dùng lời nói gièm pha, nói xấu người khác.
- (4) Nịnh nhân: Người tâm thuật bất chính, miệng lưỡi trá trở a dua.
- (5) Hiếu ố lương thân: Giỏi bài bang hiển thân trung lương.
- (6) Hành dữ: Đi lại, kết giao, tương trợ.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử: “Cai trị nước nhà gặp phải tai nạn gì là thường nhất?”. Yến Tử trả lời: “Bọn gièm pha, bọn nịnh hót luôn hầu hạ bên cạnh vua, chúng dùng miệng lưỡi khéo léo, nịnh hót vua và gièm pha nói xấu người khác. Chúng ưa bài bác phỉ báng các quan trung lương tài giỏi, đồng thời chúng kết giao với bọn tiểu nhân. Đó là tai nạn thường gặp phải trong cai trị nước nhà”.

(Theo sách **Yến Tử - Vấn thượng - Quyển 33**)

Nguyên văn:

五十

景公問晏子曰：“昔吾先君桓公，從車三百乘，九合諸侯一匡天下，今吾從車千乘，可以逮先君桓公之後乎？”對曰：“桓公，從車三百乘，九合諸侯一匡天下者，有鮑叔，右有仲父。今君左為倡，右為優，讒人在前，諛人在後，又焉可逮先君之後乎？”
(卷三十三，晏子，問下)。

Phiên âm:

50

Cảnh Công vấn Yến Tử viết: “Tích ngô tiên quân Hoàn Công (1), tòng xa (2) tam bách thừa (3), cửu hợp chư hầu (4), nhất khuông thiên hạ (5). Kim ngô tòng xa thiên thừa, khả dĩ đãi (6) tiên quân Hoàn Công chi hậu gô?”. Đối viết: “Hoàn Công tòng xa tam bách thừa, cửu hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ, tả hữu Bão Thúc (7), hữ hữu Trọng phụ (8). Kim quân tả vi xướng (9), hữu vi ưu (10), sàm nhân (13) tại tiền, du nhân tại hậu, hựu yên (13) khả đãi tiên quân Hàn Công chi hậu hồ? (Quyển 33 - Yến Tử - Vấn hạ).

Chú thích:

(1) Hoàn Công: Túc Tể Hoàn Công, vua nước Tể thời Xuân Thu, tên là Khương Tiểu Bạch, là em vua Tể Tương Công. Vào thời Chu Trang Vương thứ 51, vì Tể Tương Công vô đạo, chạy trốn qua nước Cử (nay là huyện Cử, tỉnh Sơn Đông), rồi bị giết, Khương Tiểu Bạch về nước lên làm vua nước Tể, dùng Quản Trọng là Tể tướng, tôn trọng nhà Chu, đánh đuổi di địch, tập hợp chư hầu, nhất thống thiên hạ, là ông vua đứng đầu Ngũ bá. Sau khi Quản Trọng qua đời, Tể Hoàn Công bỏ bê chính sự, nghe lời bọn nịnh thần, nghiệp bá suy yếu dần, Tể Hoàn Công làm vua 42 năm, thụy hiệu là Hoàn.

(2) Tòng xa: Chỉ huy, suất lĩnh.

(3) Thừa: Đơn vị tính số xe, một cỗ xe gọi là một thừa.

(4) Cửu hợp chư hầu: Nhiều lần họp chư hầu ăn tiệc.

- (5) Nhất khuông thiên hạ: Chính đốn thiên hạ, khuông nghĩa là cải chính, phù chính, an định.
- (6) Đãi: đuổi kịp, theo kịp.
- (7) Bão Thúc Nha: Làm quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu. Thuở nhỏ Bão Thúc Nha chơi thân với Quản Trọng, biết Quản Trọng nhà nghèo nhưng là người có tài, giao thiệp rộng. Khi trưởng thành Bão Thúc Nha phò Tề Hoàn Công, Quản Trọng phò công tử Củ. Công tử Củ chết, Quản Trọng bị tù. Bão Thúc Nha tiến cử Quản Trọng với Tề Hoàn Công, Quản Trọng phò Tề Hoàn Công làm nên nghiệp bá. Người đời ca ngợi Bão Thúc Nha là biết người biết ta, tiến cử người với tinh thần hữu nghị.
- (8) Trọng phụ: Nghĩa là Bố Trọng, Ba Trọng. Tề Hoàn Công tôn xưng Quản Trọng là “Trọng phụ”. Quản Trọng người Dĩnh Thượng, nước Tề, thời Xuân Thu. Khi làm chức Tể tướng cho Tề Hoàn Công, ông thông hóa tích tài, là ông tổ của pháp gia, thụy là Kính, cũng gọi là “Quản Tử”, “Quản Trọng”.
- (9) Xướng: Thời cổ gọi người ca múa, diễn kịch là xướng.
- (10) Ưu: Người diễn kịch, thời cổ cũng chỉ lộng thần.
- (11) Sàm nhân: Người nói gièm hại bậc trung thần.
- (12) Du nhân: Kẻ nịnh hót.
- (13) Yên: Làm như thế nào, làm sao.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử: “Trước đây, tiên quân của ta là Tề Hoàn Công, suất lĩnh 300 cỗ binh xa, nhiều lần triệu tập chư hầu, hội họp ăn thể mà thiên hạ ổn định. Ngày nay ta suất lĩnh một ngàn cỗ binh xa, thì có thể làm được như tiên vương Hoàn Công khôi phục nghiệp bá được không?”. Yến Tử đáp: “Hoàn Công, sở dĩ suất lĩnh 300 cỗ binh xa, nhiều lần triệu tập chư hầu hội họp ăn thể mà thiên hạ khôn chính, là nhờ bên trái vua Hoàn Công có Bão Thúc Nha, bên phải Hoàn Công có Quản Trọng. Còn ngày nay bên trái chúa công là đám ca múa diễn kịch, bên phải chúa công là lộng thần, phía trước là bọn người gièm pha, phía sau là lũ nịnh bợ thì làm sao theo kịp Tề Hoàn Công lập nghiệp bá được chứ?”

(Theo sách Yến Tử - Vấn hạ - Quyển 33)

Nguyên văn:

五一

夫一婦擅夫，眾婦皆亂；一臣專君，群臣蔽。故妒妻不難破家也，亂臣不難破國也。是以君使臣進輻湊，莫得專君。（卷三十六，申子，大體）。

Phiên âm

51

Phù nhất phụ thiện (1) phu, chúng phụ giai loạn; nhất thân chuyên quân (2), quần thân giai tế (3). Cố đố thê bất nan phá gia dã, loạn thân bất nan phá quốc dã. Thị dĩ minh quân sử kỳ thân, tịnh tiến phúc thẩu (4), mặc đặc chuyên quân. (**Quyển 36 - Thân Tử - Đại thể**).

Chú thích:

- (1) Thiện: Chiếm lấy, thiện quyền: Chuyên quyền.
- (2) Chuyên quân: Được vua sủng ái nên chuyên quyền.
- (3) Tế: Che đậy, mai một.
- (4) Phúc thẩu: Tập trung, tụ tập, tụ tập người hoặc vật, như những nam hoa xe đều tụ nơi trục xe.

Diễn giải:

Một người vợ giữ chồng sủng ái cho riêng mình, thì các bà thiếp sẽ hỗn loạn bất an. Một vị quan đại phu độc chiếm sự sủng ái của nhà vua để chuyên quyền, thì quần thần đều bị mai một. Thế cho nên, gia đình dễ dẫn đến tan nát khi có nhiều thê thiếp mà chỉ sủng ái riêng một người, một viên quan tác loạn dễ dẫn đến đất nước tiêu vong. Vì thế, bậc minh quân là người biết sử dụng quần thần đoàn kết cùng nhau tiến, chẳng nên sủng tín riêng một người nào.

(Theo sách **Thân Tử - Đại thể - Quyển 36**)

Nguyên văn:

五二

今人君之所以為城郭而謹門閭閉者，為寇戎盜賊之至也。今夫弑君而取國者，非則踰郭之險犯閭之閉也。蔽之明，塞之聽，奪之政而奪其令，有其民而取其國矣。（卷三十六，申子，大體）。

Phiên âm

52

Kim nhân quân chi sở dĩ vi thành quách (1) nhi cần (2) môn lư (3) bế (4) giả, vi khẩu nhung (5) đạo tặc chi chí dã. Kim phù thí (6) quân nhi thủ quốc giả, phi tất du (7) thành quách chi hiểm nhi phạm môn lư chi bế dã. Tế quân chi minh, tắc quân chi tính, đoạt kỳ chính nhi đoạt kỳ lệnh, hữu kỳ dân nhi thủ kỳ quốc hĩ”. (Quyển 36 - Thân Tử - Đại thể).

Chú thích:

(1) Thành quách: Thường thành, tường trong gọi là thành, tường ngoài gọi là quách. Sách *Lễ ký - Lễ vận* viết: “Đại nhân đối xử với nhau dùng lễ, thành quách hào ao cho kiên cố”. Khổng Dĩnh Đạt Diễn giải: “Thành, tường trong, quách, tường ngoài”.

(2) Cần: Cần thận, thận trọng.

(3) Môn lư: Cổng thành và cổng làng.

(4) Bế: Chỉ việc đóng cổng.

(5) Khẩu tặc: Giặc cướp, địch quân.

(6) Thí: Thời cổ, cấp nhỏ giết cấp trên gọi là thí. Phần lớn chỉ bày tội giết vua, con giết cha mẹ.

(7) Du: Dẫm đạp, vượt qua, kinh qua.

Diễn giải:

Hiện nay nhà vua cho xây dựng tường thành cho cao to, cần thận cho đóng các cổng lớn cửa nhỏ, vì sợ bọn đạo tặc, quân địch

đến đánh phá. Song hiện nay kẻ giết vua chiếm nước, không nhất định phải leo trèo vượt qua tường thành hiểm trở hay phá cổng cửa đóng kỹ để tiến vào trong thành. Bọn chúng chỉ cần che tầm nhìn của nhà vua, không để lọt vào tai của vua những việc làm bất chính, bất trung bất nghĩa của chúng. Chúng chiếm đoạt quyền hành của chúa công, ban bố lệnh vua theo ý mình, thì có thể chiếm hết bách tính về chúng, và đoạt lấy quốc gia.

(Theo sách *Thân Tử - Đại thể - Quyển 36*)

Nguyên văn:

五三

抱朴子曰：“貴遠而賤近者，常人之用情也；信耳而疑目者，古今之所患也。是以秦王歎息於韓非之書，而想其為人；漢武慷慨於相如之文，而恨不同世。及既得之，終不能拔。或納讒而誅之，或放之乎冗散。此蓋葉公之好偽形，見真龍而失色也。（卷五十，抱朴子，廣譬）。

Phiên âm

53

Bào Phác Tử viết: “Quý viễn nhi tặc cận giả, thường nhân chi dụng tình (1) dã; Tín nhĩ nhi nghi mục giả, cổ kim chi sở hoạn dã. Thị dĩ Tần vương (2) thán tức ư Hàn Phi chi thư, nhi tưởng kỳ vi nhân; Hán Vũ (4) khảng khái (5) ư Tương Như (6) chi văn, nhi hận bất đồng thế. Cập ký đắc chi, chung bất năng bạt (7). Hoặc nạp nhi tru (8) chi, hoặc phóng (9) chi hồ nhữnh tán (10). Thủ cái Diệp Công (11) chi hảo ngụy hình, kiến chân long nhi thất sắc dã”. (Quyển 50 - Bào Phác Tử - Quảng thí).

Chú thích:

(1) Thường nhân chi dụng tình: Chỉ biểu hiện tình cảm của con người trong một tình huống nào đó.

(2) Tần vương: Hiệu của Tần Thủy Hoàng trước khi thống nhất thống nhất 6 nước.

(3) Hàn Phi: Người nước Hàn vào cuối thời chiến quốc (nay là Tân Trịnh tỉnh Hà Nam, Tân Trịnh là cố thành Trịnh Hàn). Hàn Phi là một trong các công tử tông thất nước Hàn, là người tập đại thành tư tưởng Pháp gia thời Chiến quốc.

(4) Hán Vũ: Tức Hán Vũ đế Lưu Triệt.

(5) Kháng khái: Cảm than.

(6) Tương Như: Tức nhà thơ Tư Mã Tương Như, (179-118 tr. CN) tự là Trường Khanh, người Thục quận (nay là thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên), là tay thơ từ nổi tiếng, tác giả bài phú nổi tiếng *Tử hư phú*, lời lẽ trau chuốt tú lệ, kết cấu hoành đại, người đời sau tôn ông là thánh từ phú.

(7) Bạt: Tuyển chọn đề bạt.

(8) Tru: Giết chết.

(9) Phóng: Bỏ nhiệm.

(10) Nhũn tản: Chức quan làm việc lặt vặt, không quan trọng.

(11) Diệp công: Tức Trầm Chư Lương, tính Mễ, họ Trầm, tự là Tử Cao, nhà quân sự, nhà chính trị của nước Sở vào cuối thời Xuân Thu (ước sinh năm 529 tr. CN), được Sở Chiêu vương phong ở Cổ Diệp ấp (nay thuộc, huyện Diệp, thành phố Bình Định Sơn, tỉnh Hà Nam), làm chức doãn, sử gọi là “Diệp công”. Lưu Hưởng thời nhà Hán trong sách *Tân tự - Tạp sự*, viết: “Diệp công rất thích rỗng, khắc hình rỗng lên đồ dùng, vẽ rỗng khắp nhà cửa phòng ốc, rỗng thật nghe biết, tìm đến tận nhà Diệp công, thò đầu vô cửa sổ nhìn. Diệp công trông thấy, sợ quá vất giò bỏ chạy”.

Diễn giải:

Bào Phác Tử nói: “Coi trọng vật ở xa mà coi thường vật ở gần, đó là biểu hiện tình cảm nói chung của con người. Nghe đồn thì tin mà thấy tận mắt thì hoài nghi. Người xưa người nay đều mắc phải căn bệnh ấy. Vì thế, vua Tần khen trứ tác của Hàn Phi, than không được gặp nhau, vua Hán Vũ đế thán phục từ phú của

Tư Mã Tương Như, hận vì không cùng sống. Nghe thì như vậy nhưng đến khi gặp được thì không trọng dụng họ. Vua Tần nghe lời gièm pha đã cho giết Hàn Phi Tử, còn Tư Mã Tương Như bị cho làm cái chức quan ngồi chơi xơi nước. Đó giống như chuyện Diệp công thích rỗng nhưng đến khi thấy rỗng thực thì hoảng kinh bỏ chạy một hơi.

(Theo sách Bào Phác Tử - Quảng thí - Quyển 50)

Nguyên văn:

七：審斷

五四

三載考績，三考，黜陟明，庶績咸熙。（卷二尚書）。

Phiên âm

THẤT: THẨM ĐOÁN

54

Tam tải (1) khảo tích (2), truất trắc u minh (3), thứ tích hàm hi. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

(1) Tải: Năm.

(2) Khảo tích: Nhân viên làm công việc khảo tra có công.

(3) Truất trắc u minh: Cách chức quan viên kém cỏi, thăng chức cho quan viên hiền minh. Truất nghĩa là giáng chức hoặc bãi miễn. Trắc nghĩa là tấn thăng, tiến dụng.

(4) Thứ tích hàm hi: Nhiều sự nghiệp đều bắt đầu tốt lên [hưng biện], hình dung chính trị tốt hơn. Thứ nghĩa là đông người. Tích nghĩa là làm việc đem lại hiệu quả tốt. Hàm nghĩa là đều, cùng. Hi nghĩa là hưng thịnh.

Diễn giải:

Mỗi 3 năm phải tổ chức khảo sát thành tích chính trị của bách quan chức hầu, sau 3 lần khảo sát, phạm những người hiền minh có công tích đều được đề bạt trọng dụng, người kém sút có lỗi thì bị hạ chức hoặc bị cách chức. Như vậy thì sự nghiệp đều trở nên hưng thịnh, thành tích chính trị được tỏ rõ.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**).

Nguyên văn:

五五

夫謗毀之生，非徒空設，必因人之微而甚之者也。毀謗之言數聞，在上者雖欲弗納，不能不杖所聞，因事之來，而微察之也。無以其驗至矣，得其驗，安得不治其罪？若知而縱之，主之威日衰，令之不行，自此始矣。知而皆治之，受罪退者稍多，人臣有不固之心矣。 . (卷二十九晉書上，傳) .

Phiên âm

55

Phù báng hủy (1) chi sinh, phi đồ không thiết (2), tất nhân nhân chi vi quá (3) nhi thậm (4) chi giả dã. Hủy báng chi ngôn số văn, tại thượng giả tuy dục phát nạp, bất năng bất trọng (6) sở văn, nhân sự chi lai, nhi vi sát (7) chi dã. Vô dĩ kỳ nghiệm (8) chí hỹ (9), đắc (10) kỳ nghiệm, an đắc (11) bất trị kỳ tội? Nhược tri nhi tủng chi, chú chi uy nhật suy, lệnh (12) chi bất hành, tự thử thủy hỹ. Tri nhi giai trị chi, thụ tội thoái (13) giả sảo đa, đại thần hữu bất tự cố (14) chi tâm hỹ. (**Quyển 29 - Tấn thư thượng - Truyện**).

Chú thích:

(1) Báng hủy: Nói những lời công kích hoặc dè bĩu người khác.

- (2) Phi đồ không thiết: Không phải khi không mà có [vô trung sinh hữu].
- (3) Vi quá: Lỗi của việc coi thường cái nhỏ.
- (4) Thâm: Bỏ qua.
- (5) Số: Nhiều lần.
- (6) Trượng: Cậy nhờ, dựa vào, căn cứ.
- (7) Vi sát: Âm thầm quan sát.
- (8) Nghiệm: Chứng tín, bằng cứ.
- (9) Chí hỹ: Đến đó mới ngưng. Chí nghĩa là đến.
- (10) Đắc: Có, tìm được.
- (11) An đắc: Sao lại.
- (12) Lệnh: Chỉnh lệnh, phát ra mệnh lệnh.
- (13) Thoái: Đè xuống, chê bai.
- (14) Tự cố: Củng cố địa vị bản thân, đảm bảo mình được an toàn.

Diễn giải:

Xuất hiện chuyện nói xấu công kích người khác, không phải khi không mà nhất định có chuyện lỗi lầm sai sót nhỏ, rồi thêm mắm thêm muối vào xé to ra. Nhiều lần nghe những lời vu vạ kiểu ấy, cấp trên thường không tin liền, nhưng không thể không dựa vào những gì nghe được mà âm thầm quan sát người bị nói xấu để tìm ra nguyên do sự tình. Không có chứng cứ thì thôi, nhưng nếu có chứng cứ nào đó thì tại sao không trị tội người ấy? Nếu khi đã biết người ấy làm việc sai sót mà còn dung túng thì uy thế của nhà vua sa sút, chính lệnh khó thi hành đều từ đó mà ra cả thôi. Thông thường khi đã biết có sai phạm đều phải bị giáng chức hoặc bị biếm trích, khiến đại thần không thể có tư tưởng củng cố địa vị bản thân.

(Theo sách Tấn thư thượng - Truyện - Quyển 29)

Nguyên văn:

五六

民不盡其力非吾民；士不誠信而巧偽非吾士；臣不忠諫非吾臣；吏不平潔愛人非吾吏；宰相不能富國強兵，調和陰陽，以安萬乘之主，簡練群臣，定名實，明賞爵，令百姓富樂，非吾宰相也。故王人之道如龍之首，高居而遠望徐視而審聽；神其形，散其精；若天之高不可極，若川之深不可測也。卷三十一，六韜，文韜）。

Phiên âm

56

Dân bất tận kỳ lực phi ngô dân; Sĩ bất thành tín nhi xảo ngụy (1) phi ngô sĩ; Thần bất trung gián phi ngô thần; Lại bất bình khiết ái nhân phi ngô lại; Tế tướng bất năng phú quốc cường binh, điều hòa âm dương, dĩ an vạn thừa chi chúa (3), giản luyện (4) quân thần, định danh thực (5), minh thưởng tước, lệnh bách tính phú lạc, phi ngô Tế tướng dã. Cố vương nhân chi đạo, như long chi thủ, (6), cao cú nhi viễn vọng, từ thị (7) nhi thẩm thính (8); thần kỳ hình (9), tán kỳ tinh (10); nhược thiên chi cao bất khả cực, nhược xuyên chi thâm bất khả trắc dã. (Quyển 31 - Lục thao - Văn thao).

Chú thích:

- (1) Xảo ngụy: Gian xảo mà hư ngụy.
- (2) Khiết: trong trắng.
- (3) Vạn thừa chi chủ: Nhà vua dẫn theo một vạn cỗ chiến xa, chỉ vua một nước lớn. Thừa: Số lượng.
- (4) Giản luyện: Tuyển chọn rồi huấn luyện.
- (5) Định danh thực: Ấn thực mà định danh, tu da mà đốc thực. Danh thực nghĩa là danh xứng với thực chất, thực tế.
- (6) Vương nhân chi đạo: Như đầu rồng, làm đạo lý của nhà vua,

giống như đầu rồng, ở tận trên chín tầng trời cao, ẩn trong đám mây mù, khiến con người có thể ngưỡng mộ mà không thể nhìn thấy được, có thể hy vọng mà không thể liệu lường được. Vương là động từ, nghĩa là xưng vương, là thống trị thiên hạ. Long thủ túc đầu rồng.

(7) Từ thị: Chằm chằm quan sát. Từ nghĩa là từ từ thâm nhập, nghĩa là thâm nhập quan sát.

(8) Thẩm thính: Nghe ý kiến một cách thận trọng. Thẩm nghĩa là cẩn thận.

(9) Thần kỳ hình: Bề ngoài tỏ ra trang trọng nghiêm túc.

(10) Tàn kỳ tình: Che giấu tình cảm thực sự.

Diễn giải:

Nhân dân không ra sức làm việc cày cấy, thì dân đó không phải là dân nước ta. Người sĩ phu không giữ lòng trung thành thủ tín, mà xảo trá gian manh không phải là sĩ phu nước ta. Quan lại làm việc không công bình liêm khiết, không thương yêu nhân dân thì không phải là quan lại nước ta. Quan Tể tướng mà không có khả năng làm giàu cho nước, cho hùng mạnh quân lực, không có khả năng điều khiển cho âm dương có thứ tự, gió hòa mưa thuận, để vua mình được hài lòng, không có khả năng tuyển chọn huấn luyện để bạt quan lại, thẩm định khả năng từ thực tế, nghiêm minh thưởng phạt, khiến bách tính ấm no an lạc, thì người đó không phải là Tể tướng của nước ta. Thế cho nên đạo làm vua giống như đầu con rồng, nhìn xa trông rộng, thấy hết mọi thứ, quan sát tất cả mọi vấn đề cẩn thận, nghe hết mọi ý kiến, tỏ ra trang trọng nghiêm túc, giấu kín mọi chân tình trong lòng, nói ra phải tinh túy sắc sảo, sao cho mọi người cảm giác, nhà vua là người cao như trời không ai có thể với tới được, sâu như biển đến độ không thể dò tới được.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

五七

地博而國貧者，野不闢也；眾弱者，民無取也。故產不禁，則野不闢；賞爵不信，則民無取。野不闢，民無取，外不可應敵，內不以守。地闢而國貧者，舟輿飾，臺榭廣也；賞爵信而兵弱者，輕用眾，使民勞也。 (卷三十二，管子，權脩)。

Phiên âm

57

Địa bác (1) nhi quốc bản giả, dã (2) bất tịch (3) dã; Dân chúng nhi binh nhược giả, dân vô thủ (4) dã. Cổ mạt sản bất cấm (5), tặc dã bất tịch; Thưởng tức bất tín, tặc dân vô thủ. Dã bất tịch, dân vô thủ, ngoại bất khả dĩ ứng địch (6), nội bất khả dĩ cố thủ. Địa tịch nhi quốc bản giả, chu dư (7) sư, đài tạ (8) quảng dã; thưởng tước tín nhi binh nhược giả, khinh (9) dụng chúng, sử dân lao (10) dã. (Quyển 32 - Quản Tử - Quyển tu).

Chú thích:

- (1) Bác: Rộng lớn, có ý nói nhiều.
- (2) Dã: Phiếm chỉ làng xóm nông thôn.
- (3) Tịch: Khai khẩn.
- (4) Thủ: Thúc giục gấp, Hà Như Chương Diễn giải “Thủ nghĩa là thúc giục. Dân vô thủ nghĩa là quân không có vua thúc giục nên hèn yếu”.
- (5) Mạt sản bất cấm: Không hạn chế công thương nghiệp. Mạt sản chỉ nghề thủ công, thương nghiệp.
- (6) Ứng địch: Chỉ kháng chiến
- (7) Thuyền dư: Thuyền xe.
- (8) Đài tạ: Đình đài lầu tạ. Tạ là nhà trên đài.
- (9) Khinh: Khinh suất, không thận trọng.
- (10) Sử dân lao: Bắt dân chúng lao khổ quá sức.

Diễn giải:

Đất rộng mà nước thì nghèo, là vì không chịu khai khẩn những miền đất hoang vu. Dân đông mà quân đội yếu kém là vì không có người đốc thúc nhân dân, nên nhân dân không tự nguyện tham gia quân đội, bởi không hạn chế công thương nghiệp, nên thiếu người khai khẩn đất hoang. Khi bách tính không tin vào chuyện thưởng phạt, không đốc thúc được họ trong việc khai khẩn đất đai, Đối ngoại không đủ sức kháng cự quân địch, đối nội không thể cố thủ. Thưởng phạt không đúng, thì không đốc thúc được bách tính. Đất đai không được khai khẩn, nhân dân không được đốc thúc, không đủ sức kháng cự quân ngoại xâm, phòng thủ nội bộ không được kiên cố. Khai khẩn đất đai mà nước vẫn nghèo vì nhà vua tiêu pha vào trang bị xe cộ thuyền ghe diêm dúa, vào việc xây dựng đài tạ to rộng. Tin vào thưởng phạt mà quân đội vẫn yếu kém là vì tùy tiện bắt dân lao dịch, bắt dân làm việc quá sức.

(Theo sách Quản Tử - Quyển tu - Quyển 32).

Nguyên văn:

五八

相坐之法立, 息百姓怨; 減爵之令張, 卽功臣叛. 故察於刀筆跡者, 卽不知治亂之本; 習陳之事者, 卽不知廟戰權. 聖人先見福於重關內, 慮患冥冥之外; 愚者或於小利而亡忘大害, 故事有利於小, 而害大於大, 得此而亡於彼. 故仁莫大於愛人也, 智莫大於知人也, 愛人卽無冤刑, 知人卽無亂政. . (卷三十五, 文子, 微明).

Phiên âm

58

Tương tọa (1) chi pháp lập, tức bách tính oán, giảm tước (2)

chi lệnh trương (3), tức công thần bạn (4). Cổ sát ư đao bút chi tích (5) giả, tức bất tri trị loạn chi bản; tập ư hành trần (6) chi sự quan (9) chi nội, lự hoạn ư minh minh chi ngoại (10); Ngu già cảm ư tiểu lợi nhi vong đại hại (11), cố sự hữu lợi ư tiểu nhi hại ư đại, đắc ư thủ nhi vong ư bị. Cổ nhân (12) mạc đại ư thụ nhân dã, trí mạc đại ư tri nhân (13) dã. Ái nhân tức vô miễn hình (14), tri nhân tức vô loạn chính. (**Quyển 35 - Văn Tử - Vi minh**).

Chú thích:

- (1) Tương tọa: Nói một người phạm tội, người khác bị liên đới cũng chịu tội.
- (2) Giám tước: Cắt hết tước lộc của quần thần. Tước: Danh vị nhà vua phong cho giới quý tộc hoặc công thần thời cổ đại. Sách *Lễ ký - Vương chế* viết: “Nhà vua chế ra 5 bậc tước lộc: Công, hầu, bá, tử, nam, cũng gọi là ‘tước vị’”.
- (3) Trương: Thực thi.
- (4) Bạn: Làm phản.
- (5) Đao bút chi tích: Chỉ văn bản các điều pháp lệnh. Đao bút nghĩa là công cụ viết chữ thời cổ, dùng thẻ tre thay vì giấy sau này. Người ta dùng dao khắc lên thẻ tre, thay vì dùng bút. Thời cổ chưa phát minh ra giấy, người ta dùng dao khắc chữ lên thẻ tre, đao bút chỉ quan hình pháp hoặc người làm công tác văn tự.
- (6) Hàng trận: Hàng ngũ quân đội trong chiến trận.
- (7) Miếu chiến chi quyền: Trù hoạch và quyết sách của triều đình đối với cuộc chiến. Quyền nghĩa là mưu lược.
- (8) Tiên kiến: Dự kiến.
- (9) Trùng khuyết: Cửa ải quan nhiều lớp, hình dung đường đi xa xôi nguy hiểm và gian khổ.
- (10) Minh minh chi ngoại: Ngoài vô tận không ranh giới, dẫn thân đến bên ngoài cảnh trần thế. Minh minh nghĩa là xa tít.
- (11) Đại hại: Cái hại quá lớn.
- (12) Nhân: Đức hạnh khoan dung lương thiện.

(13) Tri nhân: Có tâm nhìn có thể xét đoán phẩm tính và đức hạnh của người ta.

(14) Oan hình: Xử phạt không đúng người.

Diễn giải:

Một cá nhân phạm pháp sẽ gây vạ lây đến người khác, khiến bách tính oán hận, một khi đưa ra thực thi giảm thiểu bổng lộc thì bị công thần phản đối. Thế cho nên, nghiên cứu các văn bản thời xưa để lại thì không hiểu được nguyên nhân của các thời kỳ yên trị và loạn lạc. Người thông thạo điều quân chiến đấu, thì không biết mưu lược của triều đình. Bậc Thánh nhân thấy trước những thuận lợi khó khăn trở ngại, kẻ ngu muội bị mê cảm chạy theo cái lợi nhỏ mà quên cái hại to. Thế cho nên nhiều khi vì cái lợi của một vài việc nhỏ lại gây phương hại đến việc lớn. Vì thế, đức nhân không lớn hơn là yêu người, trí khôn không lớn hơn là biết người. Thương người thì không xử oan người ta, người có trí thì giỏi cảm quyền không để việc triều chính bị rối loạn.

(Theo sách Văn Tử - Vi minh - Quyển 35)

Nguyên văn:

五九

夫乘輿馬者，不勞而致千里；乘舟楫者，不能遊而濟江海。使言之而是，雖在匹夫藹藹，由不可棄也；言之而非，雖在人君卿相，不可用也。是非之處，不可以貴賤卑論也。其計可用，不羞其位矣；其言可行，不貴其辨矣。 . (卷三十五，文子，上行)。

Phiên âm

59

Phù (1) thừa dư mã (2) giả, bất lao nhi trí (3) thiên lý; Thừa

chu tiếp (4) giả, bất năng du (5) nhi tế (6) giang hải. Sử ngôn chi nhi thị, tuy tại thất phu (7) sô nghiêu (8), do (9) bất khả khí (10) dã; Ngôn chi nhi phi, tuy tại nhân quân khanh tướng, bất khả dụng dã. Thị phi chi xử (11), bất khả dĩ quý tiện tôn ti (12) luận (13) dã. Kỳ kế (14) khả dụng, bất tu (15) kỳ vị hỹ; kỳ ngôn khả hành, bất quý (16) kỳ biện (17) hỹ. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng hành**).

Chú thích:

- (1) Phù: Là phát ngữ từ trong văn ngôn có tác dụng biểu đề.
- (2) Thừa dư mã: Đi xe ngựa. Thừa: Xe ngựa.
- (3) Trí: Đạt đến.
- (4) Thuyền tập: Thuyền lẻ, chiếc thuyền.
- (5) Du: Hành động dưới nước.
- (6) Tế: Qua sông, vượt sông.
- (7) Thất phu: Bình dân, bách tính.
- (8) Sô nghiêu: Người cắt cỏ, lượm củi.
- (9) Do: Như cũ, trở lại.
- (10) Khí: Bẻ ra, mở ra.
- (11) Thị phi chi xử: Phán đoán thị phi. Xử nghĩa là quyết đoán.
- (12) Quý tiện tôn ti: Địa vị cao thấp.
- (13) Luận: Bình luận, suy đoán.
- (14) Kế: Sách lược, phương pháp.
- (15) Tu: Cảm thấy bị sỉ nhục.
- (16) Quý: Trọng thị, chú trọng.
- (17) Biện: Lời lẽ bay bổng, ngôn từ phiêu lộng, xảo diệu.

Diễn giải:

Người đi xe ngựa đi đến ngàn dặm mà không mệt nhọc. Người đi thuyền không phải bơi lội trên sông biển. Giả như lời

nói ấy là đúng, dù là lời của người bình dân, tiểu phu cắt cỏ cũng không ghét bỏ. Nếu như lời ấy không chính xác, sẽ khiến cho thân phận cao như vua chúa đại thần cũng không ai chịu nghe theo. Đối với những thẩm đoán thị phi, chẳng kể người luận định cao hay thấp sang quý hay nghèo hèn. Nếu quả sách lược của người ấy khả dụng, chẳng nên vì địa vị người ấy thấp kém mà hồ thẹn khi chấp nhận lời của người ấy. Nếu quả ngôn luận của người ấy thiết thực có thể dùng được thì bất tất lời lẽ của người ấy không được bay bướm xảo diệu.

(Theo sách Văn Tử - Thượng hành - Quyển 35)

Nguyên văn:

六十

諸治官眾者，上比度以觀其賢，案法以觀其罪，吏邪僻，無所逃之，所觀勝任也。 . (卷三十六，尸子，分) .

Phiên âm

60

Chư (1) trị quan lâm chúng giả, thượng tỉ độ (2) dĩ quan kỳ hiển, án pháp (3) dĩ quan kỳ tội. lại tuy hữu tà tích (4), vô sở đào chi, sở dĩ quan thắng nhiệm (5) dã. (Quyển 36 - Thi Tử - Phân).

Chú thích:

- (1) Chư: Sở hữu, nhất thiết.
- (2) Tỉ độ: Tiến hành so sánh và suy trắc.
- (3) Án pháp: Ý nói chấp pháp.
- (4) Tà tích: Trái đạo.
- (5) Thắng nhiệm: Đủ sức gánh vác.

Diễn giải:

Việc quản lý quan viên cùng đông đảo bầy tôi, nhà vua phải thông qua cuộc so sánh, liệu lường để phán đoán người ấy có phải là người hiền lương hay không, căn cứ vào pháp luật của nước mình để quan sát tìm hiểu người ấy có vi phạm pháp luật, làm loạn kỷ cương hay không. Có như vậy, thì hành vi của những kẻ tà ác trong đám quan viên của mình không cách nào thoát khỏi mắt mình. Đó là phương pháp công tác quan sát một người có làm tốt nhiệm vụ hay không.

(Theo sách **Thi Tử - Phân - Quyển 36**)

Nguyên văn:

六一

群臣愚智, 日効於前, 擇其知事者而令之謀, 群臣之所舉, 日効於前, 擇其知人者而令之舉, 群臣之治亂, 日効於前, 擇其勝任者而令治; 群臣之行得而察也, 擇其賢者而舉之, 則民競而行. 勝任者治, 則百官不亂; 知人者舉, 則賢者不隱; 知事者謀, 則大舉不失. 聖王正言朝, 而方治矣. (卷三十六, 尸子, 分).

Phiên âm

61

Quản thần chi ngu tri, nhật hặc (1) ư tiên, trạch kỳ tri sự giả (2) nhi lệnh chi mưu; Quản thần chi sở cử, nhật hặc ư tiên, trạch kỳ tri nhân giả (3) nhi lệnh chi cử (4), Quản thần chi trị loạn, nhật hặc ư tiên, trạch kỳ thăng nhiệm giả nhi lệnh chi trị; Quản thần chi hành khả đắc nhi sát dã, trạch kỳ hiền giả nhi cử chi, tắc dân cạnh nhi hành (5). Thăng nhiệm giả trị, tắc bách tính bất loạn; Tri nhân giả cử, tắc hiền giả bất ẩn; Tri sự giả mưu, tắc đại cử bất thất (6). Thánh vương chính ngôn (7) ư triều, nhi tứ phương (8) trị hỹ. (**Quyển 36 - Thi Tử - Phân**).

Chú thích:

- (1) Hặc: Phán quyết, thẩm đoán.
- (2) Tri sự giả: Người hiểu sự việc, rành việc.
- (3) Tri nhân giả: Có tầm nhìn, có khả năng biết được người tính tốt và có tài năng.
- (4) Cử: Tiến cử, suy cử, suy tiến.
- (5) Dân cạnh ư hành: Người dân nỗ lực tranh nhau làm việc.
- (6) Bất thất: Không để mất, không bỏ rơi.
- (7) Chính ngôn: Lời công chính ngay thẳng.
- (8) Tứ phương: Bốn phương thiên hạ, các nơi trong nước Sách *Hoài Nam Tử - Bản kinh* viết: “Đội tròn, dẫm vuông”, Cao Tú thời Hán chú thích: “Tròn là trời, vuông là đất”.

Diễn giải:

Quần thần trong triều người khôn kẻ ngu, mỗi ngày nhà vua đều trực tiếp thẩm đoán, tuyển chọn người nắm vững chính vụ để giao cho việc định ra kế hoạch. Những người được tiến cử, mỗi ngày nhà vua đều trực tiếp thẩm đoán, chọn người có tầm nhìn, giao cho việc cai trị quốc gia. Quần thần có khả năng trị loạn, mỗi ngày nhà vua đều trực tiếp thẩm đoán, chọn ra người đảm nhiệm công việc tốt nhất mà giao việc cai trị quốc gia. Quần thần có lời ăn tiếng nói hành động tử tế, chọn người hiền đức mà nhiệm dụng, thì nhân dân tranh nhau nỗ lực làm việc. Tuyển chọn những quan viên làm việc có trách nhiệm, thì bách quan không hỗn loạn. Giỏi việc suy cử quan viên hiền tài, thì người hiền tài không còn ở ẩn nữa. Quan viên có tầm nhìn tham gia việc vạch ra mưu lược, thì việc xử lý chuyện quốc gia đại sự làm gì có sai sót. Tại triều đình của bậc thánh vương có nhiều lời cương trực công chính, thì khắp các nơi trong nước đều được an trị.

(Theo sách *Thi Tử - Phân - Quyển 36*)

Nguyên văn:

六二

正名去偽, 事成若化; 以實覆名, 百事皆成. (卷三十六, 尸子, 分).

Phiên âm

62

Chính danh (1) khử ngụy, sự thành nhược hóa (2); Dĩ thực phúc danh (3), bách sự giai thành. (Thi Tử - Quyển 36 - Phân).

Chú thích:

- (1) Chính danh: Làm đúng danh xưng, danh phận, làm cho danh phù hợp với thực tướng.
- (2) Hóa: Công năng của thế giới tự nhiên.
- (3) Dĩ thực phúc danh: Lấy đức hạnh và tài năng thực tế soi xét danh phận ngoại tại. Phúc nghĩa là soi xét.

Diễn giải:

Danh phận chính đáng, loại trừ được hư ngụy, sự tình khả dĩ thành tựu rất tự nhiên. Một khi đức hạnh, tài năng thực tế phù hợp với danh phận ngoại tại, thì làm việc gì đều có thể thành công.

(Theo sách Thi Tử - Phân - Quyển 36)

Nguyên văn:

六三

夫用賢, 使能不勞而治; 正名覆實. 不罰而威, 達情見素, 則是非不蔽; 復本原始, 則言若符節. 良工之馬易御也, 聖王之民易治也, 其此之謂乎. (卷三十六, 尸子, 分).

Phiên âm

63

Phù dụng hiền sử năng, bất lao nhi trị; Chính danh phúc thực (1), bất phạt nhi uy. Đạt tình kiến tố (2), tắc thị phi bất tể (3); Phục bản nguyên thủy (4), tắc ngôn nhược phù tiết (5). Lương công (6) chi mã dị ngự dã, thánh vương chi dân dị trị dã, kỳ thủ chi vị hồ. (Quyển 36 - Thi Tử - Phân).

Chú thích:

- (1) Phúc thực: Thẩm sát hạch thực.
- (2) Đạt tình kiến tố: Làm người chân thành thông đạt sự lý. Tố nghĩa là chân tình, chân thành.
- (3) Thị phi bất tể: Không che đậy sự lý đúng hay sai. Tể nghĩa là ngăn che, che trùm.
- (4) Nguyên thủy: Suy cứu nguồn gốc của nó. Nguyên có ý là suy cứu cái gốc.
- (5) Phù tiết: Cái thẻ [giấy] cho phép ra vào cổng thành thời cổ. Cái thẻ chế từ tre, gỗ, ngọc, đồng. được khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên một nửa, khi kiểm tra ráp lại để làm bằng. Triều đình cũng dùng thẻ làm tín vật để truyền mệnh lệnh, điều binh khiển tướng.
- (6) Lương công: Thợ giỏi, thợ lành nghề, thợ tinh diệu

Diễn giải:

Tín dùng người tài năng thì nhà vua không phải lao tâm khổ tứ mà đất nước được yên trị. Danh phận đoan chính, thẩm tra trung thực, không dùng hình phạt mà có thể lập được uy tín. Thông đạt tình lý, làm người chất phác thì không cần che đậy chuyện thị phi. Truy cứu nguồn gốc, quay lại chân thực, sao cho tín hợp làm một với hạnh, giống cái thẻ làm tin. Người có tay nghề nuôi ngựa giỏi thì dễ chế ngự ngựa. Nhân dân dễ trị dưới sự lãnh đạo của bậc quân vương thánh hiền. Chẳng phải là đúng như thế hay sao?

(Theo sách Thi Tử - Phân - Quyển 36)

Nguyên văn:

六四

若夫名分，聖之所審也。造父之所以與交者少，操轡，馬之百節皆與，明王之所以與臣下交者少，審名分，臣莫敢不盡力竭智矣。（卷三十六，尸子，發蒙）。

Phiên âm

64

Nhược phù (1) danh phận (2), thánh chi sở thẩm dã. Tạo phụ chi sở dĩ dĩ giao (5) giả thiếu, thao (6) bí (7), mã chi bách tiết (8) giai dĩ (9); Minh vương (10) chi sở dĩ dĩ thần hạ giao giả thiếu, thẩm danh phận, quần thần mạc thủ bất tận lực kiệt trí hỹ. (**Quyển 36 - Thi Tử - Phát mông**).

Chú thích:

- (1) Nhược phù: Trợ từ, dùng ở đầu câu biểu thì tiếp tục.
- (2) Danh phận: Danh nghĩa và sở ứng của địa vị có chức phận.
- (3) Thẩm: Cẩn thận.
- (4) Tạo Phụ: Tên người, tính là Doanh, là hậu duệ của Bá Ích, cháu 5 đời của Phi Liêm, nổi tiếng là tay thiện ngựa. Ông ta dâng các ngựa hay như Đạo Li, Hoa Lưu, Lục Nhĩ cho vua Chu Mục vương, Chu Mục vương giao ông ta đánh xe ngựa cho mình, đi tuần thú miền Tây, ra mắt Tây Vương mẫu, Chu Mục vương vui quá quên chuyện trở về. Về sau Từ Yển vương tạo phản nhà Chu, Chu Mục vương nhờ các con thiên lý mã nhanh chóng trở về, đại phá tan giặc Từ Yển vương, rồi đem thành Triệu thưởng cho Tạo Phụ. Từ đó Tạo Phụ lấy họ Triệu.
- (5) Dĩ dĩ giao: Cùng qua lại với nhau.
- (6) Thao: Đánh xe ngựa.
- (7) Bí: Dây cương ngựa.
- (8) Mã chi bách tiết: Toàn thân con ngựa đều có dây buộc [quan tiết].

(9) Dữ: Theo.

(10) Minh vương: Nhà vua sáng suốt tài giỏi.

Diễn giải:

Danh vị với chức phận, từ xa xưa bậc Thánh Hiền đã cẩn thận với vấn đề này. Tào Phụ khi làm nài ngựa đánh xe cho vua, nên rất ít khi giao lưu với người khác, là vì người nài ngựa cầm trong tay các dây cương của ngựa có rất nhiều các thứ dây nhợ, phải tập trung điều khiển sao cho tốt. Bậc thánh vương, cũng ít qua lại với các quan lại bầy tôi trong triều, là vì thận trọng trong việc đối đãi cho đúng danh vị, chức trách, sao cho quần thần, không ai dám không tận tâm ra sức công tác.

(Theo sách Thi Tử - Phát mông - Quyển 36)

Nguyên văn:

貳：臣術

一：立節

六五

今命爾予翊，作股弘心膂。爾身克正，罔敢弗正；民心罔中，惟爾之中。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

CƯƠNG MỤC ĐỆ NHỊ: THÂN THUẬT

NHẤT: LẬP TIẾT

65

Kim mệnh nhĩ dư dục (1), tác cổ hoành (2) tâm lữ (3). Nhĩ thân khắc chính, vông cãm phát chính; Dân tâm vông trung (4), duy nhĩ chi trung. (**Quyển 2 - Thượng Thư**).

Chú thích:

- (1) Dư dục: Dục: Phụ tá, hộ vệ. Dư dục nghĩa là sát bên phụ giúp quan đại thần.
- (2) Cổ hoành: Tỷ dụ bầy tôi phụ tá nhà vua.
- (3) Tâm lữ: Tỷ dụ người phụ tá.
- (4) Trung: Đạo trung chính, tiêu chuẩn.

Diễn giải:

Hiện nay ta tín nhiệm giao cho ông làm phụ tá cho ta, làm đại thần tâm phúc của vua. Bản thân ông nên giữ lòng trung chính đừng nên quên hoặc lơ là. Nhân dân không biết trung chính là sao, nhìn vào trung chính của ông mà theo.

(Theo sách Thượng Thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

六六

詔曰：“廣洲制史吳隱之孝友過人。祿均九族，處可欲之地，而能不改其操。饗惟錯之富，而家人不易其服。革奢務嗇，南域改觀。朕有嘉焉，進號前軍，賜錢五十萬，穀斛”。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

66

Chiếu viết: “Quảng Châu Chế sử Ngô Ẩn Chi (1), hiếu (2) hũu (3) quá nhân, Lộc quân cửu tộc (4), xử khả dục chi địa (5), nhi năng bất cải kỳ thao. Hưởng (6) duy thổ chi phú (7), nhi gia nhân bất dị kỳ phục. Cách xa vụ sắc (8), nam vực cải quan, trẫm hũu gia yên, khả tiến hiệu tiền tướng quân, tứ tiền ngũ thập vạn, cốc thiên hộc (9)”. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

(1) Ngô Ấn Chi: (?-413 CN), tự là Xứ Mặc, người thành Bộc Dương Quyện (nay là miền bắc thành phố Quyện, tỉnh Sơn Đông), là cháu đời thứ 6 của Ngô Chất, quan Thị trung triều Tào Ngụy, Ngô Ấn Chi làm quan triều Đông Tấn, được giới sử gia tán tụng là đệ nhất lương lại.

(2) Hiếu: Đạo lý đối xử tốt với cha mẹ. Phương pháp: Cha mẹ còn thì hiếu kính, cha mẹ qua đời thì để tang [thủ hiếu] cúng giỗ [tế lễ]. Ngô Ấn Chi phụng dưỡng cha mẹ cực kỳ cẩn thận hiếu thuận, cảm động đến loài tiên hạc, đại nhạn. Khi người mẹ qua đời, khi anh em khóc lóc thì nghe tiếng hạc kêu, khi tế lễ có bầy chim nhạn bay quần trên nóc nhà. Bà mẹ của người láng giềng tên Hàn Khang Bá cũng vì nghe tiếng than khóc của anh em nhà họ Ngô, đau đớn rơi lệ, để rơi đũa khi ăn cơm, bà bảo con: “Nếu con có quyền quản lý điều độ quan lại của đất nước thì nên tín nhiệm để cử những người như anh em nhà họ Ngô. Đến khi Hàn Khang Bá làm Thượng thư bộ Lại, thì để cử Ngô Ấn Chi ra làm quan, làm đến chức Công tào phụ quốc tướng quân, rồi được điều làm tham quân Chinh lỗ tướng quân.

(3) Hữu: Anh em thân ái. Anh trai của Ngô Ấn Chi là Ngô Thản Chi bị liên can vụ án phải ở tù. Ngô Ấn Chi đích thân gặp quan Đại Tư mã Hoàn Ôn cầu xin chịu tội thay cho anh, Hoàn Ôn cảm động, cho thả người anh ra và càng trọng dụng Ngô Ấn Chi, chẳng bao lâu sau, thăng làm Thái thú Tấn Lăng.

(4) Lộc quân cứu tộc: Nói việc Ngô Ấn Chi mỗi tháng lãnh bổng lộc đều chia cấp cho bà con. Cứu tộc có hai thuyết. Sách *Quần thư trị yếu* – Quyển 2 – *Thượng thư* theo thuyết 9 đời gồm: Ông cao [cao tổ], ông cố [tằng tổ], ông nội [tổ phụ], cha (phụ thân], mình [tự thân], con [nhị tử], cháu [tôn tử], chắt [tằng tử], chít [huyền tôn]. Thuyết khác cho rằng cứu tộc gồm: Phụ tộc 4, Mẫu tộc 3, Thê tộc 2. Phụ tộc 4 gồm: Gia tộc bản thân mình, các cô xuất giá và con của họ, các chị em gái xuất giá và dưỡng rể, con gái xuất giá và cháu ngoại. Mẫu tộc 3 gồm: Gia tộc ông ngoại, gia tộc bà ngoại, di và các con của di. Thê tộc 2 gồm: Gia tộc cha vợ, gia tộc mẹ vợ.

(5) Xứ khả dực chi địa: Nói đến miền đất khiến người ta này lòng tham. Bấy giờ Quảng Châu là đặc khu dựa núi nhìn ra biển, sản

sinh nhiều của báu quý lạ, nhưng là miền đất còn nhiều chướng khí, con người ở miền bắc đến cư trú ở Quảng Châu thường bệnh hoạn. Thế cho nên, chỉ những người gặp khó khăn bần khổ mới chịu nhận nhiệm vụ đến làm quan ở Quảng Châu, nhưng một khi đến đó thì tham đồ sản vật châu báu có giá trị ở đó, thành ra Quảng Châu mang tiếng là xứ tham độc. Khả dục có nghĩa là sự vật đủ làm khơi dậy dục niệm tham muốn.

(6) Hưởng: Chỉ hưởng dụng.

(7) Duy thác chi phú: Đủ thứ của báu rừng biển, phong phú của cải quý hiếm. Phiếm chỉ Ngô Ân Chi xử trí các quan lại dưới quyền, bổng lộc cho đến lễ vật, cống phẩm rất nhiều. Thác là hải thác, một loại hải sản.

(8) Cách xa vụ sắc: Dẹp trừ xa xỉ, chú trọng tiết kiệm, triều đình diệt trừ thói tham độc, vào niên hiệu Nguyên Hưng nguyên niên (402 CN), Ngô Ân Chi được phong làm Long Tương [Hương] tướng quân, Quảng Châu Thứ sử, Giả Tiết đô đốc coi việc quân 2 châu Giao châu Quảng châu, lĩnh Bình Việt Trung lang tướng. Sau khi đến Quảng Châu nhận nhiệm vụ, ông thực hành tiết kiệm, ăn cơm rau cá, vật tư đều giao vào kho lưu giữ. Tường nghĩa là tiết tĩnh, tiết kiệm.

(9) Học: Đơn vị đong lương thực thời cổ một học bằng 10 đấu.

Diễn giải:

Hoàng đế hạ chiếu rằng: “Quan Thứ sử Quảng Châu Ngô Ân Chi là người có hiếu với cha mẹ, có tình với anh em hơn hẳn mọi người. Bổng lộc được hưởng đem chia đều cho cử tộc. Làm trưởng quan tại một nơi có thể khởi lòng tham dục mà vẫn giữ được bản tính thanh liêm. Ngồi trên đồng tài sản giàu có mà trong nhà mọi người ăn mặc vẫn như thường, từ chối đời sống xa hoa, sống đời tiết kiệm. Nhờ vậy mà tình hình hối lộ ở xứ Nam được cải thiện, phong khí ngày càng khả quan. Trẫm cần phải khen thưởng, ân chuẩn gia phong cho Ngô Ân Chi làm Tiên tướng quân, thưởng tiền 50 vạn, ngũ cốc một ngàn học.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

六七

景公問晏子曰：“請問臣道”。對曰：“見善必通，不私其利，薦善而不名。稱身位，不為苟進；稱事受祿，不苟得其言，人得其利，不伐其功，此臣道也”。（卷三十三，晏子，問上）。

Phiên âm:

67

Cảnh Công (1) vấn Yến Tử (2) viết: “Thỉnh vấn thân đạo”. Đối viết: “Kiến thiện tất thông (3), bất tư kỳ lợi (4), tiến thiện nhi bất hữu kỳ danh. Xung thân cư vị, bất vi cầu tiến, Xung sự thụ lộc. bất vi cầu đắc. Quân dụng kỳ ngôn, nhân đắc kỳ lợi, bất phạt kỳ công (5). Thủ thân đạo dã”. (Quyển 33 - Yến Tử - Vấn thượng).

Chú thích:

(1) Cảnh Công: Em cùng cha khác mẹ với vua Tề Trang Công, thời Tề Cảnh Công tại vị có tể tướng Án Anh phụ chính.

(2) Yến Tử: Yến Anh (?-500 tr. CN) tự Trọng, húy Bình, gọi là Yến Bình Trọng, còn gọi là Yến Tử, người Di Duy nước Tề (nay là Bình Lý điểm thành phố Lai Châu tỉnh Sơn Đông), là nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà ngoại giao nổi tiếng vào cuối thời Xuân Thu.

(3) Thông: Truyền thông rộng ra.

(4) Bất tư kỳ lợi: Chí công vô tư, không vì lợi ích riêng tư của chính mình. Tư nghĩa là tư hữu.

(5) Bất phạt kỳ công: Chỉ người khiêm tốn, không khoe khoang công lao. Phạt nghĩa là khoe khoang. Sách *Kinh Dịch - Hệ từ thượng* viết: “Lao nhi bất phạt, hữu ông nhi bất đức, hậu chi chí dã”. Sách *Luận ngữ - Công dã tràng* viết: “Nguyên vô phạt thiện, vô thi lao”.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử rằng: “Xin cho hỏi, đạo làm bầy tôi như thế nào?”.

Yến Tử trả lời: “Là thiện hành thiện sự, nhất định phải được thúc đẩy sâu rộng, không thu tóm lợi ích về cho chính mình, phải làm cho mọi người đều được lợi; Tiến cử người tài mà không để lộ là mình tiến cử. Mình lượng sức mình để nhận chức quan phù hợp. Không chạy chọt để thăng chức, nhận lãnh bổng lộc tương xứng với nhiệm vụ công việc mình làm, không đòi hỏi. Khi vua mình nghe theo lời tâu của mình, thì biết chia sẻ lợi ích với mọi người mà không khoe mẽ công lao của mình. Đó là đạo của người làm bầy tôi thờ vua mình”.

(Theo sách Yến Tử - Văn thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

二盡忠

六八

帝曰：“吁！臣哉鄰哉！鄰哉臣哉！”禹曰：“俞！”（卷二，尚書）

Phiên âm:

NHI: TẬN TRUNG

68

Đế viết: “Vu! Thân tai lân tai! Lân tai thân tai!” Vũ viết: “Du!”
(Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Đế: Chỉ vua Thuấn.
- (2) Lân: Gân.
- (3) Du: Là thán từ trong văn ngôn, biểu thị đồng ý.

Diễn giải:

Vua Thuấn nói: “Này! Đại thần là người thân cận của nhà

vua đấy! Người thân cận với nhà vua là đại thần đấy!” Ông Vũ thưa: “Đúng vậy!”.

(Theo sách **Thượng thư** - Quyển 2)

Nguyên văn:

六九

帝曰：“臣朕股弘耳目，予欲左右有民，汝翼。予欲觀古人之象，以五采彰施于五色作服，汝明。予欲聞六律五聲八音，以出納五言，汝聽。予違，汝彌。汝面從，退有後言。（卷二，尚書）

Phiên âm:

69

Đế viết: “Thần tác trẫm (1) cổ hoàng (2) nhĩ mục (3), dư (4) dục tả hữu (5) hữu dân, nhữ dục (6). Dư dục quán cổ nhân chi tượng (7), dĩ ngũ thái (8) chương thi vu ngũ sắc (9) tác phục, nhữ minh (10). Dư dục văn lục luật ngũ thanh bát âm (12), dĩ xuất nạp (13) ngũ ngôn (14), nhữ thính. Dư vi (15), nhữ bạt (16). Nhữ vô diện tùng, thoái hữu hậu ngôn”. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Đế: Chỉ vua Thuấn.
- (2) Trẫm: Đại từ tự xưng, tức ta, tôi. Sách “Sở từ - Khuất Nguyên - Ly tao” viết “Người cha quá cố của trẫm, tên là Bá Dung”.
- (3) Cổ hoàng nhĩ mục: Tỷ dụ trợ thủ đắc lực.
- (4) Dư: Tôi, ta.
- (5) Tả hữu: Giúp đỡ, bang trợ, giáo hóa, chỉ dẫn.
- (6) Dục: Phụ tá, hộ vệ.
- (7) Quán cổ nhân chi tượng: Xem hình tượng của người thời cổ. Đó có ý là khôi phục làm mới y phục, lễ nghi của thời cổ.

- (8) Ngũ thái: Chỉ 5 loại nhan liệu sắc thái khác nhau.
- (9) Ngũ sắc: Chỉ 5 loại sắc thái chính khác nhau thời cổ đại là: Xanh, đỏ, trắng, đen, vàng.
- (10) Minh: Rõ ràng, minh bạch.
- (11) Lục luật: Tên gọi 6 âm tiêu chuẩn thời cổ đại. Luật nhạc thời cổ có 12: âm 6, dương 6; dương làm Luật, âm làm Lã; lục luật tức hoàng chung, thái xúc, cô tẩy [hiển], nhụy tân, di tắc, vô xạ [diệc].
- (12) Ngũ thanh bát âm: Ngũ thanh: Cung, thương, đốc, chỉ, vũ. Bát âm: Gọi chung các loại vật liệu làm nên nhạc khí thời cổ, thông thường gồm: Vàng, đá, ti, trúc, bào, đất, da, gỗ.
- (13) Xuất nạp: Có ý là truyền bá.
- (14) Ngũ ngôn: Chỉ ngũ đức: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
- (15) Vi: Chống lại, phản lại.
- (16) Bật: Giúp đỡ, phụ tá.

Diễn giải:

Vua Đế Thuấn nói: “Đại thần giống như là tay chân tai mắt của ta. Ta muốn giáo hóa lãnh đạo nhân dân thì các khanh phụ tá ta cho tốt. Ta muốn xem rõ dạng thức lễ phục của vua quan thời cổ, họ dùng tơ 5 màu với các kiểu mẫu khác nhau làm ra các các loại y phục biểu thị đẳng cấp tôn ti, các khanh thiết kế, chế tác cho tốt. Ta hy vọng có thể được nghe 6 loại âm luật, 5 cấp âm giai, 8 loại nhạc khí diễn, tấu những bản nhạc chí thiện chí mỹ, dùng để bày tỏ lời dạy của ngũ đức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Các khanh với ta ngồi lại với nhau cùng nghe và đánh giá. Nếu ta có điều gì sai lầm, thì các khanh phải chỉnh đốn kịp thời. Các khanh đừng nên ngậm miệng trước mặt ta, mà lại nghị luận sau lưng ta khi ta đã rời đi.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

七十

悝為魏乂害。臨刑，鄉人送以百數，相酬酢，意氣周洛，有如平日。弟號泣，悝曰：“人生有死，闔門為忠義鬼，亦何恨哉！”
(卷二十九，晉書上，傳)。

Phiên âm

70

Khuy (1) vi Ngụy Nghị (2) sở hại. Lâm hình, hương nhân tổng dĩ bách số, dĩ tương thù tạc (3), ý khí châu lạc (4), hữu như bình nhật, Tử đệ hào khấp, Khuy viết: “Nhân sinh hữu tử, hạp môn (5) vi trung nghĩa quý, diệc hà hận tai!” (**Quyển 29 - Tấn thư thượng - Truyện**).

Chú thích:

(1) Lý: [khuy]: Ngu Khuy: (?-322 CN), người Trường Sa thời nhà Đông Tấn. Vua Tư Mã Thừa mời Ngu Khuy thuộc đại tộc ở Tương Châu, làm chức Trưởng sử cầm quân thảo phạt Vương Đôn, nhưng mẹ Ngu Khuy vừa qua đời, chưa thể đi nhậm chức được. Tư Mã Thừa nhờ người chú đáng kính của mình đi viếng tang, khiến anh em nhà họ Ngu vô cùng cảm động. Tư Mã Thừa cho đem sắc phong chờ bổ nhiệm Ngu Khuy làm Trưởng sử, em Ngu Khuy là Ngu Vọng làm chức Tư mã, chủ quản quân sự.

(2) Ngụy Nghị [Diệc]: Làm giao úy xứ Nam man, Vương Đôn cử ông ta tấn công Tương Châu.

(3) Thù tạc: Chủ khách cùng uống rượu. Chủ nâng chén mời khách gọi là thù, khách nâng chén mời chủ gọi là tạc.

(4) Lạc: Hòa mục, hiệp điệu, hòa điệu.

(5) Hạp môn: Cả nhà.

Diễn giải:

Nguy Khuy làm tội Ngụy Nghị, khi thi hành Yển Tử hình, giới

hương thân có đến hàng trăm người tiễn biệt, cùng Ngụy Nghị nâng chén rượu chia tay, không khí rất là hòa mục, giống như chuyện cư xử bình thường. Tử đệ gia tộc nhà ông ta khóc lóc thảm thiết, Ngu Khuy nói: “Con người ai cũng đều phải một lần chết, cả nhà đều làm quỷ trung nghĩa, thế thì còn oán hận gì nữa!”

(Theo sách **Tấn thư thượng** - **Truyện** - **Quyển 29**)

Nguyên văn:

七一

張華，字茂先，範陽人也，領中書令，名重一世。朝野擬為台輔，而荀勗，馮謫等深忌疾之。會世祖問華：“誰可付以後事者？”對曰：“明德至親，莫如齊王攸”。既非上意所在，微為忤旨，間得行。以華為都督幽州諸軍事，護烏桓校尉。於是遠夷賓服，四境無虞。議欲徵華入相，馮謫乾沒苦陷，以華有震主之名，不可保必，遂徵為太常，以小事免官。世祖崩遷中書監，加侍中。盡忠救匡，彌縫補闕，雖當闇主，虐后之朝，猶使海內晏然，遷司空，卓爾獨立，無所阿比，趙王倫及孫秀等疾華如讎，倫，秀信起，遂與裴偉俱被害，朝野之士莫不悲酸。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

71

Trương Hoa (1), tự Mậu Tiên, Phạm Dương nhân dã, lĩnh Trung thư lệnh (2), danh trọng hất thế. Triều dã nghĩ vi đài phụ (3), nhi Tuân Úc (4), Phùng Đả (5) đảng thâm kỵ tạt chi. Hội Thế Tổ (6) vấn Hoa: “Thùy khả phó dĩ hậu sự giả?” Đối viết: “Minh đức chí thân, mạc như Tế vương Du (7)”, ký phi thượng ý sở tại, Vi vi ngõ chỉ, (8), gian ngôn đắc hành. Dĩ Hoa vi Đô đốc U Châu chư quân sự, Hộ Ô Hoàn hiệu úy. Ứ thị viễn di tân phục, tứ cảnh vô ngu. Triều nghị dục trưng Hoa nhập tướng, Phùng Đả can một

khổ hãm, dĩ Hoa hữu chấn chúa chi danh, bất khả bảo tất, toại trung vi Thái thường, dĩ tiểu sự miễn quan. Thế Tổ băng, thiên Trung thư giám, gia Thị trung. Toại tận trung cứu khuông, di phùng bổ khuyết, tuy đương ám chú (9), ngược hậu (10) chi triều, do sử hải nội án nhiên (11), thiên Tư không, trác nhĩ độc lập, vô sở a tỹ (12). Triệu vương Du (13) cập Tôn Tú (14) đẳng tậ (15) Hoa như thù (16), Luân, Tú tín khởi (17), toại dĩ Bùi Vĩ (18) câu bị hại, triều dã chi sĩ, mạc bất bi toan. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyen**).

Chú thích:

(1) Trương Hoa: (232 – 300 CN), tự là Mậu Tiên, người Phòng Thành, Phạm Dương (nay là Cố An, Hà Bắc), là chính trị gia, Văn học gia, Tàng thư gia thời Tây Tấn, là cháu đời thứ 16 của Lưu hầu Trương Lương thời Tây Hán, là ông tổ đời thứ 14 của danh tướng Trương Cửu Linh thời nhà Đường.

(2) Trung thư lệnh: Là chức quan giúp vua xử lý chính vụ tại triều đình, phụ trách trực tiếp mật tấu lên vua. Thời nhà Tây Hán, đều do người được vua tối tín nhiệm đảm trách. Quyền lực vượt quá quan Tể tướng. Thời vua Ngụy Văn Đế, quan Trung thư lệnh nắm cơ yếu. Thời nhà Tấn, Trương Hoa giữ chức Trung thư lệnh, là chức quan có danh vọng rất cao, thường dùng người có tài văn học đảm nhiệm.

(3) Đài phụ: Là chức Tam công tể phụ.

(4) Tuân Úc: (?-289 CN), tự là Công Tăng, người Dĩnh Âm Dĩnh Xuyên (nay là thành phố Hứa Xương, tỉnh Hà Nam), là cháu của quan Tư không Tuân Sảng nhà Đông Hán. Nhân lúc trước ông được phong là Tế Bắc công, nên về sau người ta gọi ông là “Tuân Tế Bắc”, ông giỏi thưởng thức âm nhạc, nên còn gọi ông là “âm giải”.

(5) Phùng Đám: (?-286 CN), tự là Thiếu Trụ, người An Bình (nay là huyện Ký tỉnh Hà Bắc), làm quan triều Tây Tấn.

(6) Thế Tổ: Túc Tư Mã Viêm, vua lập ra nhà Tấn, con trưởng của Tư Mã Chiêu, anh ruột của Tư Mã Du, sử gọi ông là Tấn Vũ đế.

(7) Tể vương Du: Túc Tư Mã Du, em ruột cùng mẹ với Tư Mã

Viêm, năm 282 CN, Tấn Vũ đế bệnh nặng, hỏi Trương Hoa lập người kế vị, Trương Hoa cử Tư Mã Du.

(8) Vi vi ngộ chỉ: Túc làm ngược ý chỉ của vua. Trước đây, Tấn Văn đế Tư Mã Chiêu trong vấn đề lập người kế thừa mình, phân vân giữa Tư Mã Viêm và Tư Mã Du, cuối cùng, nửa năm trước khi Tư Mã Chiêu qua đời, mới quyết định chọn Tư Mã Viêm làm người kế thừa mình. Tư Mã Du vì thế cố công lập đức, danh vọng trong triều của ông rất cao, nên Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm càng thêm nghi kỵ ông em mình.

(9) Âm chúa: Chỉ vua Tấn Huệ đế Tư Mã Trung (259-307 CN), là con thứ của Tư Mã Viêm, là vua thứ hai nhà Tây Tấn, từ năm 290 CN đến năm 306 CN, trong thời ông làm vua thì xảy ra loạn Bát vương, nhà Tây Tấn bị diệt vong, là một hôn quân.

(10) Ngược hậu: Chỉ hoàng hậu vợ vua Tấn Huệ đế.

(11) Yên nhiên: An ninh, bình tĩnh.

(12) Vô sở a tỹ: Không câu kết bè đảng. không câu thông với giới nhà buôn tư nhân giàu có.

(13) Triệu vương Luân: Túc Tư Mã Luân (?-301 CN), tự là Tử Di là một trong tám vương, nổi loạn trong loạn Bát vương. là con thứ 9 của Tấn Tuyên đế Tư Mã Ý, giả tạo ra chiếu thư mưu hại kẻ tội danh của Thái tử muốn phế truất hoàng hậu Giả Nam Phong, được rất nhiều người tin theo.

(14) Tôn Tú: là đệ tử thân tín của Triệu vương Tư Mã Luân. Tư Mã Luân kém cõi, mọi việc đều nghe lời Tôn Tú, nên ai muốn gì thì đều trực tiếp tìm đến Tôn Tú, vì thế quyền hạn nằm trong tay Tôn Tú khiến hấn lạm quyền, mặc sức tự tung tự tác, sát hại trung lương như Thạch Sùng, Phan Nhạc vì có tư oán với mình. Các vương như Thành Đô vương Tư Mã Dĩnh, Thường Sơn vương Tư Mã Nghệ, Tân Dã Công Tư Mã Hâm, Hà Giang vương Tư Mã Ngung, khởi binh phản đối Tôn Tú, cuối cùng Tôn Tú bị Trung thư tể tướng Tư Mã Thôi và Tả Vệ tướng quân Vương Dư giết.

(15) Tật: Đồ kỵ, ganh ghét, tật đố.

(16) Thù: Oán thù, thế thù, tu thù. Sách *Tả truyện - Nương công nhị thập nhất niên* viết: “Kỳ đại phu đối với bên ngoài không kết oán thù, bên trong không mất lòng người thân”.

(17) Tín khởi: Dẫn đến tranh nhau, Tín nghĩa là hiểm khích, tranh nhau.

(18) Bùi Vi: (267-300 CN), tự là Dật Dân, người Văn Hỷ, Hà Đông thời Tây Tấn, người nho nhâ có kiến thức sâu xa, làm chức Quốc tử tế tửu kiêm Hữu quân tướng quân thời Tấn Huệ đế, vì có công giết Dương Tuấn, được phong Vũ Xương hầu, tâu về tu chính quốc học, khắc đá viết kinh, sau được thăng làm Thượng thư, bị Triệu vương Tư Mã Luân hại chết, được truy tặng thụy là Thành. Vì lo tục lệ sa sút, viết sách *Sùng hữu luận* để chỉ ra cái tệ.

Diễn giải:

Trương Hoa, tự là Mậu Tiên, người Phạm Dương, làm chức Trung thư lệnh, tiếng tăm hiển hách một thời, trong ngoài triều đình đều cho ông xứng làm phụ tá cho vua, nhưng Tuân Úc, Phùng Đảm ganh ghét đố kỵ ông. Gặp hôm vua hỏi Trương Hoa: “Ta chết thì nên đem đại sự thiên hạ trao vào tay người nào?” Trương Hoa tâu: “Nếu xét người tài năng đức độ, chí thân chí hiếu, thì không người nào sánh được với Tể vương Tư Mã Du”. Câu trả lời này không hợp ý nhà vua, hơi trái với suy nghĩ tính toán của nhà vua. Thế là lời ông tiếng ve từ đó xì xào nổi lên. Nhà vua phái Trương Hoa làm chức Đô đốc chỉ huy quân đội U Châu kiêm Hộ Minh Hoàng hiệu úy. Nhờ đó mà các bộ tộc xa xôi đã theo về với triều đình, đến kỳ thì nộp cống, bốn phương biên cảnh an ninh vô sự. Bấy giờ triều đình lại bàn đến việc triệu Trương Hoa về triều làm Tể tướng. Phe Tuân Úc, Phùng Đảm vì quỵn tim cách hãm hại Trương Hoa, nói rằng tiếng tăm của Trương Hoa lấn át hoàng đế, không thể bảo Trương Hoa giữ một lòng trung với triều đình, nên triệu về triều làm chức Thái thường, rồi khi Trương Hoa phạm một lỗi nhỏ nào đó thì bãi chức. Sau khi vua Tấn Thế Tổ qua đời, vua Huệ đế để bạt Trương Hoa làm chức Trung thư giám, gia hàm Thị trung. Trương Hoa một lòng tận lực vì nước, ngăn ngừa các loại tệ đoan lưu lậu, nên dù Tấn Huệ đế hèn yếu, Giả Thái hậu tàn bạo tú ngược mà trong nước bình an vô sự. Sau khi Trương Hoa được thăng chức Tư không, thành tựu trác việt của ông không

đồng với bọn Tuân Úc, ông không kết bè đảng, không câu thông với giới nhà buôn giàu có, chẳng ai sánh được với ông cả. Triệu vương Tư Mã Luân cùng bọn thân tín Tôn Tú, ganh ghét Trương Hoa xem như kẻ thù. Khi Tư Mã Luân cùng Tôn Tú làm loạn, thì Trương Hoa và Bùi Vĩ bị sát hại. Nhân sĩ trong ngoài triều đình không ai không chua xót đau lòng.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

七二

凡所謂功者，安主上，利萬民者也。夫破軍殺將戰勝攻取使主無危亡之憂而百姓無死虜之患，此軍士之所以為功者也。（卷三十二，管子，明法解）。

Phiên âm:

72

Phàm sở vị công giả, an chúa thượng, lợi vạn dân giả dã. Phù phá quân sát tướng, chiến thắng công thủ, sử chúa vô nguy vong chi ưu, nhi bách tính vô tử lỗ (1) chi hoân, thử quân sĩ chi sở dĩ vị công giả dã, (Quyển 32 - Quản Tử - Minh pháp giải).

Chú thích:

(1) Lỗ: bắt tù binh.

(2) Hoạn: Lo lắng, nặng lòng.

Diễn giải:

Đại phàm cái gọi là công lao, là làm cho vua mình được bình an, làm cho nhân dân được lợi ích. Đánh phá quân giặc, giết chết tướng giặc, giành được chiến thắng, công trạng có thể khắc ghi,

vua mình không phải lo đến chuyện nguy vong, dân mình khỏi phải lo chết chóc hay sợ bị bắt làm tù binh. Đó gọi là công tích của quân nhân.

(Theo sách **Quản Tử - Minh pháp giải - Quyển 32**)

Nguyên văn:

七三

奉主法，治境內使疆不凌弱眾不暴寡萬民歡盡其力而奉養其主此吏之所以為功也。（卷三十二，管子，明法解）。

Phiên âm:

73

Phụng chúa pháp, trị cảnh nội, sử cương (1) bất lãng nhược, chúng bất bạo quả, vạn dân hoan tận kỳ lực, nhi phụng dưỡng kỳ chúa, thử lại chi sở dĩ vi công dã. (**Quyển 32 - Quản Tử - Minh pháp giải**).

Chú thích:

(1) Cương: Cường tráng, mạnh khỏe.

Diễn giải:

Thừa hành mệnh lệnh của nhà vua để cai trị thiên hạ, khiến người mạnh không hà hiếp kẻ yếu, bọn đông người không hà hiếp nhóm ít người. Đó là công tích của giới quan lại trong triều.

(Theo sách **Quản Tử - Minh pháp giải - Quyển 32**)

Nguyên văn:

七四

匡主之過，救主之失明理義以導其主，主無邪僻之行，蔽欺之患，此臣之所以為功也。（卷三十二，管子，明法解）。

Phiên âm:

74

Khuông (1) chúa chi quá, cứu chúa chi thất, minh lý nghĩa (2) dĩ đạo kỳ chúa, chúa vô tà tích (3) chi hành, tế khi (4) chi hoạn, thử thần chi sở dĩ vi công dã. (Quyển 32 - Quản Tử - Minh pháp giải).

Chú thích:

(1) Khuông: Cử chính, chỉnh đốn. Sách *Tả truyện - Tương công thập tứ niên* viết: “Quá tắc khuông chỉ”, sai thì phải chỉnh cho đúng.

(2) Lý nghĩa: Chỉ quy phạm đạo đức xã hội, làm việc theo quy tắc tiêu chuẩn. Sách *Lã thị xuân thu - Khuyến học* viết: “Là vua là cha không được như ý muốn, là con là bầy tôi không làm được như họ mong muốn, đó là không biết nghĩa lý”. Cao Tú chú thích: “Là vua là cha thì bất nhân bất tử, là bầy tôi là con thì bất trung bất hiếu, đó là không biết nghĩa lý”.

(3) Tà tích: Không hợp với chính đạo, nói bậy nói bạ.

(4) Tế khi: Che giấu lừa đảo.

Diễn giải:

Uốn nắn lầm lẫn của vua mình, bổ cứu sai sót của vua mình, làm rõ các quy phạm đạo đức trong xã hội, các nguyên tắc hành động đúng chuẩn để mở rộng hiểu biết đúng đắn cho vua, làm sao cho vua không sa vào các hành vi sai trái, không bị lừa đảo che mắt. Đó là công tích của bầy tôi trong triều.

(Theo sách *Quản Tử - Minh pháp giải - Quyển 32*)

Nguyên văn:

七五

景公飲酒, 夜, 移於晏子. 前驅款門曰: “君致”. 晏子被玄端立於門. 曰: “諸侯得微有故乎? 君何為非時而夜辱?. 公曰: “酒醴之味, 金石之聲, 願與夫子樂之”. 晏子曰: “夫布進席簞簞者有人, 臣不可與焉”. 公移於司馬穰苴之家, 前驅款門曰: “君致”. 穰苴介冑操戟立於門. 曰: “諸侯得微有兵乎? 大臣得微有不服乎? 君何為非時而來?” 公曰: “酒醴之味, 金石之聲, 願與夫子樂之”. 穰苴對曰: “夫布進席簞簞者有人, 臣不可與焉”. 公移於梁丘据之家, 前驅款門曰: “君致”. 梁丘据左擁琴, 右挈竽, 行歌而出. 公曰: “樂哉! 今夕吾飲也. 微彼二子者, 何以治吾國, 為此一臣者何以樂吾身!”.
(卷三十三, 晏子, 雜上).

Phiên âm

75

Cảnh Công ẩm tửu, dạ, di ư Yến Tử, tiền khu khoản môn (1) viết: “Quân chí”. Yến Tử bị huyền đoan (2) lập ư môn. Viết: “chư hầu đắc vi (3) hữu cố hồ? Quốc gia đắc vi hữu sự hồ? quân hà vi phi thời nhi dạ nhục (4)?” Công viết: “Tửu lễ chi vị, kim thạch chi thanh (5), nguyện dữ phu tử lạc chi”. Yến Tử viết: “Phù bố tiến tịch (6), trần phủ quỹ (7) giả hữu nhân, thần bất cảm dữ yên”. Công di ư Tư Mã Nhuỡng Trạ (8) chi gia. Tiền khu khoản môn viết: “Quân chí”. Nhuỡng Trạ giới trụ (9) thao (10) kích (11) lập ư môn. Viết: “Chư hầu đắc vi hữu binh hồ? Đại thần đắc vi hữu bất phục hồ? quân hà vi phi thời nhi lai?”. Công viết: “Tửu lễ chi vị, kim thạch chi thanh, nguyện dữ phu tử lạc chi”. Nhuỡng Trạ đối viết: “Phù bố tiến tịch, trần phủ quỹ giả hữu nhân, thần bất cảm dữ yên”. Công di ư Lương Khâu Cú (12) chi gia. Tiền khu khoản môn viết: “Quân chí”. Lương Khâu Cú tả ủng cầm, hữu khiết vu (13), hành xuy nhi xuất. Công viết: “Lạc tai! Kim tịch ngô ẩm dã, vi (14) bỉ nhị tử giả, hà dĩ trị ngô quốc! Vi thử nhất thần giả, hà dĩ lạc ngô thân”. (Quyển 33 - Yến Tử - Tập thượng).

Chú thích:

- (1) Khoản môn: Gõ cổng, gõ cửa.
- (2) Huyền đoan: Lễ phục màu đen.
- (3) Đắc vi: Không phải không. Vi nghĩa là không.
- (4) Phi thời nhi dạ nhục: Phi thời nghĩa là không đúng lúc. Nhục nghĩa là bị nhục, lời nói tôn kính, ý nói không phải hỗn hào.
- (5) Kim thạch chi thanh: Phiếm chỉ thanh âm diễn tấu ưu mỹ của các loại nhạc khí. Kim thạch, loại nhạc khí bằng đồng bằng đá [khánh] cho tiếng vang êm tai.
- (6) Tiến tịch: Chiếu ngồi ăn tiệc.
- (7) Phủ quỹ: Đồ đựng xôi cúng thời cổ, hình tròn gọi là quỹ, hình vuông gọi là phủ.
- (8) Tư mã Nhưỡng Trạ: Tư mã là chức quan, Nhưỡng Trạ là tính, họ Điền, là hậu duệ của Điền Hoàn, lại gọi là Điền Nhưỡng Trạ, làm tướng nước Tề thời Xuân Thu. Ông là nhà quân sự, nhà lý luận quân sự. Làm chức Đại tư mã triều vua Tề Cảnh Công, nổi tiếng là tướng trị quân nghiêm chỉnh, ra quân đẩy lùi liên quân quân hai nước Yên – Tấn, nổi tiếng thiên hạ. Ông còn là tác giả cuốn binh pháp “Tư mã pháp” nổi tiếng, là một cuốn sách được lưu hành hậu thế. Sách *Sử ký – Thái sử công tự tự* viết: “Từ xưa các bậc vương giả đều có tư mã pháp, Nhưỡng Trạ có thể nắm rõ hết”. Tể tướng Yến Anh khen ông: “Văn năng phụ chúng, võ năng uy địch”.
- (9) Giới trụ: Áo giáp và mũ trụ đều bằng kim khí, ngăn gươm giáo mũi tên. Giới nghĩa là áo giáp kết bằng những tấm kim loại, ngăn giáo gươm đâm tên bắn. Trụ nghĩa là loại mũ bằng kim khí.
- (10) Thao: Giữ, nắm, chường.
- (11) Kích: Loại vũ khí có 4 công năng câu, mổ, đâm, chém. Cán bằng gỗ hoặc bằng gốc tre, xuất hiện từ thời nhà Thương, trải qua nhà Chu, thịnh hành thời Chiến Quốc, nhà Hán, nhà Tấn, rồi từ thời Nam Bắc triều thì cây kích dần dần bị cây thương thay thế, kích trở thành vũ khí nghi trượng, vũ khí trưng bày.
- (12) Lương Khâu Cú: Tính là Lương Khâu, tên là Cú, tự là Tử Do, là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, được vua Tề Cảnh Công

tín nhiệm. Ông ta tìm đến địa phương tên là Lương Khâu sơn rồi định cư tại đó, Về sau con cháu ông lấy Lương Khâu làm tính, gọi là Lương Khâu thị.

(13) Khiết vu: Khiết vu nghĩa là tay cầm vu, Vu là loại nhạc khí, như sênh phách nhưng to hơn. Trịnh Huyền chú dẫn Trịnh Tư Nông viết: “Vu, 36 lưỡi gà [hoàng], sênh 13 lưỡi gà”.

(14) Vi: Không có, Sách *Luận ngữ - Hiến vấn* viết: “Vi Quán Trọng, ngô kỳ bị phát tả nhậm hỹ”.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công tổ chức tiệc rượu, đến tối thì tiệc rượu chuyển đến nhà của Yến Tử, người đi đầu gõ cổng nói: “Vua đến!”. Yến Tử mặc triều phục màu đen ra cổng nói: “Chư hầu đã xảy ra biến cố gì vậy? Không lẽ quốc gia xảy ra biến cố? Nhà vua sao lại không ở tại nơi làm việc mà có thời giờ đêm hôm đến tận đây?”. Vua Tề Cảnh Công nói: “Có hủ rượu thơm ngon, có ban nhạc hay, muốn cùng tiên sinh thưởng thức”. Yến Tử nói: “Việc tổ chức chiếu tiệc, bày biện chén đĩa ly tách, đều do thợ chuyên môn đảm trách, hạ thần không dám tham dự!”. Vua Cảnh Công bèn cho chuyển cuộc tiệc rượu đến nhà quan Tư mã Nhưỡng Trạ. Người đi đầu gõ cổng nói: “Vua đến!”. Nhưỡng Trạ đóng bộ khôi giáp, tay cầm vũ khí đứng nơi cổng nói: “Chư hầu đem quân xâm phạm biên giới hay sao? Phải chăng đại thần mưu phản? Hay là đại thần không phục tùng? Nhà vua sao lại không ở tại nơi làm việc mà có thời giờ đêm hôm đến tận đây?”. Vua Tề Cảnh Công nói: “Có hủ rượu thơm ngon, có ban nhạc hay, muốn cùng tiên sinh thưởng thức”. Nhưỡng Trạ trả lời: “Việc tổ chức chiếu tiệc, bày biện chén đĩa ly tách, đều do nhà bếp trong cung đảm trách, hạ thần không dám tham gia!”. Vua Cảnh Công bèn cho chuyển cuộc tiệc rượu đến nhà Lương Khâu Cú. Người đi đầu gõ cổng nói: “Vua đến!”. Lương Khâu Cú, tay trái ôm đàn, tay phải cầm ống tiêu, vừa đi vừa thổi đi ra nghinh tiếp nhà vua. Vua Cảnh Công nói: “Vui thật! Tối nay ta sẽ uống rượu thỏa thích. Hai ông kia bận lo việc cai trị đất nước, không có bấy tôi như ông, thì làm sao ta vui thú!”.

(Theo sách *Yến Tử - Tập thượng - Quyển 33*)

Nguyên văn :

七六

晏子侍於景公. 朝寒. 曰: “請進煖食”. 對曰: “嬰非君奉餽之臣也, 敢辭”. 公曰: “請進服裝”. 對曰: “嬰非君茵席席之臣也, 敢辭”. 公曰: “然. 夫子之於寡人, 何為者也?”. 對曰: “社稷之臣”. 公問: “社稷之臣若何?”. 對曰: “龍立社稷, 別上之義, 當其理; 制百官之序, 使得其所; 作為令, 可布於四方也”. 自是之後, 君不以禮, 不見晏子. !” . (卷三十三, 晏子, 雜上).

Phiên âm:

76

Yến Tử thị ư Cảnh Công, triều hàn. Viết: “thỉnh tiến noãn thực” Đối viết: “Anh phi quân phụng quỹ chi thân (1) dã, cảm tù”. Công viết: “Thỉnh tiến phục cừ (2)”. Đối viết: “Anh phi quân nhân tịch chi thân (3) dã, cảm tù”. Công viết: “Nhiên, phu tử chi ư quả nhân, hà vi giả dã?”. Đối viết: “Xã tắc chi thân (4)”. Công vấn: “Xã tắc chi thân nhược hà?”. Đối viết: “Năng lập xã tắc, biệt thượng hạ chi nghĩa, sử đương kỳ lý, chế bách quan chi tự, sử đắc kỳ sở; tác vi từ lệnh, khả bố tứ phương dã”. Tự thử chi hậu, quân bất dĩ lễ, bất kiến Yến Tử. (Quyển 32 - Yến Tử - Tập thượng).

Chú thích:

- (1) Phụng quỹ chi thân: Quan lo việc ăn uống của vua.
- (2) Cừ: Áo da.
- (3) Nhân tịch chi thân: Quan lo việc ăn mặc cho vua. Nhân tịch nghĩa là các loại như: Mền chiếu, gối...
- (4) Xã tắc chi thân: Chỉ các nước nhỏ phụ thuộc vào nước lớn thời Xuân Thu. Về sau chỉ quan viên chịu trách nhiệm quan trọng của quốc gia. Thời cổ, vua tế xã tắc, sau người ta dùng từ xã tắc chỉ quốc gia. Xã là thần đất đai, tắc là thần ngũ cốc.

Diễn giải:

Yến Tử đứng hầu bên cạnh vua Cảnh Công, buổi sáng khí trời giá lạnh, vua Tề Cảnh Công nói: “Mời dùng chung với trăm các món ăn còn nóng”. Yến Tử thưa: “Tôi không phải là người hầu hạ chuyện ăn uống cho nhà vua, xin được phép từ chối”. Cảnh Công nói: “Mời mặc áo lông thú cho ấm”. Yến Tử thưa: “Tôi không phải là người hầu hạ chuyện chuyện phục sức cho nhà vua, xin được phép từ chối”. Cảnh Công nói: “Đã đành là như vậy, còn tiên sinh là người như thế nào của quả nhân?” Yến Tử thưa: “Là đại thần chuyên xử lý chuyện quốc gia đại sự”. Cảnh Công hỏi: “Thế nào là đại thần chuyên xử lý chuyện quốc gia đại sự?”. Yến Tử thưa: “Xử lý chuyện quốc gia đại sự là nhấn mạnh nghĩa lý vua tôi trên dưới cho rõ, sử dụng quy phạm phù hợp, chế định trật tự địa vị chức trách của các quan, sử dụng đúng năng lực từng người. Chế định ra chính lệnh, có thể ban bố cho nhân dân tứ phương thi hành”. Từ đó trở đi, thấy việc gì không hợp lẽ thì Cảnh Công không còn mời gặp Yến Tử.

(Theo sách Yến Tử - Tập thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

七七

吳起行，魏武侯自送之，曰：“先生將何治西河？”對曰：“以忠以信，以勇以敢”。武侯曰：“安忠？”曰：“忠君”。 “安信？”曰：“信民”， “安勇？”曰：“勇去不肖”。 “安敢？”曰：“敢用賢”。武侯曰：“四者足矣”。（卷三十九，呂氏春秋）。

Phiên âm:

77

Ngô Khởi (1) hành, Ngụy Vũ Hầu tự tống chi, viết: “Tiên sinh tương hà dĩ trị Tây Hà (3)?”. Đối viết: “Dĩ trung dĩ tín, dĩ dũng dĩ cảm”.

Vũ Hưu viết: “An (4) trung?” viết: “Trung quân”. An tín? viết: “Tín dân”. An dũng? Viết: “Dũng khí bất tiêu”. An cảm? viết: “Cảm dụng hiền”. Vũ Hưu viết: “Tứ giả túc hỹ”. (**Quyển 39 - Lã thị xuân thu**).

Chú thích:

(1) Ngô Khởi: (440-381 tr, CN), là nhà quân sự, vừa là nhà chính trị, nhà cải cách, là nhân vật binh gia tiêu biểu vào sơ kỳ thời Chiến Quốc, là người nước Vệ (nay là huyện Định Đào, tỉnh Sơn Đông, có thuyết cho rằng quê quán Ngô Khởi, là miền đông bắc huyện Tào, tỉnh Sơn Đông). Ông từng làm quan cho triều đình nước Lỗ, nước Ngụy, nước Sở. Ông thông hiểu sở học của 3 nhà: Binh gia, pháp gia, Nho gia. Về quân sự, chính trị, Ngô Khởi đều đạt được thành tựu cực kỳ xuất sắc.

(2) Ngụy Vũ Hưu: Là con của Ngụy Văn Hưu, Vũ Hưu làm vua nước Ngụy thời Chiến Quốc từ năm 396 tr. CN đến năm 371 tr. CN.

(3) Tây Hà: Địa danh.

(4) An: Phó từ nghi vấn, sao, tại sao, thế nào.

(5) Bất tiêu: Vô tài, bất tài.

Diễn giải:

Tướng Ngô Khởi dẫn quân lên đường, Ngụy Vũ Hưu đích thân đi tiễn, hỏi ông: “Tiên sinh dùng phương pháp gì để trị lý xứ Tây Hà?” Ngô Khởi trả lời: “Dùng trung, tín, dũng, cảm”. Ngụy Vũ Hưu hỏi tiếp: “Thế nào là trung pháp?” Ngô Khởi đáp: “Trung với vua mình”. Ngụy Vũ Hưu hỏi tiếp: “Thế nào là tín pháp?” Ngô Khởi đáp: “Giữ chữ tín với bách tính”. Ngụy Vũ Hưu hỏi: “Thế nào là dũng pháp?” Ngô Khởi đáp: “Dũng trong việc trừ khử kẻ ác”. Ngụy Vũ Hưu hỏi: “Thế nào là cảm pháp?” Ngô Khởi đáp: “đám sử dụng người hiền tài, không chút băn khoăn nghi ngờ họ”. Ngụy Vũ Hưu nói: “Có bốn hạng ấy là quá đủ rồi”.

(Theo sách Lã thị xuân thu - Quyển 39)

Nguyên văn:

七八

治世之臣, 所貴乎順者三; 一曰心順, 二曰職順, 三曰道順. 衰世之臣, 所貴乎順者三; 一曰體順, 二曰辭順, 三曰事順. 世之順, 真順也. 衰世之順, 則生逆也. 體苟順則生逆節, 辭苟順則逆忠, 事苟順則逆道. (卷四十六, 申鑑).

Phiên âm:

78

Trị thế chi thần, sở quý hồ thuận (1) giả tam: nhất viết tâm thuận, nhị viết chức thuận, tam viết đạo thuận. Suy thế chi thần, sở quý hồ thuận giả tam: Nhất viết thể thuận, nhị viết từ thuận, tam viết sự thuận. Trị thế chi thuận, chân thuận dã. Suy thế chi thuận, tắc sinh nghịch (3) dã. Thể cầu thuận tắc nghịch tiết, từ cầu thuận tắc nghịch trung, sự cầu thuận tắc nghịch đạo. (Quyển 46 - Thân giám).

Chú thích:

- (1) Thuận: Hòa thuận.
- (2) Từ: Lời nói.
- (3) Nghịch: Phản nghịch.

Diễn giải:

Bấy tôi vào thời thái bình xem trọng “hòa thuận”, có 3 nội dung, một là “tâm thuận”, tức khí thuận tâm an, hai là “chức thuận”, tức công tác thuận lợi, ba là “đạo thuận”, tức chủ trương chính sách được hưởng ứng ủng hộ. Bấy tôi vào thời suy bại xem trọng “hòa thuận”, cũng có ba nội dung, một là “thể thuận”, tức bản thân mình được an thuận, hai là “từ thuận”, tức lời nói thuận tai, ba là “sự thuận”, tức việc của mình đều thông suốt, thuận lợi. “Hòa thuận” thời thái bình là thực sự thuận, “hòa thuận” thời suy bại tất sinh

phản nghịch, lo cho bản thân được an toàn thì đánh mất tiết tháo, lời lẽ thuận tai thì không thể trung thực, chỉ cầu công việc của bản thân mình thuận lợi thì trái với đạo trời.

(Theo sách Thân giám - Quyển 46)

Nguyên văn:

七九

人臣之於其君也，猶四支之戴元首，耳目之為心使也。皆相須而成為體，相得而後為治者也。（卷四十八，體論）。

Phiên âm:

79

Nhân thần chi ư kỳ quan dã, do tứ chi chi đối (1) nguyên thủ (2), Nhĩ mục chi vi tâm sử (3) dã. Giai tương tu (4) nhi thành vi thể, tương đắc nhi hậu vi trị giả dã. (**Quyển 48 - Thể luận**).

Chú thích:

- (1) Đối: Ủng đối, ôm đội.
- (2) Nguyên thủ: Người đứng đầu.
- (3) Vi tâm sử: Bị cái tâm điều khiển.
- (4) Tương tu: Dựa nhau cùng tồn tại, cùng phối hợp với nhau.

Diễn giải:

Bây tôi đối với vua mình ví như tứ chi ủng hộ bộ não, còn mắt tai thì theo sự điều khiển của quả tim. Não và tim cùng hỗ trợ nhau, dựa vào nhau. Não và tim phối hợp mà tạo thành một chính thể, cả hai khế hợp, cộng đồng điều khiển chính sự.

(Theo sách Thể luận - Quyển 48)

Nguyên văn:

三 勸諫

八十

伊尹既復政厥辟, 將告歸, 乃陳戒于德, 曰: “烏虜天難忱, 命靡常. 常厥德, 保厥位. 厥德匪常, 九有以亡. (卷二八, 尚書).

Phiên âm

TAM: KHUYẾN GIÁN

80

Y Doãn (1) ký phục chính quyết tích(2), tương cáo qui (3), nãi trần (4) giới (5) vu (6) đức, viết: “Ô hô (7)! Thiên nan thâm (8), mệnh mĩ thường (9) thường quyết (10) đức, bảo quyết vị. Quyết đức phỉ (11) thường, cứu hữu (12) dĩ vong.” (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

(1) Y Doãn: Tên Chí, là bậc hiền tướng thời đầu nhà Thương, tương truyền nhà Thương diệt nhà Hạ lên làm vua thiên hạ, Vua Thang băng, cháu là Thái Giáp vô đạo, Y Doãn đuổi ra ở đồng cung, chờ vua hối lỗi đón về phục vị. Khi Thái Giáp chết, con là Ốc Đinh lên làm vua, cho chôn cha theo lễ thiên tử.

(2) Phục chính quyết tích: Chỉ việc Y Doãn đem chính quyền trả lại cho họ Thái Giáp. Phúc là trả lại, phản hồi. Quyết cùng nghĩa với “kỳ”. Tích nghĩa là vua.

(3) Cáo quy: Cáo lão hồi hương.

(4) Trần: Tường thuật.

(5) Giới: Răn bảo.

(6) Vu: Dĩ.

(7) Ô hô: Tiếng than.

(8) Thâm: Cùng tin, tín nhiệm. *Kinh Thi, Đại nhĩ - Đại minh* có câu “Nan thâm tử, bất dị duy vương”, Mao Hưởng thời nhà Hán viết sách “Truyện” có câu: “Thâm nghĩa là tin”.

(9) Mĩ thường: Vô thường.

(10) Quyết: Đại từ. Quyết cùng nghĩa với “kỳ”.

(11) Phi: Không, không là.

(12) Cửu hữu: Cửu châu, chỉ các nước chư hầu.

Diễn giải:

Y Doãn trả lại chính quyền cho Thái Giáp, sau thời gian vua có lỗi phải bị đuổi ra khỏi triều đình, rồi ông tính cáo lão hồi hương, nhưng rồi ông lại phân vân vì còn phải khuyên nhủ Thái Giáp tu tỉnh đức hạnh, ông nói: “Chao ôi! Khó tin được ông Trời! vì mệnh trời vô thường, nếu bệ hạ thường xuyên tu đức, thì có thể giữ được địa vị ổn định, còn không tu đức thường xuyên thì đất nước sẽ bị diệt vong.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn

八一

見武庫省中，車駕親觀，有喜色，於是外內議當駕，毅獨表曰：“昔龍降時外產駕龍降夏廷，卜藏其弊，至周幽王，禍信乃發。證據舊典，無駕龍之禮”。詔報曰：“正德修誠未有以贗受嘉祥，省來示，以為矍然。賀慶之事，宜詳依典義，動靜數示”。
(卷三十，晉書下，傳)。

Phiên âm

81

Long kiến vũ khố (1) tỉnh trung, xa giá thân quan, hữ hỉ sắc, ư thị ngoại nội nghị đương giá, Nghị (2) độc biểu viết: “Tích long giáng Trịnh thời môn (3) chi ngoại, Tử Sản bắt giá (4), long giáng

hạ đình (5), bốc tàng kỳ ly (7), chí Chu U vương (8), họa tín nãi phát (9). Chúng cú (10) cự điển, vô giá long chi lễ”. Chiếu báo (11) viết: “chính đức tu, thành vị hữu dĩ ung thụ (12) gia tường (13), tỉnh (14) lai thị (15), dĩ vi cù nhiên (16). Hạ khánh chi sự, nghi tường y điển nghĩa, động tĩnh sở thị”. (**Quyển 30, Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Vũ khố: Phiếm chỉ nơi chứa đồ đạc.
- (2) Nghị: Lưu Nghị (216-285 CN), tự là Trọng Hùng, người huyện Đông Lai Dạ, là hậu duệ của Thành Dương vương Lưu Chương thời Tây Hán, làm quan cho nhà Tào Ngụy và Tây Tấn, người công chính cương trực, thích phê bình người này người nọ.
- (3) Trịnh thời môn: Cổng to của nước Trịnh. Trịnh là một nước thời Xuân Thu, tính là Cơ, vua Chu Tuyên vương phong cho người em làm vua nước ấy, nay thuộc miền tây bắc huyện Hoa tỉnh Thiểm Tây.
- (4) Tử Sản bắt hạ: Điển tích từ sách “Tả truyện – Thiệu công thập cứu niên”, nước Trịnh bị trận lụt to, có con rồng hiện nơi cửa sông Vị, nhân dân muốn cúng tế, Tử Sản không cho, nói: “Ta thách, ta không đến thăm rồng đâu, sao chỉ mình ta thăm rồng? Tế cầu tai qua nạn khỏi thì phải cầu tại đầm ao là nhà của rồng ở. Rồng chẳng cầu gì ở ta thì ta cũng chẳng cầu cạnh gì nơi rồng cả”.
- (5) Long giáng Hạ đình: Chỉ có rồng xuất hiện vào thời nhà Hạ, theo truyền thuyết vào thời vua Kiệt nhà Hạ, xuất hiện hai con rồng, bị vua Kiệt giết chết rồi lệnh cho lính đem xác hai con rồng cho vào hộp gỗ, 640 năm sau, vua Chu Lệ Vương, cho mở hộp gỗ ấy, kết quả là Bao Tự sinh ra, làm tiêu vong nhà Chu.
- (6) Bốc: Người coi bói, quan coi bói.
- (7) Ly: Tiếng nhỏ nước dãi của rồng hoặc cá.
- (8) Chu U vương: Con của Chu Tuyên vương, sa vào tửu sắc, bỏ bê việc nước. Con gái của Thân Hầu vốn là hoàng hậu của U vương, sinh con trai là Nghi Cữu, được lập làm Thái tử, sau bị Chu U vương phế bỏ, là gốc của loạn triều. U vương lập Bao Tự

làm hoàng hậu, con là Bá Phúc được U vương phong làm Thái tử. Nghi Cữu trốn qua nước Thân, Thân Hầu liên quân với rợ Khuyển Nhung tấn công nhà Chu, giết U vương dưới chân núi Li sơn. U vương làm vua 11 năm.

(9) Họa tín nãi phát: Nguồn gốc dẫn đến tai họa. Tín nghĩa là hiểm khích, tranh chấp.

(10) Chứng cứ: Chứng minh, khảo chứng.

(11) Báo: Chỉ thị đặc biệt của vua đối với bản tâu của quan viên, vua phê vào các tấu chương.

(12) Ung thụ: Thừa nhận,

(13) Gia tường: Chỉ điềm tốt, điềm lành.

(14) Tĩnh: Phiếm chỉ tham quan, thưởng ngoạn.

(15) Lai thị: Lời nói kính trọng với người báo tin.

(16) Cù nhiên: Đáng kinh hãi.

(17) Điển nghĩa: Tức nói ý chỉ của kinh sách.

(18) Động tĩnh: Ý là động, chỉ hành động, cử chỉ.

(19) Số: Nhiều lần.

Diễn giải:

Có con rồng xuất hiện trong giếng nơi kho chứa vũ khí, Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm đích thân ngồi xe ngựa đến xem, mặt mày ông lộ vẻ vui mừng. Quan viên trong triều ngoài tỉnh kiến nghị nên mở tiệc khánh hạ, chỉ một mình Lưu Nghị tâu lên: “Trước kia vào thời Xuân Thu, có chuyện rồng giáng hạ bên ngoài cửa sông nước Trịnh, Tử Sản không cho là điềm đáng mừng. Thời nhà Hạ, có rồng giáng hạ xuống cung đình, thầy bói hốt nước dãi rồng cho vào hộp cất giữ. Về sau đến thời Chu U vương, cho mở hộp, nước dãi rồng chảy ra, đã gây nên họa to, là nguyên cơ nhà Chu mất nước. Thần kiểm tra điển tịch xưa nay, hoàn toàn không có lễ nghi mừng chuyện rồng giáng hạ”. Vũ đế ban chiếu nói: “Việc nước và đạo đức còn phải chỉnh đốn nhiều. Hiện nay chưa đủ tư cách thừa

nhận điểm lành như thế, Trẫm xem tấu chương của Lưu Nghị, cảm thấy vừa kinh vừa sợ. Chuyện khánh hạ, nên cẩn thận xem xét theo đại nghĩa trong kinh điển, nhất cử nhất động đều phải báo cáo kịp thời”.

(Theo sách **Tấn thư hạ** - **Truyện** - **Quyển 30**)

Nguyên văn

八二

裴偉，字逸民，河東人也。遷書左僕射侍中。元康七年，以陳準子匡，韓慰子嵩並東宮，偉諫曰：“東宮之建儲皇極。其所以遊接，簡英俊，宜用成德賢邵之才。匡，嵩幼弱，未識人理立身之節。東宮實體夙成之表，而有童子侍從之聲，是光闡遐風之弘理也”。
(卷三十，晉書下，傳)。

Phiên âm

82

Bùi Vĩ (1), tự Dật Dân, Hà Đông nhân dã. Thiên (2) Thượng thư Tả bộc xạ Thị trung (3). Nguyên Khang (4) thất niên dĩ Trần Chuẩn tử, Khuông (5), Hàn Úy tử, Tung (6), tịnh thị Đông cung (7). Vĩ gián viết: “Đông cung chi kiến, dĩ trừ hoàng cực (8). Kỳ sở dĩ du ếp, tắc giản (9) anh tuấn (10), nghi dụng thành đức (11) hiền thiệu (12) chi tài. Khuông, Tung ấu nhược, vị thức nhân lý (13) chi tiết (14). Đông cung thực thể túc thành (15) chi biểu, nhi kim hữu đồng tử thị tùng chi thanh, vị thị quang xiển (16) hà phong (17) chi hoảng lý dã”. (**Quyển 30** - **Tấn thư hạ** - **Truyện**).

Chú thích:

(1) Bùi Vĩ: (267-300 CN), tự là Dật Dân, người Văn Hỷ Hà Đông, sống vào thời nhà Tấn. Ông người hoàng nhã, kiến thức sâu rộng,

thời vua Tấn Huệ đế ông làm chức Tế tửu Quốc tử giám, kiêm tướng quân Hữu quân. Vì vụ diệt Dương Tuấn có công, ông được phong tước Vũ Xương hầu, ông tâu xin tu chỉnh nền quốc học, khắc đá viết kinh, được thăng chức Thượng thư. Ông bị Triệu vương Tư Mã Luân khởi loạn sát hại, Vì thời thế bầy giờ giả dối thiếu căn bản, ông viết sách “Sùng hữu luận” nhằm hóa giải tệ nạn.

(2) Thiên: Thăng chức.

(3) Thượng thư Tả bộc xạ thị trung: Thời cổ trọng thị quan võ, dùng người thiện xạ chưởng quản sự vật. Từ nhà Hán trở đi các triều đại đều theo cách tổ chức quan viên thời nhà Tần.

(4) Nguyên Khang: Là niên hiệu thứ ba của Tấn Huệ đế Tư Mã Trung.

(5) Trần Chuẩn tử Khuông: Con trai Trần Chuẩn là Trần Khuông, Trần Chuẩn thuộc dòng họ Trần danh giá ở Dĩnh Châu. Con trai Trần Chuẩn là Trần Chấn, là cháu ngoại của Giả Mật phía ngoại vua [ngoại thích]. Trần Chấn trong nhóm “Nhị thập tứ hữu”, toàn là đám công tử con em các nhà quý tộc hào phú. Trần Khuông vai em của Trần Chấn. Vào niên hiệu Nguyên Khanh, Trần Khuông được theo Thái tử học chung, nhưng Bùi Vĩ cho rằng Trần Khuông con nhà thế gia không thể học chung với Thái tử được.

(6) Hàn Úy tử Tung: Con trai Hàn Úy là Hàn Tung, Từ Tung và Trần Khuông đều do Giả hậu chỉ định học cùng Thái tử.

(7) Đông cung: Thời cổ, đông cung là nơi Thái tử cư trú. Cũng là từ chỉ Thái tử.

(8) Hoàng cực: Chỉ nhà vua.

(9) Giản: Tuyển chọn, tuyển dụng.

(10) Anh Tuấn: Chỉ người tài trí xuất chúng.

(11) Thành đức: Nhiều đức, thanh đức.

(12) Thiệu: Tốt đẹp, ưu mỹ, cao thượng.

(13) Nhân lý: Quy chuẩn đạo đức làm người.

(14) Lập thân chi tiết: Làm người ở đời có khí tiết. Lập thân nghĩa là người xử thế. Tiết nghĩa là khí tiết, tiết tháo.

(15) Túc thành: Sớm thành, sớm chín.

(16) Quang xiển: Tỏa rộng ánh sáng.

(17) Hà phong: Ảnh hưởng sâu xa của giáo hóa.

Diễn giải:

Bùi Vĩ, tự là Dật Dân, người quận Hà Đông. Quan chức được thăng tới chức Thượng thư Tả Bộc xạ Thị trung. Vào niên hiệu Nguyên Khang thời vua Tấn Huệ đế (năm 297 CN), con Trần Chuẩn là Trần Khuông, con Hán Úy là Hàn Tung, cả hai được tuyển vào Đông cung học với Thái tử. Thượng thư Bùi Vĩ can gián nói: “Việc lập Đông cung là vương triều muốn bồi dưỡng người kế vị làm vua sau này, nên người tiếp xúc giao thiệp với Thái tử, nhất định phải chọn nhân sĩ tài trí xuất chúng, nên là người đạo đức hiển minh, Thần xem Trần Khuông và Hàn Tung, tuổi còn nhỏ, chưa hiểu chuyện làm người và chưa có tiết tháo xử thế. Nghi biểu và khí độ của Đông cung Hoàng Thái tử cần phải sớm hình thành, mà nay lại đưa hai chú bé vị thành niên vào cung làm bạn học với Thái tử, thì chưa phải là làm mở mang ánh sáng với căn bản đạo lý sâu xa trong việc giáo hóa đâu!”

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

八三

偉深忠時俗放蕩，不尊儒術。魏末以來，轉更增甚。阮籍素有高於世口談夫虛，不遵禮法，尸祿耽寵，仕，不事事。至王衍之徒，聲譽太盛，位高勢重，不以物務自嬰，遂相放效，風教陵遲。偉著“崇有”之論以釋其蔽。世雖其言之益治，莫能革也。朝廷之士皆以遺事為高。四海尚寧，而識者知其將亂矣。而夷狄遂淪中洲者，其禮久亡故也。倫秀之興信，偉，張華俱見害朝綱傾弛，遠近悼之。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm

83

Vĩ thâm trung thời tục phóng dăng, bất tôn Nho thuật. Ngụy mat dĩ lai, chuyển canh tăng thậm. Hà Yển (1), Nguyễn Tịch (2) tố hữu cao danh ư thế, khẩu đàm phù hư (3), bất tuân lễ pháp thi lộc (4) đàm sủng (5), sĩ, bất sự sự (6). Chí Vương Diễn (7) chi đồ, thanh dự thái thịnh, vị cao thế trọng, bất dĩ vật vụ tự anh (8), toại tương phóng hiệu (9), phong giáo (10) lãng trì (11). Vĩ trú “Sùng hữu” chi luận (12), dĩ thích kỳ tế (13), thế tuy tri kỳ ngôn chi ích trị (14), nhi mạc năng cách dã. Triều đình chi sĩ, giai dĩ dĩ sự (15) vi cao. Tú hải thượng ninh, nhi hữu thức giả tri kỳ tương loạn hỷ. Nhi di địch toại luân trung châu giả, kỳ lễ cứu vong cố dã. Luân, Tú (16) chi hưng tín, Vĩ (17), Trương Hoa (18) câu kiến hại (19), triều cương khuynh thi (20), viễn cận điệu chi. (**Tấn thư - Hạ truyện - Quyển 30**).

Chú thích:

(1) Hà Yển: Tự là Bình Thúc, người Ngụy Uyển thời Tam Quốc, thích lời lẽ của Lão Trang, thường giao du với các vị Hạ Hầu Huyền, Vương Bật bàn chuyện triết học (ý nói những cuộc chuyện trò thiếu thực tế), giới sĩ đại phu học đòi như họ, thành phong cách một thời. Về sau bị Tư Mã Ý giết.

(2) Nguyễn Tịch: Tự là Tự Tông, con của Nguyễn Vũ, thời Tam Quốc là người họ Ngụy Úy, Nguyễn Tịch cùng Sơn Đào, Kê Khang, Hướng Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Mậu trong nhóm 7 người, sùng mộ học thuật Lão Trang, coi thường lễ pháp, lánh cuộc sống trần tục, thường vào chơi trong rừng tre, suy tư tùy thích, chuyện trò thỏa chí, người đời gọi họ là “Trúc lâm thất hiền”. Nguyễn Tịch là người có tài, làm chức Hiệu úy tại bộ Binh, nên người ta còn gọi ông là Nguyễn Bộ Binh.

(3) Phù hư: Chỉ một giới sĩ phu thời Ngụy Tấn ưa bàn về huyền lý hư vô.

(4) Thi lộc: Ý nói không được hưởng bổng lộc mà không làm hết chức vụ. Thi nghĩa là trong tế lễ thời cổ thi “thi” đại diện cho

người chết nhận cúng tế của người sống. Có ý nói không làm quan chức thì không làm việc.

(5) Đam sủng: Tham luyến vinh hoa.

(6) Sự sự: Trị sự, làm việc.

(7) Vương Diễn: Tự là Di Phủ, người Lâm Nghi thời nhà Tấn, Ông là một nhân vật tiêu biểu của đại tộc Lang Nha, là một danh sĩ, từng làm chức trọng yếu, chức Thượng thư lệnh, lên chức Thái úy. Vương Diễn là người tuấn tú sáng sủa, phong tư văn nhã chính đại, song theo phong trào huyền học, bỏ bê chính sự, cho thấy phong cách sa đọa của thời đại.

(8) Vật vụ tự anh: Đem việc công để trong lòng. Vật vụ nghĩa là sự vụ. Anh nghĩa là tráo trở làm rối loạn cấp trên.

(9) Phảng hiệu: Mô phỏng, bắt chước.

(10) Phong giáo: Sách *Thi đại tự* viết “Phong dùng động nó, giáo dùng hóa nó”. Về sau, Phong giáo chỉ giáo hóa phong tục.

(11) Lãng trì: Dẫn dắt suy sụp.

(12) “Sùng hữu” chi luận: Sách văn học *Sùng hữu luận* của Bùi Vĩ. Thời nhà Tấn, tư tưởng Lão, Phật thịnh hành được sĩ giới bàn luận về hư vô. Bùi Vĩ soạn sách *Sùng hữu luận*, trên quan điểm nhà Nho nói lên cái tệ của tư tưởng ấy.

(13) Tệ: Chướng ngại, bệnh hoạn.

(14) Ích trị: Trợ giúp về cai trị đất nước.

(15) Di sự: Ý nói không màng chuyện thế sự nữa.

(16) Luân, Tú: Tư Mã Luân và Tôn Tú.

(17) Hưng Vĩ: Dẫn tới nguồn gốc sự việc.

(18) Trương Hoa: Tự là Mậu Tiên, người Phương Thành thời Tây Tấn, (cổ thành nay thuộc huyện Cổ An, tỉnh Hà Nam). Học nghiệp ưu tú, người ta ví với danh nhân Tử Sản nước Trịnh ngày xưa, sau bị Triệu vương Tư Mã Luân sát hại, viết sách “Bác vật chí”.

(19) Kiến hại: Bị hại.

(20) Triều cương khuynh thí: Chế độ của triều đình, kỷ luật nghiêng ngã, tàn tạ.

Diễn giải:

Bùi Vĩ rất lo rầu thấy phong khí xã hội phóng đảng, khó kiểm giữ đưa họ vào khuôn phép tư tưởng học thuyết nhà Nho. Kể từ cuối triều Tào Ngụy trở đi, tư tưởng Phật, Lão ngày càng gia tăng. Bấy giờ Hà Yến, Nguyên Tịch dần dần nổi tiếng trong xã hội, họ bàn luận toàn chuyên hư vô huyền lý, hành vi chẳng theo pháp lệnh của lễ giáo, không hưởng bổng lộc, nên không tận lực làm hết chức trách, trong lòng tham luyện vinh hoa phú quý, mà làm việc không được việc. Đến những người theo trào lưu ấy như Vương Diễn được nhiều vinh dự, chức quan to, thế lực rất lớn mà có chịu chú trọng đến công việc đâu. Kết quả là cả thiên hạ tranh nhau bắt chước theo, khiến cho phong tục giáo hóa ngày càng tồi tệ. Bùi Vĩ soạn sách *Sùng hữu luận*, vạch ra tệ đoan của trào lưu ấy. Nhưng tuy người đời biết ngôn luận của Bùi Vĩ là tốt, có lợi cho việc cai trị quốc gia, nhưng chẳng có ai đủ sức đứng ra cải cách phong khí suy đồi ấy. Quan viên trong triều thì không thấy là nhiệm vụ thuộc chức trách của mình, biểu hiện công việc thanh cao. Bấy giờ thiên hạ còn chưa thấy bức xúc gì, nhưng cũng có người nhận ra rằng sẽ dẫn đến loạn lạc. Sau đó quả nhiên di địch (ngũ hổ) công hãm trung nguyên, là vì nguyên nhân đạo đức, lễ nghi bị suy sụp mất mát đã lâu. Đến khi Triệu vương Tư Mã Luân và Tôn Tú nổi loạn thì Bùi Vĩ và Trương Hoa bị chúng sát hại, kỷ cương triều đình bị khuyhnh đảo phé bỏ. Gần xa đều thương tiếc.

(Theo sách *Tấn thư hạ* - *Truyện* - Quyển 30)

Nguyên văn:

八四

景公觀於資上喟然而曰：“嗚呼！使國可長保傳子孫，豈不樂哉？”晏子對曰：“晏聞之，明王徒立，百姓不虛至。今君政亂國，以行棄民久矣，而欲保之，不亦難乎？”（卷三十三，晏子，諫上）

Phiên âm:

84

Cảnh Công (1) quán (2) ư Tư thượng (3), vị nhiên (4) nhi viết: “Ô hô! Sử quốc khả trường bảo nhi truyền tử tôn, khởi bất lạc tai?” Yến Tử (5) đối viết: “Yến văn chi, minh vương bất đồ (6) lập (7), bách tính bất hư chí (8). Kim quân dĩ chính loạn quốc (9), dĩ hành khí dân (10) cứu hỹ, nhi dực bảo chi, bất diệc nan hồ?” (Quyển 33, Yến Tử - Gián thượng).

Chú thích:

(1) Cảnh Công: Tể Cảnh Công, họ Khương, tên là Chủ Cửu, thời ông làm vua có danh tướng Ân Anh phụ chính.

(2) Quán: Quan sát, xem xét.

(3) Tư thượng: Bên bờ sông Tư. Tư: Sông nay thuộc tỉnh Hà Đông.

(4) Vị nhiên: Tiếng than thở.

(5) Yến Tử: Yến Anh, tự là Trọng, người nước Tề thời Xuân Thu, phụng sự các vua Linh Công, Trang Công và Cảnh Công, chủ trương tiết kiệm, là bậc danh thần, tự là Trọng, thụy là Bình, sử gọi ông là Yến Bình Trọng, người đời sau tôn xưng ông là Yến Tử.

(6) Bất đồ: Không để làm gì. Sách *Mặc Tử - Tu thân* viết: “Danh không sinh gì mà dự không tự lớn được”.

(7) Lập: Lập thân.

(8) Bách tính bất hư chí: Tức nói bách tính không về với mình khi mình không là chỗ dựa.

(9) Loạn quốc: Đất nước loạn lạc. Trương Thuần Nhất trong tác phẩm *Yến Tử Xuân Thu hiện chú* viết: “Tin dùng lời sàm nịnh, thưởng cho kẻ vô công, phạt người vô tội, đó gọi là loạn chính nước nhà”.

(10) Khí dân: Làm khổ dân, bỏ bê dân chúng, Trương Thuần Nhất trong tác phẩm *Yến Tử Xuân Thu hiện chú* viết: “Trong nhà sủng ái vợ lẽ [thiếp], sắp đoạt nước, bên ngoài sủng ái bầy tôi, sắp đoạt biên giới, quan lại làm khổ dân gọi là khí dân”.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công đến bên sông Tư xem xét, cất tiếng than rồi nói: “Ôi! Giá như nước ta tồn tại lâu dài, con cháu ta đời đời làm vua, chẳng phải là chuyện đáng mong muốn hay sao?”. Yến Tử đáp: “Hạ thần nghe rằng, nhà vua hiền minh biết mình không thể tùy tiện đảm đương, bách tính cũng không phải khi không theo về. Nếu như ngày nay, bệ hạ ban ra chính sách sai lầm, khiến cho quốc gia hỗn loạn. Bởi vì hành vi không đúng, làm khổ nhân dân trong thời gian dài, thì có phải việc giữ lấy nước là khó hay không?”.

(Theo sách Yến Tử - Gián thượng - Quyển 3)

Nguyên văn:

八五

今君臨民，若寇讎，見善若避熱。亂政而危賢必逆於眾。必逆於眾。肆欲於民，而虐誅其下，恐及於身矣。嬰之年老，不能待君使矣，行不能革，則持節以沒世矣。（卷三十三，晏子，諫上）。

Phiên âm:

85

Kim quân lâm dân (1) nhược khẩu thù (2), kiến thiện nhược tỵ nhiệt (3), loạn chính nhi nguy hiền, tất nghịch (4) ư chúng. Tú dục (5) ư dân, nhi ngược tru (6) kỳ hạ, khủng cập ư thân hỹ. Anh chi niên lão, bất năng đãi quân dữ hỹ, hành bất năng cách (7), tắc triề tiết (8), dĩ một thế (9) hỹ. (Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng).

Chú thích:

(1) Lâm dân: Cai trị bách tính.

(2) Khẩu thù: Kẻ thù, kẻ địch, thù địch. Sách “Mạnh Tử - Ly lâu

hạ” viết: “Vua xem bầy tôi như cỏ rác [thảo giới], tất bầy tôi như kẻ thù”. Về sau người ta dùng từ “thị như khẩu thù” làm tỷ dụ để chỉ cực kỳ thù oán.

(3) Tỵ nhiệt: Chỉ khi khí trời nóng nực thì tạm tìm đến chỗ mát mẻ.

(4) Nghịch: Làm trái lại, làm ngược, làm chuyện phản nghịch. Sách *Thượng thư* viết: “Có lời nói nghịch ở trong tâm, tất cầu các đạo”.

(5) Tứ dục: Do cực dục.

(6) Ngược tru: Trách phạt nghiêm, sát hại hạ thuộc một cách tàn bạo. Ngược nghĩa là tàn bạo, hung tàn.

(7) Cách: Cải biến.

(8) Trì tiết: Giữ tiết tháo.

(9) Một thế: Chết, chỉ kết thúc cuộc đời.

Diễn giải:

Ngày nay bệ hạ (Tề Cảnh Công) cai trị nhân dân của mình mà như đối với cừu địch, xem việc hành thiện như đùa, như chuyện tránh nóng nực, đã gây nhiều loạn chính trị, còn làm nguy hại đến người hiền lương, tất nhiên như thế là trái với lòng dân. Quá ham muốn riêng tư, nhấn tâm vợ vét tài sản nhân dân, cũng như sát hại cấp dưới một cách tàn bạo, chẳng sợ tai họa ập đến bản thân mình. Hạ thần đã già rồi, không còn có thể phụng sự bệ hạ, phụ giúp bệ hạ trong việc sửa đổi hành vi, hạ thần xin giữ tiết tháo mãi đến khi già từ thế giới này.

(Theo sách *Yến Tử - Gián thượng - Quyển 33*)

Nguyên văn:

八六

景公使養所愛馬，暴病死，公命人操刀解馬者。是時晏子侍前，左右執刀而進，晏子止之而問於公曰：“敢問古時，堯舜支解人，從何軀始？”公懼焉，遂止。曰：“以屬獄”。晏子曰：“請教之使白知其罪然後致之獄”，公曰：“可”，晏子數之曰：“爾有三罪，公使汝養馬殺之，當死罪一也，又殺公之所最善馬，當死罪二也，使公以一馬之故殺人，百姓聞之必怨吾君，諸侯聞之必輕吾國。汝殺公焉，使怨積於百姓，兵弱於鄰國，汝當死罪三也。令以屬獄”公喟然曰：“郝之”。(卷三十三，晏子，雜上)。

Phiên âm:

86

Cảnh Công sử dưỡng (1) sở ái mã, bạo bệnh tử, công mệnh nhân thao đao giải (2) dưỡng mã giả. Thị thời Yến Tử thị tiền, tả hữu (3) chấp đao nhi tiến, Yến Tử chỉ chi, nhi vấn ư công viết: “Cảm vấn cổ thời Nghiêu Thuấn chi giải nhân, tùng vấn khu (4) thủy?”. Công cụ yên, toại chỉ. Viết: “Dĩ thuộc (5) ngục”. Yến Tử viết: “thỉnh số chi (6), sử tự tri kỳ tội, nhiên hậu trí chi ngục (7)”. Công viết: “Khả”. Yến Tử số chi viết: Nhĩ (8) hữu tam tội. Công sử nữ (9) dưỡng mã sát chi, đáng tử tội nhất dã hựu sát công sở tối thiện mã (10), đáng tử tội nhị dã. Sử công dĩ nhất mã chi cố (11) sát nhân, bách tính văn chí tất oán ngô quân, chư hầu (12) văn chi tất khinh ngô quốc. Nữ sát công mã, sử oán tích ư bách tính, binh nhược ư lân quốc nữ đáng tử tội tam dã. Lệnh dĩ thuộc ngục”. Công vị nhiên (13) viết: “Hách chi (14)”. (Quyển 33 - Yến Tử - Tập thượng).

Chú thích:

- (1) Sử dưỡng: Phái người nuôi dưỡng.
- (2) Thao đao giải: Dùng dao xẻ cắt cơ thể người hay động vật. Sách *Tả Truyện - Tuyên Công tú niên* viết: “Tể phù tương giải nguyên”.
- (3) Tả hữu: Những kẻ theo vua hầu hạ.

- (4) Khu: Thân thể.
- (5) Thuộc: Giao phó.
- (6) Số chi: Liệt kê sai lầm của ông. Số nghĩa là lời trách, liệt kê sai lầm. Chi là đại từ chỉ người nuôi ngựa.
- (7) Trí chi ngục: Bỏ tù người nuôi ngựa.
- (8) Nhĩ: Đại tù, người thứ hai xưng, tương đương như.
- (9) Nhữ: Ngồi thứ hai, ông, mày, mi.
- (10) Thiện mã: Ngựa tốt, ngựa đẹp, ngựa cứng.
- (11) Nhất mã chi cố: Vì nguyên có một con ngựa bị bệnh chết.
- (12) Chư hầu: Vua các nước nhỏ được phong thời cổ.
- (13) Vị nhiên: than thở, dạng buồn rầu.
- (14) Hách chi: Thả ra. Hách nghĩa là tha, thả. Chi: chỉ người nuôi ngựa.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công phái người lo chăn nuôi con ngựa cưng của mình, nhưng con ngựa ấy lâm bệnh rồi lăn đùng ra chết. Cảnh Công nổi giận, ra lệnh thị vệ dùng dao phanng thây người nuôi con ngựa đó. Bấy giờ Yến Tử đang ở đó, thấy mấy người cận vệ nhà vua, cầm dao bước tới, thì cản họ lại thưa với Cảnh Công: “Xin hỏi bệ hạ ngày xưa vua Nghiêu, vua Thuấn cho phanng thây người thì bắt đầu từ bộ phận nào?”. Đột nhiên vua Cảnh Công cảm thấy sợ, bảo dừng việc phanng thây lại, nói: “Giam vào ngục”. Yến Tử lại nói: “Xin cho tôi vạch ra tội trạng của hần để hần nhận ra tội của mình, rồi giao cho quản ngục trừng trị”. Vua Cảnh Công nói: “Được”. Yến Tử nói với người chăn ngựa: “Người phạm ba tội đáng chết. Tội đáng chết thứ nhất là vua giao cho người chăn ngựa, người để ngựa bệnh chết, đáng bị tử tội. Tội đáng chết thứ nhì là người để chết con ngựa cưng của vua, đáng bị tội tử hình. Tội đáng chết thứ ba là vì người để con ngựa cưng của vua bệnh chết, rồi vì có ấy mà vua giết người, bách tính nghe tin nhất định oán hận vua của ta, khiến quân đội các nước chư hầu nhất định coi thường đất nước

chúng ta cho là nước ta yếu hơn nước láng giềng. Điều này cũng đáng tội tử hình, người đáng là giao cho quản ngục trị tội”. Vua Cảnh Công nghe xong liền thở hắt ra nói: “Tha cho nó”.

(Theo sách Yến Tử - Tập thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

八七

晏子沒十有七年，景公飲諸大夫酒。公謝，出質，堂上唱善，若出一口。公作色大息，播弓矢。弦章入，公曰：“章！自吾失晏子，於今十有七年矣，未嘗聞吾不善。今射出質，唱善者如出一口”。弦章對曰：“此諸臣之不肖也。智不足以知君不善，勇不足以犯君之顏，然而有一焉。臣聞君好之則臣服之，君嗜之則臣食之。尺蠖食黃其身黃，食蒼，其身蒼，君其猶有食諂人之言乎？”公曰：“善”（卷三十三，晏子，雜下）。（卷三十三，晏子，雜上）。

Phiên âm:

87

Yến Tử một (1) thập hựu thất niên, Cảnh Công ẩm chư đại phu tửu. Công tạ, xuất chất (2), đường thượng (3) xướng thiện (4), nhực xuất nhất khẩu (5), công tác sắc đại tức (6). Bá (7) cung thí. Huyền Cảnh (8) nhập, Công viết: “Cảnh! Tự ngô thất Yến Tử, ư kim thập hữ nhất niên hỹ, vị thường văn ngô bất thiện, kim xạ xuất chất, xướng thiện giả như xuất nhất khẩu”. Huyền Chương đối viết: “Thử chư thần chi bất tiểu (9) dã. Trí (10) bất tức dĩ tri quân bất thiện, dũng bất tức dĩ phạm quân chi nhan, nhiên nhi bất nhất yên. Thần văn quân hiếu chi tắc thần phục chi, quân thi chi tắc thần chi. Xích oách (11) thực hoàng, thực thương (12), kỳ thân thương. Quân kỳ do hữu thực siểm nhân chi ngôn hồ?” Công viết: “thiện”. (Quyển 33 - Yến Tử - Tập hạ).

Chú thích:

- (1) Một: Chết, qua đời.
- (2) Xuất chất: Bản tên không trúng đích. Chất nghĩa là đích bắn tên.
- (3) Đường thượng: Trên điện, phòng họp trong hoàng cung.
- (4) Xướng thiện: Nói tốt.
- (5) Nhất khẩu: Mọi người cùng nói.
- (6) Đại túc: Tiếng than dài, buồn lòng.
- (7) Bá: Phân tán.
- (8) Huyền Chương: Quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu.
- (9) Bất tiểu: Bất tài, vô tài năng.
- (10) Trí: Trí tuệ, phân tích, nhận định, sáng tạo, có năng lực nghiên cứu.
- (11) Xích oách: Ấu trùng con ngài, sinh ra trên cây, sắc da giống với sắc vỏ cây khi đi thì uốn mình chuyển tới.
- (12) Thương: Sắc cỏ xanh.
- (13) Siểm: Nịnh nọt.

Diễn giải:

Yến Tử qua đời đã 17 năm. Vua Tề Cảnh Công cho tổ chức tiệc rượu chiêu đãi các quan. Sau tiệc rượu, Cảnh Công bắn tên, tên không trúng đích, các vị đại phu trong cung điện cùng la lên: “Bắn hay lắm!”, cả cung điện đều chỉ một tiếng hô tán thưởng, như thể là tiếng của chỉ một người hô. Cảnh Công mặt biến sắc, than dài một tiếng, vất bỏ cung tên, vừa khi ấy Huyền Chương bước vô ra mắt, Cảnh Công nói: “Huyền Chương này! Kể từ khi Yến Tử đi xa, 17 năm qua, không còn nghe ai nói lên sai sót của trăm. Hôm nay trăm bắn tên trật lất, mà các quan đều hô to như thể là tiếng của chỉ một người hô là ta bắn giỏi”. Huyền Chương tâu: “Đó là do bầy tôi kém tài, trước mặt vua, trí tuệ họ không phát hiện ra sai sót của vua mình, họ lại không đủ dũng cảm can gián những sai sót của vua mình. Thế cho nên họ đồng loạt cùng hô một lời. Hạ thần nghe rằng

vua thích mặc như thế nào thì bầy tôi cung cấp đúng loại y phục vua thích, vua thích ăn món gì thì bầy tôi cung cấp các thứ thực phẩm ấy cho vua mình. Con ngài ấu trùng ăn lá cây màu vàng thì thân thể nó hiện ra sắc vàng, chúng ăn lá cây màu xanh thì thân thể hiện ra sắc xanh. Các nhà vua nói chung đều thích nghe lời siểm nịnh đầy thối!”. Vua Tể Cảnh Công nói: “Khanh lý giải rất đúng”.

(Theo sách Yến Tử - Tập hạ - Quyển 33)

Nguyên văn:

八八

天子即位, 上卿曰: “如之何憂長也? 能除患則為福, 不能則為賊”. 授天子一策, 中卿進曰: “配天而有下土者, 先事慮事, 先患慮患, 先事慮事, 謂之接, 接則事優成, 先患慮患謂之豫, 豫則禍不生; 事至而後慮者後之, 後之則事不舉. 患至而後慮者謂之困, 困則禍不可禦”. 授天子二策. 下卿進: “敬戒無怠, 慶者在堂, 弔者在宮, 禍與禍鄰, 莫如其門. 務哉務哉! 萬民望之. 授天子三策. (卷三十八, 孫卿子).

Phiên âm:

88

Thiên tử tức vị (1), thượng khanh (2) tiến viết: “Nhu chi hà ưu trường dã? Năng trừ hoạn tắc vi phúc, bất năng tắc vi tặc”. Thụ (3) thiên tử nhất sách (4). Trung khanh tiến viết: “Phối thiên (5) nhi hữu há thổ giả, tiên sự lự sự, tiên hoạn lự hoạn, tiên sự lự sự vi chi tiếp (6), tiếp tắc sự ưu thành; tiên hoạn lự hoạn vi chi dự (7), dự tác họa bất sinh; sự chí nhi hậu lự giả hậu (8) chi, hậu chi tắc sự bất cử (9) hoạn chí nhi hậu lự giả vi chi khốn, khốn tắc họa bất khả ngự”. Thụ thiên tử nhị sách, Hạ khanh tiến viết: “Kính giới vô đãi (10). Khánh giả tại đường, điếu giả tại lư (11), họa dữ phúc lân,

mạc tri kỳ môn, vụ tai vụ tai! Vạn dân vọng chi”. Thụ thiên tử tam sách. (Quyển 38 - Tôn Khanh Tử).

Chú thích:

- (1) Túc vị: Vừa lên làm vua, làm hoàng hậu, hoặc làm chư hầu.
- (2) Thượng khanh: Theo quan chế thời cổ, chia làm 3 hạng thượng, trung, hạ. Thượng khanh là hạng quan tối tôn quý.
- (3) Thụ: Ban cho, cấp cho, giao cho.
- (4) Sách: Ngày xưa ghi trên thẻ tre, bảng gỗ gọi là sách, cũng dùng để chỉ cuốn sách.
- (5) Phối thiên: Nhận mệnh trời lên làm vua.
- (6) Tiếp: Ý mãi tiếp nhanh nhẹn.
- (7) Dự: Dự bị, chuẩn bị trước.
- (8) Hậu: Rơi lại phía sau.
- (9) Cử: Thành công.
- (10) Kính giới vô đãi: Thời khắc cảnh giới không chậm trễ. Kính giới nghĩa là chuẩn bị. Đãi: Lười biếng.
- (11) Lư: Phiếm chỉ cổng nhà.

Diễn giải:

Nhà vua làm lễ đăng cơ tức vị, các vị quan đầu triều bước ra thưa: “Việc gì khiến cho bệ hạ lo âu lâu? Gột bỏ hết ưu phiền là phúc, không bỏ được thì có hại”, rồi dâng lên nhà vua một tập tấu thư thứ nhất. Các vị quan hạng trung bước ra tâu: “Bệ hạ nhận mệnh trời lên làm vua, nắm trong tay đất đai trong cả nước, xử lý sự tình ngày nay có thể tham khảo sự tình ngày xưa, những lo toan ngày nay cũng có thể tham khảo những lo toan ngày xưa trong việc xử lý. Sự tình ngày xưa mà ngày nay có thể tham khảo xử lý gọi là “tiếp”, “tiếp” thì xử lý hoàn thành viên mãn. Những lo toan ngày xưa mà ngày nay có thể tham khảo xử lý gọi là “dự”, “dự” thì không phát sinh họa hoạn. Sự tình đã xảy ra rồi mới tính tới gọi là “hậu”, “hậu”

thì không thể thành công. Lo âu đã có rồi mà sau mới tính tới gọi là “khốn”, “khốn” thì vô pháp chống đỡ họa hoạn ập tới”. Rồi dâng lên vua tập tấu thư thứ nhì. Các quan hạ khanh bước ra tâu: “Thời giờ cho thấy không được bê trễ, chuyện ăn mừng chưa xong còn khánh hạ trong nhà, mà đám phúng điếu đang chờ trước cổng. Phước họa gần nhau, họa phước vô thường, chưa biết khi nào ập đến! Nên buộc phải cảnh giới! Vạn người đều kỳ vọng nơi bệ hạ”. Rồi dâng lên vua tập tấu thư thứ ba.

(Theo sách Tôn Khanh Tử - Quyển 38)

Nguyên văn:

八九

人主有常不諫者五焉：一曰廢后黜正，二曰不節情欲，三曰專愛一人，四曰寵幸佞諂，五曰驕貴外戚。廢后黜正覆其國家者也；不節情欲，代其性命者也，專愛一人，絕其繼嗣者也，寵幸佞諂，壅蔽忠正者也，驕貴外戚，淆亂政治者也。此為疾痛，在晏膏肓，此為傾危，比於累卵者也。然而人臣破首分形所不能救止也。（卷四十五-申長子唱言）。

Phiên âm:

89

Nhân chủ hữu thường bất khả gián giả ngũ điều: Nhất viết phế hậu (1) truất chính (2), nhị viết bất tiết tình dục, tam viết chuyên ái nhất nhân, tứ viết sủng siểm nịnh, ngũ viết kiêu quý ngoại thích. Phế hậu truất chính, phúc kỳ quốc gia giả dã, Bất tiết tình dục, phạt kỳ tính mệnh giả dã. Chuyên ái nhất nhân, tuyệt kỳ kế tự giả dã. Sủng hạnh nịnh siểm, trụy tề (3) trung chính giả dã. Kiêu quý ngoại thích hào loạn (4) chính trị giả dã. Thủ vi tật bệnh, tại ư cao manh (5), thủ vi khuynh nguy (6), tử ư lũy noãn (7) giả dã. Nhiên nhi nhân thân phá thủ phân hình (8) sở bất năng cứu chỉ (9) dã. (Quyển 45 - Thân Trường Tử tướng ngôn).

Chú thích:

- (1) Phế hậu: Tước bỏ ngôi vị Hoàng hậu.
- (2) Truất: Tước bỏ danh vị Thái tử.
- (3) Ủng tộ: Bao che cái xấu.
- (4) Hào loạn: Hỗn loạn,
- (5) Cao manh: [hang]: Bộ phận từ tim đến hoành cách mô cơ thể người; theo y học cổ truyền thì đó là nơi thuốc không đến được nơi đó nên bệnh không dùng thuốc để chữa trị được, tỷ dụ khuyết điểm sai lầm khó thể cứu vãn.
- (6) Khuynh nguy: Nghiêng đổ nguy hiểm, chỉ thế nước bất an, nguy hiểm có thể bị diệt vong.
- (7) Lũy noãn: Tỷ dụ nguy hiểm phi thường.
- (8) Phá thủ phân hình: Tỷ dụ ra sức tận trung, không tiếc tính mệnh
- (9) Cứu chỉ: Viện trợ, thoát khỏi tình huống khốn nạn hoặc nguy cấp.

Diễn giải:

Nhà vua thường không dễ nghe 5 loại can gián như sau, thứ nhất là việc phế truất chính cung hoàng hậu, phế trừ Thái tử; thứ hai là tiết chế tình dục; thứ ba là sủng ái riêng một cơ thiếp; thứ tư là sủng ái kẻ gian manh siểm nịnh; thứ năm là trọng dụng bà con bên ngoại vua. Phế truất chính cung hoàng hậu, phế trừ Thái tử, có thể gây nên nghiêng đổ quốc gia. Không tiết chế tình dục, gây nguy hại đến tính mệnh nhà vua. Sủng ái riêng một cơ thiếp, có nguy cơ tuyệt hậu, dẫn đến quốc gia khuynh đảo. Sủng ái kẻ gian manh siểm nịnh, gây trở ngại cho các lời tâu của các bậc trung lương, chính trực. Trọng dụng bà con bên ngoại vua dễ gây hỗn loạn chính trị của quốc gia. Đó là năm căn bệnh, ví như chỗ bệnh trong cơ thể mà thuốc chữa không đến được, không thể cứu chữa, khiến tình thế đất nước bất an, nguy cơ dẫn đến diệt vong, ví như quả trứng để bên bức tường sắp đổ, thì các bầy tôi tâm huyết đến mấy cũng không thể cứu vãn.

(Theo sách **Thân Trường Tử - Xướng ngôn - Quyển 45**)

Nguyên văn:

四：舉賢

九〇

“周南”“邵南”正始之道，王化之基。是以“關雎”樂得淑女配君子，憂在進賢，不淫其色哀窈窕，思賢才，而無傷善之心焉，是關雎之義也。（卷三，詩，周南）。

Phiên âm:

TỨ: CỬ HIÊN

90

“Chu nam” (1), “Thiệu nam” (2) chính thủy chi đạo (3), vương hóa (4) chi cơ, thị dĩ “quan tụy” (5) lạc đắc thực nữ dĩ phối quân tử, hánh tại tiến hiên (6), bất dâm kỳ sắc (7), ai yếu điệu (8), tư hiên tài, nhi vô thương thiện chi tâm (9) yên, thị “Quan tụy” chi nghĩa dã. (Quyển 3 - Thi - Chu nam).

Chú thích:

(1) Chu nam: Là một trong 50 thiên quốc phong trong *Kinh Thi*, thu thập ca dao trong dân gian tại miền cố địa của nhà Chu thời nhà Chu có âm trung chính hòa bình, xưa nay được xem là điển hình của chính phong.

(2) Thiệu nam: Là một trong 50 thiên quốc phong trong *Kinh Thi*, là ca dao trong dân gian thời nhà Chu, Thiệu là miền nam Kỳ Sơn. Là đất phong cho Thiệu Công Thích.

(3) Chính thủy chi đạo: Phương hướng pháp tắc đoạn chính ban đầu trong việc trị quốc.

(4) Vương hóa: Đức hòa của thiên tử.

(5) Quan duy: Là tên sách tên một thiên trong *Kinh Thi - Chu nam*, gồm 5 chương. Căn cứ “Thi tự” viết: “Quan duy nghĩa là đức của các bà hậu phi, đầu chương có 2 câu là: “Quan quan thư cưu, tại hà chi châu”, Quan quan nghĩa là tiếng chim thủy điều cùng kêu. Quan nghĩa là chim thủy điều.

- (6) Tiến hiển: Tiến cử người tài năng.
- (7) Bất dâm kỳ sắc: Sắc không làm động lòng, quá độ là dâm, nữ cầu được sủng ái quá độ gọi là dâm.
- (8) Yếu điệu: Dáng u tĩnh xinh đẹp.
- (9) Vô thương thiện chi tâm: Không chút thương hại người thiện tâm, đố kỵ, ức chế người thiện lương.

Diễn giải:

Các thiên Chu Nam, Thiệu nam trong kinh Thi là các bài mở đầu cho phương hướng các phép tắc trị nước, là dùng vương đạo để thể hiện tư tưởng cơ bản của thiên tử trong giáo hóa nhân dân. Vì thế, thiên “quan tụy” là nói lên tâm lý của bà hậu phi, là dùng niềm vui của người nữ được phối với người quân tử, dùng để khuyên nhủ các bậc tài năng chưa được trọng dụng đừng nên buồn, chẳng nên sa đà vào sắc đẹp, vào việc cầu được sủng ái riêng mình. Người nữ có dáng người u tĩnh xinh đẹp chưa được tiến cử, một lòng khát vọng được đến với bậc hiền tài, mà không chút đố kỵ, ức chế cái tâm của bậc hiền giả. Đó là nghĩa lý của thiên “Quan tụy”.

(Theo sách Kinh Thi - Chu nam - Quyển 3)

Nguyên văn:

九一

“卷耳”，后妃之志也。又當輔佐君子，求賢審官。知臣下之動勞，內有進賢之志，而無險詖私謁之心，朝夕思念，至於憂勤悉悉卷耳，不盈傾筐。嗟我懷人實彼周行。（卷三，詩，周南）。

Phiên âm:

91

“Quyển nhĩ” (1) hậu phi chí chí dã hựu đương phụ tá quân tử

(2), cầu hiền thăm quan (3), Tri thần hạ chi cần lao, nội hữu tiến hiền (4) chi chí, nhi vô hiểm bí (5) tư yết (6) chi tâm, triêu tịch chi niệm, chí ư ưu cần (7). Tắt tắt quyển nhĩ, bất doanh khuynh khuông (10), ta ngã hoài nhân (11), trí bỉ chu hàng (12). (**Quyển 3 - Thi - Chu nam**).

Chú thích:

- (1) Quyển nhĩ: Tên loại rau hoang dại, còn gọi là thương nhĩ, tẩy nhị, lá non ăn được, bài quyển nhĩ lấy từ thiên *Chu nam* trong *Kinh Thi*.
- (2) Quân tử: Ở đây chỉ quân vương.
- (3) Thăm quan: Khảo sát để bạt quan lại.
- (4) Tiến quan: Tiến cử, sử dụng người tài năng.
- (5) Hiểm bí: Âm hiểm bất chính. Bí: Không công chính, thiên lệch.
- (6) Tư yết: Tự cầu cạnh riêng. Yết nghĩa là cầu cạnh.
- (7) Ưu cần: Chuyên cần, phấn đấu khổ cực.
- (8) Tắt tắt: Tươi tốt, nhiều đáng vẻ.
- (9) Doanh: Đầy đủ.
- (10) Khuynh khuông: Bờ đất nghiêng, tỷ dụ cái sọt tre vuông hơi vẹo.
- (11) Ta ngã hoài nhân: Ta là tiếng than. Hoài nhân: Nghĩa là trong lòng hoài niệm đến người, ẩn dụ chỉ mong mỏi những bậc tài năng.
- (12) Trí bỉ chu hàng: Chỉ việc mời bậc hiền tài vào triều bổ trí chức vụ đúng với tài năng. Trì nghĩa là bổ trí. Chu hàng nghĩa là chức quan đúng với khả năng của họ. Đời sau cũng dùng từ chu hàng để chỉ quan lại trong triều đình.

Diễn giải:

Thiên sách *Quyển nhĩ* trong *Kinh Thi* là chùm thơ phản ánh chí hướng của những bà vợ vua. Các bà hy vọng phụ giúp đấng quân vương của mình, cầu tuyển được những bậc tài đức làm quan trong triều để họ siêng năng ra sức lập công cho triều đình.

Chí nguyện trong lòng các bà hậu phi, chỉ khuyên nhủ đức vua tuyển bổ được những quan lại tài năng, mà không may mắn thiên lệch, vì tà niệm riêng tư. Suốt ngày lẫn đêm ưu tư về việc ấy, lo nghĩ triền miên không dứt, rau dại mọc đầy triền núi, chỉ hái những ngọn rau còn non nhú ra nơi bờ đất nghiêng, lòng mong sao cho nhiều bậc hiền tài đều được vào triều đình làm chức quan đúng khả năng.

(Theo sách **Kinh Thi - Chu nam - Quyển 3**)

Diễn ý thêm

Quyển nhĩ là loài thực vật, sau khi đã nở hoa trở lá non thì không lớn thêm nữa, cho nên khi bà hậu phi đi hái rau thì phát hiện cả cánh đồng nơi sườn núi mọc rau quyển nhĩ, nên hái những lá rau non. Bà hậu phi liên tưởng đến việc nước nhà. Các bậc thánh vương thời cổ, là chủ của bách tính trong thiên hạ mà các bậc hiền thần phụ tá cho vua, rốt cùng vẫn là số ít! “Thái thái quyển nhĩ” là hình tượng bách tính, lá non của rau là hình tượng hiền thần. Đó là các bà hậu phi lo nghĩ đến chuyện nước nhà.

Nguyên văn:

九二

推賢之風不立，濫舉之法不改，則南郭先生之徒，盈於朝矣。才高守道之士日退，馳走有勢之門日多矣。雖國有典刑，弗能禁矣。讓道不興之弊，非徒賢人在下位。不得時進也，國之良臣，苟重任者，亦將以漸受罪退矣。（卷二十九詩，晉書上，傳）。

Phiên âm:

92

Suy hiền chi phong bất lập, lạm (1) cử chi pháp bất cải, tặc Nam Quách tiên sinh (2) chi đồ, doanh (3) ư triều hỷ. Tài cao thủ

đạo (4) chi sĩ nhật thoái, trì tẩu (5) chi môn nhật đa hỹ. Tuy quốc hữu điển hình (6), phát năng cấm hỹ. Tuy đạo (7) bất hưng chi tề, phi đồ (8) hiển nhân tại hạ vị, bất đắc thời tiến dã. Quốc chi lương thần, hà (9) trọng nhiệm giả, diệc tương dĩ tiêm thụ tội (10) thoái hỹ. (**Quyển 29 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Lạm: Khinh suất, tùy tiện.
- (2) Nam Quách tiên sinh: Túc Nam Quách xử sĩ, thời Chiến Quốc, vua Tề Tuyên vương, thích nghe tiếng nhạc thối vu, mỗi lần trình diễn có đến 300 nghệ nhân cùng thổi, Có vị Nam Quách xử sĩ không biết thổi vu nhưng đứng lẫn trong ấy, và được vua ưu đãi. Sau khi vua Tuyên vương qua đời, đến đời Mẫn vương kế vị, chỉ thích nghe một người thổi vu, Nam Quách tiên sinh phải trốn đi. Điển tích này theo sách *Hàn Phi Tử - Nội trừ thuyết thượng*. Tỷ dụ, người không có thật tài, thật học, lẫn lộn trong chỗ đông người, để được tính chung.
- (3) Doanh: Thống mẫn, chứa đầy.
- (4) Thủ đạo: Giữ chặt quy phạm đạo đức.
- (5) Trì tẩu: Vì bỏ chạy, nên mục đích nhất định tiến hành hoạt động.
- (6) Điển hình: Hình pháp nhất định, thường hình.
- (7) Nhượng đạo: Đạo khiêm nhượng, phong cách khiêm nhượng.
- (8) Phi đồ: Bất cận, chẳng những.
- (9) Hà: Gánh vác, gánh phụ.

Diễn giải:

Phong khí tôn vinh người hiền, nhường bước người tài không hình thành được, phương pháp suy cử không thực tế không được cải chính. Tỷ như chuyện Nam Quách tiên sinh không biết thổi vu mà được ở trong đội thổi vu, sự sơ suất như vậy có đây trong triều đình. Nên bậc cao sĩ tài trí, giữ vững đạo nghĩa, ngày một giảm thiểu, còn kẻ chạy chức nơi có quyền thế thì ngày nhiều

lên. Nghiêm hình trọng pháp trong việc quản lý quốc gia, cũng không có thể chấm dứt tình huống này.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 29)

Nguyên văn:

九三

桓公自莒呂反于齊. 使鮑叔牙為宰, 辭曰: “君有加惠於其臣, 使臣不凍餒, 則是君之賜也. 若則治國家, 則非臣之所能也, 其唯管夷吾乎”. (卷三十二, 管子, 小匡).

Phiên âm:

93

Hoàn Công (1) tự Cử (2) vu Tề (3), sử (4) Bào Thúc Nha (5) vi Tề (6), từ (7) viết: “Quân hữu gia huệ (8) ư kỳ thân, sử thân bất đồng nổi (9), tắc thị quân chi tứ dã. Nhược tất (10) trị quốc gia, tắc phi thân chi sở năng dã, ký (11) duy Quản Di Ngô (12) hồ! (Quyển 32 - Quản Tử - Tiểu khuông).

Chú thích:

(1) Hoàn Công: Tức Tề Hoàn Công, vua thứ 15 nước Tề, là một trong ngũ bá thời Xuân Thu và nên nghiệp bá đầu tiên. Tề Hoàn Công bổ nhiệm Quản Trọng là tể tướng, tiến hành thúc đẩy công cuộc cải cách thành công.

(2) Cử: Tên một nước chư hầu thời Xuân Thu, di chỉ nay là huyện Cử tỉnh Sơn Đông. Vào thời Tề Tương Công, vua hoang dâm vô đạo, triều chính hỗn loạn, công tử Cử (em Tuông Công, anh Hoàn Công) được Quản Trọng phò tá chạy trốn qua nước Lỗ, công tử Cử được Bào Thúc Nha phò tá chạy trốn qua nước Cử. Sau đó Tiểu Bạch về nước trước, công tử Cử lên làm vua nước Tề, tức Tề Hoàn Công.

(3) Tề: Tức nước Tề là một nước chư hầu của nhà Chu từ thời Tây

Thu đến thời Xuân Thu Chiến Quốc, có 2 thời đại là Khương Tề và Điền Tề. Tề Hoàn Công thuộc Khương Tề. Kinh đô nước Tề là Lâm Truy (nay là khu Lâm Truy thành phố Truy Bác, tỉnh Sơn Đông, vốn gọi là Doanh Khâu, thời đại Điền Tề, nước Tề là một trong thất hùng (Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề, Tần).

(4) Sứ: Sai khiến, ra lệnh.

(5) Bào Thúc Nha: Người Dĩnh Thượng nay thuộc An Huy, làm quan đại phu nước Tề, là bạn thân từ nhỏ với Quản Trọng, ông giỏi đánh giá người khác, tiến cử người tài, nhường chức to cho người có tài dù vua phong chức đó cho mình, ông tiến cử Quản Trọng và nước Tề lập nên nghiệp bá. Chuyện tiến cử người tài của ông với tinh thần hữu nghị vô tư nổi tiếng nhất trong lịch sử, được xem là điển hình của mọi thời đại.

(6) Tề: Phụ tá vua điều khiển bách quan trong cai trị đất nước.

(7) Từ: Từ chối, từ tạ.

(8) Gia huệ: Ban ơn.

(9) Đống nổi: Đói rét.

(10) Tất: Nhất định, khẳng định.

(11) Kỳ: Sơ lược, đại khái.

(12) Quản Di Ngô: Tức Quản Trọng, người Dĩnh Thượng, nước Tề, được vua tôn là Trọng phụ.

Diễn giải:

Công tử Tiểu Bạch được Bào Thúc Nha phò tá, từ nơi lánh nạn là nước Cử trở về nước Tề lên ngôi vua, tức vua Tề Hoàn Công. Vua Tề Hoàn Công muốn phong Bào Thúc Nha làm chức Tề tướng nước Tề, Bào Thúc Nha từ tạ sâu rằng: “Ví như Bệ hạ ban ơn cho hạ thần, cấp cơm áo cho hạ thần thì hạ thần mang ơn bệ hạ, còn Bệ hạ giao việc cai trị đất nước thì hạ thần không đủ khả năng. Việc này Quản Di Ngô lại là người rất thích hợp”.

(Theo sách Quản Tử - Tiểu khuông - Quyển 32)

Nguyên văn:

九四

晏子相景公, 其論人也, 見賢即進之. 不同君所欲; 見不善則廢之, 不避君所愛, 行己而無私, 直言而無諱. (卷三十三, 晏子, 雜下).

Phiên âm:

94

Yến Tử (1) tướng (2) Cảnh Công (3), kỳ luận nhân (4) dã, kiến hiên túc tiến (5) chi, bất đồng quân sở dục; kiến bất thiện tắc phế chi, bất tỵ (6) quân sở ái. Hành kỹ (7) nhi vô tư, trực ngôn (8) nhi vô húy (9). (Quyển 33 - Yến Tử - Tập hạ).

Chú thích:

- (1) Yến Tử: Túc Yến Anh.
- (2) Tướng: Động từ, đảm nhiệm chức trưởng các quan trong triều, sau gọi là Tể tướng.
- (3) Cảnh Công: Túc Tể Cảnh Công.
- (4) Luận nhân: Tuyển chọn để bạt nhân tài. Luận nghĩa là tuyển chọn. Sách “Mặc Tử - Sở nhiễm” viết: “Cố thiện vi quân giả, lao u luận nhân - Vua giỏi, bỏ công ra sức tuyển chọn nhân tài”.
- (5) Tiến: Dẫn tiên, tiến cử.
- (6) Bất tỵ: Không che chở.
- (7) Hành kỹ: Tự làm.
- (8) Trực ngôn: Can gián thẳng không úp mở quanh co.
- (9) Vô húy: Không ngại, không sợ.

Diễn giải:

Yến Tử làm chức Tể tướng dưới triều vua Tể Cảnh Công, tuyển chọn để bạt nhân tài theo nguyên tắc là: Nếu là người tài đức thì ông mạnh dạn tuyển bổ, chẳng cần người ấy vua có cảm tình

hay không, nếu ông thấy người nào không phải là người hiền đức thì bãi miễn, dù người ấy được vua sủng ái che chở. Ông hành xử theo ý mình với tấm lòng vô tư, luôn thực lòng khuyên vua theo pháp quy không chút ngần ngại kiêng kỵ.

(Theo sách **Yển Tử** - Tập hạ - Quyển 33)

Nguyên văn:

九五

周公之治天下也，酒肉不徹於前，鍾鼓不解於懸，聽樂而國治，勞無事焉；自為而民富，仁無事焉。飲酒而賢舉，智無事焉，自為而民富，知此道也者，眾賢為役，愚智盡情矣。（卷三十六，尸子，分）。

Phiên âm:

95

Chu Công (1) chi trị thiên hạ dã, tử nhục bất triệt (2) ư tiên, chung cổ bất giải ư huyền (3). Thính nhạc nhi quốc trị, lao (4) vô sự (5) yên; Ẩm tửu nhi hiền cử (6), trí (7) vô sự yên; Tự vi (8) nhi dân phú, nhân (9) vô sự yên. Tri thủ đạo dã giả, chúng hiền vi dịch (10), ngưi trí tận tình (11) hỹ. (**Quyển 36 - Thi Tử - Phân**).

Chú thích:

(1) Chu Công: Cơ Đán, con trai Chu Văn Vương, em trai Vũ Vương. Cơ Đán phụ tá Vũ Vương phạt Trụ, được phong ở nước Lỗ. Sau khi Vũ Vương qua đời, thì làm nhiếp chính cho Thành Vương, Cơ Đán đồng chinh dẹp loạn Tam Thúc (ba ông chú làm loạn), diệt 50 nước, điện định miền đông nam, khiến họ quy phục lễ nhạc nhà Chu, thiên hạ đại trị. Ông còn được gọi là Cơ Đán, Chu Đán.

(2) Triệt: Khứ trừ.

(3) Huyền: Treo, cột, chỉ việc treo chuông trống nơi giá.

- (4) Lao: Lao động.
- (5) Vô sự: Không việc gì xảy ra.
- (6) Ấm tửu nhi hiền cử: Thời cổ học xong trường làng 3 năm, thì được khanh đại phu các nước chử hầu tiến cử kẻ sĩ hiền tài lên vua, khi sắp lên đường các vị khanh đại phi dùng lễ chiêu đãi, cùng nhau uống rượu gọi là hương ấm tửu lễ. Ở đây, trong cuộc tiệc rượu thì có người cử tiến hiền tài với Chu Công.
- (7) Trí: Tài trí.
- (8) Tự vi: Tự mình ra sức chính tâm tu thân.
- (9) Nhân: Đức hạnh rộng rãi khoan dung. Như nghĩa là nhân ái. Sách *Luận ngữ - Dương Hóa* viết: “Tử Trương hỏi Khổng Tử về “nhân”, Khổng Tử nói: “Có thể làm 5 thứ ở đời thì được gọi là nhân vậy”. Hỏi 5 thứ gì, Khổng Tử nói: “Cung, khoan, tín, kinh, huệ”.
- (10) Diễn giải: Làm hết nghĩa vụ vì nước.
- (11) Tận tình: Tận tâm tận lực.

Diễn giải:

Khi ông Chu Công cai trị đất nước, rượu thịt trên bàn không dứt, chuông trống luôn treo trên giá, tiếng nhạc không thôi. Nghe nhạc vượt râu mà nước nhà yên trị. Tuy muốn làm mà chẳng có gì để làm, trong tiệc rượu vui chơi mà có người tiến cử bậc hiền tài cho vua. Tuy thông minh tài trí mà không phải nhọc lòng nghĩ suy. Tự ông chính tâm tu thân mà tự nhiên bách tính giàu có, tuy sẵn lòng giúp đỡ người khác nhưng có ai cần giúp đâu. Ngộ đạo đến như vậy, thì đông đảo bậc tài năng vui lòng ra sức giúp nước, chẳng riêng người thông minh tài trí mà những kẻ ngu độn kém cỏi cũng đều tự nguyện tận trung với nước.

(Theo sách *Thi Tử - Phân - Quyển 36*)

Nguyên văn:

參：貴德

一尚道

九六

九五飛龍在天利見大人。(卷一, 周易.)

Phiên âm:

CƯỜNG MỤC ĐỆ TAM: QUÝ ĐỨC

NHẤT: THƯỢNG ĐẠO

96

Cửu ngũ (1). Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân (2).
(Quyển 1 - Chu Dịch).

Chú thích:

(1) Cửu ngũ: Trong *Kinh Dịch*, một quẻ [quái] có 6 hào, dùng chữ cửu đại biểu cho hào dương, lục đại biểu cho hào âm. Cửu ngũ là hào dương thứ 5 kể từ dưới lên, “cửu” là vị trí dương tối cao, “ngũ” nằm ở giữa [chính trung], vì thế “cửu ngũ” hàm nghĩa là “chí tôn trung chính”.

(2) Đại nhân: Kiểu xưng hô người đạo đức hay địa vị cao quý nhất.

Diễn giải:

Quẻ càn có 6 hào toàn là hào dương, hào thứ 5 là hào dương, khí dương cương đã phát triển đến cực đỉnh một cách hoàn bị, giống như con rồng bay lên tận trời cao. Người đạo đức được nắm giữ vị trí cao nhất.

(Theo sách *Chu Dịch* - Quyển 1)

Nguyên văn:

九七

世祖受禪，陳留王就金墉城，孚拜辭，執王手涕泣歔歔，不能自勝，曰：“臣死之日，固太魏之純臣也”。臨終曰：“有魏貞士河內司焉孚，不伊不周，不夷不蕙，立身行道，終始若一”。遺令素棺，單椁，斂以時服，所給器物，一不施用。（卷二十九，晉書上，司馬孚傳）。

Phiên âm:

97

Thế Tổ thụ thiên (1), Trần Lưu vương (2) tỵ Ki, Dung thành, phù (3) bá tử chấp vương thủ thế khắp hư hy (4), bất năng tự thắng (5). Viết: “Thần tử chi nhật, cố thái ngụy chi thuần thần (6) dã”. Lâm chung viết: “Hữu (7) Ngụy Trinh sĩ Hà Nội Tư Mã Phù, bất y bất chu (8), bất di bất huệ (9), lập thân hành đạo, chung như nhược nhất”. Di lệnh tổ quan (10) đơn quách (11), liễm dĩ thời phục (12), sở cấp khí vật, nhất bất thi dụng. (Quyển 29 - Tấn thư thượng - Tư Mã Phù truyện).

Chú thích:

(1) Thế Tổ thụ thiên: Thế Tổ là vua Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, vào tháng 12 niên hiệu Hàm Hy thứ hai nhà Ngụy, Tấn vương tướng quốc Tư Mã Viêm buộc vua Ngụy Nguyên đế Tào Hoán nhường ngôi vua cho mình, lập nên nhà Tây Tấn, đổi niên hiệu là Thái Thủy. Thụ thiên nghĩa là nhường ngôi vua.

(2) Trần Lưu vương: Túc Tào Hoán cháu nội Tào Táo, con của Yên vương Tào Vũ, là vua cuối cùng nhà Tào Ngụy.

(3) Phù: Túc Tư Mã Phù là em Tư Mã Ý, là trọng thần nhà Tào Ngụy và Tây Tấn.

(4) Hư hy: Than khóc sụt mướt.

(5) Bất năng tự thắng: Hết phép thừa nhận.

- (6) Thần tử chi nhật: Tư Mã Phù tự xưng là bầy tôi trung thành của nhà Tào Ngụy.
- (7) Hữu: Chuyết từ, đứng trước danh từ làm âm tiết làm chữ lót.
- (8) Bất Y bất Chu: Y Doãn, và Chu Công, Điển từ Ban Cố sách “Hán thư, tự truyện hạ” viết: “Hiếu Bình không tạo, Tần Đồ tác Tể, bất Chu bất Y, táng ngã tứ hải”, ý chỉ vua Hán Bình để không giữ nổi gia nghiệp, Tần Đồ hầu Vương Mãng tự xưng là Tể hành, không người trung như Y Doãn, Chu Công, khiến quốc gia tiêu vong.
- (9) Bất Di bất Huệ: Bá Di và Liễu Hạ Huệ. Điển từ sách “Pháp ngôn” của Dương Hùng, viết: “Bất khuất kỳ ý bất kuy kỳ thân.” Nói: “Là học trò của Di, Huệ ư?” nói: “Bất Di bất Huệ, khả phủ chi gian dã”.
- (10) Tổ quan: Áo quan không trang hoàng.
- (11) Quách: Áo quan lớp trong.
- (12) Thời phục: Thường phục thời bấy giờ.

Diễn giải:

Vào niên hiệu Hàm Hy thứ 2 (265 CN), vua Ngụy Nguyên Đế Tào Hoán, nhường ngôi vua cho Tư Mã Viêm, tức Tấn Thế Tổ, Tào Hoán bị đuổi ra khỏi kinh thành đến cư trú nơi thành Kim Dung. Khi xuất thành, quan Thái truyền là Tư Mã Phù đến từ biệt. Cầm tay Tào Hoán rơi nước mắt, đau thương không biết bao nhiêu mà kể cho hết, khóc nói: “Khi hạ thần qua đời, hạ thần vẫn thuần chính chỉ là bầy tôi nhà Đại Ngụy”. Khi sắp qua đời thì nói: “Hà Nội Tư Mã Phù này là nhân sĩ bầy tôi trung trinh của nhà Đại Ngụy, chẳng phải là Y Doãn, cũng chẳng là Chu Công, không làm như Bá Di, không học theo Liễu Hạ Huệ, mà lập thân xử thế tuân hành đạo nghĩa, thủy chung như nhất”. Ông di chúc là chỉ dùng quan tài một lớp thô mộc, không trang hoàng, dùng y phục thường dùng đương thời liệm ông, không dùng đồ tang của triều đình cấp.

(Theo sách Tấn thư thượng - Tư Mã Phù truyện - Quyển 29)

Nguyên văn:

九八

無取於民也，取民者也；無取於國也，取國民者也；取於天下，取天下者也。取民者，民利之，取國者，國利之；取天下者，天下利之，故道在不可見，事在不可聞，勝在不可知。微哉！微哉！鷺鳥相擊，卑飛翕翼，猛獸相擊俛耳俯伏，聖人相動，必有過色。唯文唯德，誰為之感？弗觀弗視，安知其極？（卷三十一，六韜，武韜）。

Phiên âm:

98

Vô thủ ư dân giả, thủ dân giả dã; Vô thủ ư quốc giả, thủ quốc giả dã; Vô thủ ư thiên hạ giả, thủ thiên hạ giả dã. Thủ dân giả, dân lợi chi; Thủ quốc giả, quốc lợi chi; Thủ thiên hạ giả, thiên hạ lợi chi. Cố đạo đạo tại bất khả kiến, sự tại bất khả văn, thắng tại bất khả tri. Vi tai! Vi tai! Chí diều (1) tương kích, ti phi hấp dục (2); Mãnh thú tương kích, phủ nhĩ phủ thị, an tri kỳ cực (4)?” (**Quyển 31- Lục Thao - Vũ thao**).

Chú thích:

- (1) Chí diều: Chim dữ.
- (2) Ti phi hấp dục: Xếp cánh bay thấp. Ti nghĩa là thấp. Hấp nghĩa là thu liễm.
- (3) Phủ nhĩ phủ phục: Bịt tai, thu mình sát đất. Phủ phục, phủ phục sát đất.
- (4) Cực: Tới cùng sự việc.

Diễn giải:

Người không cần phải đoạt thủ nhân dân, thì mới có thể đắc nhân tâm. Người không cần đoạt quốc gia, thì mới được quốc gia tín nhiệm. Người không cần phải đoạt thủ thiên hạ thì mới được cả thiên hạ ủng hộ. Người không không cần phải đoạt thủ nhân

dân thì được nhân dân bang trợ. Người không cần đoạt quốc gia thì được người trong quốc gia bang trợ. Người không cần phải đoạt thủ thiên hạ được người trong thiên hạ bang trợ. Bởi vì người ta không nhận ra loại phương pháp này, người ta không nghe ra loại phương pháp ấy, người ta không biết đến loại thắng lợi ấy. Thật là vi diệu! Thật là vi diệu! Loài chim dữ khi sắp đánh nhau thì chúng thu cánh rút đầu, loài mãnh thú khi sắp tấn công nhau thì bịt tai giấu mình sát đất, bậc Thánh Hiền trước khi thi hành một chương trình thì trước mắt mọi người, họ tỏ ra như thể người tầm thường, thậm chí ngu độn, chỉ chú ý lắng nghe, tìm hiểu, hỏi có mấy người hiểu được? Không quan sát, không thăm tra thì làm sao biết được chỗ kỳ diệu ẩn chứa bên trong?

(Theo sách Lục Thao - Vũ thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

九九

民之從有道也，如饑之先食也，如寒之先衣也，如暑之先陰也。故有道而則民歸之，無道則民去之。故道在身則言自順，行自正，事君自忠，事父自孝，遇人自理。（卷三十二，管子，形世解）。

Phiên âm:

99

Dân chi tùng hữu đạo dã, như cơ (1) nhi tiên thực dã, như hàn chi tiên y dã, như thử chi tiên âm (2) dã. Cố hữu đạo nhi tắc dân quy chi, vô đạo tắc dân khứ chi. Cố đạo tại thân tắc ngôn tự thuận, hành tự chính, sự quân tự trung, sự phụ tự hiếu, ngộ nhân tự lý. (Quyển 32 - Quán Tử - Hình thế giải).

Chú thích:

(1) Cơ: Đói, ăn không no.

(2) Âm: Tối lạnh.

(3) Quy: Tụ về, dựa vào.

Diễn giải:

Nhân dân theo phò nhà vua có đạo đức, như khi người đói thấy thức ăn, như khi người bị rét thấy quần áo ấm, như người đang khi nóng nực thấy nơi mát mẻ. Nhà vua có đạo đức, thì nhân dân tìm theo nương dựa, nhà vua vô đạo đức thì nhân dân xa lánh. Thế cho nên, chỉ cần bản thân mình có đạo đức, thì nói năng tự nhiên dễ nghe, hành vi tự nhiên đôn chính, trung thành phụng sự vua mình, sống hiếu thảo với cha mẹ mình, đối xử với người ta có tình có lý.

(Theo sách Quán Tử - Hình thế giải - Quyển 32)

Nguyên văn:

—○○

飄風不終朝，驟雨不終日。孰為此者？天地也。天地尚不能久，而況於人乎？（卷三十四，老子，道經）。

Phiên âm:

100

Phiêu phong (1) bất chung triều, sậu vũ (2) bất chung nhật. Chấp vi thử giả? Thiên địa dã. Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi hướng ư nhân hồ? Cổ tòng sự ư đạo. (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo kinh**).

Chú thích:

(1) Phiêu phong: Cuồng phong, gió mạnh.

(2) Sậu vũ: Mưa to, mưa ào.

Diễn giải:

Một trận cuồng phong không kéo dài quá một buổi, một cơn mưa lớn, không mưa suốt một ngày. Ai khiến nên chuyện như vậy? Đó là trời đất. Trời đất hãy còn không thể lâu dài, huống chi là con người? Thế cho nên, làm việc gì con người nên tuân theo ở đạo.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn

—○—

子列子曰：“天地無全功，聖人無全能，萬物無全用，故天職生覆，地職形載，聖職教化，物職所宜。然則天有所短，地有所長，聖有所否，物有所通。何則？生覆者不能形載，形載者不能教化，教化者不能違所宜，宜定者不出所位。故天地之道，非陰則陽，聖人之教，非仁則義；萬物之宜，非剛則柔。所皆隨所宜而不能出所位者也。（卷三十四，列老子，天瑞）。

Phiên âm:

101

Tử Liệt Tử (1) viết: “Thiên địa vô toàn công (2), Thánh nhân vô toàn năng, vạn vật vô toàn dụng. Cố thiên chức sinh phúc, địa chức hình tải, thánh chức giáo hoá, vật chức sở nghi. Nhiên tắc thiên hữu sở đoản, địa hữu sở trường, thánh hữu sở phủ (3), vật hữu sở thông. Hà tắc? Sinh phúc giả bất năng hình tải, hình tải giả bất năng giáo hoá, giáo hoá giả bất năng vi sở nghi, nghi định giả bất xuất sở vị. Cố thiên địa chi đạo, phi âm tắc dương, Thánh nhân chi giáo, phi nhân tắc nghĩa; Vạn vật chi nghi, phi cương tắc nhu. Thử giai tùy sở nghi nhi bất năng xuất sở vị giả dã. (Quyển 34 - Liệt Tử - Thiên thụy).

Chú thích:

(1) Tử Liệt Tử: Thầy Liệt Tử, tính [họ] Liệt, tên Ngự Khấu, người Bồ Điền nước Trịnh (nay là thành phố Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam), có sách *Liệt tử* còn gọi là *Xung hư kinh*. Liệt tử sống sau Khổng Tử nhưng trước Trang Tử. Theo truyền thuyết, thì Liệt tử, hoặc học trò Liệt tử hoặc hậu duệ của Liệt tử, viết sách *Vị thiên* vào những năm từ năm 450 đến năm 375 trước CN. Là điển tịch trọng yếu của Đạo học.

(2) Toàn công: Hoàn thành mục tiêu.

(3) Phủ: Xấu, bất hảo.

Diễn giải:

Thầy Liệt Tử bảo: “Trời đất không phải hoàn toàn đúng hết, bậc Thánh nhân không phải làm gì cũng hoàn toàn tốt, vạn vật không phải luôn luôn hữu dụng, cho nên chức trách của trời là sinh trưởng che phủ vạn vật, chức trách của đất là thành hình, chuyên chở vạn vật, còn chức trách của bậc Thánh nhân là giáo dục cảm hóa, chức trách của đồ vật là thích hợp với người sử dụng. Thế nhưng, trời thì có chỗ sở đoản là thiếu, đất có chỗ sở chuyên là trường, bậc Thánh nhân cũng có những lúc bế tắc, đồ dùng thì có hiệu dụng thông đạt. Tại sao như vậy? Đó là vì cái được sinh ra mà không thể thành hình chuyên chở, thành hình chuyên chở mà không được giáo dục cảm hóa, giáo dục cảm hóa mà không thích đáng với việc sử dụng, sự vật thích nghi với công dụng một khi đã được xác định thì không thể buộc nó vượt ra chức trách gánh vác. Vì thế, sự vận hành của trời đất không là âm thì là dương, sự giáo hóa của bậc Thánh nhân, không là nhân thì là nghĩa, bản chất của vạn vật, không nhu thì là cương, đó là án chiếu theo công dụng thích nghi của chúng, mà không nên đặt để cho chúng chức trách mà chúng phải gánh vác.

(Theo sách *Liệt Tử - Thiên thụ* - Quyển 34)

Nguyên văn:

—〇二

奚以為治法而可?莫若法天.天之行廣而無私,其施厚而不息,其明久而不衰,故聖王法之.既以天為法,動作有為,必度於天,天之所欲則為之,天所不欲則止.然則天何欲何惡也?天則欲人之相愛相利,而不欲人之相惡相賊也.以其兼而愛之,兼而利之也.(三十四,墨子,法儀).

Phiên âm:

102

Hề (1) dĩ vi trị pháp nhi khả? Mạc nhược pháp thiên, thiên chi hành quảng nhi vô tư, kỳ thi hậu nhi bất tức, kỳ minh cửu nhi bất suy, cổ thánh vương pháp chi. Ký dĩ thiên vi pháp, động tác hữu vi, tất độ ư thiên, Thiên chi sở y tắc vi chi, thiên sở bất dục tắc chỉ. Nhiên nhi thiên hà dục hà ố dã? Thiên tất dục nhân chi tương ái tương lợi, nhi bất dục nhân chi tương ố tương tặc (2) dã, dĩ kỳ kiêm nhi ái chi, kiêm nhi lợi chi dã. (Quyển 34 - Mặc Tử - Pháp nghi).

Chú thích:

- (1) Hề: Tại sao? Sao? Gì?
- (3) Tương ố: Thù ghét nhau, thù địch nhau.

Diễn giải

Dùng pháp độ gì để cai trị đất nước cho đúng? Chẳng có phương pháp nào tốt hơn pháp độ nào, sự vận hành của trời quá rộng lớn và vô tư, cho rất nhiều mà liên tục không dứt, ánh sáng chiếu rọi khắp chốn mà chẳng chút suy yếu, cho nên bậc vua thánh minh trị nước đã dùng pháp độ của trời. Đương nhiên, dùng pháp độ của trời nên phạm hoạt động nào cũng tham khảo theo hoạt động của trời. Trời cho làm thì làm, trời không cho làm thì không làm. Trời cho làm gì? Ghét ác như thế nào? Trời nhất định muốn con người thương yêu giúp đỡ lẫn cho nhau, làm lợi cho nhau, trời

không muốn con người thù ghét nhau, làm hại nhau. Trời không phân chia đẳng cấp, không xem người thân kẻ lạ mà yêu ghét khác nhau, trời cũng cấp lợi ích cho hết thảy mọi người.

(Theo sách Mặc Tử - Pháp nghi - Quyển 34)

Nguyên văn:

一〇三

水之性欲清. 沙石秽之; 人之性欲平, 嗜欲害之. 唯聖人能遺物反已, 不以智役物, 不以欲滑和, 是以高而不危, 安而不傾也.

故聽善言便計, 雖愚者知悅之, 稱聖德高行, 雖不肖者知慕之. 說之者眾, 而用之者寡; 慕之者多, 而行之者少. (卷三十五, 文子, 道元).

Phiên âm:

103

Thủy chi tính dục thanh, sa thạch uế (1) chi; nhân chi tính dục bình (2) thị dục hại chi. Tuy Thánh nhân năng di vật phản dĩ, bất dĩ trí dịch (3) vật, bất dĩ dục hoạt hòa (4), thị dĩ cao nhi bất nguy, an nhi bất khuynh dã. Cổ thánh thiện ngôn tiện kế (5), tuy ngu giả tri duyệt chi, xưng thánh đức cao hạnh, tuy bất tiểu giả tri mộ chi. Duyệt chi, giả chúng, nhi dụng chi giả quả; quả chi giả đa, nhi hành chi giả thiểu. (Quyển 35 - Văn Tử - Đạo nguyên).

Chú thích:

- (1) Uế: Dơ bẩn.
- (2) Thị dục: Tham dục sinh ra từ các giác quan mắt, tai, mũi, v. v.
- (3) Dịch: Khiến.
- (4) Hoạt hòa: Nhiều loạn đạo trung hòa. Hoạt: Loạn.
- (5) Tiện kế: Mưu tính làm lợi. Tiện nghĩa là có lợi.

Diễn giải:

Bản tính của nước là trong sạch, nhưng cát đá làm cho nước bị vẩn đục. Bản tính của con người là an tĩnh, nhưng dục vọng làm nhiều loạn con người. Chỉ những bậc Thánh nhân mới chế ngự được vật dục, trở về với bản tính an tĩnh của con người. Bậc Thánh nhân không bị vật dục khống chế, bình tĩnh giữ được tâm thái không bị dục vọng chi phối. Dạng người như vậy có thể ở địa vị cao mà không nguy hiểm, bảo đảm sự an ổn, không xáo trộn. Cho nên nghe đến những lời nói và kế sách tốt đẹp, khiến cho kẻ ngu độn cũng biết vui mừng; Tán thưởng đạo đức cao thượng và hành vi lương thiện cũng khiến cho kẻ bất hảo sinh lòng ngưỡng mộ. Song người vui mừng thì nhiều, mà người dùng thì ít; người ngưỡng mộ thì nhiều, mà người ra sức thi hành thì ít.

(Theo sách Văn Tử - Đạo nguyên - Quyển 35)

Nguyên văn:

一〇四

天地之道，莫見其所以長物而物長，莫見其所以亡物而物亡。聖人之道亦然，其興福也，人莫之知而禍除矣！故曰“神人”。益天下以財為“仁”，勞天下以力為“義”，分天下以生為“神”。修先王之術，除禍難之本，使天下丈夫耕而食，婦人織而衣，皆得戴其首，父子相保。此其分萬物以生，盈天下以財，不可勝計也。神也者，萬物之始，萬事紀也。（卷三十六，尸子，貴言）。

Phiên âm:

104

Thiên địa chi đạo, mạc kiến kỳ sở dĩ trường vật nhi vật trường, mạc kiến kỳ sở dĩ vong vật nhi vật vong. Thánh nhân chi đạo diệc nhiên. Kỳ hưng phúc dã, nhân mạc chi kiến nhi phúc hưng hỹ; Kỳ

trừ họa dã, nhân mạc chi tri nhi họa trừ hỹ! Cố viết “Thần nhân”. Ích thiên hạ dĩ tài vi “nhân”, lao thiên hạ dĩ lực vi “nghĩa”, phân thiên hạ dĩ sinh vi “thần”. Tu tiên vương chi thuật, trừ họa nạn chi bản, sử thiên hạ chi trượng phu (1) canh nhi thực, phụ nhân chức nhi y, giai đắc đới kỳ thủ, phụ tử tương bảo (2), thủ kỳ phân vạn vật dĩ sinh, doanh thiên hạ dĩ tài, bất khả thăng kế dã. Thần dã giả, vạn vật chi thủy, vạn sự chi kỳ (3) dã. (Quyển 36 - Thi Tử - Quý ngôn).

Chú thích:

- (1) Trượng phu: Người nam thân cao trên 1 trượng, một trượng = 10 thước Trung Hoa. Đàn ông trưởng thành cao khoảng 8 thước. Trượng phu chỉ nam giới trưởng thành.
- (2) Tương bảo: Cùng dựa vào nhau, bảo hộ lẫn nhau.
- (3) Kỳ: Pháp độ, chuẩn mực.

Diễn giải:

Quy luật giữa trời và đất, không thấy chuyện sinh trưởng của vạn vật mà vạn vật vẫn sinh trưởng, không thấy sự vật diệt vong mà sự vật vẫn cứ bị diệt vong. Đạo của bậc Thánh nhân cũng giống như vậy, vì việc tạo nên hạnh phúc cho nhân dân, nhân dân không hề hay biết mà hạnh phúc vẫn cứ đến. Vì việc tiêu trừ tai họa, nhân dân vẫn không hề hay biết mà tai họa vẫn bị tiêu trừ. Thế cho nên gọi là “thần nhân”. Làm cho thiên hạ ngày một giàu lên gọi là “nhân”, làm cho mọi người ra sức làm việc gọi là “nghĩa”, làm cho vạn vật sinh trưởng gọi là “thần”. Học tập phương pháp cai trị thiên hạ của các bậc thánh vương thời cổ đại, diệt trừ mọi mầm mống của họa loạn, khiến cho mọi đàn ông chăm lo cày bừa sản xuất lương thực thực phẩm, mọi phụ nữ chuyên việc kéo sợi dệt vải may y phục, làm cho nhân dân được hưởng cuộc sống hoan lạc của thiên luân, cha con dựa nhau và bảo vệ nhau. Đó là làm cho vạn vật đều tự sinh trưởng, cả thiên hạ sống đời giàu có, không phải lo toan. Thần, chính là bản nguyên của vạn vật, là phép tắc của vạn sự.

(Theo sách Thi Tử - Quý ngôn - Quyển 36)

Nguyên văn:

一〇五

得道即舉, 失道即廢. 夫物未嘗有張而不弛, 盛不取者也, 唯聖人可盛而不衰. (卷三十五, 文子, 上禮).

Phiên âm:

105

Đắc đạo (1) tức cử (2). Phù vật vị thường hữu trương nhi bất thi (3), thịnh nhi bất bại giả dã, duy thánh vương khả thịnh bất suy. (Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ).

Chú thích:

- (1) Đắc đạo: Phù hợp đạo nghĩa.
- (2) Cử: Hưng khởi, phát lên, phát triển.
- (3) Trương nhi bất thi: Giương dây cung nhưng không buông.

Diễn giải:

Phàm làm gì hợp với đạo nghĩa thì quốc gia phát triển, làm trái đạo nghĩa thì quốc gia suy vong. Xưa nay vạn vật chưa từng có chuyện đã giương cung mà không bắn, không có chuyện một quốc gia cường thịnh rồi mà không rơi vào tình hình suy bại. Chỉ có các bậc thánh vương mới giữ được cho sự thịnh vượng của nước mình không bị suy bại.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn

二 : 孝悌

一〇六

吳隱之, 字處墨, 濮陽人也. 早孤事母孝謹, 愛敬著於色養. 幾

滅鄣於執喪居近於康伯家, 康伯母賢明婦人每聞隱之哭, 臨饌輟餐, 當織投杼, 為之泣. 如此終其喪. 謂伯曰: “汝若得在官人之任舉如此之徒”. 及伯為吏部超選隱之遂皆清級, 為能驤將軍廣州制史. (卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

NHỊ: HIẾU ĐỄ

106

Ngô Ân Chi (1), tự là Xử Mặc, người Bộc Dương. Tảo cô, sự mẫu hiếu cần (2), ái kính trú ư sắc dưỡng (3), Cơ diệt Chương (4), ư chấp táng (5), cư cận Hán hàng Bá (6) gia, Khang Bá mẫu hiền minh phụ nhân, mỗi văn Ân Cho khắp, lâm soạn (7) xuyết xan (8), đương chức đầu trữ (9), vi chi bi khắp. Như thử chung kỳ tang. Vị Bá viết: “Nhữ nhược đắc tại quan nhân chi nhiệm, đương cử như thử chi đồ”. Cập (10) Bá vi Lại bộ, siêu (11) tuyển Ân Chi, toại giai (13) thanh cấp (13), vi Long Tương tướng quân, Quảng Châu chế sử. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Ngô Ân Chi: (?-414 CN), tự là Xử Mặc, người thành phố Chân, Bộc Dương sống vào thời Đông Tấn (nay là huyện Bộc, tỉnh Sơn Đông). Từng làm các chức Trung thư thị lang, Tả Vệ tướng quân, Quảng Châu chế sử, quan đến Độ Chi Thượng thư, nổi tiếng thanh liêm.

(2) Hiếu cần: Hiếu thuận và cung cần.

(3) Sắc dưỡng: Sách *Luận ngữ - Vi chính* viết: “Tử Hạ vấn hiếu, Tử viết: Sắc nan”, Trong sách “*Luận ngữ tập chú*”, Chu Hy chú giải: “Sắc nan là nói việc phụng dưỡng cha mẹ, chỉ nhận ra sắc mặt là khó nhất”. Đời sau gọi con cái khi phụng dưỡng cha mẹ hoặc nghe lời dẫn dò của cha mẹ, thì nên giữ sắc mặt tươi vui gọi là “sắc dưỡng”.

(4) Diệt Chương: Chương là tính, diệt chương có nghĩa là diệt tính, ý nói cha mẹ qua đời còn hơn là bản thân mình chết đi.

- (5) Chấp tang: Sách *Lễ ký* – *Đàn dẫn thượng* viết: “Tăng Tử bảo Tử Tư: Nay Cấp, ta để tang cha mẹ, bảy ngày không uống một hớp nước. Về sau người ta dùng từ chấp táng” chỉ việc thủ hiếu tang lễ cha mẹ.
- (6) Hàn Khang Bá: Tên Bá, tự Khang Bá, một nhà tư tưởng huyền học thời Đông Tấn, người Trường Xá, thuộc Dĩnh Xuyên (nay là Trường Cát Tây tỉnh Hà Nam).
- (7) Lâm soạn: Chuẩn bị thức ăn.
- (8) Xuyết xan: Ngưng ăn cơm. Xuyết: Nghĩa là ngưng.
- (9) Trữ: Con thoi dệt vải.
- (10) Cập: Đạt đến.
- (11) Siêu: Vượt ra ngoài phạm vi đã định.
- (12) Giai: Động từ.
- (13) Thanh cấp: Địa vị quan cao quý.

Diễn giải:

Ngô Ẩn Chi, tự là Xử Mặc, người Bộc Dương. Cha mất khi ông còn thơ bé, ông phụng dưỡng mẹ rất có hiếu, cung cần, tình kính ái mẹ rất là sâu sắc. Khi người mẹ qua đời, ông khóc tể trước mộ mẹ, đến nỗi có thể suy kiệt mà chết. Cạnh đó có nhà của Hàn Khang Bá, người mẹ Khang Bá là một phụ nữ hiền minh phi thường, mỗi khi nghe tiếng khóc buồn não của Ngô Ẩn Chi, gặp khi bà sửa soạn ăn cơm thì bà ngưng ăn, khi đang dệt vải, thì bà ngừng tay thoi. Cứ như vậy cho đến khi Ngô Ẩn Chi cúng tế xong lễ tang mẹ. Bà mẹ Hàn Khang Bá nói với con: “Nếu sau này con nắm quyền quản lý quan lại thì con nên chú ý để bạt những người như Ngô Ẩn Chi”. Về sau, quả nhiên Khang Bá làm Thượng thư bộ Lại, thì tiến cử để bạt Ngô Ẩn Chi, từng bước Ẩn Chi được thăng tiến vinh hiển, làm tới chức Long Tương tướng quân, Quảng Châu chế sử.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

一〇七

盡力而有禮, 敬而安之; 微諫不倦, 聽從不怠; 懽欣忠信咎故不生, 可謂孝矣. 盡力而無禮, 則小人也; 敬而不忠, 則不入也.
(卷三十五, 曾子, 立孝).

Phiên âm:

107

Tận lực nhi hữu lễ, kính nhi an chi; vi gián (1) bất quyện, thính tùng bất đãi; hoàn (2) hân trung tín, cữu cố (3) bất sinh, khả vị hiếu hỹ. Tận lực nhi vô lễ, tắc tiểu nhân dã; Trí kính nhi bất trung, tắc bất nhập (4) dã. (**Quyển 35 - Tăng Tử - Lập hiếu**).

Chú thích:

- (1) gián: Thẳng thắn khuyên can.
- (2) Hoàn: Vui sướng,
- (3) Cữu cố: Chỉ tai họa ngoài ý muốn, chuyện bất hạnh. Cữu nghĩa là tai họa, chuyện bất hạnh, Cố nghĩa là ngoài ý muốn hoặc sự biến bất hạnh.
- (4) Nhập: Dung nhập, tham nhập.

Diễn giải:

Đem hết sức lực phụng dưỡng cha mẹ đúng theo lễ, trang trọng nghiêm túc khiến cha mẹ hài lòng cảm thấy an thích, việc phụng dưỡng không để bê trễ. Khi cha mẹ có sai sót thì can gián với lời lẽ nhẹ nhàng mà rất kiên trì, cha mẹ chịu nghe lời can thì mừng rỡ. Vui vẻ trung thành trung thực thì tai họa ngoài ý muốn sẽ không xảy ra, đó đáng gọi là “hiếu” vậy. Đem hết sức lực phụng dưỡng cha mẹ mà không theo đúng lễ thì là chữ hiếu của bọn tiểu nhân, tỏ ra cung kính mà không thành thật vì không phải thật ý xuất phát từ nội tâm. Như vậy thì chẳng thể gọi là “hiếu” vậy.

(Theo sách Tăng Tử - Lập hiếu - Quyển 35)

Nguyên văn:

一〇八

未有君, 而忠臣可知者. 孝子謂也; 未有長而順下可知者, 悌弟之謂也; 未有治而能仕可知者, 先脩之謂也. 故孝子善事君, 悌弟善事長. 君子壹孝壹悌, 可謂知終矣. (卷三十五, 曾子, 立孝).

Phiên âm:

108

Vị hữu quân, nhi trung thần (1) khả tri giả, hiếu tử chi vị dã; Vị hữu trưởng (2), nhi thuận hạ (3) khả tri giả, đễ 4) đệ chi vị dã; Vị hữu trị (5) nhi năng sĩ (6) khả tri giả, tiên tu chi vị dã. Cố hiếu tử thiện sự quân, đễ đệ thiện sự trưởng. Quân tử nhất hiếu nhất đễ, khả vị tri chung hỹ. (Quyển 35 - Tăng Tử - Lập hiếu).

Chú thích:

- (1) Trung thần: Quan lại trung thành với vua mình.
- (2) Trưởng: Người lớn hơn mình.
- (3) Thuận hạ: Khiêm tốn không coi thường người dưới.
- (4) Đễ: Kính yêu các anh mình, nghe lời anh mình.
- (5) Trị: quản lý, cai trị.
- (6) Năng sĩ: làm quan xưng chức.
- (7) Nhất: chuyên nhất.

Diễn giải:

Khi chưa được vua dùng tới mình, đã cho thấy anh ta sẽ là một vị trung thần vì anh ta vốn được mọi người cho là con có hiếu với cha mẹ anh ta. Khi chưa từng phục vụ cấp trên, đã cho thấy anh ta sẽ là một người khiêm tốn, biết tuân lời cấp trên vì người ta thấy anh ta sống kính yêu huynh trưởng, nhã nhặn với em út. Khi anh ta chưa gánh vác việc nước, làm chức trách cai trị xã hội, cũng

cho thấy anh ta là một viên quan tốt vì ở nhà anh ta là người biết tu thân, sống có hiếu với cha mẹ, tôn kính các bậc huynh trưởng thì biết anh ta là một con người trung thành với nhiệm vụ do vua giao như thế nào rồi.

(Theo sách Tăng Tử - Lập hiếu - Quyển 35)

Nguyên văn:

三：仁義

一〇九

言雖無於策，其計無益於國，而心周於君，合於仁義者身則存矣。（卷三十五，文子微明）。

Phiên âm:

TAM: NHÂN NGHĨA

109

Ngôn chi vô trúng (1) ư sách (2), kỳ kế vô ích ư quốc. Nhi tâm châu (3) ư quân, hợp ư nhân nghĩa giả, thân tắc tồn (4) hỹ. (Quyển 35 - Văn Tử - Vi minh).

Chú thích:

- (1) Trúng: Phù hợp, trúng ngay.
- (2) Sách: Chính sách.
- (3) Châu: Vây tròn.
- (4) Tồn: Lưu lại, có một miếng đất.

Diễn giải:

Tuy lời nói không trúng yếu chỉ của chính sách, mưu kế cũng không có giúp gì cho quốc gia, nhưng mà trong lòng luôn luôn có

khả năng duy trì, ủng hộ hoàn toàn đức hạnh của vua mình, hợp với những việc làm nhân nghĩa thì tự thân tất có thể đứng được trong xã hội.

(Theo sách Văn Tử - Vi minh - Quyển 35)

Nguyên văn:

— — ○

曾子曰：“君子之務，蓋有矣。夫華繁而實寡者，天也；言多而行寡者，人也。鷹隼以山為卑而巢其上，魚鱉龜鼃，以川為淺而窟穴其中，卒其所以得者餌也。是故君子苟母以利害義，則辱何由至哉？親戚不悅，不感外交，近者不親，不敢來遠；小者不審，不敢言大”（卷三十五，曾子，疾病）。

Phiên âm:

110

Tăng tử viết: “Quân tử chi vụ (1), cái hữu hỹ. Phù hoa (2) phồn nhi thực quả giả, thiên dã; Ngôn đa nhi hành quả giả, nhân dã. Ứng chuẩn (3) dĩ xuất vi ti (4) nhi sào kỳ thượng, ngư miết ngoan đà (5) dĩ xuyên vi thiển nhi quật huyết kỳ trung, tốt (6) kỳ sở dĩ đắc giả, nhĩ dã. Thị cố quân tử cầu mẫu (7) dĩ lợi hại nghĩa, tắc nhục hà do chí tai? Thân thích (8) bất duyệt, bất cảm ngoại giao (9), cận giả bất thân, bất cảm lai (10), viễn; Tiểu giả bất thẩm (11), bất cảm ngôn đại”. (Quyển 35 - Tăng Tử - Tật bệnh).

Chú thích:

- (1) Vụ: Nghĩa vụ, trách nhiệm.
- (2) Hoa: Bông hoa.
- (3) Ứng chuẩn: Loài chim dữ, mắt như mắt chim ưng, bay cực nhanh, tính tình hung tợn, người ta nuôi làm chim săn thỏ.
- (4) Ti: Thấp kém.

- (5) Ngư miết ngoan đà: Chỉ loài cá, loài rùa lớn.
- (6) Tốt: Tối hậu, sau cùng.
- (7) Mẫu: Không phải là.
- (8) Thân thích: Bà con bên nội bên ngoại. Sách *Lễ ký - Khúc lễ thượng* viết: “Cho nên trong xóm làng gọi là hiếu, anh em nội ngoại gọi là từ”. Khổng Dĩnh Đạt thời nhà Đường soạn sách “Chính nghĩa” viết: “Thân chỉ bà con bên nội, thích là bà con bên ngoại”, cũng gọi là “thân quyến”, “thân xuyên”. Đó là chỉ về phía cha phía mẹ.
- (9) Ngoại giao: Với bạn bè, người ngoài trong giao tế qua lại.
- (10) Lai: Mưu cầu, phỏng cầu.
- (11) Bất thẩm: Không rõ ràng, không biết.

Diễn giải:

Tăng Tử nói: “Trách nhiệm của người quân tử, là chống chất! Hoa nở thì nhiều mà kết thành quả đâu được bao nhiêu, đó là hiện tượng thường xảy ra trong tự nhiên, cũng như người đời nói thì rất nhiều mà làm được có bao nhiêu đâu, đó là tập tính bình thường nơi con người. Loài chim ứng cho rằng núi quá thấp nên làm tổ ở tận trên đỉnh núi, Loài rùa cho rằng sông quá cạn, nên đào hang mà ở. Cuối cùng chúng cũng bị con người tìm ra quy luật, đến nơi bắt hết. Thế cho nên người quân tử nếu vì có lợi mà làm, hại đạo nghĩa thì không làm, dù có bị sỉ nhục đến đâu đi nữa! Người con hiếu không dám kết giao với người lạ, nếu cha mẹ không vui, không dám thân mật với người ở xa nếu người ở gần không hài lòng. Chuyện nhỏ không nắm rõ thì không dám bàn đến chuyện đại sự.

(Theo sách *Tăng Tử - Tật bệnh - Quyển 35*)

Nguyên văn:

— — —

桓公之舉管仲, 穆公之舉百里, 比其德也. 此其國甚僻小, 身至穢汙, 而為政於天下也. 今非比志意也, 比容貌; 非比德行也, 而論爵列, 亦可以卻敵服遠矣! 農夫比粟, 商賈比財, 烈士比義, 是故監門逆旅, 農夫陶人, 皆得與焉, 爵列, 私貴也; 德行, 公貴也. 奚以知其然也? 司城子罕遇乘村人而下, 其對曰: “乘村人也, 奚為下之?”, 子罕曰: “古之所謂良人者, 良其行也; 貴人者, 貴其心也. 今天爵而人, 良其行而貴其心, 吾敢弗敬乎?” 以是觀之, 古之所謂貴, 非爵列也; 所謂良, 非先故也.

(卷三十六, 尸子, 勸學).

Phiên âm:

111

Hoàn Công (1) chi cử (2) Quản Trọng (3), Mục Công (4) chi cử Bách Lý (5), tỹ kỳ đức dã, thử sở dĩ quốc thậm tích tiểu, thân chí uế ô (6), nhi vi cảm ư thiên hạ dã. Kim phi tỉ chí ý (7) dã, tỉ dung mạo: Phi tỉ đức hạnh dã. Nhi luận tước liệt (8), diệc khả dĩ khước địch phúc viễn (9) hỹ! Nông phu tỉ túc, thương giả tỹ tài, liệt sĩ tỉ nghĩa, thị cố giám môn (10) nghịch lữ (11), nông phu đào nhân (12), giai đắc dĩ yên. Tước liệt, tư quý dã; Đức hạnh, Công quý dã, hể dĩ tri kỳ nhiên dã? Ty thành Tử Hãn (13) ngô thừa phong nhân (14) nhi hạ, kỳ bộc viết: “Thừa phong nhân dã, hể vi hạ chi?”. Tử Hãn viết: “Cổ chi sở vị lương nhân giả, lương kỳ hành dã: Quý hân giả, quý kỳ tâm dã. Quý kỳ tâm dã. Kim thiên tước (15) nhi nhập, lương kỳ hành nhi quý kỳ tâm, ngô cảm phát kính hô?”. Dĩ thị quán chi, cổ chi sở vị quý, phi tước liệt nhi nhân, lương kỳ hành nhi quý kỳ tâm, ngô cảm phát kính hô?” dĩ thị quán chi, cổ chi sở vị quý, phi tước liệt dã; sở vị lương, phi tiên (16) cố dã. (**Quyển 36 - Thi Tử - Khuyển học**).

Chú thích:

(1) Hoàn Công: Tức vua Tề Hoàn Công (?-643 trước CN). Làm vua từ năm 685 đến năm 643 (trước CN). Vua Tề Hoàn Công đã tín nhiệm giao cho Quản Trọng điều hành chính phủ, đã từng bước đưa nước Tề làm bá chủ các nước chư hầu.

(2) Cử: Để bạt.

(3) Quản Trọng: (?-645 trước CN), người Dĩnh Thượng (nay là huyện Dĩnh Thượng tỉnh An Huy), mồ côi cha từ nhỏ, nhà nghèo nhưng giao thiệp rộng, được bạn là Bào Thúc Nha tiến cử làm chức Thượng khanh (Thừa tướng) nước Tề, phụ tá cho vua Tề Hoàn Công đưa nước Tề lên vai trò bá chủ đầu tiên thời Xuân Thu. Sách *Quốc ngữ - Tề ngữ - Quản Tử* viết về Quản Trọng còn lại đến ngày nay.

(4) Mục Công: Tức vua Tần Mục Công (?-621 trước CN), tính Doanh, tên Nhiệm Hảo, tại vị 39 năm, được công nhận là một trong ngũ bá thời Xuân Thu.

(5) Bách Lý: Tức ông Bách Lý Hề, còn được gọi là Bách Lý Tử hoặc Bách Lý, người xứ Uyển nước Sở (nay là Nam Dương, tỉnh Hà Nam, có thuyết cho rằng Bách Lý Hề người nước Ngô (nay là miền bắc huyện Bình Lục, tỉnh Sơn Tây), Khi nước Tấn diệt nước Ngô, Bách Lý Hề bị bắt làm tù binh, làm nô lệ cho vợ vua Tần Mục Công, bị dẫn độ về nước Tấn. Về sau Bách Lý Hề trốn thoát nhưng lại bị người Sở bắt giam. Vua Tần Mục Công biết Bách Lý Hề có tài, bèn cho người chuộc Bách Lý Hề bằng 5 tấm da dê màu đen, vua Tần mời Bách Lý Hề chấp chính, thành một nhà chính trị nổi tiếng cùng Tần Mục Công đưa nước Tần lên hàng bá chủ, người đời gọi ông là “ngũ cổ đại phu” (5 tấm da dê đen).

(6) Uế ô: Tỉ hạng người ti tiện, thấp hèn.

(7) Chí ý: Ý tưởng, ý chí.

(8) Tước liệt: Tức tước vị.

(9) Phục viễn: Khiến các nước ở xa đến thần phục.

(10) Lâm môn: Tên một chức quan, gác cổng cung điện và giữ các việc bảo vệ.

(11) Nghịch lữ: Chỉ người sống vô định.

(12) Đào nhân: Thợ làm đồ gốm.

(13) Tư thành Tử Hãn: Tư thành là tên một chức quan nước Tống thời Xuân Thu, còn có tên là Tư không, vì tên húy của vua Tống Vũ Công là Biện Không, nên đổi chức Tư không thành Tư thành. Tử Hãn là một viên quan nước Tống thời Xuân Thu, làm chức Tư thành thời Tống Bình Công. Có thuyết cho rằng Tử Hãn là con vua Trịnh Mục Công, tên quan đại phu nước Trịnh.

(14) Phong nhân: Tên chức quan thời cổ, tức chức quan biên phòng. Sách “Chu lễ gọi sở thuộc quan Tư đồ có phong nhân, chuyên quản việc sửa chữa xây dựng cung điện nhà vua. Phong quốc nghĩa là đất đai cây cối, đô ấp nơi cương giới bốn châu. Thời Xuân Thu các nước chư hầu đều thiết lập phong nhân, chuyên giữ biên giới, đồng thời quan lo việc xây dựng cung điện cũng gọi là phong nhân.

(15) Thiên tước: Thiên chức tôn quý, chỉ sự tu dưỡng đạo đức cao thượng. Sách “Mạnh Tử - Cáo Tử thượng” viết: “Nhân nghĩa trung tín, lạc thiện không mệt, là trời ban cho”. Vì đạo đức cao nên được mọi người tôn kính, tước vị cao, nên gọi là trời ban [thiên tước].

(16) Tiên: Ở trên, ở trước.

Diễn giải:

Vua Tể Hoàn Công dùng Quản Trọng làm Tể tướng, vua Tần Mục Công để bạt Bách Lý Hề làm Thừa tướng, đều đã tham khảo biết được tài đức của hai người ấy. Hai nước ấy thuộc loại nước nhỏ, ở bên rìa, xa trung tâm và còn lạc hậu, thân phận địa vị trong các chư hầu rất là thấp, mà danh tiếng của hai nước ấy lại được cả thiên hạ biết đến. Còn ngày nay, không nghe thấy bàn chuyện chí khí nội hàm, mà bàn về hình thức dung mạo bề ngoài, không bàn chuyện đức hạnh tốt hay xấu, mà bàn đến chuyện tước vị cao hay thấp, cho rằng làm vậy cũng khiến kẻ địch phải lui quân, cũng được các nước xa tìm đến thần phục hay sao chứ! Nông dân lo việc chọn cây trồng vật nuôi, nhà buôn thì chọn hàng hóa để tích lũy nhiều ít. Bậc chí sĩ trung liệt thì chọn lời nói, hành vi phù hợp

với đạo trung nghĩa. Thế mà, ngày nay đến người giữ cổng, người sống trôi nổi rày đây mai đó, người nông dân, người thợ thuyền đều tham gia bàn về tước vị. Quan tước địa vị cao thấp là của cá nhân, mà ngôn hành phẩm đức tốt xấu được nhiều người công nhận mới thật sự đáng quý. Làm sao biết được điều đó? Quan Tư thành là Tử Hãn đi thanh tra các quan quản lý biên giới, thường xuống ngựa, xuống xe. Lính hầu của ông hỏi: “Đại nhân là một vị quan cao nhất ở đây, cấp trên của các quan viên nơi biên giới, tại sao đại nhân lại phải xuống ngựa, xuống xe?” Tử Hãn trả lời: “Thời cổ cho rằng người hiền lương là người có tâm địa cao quý, hành vi lương hảo, không vì chuyện chức quan cao hay thấp”.

(Theo sách **Thi Tử - Khuyến học - Quyển 36**)

Nguyên văn:

一一二

人君貴於一國，而不達於天下；天子貴於一世，而不達於後世。而唯德行與天地相弊也。爵列者德行之舍也，其所息也。“詩”云：“蔽芾甘棠，勿剪勿敗，召伯所憩”，仁者之所息，人不敢敗也。天子諸侯，人之所以貴也，桀紂處於則賤矣。是故曰：“爵列非貴也”。今天下貴爵列而賤德行，是貴甘棠而賤召伯也，亦反矣。夫德義也者，視之弗見，聽之弗聞，天地以正，萬物以遍，無爵而貴，不祿而尊也。（卷三十六，尸子，勸學）。

Phiên âm:

112

Nhân quân (1) quý ư nhất quốc, nhi bất đạt ư thiên hạ; Thiên tử (2) quý ư nhất thế, nhi bất đạt ư hậu thế, duy đức hạnh dĩ thiên địa tương tệ (3) dã. Tước liệt giả, đức hạnh chi xá (4) dã, kỳ sở tức dã. “Thi” viết: “Tể phất cam đường, vật tiển vật bại, Thiệu Bá sở khế (5)”. Nhân giả chi sở tức, nhân bất cảm bại dã. Thiên tử chư

hầu, nhân chi sở dĩ quý dã, Kiệt Trụ xử chi tắc tiện hỹ. Thị cố viết: “Tước liệt phi quý dã”. Kim thiên hạ quý tước liệt nhi tiện đức hạnh, thị quý cam đường nhi tiện Thiệu Bá dã, diệc phản hỹ. Phù đức nghĩa dã giả, thị chi [hất liến, thính chi phát văn, thiên địa dĩ chính, vạn vật dĩ biến. Vô tước nhi quý, bất lộc nhi tôn dã. (**Quyển 36 - Thi Tử - Khuyến học**).

Chú thích:

- (1) Nhân quân: Túc vua, là chủ của một nước thời phong kiến. Sách “Mạnh Tử - Lương Huệ vương thượng” viết: “Mạnh Tử thấy vua Lương Tương vương đi ra nói với người ta: “Nhìn xa thấy chẳng ra vua...”
- (2) Thiên tử: Thời cổ gọi ông vua thống trị cả thiên hạ là thiên tử, là “con trời” được trời giao cai trị cả thiên hạ.
- (3) Đức hạnh dữ thiên địa tương tộ: Chỉ đức hạnh trái với trời đất.
- (4) Xá: Nơi ở.
- (5) Tế phát cam đường, vật tiến vật bại, Thiệu Bá sở khế: Thiệu Bá là con thứ của vua Chu Văn Vương được phong ở đất Thiệu (nay là miền tây nam huyện Kỳ Sơn, tỉnh Thiểm Tây), nên gọi ông là Thiệu Bá, còn gọi là Thiệu Công, Thiệu Khang Công, ông thương nông dân bận rộn vất vả, nên tổ chức xử án ngay dưới cây cam đường, nên được nhân dân sùng kính ngưỡng mộ, họ không chặt phá mà dưỡng cây cam đường cao lớn, tàng lá sum suê và thường đến nghỉ ngơi ở đó. Khế nghĩa là nghỉ ngơi.

Diễn giải:

Đối với nhân dân trong một nước chư hầu thì nhà vua rất được tôn quý, nhưng không được cả thiên hạ tôn quý; Còn thiên tử thì được nhân dân trong thiên hạ tôn quý, nhưng không kéo dài đến các đời sau. Chỉ vì đức hạnh trái với trời đất. Tước vị nên là thể hiện của đức hạnh, là nơi đức hạnh ngưng tụ. *Kinh Thi* viết: “Cây Cam Thường tươi tốt, đừng chặt phá nó, cũng không nên để cây khô héo, vì nơi đó ông Thiệu Bá đã từng nghỉ ngơi”. Nơi mà bậc nhân giả nghỉ ngơi, chúng ta không nên hủy hoại hoa quả. Thiên tử và các vua chư

hầu, mọi người đều rất tôn quý họ, nhưng bạo chúa như vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương Ân, ngồi ở địa vị tột đỉnh mà bị mọi người xem là hạng ti tiện. Cho nên nói: “Quan dẫu vinh hiển cũng chưa chắc cao quý một cách chân chính đâu! Ngày nay, người trong thiên hạ đua nhau tôn sùng người quan cao tước lớn, mà coi nhẹ phẩm hạnh đạo đức, như thế vẫn coi trọng chuyện cây Cam Thường mà coi thường ông Thiệu Bá, đó là chuyện ngược đời, gốc ngọn đảo lộn. Đạo đức nhân nghĩa, tuy mắt chẳng thể nhìn thấy, tai chẳng thể nghe được, nhưng đem giáo hóa thiên hạ thì xã hội yên trị, vạn sự vạn vật nhờ đó mà sinh trưởng tươi tốt. Nó chẳng phải có tước vị cao quý, cũng chẳng có quan chức bổng lộc tôn quý.

(Theo sách **Thi Tử - Khuyến học - Quyển 36**)

Nguyên văn:

一一三

天下之善者，唯仁也。夫喪其子者，苟可以得之，無擇人也。仁之於善也亦然。是故堯舉舜於畎畝，湯舉伊尹於雍人，內舉不避親，外舉不避讎。仁者之於善也，無擇也，無惡也，唯善之所在，堯問於舜曰：“何事”舜曰：“事天”平地而注水水流濕；均薪而施火，火從燥，召之類也。是故堯善而眾美至焉，桀為非而眾惡至焉。（卷三十六，尸子，仁意）。

Phiên âm:

113

Thiên hạ chi thiện giả, duy nhân dã. Phù tang chi tử giả, cầu (1) khả dĩ đắc chi, vô trạch nhân dã. Nhân giả chi ư thiện dã diệc nhiên. Thị cổ Nghiêu cử (2) Thuấn ư khuyến mẫu (3), Thang cử Y Doãn (4) ư Ứng nhân (5), nội cử bất tỵ thân, ngoại cử bất tỵ thù. Nhân giả chi ư thiện dã, vô trạch dã vô ố dã, duy thiện chi sở tại. Nghiêu vấn ư Thuấn viết: “Hà sự?, Thuấn viết: “Sự thiên” bình địa

nhi chú thủ, thủy lưu thấp; quân tân nhi thí hỏa, hỏa tòng táo, Thiệu (9) chi loại dã. Thị cố Nghiêu vi thiện nhi chúng mỹ chí yên, Kiệt (10) vi phi nhi chúng ố chí yên. (**Quyển 36 - Thi Tử - Nhân ý**).

Chú thích:

- (1) Cầu: Như quả, nếu.
- (2) Cử: Để cử.
- (3) Khuyển mẫu: Ruộng đất, chỉ thôn quê, dân gian. Khuyển 畎 nghĩa là ruộng nước trong đồng ruộng. Mẫu nghĩa là bờ ruộng.
- (4) Y Doãn: Làm Thừa tướng nhà Thương thời kỳ đầu, được vua Thành Thang phong.
- (5) Ung nhân: Người giết mổ, nấu ăn thời cổ.
- (6) Nội cử bất tỵ thân, ngoại cử bất tỵ thù: Tiến cử người hiền tài ra làm việc nước không kể người ấy là thân thích của mình, hay kẻ thù của mình. Tích này lấy từ sách *Tả truyện* viết: “Vua Tấn Bình Công hỏi đại thần là Kỳ Hoàng Dương, ai là người tài năng? Kỳ Hoàng Dương, không phe cánh, không riêng tư, nên lập trường công chính, để cử con trai của kẻ thù của mình.
- (7) Ố: Thù ghét.
- (8) Tần: Củi đun bếp.
- (9) Thiệu: Gọi đến.
- (10) Kiệt: Vua cuối triều nhà Hạ, tàn bạo, vô đạo.

Diễn giải

Việc thiện lớn nhất trong thiên hạ chỉ có nhân ái mà thôi. Người bị lạc mất con thì quyết tìm con cho được dù phải nhảy vào chỗ nguy hiểm chết người, bậc vua nhân giả tìm cầu bầy tôi tài năng, đạo đức cũng giống như vậy. Vì thế, vua Nghiêu phải tìm đến nơi sơn dã mới phát hiện ra ông Thuấn, vua Thương Thang đi đến tìm nhà bếp của đám nô lệ làm lụng mới phát hiện ra ông Y Doãn. Việc tiến cử hiền tài không kể người ấy là thân thích của mình, hay kẻ thù của mình. Đối với việc tuyển trạch, thì người

nhân đức không hề phân biệt thân sơ, kiêng kỵ, thương ghét của cá nhân mình mà chỉ tham khảo, thử thách tài năng và đạo đức của người ấy. Vua Nghiêu hỏi ông Thuấn: “Người thiện theo nhân nghĩa thì phải làm như thế nào?” Ông Thuấn trả lời: “Phải làm theo quy luật của tự nhiên”. Trên mặt đất, nước tự nhiên chảy vào nơi thấp, trong một đồng củi, khi châm lửa, tự nhiên lửa sẽ bắt cháy nơi các nhánh củi khô. Đó cũng là đạo lý của con người, người ta theo về với ông vua đáng tin hơn hết. Thế cho nên, vua Nghiêu thường xuyên tu thiện, thu hút nhiều người tài đức, còn vua Kiệt nhà Hạ thì chỉ thu hút toàn bọn tà ác mà thôi.

(Theo sách **Thi Tử - Nhân ý - Quyển 36**)

Nguyên văn:

一一四

堯先親九族，文王刑于寡妻。物莫不由及外。由大信而結，由易簡而上安，由仁厚內而下親。今諸侯王國之制，無一成之田，旅之眾，獨坐空宮之中，民見其面。其所以防禦之備，甚於仇讎，內無公族，外無藩屏之援，是以兄弟無睦親之教，百姓無光明之德。敝薄之俗興，中厚之禮衰；近者不親，遠者不附；人主孤立於上，而本根無庇蔭之助，此天下之大患也。（卷五十，袁子正書，悅近）。

Phiên âm:

114

Nghiêu tiên thân cữu tộc (1), Văn Vương hình (2) vu quả thê (3). Vật mạc bất do nội cập ngoại. Do đại tín (4) nhi kết, do dị giản nhi thượng an, do nhân hậu nhi hạ thân. Kim chư hầu vương quốc chi chế, vô nhất thành (5) chi điển, nhất lữ chi chúng, độc tọa không cung chi trung, dân mạc kiến kỳ diện. Kỳ sở dĩ phòng ngự chi bị, thậm ư cữu thù (6), nội vô công tộc (7) chi phụ, ngoại vô

phiên bình (8) chi viện, thị dĩ huynh đệ vô mục thân (9) chi giáo, bách tính vô quang minh (10) chi đức. Tệ bạc (11) chi tục hưng, trung hậu chi lễ suy; cận giả bất thân, viễn giả bất phụ; nhân chủ cô lập ư thượng, nhi bản căn (12) vô tí ấm (13) chi trợ, thủ thiên hạ chi đại hoạn dã. (**Quyển 50 - Viên Tử chính thư - Duyệt cận**).

Chú thích:

- (1) Cửu tộc: Tham kiến chú thích (4) bài 66.
- (2) Hình: Điển phạm, pháp thức.
- (3) Quả thê: Vợ chính, nói khiêm: Thê ít đức. Sách *Kinh Thi - Đại nhã - Tư Tế* viết: “Hình vu quả thê, chí vu huynh đệ, dĩ ngữ vu gia bang”.
- (4) Đại tín: Được bách tính trong thiên hạ tin phục.
- (5) Nhất thành: Thời cổ gọi mười dặm vuông là nhất thành.
- (5) Cửu thù: Kẻ thù.
- (7) Công tộc: Cùng tộc với vua các nước chư hầu.
- (8) Phiên bình: Tỷ dụ viên quan quan trọng bảo vệ quốc gia.
- (9) Mục thân: Chỉ người thân trong dòng họ.
- (10) Quang minh: Chỉ nghi phạm phong thái của bậc hiền giả.
- (11) Tệ bạc: Suy sụp.
- (12) Bản căn: Tỷ dụ chỉ hoàng thất (cung vua).
- (13) Tí ấm: Bảo hộ.

Diễn giải:

Đế Nghiêu gần gũi hòa mục với những người bà con trong cửu tộc, gia đình của mình trước hơn hết, còn vua Chu Văn Vương thì lấy hành vi của mình, vợ con mình làm gương cho mọi người. Làm việc cũng nên bắt đầu từ trong ra ngoài thì mới thành công. Từ việc tin tưởng nhân dân nghe theo dân mà quy tụ dân tâm, từ chuyện làm việc rõ ràng, ngay thẳng khiến cho vua mình an định, từ thái độ làm việc nhân ái giàu đức khiến bách tính nhiệt thành ủng

hộ. Chế độ của các vương quốc chư hầu hiện thời, đặc biệt là các chư hầu nhỏ yếu chưa tới 10 ngàn mẫu ruộng đất, chưa tới 500 sĩ tốt, một mình trong cung điện vắng vẻ, nhân dân chẳng hề thấy mặt vua mình. Nhà vua để phòng các chư hầu còn hơn để phòng quân địch, cho đến khi có địch mà trong nội bộ họ hàng và đại thân không giúp rập, bên ngoài các chư hầu không cứu viện, thì mới thấy rõ chuyện giáo hóa thân ái hòa mục với anh em họ hàng, chuyện cảm hóa người hiền tài trong bách tính là quan trọng như thế nào. Vì vậy, tình trạng sa sút của phong tục, tình trạng lễ nghĩa trung hậu bị mai một dần, chẳng thân mật với người gần bên, chẳng được người ngoài xa quy phụ, nhà vua cô độc không được ai giúp rập, hoàng thất không được bảo hộ, đó là điều đáng lo nhất trong việc cai trị.

(*Theo sách Viên Tử chính thư - Duyệt cận - Quyển 50*).

Nguyên văn:

一一五

聖人者以仁義為本，以大信持之，根深而基厚故風雨不愆伏也。（卷五十，袁子正書，悅近）。

Phiên âm:

115

Thánh nhân giả dĩ nhân nghĩa vi bản, dĩ đại tín trì chi (1), căn thâm nhi cơ hậu, cố phong vũ bất khiên phục (2) dã. (**Quyển 50 - Viên Tử chính thư - Duyệt cận**).

Chú thích:

(1) Trì chi: Hộ trì nhân nghĩa.

(2) Khiên phục: Chỉ âm dương không được điều hòa, khí hậu thất thường, nóng lạnh trái quy luật. Khiên tức là khiên dương chỉ suốt ngày trời quá nóng. Phục tức là phục âm, chỉ mùa hạ mà trời lạnh.

Diễn giải:

Bậc Thánh nhân lấy nhân nghĩa làm căn bản, giữ chữ tín với thiên hạ để hộ trì nhân nghĩa, căn cơ thâm hậu, cho nên mưa thuận gió hòa, thiên hạ thái bình.

(Theo sách Viên Tử chính thư - Duyệt cận - Quyển 50)

Nguyên văn:

一一六

聖人既竭(1)目力焉,繼(2)之以規矩準繩(3),以為方圓;既竭耳力焉,繼之以六律正五音;既竭心思焉,繼之不忍人之政,而仁覆天下也。(卷三十七,孟子,離婁).

Phiên âm:

116

Thánh nhân ký kiệt (1) mục lực yên, kế (2) chi dĩ quy củ chuẩn thẳng (3), dĩ vi (4) phương viên; ký kiệt nhị lực yên, kế chi dĩ lục luật (5) chính ngũ âm (6); ký kiệt tâm tư (7) yên, kế chi dĩ bất nhẫn nhân chi chính, nhi nhân phúc (8) đại ha dã. (Quyển 37 - Mạnh Tử - Ly lâu).

Chú thích:

- (1) Kiệt: Hết sức.
- (2) Kế: Tiếp theo, theo sau.
- (3) Chuẩn thẳng: Đo lường vật thể theo mặt vuông góc, ý nói theo nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn mà định đoạt. Trắc nghĩa là xác định độ cao bằng ống thủy. Thẳng nghĩa là dây mực xác định đường thẳng.
- (4) Vi: Làm, chế tác.
- (5) Lục luật: Là dương luật gồm 6 luật hoàng chung, thái thốc, cô tẩy, nhuy tân, di tắc, vô xạ trong 12 cổ luật. Sách Kinh Thư - Ích tắc viết

“Dư dục văn lục luật, ngũ thanh, bát âm tại trị hốt dĩ xuất nạp ngũ ngô, nữ thính”. Sách *Sử ký - Luật thư* viết: Vương giả chế sự lập pháp, vật độ quỹ tắc, nhất bảm ư lục luật, lục luật vi vạn sự căn bản yên”.

(6) Ngũ âm: Là 5 âm giai: Cung, thương, giác, trung, vũ. Theo cổ nhạc Trung Hoa. Sách *Chu lễ - Xuân quan - Đại sử* viết: “Giai văn chi dĩ ngũ thanh: Cung thương, giác, trung, vũ”.

(7) Tâm tư: Tham khảo năng lực, tài năng.

(8) Phúc: Phổ biến, khắp nơi.

Diễn giải:

Bậc Thánh nhân sau khi quan sát kỹ lưỡng, rồi mới dùng khuôn tròn, thước gấp, dây nhợ để vẽ ra các hình trạng vuông tròn, sau khi lắng nghe hết các ý kiến rồi mới dùng lục luật để hiệu chỉnh ngũ âm. Rồi sau khi suy tư tính toán thật kỹ mới đem thi hành các chính sách nhân đạo không để phương hại đến con người, làm sao cho chính sách nhân chính ấy, có thể làm cho nhân dân chịu ơn sâu nặng nhất.

(Theo sách **Mạnh Tử - Ly lâu - Quyển 37**)

Nguyên văn:

一一七

孔子曰：“仁遠乎哉？我欲仁，斯仁至矣遠乎哉？我欲仁至矣”。此之謂也。若子方惠及於老馬，西巴不忍而放麩，皆仁之端也。推而廣之，可以及乎遠矣。（卷四十九傳子）。

Phiên âm:

117

Khổng Tử viết: “Nhân viễn hồ tai? Ngã dục nhân, tư nhân chí hỹ”. Thử chi vị dã. Nhược Tử Phương (1) huệ cập ư lão mã, Tây Ba (2) bất nhẫn nhi phóng nghê (3), giai nhân chi đoan dã. Thôi nhi quảng chi, khả dĩ cập hồ viễn dã”. (**Quyển 49 - Truyền Tử**).

Chú thích:

(1) Tử Phương: Điền Tử Phương, người nước Ngụy vào sơ kỳ thời Chiến Quốc, là học trò của Tử Cống, một học trò của Khổng Tử, Tử Phương thuyết phục Văn Hầu về thao thủ đạo đức, Văn Hầu bái Tử Phương làm thầy. Có một lần Điền Tử Phương đi ra ngoài, thấy một con ngựa già bị cột đứng dưới gốc cây bên đường, không có cỏ ăn nước uống, Tử Phương động lòng thương mới hỏi người đánh xe, sao người ta bỏ đói bỏ khát con ngựa ở đó? Người đánh xe cho biết, con ngựa ấy đã già nua không còn kéo xe được nữa nên chủ của nó cột đó chờ người đến mua. Điền Tử Phương đem lòng thương con ngựa già, khi trẻ khoẻ người ta sử dụng, khi già lão thì bị vất bỏ. Đó không phải hành vi của con người có nhân có đức.

(2) Tây Ba: Tần Tây Ba là gia thân của Mạnh Tôn Thị, một quý tộc nước Lỗ. Có một lần Mạnh Tôn Thị đi săn bắt được một con hươu con, giao cho Tần Tây Ba đem về giết thịt, Con hươu mẹ chạy theo Tần Tây Ba kêu khóc, Tây Ba thấy thương mẹ con hươu bèn thả cho mẹ con chạy thoát.

(3) Nghê: Hươu con.

Diễn giải:

Đức Khổng Tử nói: “Đức nhân chẳng lẽ ở xa vậy sao? Chỉ nên tự mình truy cầu đức nhân, thì đức nhân tự đến với mình”. Lời thầy Khổng nói rất có ý nghĩa. Ngày xưa Điền Tử Phương cảm thấy bất nhẫn mà chuộc chú ngựa già về nuôi dưỡng, Tần Tây Ba cũng vì thấy lòng bất nhẫn mà phóng thích chú hươu con về với mẹ nó, đó là sự kiện mở đầu cho người có đức nhân ái. Đem các tấm lòng nhân ái như vậy mở rộng ra, càng có thể ân huệ phổ cập càng dài xa.

(Theo sách Truyền Tử - Quyển 49)

Nguyên văn:

一一八

古者，逐奔不遠，從綏不及所以示君子且有禮。不遠則難誘，不及則難陷。以禮為固，以仁為勝，既勝之後其教可復，是以君子貴之也。（卷三十三，司馬法）。

Phiên âm:

118

Cổ giả, trục bôn bất viễn (1), tùng tuy bất cập (2), sở dĩ thị quân tử thả hữu lễ. Bất viễn tắc nan dụ (3), bất cập tắc nan hãm (4). Dĩ lễ vi cố (5) dĩ nhân vi thắng (6), ký thắng chi hậu, kỳ giáo (7) khả phục, thị dĩ quân tử quý (8) chi (9) dã. (Quyển 33 - Tư mã pháp).

Chú thích:

(1) Trục bôn bất viễn: Truy đuổi quân địch bị đánh bại bỏ chạy chưa xa. Sách *Tư mã pháp* viết: “Truy đuổi không xa hơn một trăm bước”, tức nói không xa.

(2) Tùng tuy bất cập: Phóng ngựa, dong xe truy đuổi địch quân, không nhất định là đuổi kịp. Sách *Tư mã pháp* viết: “Tùng tuy bất quá tam xá”, tức truy đuổi quân giặc không quá 3 ngày, cộng 90 dặm, mỗi ngày chạy 30 dặm. Bất cập nghĩa là truy đuổi không kịp.

(3) Dụ: Dối trá, lừa đảo.

(4) Hãm: Hồ bẫy, hãm núp.

(5) Dĩ lễ vi cố: Tức mục tiêu thủ thế ở việc tranh thủ công lý trong chiến tranh. Cố nghĩa là khẳng khái tranh thủ công lý.

(6) Dĩ nhân vi thắng: Tức mục đích của chiến tranh là tự cứu và cứu người. Đạt được tự cứu và cứu người là chủ nghĩa bác ái, mới là tranh thủ mục đích của thắng lợi.

(7) Kỳ giáo: Chỉ pháp giáo hóa dạy dân trong sách *Tư mã pháp*.

(8) Quý: Sùng thượng, kính mến, tôn kính.

(9) Chi: Đại từ, chỉ pháp giáo hóa dạy dân.

Diễn giải:

Người xưa đánh nhau, khi kẻ địch bại trận trốn chạy thì không truy đuổi quá xa, truy đuổi kẻ bại trận không cầu bắt giữ chúng, biểu hiện cái gọi là lễ nhượng của người quân tử. Truy đuổi không xa còn không để bị mắc kế dụ địch, có thể bị sa vào hố bẫy của đối phương. Trong chiến tranh còn phải biết giữ thế bằng cách dùng công lý làm mục tiêu, Trong chiến đấu phải tuyên truyền chủ nghĩa bác ái “tự cứu và cứu người” cho mục tiêu chiến thắng. Sau khi chiến thắng, đương nhiên phục dựng việc giáo hóa lễ nhượng, nhân ái, điều mà người quân tử rất trọng thị trong sự nghiệp giáo hóa của mình.

(Theo sách **Tư mã pháp - Quyển 33**).

Nguyên văn:

一一九

農夫之耨，去害苗者也；賢者之治，去害義者也。慮之無益於義而慮之，此心之穢也；道之無益於義而道之，此言之穢也；為之無益於義而為之，此行之穢也。（卷三十六，尸子，恕）。

Phiên âm:

119

Nông phu chi nậu (1), khứ hại miêu giả dã; Hiền giả chi trị, khứ hại nghĩa giả dã. Lự chi vô ích ư nghĩa nhi lự chi; Thử tâm chi uế dã; Đạo (2) chi vô ích ư nghĩa nhi đạo chi, thử ngôn chi uế dã; Vi chi vô ích ư nghĩa nhi vi chi, thử hành chi uế dã”. (**Quyển 36 - Thi Tử - Thứ**).

Chú thích:

(1) Nậu: Làm cỏ, trừ cỏ nhỏ cỏ.

(2) Đạo: Bảo rằng.

Diễn giải:

Nhà nông bừa cho chết cỏ trước khi cấy lúa, vì cỏ dại một khi lớn lên sẽ gây hại cho cây lúa. Nhà cai trị thì trừ bỏ các hành vi làm tổn hại đạo nghĩa. Các tư tưởng không có ích cho đạo nghĩa thì cũng nên dẹp bỏ đi, vì các tư tưởng ấy chỉ làm tâm lý bị ô uế: Lời nói không hữu ích cho đạo nghĩa mà cứ nói ra với người ta thì ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ ô uế. Làm những việc không hữu ích cho đạo nghĩa mà cứ làm, thì hành vi ấy là hành vi ô uế.

(Theo sách **Thi Tử - Thứ - Quyển 36**)

Nguyên văn:

四：誠信

—二〇

(象)曰：“中孚，柔在內，而剛得中，悅而巽，孚，乃化邦也。
(卷一，周易)。

Phiên âm:

TỬ: THÀNH TÍN

120

(Thoán) (1) viết: “Trung phù (2), nhu tại nội (3), nhi cương đắc trung, đoái nhi tổn. Phù, nãi hóa bang dã (4). (**Quyển 1 - Chu dịch**).

Chú thích:

(1) Thoán, thoán truyện, là một bộ phận của “Dịch truyện”, dùng để diễn giải 64 lời quẻ (quái từ). Sách *Chu dịch* gồm có *Thượng kinh* có 30 quẻ và *Hạ kinh* có 34 quẻ, tương truyền do Chu Văn Vương biên soạn thành sách ước vào thời Tây Chu. Sách *Chu Dịch* bằng chữ hàm nghĩa đến thời Xuân Thu Chiến Quốc

không dễ thông thạo. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc tuyển soạn các thiên chương thành sách là: *Thoán truyện*, *Thượng hạ lưỡng thiên*, *Tượng truyện*, *Thượng hạ lưỡng thiên*, *Hệ từ truyện*, *Văn ngôn truyện*, *Tự quái truyện*, *Thuyết quái truyện*, *Tạp quái truyện*, dùng để diễn giải, xiển thuật sách *Chu Dịch*.

(2) Trung phù: Tền quẻ, quẻ Trung phù, [phong trạch trung phù], ý chỉ nội tâm thành tín.

(3) Nhu tại nội, nhi cương đắc trung, duyệt nhi dị, phù: Nhu chỉ hào lục tam, lục tứ, hai hào âm nằm giữa quẻ “phong trạch trung phù”. Cương chỉ hai hào cửu nhị, cửu ngũ. Đó là dùng kết cấu của 4 hào trung gian để diễn giải trung phù. Theo chính thể của toàn quẻ thấy lưỡng âm nằm ở chính giữa như “trung hư” chí thành, nhìn quẻ từ trên xuống dưới, thấy lưỡng dương phân xử ở giữa, là tượng “trung thực” đáng tin. Cho nên gọi là “trung phù”. Đoài, Tốn là tên hai quẻ, quẻ đoài là phương tây, đoài vi trạch, tốn là cây là gió. Phù nghĩa là tin.

(4) Nãi hóa bang dã: Thành tín từ trong tâm thì bang quốc hóa ở ngoài nên nói “nãi hóa bang dã”. Bang nghĩa là đất phong cho mỗi chư hầu thời cổ đại, đất rộng gọi là “bang”, đất nhỏ gọi là “quốc”.

Diễn giải:

(*Thoán truyện*) của *Kinh Dịch* viết: “Quẻ Phong trạch trung phù chỉ người trong bụng thì thành tín, đối nội thì nhu thuận, đối ngoại thì mạnh mẽ cương quyết, âm dương đều đắc vị, trong lòng thanh thản, biểu hiện ra ngoài tính chính trực hòa duyệt mà tốn thuận, đó là tượng vi tế của quẻ phong trạch trung phù. Mà ở đời trong nội bộ tin tưởng thì giáo hóa được vạn bang.

(*Theo sách Chu Dịch - Quyển 1*)

Nguyên văn:

— 二 —

管仲朝, 公曰: “寡人願聞國君之信”. 對曰: “民愛之, 天下親之, 鄰國信之. 此國君之信”. 公曰: “善. 請問信安始而可?” 對曰: “始於為身, 中於為國, 成於為天下”. 公曰: “請問為身?” 對曰: “道血氣以求長年, 長心, 長德, 此為身也. 遠舉賢人, 慈愛百姓, 此為國也. 法行而不苛, 刑廉而不郝, 此為天下也. (卷三十二, 管子, 中匡).

Phiên âm:

121

Quản Tử triều, Công viết: “Quả nhân nguyện văn quốc quân chi tín (1)”. Đối viết: “Dân ái chi, thiên hạ thân chi, lân quốc tín chi, thù quốc quân chi tín”. Công viết: “Thiện (2). Thỉnh vấn tín an thủy (3) chi khả?” “Đối viết: “Thủy ư vị thân, trung ư vị quốc, thành ư vị thiên hạ”. Công viết: “Thỉnh vấn vị thân?” Đối viết: “Đạo (4) huyết khí dĩ cầu trường niên, trường tâm, trường đức, thử vị thân dã. Viễn cử hiền nhân, từ ái bách tính, thử vị quốc dã. Pháp hành nhi bất hà (5), hình liêm nhi bất hách, thử vị thiên hạ dã”. (Quyển 32 - Quản Tử - Trung khuông).

Chú thích:

- (1) Tín: Hành tín, tin tưởng.
- (2) Thiện: Tốt, nói rất hay.
- (3) An thủy: Bắt đầu như thế nào?
- (4) Đạo: Chỉ giáo hóa.
- (5) Hà: Hà khắc.

Diễn giải:

Khi Quản Trọng vào triều, vua Tề Hoàn Công hỏi: “Xin hỏi thầy, làm một ông vua thành tín phải bắt đầu như thế nào vậy?”

Quản Trọng trả lời: “Làm cho nhân dân yêu mến, các nước gần thân cận, nhân dân trong thiên hạ tín nhiệm. Làm được như vậy thì trở thành một ông vua thành tín vậy”. Vua Tề Hoàn Công lại hỏi: “Thầy giảng rất hay. Xin hỏi tiếp muốn thành nhà vua thành tín như thế thì bắt đầu như thế nào?”. Quản Trọng trả lời: “Bắt đầu từ tu dưỡng chính mình, rồi tới quốc gia, cuối cùng là bách tính trong thiên hạ”. Vua Tề Hoàn Công hỏi tiếp: “Bản thân tu dưỡng như thế nào vậy?”. Quản Trọng trả lời: “Trước hết, ăn uống làm việc nghỉ ngơi điều độ để nhà vua được trường thọ, giữ tâm tình bình ổn, giữ cho đức tính lương thiện, đó là tu dưỡng bản thân nhà vua. Khảo sát tìm người tài năng trong khắp thiên hạ, có đức tính nhân từ biết lo cho dân, để bạt họ làm chức vụ tương xứng, đó là vì quốc gia. Luật pháp đưa ra xử dụng không hà khắc nhân dân, Hình pháp không quá giới hạn răn đe, đó là vì thiên hạ, lập nền phước cho bách tính trong thiên hạ”.

(Theo sách **Quản Tử - Trung khuông - Quyển 32**)

Nguyên văn:

一二二

孔子自闞反魯，即駕乎河梁其懸水三十仞而鶴焉。其懸水三十仞，圜流九十里，魚V[敝+魚]弗能游，龍鼉弗能居。有丈夫方將厲之，孔子使人止之，曰：“此懸水三十仞，圜流九十里，魚V[敝+魚]龍鼉弗能居也。意者難可已濟乎！”丈夫不以措意，遂度而出。孔子問之曰：“巧乎！有道術乎？所以能入而出者，何也？”丈夫對曰：“始吾之入也先以忠信；吾之出也，又從以忠信。措吾軀於波流，而吾不可用私。所以能入而復出者，以此也”。孔子謂弟子曰：“二三子識之！水且由忠信親之，而况人乎？”（卷三十四，列子，力命）。

Phiên âm:

122

Khổng Tử tự Vệ phản Lỗ, tức giá (1) hồ hà lương (2) nhi quán yên. Kỳ huyền thủy (3) tam thập nhận (4), viên lưu (5) cửu thập lý, ngư tộ phát năng du, ngoan đà (6) phát năng cư, hữu trượng phu (7) phương tương lệ (8) chi, Khổng Tử sử nhân chỉ chi, viết: “Thủ huyền thủy tam thập nhận, viên lưu cửu thập lý, ngư tộ ngoan đà phát năng cư dã, Ý dã nan khả dĩ tế (9) hồ!”. Trượng phu bất dĩ thố ý (10), toại độ nhi xuất. Khổng Tử vấn chi viết: “Xảo hồ! Hữu đạo thuật hồ? Sở dĩ năng nhập nhi xuất giả, hà dã?”. Trượng phu đối viết: “Thủy ngô chi nhập dã, tiên dĩ trung tín; ngô chi xuất dã, hậu tòng dĩ trung tín. Thố (11) ngô khu ưu ba lưu, nhi ngô bất cảm dụng tư. Sở dĩ năng nhập nhi phục xuất xuất giả, dĩ thử dã”. Khổng Tử vị đệ tử viết: “Nhị tam tử thức chi! Thủy thả do khả dĩ trung tín thân chi, nhi hướng nhân hồ? (Quyển 34 - Liệt Tử - Lục mệnh).

Chú thích:

- (1) Túc giá: Dừng xe nghỉ ngơi.
- (2) Hà lương: Qua sông bằng cầu gỗ.
- (3) Huyền thủy: Thác ghềnh.
- (4) Nhận: Đơn vị đo chiều dài thời cổ, một nhận bằng 8 thước, có thuyết cho rằng một nhận bằng 7 thước.
- (5) Viên lưu, hoàn lưu: Bơi qua dòng nước chảy mạnh.
- (6) Ngoan đà: Chỉ loài thủy tộc to lớn sinh sống tại hạ lưu sông Dương Tử, lưu vực Thái Hồ còn có tên là đà long, Dương Tử ngạc (cá sấu Dương Tử).
- (7) Trượng phu: Cách gọi người đàn ông vào tuổi tráng niên.
- (8) Lệ: Để nguyên quần áo bơi qua sông.
- (9) Tế: Bơi.
- (10) Thố ý: Lưu ý, để ý.
- (11) Thố: Để yên đó.
- (12) Thức: Ghi nhớ.

Diễn giải:

Trên đường từ nước Vệ trở về nước Lỗ, đức Khổng Tử cho dừng xe trên cây cầu ván nghỉ ngơi. Ngài ngắm cảnh sông nước cây cối, lại có cả một thác nước cao khoảng 30 nhận (vài trăm mét) rồi xoáy cuộn ngoằn ngoèo 90 nhận nữa, tạo thành dòng nước không loài thủy tộc to như cá gáy, cá sấu bơi lặn trú ẩn được. Có một thanh niên để nguyên quần áo bơi qua khúc sông ấy. Đức Khổng Tử cho học trò đón anh ta lại, ngài hỏi: “Thác nước cao 30 nhận, khúc sông nước xoáy 90 nhận, các loài thủy tộc to lớn không ở được, thì con người bơi qua chắc phải khó lắm nhỉ?”. Thanh niên không hiểu vì sao ông già này cho đón mình, làm cho mình không được bơi qua sông, thanh niên bơi qua sông bình yên, rồi đi đến chỗ đức Khổng Tử. Đức Khổng Tử nói với anh ta: “Thật kỳ diệu! anh có ngón nghề chi hay vậy? Anh nhảy xuống dòng nước xoáy bơi lặn rồi trở lên bình an là nhờ đâu?”. Thanh niên trả lời: “Khi tôi nhảy xuống dòng nước xoáy, tôi tâm niệm giữ lòng tôi trung tín, khi từ dòng nước xoáy bước lên, tôi cũng giữ tâm niệm trung tín. Ở trong dòng nước xoáy, tôi không dám có tâm thái tự tư vị kỷ, Đó là toàn bộ nguyên nhân để tôi nhảy vào dòng nước xoáy và ra khỏi dòng nước xoáy”. Đức Khổng Tử nghe xong, bảo các học trò của mình: “Các con phải ghi nhớ đạo lý này. Với dòng nước cũng có thể dùng đức trung tín để làm thân với nó, hướng gì với con người?”.

(Theo sách **Liệt Tử - Lục mệnh - Quyển 34**)

Nguyên văn:

一二三

冬日之陽，復日之晷，萬物歸之，而莫之使也。至精之感，弗昭自來，不去自往，不知所為者，而功自成。（卷三十五，文子，精誠）。

Phiên âm:

123

Đông nhật chi dương, hạ nhật chi âm, vạn vật quy chi (1), nhi mạc chi sử (2) dã. Chí tinh (3) chi cảm, phát chiêu tự lai, bất khú tự vãn, bất tri kỳ vi giả, nhi công tự thành. (**Quyển 35 - Văn Tử - Tinh thành**).

Chú thích:

- (1) Quy chi: Chỉ từ cuối mùa đông đến cuối mùa hạ tự nhiên biến hóa.
- (2) Mạc chi sử: Do không khiến nó được, không phải ra lệnh cho vạn vật được. Chi là đại từ chỉ vạn vật.
- (3) Chí tinh: Rất tinh thành.
- (4) Chiêu: Kêu, gọi.

Diễn giải:

Ánh nắng mặt trời mùa đông, khí trời mát đêm mùa hạ, vạn vật đều hưởng ứng và hoan hỉ, chẳng có ai ra lệnh cho vạn vật phải như thế. Thế cho nên, cảm ứng của cái tinh thành vi tế, bạn không thể kêu gọi tự nhiên phải thế này phải thế nọ, không thể dùng mệnh lệnh đối với nó được, không biết ai điều khiển mọi chuyện, thần không biết quỷ không hay, không ai điều khiển tự nhiên thành công được cả.

(Theo sách Văn Tử - Tinh thành - Quyển 35)

Nguyên văn:

一二四

待目而照見，待言而使令，其於以治，難矣！皋陶喑而為大理，天下無虐刑；師曠瞽(ổ)而為大宰，晉國無亂政。不言之令，不視之

見，聖人於以為師也。民之不從其言，從其所行也。故人君好勇，而國家多難，人君好色而國多昏亂。（卷三十五，文子，精誠）。

Phiên âm:

124

Đãi (1) mục nhi chiếu kiến, đãi ngôn nhi sử lệnh, kỳ ư dĩ trị, nan hỹ! Cao Dao (2) âm (3) nhi vi đại lý (4), thiên hạ vô ngược hình; Sư Khoáng (5) cổ (6) nhi vi đại tể (7), Tấn quốc vô loạn chính. Bất ngôn chi lệnh, bất thị chi kiến, Thánh nhân sở dĩ vi sư dã. Dân chi hóa thượng, bất tòng kỳ ngôn, tòng kỳ sở hành dã. Cố nhân quan háo dững nhi quốc đa nạn, nhân quân háo sắc nhi quốc đa hôn loạn. (**Quyển 35 - Văn Tử - tinh thành**).

Chú thích:

(1) Đãi: Chờ đến.

(2) Cao Dao: Là trang hiền thần thời đế Thuấn, được vua Thuấn giao lãnh đạo hình pháp [đại lý quan], Cao Dao nổi danh thiên hạ là người chính trực. Sách *Hoài Nam tử - Chủ thuật huấn* viết: “Cho nên người cầm là Cao Dao làm quan Đại lý, thiên hạ không dùng ngược hình,...”

(3) Âm: Chỉ người cầm, không nói được.

(4) Đại lý: Tên chức quan, là quan quán về hình pháp thời cổ, nhà Tần đổi tên là Đình úy, đến thời Hán Cảnh đế gọi là đại lý đến Hán Vũ đế lại gọi là Đình úy, nhà Bắc Tề gọi là Đại ý khanh, thời Tùy Đường về sau theo đó không thay đổi.

(5) Sư Khoáng: Tự là Tử Dã, người Hồng Động, tỉnh Sơn Tây. là nhà âm nhạc thời Xuân Thu. Hi ra đời không có mắt, từng làm quan đại phu cho nước Tấn, tự xưng là “manh thần”. Sách *Tả truyện* viết Sư Khoáng là nhà tư tưởng dân bản, năm Lỗ Tương công thập tứ niên (559 Tr. CN), vua Tấn Diệu Công hỏi Sư Khoáng có ý kiến về việc người nước Vệ đuổi vua. Sư Khoáng nói thẳng: “Phàm vua là chủ của bầy tôi mà cũng là chỗ hy vọng của người dân, nếu vua làm dân khốn khổ, bỏ bê tế thần, nhân dân tuyệt vọng, xã tắc vô chủ, thì vua có đáng là vua không? Chỉ nên đuổi đi chứ làm sao?”

(6) Cổ: Mù.

(7) Đại tể: Tức quan Thái tể, thời cổ là viên quan cầm đầu các quan, tương đương chức Tể tướng sau này. Nhà Ân gọi là Thái tể, nhà Chu gọi là Trúng tể, thời Xuân Thu liệt quốc phần đông bố trí quan Thái tể, chức quyền rất to lớn. Đến thời Tần, Hán Ngụy đều bỏ chức này.

Diễn giải:

Chờ đến khi tận mắt nhìn thấy thì mới rõ được, chờ đến khi lời nói nói ra mới cho là bắt đầu ra mệnh lệnh. Làm như thế mới khiến thiên hạ được an định, là chuyện khó. Ông Cao Dao bị câm nói không ra tiếng, mà làm tới chức quan to nhất trong nước thời ấy. Nhà nước không phải dùng đến hình pháp bạo ngược. Ông Sư Khoáng mù mắt mà làm quan đến chức Đại tể, nhờ ông mà chính trị nước Tần không xảy ra biến loạn. Không cần nói mới truyền đạt được chính lệnh, không cần nhìn tận mắt mới biết tường tận từng chân tơ kẽ tóc, đó là duyên có mà bậc Thánh nhân có thể thi hành chủ trương chính sách có hiệu quả, nhân dân được cảm hóa tự động thi hành, chẳng cần chờ quan nói ra mệnh lệnh, họ tuân theo lối thân giáo của các quan. Vì thế, nhà vua nào ham dùng vũ lực thì đất nước tất nhiều tai, nhiều nạn lắm, còn nếu nhà vua nào ham mê nữ sắc thì tất nhiên đất nước bị chia rẽ loạn lạc.

(Theo sách Văn Tử - Tinh thành - Quyển 35)

Nguyên văn:

一二五

聖人精誠形於內, 好憎明於外, 出言以副情, 發號以明止. 是故刑爵不足以移風, 殺勅不足以禁姦, 唯神化為貴也. (卷三十五, 文子, 道德).

Phiên âm:

125

Thánh nhân tinh thành ư nội (1), hảo tăng minh ư ngoại, xuất ngôn phó tình (2), phát hiệu dĩ minh chỉ. Thị cố (3), hình tước bất túc dĩ di phong (4), sát lục bất túc dĩ cấm gian (5), Duy thần hóa (6) vi quý dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Đạo đức**).

Chú thích:

- (1) Nội: Nội tâm, trong lòng.
- (2) Phó tình: Cùng hòa nơi tình cảm. Phó nghĩa là cùng phối hợp.
- (3) Thị cố: Vì thế.
- (4) Di phong: Thay đổi phong tục xã hội.
- (5) Cấm gian: Làm cho việc ác gian xảo không xảy ra.
- (6) Thần hóa: Âm thầm biến hóa một cách thần diệu.

Diễn giải:

Cái tinh thành của bậc Thánh nhân ở nội tâm, rồi biểu hiện ra ngoài bằng thái độ yêu thiện ghét ác. Lời nói ra cùng hòa ở tình cảm, đưa ra hiệu lệnh nhất thiết phải đúng với yêu chỉ của mệnh lệnh. Bởi vì các hình phạt tàn khốc đều không cải biến phong khí được bao nhiêu, các Yến Tử hình cũng không tiêu trừ hết cái ác, cái gian xảo trong xã hội mà chỉ có âm thầm giáo hóa lâu dài, thì mới là cách thần diệu rất là đáng quý.

(Theo sách Văn Tử - Đạo đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

一二六

夫至精為神。精之所動，若春氣之生，秋氣之殺也。故治人慎所以感也。（卷三十五，文子，精誠）。

Phiên âm:

126

Phù chí tinh (1) vi thân. Tinh chi sở động, nhược xuân khí chi sinh, thu khí chi sát (2) dã. Cố trị nhân giả thận (3) sở dĩ cảm dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Tinh thành).

Chú thích:

- (1) Tinh: Ròng, tinh thực.
- (2) Sát: Tiêu điều, suy tàn, thường dùng để chỉ đến mùa thu mùa đông, khí tượng tiêu điều cây cỏ rơi rụng vàng khô.
- (3) Thận: Chỉ chú ý cẩn thận.

Diễn giải:

Cái tinh thành cao độ có thể đạt đến cõi thần diệu, Tinh thành có thể cảm hóa con người, như mùa xuân khí trời ấm áp khiến cho vạn vật sinh trưởng, còn mùa thu khí trời lạnh lẽo làm cho vạn vật tiêu điều. Vì thế, nhà vua cai trị bách tính nhất định phải hết sức thận trọng trong việc tuyển dụng và cảm hóa.

(Theo sách Văn Tử - Tinh thành - Quyển 35)

Nguyên văn:

一二七

秦, 楚, 燕, 魏之歌, 異轉而皆樂; 九夷, 八狄之哭, 聲而皆哀. 夫歌者, 樂之徵也; 哭者, 哀之效也. 惛惛於中而應於外故在所以感之矣. (卷三十五, 文子, 精誠).

Phiên âm:

127

Tần, Sở, Yên, Ngụy chi ca, dị chuyển (1) nhi giai lạc; Cửu

di bát địch (2) cho khốc, di chuyển nhi giai ai. Phù ca giả, lạc chi trung (3) dã; Khốc giả, ai chi hào dã. Âm âm ư trung (4) nhi ứng ư ngoại, cố tại sở dĩ cảm chi hỹ. (**Quyển 35 - Văn Tử - Tinh thành**).

Chú thích:

- (1) Chuyển: Sự biến hóa của âm luật.
- (2) Cửu di: Chỉ các tộc người miền đông Trung nguyên, gồm 9 chủng. Theo sách *Luận ngữ - Tử Hãn* cú giải 9 chủng người ấy là: Huyền Dật, Lạc Lãng, Cao Ly, Mãn Súc, Phù Canh, Sách Gia, Đông Đồ, Nụy Nhân, Thiên Bỉ.
- (3) Bát địch: Chỉ các bộ lạc nơi miền bắc Trung nguyên. Đông di và Bắc địch được cho là các dân tộc thiểu số.
- (4) Trưng: Biểu hiện, tỏ ra.
- (5) Hiệu: Hiệu nghiệm.
- (6) Âm âm: Âm thầm.
- (7) Trung: Chỉ nội tâm.

Diễn giải:

Ca khúc tại các nước Tần, Sở, Yên, Ngụy nhiều chỗ khác nhau về âm luật nhưng đều thể hiện không khí vui tươi, còn tiếng than khóc của các giống người Đông di Bắc địch, tuy cường độ cao thấp khác nhau, nhưng đều biểu lộ sự đau xót thương nhớ, cho nên ca khúc là tượng trưng của vui sướng, còn tiếng khóc thì biểu hiện của tâm sự đau thương. Tình cảm chất chứa trong lòng, khi phản ánh ra bên ngoài thì dễ khiến người ta cảm động.

(Theo sách **Văn Tử - Tinh thành - Quyển 35**)

Nguyên văn:

一二八

大人行可悅之政，而莫順其令人。令順，即從小而致大，令逆即以善為害，以成為敗。（卷三十五，文子，道德）。

Phiên âm:

128

Đại nhân (1) hành (2) khả duyệt (3) chi chính, nhân nhi mạc bất thuận kỳ lệnh. Lệnh thuận, tức tùng tiểu nhi chí đại; Lệnh nghịch (4), tức dĩ thiện vi hại, dĩ thành vi bại. (Văn Tử - Quyển 35 - Đạo đức).

Chú thích:

- (1) Đại nhân: Người có địa vị cao nhất.
- (2) Hành: Chấp hành, thôi thúc.
- (3) Khả duyệt: Khiến người ta vui lòng, phấn khởi.
- (4) Nghịch: Trái lại.

Diễn giải:

Người đang làm quan thúc đẩy công việc sao cho cấp dưới vui vẻ thi hành, khi chính sách có lợi cho bách tính thì không ai không thuận tùng chấp hành mệnh lệnh của cấp trên. Chính lệnh thuận với nhân tâm, thì quốc gia từ nhỏ sẽ phát triển thành lớn. Còn chính lệnh không được lòng dân, thì dù chính sách có tốt cũng có thể trở thành tai họa, từ thành công biến thành thất bại.

(Theo sách Văn Tử - Đạo đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

一二九

心之精(1)者, 可以神化(2), 而不可以說道. 故同(3)言而信, 信在言前; 同令而行, 行在令外. (卷三十五, 文子, 道德).

Phiên âm:

129

Tâm chi tinh (1) giả, khả dĩ thần hóa (2), nhi bất khả dĩ thuyết đạo. Cổ đồng (3) ngôn nhi tín, tín tại ngôn tiền; Đồng lệnh nhi hành, hành tại lệnh ngoại. (Văn Tử - Quyển 35 - Đạo đức)

Chú thích:

- (1) Tinh: Năm vững, thông hiểu, rõ ràng.
- (2) Thần hóa: Từ từ âm thầm biến hóa một cách thần diệu.
- (3) Đồng: Tương đồng.

Diễn giải:

Người nào trong lòng đã thông suốt thì có khả năng từ từ âm thầm biến hóa một cách thần diệu, mà không cần nghe nói. Vì thế, chưa nghe nói mà tin như đã nghe nói, thi hành như đã nghe lệnh bảo làm như vậy, thi hành không chờ lệnh.

(Theo sách Văn Tử - Đạo đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

—三〇

聖人在上，民化如神，請以先之也。動於上不應於下者，請令殊也。三月嬰兒未知利害而慈母之憂喻焉者情也。故言之用者小，不言之用者大矣。夫信君子之言也；忠，君子之意也。忠信形於內，賢聖之化也感動應乎外，（卷三十五，文子，道德）。

Phiên âm:

130

Thánh nhân tại thượng, dân hóa như thần (1), tình dĩ tiên chi (2) dã. Động (3) ưu thượng, bất ứng (4) ư hạ giả, tình lệnh thù

(5) dã. Tam nguyệt anh nhi, vị tri lợi hại (6), nhi từ mẫu chi ưu (7). Dụ yên (8) giả, tình dã. Cố ngôn chi dụng (9) giả tiểu, bất ngôn chi dụng giả đại hỹ. Phù tín, quân tử chi ngôn dã; Trung, quân tử chi ý (10) dã. Trung tín hình ư nội (11), cảm động ứng hồ ngoại, hiển thánh chi hóa dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Đạo đức).

Chú thích:

- (1) Dân hóa như thần: Hình dung bách tính tiếp thu và thần tốc biến hóa.
- (2) Tình dĩ tiên chi: Ý chỉ việc dùng tình cảm được bách tính cảm động. Chi là đại từ chỉ bách tính.
- (3) Động: Phát động chính lệnh.
- (4) Bất ứng: Không được bách tính hưởng ứng.
- (5) Tình lệnh thù: Ý chỉ chính lệnh không tương đồng với tâm nguyện của bách tính. Thù nghĩa là bất đồng.
- (6) Lợi hại: Lợi ích và tổn hại, ý chỉ tình thế tiện lợi với hiểm yếu.
- (7) Từ mẫu chi ưu: Người mẹ lo lắng, ý nói người mẹ thương lo cho cô bé.
- (8) Dụ yên: Bảo rõ. Yên là đại từ chỉ cô bé.
- (9) Dụng: Công dụng, hiệu dụng.
- (10) Ý: Vốn có ý, bản ý.
- (11) Hình ư nội: Thành tính của mình.

Diễn giải:

Bậc Thánh nhân ở địa vị cao, còn nhân dân nhận được lời dạy thì biến hóa các lời ấy rất nhanh. Đó là vì trước dùng chân tình khiến bách tính cảm động. Người đang có địa vị cao phát động chính lệnh, mà không được bầy tôi và nhân dân hưởng ứng là do chính lệnh không tương đồng với nguyện vọng của quan lại và nhân dân. Một cô bé vừa mới ba tháng tuổi, chưa biết chi là tình thế xã hội tiện lợi hay hiểm yếu, và người mẹ yêu dấu của cô cũng

không thể nào làm cho cô bé biết rõ ràng được, dù người mẹ cố sức đến mấy. Thế cho nên lời thuyết giáo đem lại hiệu quả rất thấp, còn thuyết giáo không qua lời nói lại có tác dụng rất lớn. Chũ Tín, là ngôn ngữ của bậc quân tử; Chũ Trung, là bụng dạ của bậc quân tử. Chũ Trung và chũ Tín phát xuất từ tự tính, bách tính cảm được mà hành động ngoài xã hội. Đó là giáo hóa của bậc Thánh Hiền.

(Theo sách Văn Tử - Đạo đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

五：正己

— 三 —

渙, (象) 曰：“風行水上, 渙”. 九五, 渙汗其大號, 渙王居, 無咎.
(卷一, 易經).

Phiên âm:

NGŨ: CHÍNH KỶ

131

Hoán (1), (tượng) viết: “Phong hành thủy thượng, hoán”. Cửu ngũ (2), hoán hãn kỳ đại hào, hoán chính cư, vô cửu (3). (Quyển 1 - Kinh Dịch).

Chú thích:

(1) Hoán: Quẻ hoán, Nội ☵ Khảm - Nước (水). Ngoại ☳ Tốn - Gió (風). Khảm thủy ở dưới, căn phong ở trên, thành ra phong hành thủy thượng, có ý phân ly giải tán.

(2) Cửu ngũ: Mỗi quẻ trong sách *Kinh Dịch* đều có 6 hào, chũ cửu đại biểu cho hào dương, chũ lục đại biểu cho hào âm. Cửu ngũ chỉ hào thứ 5 là hào dương.

(3) Hoán hãn kỳ đại hào, hoán vương cư, vô cửu: Ba đoạn văn này

cho thấy nên tán phát tỵ tích, nên thu phục nhân tâm, thì được “vô cữu” [không có hại]. Sách *Chu Dịch chính nghĩa* viết: “Hoán hãn kỳ đại hiệu”, có nghĩa là con người quá hiếm nguy, hoảng sợ mà vất vả, tất nhiên đổ mồ hôi, nên dùng tình trạng đổ mồ hôi để ví dụ hiếm nguy vậy. Cửu ngũ ở tình trạng bị dày xéo, đang kêu gào, nên ra hiệu lệnh để hóa giải hiếm nguy vậy, nên nói: “Hoán hãn kỳ đại hào” là vậy. “Hoán vương cư vô cữu” có nghĩa là là nhà vua đang làm việc thì danh vị không thể là người giả được, chỉ có nhà vua ở đó mới không có hại được nên mới nói “Hoán vương cư vô cữu”. Vô cữu chỉ không gặp tai họa.

Diễn giải:

Quẻ Hoán [tên đầy đủ là Phong thủy Hoán], tượng truyện của quẻ này nói: “Tổn là phong, khảm là thủy, gió thổi trên mặt nước, đó là tượng trưng của quẻ Hoán”. Hào cửu ngũ dùng dương cương ở ngôi tôn, được ở chính vị của âm dương, khi ở Hoán thì Hoán pháp hiệu lệnh thiên hạ, có chuyện đổ mồ hôi nhiều mà không phẫn, có nhà vua mới đến đảm đương, thì mới không có lỗi.

(Theo sách *Kinh Dịch - Quyển 1*)

Nguyên văn:

一三二

高密王泰，字子舒，宣帝弟廆之子也。對為隴西王，遷太尉。為人廉靜，不近聲色。身為宰輔，食大國之租，服飾麤素，肴饌疏儉，如布衣寒士。事親恭謹，居喪哀戚，謙虛下物，為宗室儀表。
(卷二十九，晉書上，傳)。

Phiên âm:

132

Cao Mật vương Thái, tự là Tử Thư, Tuyên Đế đệ Quỳ (1), chi tử dã. Phong vi Lũng Tây vương, thiên (2) Thái úy. Vi nhân

khiêm tĩnh (3), bất cận thanh sắc (4). Thân vi Tể phụ (5), thực (6) đại quốc (7) chi tô (8), phục sức thô (9) tố, hào soạn (10) sơ kiệm (11), như bố y (12) hàn sĩ (13). Sự thân cung cần, cư tang ai thích, khiêm hư hạ vật (14), vi tông thất nghi biểu(15). (**Quyển 29 - Tấn thư thượng - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Quý: Túc Tư Mã Quý, tự là Quý Đạt, làm quan thời nhà Tào Ngụy, là em thứ tư của Tư Mã Ý.
- (2) Thiên: Điều động quan chức thời cổ gọi là thiên, cũng chỉ việc thăng chức.
- (3) Khiêm tĩnh: Chỉ tính khiêm tốn, trầm tĩnh.
- (4) Bất cận thanh sắc: Không thích gần gũi ca múa gái đẹp.
- (5) Tể phụ: Là đại thần phụ chính, chỉ quan Tể tướng.
- (6) Thực: Được hưởng dụng.
- (7) Đại quốc: Chỉ nước chư hầu lớn, nước có lãnh thổ trên trăm dặm vuông.
- (8) Tô: Thuế ruộng, bổng lộc.
- (9) Thô: Xấu, vụng.
- (10) Hào soạn: Cơm và thức ăn.
- (11) Sơ kiệm: Đơn giản tiết kiệm.
- (12) Bố y: Áo quần thô xấu của người dân thường.
- (13) Hàn sĩ: Nhà nghèo, phận thấp.
- (14) Khiêm hư hạ vật: Chỉ đối xử với người dưới khiêm tốn nhẹ nhàng.
- (15) Nghi biểu: Tiêu chuẩn, điển hình, mô hình.

Diễn giải:

Cao Mật vương Tư Mã Thái, tự là Tử Thu, là con trai của Tư Mã Quý, em thứ tư của Tư Mã Ý. Tư Mã Thái được phong là Lũng Tây vương, sau được thăng chức Thái úy. Tư Mã Thái bản tính

trầm tĩnh khiêm tốn, không gán gũ nữ sắc ca múa, ông làm tới chức phụ chính đại thần, được hưởng bổng lộc của vị quan to một nước chư hầu lớn, nhưng ông phục sức đơn sơ, ăn uống giản dị, sống như đời của một nhà hàn sĩ. Ông phụng dưỡng cha mẹ thân tình chu đáo, khi cha mẹ qua đời, ông tống táng cư tang đủ lễ và cúng giỗ cẩn thận. Với thuộc hạ, ông tỏ ra khiêm tốn, đối xử đúng mực, ông đúng là nhân vật tông thất mô phạm.

(Theo sách **Tấn thư thượng - Truyện - Quyển 29**)

Nguyên văn:

一三三

陶侃, 字士行, 廬江人也. 為荊州制史, 政刑清明, 惠施均洽. 故楚郢士女, 莫不相慶, 引接疏遠, 門無停客. 常語人曰: “大禹聖者, 乃惜寸陰; 至於衆人, 當霽惜分陰, 豈可逸遊荒醉? 生無益於時, 死無聞於後, 是自棄也”. 諸參佐或以談戲廢事者. 乃命取蒲博之具, 悉投之于江, 將則加鞭朴, 吏將則加鞭朴, 曰: “書僕者, 牧奴戲耳. 老莊孚華, 非先王之法言, 不可行也. 君子當正衣冠, 攝其威儀, 何有亂頭養望, 自謂宏達耶?”. 於是朝野用命移風易俗. (卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

133

Đào Khản, tự Sĩ Hành, Lư giang nhân dã. Vi Kinh Châu Chế sử, chính hình thanh minh (1), huệ thi quân hiệp (2). Cổ Sở Dĩnh sĩ nữ (3), mạc bất tương khánh, dẫn tiếp sơ viễn (4), môn vô đình khách (5). Thường ngữ nhân viết: “Đại Vũ thánh giả, nãi tích thốn âm; Chí ư chúng nhân, đương tích phân âm, khởi khả dật du hoang túy? Sinh vô ích ư thời, tử vô văn ư hậu, thị tự khí dã”. Chư tham tá hoặc dĩ đàm hí phế sự (6) giả, nãi mệnh thủ bổ bác (7) chi cụ, Tất

(8) đầu chi vu giang, lại tương tác gia tiên phác (9), viết: “Thư Bộc (10) giả, mục nô hí nhĩ. Lão Trang phù hoa (12), phi tiên vương chi pháp ngôn (13), bất khả hành dã. Quân tử đương chính kỳ y quan, nhiếp (14) kỳ uy nghi. Hà hữu loạn đầu dưỡng vọng (15), tự vị hoành đạt (16) da?” Ứ thị triều dã dụng mệnh (17), di phong dị tục (18). (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Chính hình thanh minh: Chính lệnh, hình phạt ngay thẳng, rõ ràng đúng tội.
- (2) Huệ thi quân hiệp: Ban ân huệ đều khắp, xã hội an ổn. Hiệp nghĩa là khắp nơi.
- (3) Sở Dĩnh sĩ nữ: Sở Dĩnh là kinh đô nước Sở, nay là vùng phụ cận huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc. Sĩ nữ tức nam nữ.
- (4) Dẫn tiếp sơ viễn: Đón tiếp thết đãi khách mới hàng ngày. Dẫn tiếp nghĩa là đón tiếp thết đãi.
- (5) Môn vô đình khách: Chỉ tình trạng khách ra vào liên miên không dứt.
- (6) Đàm hí phế sự: Nói cười linh tinh, bỏ bê công việc.
- (7) Bộc bác: Phiếm chỉ đánh bạc.
- (8) Tất: Toàn bộ.
- (9) Tiên phác: Dùng roi hoặc côn đánh nhau.
- (10) Thư bộc: Một thứ đánh bạc thời cổ,
- (11) Mục nô hí: Sách *Tấn thư* viết là “mục trừ nô chi hí”, lối nói tục tĩu của dân đánh bạc.
- (12) Lão Trang phù hoa: Chỉ phong trào Lão Trang thanh đàm thời bấy giờ. Ngôn ngữ cử chỉ phù hoa không theo nghi lễ nhà Nho.
- (13) Pháp ngôn: Ngôn luận theo lễ pháp nhà Nho.
- (14) Nhiếp: Bảo trì.
- (15) Loạn đầu dưỡng vọng: Chỉ đầu tóc bù xù, thích hư danh, chỉ phong trào thanh đàm thời bấy giờ và hành vi buông thả.

- (16) Hoành đạt: Kiến thức rộng sâu, thông thạo sự lý.
- (17) Triều dã dụng mệnh: Chỉ triều đình và nhân dân tuân hành mệnh lệnh.
- (18) Di phong dị tục: Thay đổi phong khí, cải lương tập tục.

Diễn giải:

Ông Đào Khản, tự là Sĩ Hành, gốc người Lữ Giang, được phong chức Kinh Châu Chế Sứ, ông thực thi chính lệnh hình phạt rõ ràng liêm chính, ân huệ ban bố đều khắp nơi, xã hội ổn định. Bách tính nơi kinh đô Dĩnh của nước Sở, không một ai không cảm thấy hân hạnh có một vị quan phụ mẫu tài đức như vậy. Ông Đào Khản hàng ngày quan hệ tiếp đãi khách khứa, kể cả những người khách phương xa không quen biết nhiều, khiến cổng nhà quan không ngớt khách ra vào. Ông thường nói với mọi người: “Vua Đại Vũ đúng là bậc Thánh nhân, thương lo đến từng chút quang âm, hưởng chi là một con người. Người mà tiếc đến một một chút thời gian, thì sao có thời giờ chơi bởi hưởng lạc, buông thả chuyện tửu sắc? Còn hạng người khi sống không làm gì lợi ích cho đất nước, thì khi chết đi cũng vô danh chẳng có ai nhắc đến, đó là cam chịu truy lạc, chẳng mong được tiến bộ!”. Bộ thuộc của ông có khi vui chuyện du hí mà bê trễ phục vụ, ông ra lệnh thu gom các đồ chơi đánh bạc đem ném hết xuống sông. Những quan lại phạm tội thì ông cho đánh bằng roi, rồi tuyên bố: “Chơi đánh bạc là hành vi thô bỉ. Cái lối thanh tao bàn luận phù phiếm của Lão Trang là không phù hợp với ngôn luận lễ pháp của các bậc thánh vương thời xưa. Chẳng chút giá trị lãnh đạo, làm người quân tử tự mình cần phải đoan chính từ áo mũ, đi đứng nằm ngồi phải giữ uy nghi, còn hạng người tóc tai rối bù, toàn chạy theo hư danh, mà lại tự cho mình là người tài cao trí rộng, thông minh hiểu đời ư?” Từ đó trong triều, ngoài dân đều tuân theo yêu cầu của Đào Khản, cải biến tốt phong cách tập quán.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

一三四

人主身行方正, 使人有理, 遇人有禮, 行發於身而為天下法式, 人唯恐其不復也. 身行不正使人暴虐, 遇人不信, 行發於身, 而為天下笑者, 此不可復之行也. 故曰: “行而不可再者, 君不行也. (卷三十二, 管子, 形勢解).

Phiên âm:

134

Nhân chủ (1) thân hành phương chính, sử (2) nhân hữu lý, ngô (3) nhân hữu lễ, hành (4) phát ư thân, nhi vi thiên hạ pháp thức (5). Nhân duy khủng kỳ bất phục hành (6) dã. Thân hành bất chính, sử nhân bạo ngược, ngô dân bất tín, hạnh phát ư thân, nhi vi thiên hạ tiểu giả, thủ bất hả phục chi hạnh dã. Cổ viết: “Hành nhi bất khả tái (7) giả, quân (8) bất hành dã”. (Quyển 32 - Quán Tử - Hình thế giải).

Chú thích:

- (1) Nhân chủ: Vua.
- (2) Sử: Sai biểu, bảo làm.
- (3) Ngô: Đối đãi, giao dịch.
- (4) Hành: Hành động, làm việc.
- (5) Pháp thức: Điển phạm, quy cách.
- (6) Bất phục hành: Không lặp lại.
- (7) Bất khả tái: Không thể lặp lại lần nào nữa.
- (8) Quân: Bậc quân tử.

Diễn giải:

Một bậc minh quân thì hành vi đoan chính, dựa trên đạo nghĩa mà sai bảo người này người nọ theo đúng mô hình khuôn

phép, khiến cho mọi người đều làm đúng chức phận của mình, không dám sơ sẩy. Nếu nhà vua có hành vi không đoan chính, dùng thái độ tàn bạo sai bảo nhân dân thì mỗi nhất cử, nhất động của nhà vua ấy đều bị nhân dân chê cười. Đó là hành vi không thể được lặp lại. Cho nên có câu: “Không nên lặp lại sự việc như thế một lần nào nữa, điều mà người quân tử không làm”.

(Theo sách **Quản Tử - Hình thế giải - Quyển 32**)

Nguyên văn:

一三五

景公問晏子曰：“君子常行曷若”。對曰：“衣冠不中，不敢以入朝；所言不義，感以要君；身行不順，治事不公，敢以蒞眾（卷三十三，晏子，問上）。

Phiên âm:

135

Cảnh Công vấn Yến Tử viết: “Quân tử thường hành hà nhược (1)?”, đối viết: “Y quan bất trung (2), bất cảm dĩ nhập triều; Sở ngôn bất nghĩa (3), bất cảm dĩ yếu (4) quân; thân hành bất thuận (5), trị sự bất công, bất cảm dĩ lệ chúng (6)”. (**Quyển 33 - Yến Tử- Vấn thượng**).

Chú thích:

- (1) Thường hành hà nhược: Bình thường hành vi đúng chuẩn là thế nào? Hà nhược có nghĩa là như thế nào?
- (2) Bất trung: Không phù hợp. Trung tức là hợp.
- (3) Bất nghĩa: Không hợp đạo nghĩa, không chính đáng.
- (4) Yếu: Yêu cầu, đòi hỏi.
- (5) Bất thuận: Không thuận đạo lý.
- (6) Lệ chúng: Đối mặt với quần chúng, đến với quần chúng.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử: “Bình thường người quân tử không làm các hành vi không đúng chuẩn, là những hành vi gì vậy?”, trả lời: “Không sử dụng áo mũ không phù hợp lễ nghi, không nói những lời không hợp đạo nghĩa, không dám đòi hỏi nơi nhà vua, bản thân không làm những việc không thuận lý, không bắt công trong việc xử lý sự tình, không tránh gặp nhân dân”.

(Theo sách Ân Tử - Vấn thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

一三六

弟 子 母 曰：“不 我 知 也。”。鄙 夫 鄙 婦，相 會 于 牆 陰 可 為 密 矣；明 日 則 或 揚 其 言 者。故 士 執 仁 與 義 而 不 聞，行 之 未 篤 也。
(卷 三 十 五，曾 子，制 言)。

Phiên âm:

136

Đệ tử vô (1) viết: “Bất ngã tri dã (2)”. Bỉ (3) phu bỉ phụ, tương hội vu tường âm (4), khả vị mật (5) hỹ. Minh nhật tắc hoặc (6) dương (7) kỳ ngôn giả. Cố chấp (8) nhân dữ nghĩa nhi bất văn, hành chi (9) vị đốc (10) dã. (**Quyển 35 - Tăng Tử - Chế ngôn**).

Chú thích:

- (1) Vô: Không cần, không có thể.
- (2) Bất ngã tri dã: Tức là bất tri ngã dã, không biết tôi đã làm hành vi ấy.
- (3) Bỉ: Thô bỉ, thô tục.
- (4) Tường âm: Nơi tối tăm sát bức vách, thiếu ánh sáng.

- (5) Mật: Kín đáo ẩn mật.
- (6) Hoặc: Có người.
- (7) Dương: Truyền bá.
- (8) Chấp: Thực hành, thi hành.
- (9) Hành chi: Chỉ việc thực hành nhân nghĩa.
- (10) Vị đốc: Còn ít sự thật.

Diễn giải:

Có đệ tử bất cần chủ quan nói: “Người khác không biết hành vi của tôi”. Khác gì nói trai gái làm chuyện bí lậu trong bóng tối, tin rằng không hề ai biết, thế mà sáng hôm sau có người nói về chuyện lén lút của chúng, cho nên người có học trong thực tế hành động nhân nghĩa mà không được nhiều người biết đến là vì còn có ít người hết lòng vì sự thực.

(Theo sách Tăng Tử - Chế ngôn - Quyển 35)

Nguyên văn:

一三七

言不遠身，言之主也；行之本也。言有主行有本，謂之有聞也。君子尊其所聞，則高明矣；行其所聞，則廣大矣。高明廣大，不在於他，加之志而已矣。（卷三十五，曾子，疾病）。

Phiên âm:

137

Ngôn (1) bất viễn thân (2), ngôn chi chủ (3) dã; Hành (4) bất viễn thân, hành chi bản (5) dã. Ngôn hữu chủ, hành hữu bản, vị chi hữu văn (6) dã. Quân tử tôn (7) kỳ sở văn, tắc cao minh (8) hỹ; Hành kỳ sở văn, tắc quảng đại hỹ. Cao minh quảng đại, bất tại ư tha, gia chi chí (9) nhi dĩ hỹ (10). (**Quyển 35 - Tăng Tử - Tật bệnh**).

Chú thích:

- (1) Ngôn: Lời nói.
- (2) Bất viễn thân: Không rời xa sự tu dưỡng của bản thân.
- (3) Chủ: Chủ thể.
- (4) Hành: Việc đã làm.
- (5) Bản: Căn cứ theo.
- (6) Hữu văn: Chỉ việc Thánh Hiền nghe theo lời nói đúng.
- (7) Tôn: Tôn kính, kính trọng.
- (8) Cao minh: Nói rõ tính cao thượng mà quang minh.
- (9) Gia chí chí: Ổn định chí hướng mà làm.
- (10) Nhi dĩ hỹ: Như vậy.

Diễn giải:

Lời nói không xa rời sự tu dưỡng bản thân, nói là làm, đó là tông chỉ của ngôn luận; hành vi không xa rời gốc thiện lương, thiên tính của bản thân mình, không trái với đạo đức luân lý, đó là căn bản của hành vi. Ngôn luận có tông chỉ, hành vi thì có căn bản, có thể nói thánh hiền nghe theo lời nói tốt, người quân tử thì tôn trọng những lời nói tốt mà mình nghe được, phẩm hạnh là những gì cao thượng mà quang minh lỗi lạc; Trong thực tiễn những người nghe theo lời nói tốt, thì sự nghiệp rộng lớn hoành tráng, không ở đâu xa, mà ở nơi việc lập định chí hướng vậy.

(Theo sách Tăng Tử - Tật bệnh - Quyển 35)

Nguyên văn:

一三八

志不忘人，則中能寬裕；智不忘義，則行有文理；力不忘忠，則動無廢功；口不忘信，則言若符節。若中寬裕而行文理，動有功

而言可信也, 雖古之有厚功大名, 見於四海之外, 知萬世之後者, 其行身也無以加於此矣. (卷三十六, 尸子, 四儀).

Phiên âm:

138

Chí bất vong nhân, tắc trung năng khoan dụ (1); Trí bất vong nghĩa, tắc hành hữu văn lý (2); Lục bất vong trung, tắc động (3) vô phế công (4); khẩu bất vong tín, tắc ngôn nhược phù tiết (5). Nhược trung khoan dụ nhi hành văn lý, động hữu công nhi ngôn khả tín dã, tuy cổ chi hữu hậu công (6) (đại danh, kiến (7) ư tú hải chi ngoại, tri (8) vạn thế chi hậu giả, kỳ hành thân 9) dã vô dĩ gia (10) ư thử hỹ. (Quyển 36 - Thi Tử - Tú nghi).

Chú thích:

- (1) Trung năng khoan dụ: Yên tâm khoan hậu. Trung chỉ tâm.
- (2) Văn lý: Chỉ lễ nghĩa.
- (3) Động: Hành động.
- (4) Vô phế công: Không để công lao bị lãng quên.
- (5) Phù tiết: Một loại thẻ lệnh để điều động quan viên hay binh lính, được chế tạo từ vàng ngọc hay tre gỗ, có khắc chữ, chia làm hai nửa, khi sử dụng thì ghép lại, khớp nhau là đúng.
- (6) Hậu công: Công tích nhiều, quan trọng.
- (7) Kiến: Ý biểu dương, hiển dương.
- (8) Tri: Hiểu được, rõ được.
- (9) Hành thân: Lập thân xử thế.
- (10) Vô dĩ gia: Ý là so không hơn.

Diễn giải:

Người ta lập chí làm việc ở đời mà không quên lòng nhân ái, thì có khả năng giữ được lòng khoan hậu; Xem xét sự tình mà không quên đạo nghĩa thì mọi hành vi đúng với lễ nghĩa. Trong

khi công tác không quên tận trung với chức vụ, thì hành động không bỏ phí công lao đã đóng góp. Lời nói không quên tuân thủ thành tín thì ngôn ngữ được tin theo như tấm thẻ lệnh điều động ngày xưa. Nếu trong lòng khoan dung đại độ, mà hành vi cử chỉ còn theo đúng lễ nghĩa thì làm việc rất dễ thành công, cũng như lời nói được tin tưởng vậy. Như thời cổ các tên tuổi lớn còn lưu lại công đức to lớn của họ, tiếng tăm lừng lẫy khắp bốn biển, lại được người cả ngàn vạn đời sau đem lòng kính ngưỡng hâm mộ. những con người đã lập thân xử thế rất là ưu việt như vậy.

(Theo sách Thi Tử - Tứ nghi - Quyển 36)

Nguyên văn:

一三九

慮(1)中(2)義, 則智為上; 言中義, 則言智為師; 事中義, 則行為法. (卷三十六, 尸子, 恕).

Phiên âm:

139

Lự (1) trung (2) nghĩa, tắc trí vi thượng, Ngôn trung nghĩa, tắc ngôn trí vi sư; Sự trung nghĩa, tắc hành vi pháp. (**Quyển 36 - Thi Tử - Thứ**).

Chú thích:

(1) Lự: Suy nghĩ, mưu định kế hoạch.

(2) Trúng: Phù hợp.

Diễn giải:

Suy tính vấn đề phù hợp đạo nghĩa, thì trí tuệ ấy đúng là thượng đẳng; Lời nói phù hợp đạo nghĩa thì lời nói ấy xứng đáng

được nhân dân bắt chước sử dụng; Làm việc phù hợp đạo nghĩa thì hành vi ấy đáng được nhân dân làm theo.

(Theo sách **Thi Tử - Thứ - Quyển 36**)

Nguyên văn:

一四〇

離. (象) 曰: “明兩作, 離. 大人以繼明, 照于四方”. (象) 曰: “離, 麗也”. 日月麗于天, 百穀草木麗乎土, 重明以麗乎正, 乃化成天下”. (卷一, 周易).

Phiên âm:

140

Ly (1). (Tượng) (2) viết: “Minh lưỡng tác, Ly (3). Đại nhân dĩ kế minh, chiếu vu tứ phương (4)”. (Thoán) (5) viết: “Ly, lệ (6) dã. Nhật nguyệt lệ vu thiên, bách. Cốc thảo mộc lệ hồ thổ (7), trùng minh dĩ lệ hồ chính, nãi hoá thành thiên hạ (8)”. (**Quyển 1 - Chu Dịch**).

Chú thích:

- (1) Ly: Quẻ Ly có ý dựa vào, quẻ ly đại biểu cho sáng sủa.
- (2) Tượng: Tức “tượng truyện”, có hai loại là đại tượng và tiểu tượng. Đại tượng là thuyết minh về toàn bộ quẻ, tiểu tượng là lời thuyết minh mỗi hào gọi là hào từ, mà vị trí của hào là chính.
- (3) Minh lưỡng tác, ly: Giải thích tượng trưng của quẻ Ly. Nói từ trên xuống dưới đều là ly minh. Tác nghĩa là thành, Sách *Chu Dịch chính nghĩa* viết: ‘Minh lưỡng tác, ly’, có nghĩa là ly là mặt trời, mặt trời thì sáng, nay có hai thể trên dưới, nên nói ‘minh lưỡng tác, Ly’ vậy”.
- (4) Đại nhân dĩ kế minh, chiếu vu tứ phương: Chỉ pháp tượng đạo đức ấy của đại nhân, kế tục quang minh, đem phước trạch đức huệ của đại nhân soi chiếu khắp tứ phương. Sách *Chu Dịch chính nghĩa* viết: “Nếu một nguồn sáng tạm tắt thì ly chưa hết, tắc giữ trước sau

hai nguồn sáng, chúng nối nhau liên tục trước sau, nên mới nói quẻ Ly là tốt, cho nên nói: “Đại nhân dĩ ly minh, chiếu vu tứ phương”. Sách *Chu Dịch thiên giải* viết: “Sáng rồi lại sáng, liên tục không dứt, từ việc tự làm rõ đạo đức có chiếu sáng tứ phương vậy”. Đại nhân tức nhân vật vĩ đại. Kế nghĩa là nối nhau bất tuyệt.

(5) Thoán: Túc Thoán truyện là lời thuyết minh ý nghĩa của quái từ.

(6) Lệ: Hai sừng trên đầu con hươu, có ý cùng dựa nhau giúp nhau. Sách *Chu Dịch chính nghĩa* viết: “Lệ là nói phụ giúp nhau”, lấy tính chất âm nhu, phụ vào vị thể trung chính thì nghi được tỏ rõ ra, nên nói ‘lệ’ vậy.

(7) Nhật nguyệt lệ vu thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ: Mặt trời, mặt trăng dựa vào nhau ở trên trời cao, bách cốc và thảo mộc dựa vào nhau trên mặt đất rộng lớn. Sách *Chu Dịch chính nghĩa* viết: “Nhật nguyệt lệ hồ thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ, có nghĩa là sự sáng rộng có nghĩa phụ trợ nhau, dùng nhu phụ vào làm rõ trung chính thì phụ được thích nghi, cho nên quang ngôn là việc phụ vào được thích nghi.

(8) Trùng minh dĩ lệ hồ chính, nãi hóa thành thiên hạ: Dùng ánh sáng trên dưới song trùng phụ vào chính đạo, thì mới có khả năng hoá thành thiên hạ. Sách *Chu Dịch chính nghĩa* viết: “Trùng minh dĩ lệ hồ chính, nãi hóa thành thiên hạ” có nghĩa là: Dùng tượng của quẻ này, nói công đức của Ly vậy, cùng làm rõ nghĩa của “lợi trinh”. Sách *Chu Dịch thiên giải* viết: “Như mặt trời mặt trăng bám dính vào bầu trời, như bách cốc cây cỏ bám dính vào mặt đất, trí tuệ con người chúng ta được trùng minh, tất cũng bám dính vào đức tính chân chính, thì chẳng những tự mình được lợi ích, mà còn có thể khai hóa thiên hạ.

Diễn giải:

Tượng truyện của quẻ Ly viết: “Trên dưới đều là ly minh, đó là tượng trưng của lưỡng tác ly minh, tượng trưng quang minh vô hạn. Một loại phương pháp tinh thần hiệu quả của nhân vật vĩ đại là giữ thái độ quang minh lỗi lạc, kế thừa không ngừng phổ chiếu khắp nơi, gây ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại”. “Thoán truyện của Quẻ Ly viết rằng: “Ly là có ý dựa vào. Mặt trời, mặt trăng dựa vào bầu trời, các loại cây lương thực thực phẩm cùng các loại cây cỏ đều dựa vào mặt

đất, trên dưới đều là ánh sáng của Ly, dùng ánh sáng của trùng ly, dựa vào chính đạo thì có thể khai hóa toàn thể con người.

(Theo sách Chu Dịch - Quyển 1)

Nguyên văn:

— 四 —

射不善而欲教人, 人不學也; 行不脩而欲談人, 人不聽也。
(卷三十六, 尸子, 恕).

Phiên âm:

141

Xạ (1) bất thiện nhi dục giá nhân, nhân bất học dã; Hạnh (2) bất tu nhi dục đàm nhân, nhân bất thính dã. (Quyển 36 - Thi Tử - Thứ).

Chú thích:

(1) Xạ: Một trong 6 nghề thời cổ là: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số.

(2) Hạnh: Đức hạnh.

Diễn giải:

Người không giỏi nghề bắn cung tên, mà muốn dạy cho người khác nghề bắn cung tên thì chẳng một ai chịu theo học; Mình chẳng chịu tu dưỡng đức hạnh mà muốn bàn chuyện đạo đức với người ta thì chẳng có ai chịu bàn với mình.

(Theo sách Thi Tử - Thứ - Quyển 36)

Nguyên văn:

六：度量

一四二 “臣之所不如管夷吾者五：寬惠愛民，臣不如也；治國不失柄，臣不如也；忠信可結於諸侯，臣不如也；制禮義可法於四方，臣不如也；介冑執枹立於軍門，使百姓皆加勇，臣不如也。夫管子，民之父母也。將欲治其子，不可以棄其父母。（卷三十三，管子，小匡）。

Phiên âm:

LỤC: ĐỘ LƯỢNG

142

“Thần (1) chi sở bất như Quản Di Ngô (2) giả ngũ: khoan huệ (3) ái dân, thần bất như dã; Trị quốc bất thất bính (4), thần bất như dã; trung tín khả kết (5) ư chư hầu, thần bất như dã; chế lễ nghĩa khả pháp (6) ư tứ phương, thần bất như dã; giới trụ (7) chấp bào (8) lập ư môn, sử bách tính giai gia dũng (9), thần bất như dã. Phù Quản Tử, dân chi phụ mẫu dã, tương dục trị kỳ tử, bất khả dĩ khí (10) kỳ phụ mẫu”. (Quyển 33 - Quản Tử - Tiểu khuông).

Chú thích:

(1) Thần: Lời Bào Thúc Nha tự xưng. Công tử Tiểu Bạch từ nước Cử trở về nước Tề lên ngôi vua, tín nhiệm Bào Thúc Nha muốn phong làm Tể tướng, Bào Thúc Nha từ tạ và tiến cử Quản Trọng, ông đưa ra 5 chỗ ông không sánh được với Quản Trọng.

(2) Quản Di Ngô: Túc Quản Trọng, ông phục vụ công tử Cử là anh của Tiểu Bạch, nhưng công tử Cử mất sớm nên Tiểu Bạch mời nối ngôi làm vua, may được người biết mình là Bào Thúc Nha tiến cử, ông được vua Tề Hoàn Công phong làm Tể tướng. Ông chủ trương thông hóa tích tài, phú quốc cường binh, tôn phò nhà Chu, đánh đuổi Nhung Địch, tập hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ được vua Tề Hoàn Công tôn quý thân mật gọi là “Bố Trọng” [Trọng phụ], Quản Trọng là ông tổ của phái Pháp Gia. Người ta còn gọi ông là Quản Tử.

- (3) Khoan huệ: Khoan hậu từ huệ.
- (4) Thất binh: Buông rơi quyền lực thống trị.
- (5) Kết: Tụ hợp.
- (6) Pháp: Quy phạm, tiêu chuẩn.
- (7) Giới trụ: Giáp và mũ sắt của tướng chỉ huy khi lâm trận.
- (8) Chấp bào: Tay cầm dùi đánh trống thúc quân. Bào là dùi trống.
- (9) Gia dũng: Thêm can đảm.
- (10) Khí: Bỏ đi, vất đi.

Diễn giải:

Bào Thúc Nha tâu: “Thần có 5 chỗ không sánh bằng Quân Di Ngô: Thứ nhất là tấm lòng khoan hậu từ huệ, yêu mến nhân dân thì thần thua Quân Di Ngô; Trị nước không để mất quyền lực quốc gia, thì thần thua Quân Di Ngô; Giữ lòng trung tín khi giao dịch với các chư hầu, thì thần thua Quân Di Ngô; Chế định lễ nghi làm điển phạm cho tứ phương, thì thần thua Quân Di Ngô; Mặc giáp đội mũ sắt cầm dùi đánh trống thúc quân, động viên dũng khí quân sĩ trong chiến đấu, thì thần thua Quân Di Ngô. Quân Di Ngô đáng là phụ mẫu của nhân dân, dùng người trị lý bách tính không thể không dùng người được họ xem như cha mẹ”.

(Theo sách *Quản Tử - Tiểu khuông* - Quyển 33)

Nguyên văn:

—四三

楚莊王賜群臣酒，日暮酒酣華燭滅，乃有引美人衣者。美人援絕其冠纓，告王曰：“今燭滅，有引妾衣者，援得其纓，待之矣。促上火，視絕纓者”王曰：“賜人酒，使醉失禮，奈何欲顯婦人節，而辱士乎？”乃命左右：“今與寡人飲，不絕冠纓者

不歡” . 群臣皆絕纓而上火, 盡歡而罷. 居二年, 晉與楚戰, 有一臣常在前, 五五合獲首而卻敵, 卒得勝之. 莊王怪而問之, 對曰: “臣往醉失禮隱忍不暴而誅常願肝腦塗地, 用頸血湔敵久矣. 臣乃夜絕纓者也” . (卷四十三, 說苑, 復恩).

Phiên âm:

143

Sở Trang vương (1) tứ quần thần tửu, nhật mộ, tử hảm (2), hoa chúc diệt, nãi hữu dẫn (3) y mỹ nhân giả. Mỹ nhân viện tuyệt (4) kỳ quan anh (5), cáo vương viết: “Kim chúc diệt, hữu dẫn thiếp y giả, viện đặc kỳ anh, đãi chi hỹ. Xúc thượng hỏa (6), thị tuyệt anh giả”. Nãi mệnh tả hữu: “Kim dĩ quả nhân ẩm, bát tuyệt quan anh giả bất hoan”. Quần thần giai tuyệt anh nhi thượng hỏa, tận hoan nhi bãi. Cư nhị niên, Tấn dĩ Sở chiến, hữu nhất thần thường tại tiền, ngũ hợp ngũ hoạch thủ nhi khước địch, tốt đắc thắng chi. Trang vương quái nhi vấn chi, đối viết: “Thần vãng giả túy thất lễ, vương ản nhẫn bất bạo nhi tru (8), thường nguyện can nào đồ địa (9), dụng cảnh huyết tiên (10) địch cứu hỹ. Thần nãi dạ tuyệt anh giả dã”. (Quyển 43 - Thuyết Uyển - Phục ân).

Chú thích:

(1) Sở Trang vương: (?-591 Tr. CN), còn gọi là Kinh Trang vương, tính Thái họ Hùng, tên Lã, thụ là “Trang”, là con của vua Sở Mục vương, là một ông vua rất thành công thời Xuân Thu, là một trong ngũ bá thời Xuân Thu, ông lên ngôi năm 613 Tr. CN, tại vị 23 năm.

(2) Tửu hàm: Rượu ngon, uống vào nghe sáng khoái.

(3) Dẫn: Dắt dẫn.

(4) Viện tuyệt: Bứt đứt.

(5) Quan anh: Dây đai mũ buộc dưới cằm, giữ mũ khỏi rơi khỏi đầu.

(6) Thượng hỏa: thắp đèn.

(7) Hợp: Giao chiến.

(8) Tru: Trừng phạt, trừng trị.

(9) Can nào đồ địa: Lấy gan óc lấp mặt đất, tỷ dụ ra sức xả thân tận trung báo đền.

(10) Tiên: Gột rửa.

Diễn giải:

Vua Sở Trang vương ban thưởng quân thần một tiệc rượu. Đến khi trời về tối, cuộc vui đang lúc cao hứng thì đèn đuốc vụt tắt, trong bóng tối có một viên quan sàm sỡ cô hầu xinh đẹp của vua. Người đẹp tiện tay bứt đứt dải mũ của người ấy, trở về chỗ vua thỏ thẻ: “Vừa rồi khi đèn tắt, có người bạo gan sờ soạng thiếp, thiếp bứt đứt dải mũ của tên ấy”. Vua ngẫm nghĩ: “Ta mời các quan uống rượu vui chơi, có người say rượu thất lễ, chẳng lẽ vì chuyện sàm sỡ phụ nữ mà làm nhục sĩ nhân ư?”. Sau đó vua Sở Trang vương bảo mọi người: “Các vị hôm nay cùng ta uống rượu vui thú, ai chưa đứt dải mũ thì chưa tận hứng”. Quân thần đều tự tay bứt đứt dải mũ của mình, nên sau đó khi đèn sáng trở lại thì mọi người ai cũng như ai, Tiệc tàn, mọi người vui vẻ ra về. Hai năm sau, xảy ra chiến tranh giữa nước Tấn với nước Sở, vua Sở Trang vương thấy một viên quan đánh giặc rất hăng, tả xung hữu đột như thể liễu chết, năm cuộc giao chiến viên quan ấy đều xông pha chém được nhiều thủ cấp, đẩy lui địch quân. Cuối cùng quân Sở chiến thắng. Vua Sở Trang vương trong lòng cảm thấy lạ lùng về viên quan dũng cảm ấy, cho gọi đến hỏi thì người ấy nói: “Thưa Bệ hạ, năm xưa trong một tiệc rượu, hạ thần say xỉn nên làm điều thất lễ, Bệ hạ đã không nổi giận, không trừng phạt hạ thần và còn giữ thể diện cho hạ thần nữa. Vì thế, hạ thần vô cùng cảm kích tấm lòng bao dung cao cả ấy, hạ thần nguyện trong lòng dù phơi gan lấy óc quyết phải báo đền Bệ hạ. Chuyện cũng đã lâu, hạ thần chính là người bị mỹ nhân bứt đứt dải mũ năm xưa”.

(Theo sách **Thuyết Uyển - Phục ân - Quyển 43**)

Nguyên văn:

一四四

夫高祖非能舉必當也, 唯以其心曠, 故人不疑, 况乎以致公處物, 而以聰明治人乎?. 而以聰明治人乎? (卷五十, 袁子正書, 悅近).

Phiên âm:

144

Phù Cao Tổ phi năng cử tất đương dã, duy kỳ tâm khoáng (1). Cổ nhân bất nghi. Huống hồ dĩ chí công xử vật (2), nhi dĩ thông minh trị nhân hồ? (Quyển 50 - Viên Tử chính thư - Duyệt cận).

Chú thích:

(1) Khoáng: Rộng rãi.

(2) Xử vật: Đối xử với con người và sự vật.

Diễn giải:

Vua Hán Cao Tổ không phải luôn luôn thỏa đáng trong việc dùng người, chỉ là vì tấm lòng ông rộng rãi bao dung, cho nên người ta mới không thắc mắc, huống chi, ông còn là vị lãnh đạo chí công vô tư trong từng việc xử lý sự vụ, ông có đáng là một bậc thánh vương thông minh trí tuệ trong việc quản lý bấy tôi chăng?

(Theo sách Viên Tử chính thư - Duyệt cận - Quyển 50)

Nguyên văn:

七: 謙虛

一四五

自見者不明, 自是不彰, 自伐者無功, 自矜者不長, 故有道者不處. (卷三十四, 老子, 道經).

Phiên âm:

THẤT: KHIÊM HU

145

Tự hiện (1) giả bất minh; Tự thị giả bất chương (2); Tự phạt (3) giả vô công; Tự căng (4) giả bất trường (5). Cố hữu đạo giả bất xử (6). (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo kinh)

Chú thích:

- (1) Hiện: Giả dụ thích hiện.
- (2) Chương: Sáng ra, lộ ra, có tiếng tăm.
- (3) Phạt: Huyển diệu biểu công, đánh bóng.
- (4) Căng: Tự mãn tự cao.
- (5) Trường: Lâu dài.
- (6) Bất xử: Không cho phép mình tự ở tại nơi ấy.

Diễn giải:

Người thích tự biểu hiện mình thì ngược lại bị người ta cho là thiếu trí tuệ. Người tự đánh bóng mình thì không được nhiều người khác tán đồng, ngược lại chẳng được tiếng tăm gì; người hay khoe khoang nói khoác, ngược lại chỉ mất công; người tự cao tự mãn, dù có thành công cũng kéo dài không được bao lâu. Vì thế, người hữu đạo nhất định không thuộc các dạng người trên.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一四六

善人者，不善人之師也；不善人者，善人之資也。貴其師，不愛其資，雖智大迷，是謂要妙。（卷三十四，老子，道經）。

Phiên âm:

146

Thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư dã, bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tư (1) dã. Quý (2) kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê. Thị vị yếu diệu (4). (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo kinh**).

Chú thích:

- (1) Tư: Cấp dùng, ý nói mượn của cải.
- (2) Quý: Coi trọng, tôn kính.
- (3) Yếu diệu: Tốt đẹp tinh vi, huyền diệu tinh yếu.

Diễn giải:

Người lương thiện là thầy của bọn người bất lương; bọn bất lương được Thánh nhân dạy làm người lương thiện, dạy cho biết tôn trọng người làm việc thiện, dạy coi thường của cải do hành vi bất lương mà có. Dù là người có trí vẫn bị rơi vào trong mê lầm, Người có khả năng hiểu được điều ấy là người biết được chỗ vi diệu trong cuộc sống.

(Theo sách **Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34**)

Nguyên văn:

一四七

知其雄，守其雌，為天下谿。為天下谿，常德不離。知其白，守其黑，為天下式。為天下式，常德不忒。（卷三十四，老子，道經）。

Phiên âm:

147

Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư (1), vi thiên hạ khê (2). Thiên hạ khê,

thường đức bất ly. Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc (3), vi thiên hạ thức (4). Vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc (5). (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo kinh).

Chú thích:

- (1) Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư: Hám Sơn chú giải: “... Hùng là chim cha, chỉ tính cương cường, thư là chim mẹ, chỉ tính nhu thuận khiêm tốn”.
- (2) Khê: Suối nước, rạch nước nhỏ.
- (3) Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc: Hám Sơn chú giải: “Bậc Thánh nhân biết hết mọi sự vật trong thiên hạ, nắm rõ nhật nguyệt, mà không tự dụng sự hiểu biết của mình, mới được gọi là minh bạch tứ đạt, cho nên mới nói ‘Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc’”. Bạch ở đây có nghĩa là thông hiểu rõ ràng. Hắc là tối tăm mê muội.
- (4) Thức: Mô hình, mô phạm.
- (5) Thắc: Sai lầm, biến đổi.

Diễn giải:

Một người đang có địa vị tôn quý hiển đạt, mà còn là một nhân vật hùng tài đại lược, nhưng lại có đức tính khiêm cung lễ ngộ với mọi người trong thiên hạ, thì người trong thiên hạ theo về, giống như nước từ các chỗ cao chảy vào suối rồi đổ ra sông hoặc ao đầm. Một người có bụng dạ rộng rãi, biết lễ hiền đãi sĩ thì nhiều người một khi đã gặp thì không bao giờ rời bỏ. Một người luôn tỏ ra rõ ràng minh bạch đối với chân tướng của sự thực thì trong nhiều sự việc, người ấy không tranh cạnh với ai, người có tài trí mà làm như kẻ không biết gì, thì có thể làm gương cho mọi người trong thiên hạ. Một người có thể làm gương cho thiên hạ thì hẳn là người có đức hạnh, không sai chạy chút nào.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一四八

前識者，道之華，而愚之始也。是以大丈夫處其厚，不處其簿；
處其實，不處其華。（卷三十四，老子，德經）。

Phiên âm:

148

Tiền thức giả (1), đạo chi hoa (2), nhi ngu chi thủy dã. Thị dĩ
đại trượng phu, (3) xử kỳ hậu (4), bất xử kỳ bạc (5); xử kỳ thực (6),
bất xử kỳ hoa. (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh).

Chú thích:

- (1) Tiền thức giả: Chỉ người không biết mà nói mình biết. Vương
Bật chú: “Tiền thức giả có nghĩa là người trước biết...”
- (2) Hoa: Túc bông hoa, chỉ vẻ phù hoa bề ngoài.
- (3) Đại trượng phu: Chỉ người trung tín giữ đạo lý, người đắc đạo.
- (4) Hậu: Đôn hậu thuần phác.
- (5) Bạc: Khinh rẻ, khinh bạc, không trung hậu.
- (6) Thực: Quả, trái cây, ý chỉ nội hàm trung thực, chỉ trung tín.

Diễn giải:

Người tự cho mình là người tiên tri tiên giác, mọi sự việc chỉ
nhờ sự thông minh của một mình mình xử lý, bỏ mất tính chân phác,
trái đạo đức, thì đó là con đường của bọn mặt lưu, là căn nguyên của
ngu muội. Vì thế, trong việc lập thân xử thế thì lấy trung tín làm chủ,
không để thân mình sa vào chuyện trái đạo, gây phiền loạn cho đời;
Giữ bản tính chân thực chất phác làm gốc, giữ đạo đức thiện lương
trong công việc, không hoa bướm, sốc nổi bề ngoài, không khoe mình
thông minh tài trí... Đó là bậc đại trượng phu đắc đạo.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一四九

人之所惡, 雖孤寡不穀, 而王公以為稱. 故物或損之而益, 或益之而損. 人之所教, 我亦教人. 強梁者不得其死吾將以為教父.
(卷三十四, 老子, 德經).

Phiên âm:

149

Nhân chi sở ác (1), duy cô, quả, bất cốc (2), nhi vương công (3) dĩ vi xưng (4). Cốc vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn. Nhân chi sở giáo, cường lương giả (6) bất đắc kỳ tử (6), ngô tương dĩ vi giáo phụ (7). (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) Ác: Xấu ác, chán ghét.
- (2) Cô, quả, bất cốc: Chỉ sự xui xẻo, không lành. Lời nói khiêm của các bậc vương công. Cốc là trực bánh xe.
- (3) Vương công: Phiếm chỉ các vị có phẩm tước cao, các quý nhân.
- (4) Dĩ vi xưng: Dùng để xưng hô.
- (5) Cường lương giả: Người mạnh khỏe thô bạo.
- (6) Bất đắc kỳ tử: Kết quả không tốt đẹp, chết bất ngờ.
- (7) Giáo phụ: Cơ sở căn bản của việc giáo hóa. Phụ có nghĩa là căn bản, cái gốc.

Diễn giải:

Danh xưng cô, quả, bất cốc đều chỉ sự bất thường, nhưng giới vương công thường xưng hô như vậy (vương công tôn quý tuy có địa vị cao quý, nhưng muốn tỏ ra khiêm tốn hòa nhã). Vì thế, họ biết rằng hết thảy các sự vật, có khi có hại cho họ, nhưng rồi có khi lại có lợi cho họ, còn có những sự vật có khi có lợi, lại cũng có khi có hại (có lúc đang được ngôi cao chức trọng, rồi

thình lình bị tai họa, thân bại danh liệt). Những gì người ta dạy bảo chúng ta lâu nay (người ta bảo đừng mềm yếu nhu nhược mà cần phải mạnh dạn lên), ta lại dạy trái lại (dường như ta dạy người ta đừng nên cương cường mà nên giữ sự mềm mỏng). Người bá đạo như chó sói thì kết cục không ra gì, người dữ dằn tôn sùng sức mạnh, cường bạo nên thiên lý không tha, thế nào cũng bị nạn đao kiếm hại thân, không thể sống đến cuối đời được. Ta phải nhắc đến nguyên lý sống này làm căn bản trong giáo huấn.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一五〇

大成若缺，其用不弊；大盈冲，其用不穷。大直若屈，大巧若拙，大辩若讷，（卷三十四，老子，德经）。

Phiên âm:

150

Đại thành (1) nhược khuyết (2), kỳ dụng (3) bất tệt (4); Đại doanh (4) nhược xung (5), kỳ dụng bất cùng (7). Đại trực (8) nhược khuất (9), đại xảo (10) nhược chuyết (11), đại biện (12) nhược nột (13). (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) Đại thành: Vật quá viên mãn, tỷ dụ đạo đức viên mãn ở người quân tử.
- (2) Khuyết: Khí cụ bị khuyết thiếu, tỷ dụ ăn năn.
- (3) Dụng: Công dụng, tỷ dụ sức ảnh hưởng.
- (4) Tệt: Hoàn toàn kiệt quệ.

- (5) Đại doanh: Sự vật quá đầy đủ (sung thực), tỷ dụ đạo đức cao tột của người quân tử.
- (6) Xung: Trống rỗng, tỷ dụ quý mà không kiêu căng, giàu mà không xa xỉ.
- (7) Cùng: Hết, xong.
- (8) Đại trực: Tột đỉnh của sự vật, tỷ dụ người quân tử chuyên chú tu đạo chính trực.
- (9) Khuất: Cong, bị che giấu.
- (10) Đại xảo: sự vật quá linh xảo, tỷ dụ người quân tử nhiều tài lắm nghề giỏi.
- (11) Chuyết: Vụng về, thô.
- (12) Đại biện: Hùng biện, ăn nói lưu loát thuyết phục, tỷ dụ người quân tử biện luận hay thuyết phục.
- (13) Nột: ngôn ngữ ngu si.

Diễn giải:

Người quân tử giàu đạo đức, thì giấu tăm, giấu tiếng, giống như một khí cụ dù đã hư hỏng, mà sức ảnh hưởng của nó vĩnh viễn không suy kiệt; người quân tử giàu đạo đức, dù phú quý hơn người vẫn không lên mặt, sang quý mà không kênh kiệu, giàu có mà không xa xỉ, mọi chuyện vẫn tỏ ra bình thường, cứ như mình không có gì, nhưng sức ảnh hưởng thì vĩnh viễn không bao giờ dứt. Người quân tử tu đạo chính trực như nhất, thì không tranh hơn thua với ai, là vì làm người khi thẳng khi cong. Người quân tử đa tài đa nghệ thì không tỏ ra mình giỏi hơn người ta, không tự ý thi thố tài năng trước mọi người. mà lại tỏ ra như người thô vụng. Người quân tử giỏi ăn nói biện luận, đủ sức nói những điều chí lý, nhưng không bao giờ tranh biện, không để lộ tài biện luận của mình, mà tỏ ra như một người nói năng chậm lụt, hơi bị ngu.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一五一

吾言甚易知, 甚易行, 天下莫能知, 莫能行. 夫唯無知是以不我知. 知我者稀, 則我貴矣. 是以聖人被褐懷玉. (卷三十四, 老子, 德經).

Phiên âm:

151

Ngô (1) ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành. Phù duy vô tri, thị dĩ Thánh nhân bị hạt hoài ngọc (6). (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh).

Chú thích:

- (1) Ngô: Ở đây là Lão Tử.
- (2) Bất ngã tri: Cũng là bất tri ngã. Không hiểu ta.
- (3) Hy: Ít.
- (4) Tắc: Phải
- (5) Quý: Tỷ dụ là thiếu, ít.
- (6) Bị hạt hoài ngọc: Ý nói giấu vật quý trong áo không để ai biết. Bị nghĩa là mặc áo. Hạt nghĩa là vải thô, áo vải thô. Đoạn văn này ý nói tài trí của bậc Thánh nhân.

Diễn giải:

Lời nói của ta rất đơn giản dễ hiểu dễ thực hành, thế mà nhiều người không hiểu, cũng không thấy ai thực hành. Do người ta không liễu giải được đạo lý trong đó, nên cũng không hiểu ta. Số người liễu giải lời của ta quá ít, thì khó có cách nào hiểu được ta. Vì thế, bậc Thánh nhân giống như người mặc vải thô của người nghèo hèn, mà trong mình giấu châu ngọc. Nếu không đủ tinh tế chú tâm thì khó phát hiện cái quý báu phong phú giấu trong người họ.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一五二

有其善, 喪厥善; 矜其能, 喪厥功. (卷二, 尚書)

Phiên âm:

152

Hữu (1) kỳ thiện, táng quyết (2) thiện, cẳng (3) kỳ năng, táng quyết công. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Hữu: Chỉ tự mình có tài.
- (2) Quyết: Đại từ ngôi thứ ba.
- (3) Cẳng: Tự phụ, tự khoe, kiêu cẳng.

Diễn giải:

Một người tự cho mình có tài đức, thì bản thân người ấy tỏ ra thất đức bất tài. Một người tự phụ với công lao của mình, thì công lao ấy rồi cũng bị người ta nhanh chóng quên đi.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

八: 謹慎

一五三

緩者, 後於事; 吝於財者失所親信小人者失士, (卷三十二, 管子, 牧民)

Phiên âm:

BÁT: CẨN THẬN

153

Hoãn giả (1), hậu ư sự (2); Lận (3) ư tài giả, thất sở thân (4); Tín tiểu nhân (5) giả, thất sĩ (6). (Quyển 32 - Quản Tử - Mục dân).

Chú thích:

- (1) Hoãn giả: Người thiếu cương quyết, xử sự chậm chạp.
- (2) Hậu ư sự: Hình thế lạc hậu.
- (3) Lận: Bĩ lận, cò kè, gian lận.
- (4) Sở thân: Người thân, bà con bạn bè.
- (5) Tiểu nhân: Chỉ người thiếu nhân cách, nhân cách đê hèn.
- (6) Sĩ: Người tài đức.

Diễn giải:

Người thiếu cương quyết thì xử sự chậm lụt, luôn sau người ta. Còn người bĩ lận, gian dối thì từ bà con họ hàng đến bạn bè không ai tin tưởng. Làm vua mà tin kẻ tiểu nhân thì bậc hiền đức xa lánh hết.

(Theo sách Quản Tử - Mục dân - Quyển 32)

Nguyên văn:

一五四

人主出言，不逆於人心，不悖於理義，其所言足以安天下者也，人唯恐其不復言也。出言而離父子之親，疏君臣之道，害天道之眾，此言之不可復者也。故明君不言也。（卷三十二，管子，形勢解）

Phiên âm:

154

Nhân chủ xuất ngôn, bất nghịch (1) ư dân, bất bội (2) ư lý nghĩa, kỳ sở ngôn túc dĩ (3) an thiên hạ giả dã, nhân duy khùng (4) kỳ bất

phục ngôn (5) dã. Xuất ngôn nhi ly (6) phụ tử chi thân, sơ (7) quân thần chi đạo, hại thiên hạ chi chúng, thủ ngôn chi bất khả phục (8) giả dã. Cố minh quân bất ngôn dã. (**Quyển 32 - Quản Tử - Hình thế giải**).

Chú thích:

- (1) Nghịch: Làm trái lại.
- (2) Bội: Không tuân theo.
- (3) Túc dĩ: Đủ khả năng, đủ sức.
- (4) Duy khùng: Chỉ ngại.
- (5) Bất phục ngôn: Không nói lại.
- (6) Ly: Ly gián, chia rẽ.
- (7) Sơ: Xa cách.
- (8) Bất khả phục: Không thể lặp lại lần nữa.

Diễn giải:

Lời nói của nhà vua không ngược với lòng dân, không trái với nghĩa lý, lời nói của vua đủ để yên thiên hạ, người ta chỉ lo sợ khi vua không nói gì. Nếu như lời vua nói ra làm giảm tình thân giữa cha và con, làm rạn nứt mối quan hệ giữa vua và bầy tôi, làm phương hại đến bách tính trong thiên hạ thì nói ra làm gì. Vì thế bậc minh quân không nói những lời như vậy.

(Theo sách **Quản Tử - Hình thế giải - Quyển 32**)

Nguyên văn:

一五五

重為輕根，靜為躁君。奈何萬乘之主，而以身輕於天下？輕則失臣，躁則失君。

(卷三十四，老子，道經)。

Phiên âm:

155

Trọng (1) vi khinh (2) căn (3), tĩnh (4) vi táo ((5) quân (6). Nại hà (7) vạn thừa chi chúa (8) nhi dĩ thân khinh ư thiên hạ (9)? Khinh tắc thất thân, táo tắc thất quân. (Lão Tử - Quyển 34 - Đạo kinh).

Chú thích:

(1) Trọng: Nặng.

(2) Khinh: Nhẹ.

(3) Căn: Chỉ nguồn gốc, nguyên do, cơ sở của sự vật.

(4) Tĩnh: Thanh tĩnh.

(5) Táo: Hiếu động, nóng tính.

(6) Quân: Chủ tể.

(7) Nại hà: Làm sao.

(8) Vạn thừa chi chúa: Vua của nước vạn cỗ xe, là nước lớn, phiếm chỉ quốc gia. Thời cỗ xe bốn ngựa là một thú.

(9) Dĩ thân khinh ư thiên hạ: Một mình khinh suất nóng vội chẳng đếm xỉa gì thiên hạ. Hàm Sơn chú giải: “Người đời chẳng biết khinh trọng, nên mất mạng hại vật, bị chìm ngập trong danh lợi, không biết khi nào thì động, khi nào thì tĩnh nên làm hỏng chân tính, chìm ngập trong cảnh ham muốn dục vọng, nhà vua làm sao thoát khỏi sa vào thanh sắc dục vọng, làm tổn thương chân tính không tỉnh ra được, do đó, xem vật chất là trọng mà thân mình là nhẹ, nên nói thân khinh thiên hạ”.

Diễn giải:

Sức nặng là cái gốc của nhẹ, trạng thái tĩnh là chủ tể của trạng thái động. Thế thì làm sao ông vua của một nước lớn có vạn cỗ xe, lại được phép khinh suất trong việc cai trị của mình được chứ? Nhà vua dâm loạn thì thân dân không ủng hộ, nhà vua nóng vội thì để mất cả ngôi vua.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一五六

為無為，事無事，味無味，報怨以德。(卷三十四，老子，德經)。

Phiên âm:

156

Vi (1) vô vi (2), sự (3) vô sự (4), vị (5) vô vị (6). Báo oán dĩ đức (7). (Quyển 34 – Lão Tử - Đạo Đức Kinh).

Chú thích:

- (1) Vi: Cai trị.
- (2) Vô vi: Không gì không làm.
- (3) Sự: Làm việc.
- (4) Vô sự: Không sinh sự.
- (5) Vị: Vị phẩm thích hơn.
- (6) Vô vị: Nhạt, chỉ đạo.
- (7) Báo oán dĩ đức: Không trả thù mà dùng ân đức đối xử với kẻ đã hại mình.

Diễn giải:

Trong việc cai trị thiên hạ, bậc Thánh nhân cơ bản là trị lý bằng vô vi, dùng nguyên tắc hành chính vô sự, xử lý công việc cai trị với thái độ điềm đạm, không ghi nhớ oán thù mà lấy đức báo oán.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一五七

日月欲明, 浮雲蓋之; 蘭脩河水, 欲清土穢之; 叢蘭欲脩, 秋風敗之; 人性欲平嗜欲害之. 蒙塵而欲無昧, 不可得也. (卷三十四, 文子, 上德).

Phiên âm:

157

Nhật nguyệt dục minh (1), phù vân cái chi (2); Hà thủy dục thanh, sa thổ uế chi (3); Tùng lan (4) dục tu (5), thu phong bại chi (6); Nhân tình dục bình (7), thị dục hại chi (8). Mông trần (9) nhi dục vô mị (10), bất khả đắc dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng đức**).

Chú thích:

- (1) Minh: Chiếu sáng khắp nơi.
- (2) Cái chi: Cái là mái che. Chi, chỉ mặt trời mặt trăng.
- (3) Uế chi: Uế nghĩa là ô uế, bẩn. Chi, chỉ nước sông.
- (4) Tùng lan: Cây hoa lan mọc thành bụi rậm.
- (5) Du: Xinh tốt.
- (6) Bại chi: Bại là suy bại. Chi chỉ tùng lan.
- (7) Bình: Giữ tâm thanh tịnh.
- (8) Hại chi: Làm tổn hại đến lòng mong muốn thanh tịnh.
- (9) Mông trần: Bị bụi than che khuất.
- (10) Mị: Mắt lé, mờ mắt.

Diễn giải:

Mặt trời mặt trăng có thể chiếu sáng khắp nơi, nhưng ánh sáng bị mây mù che chắn; Nước sông vốn trong xanh, nhưng cát bụi làm đục nước sông; Chòm hoa lan có thể lớn mạnh tươi thắm, nhưng gió thu làm cho chòm lan tiêu điều; Bản tính con người vốn

muốn được thanh tĩnh, nhưng lòng tham dục của chính con người đã làm hại con người. Vẫn mong bụi trần không làm mờ đôi mắt, nhưng có được đâu.

(Theo sách Văn Tử - Thượng đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

一五八

昔者,天子日旦思其四海之内,戰戰唯恐不能乂也;諸侯日旦思其四封之内,戰戰唯恐失損之也;大夫日旦思其官,戰戰唯恐不能勝也;庶人日旦思其事,戰戰唯恐刑罰之至也.是故臨事而慄者,鮮不濟矣.(卷三十五,曾子,脩身).

Phiên âm:

158

Tích giả, thiên tử nhật đán (1) tư kỳ tứ hải chi nội (2); chiến chiến (3) duy khùng bất năng nghệ (4) dã; Chư hầu nhật đán tư kỳ tứ phong chi nội (5), chiến chiến duy khùng thất tổn (6) chi dã; Đại phu (7) nhật đán tư kỳ quan (8), chiến chiến duy khùng bất năng thắng (9) dã; Thứ nhân (10) nhật đán tư kỳ sự (11), chiến chiến duy khùng hình phạt chi chí (12) dã. Thị cố lâm sự nhi lạt (13) giả, tiên (14) bất tế (15) hỹ. (Quyển 35 - Tăng Tử - Tu thân).

Chú thích:

- (1) Nhật đán: Sáng sớm mỗi ngày, cũng chỉ mỗi ngày.
- (2) Tứ hải chi nội: Chỉ các miền trong cả nước.
- (3) Chiến chiến: Luôn luôn, chỉ từng lúc để ý cẩn thận từng chút công việc mình phụ trách.
- (4) Nghệ: Ổn định.
- (5) Tứ phong chi nội: Chỉ các miền trong nước.

- (6) Thất tổn: Bị mất.
- (7) Đại phu: Quan chức thời cổ, dưới quan Khanh, trên quan Sĩ.
- (8) Quan: Sự vụ thuộc quốc gia hoặc công gia.
- (9) Thẳng: Có thể gánh vác.
- (10) Thứ nhân: Phiến chỉ nhân dân không quan chức.
- (11) Sự: Chức nghiệp của một mình mình.
- (12) Hình phạt chi chí: Ý nói không làm việc tốt thì bị phạt.
- (13) Lâm sự nhi lật: Tiểu tâm cẩn thận khi gặp việc.
- (14) Tiên: Ít.
- (15) Bất tề: Không thành công.

Diễn giải:

Thời cổ, mỗi ngày, vị thiên tử đều nghĩ đến chuyện thiên hạ, canh cánh lo thiên hạ không được thái bình an ổn. Các vua chư hầu thì mỗi ngày đều lo nghĩ những chuyện trong nước của mình, canh cánh nỗi lo nước mình bị mất. Các viên đại phu, mỗi ngày đều lo nghĩ đến nhiệm vụ của mình, canh cánh nỗi lo không hoàn thành tốt công tác được phân công. Còn nhân dân thì mỗi ngày lo nghĩ đến chuyện làm dân, canh cánh lo sợ vi phạm gì chẳng để phải bị trách phạt. Vì thế cho nên, người để ý cẩn thận trong công việc thì rất ít việc không thành công.

(Theo sách Tăng Tử - Tu thân - Quyển 35)

Nguyên văn:

九：交友

一五九

蓬生麻中，不扶乃直，自沙在泥，與之皆黑。是故人之相與也，譬如舟車然，相濟達也。己先則援之，彼先則推之。是故人非

人濟，馬非馬不走，土非土不高，水非水不流。（卷三十五，曾子，制言）。

Phiên âm:

CỬU: GIAO HỮU

159

Bồng sinh ma trung (1), bắt phù nãi trực; tự sa tại nê, dĩ chi giai hắc. Thị cố nhân chi tương dĩ (2) dã, thí như chu xa nhiên, tương tế (3) đạt dã. Kỳ tiên tắc viện chi (4), bỉ tiên tắc xuy chi. Thị cố, nhân phi nhân bất tế (5), mã phi mã bất tẩu (6), thổ phi thổ bất cao, thủy phi thủy bất lưu. (Quyển 35 - Tăng Tử - Chế ngôn).

Chú thích:

- (1) Bồng sinh ma trung: Cỏ bồng mọc trong ruộng cây gai, ẩn dụ được sinh trưởng trong hoàn cảnh tốt đẹp, được ảnh hưởng các điều kiện tốt.
- (2) Tương dĩ: Ở chung.
- (3) Tương tế: Cùng giúp nhau, xong sớm.
- (4) Kỳ tiên tắc viện chi: Mình lên thuyền trước, kéo các người khác lên. Viện nghĩa là dẫn dắt.
- (5) Nhân phi nhân bất tế: Con người không được người khác giúp đỡ thì khó mà thành tựu. Tế nghĩa là thành công, thành tựu.
- (6) Tẩu: Chạy, bỏ chạy.

Diễn giải:

Cây cỏ bồng mọc lên trong ruộng cây gai, cây cỏ bồng vẫn tự nhiên lớn lên không cần ai giúp gì cả, cát trắng ném vào bùn đen thì trở thành màu đen như bùn. Vì thế, giữa con người với nhau, giống như đi thuyền đi xe chung với nhau, chỉ có cùng bang trợ giúp nhau thì mới có thể thành công. Nếu mình lên thuyền trước thì kéo những người khác, người lên xe trước cũng vậy, kéo những

người khác lên, Vì thế có thể nói, một người không được người khác giúp thì không thể làm việc thành công. Một con ngựa không có con ngựa khác hiệp lực, thì chạy khật khừ, gò đất không được đắp thêm thì khó thành ngọn núi cao, nước mà không được kích vọt thì không chảy được.

(Theo sách **Tăng Tử - Chế ngôn - Quyển 35**)

Nguyên văn:

一六〇

今與不善人處，則所聞者欺誣詐偽也，所見汙漫淫邪貪利之行也。身且加於刑剝而不自知者靡使然也。（卷三十五，孫卿子）。

Phiên âm:

160

Kim dĩ bất thiện nhân xú, tắc sở văn giả khi vu trá ngụy (1) dã, sở kiến giả ô mạn dâm tà tham lợi (2) chi hành dã. Thân thả gia ư hình lục (3) nhi bất tự tri giả, mĩ (4) sử nhiên (5) dã. (**Quyển 35 - Tôn Khanh Tử**).

Chú thích:

(1) Khi vu trá ngụy: Khi vu: lừa đảo, lừa dối. Trá ngụy là giả mạo.

(2) Ô mạn dâm tà tham lợi: Ô ố, tà ác, tham lam vật chất.

(3) Hình lục: Bị hình phạt hoặc bị xử tử.

(4) Mĩ: Dẫn thân làm chuyện đen tối, triêm nhiễm. Sách *Nam hoa kinh - Tế Vật luận* của Trang Tử viết: “Dĩ vật tương nhẫn tương mĩ” Sách *Tuân Tử - Tính ác thiên* viết: “Thân ngày càng tiến đến nhân nghĩa, nhưng không tự biết, nên để theo tự nhiên”.

(5) Sử nhiên: Khiến nó biến được như vậy.

Diễn giải:

Nay xử sự cùng với kẻ bất lương, chắc phải nghe toàn chuyện dối lừa xảo trá bậy bạ, chắc phải chứng kiến toàn những hành vi bẩn thỉu, dâm dăng, tham lam, tà ác. Bản thân sẽ vướng lao tù thậm chí bị tử hình mà đâu có biết, là vì hàng ngày cọ xát, bị lây nhiễm mà thành như vậy.

(Theo sách **Tôn Khanh Tử** - Quyển 35)

Nguyên văn:

一六一

君子不友不如己者，非羞彼，而大我也。不如己者，須以慎者也。然則夫人不暇，將誰相我哉？吾之儻也，亦無日矣。故墳庫則水縱，有邪則己僻，是以君子慎所友。（卷四十六，中論）。

Phiên âm:

161

Quân tử bất hữu bất như kỷ giả, phi tu bỉ, nhi đại ngã dã. Bất như kỷ giả, tu kỷ thận giả dã. Nhiên tắc phù nhân bất hạ, tương thù tương ngã tai? Ngô chi phần (1) dã, diệc vô nhật (2) hỹ. Cố phần bỉ (3) tắc thủy tủng, hữu tà tắc kỷ tích, thị dĩ quân tử thận sở hữu. (**Quyển 46 - Trung luận**).

Chú thích:

- (1) Phần: Hông, bại, thua.
- (2) Vô nhật: Không bao lâu.
- (3) Phần bỉ: Bờ thấp. Phần nghĩa là bờ đê phòng, bỉ nghĩa là thấp.

Diễn giải:

Người quân tử không thích kết bạn với những người mà đức

hạnh không giống như mình, đồng thời cũng không đơn giản trong việc nhìn người, nên bị cho là người tự cao. Vì người đức hạnh không giống như mình tất khiến mình rất thường khi mở lòng. Mở lòng mãi như vậy, giúp cho bạn chẳng xong thì còn có ai giúp cho mình nữa? Thế cho nên nói bờ ngăn thấp thì bị nước tràn khi con nước lớn, kết bạn với bọn xấu, ắt bản thân mình mất đi sự đúng đắn. Vì vậy, người quân tử rất là cẩn thận trong việc kết giao bạn hữu.

(Theo sách Trung luận - Quyển 46)

Nguyên văn:

十：學問

一六二

君子愛日以學，乃時以行，難者弗避，易者弗從，唯義所在。日旦就業，夕而自省思，以沒其身，亦可謂守業矣。（卷三十五，曾子，脩身）。

Phiên âm:

THẬP: HỌC VẤN

162

Quân tử ái nhật (1) dĩ học, cập thời dĩ hành (2), nan giả (3) phát tự (4), dị giả phát tòng (5), duy nghĩa (6) sở tại. Nhân đàn tựu nghiệp (7), tịch nhi tự tỉnh tư, dĩ một kỳ thân (8), diệc khả vị thủ nghiệp (9) hỹ. (**Quyển 35 - Tăng Tử - Tu thân**).

Chú thích:

- (1) Ái nhật: Quý quý thời gian.
- (2) Cập thời dĩ hành: Tùy lúc mà làm theo sở học. Hành nghĩa là làm việc thực tế.
- (3) Nan giả: Chỗ khốn nạn.

- (4) Phất ty: Không tránh né.
(5) Phất tùng: Không theo làm bậy, làm xằng.
(6) Nghĩa: Tuân theo chính lý. Tuân theo quy tắc của đại tự nhiên, không kể vì mình hay vì ai khác, tư tưởng lời nói hành động đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp, không trái với đạo lý, là lương tâm theo thiên lý.
(7) Tụu nghiệp: Chiếu theo sở học mà áp dụng trong thực tế. Tụu nghĩa là chiếu theo. Tùng nghĩa là sở học.
(8) Dĩ một kỳ thân: Thẳng đến hết cuộc đời. Một nghĩa là chết.
(9) Thủ tùng: Kiên trì học tập.

Diễn giải:

Người quân tử rất quý thời gian trong học tập, học các tri thức sẽ ứng dụng trong cuộc sống thực tế sau này, không né tránh việc khó, không ham an nhàn, chỉ suy tư về đạo nghĩa trong thực tế. Người quân tử mỗi sáng sớm thức dậy bắt đầu bằng việc xem xét đối chiếu những gì đã học với thực tế, đến chiều tối thì suy tư đúc kết việc làm của mình trong ngày, cứ như thế cho đến khi già chết. Như thế, mới được cho là người kiên thủ học nghiệp.

(Theo sách Tăng Tử - Tu thân - Quyển 35)

Nguyên văn:

一六三

君子學則由其業，問則以其序。問而不決，承問觀色而復之。
(卷三十五，曾子，脩身)。

Phiên âm:

163

Quân tử học tắc do kỳ nghiệp (1), vấn tắc dĩ kỳ tự (2). Vấn nhi

bất quyết (3), thừa gian (4) quan sắc (5) nhi phục chi (6). (**Quyển 35 - Tăng Tử - Tu thân**).

Chú thích:

(1) Học tắc do kỳ nghiệp: Học tập ắt phải noi theo sở học. Do nghĩa là noi theo. Nghiệp: Chỉ miếng ván gỗ. Ngày xưa, học thì mở sách ra tuần tự viết lên tấm ván gỗ, khi học thì nói “tu nghiệp”, học xong thì nói “tốt nghiệp”. Chỉ nội dung sở học ngày xưa. Sách *Lễ ký - Học ký* viết: Đại học chi giáo dã, thời giáo tất hữu chính nghiệp, thoai túc tất hữu cư học”.

(2) Vấn tất dĩ kỳ tự: Chất vấn ắt sẽ giỏi lên. Tự nghĩa là thứ tự, sách *Lễ ký - Học ký* viết “Người khi nhỏ mà không chất vấn, thì học chẳng giỏi được”.

(3) Quyết: Tức giải quyết.

(4) Thừa gian: Chỉ khi thầy rảnh.

(5) Quan sắc: Quan sát sắc mặt.

(6) Phục chi: Trở lại thầy dạy.

Diễn giải:

Người quân tử học tập tất phải tuân theo sở học; như cần chất vấn thì nhất định phải có trình tự thích hợp, sau chất vấn, nếu chưa được giải quyết thỏa đáng, thì chờ xem sắc mặt của thầy, mới chất vấn tiếp.

(Theo sách **Tăng Tử - Tu thân - Quyển 35**)

Nguyên văn:

一六四

弟子問於曾子曰：“夫士何如則可為達矣？”曾子曰：“不能則學，疑則問。欲行則比賢，雖有險道，脩行，達矣！今之弟子，

病下人, 不知事賢, 恥不知而又不問, 是以感闇, 終其世而以
矣. 是謂窮民”. (卷三十五, 曾子, 制言).

Phiên âm:

164

Đệ tử vấn ư Tăng Tử, viết: “Phù sĩ (1) hà như tắc khả vi đạt (2) hỹ?”. Tăng Tử viết: “bất năng tắc học, nghi tắc vấn, dục hành (3) tắc tỷ (4) hiển, tuy hữu hiểm đạo, tu hành (5) đạt hỹ! kim chi đệ tử, bệnh (6) hạ nhân (7) , bất tri sự hiển (8), sĩ bất tri nhi hựu bất vấn, thị dĩ cảm ám (9) chung kỳ thể nhi dĩ hỹ. Thị vị cùng (10) dân”. (Quyển 35 - Tăng Tử - Chế ngôn).

Chú thích:

- (1) Sĩ: Người có học.
- (2) Đạt: Thông hiểu sự lý.
- (3) Hành: Thực tế làm việc.
- (4) Tỷ: So sánh.
- (5) Tu hành: Làm theo đúng chính đạo.
- (6) Bệnh: Lấy làm hổ thẹn.
- (7) Hạ nhân: Cư xử nhường nhịn.
- (8) Sự hiển: Xin theo học tập người tài đức.
- (9) Cảm ám: Cảm thấy bế tắc.
- (10) Cùng: Bế tắc, không thông đạt.

Diễn giải:

Học trò hỏi thầy Tăng Tử: “Thưa thầy, người có học phải hành xử như thế nào mới gọi là người thông đạt? Tăng Tử nói: “Mình chưa được học đầy đủ thì khi gặp điều gì chưa hiểu nên thỉnh giáo bậc hiền tài, thì tuy gặp phải khó khăn nguy hiểm cứ căn cứ theo phương pháp mà xử lý thì sẽ thông. Ngày nay không

ít người có học mà sĩ diện hão, trình độ kém sút người khác mà không biết bái người tài đức làm thầy, chưa thông hiểu hết mà hồ thẹn không chịu thỉnh giáo ai, vì thế mà chịu ngu muội tối tăm cả đời. Đó là những kẻ không thông đạt vậy”.

(*Theo sách Tăng Tử - Chế ngôn - Quyển 35*)

Nguyên văn:

一六五

子路卞之野人, 子貢衛之賈人, 顏涿聚盜也, 顓孫師駟也. 孔子教之皆為顯士. (卷三十六, 尸子, 勸學).

Phiên âm:

165

Tử Lộ (1) biện (2) chi dã nhân (3), Tử Cống (4) vệ (5) chi cổ nhân (6), Nhan Trác Tụ (7) đạo dã, Chuyên Tôn Sư. (8) tăng (9) dã, Khổng Tử giáo chi, giai vi hiển sĩ (10). (**Quyển 36 - Thi Tử - Khuyến học**).

Chú thích:

(1) Tử Lộ: Một học trò của Khổng Tử (542-480 tr. CN), họ Trọng, tên Do, tự Tử Lộ, còn tên tự là Quý Lộ, người xứ Biện thời Xuân Thu, Tử Lộ là người dũng cảm, phụng dưỡng cha mẹ rất có hiếu.

(2) Biện: Tên miền đất thuộc Lỗ ấp, di chỉ cách huyện Tú Thủy, tỉnh Sơn Đông 50 dặm.

(3) Dã nhân: Dân đen, người không có chức tước bổng lộc.

(4) Tử Cống: một học trò của Khổng Tử (520-446 tr. CN), họ Đoan Mộc, tên Tứ, tự Tử Cống, người nước Vệ thời Xuân Thu, giỏi kinh doanh, là người ăn nói khôn khéo, được xem là một trong 4 học trò giỏi của Khổng Tử, liệu việc thường trúng.

(5) Vệ: Một chư hầu nhà Chu, Chu Vũ Vương phong cho người

em là Khang Thúc. Di chỉ nay là dải đất gồm miền nam tỉnh Hà Bắc và miền bắc tỉnh Hà Nam, sau bị nước Tần thôn tóm.

(6) Cổ nhân: Người buôn bán, thương gia.

(7) Nhan Trác Tụ: Tên là Canh, quan đại thần thời vua Tề Cảnh Công.

(8) Chuyên Tôn Sư: Một học trò của Khổng Tử, (503-447 tr. CN), tính là Chuyên Tôn, tên là Sư, tự là Tử Trương. Người Dương thành nước Trần (nay là huyện Đẳng Phong tỉnh Hà Nam, xuất thân nghèo hèn, lại phạm tội, được thầy Khổng rèn dạy thành kẻ sĩ nổi tiếng, là một trong 12 học trò giỏi nhất của Khổng Tử.

(9) Tàng: Kẻ môi giới mua bán ngựa.

(10) Hiến sĩ: Kẻ sĩ nổi tiếng.

Diễn giải:

Tử Lộ là người bình dân xứ Biện, Tử Cống là một nhà buôn người nước Vệ, Nhan Trác Tụ vốn là một tên ăn trộm, Chuyên Tôn Sư là một tay môi giới buôn bán ngựa. Sau khi theo học với thầy Khổng thì đều có tiếng là bậc sĩ nhân hiền tài.

(Theo sách Thi Tử - Khuyến học - Quyển 36)

Nguyên văn:

一六六

夫學譬之猶礪也，夫昆吾之金，而銖父之錫使于越之工，鑄之以為劍，而勿加砥礪，則以制不入，以擊不斷，磨之礪礪，加之以黃砥，則制也無前，其擊也無下。自是觀之，礪之與弗礪，其相去遠矣。（卷三十六，尸子，勸學）。

Phiên âm:

166

Phù học thí chi do lệ (1) dã, phù côn ngô chi kim (2), nhi (3)

thù phụ chi tích (4), sử (5) vu việt chi công, chú chi dĩ vi kiếm, nhi vật gia chỉ lệ (6), tắc dĩ chế bất nhập, dĩ kích bất đoạn, ma chi lung lệ (7), gia chi dĩ hoàng chỉ (8), tắc kỳ chế dã vô tiên (9), kỳ kích dã vô hạ (10). Tự thị quán chi (11), lệ chi dĩ phát lệ, kỳ tương khú (12) viễn hỹ. (**Quyển 36 - Thi Tử - Khuyến học**).

Chú thích:

(1) Học thí chi do lệ: Tỷ dụ việc học như mài đá mài. Do có nghĩa là giống như. Lệ là đá mài hạt to thô, cũng có nghĩa là mài vật gì đó.

(2) Côn Ngô chi kim: Núi Côn Ngô có mỏ đồng đỏ. Sách *Sơn hải kinh - Trung sơn kinh* Quách Phác thời nhà Tấn chú: “Núi ấy có mỏ đồng, sắc đỏ như lửa, dùng làm gương, dao, vật nhọn, gọt ngọc như chém bùn. Thời vua Chu Mục Vương nước Tây Nhung triều cống, Thi Tử gọi là “côn ngô chi kiếm”.

(3) Nhi: Cùng với.

(4) Thù Phụ chi tích: Thù Phụ sản xuất ra kim loại thiếc, Tiều Sơn triều vua Gia Khánh nhà Thanh viện dẫn sách *Kế bồi tập* của Thi Tử chú giải: “Sách *Ngô Việt Xuân Thu* viết rằng khai thác mỏ kim loại ở núi Xích Cận tìm ra thiếc, còn trong suối núi ấy thì có đồng, Khu Dã Tử dùng luyện ra kiếm Thuần Câu. Loại thiếc của Thù Phụ cũng có màu đỏ gần như đồng”.

(5) Sử: Sai bảo, điều khiển.

(6) Chỉ lệ: Đá mài, chỉ loại đá mài nhuyễn, lệ đá mài thô.

(7) Lung lệ: Cối xay xát ngũ cốc.

(8) Hoàng chỉ: Đá mài nhuyễn màu vàng.

(9) Kỳ chế dã vô tiên: Trước chưa có. Sách *Trang Tử - Thuyết kiếm* viết: “Tủ kiếm, trực chi vô tiên, cử chi vô thượng, án chi vô hạ, vận chi vô bang”.

(10) Kỳ kích dã vô hạ: Chém xuống không gì đỡ nổi.

(11) Tự thị quán chi: Từ đó mà xem xét.

(12) Tương khú: Cùng cự nhau.

Diễn giải:

Học tập giống như mài giũa đồ vật. Núi Côn Ngô có mỏ đồng, núi Thù Phụ có mỏ thiếc, qua gia công của thợ chuyên môn ở nước Việt, đúc thành loại “thanh đồng kiếm”. Loại kiếm này, nếu không trải qua quá trình mài dũa thì đâm không thủng được, dùng để cắt cũng cắt không đứt được gì. Còn nếu trước hết dùng loại đá mài thô mài qua, rồi sau đó dùng loại đá mài nhuyễn mài cho sắc bén, dùng nó đâm thẳng về phía trước, thì không có gì cản được nó, đâm xuống dưới cũng không có gì ngăn được. Từ đó cho thấy, thanh đồng kiếm chưa mài giũa khác với thanh đồng kiếm đã mài giũa như thế nào vậy.

(Theo sách **Thi Tử - Khuyến học - Quyển 36**)

Nguyên văn:

十一：有恆

一六七

工人數變業，則失其功；作者數搖徙，則亡其功。一人之作日亡半日，十日以亡五人之功；萬人之作，日亡半日，十日則亡萬人之功。然則數變業，其民彌眾，其虧彌大矣。（卷三十六，韓子，解老）。

Phiên âm:

THẬP NHẤT: HỮU HẰNG

167

Công nhân số biến nghiệp, tác thất kỳ công (1); Tác giả (2) số dao (3) đồ, tác vong kỳ công. Nhất nhân chi tác (4), nhật vong bán nhật, thập nhật tác vong ngũ nhân chi công; vạn nhân chi tác, nhật vong bán nhật, thập nhật tác vong ngũ vạn nhân chi công. Nhiên

tác sở biến nghiệp, kỳ dân di chúng, kỳ khuy di đại hỹ. (**Quyển 40 - Hàn Tử - Giải lão**).

Chú thích:

- (1) Công: Công lao, công phu.
- (2) Tác giả: Chỉ thợ, người lao dịch.
- (3) Dao: Vội, gấp, nhanh.
- (4) Tác: Làm việc.

Diễn giải:

Người làm nghề nhiều lần thay đổi chức nghiệp, thì dễ mất tính thuần thực giỏi nghề. Người thợ có tay nghề, người lao động mà cứ phải dịch chuyển hoài thì không hưởng được thành quả lao động của mình trước đó. Một người làm việc trong một ngày để phí mất nửa ngày, thì trong 10 ngày làm việc phí mất đi công lao động của 5 người; Một vạn người làm việc, trong một ngày để phí hết nửa ngày thì trong 10 ngày mất đi công việc của 5 vạn người lao động. Thế nên, công việc, chức nghiệp nhân sự thay đổi nhiều chùng nào thì gây ra tổn thất càng lớn chùng đó.

(Theo sách Hàn Tử - Giải lão - Quyển 40)

Nguyên văn:

一六八

分定計決，勸沮不能干；樂天知命，憂懼不能入。困瘁而益堅窮否而不悔，誠能用心如此者，亦安肯靡萍浮傲 1 禮之所棄者之所為哉。(卷五〇，抱朴子，制驕)。

Phiên âm:

168

Phân định (1) kế quyết, khuyến tự (2) bất năng can (3); Lạc

thiên tri mệnh (4), ưu cụ bất năng nhân (5). Khốn tụy (6) nhi ích kiên, cùng bỉ (7) nhi bất hối. thành (8) năng dụng tâm như thử giả, diệc an khảng (9) thảo mĩ (10) bình phù, hiệu (11) lễ chi sở khí giả chi sở vi tai? (**Quyển 50 - Bào Phác Tử - Chế kiều**).

Chú thích:

- (1) Phân định: Đòi người có hạn, không thể cố cầu mà được.
- (2) Khuyến tỵ: Khuyến cố lên [khuyến miễn]. Tỵ nghĩa là dừng.
- (3) Can: Buộc phải tham dự.
- (4) Lạc thiên tri mệnh: Yên phận với hoàn cảnh của mình do mạng vận đã an bài không nên cố gắng thay đổi mất công. Kinh Dịch viết : “Lạc thiên tri mệnh thì không phải lo lắng”. Thiên chỉ ý trời. Mệnh chỉ mệnh vận.
- (5) Ưu cụ bất năng nhập: Ưu sầu lo lắng đều không thể xâm nhập.
- (6) Khốn tụy: Lao khổ khốn đốn. Tụy có nghĩa là khốn đốn.
- (7) Cùng bỉ: Nguy khốn, không hiển đạt. Bỉ có nghĩa là không tốt, là xấu
- (8) Thành: Xác thực, đích xác.
- (9) An khảng: Khảng định thế nào.
- (10) Thảo mĩ: Cỏ bị gió thổi ngã rạp.
- (11) Hiệu: Mô phỏng, bắt chước, hiệu quả.

Diễn giải:

Vận mệnh đã định, cố gắng làm thay đổi mệnh vận hoàn toàn không thể được. Người xưa bảo “lạc tri thiên mệnh” tức là nên bằng lòng với thiên mệnh, có buồn có sợ đều không thể thay đổi được thiên mệnh. Càng bị khốn khổ thì tâm chí càng thêm kiên cường, dù cùng khốn không được hiển đạt cũng không than thở. Người dụng tâm như vậy giống như ngọn cỏ rạp dưới cơn gió, cũng giống với đám bèo nổi trên mặt nước di chuyển mãi theo ngọn sóng đẩy đưa. Phải chăng đó là hành vi của nhiều người bỏ qua lẽ pháp?

(Theo sách **Bào Phác Tử - Chế kiều - Quyển 50**)

Nguyên văn:

十二：處世

一六九

琅耶王由，序子將，先帝第五子，受詔征吳，孫皓請降，進拜大將軍。由既戚屬尊重，加有平吳之功而克己恭儉，無矜滿之色。統御文武，各得其用。百姓悅仰或懷惠化。（卷二十九，晉書上，傳）。

Phiên âm:

THẬP NHỊ: XỬ THẾ

169

Lang Da vương Trụ (1), tự Tử Tương, Tuyên Đế đệ ngũ tử. Trụ chiêu (2) chinh Ngô, Tôn Hạo thỉnh hàng, tế bái (3) đại tướng quân. Trụ ký thích thuộc (4) tôn trọng, gia hữu bình Ngô chi công, nhi khắc kỷ cung kiệm (5), vô căng mãn (6) chi sắc. Thống ngự văn vũ, các đắc kỳ dụng (7), bách tính duyệt ngưỡng (8), hoạc hoài huệ hóa (9). (Quyển 29 - Tấn thư thượng - Truyện).

Chú thích:

(1) Lang Da vương Trụ: Túc Tử Mã Trụ (227-283 CN) là chú của vua Tấn Thế Tổ Tư Mã Viêm. Sau khi cướp ngôi nhà Tào Ngụy, Tư Mã Viêm phong cho Tư Mã Trụ là Đông Hoàn Vương, trong triều làm chức Thượng thư Hữu Bộc xạ, Phủ quân Đô thống, bên ngoài trấn làm Trấn Đông đại tướng quân. Vào niên hiệu Hàm Ninh thứ 3 (277 CN) được phong Lang Da vương, là nhà cai trị tối cao nước Lang Da. Nước Lang Da vào thời nhà Tây Hán là nước phong cho tôn thất nhà Hán là Lưu Trạch, đến thời Đông Hán thì Lưu Kinh làm Lang Da vương. Trải qua thời Tam quốc, lưỡng Tấn, Tùy, Đường có nhiều người được phong làm Lang Da vương.

(2) Chiêu: Mệnh lệnh của hoàng đế.

(3) Bái: Được phong.

(4) Thích thuộc: Bà con.

- (5) Cung kiệm: Khiêm tốn lễ phép.
- (6) Căng mẫn: Kiêu ngạo tự mẫn.
- (7) Các đặc kỳ dụng: Bố trí đúng vị trí.
- (8) Duyệt ngưỡng: Kính ngưỡng, ngưỡng mộ.
- (9) Hoạch hoài huệ hóa: Luôn nhớ đến ơn huệ và giáo hóa.

Diễn giải:

Lang Da vương Tư Mã Trụ, tự là Tử Tương, là con thứ 5 của vua Tuyên Đế Tư Mã Ý, thụ chiếu đem quân đi chinh phục nước Đông Ngô, vua nước Ngô là Tôn Hạo xin hàng, nên được phong làm Đại tướng quân. Tư Mã Trụ là hoàng thân, lại rất được tôn sùng vì có đại công bình định nước Đông Ngô, nhưng ông là người giản dị khiêm tốn, khắc kỷ, không có vẻ tự mẫn khoe công hoặc kiêu ngạo. Các quan văn võ dưới quyền ông đều được ông phong cho làm các chức phù hợp, còn dân chúng thì rất ngưỡng mộ ông, nhất là các vị bô lão vì ân huệ và giáo hóa của ông.

(Theo sách Tấn thư thượng - Truyện - Quyển 29)

Nguyên văn:

一七〇

不肖者，不自謂不肖，而不肖見於行。不肖者，雖自謂賢，人猶皆謂之不肖也。愚者不自謂愚而愚見於言。愚者雖自謂智，人猶皆謂之愚也。（卷三十一，鬻子）。

Phiên âm:

170

Bất tiểu (1) giả bất tự vị (2) bất tiểu, nhi bất tiểu hiện ư hành (4). Bất tiểu giả tuy tự vị hiển (5), nhân do (6) giai vị chi bất tiểu

dã. Ngu (7) giả bất tự vị ngu, nhi ngu kiến ư ngôn (8). Ngu giả tuy tự vị trí (9), nhân do giai vị chi ngu dã. (**Quyển 31 - Chúc Tử**).

Chú thích:

- (1) Bất tiểu: Bất tài, bất lương.
- (2) Vị: Cho là.
- (3) Hiện: Biểu hiện.
- (4) Hành: Biểu hiện nơi phẩm chất hành động.
- (5) Hiển: Có đức có tài.
- (6) Do: Còn là.
- (7) Ngu: Ngu muội, đần độn.
- (8) Ngôn: Lời nói ra.
- (9) Trí: Thông minh, có kiến thức.

Diễn giải:

Người xấu tính không bao giờ cho rằng mình xấu tính, nhưng hành vi của hấn cho thấy hấn xấu tính. Kẻ xấu tính tuy tự xưng tài đức, nhưng người đời vẫn gọi hấn là tên bất hảo. Kẻ ngu muội cũng vậy không bao giờ tự cho mình ngu muội, nhưng lời nói của kẻ đó tỏ ra là ngu. Kẻ ngu muội tuy tự cho mình thông minh sáng dạ, nhưng người đời vẫn cho hấn là thằng ngu.

(Theo sách Chúc Tử - Quyển 31)

Nguyên văn:

肆：為政

一：務本

一七一

昔在前聖之世，欲敦風俗，鎮靜百姓，隆鄉黨之義，崇六親之

行, 人道賢否於是見矣, 然鄉老書其善, 以獻天子; 司馬論其能, 以官於職; 有司考績以明黜陟. 故天下之人, 退而脩本, 州黨有德義, 朝廷有公正, 天下大治. 夫華邪無所容厝. (卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

CƯƠNG MỤC ĐỆ TỬ: VI CHÍNH

NHẤT: VỤ BẢN

171

Tích tại tiên thánh chi thế, dục đôn phong tục, trấn tĩnh (1) bách tính, long hương đảng chi nghĩa, sung lục thân (2) chi hạnh, nhân đạo hiền phủ, ư thị kiến hỹ. Nhiên hương lão (3) thư kỳ thiện, dĩ hiến thiên tử; tư mã (4) luận kỳ năng, dĩ quan ư chức, hữu tư khảo tích dĩ minh truất trặc (5). Cố thiên hạ chi nhân, thoái nhi tu bản, châu đảng (6) hữu đức nghĩa, triều đình hữu công chính, thiên hạ đại trị. Phù hoa tà nịnh, vô sở dung thổ (7). (Quyển 30 – Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Trấn tĩnh: Chỉ an ổn.

(2) Lục thân: Phiếm chỉ bà con thân thuộc. Sách *Lão Tử* viết: “Lục thân bất hòa hữu hiếu tử”. Vương Bật chú giải: “Lục thân gồm: Cha, con, anh, em, chồng, vợ”. Sách *Quản Tử - Mục dân* viết “Thượng phục độ, tắc lục thân cố”. Doãn Tri Chương chú thích: “Lục thân là cha, mẹ, anh, em, vợ, con”. Giả Nghị thời Hán trong sách *Tân thư - Lục thuật* viết: Cha, anh em của cha, ông nội, anh em của ông nội, ông cố, anh em của ông cố là lục thân”.

(3) Hương lão: Tên chức quan theo *Chu Lễ*, chuyên việc giáo hóa lục hương, mỗi 2 hương [làng] do một người Tam công kiêm nhiệm. “Tam công” ở triều đình, tại các hương thì có “hương lão”.

(4) Tư mã: Tên chức quan thời cổ, bắt đầu từ thời nhà Ân nhà Thương, quan Tư mã chuyên quản về ngựa chiến, việc quân, thu

thuế nuôi quân, thuộc “tam công” tương đương với quan lục khanh, cùng các chức Tư đồ, Tư khấu, Tư sĩ, Tư không đều được gọi là ngũ quan. Thời vua Hán Vũ đế ban thêm hiệu Đại Tư mã, làm Đại tướng quân; Sau đó thêm hiệu Phiêu kỵ tướng quân; nhà Hậu Hán thiết trí riêng chức khai phủ (chỉ quan cao cấp như tam công, đại tướng quân, tướng quân, cho lập phủ thự riêng tự tuyển quan viên riêng). Từ nhà Tùy Đường trở đi gọi là binh bộ Thượng thư.

(5) Truất trác: Chỉ việc thăng chức, điều chuyển, giáng chức quan viên.

(6) Châu đảng: Nói về làng xóm.

(7) Dung thổ: Bắt tay làm được.

Diễn giải:

Vào thời các vị thánh vương trị nước, thì phong khí xã hội rất là đôn hậu, nhân dân sinh sống rất là ổn định, giữa bà con họ tộc, nhân dân làng xóm đều tôn sùng đạo nghĩa, để xứng nhân luân đức hạnh giữa bà con họ hàng trong lục thân với nhau. Theo đó thì mỗi người có là người hiền đức hay không thì xem hành vi lời nói hàng ngày của người ấy, các quan Hương lão ghi chép rồi báo cáo lên triều đình, quan Tư mã bình nghị tài năng từng người, bổ nhiệm vào các chức quan tương ứng. Sau đó qua quan lại chủ quản khảo hạch thành tích cai quản của họ, rồi đề nghị thăng chức, điều chuyển hoặc giáng chức, cách chức đối với từng viên quan. Do đó mà trong bản phận của mình, mỗi người đều phải tu thân lập đức, khiến cho từ làng xóm châu quận đều giáng cầu đạo nghĩa đức hạnh, triều đình công chính vô tư trong việc dùng người, nhờ đó mà thiên hạ đại trị, còn bọn gian tà, phù phiếm không có đất dung thân.

(Theo sách Tẩn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

一七二

文王在鄴召太公曰：“商王罪殺不辜，汝尚助予憂民。今我何如？”太公曰：“王其脩身下賢惠民以觀天道。天道無殃不可以先唱，人道無災，不可以先謀。必見天殃，又見人災，乃可以謀”
(卷三十一，六韜，武韜)。

Phiên âm:

172

Văn Vương tại Phong (1), triệu Thái Công, viết: “Thương vương (2) tội sát bất cô (3), nhữ thượng trợ dư ưu dân (4). Kim ngã hà như?” Thái Công viết: “Vương kỳ tu thân, hạ hiền (5), huệ dân, dĩ quan thiên đạo. Thiên đạo vô ương bất khả dĩ tiên xướng (6), nhân đạo vô tai bất khả dĩ tiên mưu. Tất kiến thiên ương (7), hựu kiến nhân tai, nãi khả dĩ mưu”. (Quyển 31 - Lục thao - Vũ thao).

Chú thích:

(1) Phong: Địa danh cổ, vốn là ấp Sùng Hầu Hồ thời nhà Thương, Chu Văn Vương diệt Sùng rồi đóng đô tại đó, sau vua Chu Vũ Vương phong cho người em làm vua nước Phong, nay là miền đông huyện Hộ, tỉnh Thiểm Tây.

(2) Tội sát: Cũng như bạo ngược sát.

(3) Bất cô: Người vô tội.

(4) Ưu dân: Lo nghĩ về dân mình, quan tâm dân mình cực khổ.

(5) Hạ hiền: Hạ mình để tôn người tài đức.

(6) Tiên xướng: Đề ra trước.

(7) Thiên ương: Trời giáng tai họa.

Diễn giải:

Vua Chu Văn Vương đóng đô ở đất Phong, cho mời Khương Thái Công đến, nói: “Vua Trụ nhà Thương tàn bạo giết oan nhân

dân, ông giúp ta, quan tâm đến bách tính thì hiện nay ta phải hành xử như thế nào?” Khương Thái Công trả lời: “Trước hết, nhà vua tu dưỡng đức hạnh của bản thân mình, dùng tấm lòng khiêm tốn tôn vinh người tài đức, làm cho bách tính được lợi ích, đồng thời quan sát ý trời, khi mà trời chưa giáng họa cho nhà Thương, thì chưa thể đứng ra hô hào chinh phạt, khi lòng dân chưa nổi loạn chống nhà Thương, thì cũng chưa lập mưu tính kế cho việc khởi sự. Chờ đến khi nào trời giáng họa, dân nổi dậy thì mới nên mưu hoạch hành động”.

(Theo sách Lục thao - Vũ thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

一七三

凡萬物皆有器，故欲有為而不行其器者，不成也。欲王者亦然，不用帝王之器者，亦不成也。（卷三十一，鬻子）。

Phiên âm:

173

Phàm vạn vật giai hữu khí, cố dục hữu vi (1) nhi bất hành (2) ý khí giả, bất thành dã. Dục vương giả diệc nhiên (3), bất dụng đế vương chi khí giả, diệc bất thành dã. (**Quyển 31- Chúc Tử**).

Chú thích:

- (1) Hữu vi: Có tác động.
- (2) Hành: Sử dụng, hành xử.
- (3) Nhiên: Như thế.

Diễn giải:

Phàm bắt tay làm một việc gì thì phải dựa theo đạo lý và phương pháp, cho nên muốn làm một việc nào đó mà không tuân

theo pháp độ để làm thì không thể thành công được. Việc cai trị thiên hạ cũng giống như vậy, ông vua nào không dựa theo đạo hành sự của đế vương thì cũng không cai trị thành công được.

(Theo sách Chúc Tử - Quyển 31)

Nguyên văn:

一七四

御人之轡，在上之所貴；導民之門，在上之所先；召民之路，則臣得，在上之所好惡。故君求之，則臣得之；君嗜之，則臣食之；君好之，則臣服之；無蔽汝惡，無異汝度，賢者將不汝助。言室滿室，言堂滿堂是謂聖王。（卷三十二，管子，牧民）。

Phiên âm:

174

Ngự nhân chi bí, tại thượng chi sở quý (1), Đạo dân chi môn, tại thượng chi sở tiên (2); triệu (3) dân chi lộ, tại thượng chi sở hảo ác. Cố quân cầu chi, tắc thần đắc chi, quân thị chi, tắc thần thực chi; quan hiếu chi, tắc thần phục chi, vô tế nhữ ác, vô dị (5) nhữ độ, thị vị thánh vương. (Quyển 32 - Quán Tử - Mục dân).

Chú thích:

(1) Ngự nhân chi bí, tại thượng chi sở quý: Phương hướng phát triển việc trị dân như thế nào, xem nhà vua coi nặng phương hướng nào. Doãn Tri Chương chú: “Nói con người quý gì hơn cả, như dây cương ngựa điều khiển con ngựa kéo xe”. Ngự nhân là người đánh xe ngựa, chỉ việc cai trị. Bí là dây cương để điều khiển ngựa kéo xe.

(2) Tiên: Hướng dẫn, dạy dỗ.

(3) Triệu: Hiệu triệu.

(4) Dị: Cải biến.

(5) Ngôn thất mẫn thất: Dạy bảo trong nhà, nên nói cho cả nhà cùng nghe.

Diễn giải:

Phương hướng phát triển như thế nào trong việc trị dân, xem việc nhà vua coi trọng gì trong việc dẫn đạo bách tính đi theo con đường nào, xem việc nhà vua đề xướng ra sao, hiệu triệu nhân dân đi theo hướng nào, xem nhà vua tốt xấu như thế nào. Thế cho nên nhà vua mong cầu gì, bầy tôi đều lo cung cấp, nhà vua thềm ăn món ngon, bầy tôi đều lo món ngon ấy cho vua, nhà vua muốn làm điều mình yêu thích, bầy tôi đều chuẩn bị cho vua làm. Bầy tôi không giấu diếm sai sót lầm lẫn của nhà vua, không thay đổi hoặc chống lại pháp độ của nhà vua, không cản trở các người hiền tài giúp việc cho vua. Trong nhà, giảng dạy điều phải cho cả nhà cùng nghe, tại nhà thờ họ tộc thì giảng cho cả họ tộc cùng nghe, tại triều đình cũng vậy, giảng cho cả triều đình cùng nghe. Làm được như vậy thì mới gọi nhà vua là bậc minh quân.

(Theo sách Quản Tử - Mục dân - Quyển 32)

Nguyên văn:

一七五

天下不患無臣，患無君以使人；天下不患無財，患無人以分之。故知時者可立以為長；無私者，可置以為政，審於時而於用，而能備官者，可奉以為君也。（卷三十二，管子，牧民）。

Phiên âm:

175

Thiên hạ bất hoạn vô thần, hoạn vô quân dĩ sử nhân; Thiên hạ bất hoạn vô tài, hoạn vô nhân dĩ phân chi. Cố tri thời (1) giả, khả lập dĩ vi trưởng (2); Vô tư giả, khả trí dĩ vi chính (3); Thâm (4)

ư thời nhi sát ư dụng, nhi năng bị quan giả, khả phụng dĩ vi quân dã. (Quyển 32 - Quán Tử - Mục dân).

Chú thích:

- (1) Tri thời: Có khả năng biết trước trào lưu của tình thế, thế sự và thời đại.
- (2) Trưởng: Chỉ trưởng quan.
- (3) Vi chính: Làm chính trị, việc cai trị đất nước.
- (4) Thẩm: Khảo sát chi tiết.

Diễn giải:

Thiên hạ không sợ không có bầy tôi giỏi, mà chỉ sợ không có minh quân để sử dụng quan viên đúng người đúng việc. Thiên hạ không sợ thiếu tiền của, mà chỉ sợ không có người tài đức phân phối tiền của thích hợp. Vì thế, người hiểu thời vụ thì đáng được bổ làm trưởng quan; Người công chính vô tư, mới có thể bố trí nhân sự phân bố tiền của, trị lý sự vụ quốc gia. Người thông hiểu thời thế trong thiên hạ, am tường tài sản nhu cầu của nước nhà, lại biết sử dụng người tài đức thì xứng đáng phụng sự nhà vua.

(Theo sách Quán Tử - Mục dân - Quyển 32)

Nguyên văn:

一七六

先王之立愛，以親善也；其去惡以禁暴也。昔者，三代之興也利於國者愛之，害於國者惡之。故明所愛而賢良眾，明所惡而邪僻滅。是以天下平治百姓和集。乃其衰也行安簡易，身安逸樂，順於己者愛之，逆於己者惡之。故明所愛而邪僻繁，明所惡而賢良滅，離散百姓，危覆社稷。（卷三十二，晏子，諫上）。

Phiên âm:

176

Tiên vương chi lập ái, dĩ thân thiện (1) dã; kỳ khứ ác (2), dĩ cấm bạo(3) dã. Tích giả, tam đại (4) chi hưng dã, lợi chi quốc dã ái chi, hại ư quốc giả ố chi. Cố minh sở ái hiền lương chúng (5), minh sở ác nhi tà tích diệt (6). Thị dĩ thiên hạ bình trị, bách tính hoà tập (7). Cập kỳ suy (8) dã, hành an giản dị (9), thân an dật lạc (10). Thuận ư kỷ giả ái chi, nghịch ư kỷ giả ố chi. Cố minh sở ái nhi tà tích phần (11), minh sở ác nhi hiền lương diệt (12), ly tán (13) bách tính, nguy phúc (14) xã tắc (15). (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng**).

Chú thích:

- (1) Thân thiện: Thân cận thiện cảm, tác động hướng thiện, khuyến khích làm việc thiện.
- (2) Khứ ác: Trừ bỏ chuyện xấu ác.
- (3) Cấm bạo: Ngăn cấm bạo loạn. Sách *Chu lễ - Địa quan - tư thị* viết: “Dùng hình phạt cấm mà trừ trộm cướp”.
- (4) Tam đại: Chỉ ba triều Hạ, Thương, Chu. Sách *Lễ ký - Biểu ký* viết: “Ngày xưa các minh vương thời Tam đại, đều phụng thờ trời đất và thần minh”.
- (5) Hiền lương chúng: Hiền lương chỉ người tài đức. Chúng chỉ ý nhiều người.
- (6) Tà tích diệt: Kẻ không đoan chính bị diệt. Sách *Quân Tử - Chính thế* viết: “Bọn tà tích làm điều bất chính”.
- (7) Hoà tập: Hoà mục đoàn kết.
- (8) Suy: Suy giảm, suy bại, từ chỗ thịnh rơi vào suy bại.
- (9) Giản dị: Tùy tiện, không theo lễ tiết, thiếu uy nghi, không đứng đắn.
- (10) Dật lạc: Nhàn nhã an lạc.
- (11) Phần: Nhiều. Trương Thuần Nhất viết chú giải dẫn theo sách

“Ám Tử Xuân Thu âm nghĩa của Tôn Tinh Diễn viết: “Phần nghĩa là nhiều”.

(12) Hiền lương diệt: Người có đức hạnh bị hao mất.

(13) Ly tán: Phân ly, phân tán. Trương Thuần Nhất viết chú giải: “Ly tắc đụng độ nhau, bất hòa nhau, tán là bỏ đi không hợp lại”.

(14) Nguy phúc: Ngả nghiêng sụp đổ.

(15) Xả tắc: Để vương thời cổ cúng tế thổ thần và cốc thần. Tế xả là cúng thổ thần, tế tắc là cúng cốc thần, xả tắc chỉ quốc gia đất nước.

Diễn giải:

Các đấng tiên vương thời cổ chế định ra tiêu chuẩn mà họ cho là đúng là hay, để khuyến khích nhân dân làm điều hay điều tốt, trừ bỏ những kẻ ác mà họ căm ghét. Cho rằng làm vậy thì cấm chỉ được việc phát sinh bạo loạn. Ngày xưa vào các thời kỳ hưng thịnh của Tam đại nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu thì người nào làm lợi cho nước, được nhà vua yêu mến trọng thưởng; Còn kẻ làm hại nước hại dân thì đều bị ghét bỏ. Thế cho nên, rõ ràng nhà vua biểu thị là người tôn trọng tiêu chuẩn, thì bậc hiền lương tăng lên còn bọn tà gian giảm sút, nhờ vậy mà thiên hạ trong sáng, bách tính được sống hài hòa yên vui. Tuy nhiên đến giai đoạn suy bại, hành vi của nhà vua không theo đúng lễ tiết, bản thân các vua sống buông thả, túng dục hưởng lạc, nhà vua chiều theo ham muốn của mình. Ai chiều theo thì thân, ai nghịch thì ghét. Vì thế bọn tà tích trong thiên hạ chịu theo ngày càng đông lên, còn các bậc hiền lương thì xa vua, bị vua ghét bỏ thì mất dần. Bách tính ly tán, thế nước nguy vong.

(Theo sách Yển Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

一七七

古者，聖王之為政也，言曰：“不當不義，不貴不義，不親不義，不近不義”。是以國之富貴人聞之，皆退而謀曰：“始我所恃者富貴也。今上舉義不避貧賤，然則我不可不為義”。親者聞之，亦退而謀曰：“始我所恃者親也。今上舉義不避親疎，然則我不可不為義”。近者聞之，亦退而謀曰：“始我所恃者近也。今上舉義不避遠近，然則我不可不為義”。遠者聞之，亦退而謀曰：“我始以遠無恃。今上舉義不避遠，然則我不可不為義”。人聞之皆競為義，是其故何也？曰：“上之所以使下者一物也，下之所以事上者一術也”。（卷三十四，墨子，尚賢）。

Phiên âm:

177

Cổ giả thánh vương chi vi chính dã, ngôn viết: “Bất phú bất nghĩa (1), bất quý bất nghĩa, bất thân bất nghĩa, bất cận bất nghĩa”. Thị dĩ quốc chi phú quý nhân văn chi, giai thoái nhi mưu (2) viết: “Thủy (3) ngã sở thị (4) giả phú quý dã. Kim thượng cử nghĩa bất tỵ bản tiện, nhiên tắc ngã bất khả bất vị nghĩa”. Thân giả văn chi, diệc thoái nhi mưu viết: “Thủy ngã sở thị giả thân (5) dã. Kim thượng cử nghĩa bất tỵ thân sơ, nhiên tắc ngã bất khả bất vị nghĩa”. Cận giả văn chi, diệc thoái nhi mưu viết: “Thủy ngã sở thị giả cận (6) dã. Kim thượng cử nghĩa bất tỵ viễn (7) cận, tắc ngã bất khả bất vị nghĩa”. Giả văn chi, diệc thoái nhi mưu viết: “Kim thượng cử nghĩa bất tỵ viễn cận, nhiên tắc ngã bất khả bất vị nghĩa”. Viễn giả văn chi, diệc thoái nhi mưu viết: “Ngã thủy, dĩ viễn vô thị. Kim thượng cử nghĩa bất tỵ viễn, nhiên tắc ngã bất khả bất vị nghĩa”. Nhân văn chi giai cạnh (8) vi nghĩa, thị kỳ cố hà dã? Viết: “Thượng chi sở dĩ sử hạ giả nhất vật (9) dã, hạ chi sở dĩ sự thượng giả nhất thuật (10) dã. (Quyển 34 - Mặc Tử - Thượng hiền).

Chú thích:

- (1) Bất phú bất nghĩa: Đối với kẻ bất nghĩa thì không sử dụng của chúng nhiều. Phú có ở đây là động từ, nghĩa là khiến cho giàu.
- (2) Mưu: Suy tính, bàn bạc, tính toán.
- (3) Thủy: Khởi đầu, trước hết.
- (4) Thị: Dựa vào.
- (5) Thận: Chỉ vua yêu mến.
- (6) Cận: Chỉ đám người thân cận với vua.
- (7) Viễn: Xa lạ.
- (8) Cạnh: Tranh nhau.
- (9) Vật: Nội dung, ở đây chỉ “Thượng hiền”.
- (10) Thuật: Phương pháp, ở đây chỉ “nghĩa”.

Diễn giải:

Vào thời cổ, trong việc cai trị, bậc thánh vương bảo rằng: “Đừng cho kẻ bất nghĩa giàu có, đừng tôn quý kẻ bất nghĩa, đừng nên giao thiệp thân mật với kẻ bất nghĩa, đừng cho kẻ bất nghĩa ở gần mình”. Vì thế, sau khi nghe mấy lời ấy, những người giàu có trong nước bàn với nhau: “Trước đây chúng ta ỷ vào sự giàu có của mình, nay nghe nhà vua đưa ra hành vi ngôn ngữ của mẫu người có đạo nghĩa, không phân biệt nghèo hèn, đã như thế thì chúng ta không thể không làm người có nhân nghĩa”. Những người lâu nay được nhà vua sủng ái, sau khi nghe mấy lời ấy, thì họ bàn nhau: “Trước đây chúng ta ỷ vào sự sủng ái của nhà vua nay nghe nhà vua đưa ra hành vi ngôn ngữ của mẫu người có đạo nghĩa, không bài xích người xa lạ, đã như thế thì chúng ta không thể không làm người có nhân nghĩa”. Những người lâu nay gần gũi bên nhà vua, sau khi nghe mấy lời ấy, thì họ bàn với nhau: “Trước đây chúng ta ỷ vào sự gần gũi nhà vua, nay nghe nhà vua đưa ra hành vi ngôn ngữ của mẫu người có đạo nghĩa, không có ý phân biệt mối quan hệ xa gần, đã như thế thì chúng ta không thể không làm người có nhân

nghĩa”. Những người lâu nay xa cách với nhà vua, sau khi nghe mấy lời ấy, thì họ bàn với nhau: “Trước đây chúng ta cho rằng bị nhà vua bỏ rơi, xa lánh, nay nghe nhà vua đưa ra hành vi ngôn ngữ của mẫu người có đạo nghĩa, không kể chuyện gần xa thân sơ, đã như thế thì chúng ta không thể không làm người có nhân nghĩa”. Mọi người biết được như vậy, đều tranh nhau thực hành những sự tình hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Vì duyên cớ nào vậy? Đó là: “Nhà vua sử dụng bầy tôi theo tiêu chuẩn “Thượng hiền” còn bầy tôi thờ vua chỉ một con đường “nghĩa” mà thôi.

(Theo sách Mặc Tử - Thượng hiền - Quyển 34)

Nguyên văn:

一七八

不尚賢，使民不爭，不貴雖得之貨，使民不為盜，不見可欲，使心不亂，是以聖之治，常使民無知無欲，使夫知者不感為也。
為無為，則無不治。（卷三十四，老子，道經）。

Phiên âm:

178

Bất thượng (1) hiền (2), sử dân bất tranh; Bất quý tuy đắc chi hoá, sử dân bất vi đạo (3); Bất kiến khả dục (4), sử tâm bất loạn. Thị dĩ Thánh nhân chi trị, thường sử dân vô tri vô dục, sử phù tri giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị. (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo đức kinh**)

Chú thích:

- (1) Thượng: Tôn sùng,
- (2) Hiền: Chỉ người tài đức.
- (3) Đạo: Kẻ trộm.
- (4) Khả dục: Chỉ sự vật khéo gợi dục vọng.

Diễn giải:

Không tôn sùng người tài đức, thì nhân dân hết còn muốn tranh đoạt; Không lấy làm quý trọng khi có trong tay vật gì khó tìm, thì nhân dân bỏ cái tâm trộm cắp; Không để những ý nghĩ bậy bạ lộ ra, thì tâm tư nhân dân không bị nhiễu loạn. Vì thế, bậc Thánh nhân cai trị thiên hạ, thường khuyên bách tính không nên xảo trá, vô tư dục, khiến bao nhiêu “người thông minh” nên hết sức tỉnh ngộ, không nên gây ra đầu mối sự việc phức tạp thêm. Nhất thiết phải tùy thuận theo phép tắc đạo đức của tự nhiên, dùng sự đơn giản chế ngự cái phức tạp, kiến lập cái tất yếu, thì thiên hạ sẽ được cai trị ổn định.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一七九

夫至人之治也，棄其聰明，減其文章，依道廢智，與民同出乎公。約其所守，寡其所求，去誘慕，除其嗜欲，損其思慮。約其所守，即察矣；寡其所求，即得矣。（卷三十五，文子，道原）。

Phiên âm:

179

Phù chí nhân chi trị dã, khí kỳ thông minh, diệt (1) kỳ văn chương (2), y đạo phế trí, dĩ dân đồng xuất hồ công (3). Ước (4) kỳ sở thủ, quả kỳ sở cầu, khứ kỳ dụ mộ (5), trừ kỳ thị dục, tổn (6) kỳ tư lự. Ước kỳ sở thủ, tức sát (7) hỹ; Quả kỳ sở cầu, tức đắc hỹ. (Quyển 35 - Văn Tử - Đạo nguyên).

Chú thích:

(1) Diệt: Mất hết.

- (2) Văn chương: Chỉ biện pháp, chủ trương của con người, có chủ ý.
- (3) Đồng xuất hồ công: Vua và dân cùng lấy công đạo làm tiêu chuẩn cho tư tưởng và hành vi. Công nghĩa là công đạo.
- (4) Ước: Giảm ước.
- (5) Dụ mộ: Tham lam nên bị dụ dỗ.
- (6) Tồn: Hao.
- (7) Sát: Xét kỹ.

Diễn giải:

Phương pháp cai trị thiên hạ của bậc chí nhân, bỏ qua sự thông minh mang tính cá nhân, giấu bớt vẻ sáng sủa bề ngoài, dựa theo thiên đạo mà thực hành, bỏ qua biện luận thông thái mang tính cá nhân, cùng bách tính dựa theo công đạo mà làm việc. Làm cho công việc được đơn giản đi, mà giảm bớt tham cầu. Bỏ ngoài tai những dự cảm với hỷ nộ, loại bỏ thị hiếu dục vọng trong lòng mình, giảm thiểu suy nghĩ và ưu phiền. Đơn giản công việc thì xem xét vấn đề sáng hơn, giảm bớt tham cầu thì dễ đạt được mục đích hơn.

(Theo sách Văn Tử - Đạo nguyên - Quyển 35)

Nguyên văn:

一八〇

治天下之要，在於正名。正名去僞事成若化。苟能正名，天成地平。（卷三十六，尸子，發蒙）。

Phiên âm:

180

Trị thiên hạ chi yếu, tại ử chính danh (1). Chính danh khứ

nguy, sự thành nhược hóa. Cầu năng chính danh, thiên thành địa bình (2). (**Thi Tử - Quyển 36 - Phát mông**).

Chú thích:

(1) Chính danh: Danh phận đúng.

(2) Thiên thành địa bình: Nguyên tích vua Vũ trị thủy thành công mà khiến cho mọi sinh vật được tồn tại phát triển. Sau này thường tỷ dụ hết thủy được an bài ổn thỏa, thiên hạ thái bình.

Diễn giải:

Nhiệm vụ trọng yếu của việc cai trị thiên hạ, ở chỗ chính danh. Chính danh là loại bỏ hư nguy, thì tự nhiên mà việc cai trị thiên hạ thành công. Nếu có thể chính danh, vạn sự được an bài thỏa đáng thì thiên hạ thái bình.

(Theo sách **Thi Tử - Phát mông - Quyển 36**)

Nguyên văn:

—八一—

明王之治民也，事少而功立，身逸而國治，言寡而令行。事少而功多，守要也，身逸而國治，用賢也；言寡而令行，正名也。君人者，苟能正名，愚智盡情。執一以靜，令名自正，令事自定。賞罰
隋名民莫不敬。（卷三十六，尸子，分）。

Phiên âm:

181

Minh vương chi trị dân dã, sự thiếu nhi công lập, thân dật (1) nhi quốc trị, ngôn quả nhi lệnh hành. Sự thiếu nhi công đa, thủ yếu dã; Thân dật nhi quốc trị, dụng hiền dã; Ngôn quả nhi lệnh hành, chính danh (2) dã. Quân nhân (3) giả, cầu năng chính danh, ngu trí tận tình. Chấp nhất (4) dĩ tịnh, lệnh danh tự chính,

lệnh sự tự định (5). Thường phạt tùy danh, dân mặc bất kính (**Thi Tử - Quyển 36 - Phân**).

Chú thích:

- (1) Dật: Nhàn nhã, an lạc.
- (2) Chính danh: Kiểu chính danh phận, danh phận.
- (3) Quân nhân: Vua của dân.
- (4) Chấp nhất: Giữ đạo căn bản.
- (5) Định: Hoàn thành.

Diễn giải:

Bậc thánh minh sáng suốt lãnh đạo nhân dân, tuy làm việc không nhiều mà hiệu quả cao, vua thánh thơi và dân yên ổn làm ăn, nhà vua ban bố chính lệnh không nhiều nhưng nhân dân quán triệt và chấp hành các chính lệnh ấy. Làm tuy ít nhưng hiệu quả cao, là vì làm những điều trọng yếu của việc cai trị. Mọi người thân tâm thoải mái nên nước nhà yên trị, là nhờ nhà vua tín nhiệm và sử dụng những người tài đức; nhà vua nói ít mà chính lệnh đều được chấp hành là vì danh phận đọan chính. Nhà vua lãnh đạo nhân dân với danh phận đọan chính thì những bậc tài năng trong nước đều tận tâm tận lực phụng sự quốc gia. Xử sự theo đạo lý căn bản thì tự nhiên danh phận đọan chính, sự tình tự nhiên thành công. Tưởng thưởng hay trừng phạt đều chiếu theo danh phận mà định đoạt. Như thế thì nhân dân không ai không kính trọng.

(Theo sách Thi Tử - Phân - Quyển 36)

Nguyên văn:

一八二

吳子曰：“古之圖國家者，必先而教百姓而親萬。民有三不和：

不和於國，不可以出軍；不和於軍，不可以出陣；不和於陣，不可以進戰。（卷三十六，吳子，圖國）。

Phiên âm:

182

Ngô Tử (1) viết: “Cổ chi đồ quốc gia (2) giả, tất tiên giáo bách tính nhi thân vạn dân (3). Dân hữu tam bất hòa: Bất hòa ư quốc, bất khả dĩ xuất quân (4); bất hòa ư quân, bất khả dĩ xuất trận (5); bất hòa ư trận, bất khả dĩ tiến chiến (6). (Quyển 36 - Ngô Tử - Đồ quốc).

Chú thích:

- (1) Ngô Tử: Ngô Khởi người nước Vệ.
- (2) Đồ quốc gia: Trù tính kế hoạch cai trị nước nhà.
- (3) Giáo bách tính nhi thân vạn dân: Tức là giáo hóa nhân dân, gần gũi nhân dân.
- (4) Xuất quân: Động binh.
- (5) Xuất trận: Ra trận xáp chiến.
- (6) Tiến chiến: Đánh nhau.

Diễn giải:

Ngô Khởi nói: “Nhà vua thời cổ trù tính kế hoạch cai trị nước nhà, trước hết giáo hóa bách tính và gần gũi với dân. Không nên mạo hiểm hành động khi nhân dân không hài hòa với nhau, với 3 loại tình huống là: Trong nước ý chí từ trên xuống không hài hòa thì không thể xuất quân, trong nội bộ quân đội không hài hòa thì không tham chiến, quân mình không hài hòa đội ngũ thì không nên đánh nhau.

(Theo sách Ngô Tử - Đồ quốc - Quyển 36)

Nguyên văn:

一八三

國之所以治者三，一曰法，二曰信，三曰權。法者，君臣之所共操也；信者，君臣之所共立也；權者，君臣之所獨制也。人主失守則危，君臣釋法任私則亂。故立法明分而不以私害法則治；權制獨斷於君則威；民信其賞則事功；不信其刑則姦無端矣。
(卷三十六，商君子，脩權)。

Phiên âm:

183

Quốc chi sở dĩ trị giả tam: Nhất viết pháp, nhị viết tín, tam viết quyền. Pháp giả, quân thần chi sở cộng thao (1) dã; Tín giả, quân thần chi sở cộng lập dã; Quyền giả, quân thần chi sở độc chế dã. Nhân chủ thất thủ tắc nguy, quân thối thích pháp (2) nhiệm tư tắc loạn. Cố lập pháp minh phạt (3), nhi bất dĩ tư hại pháp tắc trị; Quyền chế (4) độc đoán (5) ư quân tắc uy; dân tín kỳ thưởng tắc sự công; Bất tín kỳ hình tắc gian vô đoan hỹ (6). (**Quyển 36 - Thương Quân Tử - Tu Quyền**).

Chú thích:

- (1) Thao: Nắm giữ quyền chỉ đạo.
- (2) Thích pháp: Bỏ không dùng pháp luật.
- (3) Minh phạt: Làm rõ bốn phạt.
- (4) Quyền chế: Có quyền chế thì có quyền binh, quyền lực thống trị.
- (5) Độc đoán: Chuyên quyền, một mình quyết định.
- (6) Bất tín kỳ hình tắc gian vô đoan hỹ: Theo sách *Thương Quân thư* thì nguyên văn không có chữ “bất”, không bất thì văn ý trên dưới mới thông. Nên dịch như thế này: Nếu tin vào hình phạt của vua thì những việc gian tà làm sao nảy sinh.

Diễn giải:

Quốc gia sở dĩ được an trị, nhờ 3 nguyên nhân là: thứ nhất là pháp luật, thứ nhì là thành tín, thứ ba là quyền lực. Pháp luật thì từ vua đến toàn thể thần dân cùng tuân thủ; Thành tín vì từ vua đến toàn thể thần dân cùng kiến lập; Quyền lực thì nhà vua độc quyền nắm giữ. Nếu nhà vua để mất quyền lực thì đất nước nguy hiểm, vua quan buông bỏ công việc, làm việc theo ý muốn riêng, không tuân thủ pháp luật, thì cả nước biến loạn. Vì thế, chế định pháp độ, làm rõ bốn phận, biết phân biệt công tư, không vì tư mà hại đến pháp luật, thì quốc gia an định. Quyền lực cao nhất của đất nước do nhà vua nắm giữ quyết định, nên nhà vua giữ được tính uy nghiêm. Nhân dân thì tin tưởng, tín nhiệm vua của mình, thì hỏi làm sao công việc không thành công cho được, nhân dân tin vào hình phạt của vua mình, thì chuyện gian tà không có lý do sản sinh.

(Theo sách Thương Quân Tử - Tu Quyền - Quyển 36)

Nguyên văn:

一八四

古之聖王所以取明名廣譽，厚功大業，顯於天下，不忘於後世，
非得人者，未之嘗聞也。暴主之所以失國家，危社稷，覆宗廟，
滅於天下，非失人者未之嘗聞也

(卷三十二，管子，五輔)。

Phiên âm:

184

Cổ chi thánh vương sở dĩ thủ minh danh (1) quảng dự (2), hậu công đại nghiệp, hiển ư thiên hạ, bất vong ư hậu thế, phi đắc nhân (3) giả, vị chi thường văn dã. Bạo chúa chi sở dĩ thất quốc

gia, nguy xã tắc, phúc tông miếu, diệt ư thiên hạ, phi thấy nhân giả, vị chi thường văn dã. (**Quản Tử - Quyển 32 - Ngũ phụ**).

Chú thích:

- (1) Minh danh: Danh tiếng.
- (2) Quảng dự: Tiếng tốt sâu rộng.
- (3) Đắc nhân: Đắc nhân tâm.

Diễn giải:

Bậc thánh vương thời cổ được tiếng tốt và được ca ngợi là người lập được công tích vĩ đại trong thiên hạ, mà muôn đời sau vẫn còn ghi nhớ, ta chưa từng nghe nói họ đã không thu phục được nhân tâm. Bạo chúa làm mất nước, làm nguy xã tắc, làm sụp đổ tông miếu, bị thiên hạ nổi lên diệt vong, thì ta cũng chưa từng nghe nói họ không bị thất nhân tâm.

(Theo sách Quản Tử - Ngũ phụ - Quyển 32)

Nguyên văn

一八五

今有土之君皆，處欲安，動欲威，戰欲勝，守欲固。大欲者欲王天下，小者欲霸諸侯，而不務得人。是以小者兵挫而地削，大者身死而國亡。故曰：“人不可不務也。（卷三十二，管子，五輔）。

Phiên âm:

185

Kim hữu thổ chi quân, giai xử dục an, động dục uy, chiến dục thắng, thủ dục cố. Đại giả dục vương thiên hạ, tiểu giả dục bá (1) chư hầu, nhi bất vụ đắc nhân. Thị dĩ tiểu giả binh tảo (2) nhi địa tước (3), đại giả thân tử nhi quốc vong. Cổ viết: “Nhân bất khả bất vụ (4) dã”. Thủ thiên hạ chi cực dã. (**Quyển 32 - Quản Tử - Ngũ phụ**).

Chú thích:

- (1) Bá: Làm thủ lĩnh của liên minh các chư hầu, nước thủ lĩnh gọi là bá.
- (2) Tỏa: Thất bại.
- (3) Tước: Đoạt lấy.
- (4) Vụ: Dồn sức làm việc.

Diễn giải:

Ngày nay giúp vua mình giữ quốc thổ, thì khi hòa bình đều sống ổn định, khi hành động thì uy nghiêm, khi tác chiến thì đánh cho thắng, trong phòng thủ cho thật kiên cố. Người có thực lực mạnh mẽ có thể xưng vương thiên hạ, thực lực có chỗ yếu thì có thể xưng bá chủ chư hầu, nhưng không thể không cố gắng thu phục nhân tâm. Vì thế, nếu không đắc nhân tâm, nhỏ thì bị binh bại, nước bị xâu xé, lớn thì thân chết nước mất. Nên người đời nói rằng: “Không nên không chú trọng vấn đề nhân tâm”. Nhân tâm là vấn đề tối trọng yếu vậy.

(Theo sách Quản Tử - Ngũ phụ - Quyển 32)

Nguyên văn

一八六

如地如天, 何私何親? 如月如日, 維君之節. (卷三十二, 管子, 牧民).

Phiên âm:

186

Như địa như thiên (1), hà tư hà thân? Như nguyệt như nhật (2), duy quân chi tiết. (Quyển 32 - Quản Tử - Mục dân).

Chú thích:

- (1) Như địa như thiên: Chỉ tấm lòng rộng rãi bao la như trời như đất.
- (2) Như nguyệt như nhật: Chỉ trong lòng sáng tỏ như ánh sáng mặt trời mặt trăng.

Diễn giải:

Giống như sức chứa to lớn vô hạn của trời cao, đất rộng thì riêng chung làm gì, thân sơ làm gì? Giống như sự soi sáng vạn vật của mặt trời mặt trăng thì còn chỗ nào khuất lấp nữa, đó là tiêu chuẩn cai trị đất nước của các nhà vua.

(Theo sách **Chúc Tử** - Quyển 31)

Nguyên văn:

一八七

夫卿相無世，賢者有之；國無因治，智者理之。智者非一日之志也，治者非一日之謀也。治志治謀在於帝王，然後人知所保而知所避。（卷三十一，鬻子）。

Phiên âm:

187

Phù khanh tướng (1) vô thể (2), hiền giả hữu chi; Quốc vô nhân (3) trị (4), trí giả lý chi. Trí giả phi nhất nhật (5) chí chí dã, trị giả phi nhất nhật chí mưu dã. Trị chí (6) trị mưu (7) tại ư đế vương, nhiên hậ dân tri sở bảo, nhi tri sở tị. (**Quyển 31 - Chúc Tử**).

Chú thích:

- (1) Khanh tướng: Chỉ các vị đại thần đang chấp chính.
- (2) Thể: Chỉ các thể hệ thừa kế.
- (3) Nhân: Nối làm quan, thừa tập.

- (4) Trị: Chỉ đường lối đúng đắn, xã hội ổn định.
- (5) Nhất nhật: Một lát, một lúc, chỉ thời gian ngắn.
- (6) Trị chí: Chí hướng trị nước, bình thiên hạ.
- (7) Trị mưu: Mưu lược trong cai trị quốc gia.

Diễn giải:

Khanh tướng giúp vua cai trị không có kế thừa, chỉ có người tài đức mới được ngồi vào vị trí ấy. Quốc gia không phải mãi mãi được thái bình, nên cần có bậc trí giả trị lý. Bậc trí giả không dựa vào một chí hướng cố định nào, nhà cai trị đất nước không hề dựa vào mưu lược sẵn có nào. Chí hướng và mưu lược cai trị quốc gia đều do vua quyết định, dân chúng theo đó mà bảo trì, tránh né thế nào được.

(Theo sách Chúc Tử - Quyển 31)

Nguyên văn:

二：教化

一八八

太公曰：“天下之人如流水，障之則止，啟之則行，動之則濁，靜之則清。嗚呼神哉！聖人見其所始明知其所終矣。（卷三十一，六韜，武韜）。

Phiên âm:

NHỊ: GIÁO HÓA

188

Thái Công viết: “Thiên hạ chi nhân như lưu thủy, chướng (1) chi (2) tắc chỉ, khải chi tắc hành, động chi tắc trọc, tịnh chi tắc thanh. Ô hô thần tai! Thánh nhân kiến kỳ sở thủy, tắc tri ý sở chung hỹ. (Quyển 31 - Lục thao - Vũ thao).

Chú thích:

- (1) Chương: Ngăn lấp.
- (2) Chi: Chỉ dòng nước chảy.

Diễn giải:

Thái Công Lã Vọng nói: “Người trong thiên hạ giống như dòng nước chảy, ngăn lấp thì dòng nước không chảy, khai thác thì dòng nước lưu thông, khuấy động thì nước đục, để yên thì nước trong. Ôi! Sự biến hóa trong đấy thật là thần diệu khó lường! Bậc Thánh nhân xem việc khởi đầu thì có thể suy đoán được kết quả vậy.

(Theo sách **Lục thao - Vũ thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

一八九

措國於不傾之地，積於不涸之倉，藏於不竭之府，下令於流水之原，使民於不爭之官，明則死之路，開則得之門。不為不可成，不求不可得，不處不可久，不行不可復。（卷三十二，管子，牧民）。

Phiên âm:

189

Thố (1) quốc ư bất khuynh chi địa, tích (2) ư bất diêu (3) chi thương, tàng ư bất kiệt chi phủ, hạ lệnh ư (4) lưu thủy chi nguyên, sử dân ư bất tranh chi quan, minh tắc tử chi lộ, khai tất đắc chi môn. Bất vi bất khả thành, bất cầu bất khả đắc, bất xử bất khả cửu, bất hành bất khả phục. (**Quyển 32 - Quản Tử - Mục dân**).

Chú thích:

- (1) Thố: Bổ trí, an trí.

- (2) Tích: Tích tụ, lưu trữ.
- (3) Điều: Khô héo, cạn kiệt.
- (4) Ử: Tôn Tinh Diễn bảo: “Chữ ư có nghĩa như chữ như”.

Diễn giải:

Kiến lập quốc gia trên cơ sở ổn định, không bị nghiêng đổ thì phải tính đến việc tích trữ lương thực trong kho tàng, nhằm cung ứng cho việc chi dùng bất tận, các loại vật tư nhu yếu khác cũng dự trữ trong kho không bao giờ bị thiếu khi cần sử dụng đến. Chính lệnh từ vua truyền xuống có căn bản giống như nước từ nguồn chảy ra, có thể khiến nhân dân thực hành theo quan lại không phải thắc mắc hay phản đối, cho dân rõ là ai phạm tội chỉ có con đường chết, ai có công thì đều được tưởng thưởng. Không làm việc miễn cưỡng không thành việc gì, không truy cầu đến các lợi ích không thể có, không ở lâu tại những nơi khó ở, không làm những việc không được phép tái phạm.

(Theo sách Quản Tử - Mục dân - Quyển 32)

Nguyên văn:

一九〇

古者賢王明民之德，盡民之善，故無廢德無民，賞無所生罰無所誠也。（卷三十三，司馬法）。

Phiên âm:

190

Cổ giả hiền vương minh (1) dân chi đức, tận dân chi thiện, cố vô phế đức, vô giản dân (2), thưởng vô sở sinh, phạt vô sở giới (3) dã. (**Quyển 33 - Tư mã pháp**).

Chú thích:

- (1) Minh: Làm cho sáng ra.
- (2) Giản dân: Người lười biếng.
- (3) Giới: Cảnh cáo.

Diễn giải:

Các nhà vua hiền minh thời cổ, họ làm sáng tỏ đạo đức của nhân dân, họ tạo điều kiện cho nhân dân phát huy thiện hạnh, cho nên đạo đức không bị bại hoại, cũng như không để nhân dân lười biếng, vậy nên không có ban phát tưởng thưởng, cũng như chưa từng thi hành trừng phạt.

(Theo sách Tư mã pháp - Quyển 33)

Nguyên văn:

一九一

民不畏死，奈何以死懼之？若使民常畏死，而為奇者，吾得執而殺之，孰敢矣？

(卷三十四，老子，德經)。

Phiên âm:

191

Dân bất úy tử, nại hà (1) dĩ tử cụ chi (2) Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi (3) ký giả, Ngô đắc chấp (4) nhi sát chi, thực (5) cảm hỹ? (Lão Tử - Quyển 34 - Đức Kinh).

Chú thích:

- (1) Nại hà: Tại sao, sao lại.
- (2) Cụ chi: Bắt phải sợ. Ý nói uy hiếp nhân dân.

(3) Kỳ: Bất chính, phi pháp.

(4) Chấp: Bắt giữ.

(5) Thục: Ai?

Diễn giải:

Nhân dân chủ yếu không sợ chết, sao lại đem cái chết ra uy hiếp dân? Giả dụ thông qua giáo hóa, tập cho dân quả thực sợ chết, thì với bọn làm chuyện phi pháp, chúng ta có thể bắt giết, thì ai còn dám làm chuyện xấu chứ? (*Lão Tử đau lòng thời bấy giờ vua quan không giáo hóa đạo lý cho nhân dân trước, mà chỉ biết dùng hình pháp nghiêm khắc trừng phạt nhân dân*).

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

一九二

夫使天下畏刑, 而不盜竊, 豈若使無有盜心哉! 故知其無所用, 雖貪者皆辭之; 不知其無所用, 廉者不能讓。夫人之所以亡社稷, 身死人手, 為天下笑者, 未嘗非欲也。知冬日之扇, 夏日之裘, 無用於己, 則萬物之變為塵垢。故以湯止涕, 涕乃益甚; 知其本者去火而已。(卷三十五, 文子, 上禮)。

Phiên âm:

192

Phù sử thiên hạ úy hình, nhi bất cảm đạo thiết, khởi (1) nhược sử vô hữu đạo tâm tai! Cổ tri kỳ vô sở dụng, truy tham giả giai từ chi (2); Bất tri kỳ vô sở dụng, liêm giả bất năng nhượng (3). Phù nhân chi sở dĩ vong xã tắc, thân tử nhân thủ, vi thiên hạ tiếu giả, vị thường phi dục (4) dã. Tri đông nhật chi phiến, hạ nhật chi cầu, vô dụng ư kỳ, tắc vạn vật chi biến vi trần cấu (5). Cổ dĩ thang

chỉ thế, thế nãi ích thậm; Tri kỳ bản giả, khứ hỏa nhi dĩ. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ**).

Chú thích:

- (1) Khởi: Nên, có thể, biểu thị kỳ vọng hoặc mệnh lệnh.
- (2) Từ chi: Không tiếp nhận những gì không biết dùng vào đâu.
- (3) Nhượng: Khiêm nhượng.
- (4) Vị thường phi dục: Ở đây chỉ không có một cái gì không do tính tham dục tạo thành.
- (5) Trần cấu: Ở đây chỉ sự vật thứ vụn vặt mà vô dụng.

Diễn giải:

Để cho mọi người biết sợ hình phạt, không dám làm những chuyện trộm cướp thì phải làm cho cái tâm trộm cướp không phát sinh nơi mọi người trong thiên hạ. Một khi biết vật gì là thứ vô dụng thì đến kẻ tham lam cũng không chịu tiếp nhận vật ấy, còn khi không biết vật ấy vô dụng thì dù là người thanh liêm cũng không từ bỏ. Biết bao nhiêu vua quan vọng quốc bị người ta sát hại, bị người trong thiên hạ chê cười, ở đời không có bất cứ vật gì là không do lòng tham dục tạo nên cả. Ai cũng biết mùa đông không cần đến quạt, mùa hè không cần áo ấm, cũng như thú bụi bặm vô dụng vẫn tồn tại trong trời đất. Thế cho nên, người ta dùng nhiều cách để điều chỉnh dòng nước chảy vọt lên theo ý mình, nước vọt lên càng cao càng tốt; Hiểu được từ căn nguyên vấn đề, thì người đứng ra giải quyết dẹp hết củi lửa mới bắt đầu làm.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn:

三：知人
一九三

禹拜昌言曰：“俞！”咎繇曰：“都！在知人，在安民”（卷二，尚書）。

Phiên âm:

TAM: TRI NHÂN

193

Vũ báii (1) xương ngôn (2) viết: “Du! (3)”, Cũu Dao (4) viết: “Đô (5)! Tại tri nhân, tại an dân”. (Quyển2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Bái: Vâng nhận.
- (2) Xương ngôn: Nói tốt.
- (3) Du: Biểu thị đồng ý.
- (4) Cũu dao: Tên người, nhân vật truyền thuyết là bầy tôi của vua Thuấn, người sáng tạo ra pháp điển của Trung Hoa. Khuất Nguyên trong sách *Sở từ - Cửu chương - Tích tụng* viết: “Tỉ sơn xuyên dĩ bị ngự hể, mệnh Cũu Dao sử thính trực”, có sách viết Cũu Đào.
- (5) Đô: Phát ngữ từ, không có nghĩa.

Diễn giải:

Vua Hạ Vũ nghe lời khuyên của Cũu Dao, nói: “Ông nói đúng lắm!”. Cũu Dao nói: “Dạ! Quan trọng nhất là biết giao nhiệm vụ cho người tài đức, vì sự an cư lạc nghiệp của nhân dân”.

(Theo sách *Thượng thư - Quyển 2*)

Nguyên văn:

一九四

今立中正, 定九品, 高下任意, 榮辱在手. 操人主之威福, 奪天朝之權勢. 愛憎決於心情, 偽由於己. 公然考校之負, 私無告訴之忌, 榮黨橫越, 威福擅行. 用心百態求者萬端, 廉讓之風滅, 苟且之俗成. 天下訥訥, 但爭品位, 不聞推讓. 流俗之過一至於此, 竊為聖世恥之. 愚心之所非者, 不可以一概論, 輒條列其事. 夫名狀以當才之為清品輩以得實為平. 治亂之要不可不允. 青平者治化之美; 枉濫者, 亂敗之惡也. 不可不察. 然人才異能, 備體者寡, 器有大小, 達有早晚, 是以三仁殊塗而同歸, 四子異行而鈞義. 陳平韓信笑侮於邑里而收功於帝王; 屈原, 伍胥不容於人主, 而顯名於竹帛. 是篤論之所明也. (卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

194

Kim lập trung chính, định cửu phẩm, cao hạ nhiệm ý, vinh nhục tại thủ. Thao nhân chủ chi uy phúc (1), đoạt thiên triều chi quyền thế. Ái tăng quyết ư tâm, tình ngụy do ư kỷ. Công vô khảo hiệu (2) chi phụ, tư vô cáo tố (3) chi kỳ, vinh đảng hoành (4) việt (5), uy phúc thiện hành. Dụng tâm bách thái, cầu giả vạn đoan (6), liêm nhượng chi phong diệt, cầu thả (7) chi tục thành. Thiên hạ hung hung (8), đản tranh phẩm vị, bất văn thôi nhượng. Lưu tục chi quá, nhất chí ư thủ, thiết vi thánh thế sĩ chi, ngu tâm chi sở phi giả, bất khả dĩ nhất khái luận (9), triếp điều liệt kỳ sự. Phù danh (10) trạng (11), dĩ đương tài (12) vi thanh, phẩm (13) bối dĩ đắc thực vi bình. Trị loạn chi yếu, bất khả bất đoãn (14), thanh bình (15), trị hóa (16) chi mỹ; Ủng lạm (17) giả, loạn bại chi ác dã. Bất khả bất sát. Nhiên nhân tài dị năng, bị thể (18) giả quả, khí hữu đại tiểu, đạt (19) hữu tảo vãn, Thị dĩ tam nhân (20) thù đồ nhi đồng quy (21), tứ Tử (22) dị hành (23) nhi quân nghĩa. Trần Bình (24), Hàn Tín (25) tiểu vũ (26) ư ấp lý (27), hi thu công ư đế vương; Khuất Nguyên, Ngũ Tử (28), bất dung ư nhân chủ, nhi hiển danh ư trúc bạch. Thị đốc luận (29) chi sở minh dã. (Quyển 36 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Uy phúc: Lấy từ sách *Thượng thư - Hồng phạm* viết: “Duy tích tác phúc, duy tích tác uy”. Khổng Dĩnh Đạt chú giải: “Chỉ vua ban phúc, được quyền ban thưởng cho mọi người; chỉ vua ra uy, có quyền trừng phạt mọi người”, chỉ quyền thưởng phạt của người cai trị, về sau nhiều người cho rằng người cầm quyền quên mất sự tôn quý, mà chỉ biết ý thế lộng quyền.
- (2) Khảo hiệu: Tổ chức các khóa khảo hạch thường kỳ các quan, làm cơ sở thăng giáng hoặc bãi chức.
- (3) Cáo tố: Chỉ ra những gì mà người ta che giấu.
- (4) Hoành: Phóng túng.
- (5) Việt: Không theo thứ tự, vượt mặt.
- (6) Vạn đoan: Nhiều đầu mối.
- (7) Cầu thả: Không theo lễ pháp.
- (8) Hung hung: Dạng ồn ào làm rối.
- (9) Dĩ nhất khái luận: Ý nói cùng đồng ý với nhau trong một vấn đề.
- (10) Danh: Hình dung.
- (11) Trạng: Chỉ văn tự tự thuật của nhân vật bình sinh làm việc, người ta thường gọi là hành trạng.
- (12) Đương tài: Công việc xứng với tài năng.
- (13) Phẩm: Định giá.
- (14) Dẫn: Khiến người ta tin phục.
- (15) Thanh bình: Làm việc công bằng trong sạch.
- (16) Trị hóa: Cai trị quốc gia, giáo hóa nhân dân.
- (17) Uổng lạm: Phóng túng làm càn.
- (18) Bị thể: Chuẩn bị đầy đủ, hoàn chỉnh.
- (19) Đạt: Hiển đạt, hiển quý.
- (20) Tam nhân: Ba vị có đức nhân, chỉ ba vị quan trung thành cuối thời nhà Ân là Vi Tử, Cơ Tử và Tỷ Can.

(21) Thù đồ nhi đồng quy: Có nghĩa là bằng nhiều đường lối khác nhau mà cùng đạt được một mục đích chung, sau này thường nói là dùng các phương pháp khác nhau mà đạt được cùng một kết quả.

(22) Tứ Tử: Chỉ 4 vị con hai nhà họ Hòa, họ Nghĩa là Nghĩa Trọng, Nghĩa Thúc, Hòa Thân, Hòa Thúc phụ trách Xuân quan, Hạ quan, Thu quan và Đông quan.

(23) Dị hành: Không giống nhau về thành tích làm việc.

(25) Trần Bình: (?-178 Trước CN), người Dương Vũ (nay là miền đông nam huyện Dương Vũ, tỉnh Hà Nam), nhỏ ham đọc sách, dung mạo tuấn mỹ, túc trí đa mưu, tham mưu cho Hán Cao Tổ Lưu Bang nhiều kế sách kỳ diệu, làm tới chức Tả Thừa tướng triều vua Hán Huệ Đế.

(25) Hàn Tín: (?-196 Trước CN), người Hoài Âm, thời thanh niên từng nuốt nhục luôn tròn tên đại ca trong chợ, sau phò Hán Cao Tổ Lưu Bang đánh chiếm các nước Ngụy, Triệu, Yên, Tề được phong làm Tể vương, sau được phong làm Sở vương. Lưu Bang sợ tài cầm quân của Hàn Tín lại nghi có thể phản mình, lập kế giả vờ tổ chức hội Vân Mộng, bắt Hàn Tín an trí tại Hàm Dương, giáng chức phong làm Hoài Âm hầu, về sau Hàn Tín bị Lữ hậu giết.

(26) Tiểu vũ: Cười ngạo, chê cười.

(27) Ấp lý: chỉ người nhà quê ở nông thôn.

(28) Ngũ Tử: Túc Ngũ Tử Tư, Ngũ Viên người nước Sở, là nhà quân sự, làm quan đại phu nước Ngô cuối thời Xuân Thu.

(29) Đốc luận: Lời bình luận xác đáng.

Diễn giải:

Ngày nay các triều đình tổ chức bộ máy quan lại, tuyển dụng rồi bổ nhiệm vào 9 phẩm cấp. Phẩm cấp cao thấp đều do các nhà vua làm chủ, tất cả mọi vinh nhục tiến thoái của các sĩ nhân thầy đều do một tay nhà vua quyết định. Cũng chính các ông vua mới là người duy nhất nắm quyền thưởng phạt, nắm giữ quyền thế tối cao của trời. Nhà vua là người quyết định theo sự thương ghét của cá nhân nhà vua. Kết quả thật giả của cuộc khảo sát cũng do ý riêng của các nhà

vua định đoạt. Ở nước ta nhà vua không bị áp lực của việc khảo khóa, cũng không bị người ta kiểm cử cố kỵ khống cáo, kết quả là quan lại kết bè, kết đảng vì lợi ích riêng tư, tự quyền ra oai ban phúc. Các quan âm thầm bàn mưu tính kế, chạy chức chạy quyền, dần dần mất hết cái phong khí công minh liêm chính, việc mua chức chạy quyền xấu xa, không tuân theo lễ pháp ngày càng nhiều, khiến người ta trong thiên hạ chỉ biết tranh nhau chức quan cao thấp như khùng như điên, đến nỗi chẳng còn nghe ai nói đến chuyện tốt đẹp tiến cử người hiền đức tài giỏi nữa, đã trở thành thói quen xấu xa đến như vậy đấy. Dù trong lòng thần vẫn tin rằng ngày nay là đời thánh minh, nhưng tồn tại cái phong khí xấu xa như thế, nên thần rất lấy làm hổ thẹn. Trong lòng thần rất không yên tâm, không thể không đúc kết thành hệ thống quan điểm như vậy để phân tích. Khi tán dương một nhân vật nào thì nêu lên thực chất tài năng mưu lược của người ấy, được cho là nền chính trị tốt, phẩm bình một nhân vật với những công việc thực tế phù hợp thì mới gọi là công bằng, liên quan đến sự ổn định hay loạn lạc của quốc gia. Không thể nào không thành tín mà chinh phục được nhân tâm. Thanh chính, công bằng là việc tốt trong sự nghiệp trị quốc hóa dân, còn uống pháp phóng túng là chuyện xấu, làm loạn pháp bại chính, những việc như vậy không thể không nhận cho rõ. Nhưng mà con người đều có sở trường, người có đức tài rất thiếu kiến, tài khí của con người có lớn có nhỏ, đặc chí cũng thay đổi khác nhau sớm chiều. Sở dĩ cảnh ngộ bi thảm đường cùng của ba vị nhân đức là Vi Tử, Cơ Tử, Tỷ Can cũng không giống nhau nhưng cái danh hiền đức của họ là một. Bốn vị Nghĩa Trọng, Nghĩa Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc cũng phụ trách các công việc khác nhau, nhưng đều có khả năng thể hiện tinh thần đạo nghĩa. Trần Bình, Hàn Tín, từng bị người dân quê nhà coi thường làm nhục, nhưng về sau lại lập công đầu trong sự nghiệp phò tá Lưu Bang dựng nên nghiệp đế. Cuộc đời hai vị tài danh Khuất Nguyên, Ngũ Tử Tư không được vua mình bao dung, nhưng được sử sách lưu danh vạn thế. Những định luận mang tính lịch sử nêu trên, khiến chúng ta khó mà hiểu rõ được con người.

(Theo sách Tấn thư hạ - Quyển 36 - Truyện - Quyển 36)

Nguyên văn:

一九五

管仲相三月, 請, 諸論百官. 公曰: “諾”. 管仲曰: “升降揖讓, 進退閒習, 臣不如隰朋, 請立以為大行; 闢土聚粟盡地之利, 臣不如寧戚, 請立以為可田, 士旋踵平原廣牧, 車不結轍, 鼓之而三軍之士視死如歸, 臣不如王子城父, 請無請立以為司馬, 決獄折中, 不殺不辜, 不誣無罪, 臣不如賓胥無, 請立以為大理; 犯君顏色, 進諫則忠, 不避死亡, 不撓貴富, 臣不如東郭牙, 請立以為大諫之官, 此五子者, 夷吾一不如, 然君若欲治國彊兵, 則五子都存; 若欲霸王, 夷吾在此”. 桓公曰: “善”.
(卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

195

Quản Trọng tướng tam nguyệt, thỉnh chư luận bách quan. Công viết: “Nặc (1)”. Quản Trọng viết: “Thặng giáng ấp nhượng (2), tiến thoái nhàn tập (3), thần bắt như Thấp Bằng (4), dĩ vi đại hành, (5); Tịch thổ (6) tụ túc, tận địa chi lợi, thần bắt như Ninh Thích (7), thỉnh lập dĩ vi Tư điền (8); Sĩ toàn chủng bình nguyên quảng mục (9), xa bắt kết triệt (10), sĩ bắt toàn chủng (11), thị tử như quy (12) Thần bắt như Vương Tử Thành Phụ (13), thỉnh lập dĩ vi đại đại tư mã (14), quyết ngục chiết trung (15), bắt sát bắt cô, bắt vu vô tội, thần bắt như Tân Tư Vô (16), thỉnh lập dĩ vi đại lý (17), phạm (18) quân nhan sắc (19), tiến gián tất trung, bắt tỵ tử vong, bắt nhiều (20) quý phú. Thần bắt như Đông Quách Nha (21), thỉnh lập dĩ vi đại gián (22) chi quan. Thử ngũ tử giả, Di Ngô nhất bắt như, Nhiên quân nhược dục trị quốc cương binh, tắc ngũ tử giả tồn; Nhược dục bá vương, Di ngô tại thử”. (Quyển 32 - Quản Tử - Tiểu khuông).

Chú thích:

(1) Nặc: Biểu lộ đồng ý, tuân mệnh.

- (2) Ấp nhượng: Lễ nghi chủ khách chào nhau. Ấp là vòng tay.
- (3) Nhàn tập: Huấn luyện.
- (4) Thấp Bằng: Tên quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, là chất của vua Tề Trang Công, cùng Quản Trọng, Bào Thúc Nha phụ tá cho Tề Hoàn Công, nước Tề đại trị. Thấp Bằng từng cầm quân hợp với quân Tần, an định nổi loạn ở nước Tấn, lập vua Tấn Huệ Công, Khi Quản Trọng bị bệnh, tiến cử Thấp Bằng thay mình.
- (5) Đại hành: Chức quan Lễ tân, tiếp đãi tân khách thời cổ. Y Tri Chương chú thích: “Đại hành tức quan đại sứ”, theo đó tức sách *Chu lễ - Thu quan* gọi là đại hành nhân. Thời nhà Hán gọi là Điển khách, Hán Cảnh Đế đổi thành Đại hành.
- (6) Tịch thổ: Khai khẩn đất đai.
- (7) Ninh Thích: Người nước Vệ thời Xuân Thu, làm đại phu nước Tề, từng nhiều năm làm chức Đại tư điển của nước Tề, là một phụ tá cho vua Tề Hoàn Công.
- (8) Tư điển: Tức quan Đại tư điển, quan chuyên quản lý nông vụ, là một quan phụ tá chủ yếu của Tề Hoàn Công.
- (9) Mục: Là đất đai ngoại ô.
- (10) Kết triệt: Bánh xe lún bùn, chỉ việc thoái hồi.
- (11) Toàn chủng: Quay lại, sợ quá lùi lại.
- (12) Thị tử như quy: Không sợ chết, xem cái chết như trở về nhà.
- (13) Vương Tử Thành Phụ: Người Lang Nha thời Xuân Thu, là một viên tướng nổi tiếng của nước Tề.
- (14) Đại tư mã: Chức quan chuyên quản lý việc quân sự.
- (15) Quyết ngục chiết trung: Quyết ngục nghĩa là phán đoán hình phạt. Chiết trung nghĩa là điều tiết cho thích đáng.
- (16) Tần Tư Vô: Là quan đại phu nổi tiếng nước Tề thời Xuân Thu, người cùng Quản Trọng phụ tá Tề Hoàn Công lập nên nghiệp bá.
- (17) Đại lý: Tức là quan Đại tư lý, quan chuyên quản hình pháp.
- (18) Phạm: Xúc phạm, mạo phạm.
- (19) Nhan sắc: Chỉ vẻ tôn nghiêm.

(20) Nhiều: Khuất khúc, vòng vo.

(21) Đông Quách Nha: Là viên quan can gián nổi tiếng ở nước Tề thời Xuân Thu.

(22) Đại gián: Chức quan thời cổ, chuyên can vua. Thi Tri Chương chú thích: “Người dùng can gián vua”.

Diễn giải:

Sau khi làm Tể tướng nước Tề được ba tháng, Quản Trọng tâu vua Tề Hoàn Công nghe mình nhận xét từng viên quan. Hoàn Công bảo: “Tốt lắm”. Quản Trọng nói: “Lên xuống chào hỏi đúng lễ nghi, nói năng ứng đối tiến thoái, giữ vẻ thân thiện với mọi người thì thần kém hơn Thấp Bằng, Bệ hạ nên mời ông ấy giữ chức Đại hành; Khai khẩn đất đai, tận lực khai thác địa lợi, tích trữ lương thực, thì thần không bằng Ninh Thích, Bệ hạ nên mời ông ấy làm chức Đại tư điền; Chỉ huy chiến xa đánh trận nơi đất bằng, theo đúng trận đồ không bị rối loạn, không để sĩ tốt lùi lại, đánh một hồi trống, ba quân tướng sĩ hăng hái tiến lên, không sợ chết thì thần không bằng Vương Tử Thành Phụ, Bệ hạ nên mời ông ấy làm chức Đại tư mã; Quyết đoán ngục tụng, điều tiết tranh chấp, xử phạt công minh, không phạt người vô tội, thì thần không bằng Tân Tư Vô, Bệ hạ nên mời ông ấy làm chức Đại tư lý; Cả gan nói lời xúc phạm uy tín nhà vua, dốc lòng trung can gián vua mà không sợ chết, không a tòng phú quý, thì thần không thể sánh với Đông Quách Nha, Bệ hạ nên mời ông ấy giữ chức Đại gián. Năm vị này đảm đương rất tốt các phần việc của họ mà thần không làm hay hơn họ được. Còn việc trị quốc cường binh, điều động năm vị ấy làm tốt việc của họ, để nước Tề lập nên nghiệp bá thì Di Ngô này làm được”. Hoàn Công nói: “Rất tốt”.

(Theo sách Quản Tử - Tiểu khuông - Quyển 32)

Nguyên văn:

一九六 管夷吾有病小白問之曰：“仲父之病，病矣，至於大病，則寡人惡乎屬國而可？”夷吾曰：“公誰欲歟？”小白曰：“鮑叔牙可”。曰：“不可。其為人潔廉善士。其於不己若者，不比之人，一聞人過終身不忘，使之治國，上且鉤乎君，下乎民。其得罪於君，將弗久矣”。小白曰：“然則執可？”對曰：“勿已則隰朋可，其為人也，愧不黃帝，而哀不己若者。以德分人，謂之聖人；以財分人，謂之賢人，以賢臨人者，未有得人者也；以賢下人者，未有不得人者也，有不聞也；其於家有不見也，勿已，則隰朋可。然則管夷吾非薄鮑叔也，不得不薄，非厚隰朋也，不得不厚。厚薄之去來弗由我”。（卷三十四，列子，力命）。

Phiên âm:

196

Quản Di Ngô hữu bệnh, Tiểu Bạch vấn chi viết: “Trọng phụ chi bệnh, bệnh hý, chí ư đại bệnh, tắc quả nhân ác bình thuộc quốc chi khả?” Di Ngô viết: “Công thùỵ dục dư?”, Tiểu Bạch viết: “Bào Thúc Nha khả”. viết: “Bất khả, kỳ vi nhân hiết, liêm, thiện sĩ. Kỳ ư bất kỹ nhược giả (1), bất tỷ (2) chi nhân. Văn nhân chi quá, chung thân bất vong, thượng thả câu (3) hồ quân, hạ thả nghịch hồ dân, Kỳ đắc tội ư quân, tương phát cứu hỹ”. Tiểu Bạch viết: “Nhiên tắc chấp khả?” Đối viết: “Vật dũ (4), tắc Thấp Bằng (5) khả. Kỳ vi nhân dã, quý bất nhược hoàng đế, nhi ai bất kỹ nhược giả. Dĩ đức phân nhân, vị chi Thánh nhân; Dĩ tài phân nhân, vị chi hiền nhân. Dĩ hiền lâm nhân giả, vị hữu đắc nhân giả dã; Dĩ hiền hạ nhân giả, vị hữu bất đắc nhân giả dã. Kỳ ư quốc, hữu bất văn dã; Kỳ ư gia, hữu bất kiến dã. Vật dĩ, tắc Thấp Bằng khả. Nhiên tắc Quản Di Ngô phi bạc Bào Thúc dã, bất đắc bất bạc; Phi hậu Thấp Bằng dã, bất đắc bất hậu. Hậu bạc chi khứ lai, phát do ngã”. (Quyển 34 - Liệt Tử - Lục mệnh).

Chú thích:

- (1) Bất kỳ nhược giả: Tức bất nhược kỳ giả. Nghĩa là không thể sánh với tôi.
- (2) Tỷ: Thân cận.
- (3) Câu: Hàm nghĩa cầu toàn nơi người khác.
- (4) Vật dĩ: Bất đắc dĩ, cực chẳng đã, Sách *Trang Tử - Tử vô quỷ* viết: “Quần hược vật dĩ hỹ...”
- (5) Thấp Bằng: (?-644 Trước CN) quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, là chất của vua Tề Trang Công cùng Quản Trọng, Bào Thúc Nha phụ tá cho Tề Hoàn Công, nước Tề đại trị. Thấp Bằng từng cầm quân hợp với quân Tấn, an định nội loạn ở nước Tấn, lập vua Tấn Huệ Công; Khi Quản Trọng bị bệnh, Quản Trọng tiến cử Thấp Bằng thay mình.

Diễn giải:

Quan Tề tướng nước Tề là Quản Di Ngô ngã bệnh, vua Tề là Tề Hoàn Công tới thăm hỏi: “Trọng phụ bị bệnh, bệnh ngày càng thêm nặng, vạn nhất bệnh nghiêm trọng, chữa trị không xong, thì ta biết phải chọn ai thay thế Trọng phụ làm Tề tướng nước Tề?” Di Ngô nói: “Bệ hạ đã tính giao cho ai chưa vậy?”, Tiểu Bạch Tề Hoàn Công nói: “Ta tính giao cho Bào Thúc Nha thay cho Trọng phụ”. Quản Trọng nói: “Không được đâu! Bào Thúc Nha là người liêm khiết, trong sáng, là người hiền đức, về phẩm chất đạo đức thì Bào Thúc Nha còn cao hơn hạ thần. Ông ấy ít giao tiếp với mọi người; Ông ấy là người cố chấp, nghe ai mắc lỗi lầm chi thì ghi nhớ suốt đời. Nếu giao cho ông ấy nắm quyền quản lý nhà nước, vốn là người cầu toàn, thì với bề trên, ông ấy trách cứ vua, với nhân dân ông ấy chỉ thấy toàn cái dở, hàng ngày Bào Thúc Nha sẽ đắc tội với nhà vua, nên khó làm việc lâu bền được”. Hoàn Công hỏi: “Vậy thì ai mới thay được Trọng phụ?”. Quản Trọng nói: “Trong các quan nước Tề hiện nay, thì Thấp Bằng có thể thay hạ thần làm Tề tướng. Thấp Bằng có chí lớn, thương yêu cấp dưới, chăm việc tu đức, cảm hóa được người khác, được nhiều người ca tụng là bậc

Thánh, Thấp Bằng còn đem của cải cứu giúp người ta, được tôn xưng là người hiền. Người tự cho mình là người hiền năng, mà khí kiêu ngạo bốc lên ai cũng thấy thì khó chiếm được nhân tâm. Còn người có tài lại khiêm tốn trong xử sự với mọi người thì không thể không đắc nhân tâm. Đối với việc nước, Thấp Bằng không gì mà không để mắt tới, đối với việc nhà, không gì không rờ tay vào. Không ai hơn Thấp Bằng ngồi vào ghế Tể tướng nước Tề thay hạ thần. Hạ thần không hề có ý ở bạc với Bào Thúc Nha, mà chỉ có ý bảo toàn đại cục thì không thể không đề xuất như vậy, Thần cũng không phải hậu đãi riêng cho Thấp Bằng, mà vì công tâm không thể không cử người làm được việc. Bây giờ mọi chuyện thủ xả, lợi hại, được mất, Bệ hạ quyết định, không phải nơi hạ thần nữa rồi.

(Theo sách **Liệt Tử - Lục mệnh - Quyển 34**)

Nguyên văn:

一九七

屈寸而身尺，小枉而大直，聖人今為之。今人君之論臣也，不計其大功，總其細行，而求其不善，即失賢之道也。故人有厚德，無問其小節；人大譽，無疵其小故。夫人情，莫不有所短，誠其大略是也，雖有小過，不足以為累；誠其大略非也，閭里之行未足多也。（卷三十五，文子，上義）。

Phiên âm:

197

Khuất thốn nhi thân xích (1), tiểu uổng (2) nhi đại trực, Thánh nhân vi chi. Kim nhân quân chi luận thần dã, ất kế kỳ đại công, tổng kỳ tế hành (3), nhi cầu kỳ bất thiện, tức thất hiền chi đạo dã, cố nhân hữu hậu đức, vô vấn kỳ tiểu tiết; Nhân hữu đại dự, vô tỳ (4) kỳ tiểu cố. Phù nhân tình, mạc bất hữu sở đoản, thành (5) kỳ đại lược thị dã, tuy hữu tiểu quá, bất túc dĩ vi lụy (6), thành

kỳ đại lược phi dã, lữ lý chi hành (7), vị túc đa (8) dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng nghĩa**).

Chú thích:

- (1) Khuất thốn nhi thân xích: Tỷ dụ con người hoặc sự vật bị lỗi lầm tỳ vết.
- (2) Uổng: Cong vẹo, tà.
- (3) Tế hành: Vụn vặt, tiểu tiết, chuyện nhỏ. Sách *Thượng thư - Chu thư - Lữ ngao* viết: “Bất cẳng tế hành, chung lụy đại đức”. Khổng Tử trong sách “Truyện” viết: “Coi thường vật nhỏ, nhiều vật nhỏ làm hại chuyện to, nên người quân tử cẩn thận từng chuyện nhỏ”.
- (4) Tỳ: Chọn ra.
- (5) Thành: Xác thực.
- (6) Lụy: Ngăn trở, trở ngại.
- (7) Lữ lý chi hành: Hành vi được người làng tôn vinh khen ngợi.
- (8) Vị túc đa: Chưa xứng được khen ngợi.

Diễn giải:

Một tác gặp khúc kéo thẳng ra thì dài cả thước, chuyện ủy khuất nhỏ có thể thành to chuyện, nên phải kiên trì chính đạo, bậc Thánh nhân đều như vậy cả. Nay nhà vua bình luận về bầy tôi của mình mà không thấy các cống hiến trọng yếu của họ, lại đi moi ra những tiểu tiết của họ, chỉ thấy những lỗi lầm lặt vặt của họ thì nhà vua chẳng bao giờ nhận ra bậc hiền tài. Vì thế, với người có đức hạnh sâu dày thì đừng nên nhắc tới những tỳ vết lặt vặt của họ, họ đã làm được những việc có danh tiếng cực cao, thì có gì bàn đến những sai sót lặt vặt của họ. Thường tình con người ai mà chẳng có ít nhiều sở đoản, chỉ cần bản chất chủ yếu xác thực là tốt, thì những sai sót lặt vặt có đủ sức cản ngại họ đâu. Nhưng cái chủ yếu cơ bản quả thực không tốt, thì ngay nơi làng xóm quê nhà cũng chẳng được mấy người ca tụng họ.

(Theo sách **Văn Tử - Thượng nghĩa - Quyển 35**)

Nguyên văn:

四：任處

一九八

裴顧以萬機庶政，宜委宰父，輔詔命不應數改，乃上疏曰：“臣聞古之聖哲，深原治道，以為經理群務，非一才之任，照練萬機，非一知所達，故設官建職，制其分局。分局既制，則軌體有斷，事務不積，則其任易處。選賢舉善，以守其位，委任責成，立相干之禁，侵官為曹，離局陷姦。猶懼此法未足制情，以我明防，曰：“君子思不出位”。夫然，故人知厥務，各守其所，下無越分之臣，然後治道可隆，頌聲能舉，故稱堯舜勞於求賢，逸於使能。分業既辨，居任得人，無為而治，豈不宜哉！（卷二十九，晉書下，百官志）。

Phiên âm:

TỬ: NHIỆM XỬ

198

Bùi Cố (1) dĩ vạn cơ (2) thứ chính (3), nghi ủy Tể phụ chiếu mệnh bất ưng số cải, nãi thượng số viết: “Thần văn cổ chi thánh triết, thâm nguyên (4) trị đạo, dĩ vi kinh lý (5) quần vụ, phi nhất tài chi nhiệm; chiếu luyện (6) vạn cơ, phi nhất trí sở đạt. Cổ thiết quan kiến chức, chế ý phân cục (7). Phân cục ký chế, tắc quĩ thể hữu đoạn. Sự vụ bất tích, tắc kỳ nhiệm dị xử, tuyển hiền cử thiện, dĩ thủ kỳ vị, ủy nhiệm trách thành (8). Lập tương can (9) chi cấm, thâm quan (10) vi tào (11), ly cục (12) hãm gian, do cụ thủ pháp vị túc chế tình, dĩ nghĩa (13) minh phòng, viết: “Quân tử tư bất xuất vị (14)”. Phù nhiên, cố nhân tri quyết (15) vụ, các thủ kỳ sở, hạ vô việt phân chi thần, nhiên hậu trị đạo (16) khả long, tụng thanh năng cử. Cổ xưng Nghiêu Thuấn lao ư cầu hiền, dật (17) ư sử năng. Phân nghiệp (18) ký biện, cư nhiệm đắc nhân, vô vi nhi trị khởi bất nghi tai! (Quyển 29 - Tấn thư hạ - Bách quan chí).

Chú thích:

- (1) Bùì Cố: (267-300 CN), tự là Dật Dân, người Văn Hỉ Hà Đông (nay thuộc Sơn Tây), là nhà triết học thời Tây Tấn, là một danh sĩ thời bấy giờ, từng làm chức Tấn kỵ thường thị, Quốc tử tế tửu kiêm Hữu quân tướng quân, Thượng thư Tả Bộc xạ. Bùì Cố là quan đại thần quan trọng triều đình nhà Tây Tấn.
- (2) Vạn cơ: Chỉ nhà vua mỗi ngày xử lý rất nhiều việc hành chính quốc gia.
- (3) Thứ chính: Các loại chính vụ.
- (4) Nguyên: Khảo cứu, nghiên cứu.
- (5) Kinh lý: Cai trị.
- (6) Chiếu luyện: Chiếu nghĩa là rõ ràng, minh bạch. Luyện nghĩa là hiểu rõ, biết rành, rành rọt, thuần thục.
- (7) Phân cục: Chức phận.
- (8) Trách thành: Chỉ cơ cấu phụ trách hoàn thành nhiệm vụ.
- (9) Tương can: Cùng liên can.
- (10) Ưu quan: Quan có quyền vượt trội mà xâm phạm đến chức quyền của quan khác.
- (11) Tào: Viên quan hoặc bộ môn phân khoa biện sự thời cổ. Ở đây chỉ quan viên cấp dưới.
- (12) Ly cục: Xa rời bộ thuộc của mình, xa rời chức phận.
- (13) Nghĩa: Đạo nghĩa.
- (14) Xuất vị: Vượt qua chức vị, vượt qua bốn phận.
- (15) Quyết: Của họ, đồng nghĩa với “kỳ”.
- (16) Trị đạo: phương kế cai trị quốc gia, chính sách.
- (17) Dật: Nhàn nhã, an lạc.
- (18) Phân nghiệp: Phân công.

Diễn giải:

Bùì Cố cho rằng việc chính trị quốc gia quá nhiều và phức

tạp, nên giao cho bậc tể phụ thống trách trừ hoạch việc xử lý, ban bố chiếu mệnh không nên canh cải hoài, Bù Cố bèn dâng biểu tâu lên vua: “Hạ thần nghe rằng các bậc Thánh triết thời cổ, đã nghiên cứu rất sâu về đạo trị nước, cho rằng việc cai trị đất nước không nên chỉ dựa vào một người, dù một người có tài cũng không thể làm tốt nhiệm vụ, nắm vững các loại các hạng sự vụ, cũng không thể trông cậy vào trí tuệ của một người mà xong, vì thế mới thiết lập các loại quan chức, quy định công việc, chức trách cho từng loại quan chức, cùng với các quy định về chuẩn tắc chế độ rõ ràng, không áp đặt, sao cho quan viên dễ dàng hoàn thành. Tuyển dụng người tài, bố trí chức vụ để họ hoàn thành chức trách, đồng thời lập ra các lệnh cấm để ngăn chặn lạm quyền, nếu có quan vượt quyền xâm phạm chức quyền của quan viên khác, thì bị xử lý như xử lý gian thần. Cấm chỉ như vậy mà còn chưa đủ sức khống chế tư tình thì dùng đạo nghĩa làm rõ thêm để giữ khuôn phép, đề xuất cụ thể là: “Bậc quân tử tham chính không bao giờ làm vượt quá quyền hạn mà chức vụ quy định”. Như vậy thì mỗi quan chức đều nắm cho rõ công việc mình được giao phó, tuân thủ chức vụ của mình, bên dưới vua, các quan không ai làm vượt quá quyền hạn của mình thì nền chính trị mới thật sự tốt đẹp, tiếng tốt sẽ vươn xa tỏa rộng. Vì vậy, ngày xưa vua Nghiêu, vua Thuấn đã vất vả đi tận vùng sâu vùng xa để tìm người hiền tài, rồi nhờ người hiền mà cả nước được hưởng đời sống an nhàn. Một khi chức vụ đã đúng rồi, nhân tài có vị trí xứng đáng, đúng người đúng việc thì nhà vua nghỉ ngơi mà nhìn cảnh thiên hạ thái bình thịnh trị. Như vậy chẳng là tốt nhất hay sao?

(Theo sách Tấn thư hạ - Bách quan chí - Quyển 29)

Nguyên văn:

一九九

今一國之士，多者千數，或流徙異邦，或給役殊方，面猶不識，况盡其才力？而中正知与不知其當品狀采譽於臺府納毀於流言。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

199

Kim nhất quốc, chi sĩ, đa giả thiên số, hoặc lưu đồ dị bang, hoặc cấp dịch (1) thù phương (2), diện do bất thức, hưởng tận kỳ tài lực? nhi trung chính (3) tri dĩ bất tri, kỳ đương phẩm trạng, thái dự ư đài phủ (4), nạp hủy ư lưu ngôn (5). (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

(1) Cấp dịch: Cung ứng lao động.

(2) Thù phương: Viễn phương, phương xa, nơi khác.

(3) Trung chính: Tên chức quan, chuyên làm việc phân chia xuất thân của từng chức quan cao thấp. Thời Tam Quốc, Ngụy Văn đế định phép quan cửu phẩm, các quan ở quận ấp gọi là tiểu trung chính, các quan làm việc ở châu gọi là đại trung chính. Phẩm đệ nhân tài, do tiểu trung chính sắp xếp cao thấp 9 bậc, báo lên Đại trung chính, Đại trung chính khảo hạch rồi báo lên quan Tư đồ. Quan Tư đồ khảo hạch lần nữa, rồi trình lên quan Thượng thư tuyển dụng. Trải qua triều nhà Tấn, Nam Bắc triều đều theo đó, đến nhà Tùy thì bỏ.

(4) Đài phủ: Chỉ cơ cấu chính phủ trung ương.

(5) Lưu ngôn: Lời nói không có căn cứ, thường dùng để nói xấu người khác.

Diễn giải:

Ngày nay tại một địa phương người có học đã tới trên ngàn

người, có người phiêu dạt đến các nơi khác, có người làm quan chức tại quê nhà của họ (tức trung chính quan). Ngay đến các quan chức nơi quê nhà còn không nắm được, thì làm sao biết được tài năng của từng người mà bố trí công việc xứng đáng! Trung chính quan nhận xét một người đúng hay sai thiếu chính xác, thì đến khi hoạch định phẩm cấp nhân tài thì hoặc là nói tốt cơ cấu vào chính phủ trung ương, hoặc chê bai nói xấu không có căn cứ.

(Theo sách **Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30**)

Nguyên văn:

二〇〇

使賢者食於能，鬥士食於功。賢者食於能，則上尊而民從；鬥士食於功，則卒輕患而傲敵。二者設於國，則天下治而主安矣。
(卷三十二，管子，法法)。

Phiên âm:

200

Sử hiền giả thực ư năng (1), đấu sĩ (2) thực ư công (3). Hiền giả thực ư năng, tắc thượng tôn nhi dân tùng, đấu sĩ thực ư công, tắc tốt khinh hoạn nhu ngạo địch (4), Nhị giả thiết ư quốc, tắc thiên hạ trị nhi chủ an hĩ. (**Quản Tử - Quyển 32 - Pháp pháp**).

Chú thích:

- (1) Thực ư năng: Hưởng bổng lộc theo tài năng.
- (2) Đấu sĩ: Chiến sĩ.
- (3) Thực ư công: Hưởng bổng lộc theo công lao.
- (4) Ngạo địch: Kiêu ngạo trước kẻ địch.

Diễn giải:

Cần phải có bổng lộc tương xứng với tài năng của các bậc hiền tài, cần phải tưởng thưởng tương xứng với chiến công của các chiến sĩ. Người hiền đức được hưởng bổng lộc bằng năng lực của họ, thì tài năng của họ được nhà vua quý trọng và nhân dân phục tùng; Chiến sĩ lập được chiến công vinh dự được tưởng thưởng, thì quân tướng không lo sợ mà ngạo nghễ coi thường quân địch.

(Theo sách **Quản Tử - Pháp pháp - Quyển 32**)

Nguyên văn:

二〇一

景公問晏子曰：“古之蒞國治民者，其任民何如？”對曰：“地不同宜，而任之以一種，責其俱生，不可得也；人不同能，而任之以一事，不可責遍成焉。責焉無已，知者有不能治矣；求焉無饜天地有不能譴矣”。（卷三十三，晏子，問上）。

Phiên âm:

201

Cảnh Công vấn Yến Tử, viết: “Cổ chi lị quốc (1) trị dân giả, kỳ nhiệm nhân hà như?”. Đối viết: “Địa bất đồng nghi, nhi nhiệm chi dĩ nhất chủng, rách (2) kỳ câu sinh, bất khả đắc dã; Nhân bất đồng năng, nhi nhiệm chi dĩ nhất sự, bất khả trách biến thành yên. Trách yên vô dĩ, tri giả hữu bất năng hiệp (3) hỹ; Cầu yên vô yếm (4) thiên địa hữu bất năng chiêm (5) hỹ”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Vấn thượng**).

Chú thích:

(1) Lị quốc: Cai trị quốc gia.

(2) Trách: Yêu cầu, đòi hỏi. Sách *Mặc Tử - Công mạnh* viết:

“Khuyến ưu thiện ngôn nhi táng, dĩ tang nhi trách từ ưu kỳ tứ đệ”.

(3) Hiệp: Biến khắp.

(4) Yếm: đầy đủ, no chán. Sách *Tả truyện - Ai công thập lục niên* viết: “Ta nghe, người kiêu hãnh yêu cầu không chán”.

(5) Chiêm: Đầy đủ.

Diễn giải:

Vua Tể Cảnh Công hỏi Yến Tử: “Thời cổ, các ông vua sử dụng nhân tài như thế nào trong việc cai trị nhân dân?”. Yến Tử trả lời: “Mỗi loại đất đai thích nghi với từng loại cây trồng, phải chọn loại cây trồng thích hợp, để trồng vào nơi phù hợp để cây trồng phát triển tốt, không phù hợp thì không được như mong muốn. Mỗi con người có khả năng khác với người khác, nên có thể ủy nhiệm vào công việc thích hợp, không có thể mong đợi nơi một người làm tốt nhiều loại công việc. Dù với một người tài trí hơn người mà giao cho làm quá nhiều việc, thì người khác cũng không vừa ý, vì sự tham muốn quá nhiều đến cả trời đất cũng không thỏa mãn được con người.

(Theo sách *Yến Tử - Vấn thượng - Quyển 33*)

Nguyên văn:

二〇二

厚而不能使，愛而不能全，亂而不能治譬若驕子，不可用也。
(卷三十三，孫子，兵法)

Phiên âm:

202

Hậu (1) nhi bất năng sử, ái nhi bất năng toàn, loạn nhi bất năng trị, thí nhược kiêu tử (2), bất khả dụng dã. (**Quyển 33 - Tôn Tử binh pháp**).

Chú thích:

- (1) Hậu: Chỉ tiếp đãi hậu lễ.
(2) Kiêu tử: Ban đầu chỉ sự cường thịnh của các dân tộc bắc phương, sau chỉ sự thương yêu của cha mẹ, để con cái buông lung, phóng túng.

Diễn giải:

Dù đã hậu đãi họ quân tướng mà chúng không dừng cảm trước quân địch, dù thương lính như con, lại cũng không điều khiển chúng được, lại không trừng trị kẻ vô pháp, gây rối kỷ cương. Quân đội như vậy khác gì con cưng buông lung trong nhà, thì không thể dùng trong chiến đấu được.

(Theo sách Tôn Tử binh pháp - Quyển 33)

Nguyên văn:

二〇三

舜染於許由, 伯陽; 禹染於皋陶, 伯益; 湯染於伊尹申飢; 武王染於太公, 周公. 此四者, 所染當故王天下, 立為天子, 功名蔽天地. 舉天下之仁義顯人, 必稱此四王者. (卷三十四, 墨子, 所染).

Phiên âm:

203

Thuấn (1) nhiễm (2) ư Hứa Do (3), Bá Dương (4); Vũ nhiễm ư Cao Dao (5), Bá Ích (6), Thang (7) nhiễm ư Y Doãn (8), Trọng Hủy (9); Vũ Vương (10) nhiễm ư Thái Công (11), Chu Công (12). Thủ tứ vương giả, sở nhiễm đương, cố vương (13) thiên hạ, lập vi thiên tử, công danh tế thiên địa. Cử thiên hạ chi nhân nghĩa hiển nhân, tất xưng thủ tứ vương giả. (**Mặc Tử - Quyển 34 - Sở nhiễm**).

Chú thích:

- (1) Thuấn: Tức vua Đế Thuấn nhà Ngu, sử gọi là Ngu Thuấn.
- (2) Nhiễm: Bài này lấy việc nhuộm sợi vải làm tỷ dụ, nói về việc nhà vua tuyển chọn được người tài đức làm cận thần tâm phúc, mới có thể dựng được sự nghiệp tốt đẹp.
- (3) Hứa Do: Là người tài đức thời Nghiêu Thuấn. Khi vua Đế Nghiêu tại vị, Hứa Do suất lĩnh bộ tộc Hứa hoạt động suốt lưu vực sông Thên Dĩnh nay là Đãng Phong, Hứa Xương, Vũ Châu, Nhữ Châu, Trường Cát, Yên Lăng.
- (4) Bá Dương: Người tài thời cổ, tương truyền ông là một trong 7 người bạn của Đế Thuấn.
- (5) Cao Dao: Làm quan tư pháp triều vua Đế Thuấn, về sau được xem là quan coi ngục hoặc thần ngục.
- (6) Bá Ích: Làm quan đại thần triều vua Vũ, phụ tá vua Vũ bình trị thủy thổ.
- (7) Thanh: nhà vua sáng lập vương triều nhà Thương, tại vị 30 năm từ từ năm 1617 trước CN đến năm 1588 trước CN. Trong đó 17 năm làm vua chư hầu cho nhà Hạ, 13 năm làm vua nhà Thương, được gọi là vua Thương Thang.
- (8) Y Doãn: Đại thần của vua Thương Thang, tên là Y còn có tên là Chí, Doãn là chức quan, tương truyền ông sinh ra ở bên sông Y, nên lấy làm tên. Theo truyền thuyết, Y Doãn vốn là nô lệ, làm tớ cho vợ của vua Thương Thang, sau có công phò tá vua Thang đánh dẹp vua Kiệt nhà Hạ.
- (9) Trọng Hủy: Còn có tên là Lai Chu, làm quan đại thần nổi tiếng triều vua Thương Thang.
- (10) Vũ Vương: Tức vua Chu Vũ Vương Cơ Phát, nhà vua mở ra triều đại Tây Chu, vốn là con trai thứ hai của Chu Văn Vương Cơ Xương.
- (11) Thái Công: Tức Khương Thái Công, người phụ tá chủ yếu cho vua Chu Vũ Vương thống nhất thiên hạ.
- (12) Chu Công: Là nhà chính trị triều Tây Chu, tên là Cơ Đán, cũng gọi là Thúc Đán, con trai vua Chu Văn Vương, em của

vua Chu Vũ Vương, là chú của vua Chu, phụ vua Chu Vũ Vương diệt nhà Thương. Sau khi vua Chu Vũ Vương qua đời, vua Thành Vương kế nghiệp còn thơ ấu, thì Chu Công Đán nhiếp chính. Chế tác nhạc lễ, viết sách *Chu lễ*.

(13) Vương: Xung vương, thống trị thiên hạ.

Diễn giải:

Đế Nghiêu tuyển được bảy tài đức là Hứa Do, Bá Dương; vua Vũ tuyển được bảy tài đức là Cao Dao, Bá Ích; vua Thương Thang tuyển được bảy tài đức là Y Doãn, Trọng Hủy; vua Chu Vũ Vương tuyển được bảy tài đức là Thái Công, Chu Công. Đó là bốn nhà vua tuyển được các bảy tài đức giúp mình nên lập được sự nghiệp đế vương trong thiên hạ, lên ngôi thiên tử, công danh lừng lẫy tứ phương. Phạm khi nói về các nhân vật nhân nghĩa, tất nhiên người ta nhắc đến bốn vị vua ấy.

(Theo sách *Mặc Tử - Sở nhiễm- Quyển 34*)

Nguyên văn:

二〇四

悼襄王問龐煖曰：“夫君人者，亦有為其國乎？”龐煖曰：“王獨不聞俞拊之為醫乎？已識必治神避之，昔堯之任人也，不用親戚，而必使能；其治病也，不任所愛，必使舊醫”。襄王曰：“善”。龐煖曰：“王其忘之乎？昔伊尹醫殷太公醫周，百里醫秦，申庶醫郢，原季醫晉，范蠡醫越，管仲醫齊，而立五國霸。其善一也然道不同數”。（卷三十四，鶡冠子，世賢）。

Phiên âm:

204

Điệu Tương vương (1) vấn Bàng Noãn (2) viết: “Phù quân nhân giả, diệc hữu vi kỳ quốc hồ?” Bàng Noãn, viết: “Vương độc

bất văn du phủ (3) chi vi y hồ? dĩ thức tắc trị, thân tỵ chi. Tích Nghiêu chi nhiệm nhân dã, bất dụng thân thích, nhi tất sử năng; Kỳ trị bệnh dã, bất nhiệm sở ái, tất sử cựu y”. Tương vương viết: “Thiện”. Bàng Noãn, viết: “Vương kỳ vong chi hồ? Tích Y Doãn y Ân, Thái Công y Chu, Bách Lý (4) y Tần, Thân Tiêu (5) y Dĩnh (6), Nguyên Quý (7) y Tấn, Phạm Lãi (8) y Việt, Quán Trọng (9) y Tề. nhi lập ngũ quốc bá. Kỳ thiện nhất dã, nhiên đạo bất đồng số (10)”. (Quyển 34 - Hạng Quan Tử - Sở nhiệm).

Chú thích:

- (1) Điều Tương vương: Túc Triệu Điều Tương vương (?-236 trước CN), vua nước Triệu vào cuối thời Chiến Quốc, tính là Doanh, họ là Triệu, tên là Yến, con của Triệu Hiếu Thành Vương.
- (2) Bàng Noãn: Nhà theo thuyết Tung hoành thời Chiến Quốc, không rõ lai lịch. Căn cứ sách *Hạng Quan Tử* viết: “Xuất hiện sớm nhất vào thời Triệu Vũ Linh vương, từng bàn về binh pháp với Triệu Vũ Linh vương và Triệu Điều Tương vương.
- (3) Du Phủ: Lương y thời cổ, tương truyền là bầy tôi của vua Hoàng Đế, chữa bệnh không dùng thuốc, chỉ cắt da nạn máu làm sạch nội tạng.
- (4) Bách Lý: Túc Bách Lý Hề, người nước Ngô thời Xuân Thu, không rõ năm sinh mất. Sao khi nước Tấn diệt nước Ngô thì Bách Lý Hề bị ở tù tại nước Sở, vua Tấn Mục Công nghe ông là người hiền tài, cho người đem 5 tấm da dê chuộc về nước Tấn, phong chức đại phu, nên có danh là “ngũ cổ đại phu”.
- (5) Thân Tiêu: Người nước Sở sống vào thời Xuân Thu.
- (6) Dĩnh: Kinh đô nước Sở thời Xuân Thu, di chỉ nay là thuộc huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc.
- (7) Nguyên Quý: Chỉ Triệu Suy, tức Triệu Thành Tử, tự là Tử Kim, còn gọi là Thành Quý, Mạnh Tử Dư, Triệu Suy theo phò Tấn Văn Công lưu vong nhiều năm, được cho là công thần nhưng ông không tranh quyền đoạt lợi, không ham địa vị, nên khi phục hồi nước Tấn, từng làm chức Nguyên Đại phu, nên gọi là Nguyên Quý.
- (8) Phạm Lãi: Tự là Thiệu Bá, không rõ năm sinh, mất, người nước

Sở, cùng Văn Chung phò vua Câu Tiễn nước Việt, hơn 20 năm ra sức phục thù đánh diệt nước Ngô, được tôn là Thượng tướng quân, nhưng ông cho rằng vua Câu Tiễn là người cùng chung hoạn nạn, mà không thể chung hưởng an lạc trong hòa bình, bèn âm thầm lên thuyền bỏ chức ra đi, đổi tên họ thành Si Di Tử Bì, đến xứ Đào, tổ chức sản xuất kinh doanh thành nhà cự phú, tự hiệu là Đào Chu Công, người đời sau tôn ông là “Thương thánh”.

(9) Quản Trọng: Phò Tề Hoàn Công lập nên nghiệp bá đầu tiên.

(10) Sở: Sách lược, phương pháp.

Diễn giải:

Vua nước Triệu là Điệu Tương vương hỏi Bàng Noãn: “Làm vua cũng có bí quyết của việc cai trị hay sao?”. Bàng Noãn nói: “Chẳng lẽ bệ hạ chưa nghe nói chuyện chữa bệnh của lương y Du Phủ thời cổ hay sao? Đã biết nguyên nhân gây bệnh, thì nhất định chữa trị được, đến cả quỷ thần cũng chịu thua Du Phủ. Ngày xưa vua Nghiêu dùng người, không ưu tiên cho người bà con thân thích của mình, mà nhất định tín nhiệm người tài đức. Quan hệ đến việc chữa bệnh, chẳng tín nhiệm riêng những người thân cận với mình, mà phải thỉnh cho được thầy thuốc tài giỏi nhiều kinh nghiệm chữa chạy”. Vua Điệu Tương vương nói: “Rất đúng!”. Bàng Noãn nói: “Chẳng lẽ bệ hạ lại quên sao? Ngày xưa ông Y Doãn chữa trị bệnh cho triều Ân, ông Thái công chữa trị tề nạn cho nhà Chu, ông Bách Lý Hề chữa trị bệnh căn cho nước Tần, ông Thân Tiêu chữa trị hoạn nạn cho kinh đô nước Sở, ông Nguyên Quý chữa trị tai ương cho nước Tấn, ông Phạm Lãi chữa trị họa ương cho nước Việt, ông Quản Trọng chữa trị tình hình lạc hậu của nước Tề. Các vị ấy đã dựng nên bá nghiệp cho vua nước mình. Họ giống nhau ở chỗ là các bầy tôi ưu tú, nhưng khác nhau về sách lược trị quốc.

(Theo sách Hạc Quan Tử - Thể hiển - Quyển 34)

Nguyên văn:

二〇五

教本乎君子, 小人被其澤; 利本乎小人, 君子享其功. 使君子小人各得其宜, 即通功易食而道達矣. (卷三十五, 文子, 徵明).

Phiên âm:

205

Giáo (1) bản hồ quân tử, tiểu nhân bị (2) kỳ trạch (3); Lợi bản hồ tiểu nhân, quân tử hậu kỳ công, sử quân tử tiểu nhân các đắc kỳ nghi, tức thông công dị thực (4) nhi thông đạt hỹ. (**Quyển 35 - Văn Tử - Trưng minh**).

Chú thích:

- (1) Giáo: Giáo hóa.
- (2) Bị: Tao ngộ.
- (3) Trạch: Ân huệ.
- (4) Thông công dị thực: Mọi người đều có nghề.

Diễn giải:

Giáo hóa từ nhà vua mà ra, còn người dân thì được hưởng ân trạch của vua mình; Nhân dân làm ra các loại của cải làm giàu cho nước, nhà vua được hưởng từ kết quả lao động của bách tính. Nếu như vua và dân đều giữ đúng vị trí vai trò của mình, thì mọi chuyện đều thông suốt.

(Theo sách Văn Tử - Trưng minh - Quyển 35)

Nguyên văn:

二〇六

智而好問者聖, 勇而好同者勝. 乘眾人而知即無不任也; 用眾人之力, 即無不勝也; 用眾人之力, 烏獲不足恃也; 乘眾人之勢, 天下不足用也. 故聖人舉事, 未嘗不因其資而用之也. 有一功者處一位, 有一能者服一事, 力勝其任, 即舉者不重也; 能勝其事, 即為者弗難也. 聖人兼而用之, 故人無棄人, 物無棄財矣.

(卷三十五, 文子, 道自然).

Phiên âm:

206

Trí nhi hiếu vấn giả thánh, dũng nhi hiếu đồng (1) giả thắng. Thừa (2) chúng nhân chi tri (3), túc vô bất nhiệm (4) dã; dụng chúng nhân chi lực, túc vô bất thắng dã. Dụng chúng nhân chi lực, Ô Hoạch (5) bất túc thị dã; Thừa chúng nhân chi thế, thiên hạ bất túc dụng dã. Cố Thánh nhân cử sự, vị thường bất nhân kỳ tư (6) nhi dụng chi dã. Hữu nhất công giả xù nhất vị, hữu nhất năng giả phục nhất sự. Lực thắng kỳ nhiệm, túc cử giả bất trọng (7) dã; Năng thắng kỳ sự, túc vi giả phát nan dã. Thánh nhân kiêm nhi dụng chi, cố nhân vô khí nhân, vật vô khí tài hỹ (8). (**Quyển 35 - Văn Tử - Đạo tự nhiên**).

Chú thích:

(1) Đồng: Hài hòa.

(2) Thừa: Lợi dụng.

(3) Tri: Trí, trí tuệ. Sách *Luận ngữ - Lý nhân* viết: “Lý nhân vi mỹ, trạch bất xử nhân yên đắc tri?”. Sách *Lễ ký - Trung dung* viết: “Ba đức trí - nhân - dũng là thiên hạ chi đạt đức dã”.

(4) Nhiệm: Chỉ thẳng nhiệm.

(5) Ô Hoạch: Là tên một lực sĩ nước Tần thời Chiến Quốc, về sau phẩm xứng lực sĩ nói chung.

(6) Tư: Tài sản vật chất.

(7) Trọng: Trầm trọng.

(8) Cố nhân vô khí nhân, vật vô khí tài hỹ: Vì thế, con người ta không có ai là người vô dụng, không có vật gì là không có chỗ dùng. Các thứ tài sản, vàng bạc vải vóc, gạo khoai gọi chung là hóa vật tiền tệ. Sách *Lão Tử* – chương thứ 27 viết: “Thị dĩ Thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật.

Diễn giải:

Người có trí tuệ lại biết lắng nghe ý kiến của người khác, có thể trở thành bậc Thánh nhân đại trí đại tuệ; Người có dũng khí mà có khả năng đoàn kết mọi người thì không trận chiến nào mà không đánh thắng. Biết vận dụng tốt trí tuệ của người khác thì làm bất cứ việc gì cũng đều hoàn thành xuất sắc. Vận dụng sức mạnh của đông người, thì một người mạnh như lực sĩ Ô Hoạch thời cổ cũng không thể chống đỡ nổi. Người dựa vào thế lực của đông người thì không việc gì trong thiên hạ mà không hoàn thành. Vì vậy, bậc Thánh nhân khi làm việc gì, không khi nào không căn cứ tư chất của số đông, mà bố trí vào chức quan đúng sở trường của từng người, người nào có tài năng về lĩnh vực gì thì làm việc trong lĩnh vực ấy, thì làm sao công việc không được làm tốt. Vì thế, người nào cũng được giao việc, không ai là vô dụng, không vật dụng nào bị bỏ phế cả.

(Theo sách *Văn Tử - Đạo tự nhiên - Quyển 35*)

Nguyên văn:

二〇七

天地生萬物聖人裁之裁物以制分便事以立官。(卷三十六, 尸子, 分).

Phiên âm:

207

Thiên địa sinh vạn vật, Thánh nhân tài (1) chi. Tài vật dĩ chế (2) phân, tiên sự dĩ lập quan (3). (Quyển 36 – Thi Tử - Phân).

Chú thích:

- (1) Tài: Xét lựa.
- (2) Chế: Chế định.
- (3) Quan: Quan chức.

Diễn giải:

Trời đất sinh sôi và dưỡng dục vạn vật, bậc Thánh nhân xét lựa làm cho phát triển. Thánh nhân tài định sự vật, khiến cho vạn vật tuân theo bản phận, chức trách của chính nó, dựa vào sự vụ khác nhau của đất nước là lập các chức quan khác nhau.

(Theo sách Thi Tử - Phân - Quyển 36)

Nguyên văn:

二〇八

治水潦者禹也；播五種者后稷也；聽獄折衷者皋陶也。舜無為也而天下以為父母。愛天下莫甚焉。（卷三十六，尸子，仁意）。

Phiên âm:

208

Trị thủy潦 (1) giả Vũ dã, Bá ngũ chủng (2) giả Hậu Tắc (3) dã, Thính ngục (4) chiết trung (5) giả Cao Dao (6) dã. Thuấn vô vi dã, nhi thiên hạ dĩ vi phụ mẫu. Ái thiên hạ mạc thậm (7) hỹ. (Quyển 36 - Thi Tử - Nhân ý) 潦潦: mưa ngập.

Chú thích:

- (1) Thủy潦: Thủy tai, lụt lội.
- (2) Ngũ chủng: Chỉ ngũ cốc (lúa gạo, lúa mạch, nếp, lúa tẻ, cao lương). Sau này người ta dùng chỉ tất cả cây lương thực.
- (3) Hậu Tắc: Theo truyền thuyết ông là người giỏi trồng cây lương thực, dạy dân trồng ngũ cốc, ông là thủy tổ của tộc Chu, làm quan nông nghiệp cho vua Nghiêu, vua Thuấn.
- (4) Thính ngục: Thẩm vấn và xử lý việc kiện cáo.
- (5) Chiếu trung: Điều hòa giữa thái quá với bất cập, sao cho hợp lý.
- (6) Cao Dao: Là bầy tôi của vua Thuấn.
- (7) Thâm: Vượt quá, quá lắm.

Diễn giải:

Ông Vũ giải quyết được nạn hồng thủy, đất đai không còn bị nạn lụt lội hoành hành, nhân dân theo ông Hậu Tắc cấy trồng cây lương thực, hết bị đói kém như trước; Còn người chủ quan việc xử lý tố tụng hợp lý là ông Cao Dao. Vua Thuấn tìm người có khả năng xử lý việc gì tốt nhất thì bố trí làm chức chủ quản lĩnh vực ấy, bản thân vua Thuấn không can thiệp quá nhiều đến nhân dân, mà được bách tính ngưỡng mộ thương yêu như cha mẹ. Thế mới biết không có một ai thương dân cho bằng vua Đế Thuấn.

(Theo sách **Thi Tử - Nhân ý - Quyển 36**)

Nguyên văn:

二〇九

“天下至大，非垂聽所周，又精始難校，考終易明。今人主不委事仰成，而與諸下其共造事始，則功罪難分，能否不別。陛下縱未得盡仰成之理，都委務於下，至如今事應奏御者，蠲除不急，使要事不精，可三分之二。今親掌者，受成於上上之所失不

得復以罪下。歲終，事功不見，不知所責也？” . (卷三十六，尸子，仁意) .

Phiên âm

209

“Thiên hạ (1) chí đại, phi thùy thính sở chu (2), hựu tinh (3) thùy nan hiệu (4), khảo chung (5) dị minh. Kim nhân chủ (6) bất ủy sự ngưỡng thành (7), nhi dĩ chư hạ (8) cộng tạo sự thùy (9), tắc công 5 tội nan phân, năng bỉ bất biệt (10). Bệ hạ (11) tủng (12) vị đắc tận ngưỡng thành chi lý, đô ủy vụ ư hạ, chí như kim sự ứng tấu ngự (13) giả, quyên trừ (14) bất cấp, sử yếu sự đắc tinh (15), khả tam phân chi nhị. Kim thân chưởng giả, thụ thành (16) ư thượng, thượng chi sở thất, bất đắc phục dĩ tội hạ (17). Tuế chung (18), sự công (19) bất kiến, bất tri sở trách (20) dã?”. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Thiên hạ: Chỉ chính sự toàn quốc.
- (2) Thùy thính sở chu: Thính nghĩa là cúi nghe, nghiêng tai lắng nghe. Chu nghĩa là chu toàn.
- (3) Tinh: Tinh mật, tế vi, tỉ mỉ.
- (4) Hiệu: Khảo sát, khảo hạch, khảo cứu.
- (5) Khảo chung: Chỉ thành quả thám cứu sau cùng.
- (6) Nhân chủ: Vua.
- (7) Ủy sự ngưỡng thành: Giao việc rồi ngồi chờ công việc thành công. Ngưỡng thành nghĩa là dựa vào người khác mà thu thành công.
- (8) Chư hạ: Chỉ quần thần.
- (9) Sự thùy: Sự tình được khai mở.
- (10) Biệt: Phân biệt.
- (11) Bệ hạ: Lời tôn xưng vua của bầy tôi và nhân dân thời xưa.
- (12) Tủng: Khiến, sai.

- (13) Tấu ngự: Tàu lên vua.
- (14) Quyên trừ: Phế trừ, miễn trừ.
- (15) Tinh: Tinh giản, giản yếu tinh luyện.
- (16) Thụ thành: Tiếp thu mưu lược đã định, làm theo kế hoạch của chủ quản, không tự chủ trương riêng mình.
- (17) Phục dĩ tội hạ: Làm tội lần nữa các quan viên biện sự.
- (18) Tuế chung: Cuối năm, khi kết thúc một năm.
- (19) Sự công: Công lao, công tích.
- (20) Trách: Phụ trách.

Diễn giải:

Lưu Tụng dâng sớ tâu vua: “Chính sự cả nước bộn bề như vậy, không thể chỉ nghe tâu bày mà châu toàn được mọi chuyện. Còn có những tình huống mới phát sinh, khó mà khảo tra thấu triệt đến nơi đến chốn.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

五：至公

二一〇

何充字次道，廬江人也。為護軍中書令。顯宗初崩充建議曰：“父子相傳先王舊典忽忘改易懼非長計”。庾冰等不從故康帝遂立。帝臨軒，冰，充侍坐。帝曰：“朕嗣洪業二君之力也”。對曰：“陛下龍飛，臣冰之力也，若如臣議，不睹升平之世”。康帝崩，充奉遺旨，便立孝宗。加錄尚書事侍中臨朝正色以社稷為己任。凡所選用皆以公臣為先不以私恩樹用親戚。談者以此重之。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

NGŨ: CHÍ CÔNG

210

Hà Sung (1) tự Thứ Đạo, Lư Giang nhân dã. Vi Hộ quân (2) Trung thư lệnh (3). Hiển Tông (4) sơ băng, Sung kiến nghị viết: “Phụ tử tương truyền, tiên vương cựu điển, hốt vong cải dị, cụ phi trường kế”. Dũu băng (5) đẵng bắt tùng, cố Khang Đế (6) toại lập. Đế lâm hiên (7), băng, sung thị tọa. Đế viết: “Trẫm tự (8) hồng nghiệp (9), nhị quân chi lực dã”. Đối viết: “Bệ hạ long phi (10), thần băng (11) chi lực dã. Nhực như thần nghị, bất đồ (12) thẳng bình chi thế”. Khang Đế băng, sung phụng di chỉ, tiện lập Hiếu Tông (13). Gia lục thượng thư sự, thị trung. Lâm triều chính sắc, dĩ xã tắc vi kỷ nhiệm. Phàm sở tuyển dụng, giai dĩ công thần vi tiên, bất dĩ tư ân thụ dụng thân thích. Đàm giả dĩ thủ trọng chi. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Hà Sung: (292-346 CN) tự là Thứ Đạo, người huyện Tiêm, quận Lư Giang (nay thuộc Hoắc Sơn, tỉnh An Huy) là một viên quan trọng yếu triều nhà Tấn, làm chức Trung thư giám Phiêu kỵ tướng quân, Lục Thượng thư sự (đứng đầu các vị quan Thượng thư) triều Đông Tấn, làm quan phụ chính cho vua Tấn Khang đế và Tấn Mục đế.

(2) Hộ quân: Chức quan thời Hán và Tấn lập ra chức Hộ quân đô úy hoặc Trung úy có nhiệm vụ điều tiết mối quan hệ giữa các tướng lĩnh. Từ thời Ngụy Tấn trở đi lập ra Hộ quân tướng quân hoặc Trung hộ quân, làm việc tuyển chọn chức vụ trong quân đội, cùng với quan Lĩnh quân tướng quân hoặc Trung lĩnh tướng quân quản lý quân đội trung ương.

(3) Trung thư lệnh: Nhà Hán lập Trung thư lệnh chuyên việc truyền chiếu lệnh của vua, dùng hoạn quan vào chức này, về sau dùng nhiều sĩ phu danh vọng.

(4) Hiến Tông: Tấn Thành đế Tư Mã Diễn (321-342 CN), tự là Thế Căn, vua thứ ba nhà Đông Tấn, con của Tấn Minh đế, miếu hiệu là Hiến Tông.

(5) Dữu bãng: (296-344 CN), tự là Quý Kiên, người Yên Lăng, Dĩnh Châu (nay là Yên Lăng, Hà Nam), làm quan cho triều Đông Tấn, là em của quan Trung thư lệnh Dữu Lượng. Sau khi Vương Đạo qua đời, ông làm chức Trung thư giám, cầm quyền tại triều đình, ông xúc tiến việc vua Tấn Thành đế nhường ngôi cho người em Tấn Khang đế để củng cố thế lực họ Dữu, sau ra làm ở trấn Giang Châu.

(6) Khang Đế: Vua Tấn Khang đế tên là Tư Mã Nhạc (222-344 CN), là hoàng đế thứ tư nhà Đông Tấn.

(7) Lâm hiên: Thiên tử ngồi nơi bình đài trước chánh điện, có mái vòm cong che nắng mưa.

(8) Tự: Nối ngôi làm vua.

(9) Hồng nghiệp: Nghiệp lớn, nghiệp đế vương.

(10) Long phi: Chỉ lên ngôi vua.

(11) Bãng: Chỉ Dữu Bãng.

(12) Đổ: Nhìn.

(13) Hiếu Tông: Túc vua Tấn Mục đế, Tư Mã Đam (343-361 CN). Sau khi vua Tấn Khang đế qua đời, Thái tử Tư Mã Đam lên ngôi, còn thơ ấu nên các Thái hậu dự họp triều đình nghe bàn việc nước, Hà Sung làm đại thần phụ chính.

(14) Lâm triều: Dự họp triều đình xử lý chính sự.

(15) Chính sắc: Thần sắc trang trọng.

Diễn giải:

Hà Sung, tự Thứ Đạo, người quận Lư Giang, từng làm chức Hộ quân, Trung thư lệnh. Vua Tấn Thành đế Tư Mã Diễn vừa năm xuống, quan Đại thần Dữu Bãng cho rằng miền bắc đang có cường địch, nên tìm trong tông thất một người trung niên làm vua, còn Hà Sung thì cho rằng, cựa điển các vị tiên vương đã quy định là cha

truyền ngôi cho con, nay đột nhiên thay đổi, e rằng không phải là kế trường cửu. Phe Dữu Bạng không theo kiến nghị của Hà Sung, đưa người em của vua Tấn Thành đế, là Tư Mã Nhạc lên ngôi tức Tấn Khang đế. Một hôm, vua Tấn Khang đế ngồi cùng Dữu Bạng, Hà Sung nơi tiền điện. Tấn Khang đế nói: “Trẫm được kế thừa làm vua, đều nhờ công lao của hai vị đấy!” Hà Sung thưa: “Bệ hạ làm vua là công của Dữu Bạng, theo nhận xét của thần thì tình hình trong nước không được yên ổn. Rồi vua Tấn Khang đế qua đời, Hà Sung theo di chiếu của vua Khang đế lập Tư Mã Đam con của vua Tấn Thành đế lên làm vua, Hà Sung làm Tổng lĩnh Thượng thư, gia thăng chức Thị trung. Hà Sung xử lý việc cai trị tại triều, thần sắc trang trọng, một lòng vì quốc gia xã tắc, ông tuyển dụng quan chức đều ưu tiên cho những người có công, không riêng tư phe phái bà con nội ngoại, nên mọi người rất kính trọng ông.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

二一一

武王問太公曰：“賢君治國教民其法何如？”太公對曰：“賢君治國不以私害公，賞不加於無功，罰不加於無罪。法不廢於仇讎，不避於所愛。不因怨以誅，不因喜以賞。不高臺深池以役下，不調文刻畫以害農，不極耳目之欲以亂政。是賢君之治國也。

(卷三十一，陰謀)。

Phiên âm:

211

Vũ Vương vấn Thái Công viết: “Hiển quân trị quốc giáo dân hà như?” Thái Công viết: “Hiển quân trị quốc, bất dĩ tư hại công (1). Thường bắt gia ư vô công, phạt bắt gia ư vô tội. Pháp bắt phế ư cừ thù (2), bất tỵ ư sở ái. Bất nhân nộ dĩ tru, bất nhân hỉ dĩ thưởng.

Bất cao đài thâm trị dĩ dịch hạ, bất điều văn khắc họa dĩ hại nông. Bất cực nhĩ mục chi dục dĩ loạn chính, thị hiền quân chi trị quốc dã”. (Quyển 31 - Âm mưu).

Chú thích:

- (1) Dĩ tư hại công: vì lợi ích của mình mà hại đến công đạo hoặc công đức.
- (2) Cừ thù: kẻ thù, oan gia đối đầu.

Diễn giải:

Vua Chu Vũ Vương hỏi Thái Công Võng: “Nhà vua hiền minh muốn cai trị nước, giáo hóa nhân dân tốt nhất thì phải làm gì? Thái Công trả lời: “Nhà vua giỏi trị nước, trước hết không nên làm theo ý riêng mà làm hại đến công đạo. Không khen thưởng cho kẻ vô công, không phạt lầm người vô tội. Thực thi chế độ pháp lệnh không vì kẻ mình ghét thì tăng nặng, còn người mình yêu mến thì giảm nhẹ. Không lạm sát nhân khi nóng giận, không tưởng thưởng quá mức khi vui trong lòng. Không làm khổ dân trong việc kiến trúc lầu đài ao hồ, không làm hại đến mùa màng vì lấy nhân công vào những chuyện làm vui cho vua, không vì thú giải trí của vua mà làm nhiều loạn chính trị. Đó là phương pháp cai trị quốc gia của một hiền quân.

(Theo sách Âm mưu - Quyển 31)

Nguyên văn:

二一 二

尺寸尋丈者，所以得短長之情也。故以尺寸量短長，則萬舉而萬不失矣。是故尺寸之度，雖富貴眾彊不為益長；雖卑辱貧賤弗為損短。公平而無所偏，故姦詐之人弗能誤也，故曰：“有尋丈之數者，不差以長短（卷三十二，管子，明法解）。

Phiên âm:

212

Xích thốn tầm (1) trượng giả, sở dĩ đặc đoản trường chi tình dã. Cổ dĩ xích thốn lượng đoản trường, tắc vạn cử, nhi vạn bất thất hỹ. Thị cố xích thốn chi độ, tuy phú quý chúng cương, bất vi ích (2) trường; tuy ti nhục bản tiện, phát vi tổn đoản (3). Công bình nhi vô sở thiên, cố gian trá chi nhân phát năng ngộ dã. Cổ viết: “Hữu tầm trượng cho sô giả, bất khả sai dĩ trường đoản”. (**Quyển 32 - Quản Tử - Minh pháp giải**).

Chú thích:

- (1) Tầm: Đơn vị đo chiều dài thời cổ, một tầm bằng 8 thước Trung Hoa.
- (2) Ích: Tăng thêm.
- (3) Tổn đoản: Giảm bớt.

Diễn giải:

Thước, tắc, tầm (8 thước), trượng (10 thước) là các đơn vị đo chiều dài, được sử dụng để định lượng tình huống dài ngắn. Vì thế, dùng thước tắc để định chiều dài thì trong cả vạn lần đều không sai chạy. Cho nên lấy thước tắc để tính toán thì tuy phú quý, người đông thế mạnh cũng không được tăng thêm chút nào, kẻ nghèo hèn thế cô cũng không bị giảm bớt chút nào. Công bằng không vì riêng tư, nên bọn gian trá không có cách nào lừa đảo được. Vì thế có câu: “Có tầm, trượng làm chuẩn đo, thì không thể sai sót về chiều dài”.

(Theo sách Quản Tử - Minh pháp giải - Quyển 32)

Nguyên văn:

二一三

凡所謂忠臣者，務明法術，日夜佐主明於度數之理，以治天下者也。姦邪之臣知法術明之必治也，治則姦臣困，而法術之士頭。是故姦邪之所務事者，使法無明，主無寤，而已得所欲也。
(卷三十二，管子，明法解)。

Phiên âm:

213

Phàm sở vị trung thân giả, vụ minh pháp thuật, nhật dạ tá (1) chúa, minh ư pháp, minh ư độ số (2) chi lý, dĩ trị thiên hạ giả dã. Gian tà chi thân, tri pháp thuật minh chi tất chi tất trị dã, trị tắc gian thân khốn, nhi pháp thuật chi sĩ đầu. Thị cố gian tà chi sở vụ sự giả, sử pháp vô minh, chúa vô ngộ (3), nhi kỷ đắc sở đắc dã.
(Quyển 32 - Quản Tử - Minh pháp giải).

Chú thích:

- (1) Tá: Phò tá, phụ trợ.
- (2) Độ số: Tiêu chuẩn, quy tắc.
- (3) Ngộ: Thức dậy, giác ngộ, tỉnh ngộ.

Diễn giải:

Gọi là trung thân tất là người thông hiểu chính sách, pháp lệnh, ngày đêm phụ tá cho vua, giúp vua mình hiểu rõ đạo lý về quy tắc tiêu chuẩn đạo lý, công chính trong việc cai trị thiên hạ. Còn bọn bầy tôi gian tà biết rằng, một khi chính sách pháp lệnh rõ ràng thì nước nhà an định, mà nước nhà an định thì người am hiểu chính sách pháp lệnh được tôn vinh, gian thần bị hãm vào cảnh khốn nạn, cho nên bọn gian thần ra sức làm nhiều chuyện để pháp độ không rõ ràng, nhà vua mơ hồ, làm việc theo ý muốn riêng.

(Theo sách Quản Tử - Minh pháp giải- Quyển 32)

Nguyên văn:

六：愛民

二一四

稽于眾舍己從人，弗虐無告，弗廢困窮，惟帝時克。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

LỤC: ÁI DÂN

214

Khể (1) vu chúng, xả kỷ tùng nhân, phát (2) ngược vô cáo (3), phát phế (4) khốn cùng, duy (5) đê thời (6) khắc (7). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Khể: Khảo sát.
- (2) Phát: Không, bắt.
- (3) Vô cáo: Chỉ người cô khổ không biết kêu cầu nơi đâu.
- (4) Phế: Đầy thất vọng.
- (5) Duy: Chỉ có.
- (6) Thời: Tùy thời.
- (7) Khắc: Năng cú.

Diễn giải:

Đúng là nghe ý kiến của nhiều người thì bỏ được ý kiến của riêng một người, nghe theo công luận của nhiều người thì người cô khổ đơn độc không bị làm hại, khiến người cùng khổ gian nan không bị lún ngập trong thất vọng, thì chỉ có Đế Nghiêu của chúng ta tùy thời mà làm mới được.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

二一五

夫肥遁窮谷之賢汨泥揚波之士雖抗志於玄霄之表，潛默於幽岫之裡，貧崛高尚之道，以隆協讚之美，使惠風流於天下，膏澤被於萬物，孰與獨足山水棲遲丘壑，殉匹夫之潔，而妄兼濟之大？古人不借賢於囊代朕所以虛想於今日。內外百官，剖符親民各勤所司，使善無不達，惡無不。退食自公平情以道，令詩人無素餐之刺，而吾獲虛心之求豈不善哉！其各宜攝知朕意焉”。
(卷二十九, 晉書下, 紀)

Phiên âm:

215

Phù phi độn (1) cùng cốc (2) chi hiên, mịch nê giường ba (3) chi sĩ, tuy kháng chí (4) ư huyền tiêu (5), tiếm mặc (6) ư u tụ (7) chi lý, tham (8) khuất (9) cao thượng chi đạo, dĩ long hiệp tán (10) chi mỹ, sử huệ phong (11) lưu ư thiên hạ, cao trạch (12) bị (13) ư vạn vật. Thục dĩ (14) độc túc sơn thủy, thê trì (15) khâu hác (16), tuần (17) thất phu chi khiết (18), nhi vọng kim tế (19) chi đại? Cổ nhân bất tá hiên ư nang đại (20), trẫm sở dĩ hử tưởng (21) ư kim nhật. Nội ngoại bách quan, phẫu phù (22) thân dân, các cần sở ty (23), sử tiện vô bất đạt, ác vô bất văn. Thoái thực tự công (24), bình tình (25) dĩ đạo, lệnh thi nhân vô tố xan (26) chi thứ, nhi ngô hoạch hử tâm (27) chi cầu, khởi bất thiện tai! Kỳ các tuyên nhiếp (28), tri trẫm ý yên”. (Quyển 29 - Tấn thư hạ - kỷ).

Chú thích:

- (1) Phi độn: Ý thoái ẩn.
- (2) Cùng cốc: Hang sâu, u cốc.
- (3) Mịch nê giường ba: Là một quan niệm thoái ẩn của người tu theo Đạo gia, Sách *Sở từ - Ngự phụ* của Khuất Nguyên có câu: “Người đời ô trọc, sao không chui ra khỏi đồng bùn nhơ mà giường cao con sóng?”
- (4) Khang chí: Chí cao thượng.

- (5) Huyền tiêu: Trời cao, vân tiêu.
- (6) Tiềm mặc: Không động tĩnh, giữ im lặng.
- (7) U tỵ: Động đá nơi núi sâu, nơi người ẩn sĩ tìm đến ở.
- (8) Tham: Dục vọng, hy vọng.
- (9) Khuất: Làm cho khuất phục.
- (10) Hiệp tán: Hiệp trợ, phụ tá.
- (11) Huệ phong: Tỷ dụ cho nhân chính, nhân ái.
- (12) Cao trạch: Tỷ dụ ân huệ.
- (13) Bị: Đầy, phổ biến khắp nơi.
- (14) Thục dữ: Biểu thị ngũ khí nghi vấn, so với đối phương như thế nào.
- (15) Thê trì: Du ngoạn đùa giỡn.
- (16) Khâu hác: Phiếm chỉ phong cảnh non nước u nhã, tức chỉ cuộc sống ẩn dật.
- (17) Tuấn: Truy cầu.
- (18) Khiết: Trong sạch không bị nhiễm bẩn.
- (19) Kiêm tế: Chỉ dân chúng, vạn vật trong thiên hạ được hưởng huệ ích.
- (20) Nang đại: Đòi trước, tiền đại.
- (21) Hư tưởng: Do huyền niệm.
- (22) Phẫu phù: Thẻ tre, phẫu trúc. Thời cổ khi thiên tử phong chư hầu, công thần, lấy trúc phù làm tín chứng, vua chư hầu giữ một thẻ, về sau dùng phẫu phù, phẫu trúc chỉ việc thụ phong quan chức.
- (23) Ty: Chủ quản, chức chưởng.
- (24) Thoái thực tự công: Biểu thị giảm ăn tiêu để tiết kiệm, chỉ sự liêm khiết, về sau chỉ quan lại tiết kiệm của công.
- (25) Bình tình: Việc công không lệch vì tư tình.
- (26) Tố xan: Không công lao mà hưởng lộc, không làm mà ăn.
- (27) Hư tâm: Không tự mãn, chỉ một lòng hướng vãng.
- (28) Nhiếp: Bổ trợ.

Diễn giải:

Vua Giản Văn đế Tư Mã Dục triều Đông Tấn nói: “Đến cả những bậc hiền đức ở ẩn tận những nơi thâm sơn cùng cốc, cũng như các bậc chí sĩ, tuy ra sức giữ khí tiết cao thượng đến tận ngoài cõi trời cao vút, tiềm tàng nơi núi thẳm rừng sâu, trầm hy vọng họ kiên trì giữ được đạo đức cao thượng, trước là phụ tá hiệp trợ việc triều chính khiến cho những gì tốt đẹp của nền chính trị đạo đức được hưng thịnh, sao cho nền nhân chính của trăm phổ biến khắp thiên hạ, ân trạch triều đình thấm nhuần khắp vạn vật. Làm được như vậy thì chẳng là tốt hơn so với việc một mình lang thang du lịch nơi sơn thanh thủy tú, ẩn cư nơi hoang vu rừng suối, mong cầu sự thanh tịnh cá nhân được tiếng tiết tháo trong sạch, mà quên cái đại nghĩa lo cho mọi sự sống trong thiên hạ hay sao? Cổ nhân không ý vào các bậc hiền nhân trong việc cai trị, nên trầm nghĩ đến các vị hiền thần ngày nay. Các cấp quan viên trong triều ngoài quận huyện một khi đã nhận chức quan, thì nên thân dân thương dân, mỗi người phải tự cần mẫn làm tốt chức trách, sao cho thiện đức không thể không thông đạt, cái ác không thể không bị mất dần đi. Làm thần tử giữ tính liêm khiết, làm việc dựa theo đạo nghĩa, sao cho thơ tử của các thi nhân không còn châm biếm cay độc, cũng khiến trăm được được mở mang học hỏi phong cách cai trị trong quá khứ, chẳng lẽ đó không phải là việc rất tốt hay sao? Xin mời các vị giảng giải phụ trợ chiếu dụ của trăm, khiến mọi người trong thiên hạ hiểu được tâm ý của trăm!”

(Theo sách Tấn thư hạ - kỷ - Quyển 29)

Nguyên văn:

二一六

民者至庠也，而使之取吏焉，必取所愛。故十人愛之，則十人之吏也；百人愛之，則百人之吏也，千人愛之，則千人之吏也，萬

人愛之，則萬人之吏也。
(卷三十一 鬻子)

Phiên âm:

216

Dân giả chí ti (1) dã, nhi sử chi thủ lại yên, tất thủ sở ái. Cố thập nhân ái chi (2) tắc thập nhân chi lại dã; bách nhân ái chi tắc bách nhân chi lại dã; thiên nhân ái chi tắc thiên nhân chi lại dã; vạn nhân ái chi tắc vạn nhân chi lại dã. (Quyển 31 - Chúc Tử).

Chú thích:

(1) Ti: Thấp kém.

(2) Chi: Chỉ bách tính yêu mến quan lại.

Diễn giải:

Bách tính tuy thấp hèn, nhưng nếu giao cho họ quyền tuyển chọn quan lại, thì nhất định họ sẽ chọn những người mà họ yêu mến. Vì thế, mười người yêu mến một người nào đó, thì người ấy là ông quan của mười người; Một trăm người yêu mến một người nào đó, thì người ấy là ông quan của một trăm người; Một ngàn người yêu mến một người nào đó, thì người ấy là ông quan của một ngàn người; Một vạn người yêu mến một người nào đó, thì người ấy là ông quan của một vạn người.

(Theo sách Chúc Tử - Quyển 31)

Nguyên văn:

二一七

文王問太公曰：“願聞為國之道”太公曰：“愛民”。文王曰：“愛民奈何？”太公曰：“利而勿害，成而勿敗，生而勿殺，與而勿奪，樂而勿苦，喜而勿怨”。(卷三十一，六韜，文韜)

Phiên âm:

217

Văn Vương vấn Thái Công viết: “Nguyện văn vị quốc (1) chi đạo”. Thái công viết: “Ái dân”. Văn Vương viết: “Ái dân nại hà?”. Thái Công viết: “Lợi nhi vật hại, thành nhi vật bại, sinh nhi vật sát, dữ nhi vật đoạt, lạc nhi vật khổ, hỉ nhi vật oán”. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

(1) Vị quốc: Cai trị đất nước.

Diễn giải:

Vua Chu Văn Vương hỏi Thái Công Vọng: “Xin Thầy giảng về đạo trị nước”. Thái Công nói: “Ái dân”. Văn Vương lại hỏi: “Thế nào là ái dân?” Thái Công nói: “Làm cho nhân dân được lợi, không bị thiệt hại, giúp nhân dân làm việc thành công không bị thất bại, nuôi dưỡng sức dân, không giết hại dân, ban ân huệ cho dân, không chiếm đoạt của dân, làm cho nhân dân vui sống không để dân vất vả cực nhọc, làm sao cho nhân dân vui vẻ không oán trách, phẫn hận”.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

二一八

與民同利，同病相救，同情相成，同惡相助，同好相趣無甲兵而勝。無衡機而攻，無渠塹而守。（卷二十一，六韜，武韜）

Phiên âm:

218

Dữ dân đồng lợi, đồng bệnh (1) tương cứu, đồng tình tương

thành (2), đồng ố tương trợ (3), đồng háo tương thú, vô giáp binh (4) nhi thắng, vô hành cơ (5) nhi công, vô cừ tiệm (6) nhi thủ. (**Quyển 31 - Lục thao - Vũ thao**).

Chú thích:

- (1) Đồng bệnh: Tỷ dụ cùng gặp hoàn cảnh giống nhau.
- (2) Đồng tình tương thành: Chỉ những người có cùng chí thú, có quan hệ lợi hại với nhau thì hỗ tương giúp đỡ lẫn nhau mới tốt cho công việc. Đồng tình nghĩa là đồng tâm chí.
- (3) Đồng ố tương trợ: Ý nói những kẻ bị cộng đồng ghét bỏ, chúng cùng hợp lực giúp nhau đối phó.
- (4) Giáp binh: Sĩ binh khoác áo giáp, chỉ quân đội.
- (5) Hành cơ: Chiến cụ thời cổ, xe với thang leo thành. Cơ nghĩa là thang leo thành.
- (6) Cừ tiệm: Cừ nghĩa là kinh đào. Tiệm nghĩa là hào tường thành.

Diễn giải:

Cùng nhân dân hưởng lợi ích, hỗ tương cứu tế cho nhau khi rơi vào cùng một cảnh ngộ khó khăn, chỉ những người có cùng chí thú, có quan hệ quyền lợi với nhau, thì hỗ tương giúp đỡ lẫn nhau mới tốt cho công việc, cùng bị ghét bỏ thì cùng giúp nhau đối phó, cùng cho là vui thì cùng nhau xúc tiến. Như thế thì dù không có quân vẫn có thể thủ thắng, không có xe thang leo thành vẫn có thể tấn công, không có hào thành vẫn có thể phòng thủ.

*(Theo sách **Lục thao - Vũ thao - Quyển 31**)*

Nguyên văn:

二一九 政之所行，在順民心；政之所廢，在逆民心。民惡憂勞，我逸樂之；民惡貧賤，我富貴之；民惡危墜，我存安之；民惡滅絕，我生育之。能逸樂之，則民為之憂勞；能富貴之，則民為之

貧賤; 能存安之, 則民為之危墜; 能生育之, 則民為之滅絕.
故刑罰不足以恐其意, 殺戮不足以服其心. 故刑罰繁而意不恐,
則令不行矣; 殺戮眾而心不服, 則上位危矣. 故從其四欲, 則遠
者自親; 行其四惡, 則近者叛之. 故知與之為取者, 政之寶也.
(卷三十二 牧民)

Phiên âm:

219

Chính chi sở hành, (1), tại thuận dân tâm; Chính chi sở phế, tại nghịch dân tâm. Dân ố ưu lao (2), ngã dật lạc (3) chi; Dân ố bản tiện, ngã phú quý chi; Dân ố nguy trụy (4), ngã tồn an (5) chi; Dân ố diệt tuyệt, ngã dinh dục (6) chi. Năng dật lạc chi, tắc dân vị chi ưu lao; Năng phú quý chi, tắc dân vị chi bản tiện; Năng tồn an chi, tắc dân vị chi nguy trụy; Năng sinh dục chi, tắc dân vị chi diệt tuyệt. Cổ hình phạt phồn bất túc dĩ khủng kỳ ý, sát lục bất túc dĩ [phục kỳ tâm. Cổ hình phạt phồn nhi ý bất khủng, tắc lệnh bất hành hỹ; Sát lục chúng nhi tâm bất phục, tắc thượng vị (7) nguy hỹ. Cổ tùng kỳ tứ dục, tắc viễn giả tự thân; Hành kỳ tứ ố, tắc cận giả bạn chi. Cổ tri dữ chi vị thủ giả, chính chi bảo dã. (Quyển 32 - Quản Tử - Mục dân).

Chú thích:

- (1) Hành: Thực thi, thực hành cai trị.
- (2) Ưu lao: Lo buồn đau khổ.
- (3) Dật lạc: Nhàn nhã, an lạc.
- (4) Nguy trụy: Nguy vong.
- (5) Tồn an: Làm cho an toàn, bình an.
- (6) Sinh dục: Sinh trưởng, dưỡng dục.
- (7) Thượng vị: Chỉ vua.

Diễn giải:

Chính sách sở dĩ được thực thi nhờ thuận với lòng dân, chính

sách không được thực thi suôn sẻ vì trái với lòng dân. Nhân dân không muốn vất vả lo nghĩ, ta nên làm cho họ được an lạc; Dân chúng không thích nghèo hèn, ta nên làm cho họ phú quý; Dân chúng không thích biến động nguy hiểm, ta nên làm cho họ sinh sống ổn định; Dân chúng không muốn hy sinh chết chóc, ta làm cho họ sinh sôi nảy nở; Một khi nhà vua có thể làm cho đời sống nhân dân an lạc thì dân chúng sẽ tình nguyện lo cho nhà vua. Một khi nhà vua có thể làm cho đời sống nhân dân phú quý thì dân chúng sẽ tình nguyện kiên nhẫn vượt qua đói nghèo; Một khi nhà vua có thể làm cho đời sống nhân dân bình an thì dân chúng sẽ tình nguyện vì vua mà mạo hiểm; Một khi nhà vua có thể làm cho nhân dân sinh trưởng đông đúc thì dân chúng sẽ tình nguyện vì vua hy sinh tính mệnh. Sở dĩ hình phạt không khiến nhân tâm sợ hãi, giết chết cũng không khiến đa số nhân dân tâm phục. Vì thế hình phạt nhiều mà lòng dân không sợ, thì chính lệnh không thể thi hành; án tử hình nhiều mà lòng dân không phục thì địa vị nhà vua lẽ nào không bị nguy. Cho nên thuận theo bốn loại nguyện vọng của dân chúng thì người dù ở xa xôi, tự tìm về quy phục, còn thi hành bốn loại sự tính mà dân chúng thù ghét thì người bên cạnh cũng rời bỏ. Vì thế cho thấy rằng thi hành chính sách cai trị là thuận theo nguyện vọng của dân chúng, đó là pháp bảo trong việc cai trị.

(Theo sách Quản Tử - Mục dân - Quyển 32)

Nguyên văn:

二二〇

景公築路寢之臺三年未息，而又為長來之役二年未息，又為鄒之長途。晏子諫曰：“百姓之力勤矣，君不息乎？”公曰：“途將成矣，請成而息之”。對曰：“君屈民財者不得其利，窮民力者不得其樂”。（卷三十三，晏子，諫下）

Phiên âm:

220

Cảnh Công trúc lộ tẩm chi đài (1), tam niên vị tức, nhi hựu vi Trường Lai (2) chi dịch (3), nhị niên vị tức, hựu vi Trâu (4) chi trường đồ.(5). Yến Tửgián viết: “Bách tính chi lực cần (5) hỹ, quân bất tức (7) hồ?”. Công viết: “Đồ tương thành hỹ thỉnh thành nhi tức chi”. Đối viết: “Quân khuất (8) dân tài giả. Bất đắc kỳ lợi, cùng dân lúc (9) giả, bất đắc kỳ lạc”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián hạ**).

Chú thích:

- (1) Lộ tẩm chi đài: Cung thất làm việc của các vua chư hầu thời cổ.
- (2) Trường Lai: Tên ngôi đài tạ thời cổ. Vua Tề Cảnh Công cho mở rộng phòng ốc. Lưu Sư Bồi viết: “Trường Lai là tên đài do vua Tề Cảnh Công cho xây dựng”.
- (3) Diễn giải: Lao dịch, góp công lao động.
- (4) Trâu: Tên một nước thời nhà Chu, nay là huyện Trâu, tỉnh Sơn Đông.
- (5) Trường đồ: Con đường dài. Sách *Tôn Tử binh pháp - quân tranh* viết: “Cổ vu kỳ đồ nhi thấu chi dĩ lợi”.
- (6) Cần: Lao khổ.
- (7) Tức: Đình chỉ, ngưng.
- (8) Khuất: Kiệt tận, cùng tận.
- (9) Cùng dân lực: Cùng kiệt sức dân.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công hạ lệnh tu bổ cung điện nơi làm việc của vua, suốt ba năm chưa xong, thì vua lại mở ra công trường mới xây đài Trường Lai, khiến nhân dân làm công dịch suốt hai năm nữa cũng còn dang dở, thì vua lại cho mở đường đến nước Trâu xa xôi. Yến Anh lên tiếng can gián, tâu: “Sức dân đã bị vắt kiệt, mà bệ

hạ chưa nghĩ đến chuyện cho dân nghỉ ngơi hay sao?”. Cảnh Công nói: “Chờ làm con đường xong nhanh rồi nghỉ.” Yến Anh nói: “Nếu Bệ hạ làm cạn tài sản của dân thì cuối cùng chẳng được lợi ích gì, làm kiệt sức dân thì cuối cùng chẳng cảm thấy sung sướng đâu!”

(Theo sách Yến Tử - Gián hạ - Quyển 33)

Nguyên văn:

二二一

今天下無小大國, 皆天之邑也; 人無幼長貴賤皆天之臣也. 故曰愛人利人者, 天必福之; 惡人賊人者, 天必禍之. 是其天欲人相愛相利, 而不欲人相惡相賊也. 昔之聖王禹, 湯, 文, 武兼愛天下之百姓率以尊天事鬼. 其利人多, 故天福之, 使立為天子, 天下諸侯皆賓事之. 暴王桀紂幽厲兼惡天下之百姓率以詬天侮鬼. 其賊人多故天禍之. 使遂失其國家身死為戮於天下, 後世子孫毀之, 今不息. 故為不善以得禍者, 桀紂幽厲是也; 愛人利人以得禍者, 禹, 湯, 文, 武以得禍者, 是也. (卷三十四, 墨子, 法儀)

Phiên âm:

221

Kim thiên hạ vô tiểu đại quốc, giai thiên chi ấp (1) dã; Nhân vô ấu trưởng quý tiệt, giai thiên chi thân dã. Cố viết ái nhân lợi nhân giả, thiên tất phúc chi; Ác nhân tặc nhân thiên tất họa chi. Thị dĩ thiên dục nhân tương ái tương lợi, nhi bất dục nhân tương ác tương tặc dã. Tích chi thánh vương Vũ, Thang, Văn, Vũ kiêm ái tiên hạ chi bách tính, suất dĩ tôn thiên sự quý. Kỳ lợi nhân đa, cố thiên phúc chi, sử lập vi thiên tử, thiên hạ chư hầu giai tân (2) sự chi. Bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ, kiêm ác thiên hạ chi bách tính, suất dĩ cấu (3) thiên vũ (4) quý. Kỳ tặc nhân đa, cố thiên họa chi, sử toại (5) thất kỳ quốc gia, thân tử vi lục (6) ư thiên hạ, hậu thế tử tôn hủy chi, chí kim bất tặc. Cố vi bất thiện dĩ đắc họa giả, Kiệt,

Trụ, U, Lệ thị dã; Ái nhân lợi nhân dĩ đắc phúc giả, Vũ, Thang, Văn, Vũ thị dã. (Quyển 34 - Mặc Tử - Pháp nghi).

Chú thích:

- (1) Ấp: Thành thị, đô thành.
- (2) Tần: Phục tùng, quy tùng.
- (3) Cấu: Nhục mạ.
- (4) Vũ: Khinh miệt.
- (5) Toại: Là vậy.
- (6) Lục: Vũ nhục, làm nhục.

Diễn giải:

Ngày nay, nước nhỏ nước lớn trong thiên hạ đều là thuộc quốc của ông trời; Con người vô luận già trẻ dù sang, dù hèn cũng đều là thần dân của ông Trời. Cho nên, người nào yêu dân làm lợi cho dân, thì nhất định được ông Trời ban phúc. Kẻ nào làm hại dân bị dân ghét thì trước sau cũng bị ông Trời giáng họa. Từ đó cho thấy ông Trời mong muốn loài người cùng thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau, không muốn con người đổ kỵ ghen ghét nhau, tàn hại lẫn nhau. Ngày xưa các vị thanh quân Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương yêu thương bách tính của mình, lãnh đạo nhân dân tôn thờ ông Trời, kính trọng quý thần, khiến nhân dân làm nhiều việc tốt, nên ông Trời phù hộ các vị cho làm thiên tử, các chư hầu trong thiên hạ đều quy thuận, thờ phụng các vị. Các bạo chúa Kiệt, Trụ, U Vương, Lệ Vương thì chửi rủa ông Trời, làm nhục quý thần, bị nhân dân của mình thù ghét, họ tàn hại bách tính, nên bị ông Trời giáng họa, nước mất nhà tan, chúng bị sát hại, bị thiên hạ nguyền rủa, cho mãi đến đời con đời cháu sau này, đến tận ngày nay vẫn chưa dứt. Vì thế có thể kết luận làm chuyện tà ác, không sớm thì muộn cũng bị tai họa như các ông vua Kiệt, Trụ, U, Lệ. Còn yêu dân làm lợi cho dân thì được ông Trời phù hộ như các vua Vũ, Thang, Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương.

(Theo sách Mặc Tử - Pháp nghi - Quyển 34)

Nguyên văn:

二二二

小國寡民，使民重死，而不遠徙。雖有舟輿，無所乘之；雖有甲兵，無所陳之。甘其食，美其衣，安其居，樂其俗。鄰國相望，雞苟之聲相聞，民至老死不相往來。（卷三十四，老子，德經）

Phiên âm:

222

Tiểu quốc quả dân (1), sử dân trọng tử (2), nhi bất viễn đồ (3). Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi; Tuy hữu giáp binh, vô sở trần (4) chi, Cam kỳ thực, mỹ kỳ y, an kỳ cư, lạc kỳ tục. Lân quốc tương vọng, kê cầu chi thanh tương văn, dân chí lão tử, bất tương vãng lai. (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh).

Chú thích:

- (1) Tiểu quốc quả dân: Quả là ít. Ý nói nước bất luận lớn, đều coi như nước nhỏ. Dân bất luận đông đều coi như dân ít. Ý nói nhà vua nên tiết kiệm không xa xỉ sức nước sức dân.
- (2) Trọng tử: Ý nói tiết kiệm sinh mạng.
- (3) Đồ: Dời đổi, di chuyển.
- (4) Trần: Bày biện, trần thiết.

Diễn giải:

Bậc Thánh nhân xem nước lớn tiết kiệm như cai trị nước rất nhỏ, dân đông như là dân ít, khiến nhân dân phát triển lợi ích, miễn trừ tai họa, biết tiếc mạng sống, chính lệnh không làm phiền nhiễu nhân dân, để nhân dân yên tâm làm ăn, không thay đổi di chuyển chỗ ở; Tuy có thuyền xe mà không dùng, tuy có quân đội mà không phô trương, mình có gì ăn nấy tự cho là ngon, có gì mặc nấy tự cho là đẹp, không chiếm đoạt món ngon đồ đẹp của dân, ở yên nơi nhà của mình, vui với phong tục lâu nay của quê hương

mình. Hai nước láng giềng đều thấy, nghe chung tiếng gà gáy chó sủa, mà nhân dân sống già đến chết, hai nước cũng không cần giao kết hôn nhân qua lại với nhau.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

二二三

古之立帝王者，非以奉養其欲也；聖人之踐位者，非以逸樂其身也。為天下之民強掩弱，眾暴寡詐者欺愚，勇者侵怯，又為其懷智詐不以相教，積財貨不以相分，故立天子以齊一之。為一人明不能遍照海內，故立三公九卿以輔翼之為絕國殊俗不得被澤，故立諸侯以教誨之。是以地無不任，時無不應，官無隱事，國無遺利，所以寒食飢，養老弱，息勞倦，不以也。（卷三十四，文子，道自然）

Phiên âm:

223

Cổ chi lập đế vương giả, phi dĩ phụng dưỡng kỳ dục dã; Thánh nhân chi tiến vị (1) giả, phi dĩ dật lạc kỳ thân dã, vi thiên hạ chi dân, cường yếm (2) nhược, chúng bạo quả, trá giả khi ngu, dũng giả xâm khiếp, hựu vi kỳ hoài trí trá (3) bất dĩ tương giáo, tích tài hóa bất dĩ tương phân, cổ lập thiên tử dĩ tề nhất (4) chi. Vị nhất nhân minh bất năng biến chiếu hải nội, cổ lập tam công cửu khanh dĩ phụ dưỡng (5) chi. Vị tuyệt quốc (6) thù tục (7) bất đắc bị trạch (8), cổ lập chư hầu dĩ giáo hối chi. Thị dĩ địa vô bất nhiệm, thời vô bất ứng (9), quan vô ẩn sự (10), quốc vô di lợi (11). Sở dĩ y hàn thực cơ (12), dưỡng lão nhược, tức (13) lao quyện, vô bất dĩ dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Đạo tự nhiên).

Chú thích:

- (1) Tiển vị: Túc vị, lên làm vua.
- (2) Yểm: Ý khinh miệt.
- (3) Trí trá: Ăn nói lừa dối.
- (4) Tề nhất: Khiến nhất trí theo.
- (5) Phụ dục: Phụ trợ.
- (6) Tuyệt quốc: Nước ở rất xa xôi, hẻo lánh.
- (7) Thù tục: Phong tục tập quán khác nhau.
- (8) Bị trạch: Mong được vua ban cho ân trạch. Bị nghĩa là mong được.
- (9) Địa vô bất nhiệm, thời vô bất ứng: Đất đai không phải không bị lợi dụng, cây cối không phải không hợp thời vụ.
- (10) Ẩn sự: Ẩn giấu không thấy được người ta làm gì.
- (11) Quốc vô di lợi: Chỉ nước nhà có đủ vật dụng để dùng.
- (12) Y hàn thực cơ: Chu cấp cơm ăn áo mặc.
- (13) Túc: Cho nghỉ ngơi.
- (14) Vô bất dĩ: Không gì là không được.

Diễn giải:

Thời cổ, lập ra vua chúa, hoàn toàn không phải để thỏa mãn dục vọng của cá nhân. Bậc Thánh nhân ngồi vào địa vị ông vua, không vì chuyện an nhàn hưởng lạc của bản thân mà là vì trong thiên hạ tồn tại hiện tượng kẻ mạnh hiếp người yếu, nhóm đông người khinh rẻ nhóm ít người, bọn gian trá lừa đảo người hiền lành, mạnh hiếp yếu... Còn vì thiếu số người có trí, mưu trí lớn mà không thể dạy dỗ bách tính, người giàu không thể đem của cải giúp người đói rét... nên mới lập ra thiên tử, chư hầu và tam Công cửu Khanh phò tá vua... để chính trị cho hợp lý hiện tượng ấy.

(Theo sách Văn Tử - Đạo tự nhiên - Quyển 35)

Nguyên văn:

二二四

武侯曰：“願聞陣必定戰必勝守必固之道”。對曰：“君使賢者居上，不肖處下，則陣以定矣；民安其田宅親所司則守已陣以固矣；百姓皆是吾居為非鄰國必戰已勝矣。（卷三十四，吾子，論將）”

Phiên âm:

224

Vũ Hầu (1) viết: “Nguyên văn trận tất định, chiến tất thắng, thủ tất cố chi đạo”. Đối viết: “Quân sử hiền giả cư thượng, bất tiếu xử hạ, tắc trận dĩ định hỹ; Dân an kỳ điền trạch, thân kỳ hữu ty (2), tắc thủ dĩ cố hỹ; Bách tính giai thị ngô cư nhi phi lân quốc, tắc chiến dĩ thắng hỹ”. (Quyển 36 - Ngô Tử - Luận tướng).

Chú thích:

(1) Vũ Hầu: Vua Ngụy Vũ Hầu (?-370 Trước CN), tính Cơ, họ Ngụy, tên Kích, là con trai của vua Ngụy Văn Hầu.

(2) Hữu ty: Túc qua lại, thời cổ thiết lập hệ thống quan chức đều có chuyên ty.

Diễn giải:

Vua Ngụy Vũ Hầu nói: “Ta muốn biết phương pháp bày trận phải được ổn định, giao chiến nhất định phải thắng, phòng thủ nhất định kiên cố”. Ngô Khởi đáp: “Bệ hạ phải tôn trọng bậc hiền đức phong cho họ chức cao, còn kẻ bất tài phải ở dưới họ, thì đó là có thể cho là bày trận được ổn định; Nhân dân an cư lạc nghiệp, gần gũi nghe lời các quan, thì việc phòng thủ được kiên cố; Bách tính đều cho rằng vua của mình hiền minh còn địch quân hôn loạn, thì nắm phần thắng là cái chắc”.

(Theo sách Ngô Tử - Luận tướng - Quyển 36)

Nguyên văn:

二二五

扶風王駿字子臧宜帝第七子也。年五六歲能書畫誦詠詩賦秉德清貞，宗室之中，最為俊茂，封汝龔王遷鎮西大將軍都雍梁諸軍事大興佃農。入朝徒封扶風王。薨，西土氓，思慕悲哭，涕泣岐路，更樹碑讚述德範。長老見碑者，無不拜之。其遺愛如此。（卷二十九，晉書上，傳）

Phiên âm:

225

Phù Phong (1) vương Tuấn (2), tự Tử Tang, Tuyên Đế đệ thất tử dã. Niên ngũ lục tuế năng thư họa (3) tụng vịnh thi phú, bình đức (4) thanh trình (5), tông thất (6) chi trung, tối vi tuấn mậu (7). Phong Nhữ Âm (8), vương, thiên (9) Trấn Tây Đại tướng quân, Đô đốc (10) Ung, (11) Lương (12) chư quân sự, đại hưng điền nông (13). Nhập triều, đồ (14) phong Phù Phong vương, hoảng (15), Tây thổ (16) manh lê (17), tư mộ bi khốc, thể khắp kỳ lộ (18), canh thụ bi (19) tán thuật đức phạm. Trưởng lão kiến bi giả, vô bất bái chi. Kỳ di ái (20) như thử. (**Quyển 29 - Tấn thư thượng - Truyện**).

Chú thích:

(1) Phù Phong: Địa danh, miền đất thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay.

(2) Tuấn: Tư Mã Tuấn (232-286 CN), tự là Tử Tang, là tông thất triều nhà Tấn, con trai Tư Mã Ý, mẹ là Phục phu nhân, Tư Mã Tuấn làm chức Tán kỵ thường thị, An Đông Đại tướng quân. Sau khi nhà Tấn lên ngôi phong ông làm Nhữ Âm vương, Phú phong vương, đảm nhiệm Trấn Tây Đại tướng quân thủ vệ Quan Trung; làm việc nhân nghĩa, được bách tính yêu mến, sau lập chiến công được phong Chinh Tây Đại tướng quân, Phiêu Kỵ tướng quân, đồng tam ty, nhân phản đối vua Tấn Vũ đế trong vụ di tống Tề vương quy Phiên, không xong nên buồn rầu mà chết.

(3) Thư họa: Thư pháp và hội họa.

(4) Bình đức: Giữ mỹ đức.

- (5) Thanh trinh: Thanh bạch kiên trinh.
- (6) Tông thất: Dòng vua Tấn.
- (7) Tuấn mậ: Tài trí hơn người.
- (8) Nhữ Âm: Miền đất thuộc Phụ Dương, tỉnh An Huy.
- (9) Thiên: Thăng chức hoặc điều động.
- (10) Đô đốc: Thống lĩnh, tổng chỉ huy.
- (11) Ung: Ung Châu, nay là địa khu miền bắc Tây An, tỉnh Thiểm Tây.
- (12) Lương: Chỉ Lương Châu một địa danh cổ đại, thời Hán là một trong 13 chế sử quận. Vào niên hiệu Hoáng Sơ nguyên niên thời vua Ngụy Văn đế (220 CN) chia miền đất phía tây sông Ung Châu thành 8 quận là: Kim Thành, Vũ Uy, Trường Dã, Tữu Tuyền, Đôn Hoàng, Tây Hải, Tây Bình, Tây Quận, phục trí Lương Châu đến thời Tây Tấn, lấy Cô Tang làm lỵ sở của Lương Châu.
- (13) Điền nông: Tô thuế ruộng đất.
- (14) Đồ: Thăng chức điều chuyển.
- (15) Hoảng: Vua chư hầu hoặc quan to chết.
- (16) Tây thổ: Chỉ cố địa phát tích của nhà Chu, nay thuộc tỉnh Thiểm Tây.
- (17) Manh lê: Nhân dân.
- (18) Kỳ lộ: Chỉ nơi chia tay.
- (19) Thụ bi: Dựng bia.
- (20) Di ái: Chỉ việc lưu lại hậu thế được nhân dân nhớ đến đức hạnh, ơn huệ, cống hiến.

Diễn giải:

Phù Phong vương Tư Mã Tuấn, tự là Tử Tang, là con trai thứ bảy của vua Tấn Tuyên đế Tư Mã Ý, Tư Mã Tuấn từ tuổi lên năm lên sáu đã viết thư pháp và vẽ tranh, thuộc lòng nhiều bài thơ từ nổi tiếng, tự mình tham gia làm thơ, dự những cuộc ngâm vịnh, bên lòng giữ phẩm đức kiên trinh trong sáng. Trong tông thất nhà Tấn họ Tư Mã, ông nổi bật tài trí và danh vọng. Khi Tấn Vũ đế lên

làm vua, phong ông tước Nhữ Âm vương, lại được thăng làm Trấn Tây Đại tướng quân, Tổng chỉ huy quân sự hai châu Ung Châu và Lương Châu. Trong thời gian cầm quân ông hô hào nhân dân ra sức khai hoang, làm ruộng phát triển sản xuất. Khi về triều ông được phong tước Phù Phong vương. Sau khi Tư Mã Tuấn qua đời, nhân dân miền Tây ca tụng đức chính của ông, thương tiếc không nguôi, tiếng than khóc suốt trên đường đưa tang ông, người ta dựng bia kể công đức phong cách hơn người của ông. Các vị bộ lão địa phương đều cúi lạy tẩm bia ấy, cho thấy đạo đức của Phù Phong vương Tư Mã Tuấn trong dân rất sâu đậm.

(Theo sách Tấn thư thượng - Truyện - Quyển 29)

Nguyên văn:

七：綱紀

二二六

明明我祖萬邦之君。有典有則，貽厥子孫，荒墮厥緒，覆宗絕祀！二二六

(卷二，尚書)

Phiên âm:

THẤT: CƯƠNG KỶ

226

Minh minh (1) ngã tổ, vạn bang chi quân. Hữu điển (2) hữu tác (3), di quyết (4) tử tôn. Hoang đọa (5) quyết tự (6), phúc tông tuyệt tự (7). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Minh minh: Sáng rõ, chỉ đạo đức được tôn sùng.

(2) Điển: Kinh điển, điển chương, cổ tịch.

(3) Tắc: Phép tắc, liên quan đến quy phạm lễ pháp trong ngôn hành cử chỉ.

(4) Di quyết: Lưu truyền, lưu lại. Sách *Kinh Thư - Ngũ tử chi ca* viết: “Hữu điển hữu quyết, di quyết tử tồn”. Người đời sau làm bài ca gọi con cháu là “di quyết”.

(5) Hoang đọa: Hoang phế, hoang tàn.

(6) Quyết tỵ: Công nghiệp của tiền nhân chưa dứt. Quyết chỉ tổ tiên.

(7) Phúc tông tuyệt tỵ: Hủy hoại tông miếu, dứt hết đời sau. Còn gọi là phúc tông diệt tỵ, phúc tông tuyệt tỵ.

Diễn giải:

Tiên tổ ta vua Đại Vũ thánh đức sáng ngời ngời! Là cộng đồng nhiều vua các nước chư hầu, các điển tịch vạn thế không đổi, chế độ lễ pháp lại hoàn bị, đó là bảo vật vô giá đều truyền lại cho con cháu. Ngày nay, điển chương vẫn còn đó, mà con cháu bỏ phế sự nghiệp của tổ tiên, dòng dõi coi như bị tuyệt tỵ, đến cả việc cúng tế cũng rơi vào cảnh điêu hiu! (Nói về chuyện vua Thái Khang không giữ cổ chế của tiền nhân nên đến nỗi vong quốc).

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

二二七

言是而不能立言非而不能廢，有功而不能賞，有罪而不能誅；
若是而能理民者未之有也。是必立非必廢，有功必賞有罪必
誅；若是治安矣。（卷三十二，管子七法）

Phiên âm:

227

Ngôn thị nhi bất năng lập, ngôn phi nhi bất năng phế, hữu

công nhi bất năng thưởng, hữu tội nhi bất năng tru (1); Nhược thị (2), nhi năng lý dân (3) giả, vị chi hữu dã. Thị tất lập, phi tất phế, hữu công tất thưởng, hữu tội tất tru; Nhược thị, trị an (4) hỹ. (Quyển 32 - Quản Tử - Thất pháp).

Chú thích:

- (1) Tru: Trừng phạt, trách phạt.
- (2) Nhược thị: Như thế, như vậy.
- (3) Lý dân: Cai trị.
- (4) Trị an: Chính trị rõ ràng xã hội ổn định.

Diễn giải:

Lời nói đúng không được công nhận, lời nói sai không bị xóa bỏ, người có công không được tưởng thưởng, kẻ có tội không bị trừng phạt. Như thế mà cho rằng cai trị tốt thì xưa nay chưa từng có. Lời nói đúng được dùng, lời nói sai bị bác bỏ ngay, người có công nhất định được tưởng thưởng, kẻ có tội nhất định bị trừng phạt. Như thế thì quốc gia xã hội trật tự an ninh.

(Theo sách Quản Tử - Thất pháp - Quyển 32)

Nguyên văn:

二二八

朝廷不肅，貴賤不明，長幼不分，度量不審，衣服無無等下賤侵節而求百姓之尊主政令不可得也。（卷三十二，管子，權脩）

Phiên âm:

228

Triều đình bất túc, quý tiện bất minh, trường ấu bất phân, độ lượng (1) bất thẩm, (2), y phục vô đẳng (3), hạ tiện xâm tiết

(4), nhi cầu bách tính chi tôn (5) chúa chính lệnh, bất khả đắc dã.
(Quyển 32 - Quản Tử - Quyền tu).

Chú thích:

- (1) Độ lượng: Pháp độ, quy củ, hành vi đúng chuẩn.
- (2) Thẩm: Rõ ràng.
- (3) Vô đẳng: Không có đẳng cấp khác nhau.
- (4) Hạ tiện xâm tiết: Nguyên văn sách viết “thượng hạ lang tiết” nghĩa là vượt qua pháp độ.
- (5) Tôn: Nghĩa là tuân, tuân hành, tuân theo.

Diễn giải:

Triều đình thiếu nghiêm túc, người sang kẻ hèn không rõ phân, không phân ra người lớn trẻ con, pháp độ không được phân minh, ăn mặc xô bồ không phân biệt đẳng cấp, không có lệ định người trên kẻ dưới, mà đòi hỏi nhân dân phải tuân thủ chính lệnh của nhà vua thì thật vô phương.

(Theo sách Quản Tử - Quyền tu - Quyển 32)

Nguyên văn:

二二九

子墨子曰：“天下從事者不可以無法儀。無法儀而其事能成者，無有也。故百工從事皆有法度。今大者治天下其次治大國，而無法度。此不若百工也”。（卷三十四，墨子，法儀）

Phiên âm:

229

Tử Mặc Tử viết: “Thiên hạ tùng sự (1) giả, bất khả dĩ vô pháp nghi (2); Vô pháp nghi nhi kỳ sự năng thành giả, vô hữu dã. Cố

bách công (3) tòng sự, giai hữu pháp độ (4). Kim đại giả trị thiên hạ, kỳ thứ trị đại quốc, nhi vô pháp độ, thử bất nhược (5) bách công dã. (**Quyển 34 - Mặc Tử - Pháp nghi**).

Chú thích:

- (1) Tòng sự: Làm việc theo chức trách của mình.
- (2) Pháp nghi: Pháp độ, lễ nghi, quy chuẩn hành vi.
- (3) Bách công: Các loại nghề nghiệp.
- (4) Pháp độ: Quy củ, hành vi đúng chuẩn.
- (5) Bất nhược: Không bằng, không như, không hơn.

Diễn giải:

Thầy Mặc Tử nói: “Trong đời người làm việc theo từng loại chức trách của mình đều không thể không theo tiêu chuẩn, mà công việc đòi hỏi. Không theo tiêu chuẩn thì làm việc không thể đạt được thành tựu. Cho nên các người thợ thuyền đều có một quy củ nhất định của nghề nghiệp mình làm. Ngày nay việc cai trị thiên hạ, cai trị các nước, mà thiếu một pháp độ, thì có hơn các người thợ đâu!

(Theo sách Mặc Tử - Pháp nghi - Quyển 34)

Nguyên văn:

二三〇

昔之聖王，仰取象於天，俯取度於地，中取法於人；調陰陽之氣，和四時之節；察高下之宜，除飢寒之患；行仁義之道，以治人倫，列地而之分職而治之，立大學而教之。此其治之綱紀也。
(卷三十五，文子，上禮)

Phiên âm:

230

Tích chi Thánh vương, ngưỡng thủ tượng ư thiên, phủ thủ độ (1)

ư địa, trung thủ pháp ư nhân; Điều âm dương chi khí, hòa tứ thời chi tiết; Sát cao hạ chi nghi (2), trừ cơ hàn chi hoạn; Hành nhân nghĩa chi đạo, dĩ trị nhân luận (3); Liệt địa nhi châu (4) chi, lập đại học (5) nhi giáo chi. Thủ kỳ trị chi cương kỷ dã. (Quyển 34 - Văn Tử - Thượng lễ).

Chú thích:

- (1) Thủ độ: Giữ việc lập ra pháp độ, quy phạm.
- (2) Sát cao hạ chi nghi: Quan sát kỹ từ núi cao đến ruộng thấp để chọn giống cây trồng phù hợp.
- (3) Trị nhân luận: Dùng luân thường trong việc quản lý con người trong xã hội.
- (4) Châu: Lập hành chính châu quận để quản lý.
- (5) Đại học: Tức thời cổ gọi là nhà thái học tại kinh đô để bồi dưỡng đào tạo nhân tài cho nước. Sách *Lễ ký - Vương chế* viết: “Đại học ở ngoại thành, thiên tử lập tích cung, vua chư hầu lập phán cung”. Sách *Ngũ kinh thông nghĩa* viết: “Thiên tử lập tích ung chi vậy? để hành lễ nhạc tuyên giáo hóa, dạy người trong thiên hạ, trở thành sĩ quân tử, dưỡng tam lão, phụng sự trưởng lão, làm nơi hành lễ cùng chư hầu”.

Diễn giải:

Ngày xưa các nhà vua thánh minh, nhìn lên trên trời xem biến hoá của thiên tượng để nắm quy luật của tự nhiên; nhìn xuống dưới đất quan sát tình huống chuyển động để nắm đặc tính biến động của địa lý, đồng thời quy nạp pháp độ trong tính cách con người; điều hòa khí âm dương, hòa điệu sự biến hóa tiết khí của bốn mùa xuân hạ thu đông; khảo sát mặt đất cao thấp để bố trí thích nghi cho từng loại cây trồng, giải trừ nỗi lo đói lạnh cho con người; cổ xúy đạo nhân nghĩa để quản lý quan hệ giữa người với người; vạch ra địa vực, thành lập châu quận, bố trí quan lại cai trị từng khu vực hành chính, lập nhà thái học đào tạo bồi dưỡng nhân tài, giáo hóa dân chúng. Đó là cương kỷ cai trị quốc gia.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 34)

Nguyên văn:

八：禮樂

二三一

景公飲酒數日去冠被裳自鼓盆甕，問於左右曰：“仁人亦樂此樂乎？”梁丘據對曰：“仁人之耳目猶人也，夫何為獨不樂此樂也？”公令趨駕迎晏子。晏子朝服以至，公曰：“寡人甚樂，欲與夫子同此樂，請去禮”對曰：“群臣皆欲去禮以事君，嬰恐君之不欲也。今齊國小童，自中以上力無過嬰，又能勝君，然而不感者，畏禮義也。君若無禮，無以使下；下若無禮，無以事上。（卷三十三，晏子，諫上）

Phiên âm:

BÁT: LỄ NHẠC

231

Cảnh Công (1) ẩm tửu sở nhật, khứ quan bị thường, tự cổ bốn ung (2), vấn ư tả hữu (3) viết: “Nhân nhân (4) diệc lạc thủ lạc (5) hồ?” Lương Khâu Cú (6) đối viết: “Nhân nhân chi nhĩ mục do nhân (7) dã, phù hà vi độc bất lạc thủ lạc dã?”. Công lệnh xu giá nghinh Yến Tử. Yến Tử triều phục (8) dĩ chí. Công viết: “Quả nhân thậm lạc, dục dĩ phu tử đồng thủ lạc thỉnh khứ lễ”. Đối viết: “Quần thần giai dục khứ lễ dĩ sự quân, Anh khùng quân chi bất dục dã. Kim Tề quốc tiểu đồng, tự trung dĩ thượng, lực giai quá Anh, hựu năng thắng quân, nhiên nhi bất cảm giả, úy lễ nghĩa dã, Quân nhược vô lễ, vô dĩ sử hạ; Hạ nhược vô lễ, vô dĩ sự thượng”. (Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng).

Chú thích:

(1) Cảnh Công: Tức vua Tề Cảnh Công, (?-490 Trước CN) họ Khương, Lã thị tên Chủ Cửu, vua nước Tề sau thời kỳ Xuân Thu, là con của Tề Linh Công, em Tề Trang Công tại vị từ (547-490 Trước CN) tổng cộng 58 năm.

(2) Ung: Vò rượu.

- (3) Tả hữu: Cận thân, thị tùng, bảo vệ.
- (4) Nhân nhân: Người có đức hạnh.
- (5) Lạc thủ lạc: Vui thích sự khoái lạc.
- (6) Lương Khâu Cú: Làm quan đại phu, được vua tin dùng.
- (7) Do nhân: Người khác.
- (8) Triều phục: Áo các quan mặc vào khi họp triều đình với vua.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh công thích rượu ngon, một lần vua uống đến mấy ngày, đến khi ngà ngà thì gỡ mũ, cởi áo, tự tay gõ vò rượu, nói với đám cận thân chung quanh: “Người đạo đức có thích vui chơi như thế này không?” Lương Khâu Cú thưa: “Mắt mũi của người đạo đức cũng giống với mọi người, lẽ nào họ không thích vui thú như thế này?” Vua Tề Cảnh Công cho đánh xe đi rước Yến Tử, Yến Tử mặc bộ triều phục đến. Vua Tề Cảnh Công nói: “Bữa nay ta rất cao hứng, muốn tiên sinh cùng vui, xin tiên sinh thoải mái, đừng giữ lễ vua tôi gò bó mất vui”. Yến Anh thưa: “Nếu như tất cả quần thần không giữ lễ tiết trong phụng sự bệ hạ thì bệ hạ sẽ phiền lòng. Ngày nay thiếu niên nước Tề ta, những cháu cao từ trung bình trở lên, sức mạnh hơn hẳn hạ thần đây, cũng có thể mạnh hơn cả bệ hạ, nhưng chúng không dám làm loạn, là vì chúng kiêng sợ lễ nghĩa đó thôi! Ví như nhà vua không rành lễ nghĩa, thì không thể ra lệnh cho thần tử, còn bọn thần tử không rành lễ nghĩa thì cũng không biết cách phụng sự vua mình.”

(Theo sách Yến Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

二三二

公曰：“寡人不敏，無良左右，淫蠱寡人，以至於此。請殺之。”晏子曰：“左右無罪；君若無禮，則好禮者去，無禮者至，

君若好禮, 則有禮者至, 無禮者去矣”。公曰: “善”。請易衣冠糞洒改席, 召晏子。晏子入門, 讓升階, 用三獻禮焉, 再拜而出。公下拜送之, 徹洒去樂, 曰: “吾以章晏子之教也”。(卷三十三, 晏子, 諫上)

Phiên âm:

232

Công viết: “Quả nhân bất mẫn (1), vô lương (2) tả hữu, dâm cổ (3) quả nhân, dĩ chí ư thủ. Thỉnh sáy chí”. Yển Tử viết: “Tả hữu vô tội. Quân nhược vô lễ, tắc hiếu lễ giả khú, vô lễ giả chí; Quân nhược hiếu lễ, tắc hữu lễ giả chí, vô lễ giả khú hỹ”. Công viết: “Thiện” thỉnh dị y quan, phấn sái cải tịch(4), triệu Yển Tử, Yển Tử nhập môn, tam thượng bái giai (5), dụng tam hiến lễ (6) yên, tái bái nhi xuất. Công hạ bái (7) tống chi, triệt sai khú lạc, viết: “Ngô dĩ chương (8) Yển Tử chi giáo dã”. (**Quyển 33 - Yển Tử - Gián thượng**).

Chú thích:

- (1) Bất mẫn: Không hiểu rõ, không hiểu nhanh, lời tự khiêm.
- (2) Vô lương: Không được thân thiện.
- (3) Dâm cổ: Cảm loạn. Phấn sái nghĩa là quét dọn. Phấn: nghĩa là quét. Cải tịch nghĩa là đổi chỗ ngồi, chỉ cử động tôn kính đối với khách.
- (4) Phấn sái cải tịch: Rửa quét, Cải tịch: Thay đổi chỗ ngồi, biểu thị sự tôn kính người khách.
- (5) Tam nhượng thăng giai: Tam nhượng nghĩa là làm lễ tương kiến thời cổ, chủ nhân tam cung, khách nhân tam nhượng. Thăng giai nghĩa là từ sân leo bậc cấp lên điện.
- (6) Tam hiến lễ: Thời cổ khi giao tế, bày cúng phẩm lên bàn, rồi rót rượu 3 lần, tức là sơ hiến tước, á hiến tước và chung hiến tước, là nguồn gốc của lễ tam hiến.
- (7) Hạ bái: Chỉ cúi mình mà bái, tỏ lòng tôn kính.
- (8) Chương: Hiến dương, biểu chương.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công nói: “Ta vốn không thông tuệ, dám cận thần lại không giỏi, nên bị chúng làm cho mơ mơ hồ hồ, dẫn dụ ta nên mới như thế này. Giết hết chúng đi!”. Yến Tử tâu: “Đám cận thần hầu hạ bên cạnh bệ hạ đâu có tội gì. Nếu nhà vua không bàn đến lễ nghĩa, thì những người giảng giải nghiên cứu lễ nghĩa tự nhiên bỏ đi, còn bọn không quan tâm đến lễ nghĩa thì ùn ùn kéo đến bên cạnh nhà vua. Ngược lại nếu nhà vua thích bàn luận đến lễ nghĩa thì những người giảng giải nghiên cứu lễ nghĩa sẽ ùn ùn kéo đến bên cạnh nhà vua, còn bọn không quan tâm đến lễ nghĩa tự nhiên biến mất”. Vua Tề Cảnh Công nghe xong, nói: “Tiên sinh giảng nghe đúng quá!”. Sau đó vua Tề Cảnh Công thay áo mũ, ra lệnh cho người làm quét dọn đình viện, thay lớp chiếu mới, rồi nghiêm chỉnh mời Yến Tử; Yến Tử đi vô cung, khiêm nhượng giữ đúng lễ ba lần bái, rồi mới bước lên bậc cấp đến nền cung điện, từng bước dâng ba lần rượu hiến lễ. Sau đó, Yến Tử làm lễ bái biệt, chuẩn bị ra về, vua Tề Cảnh Công bái trả lễ, bảo dẹp cuộc tiệc, ngưng tấu nhạc, bảo đám cận thần: “Nay ta được sáng mắt ra nhờ Yến Tử dạy cho một bài học”.

(Theo sách Yến Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

二三三

淳于人納女於景公，生孺子荼，景公愛之。諸臣謀廢公子陽生而立荼，公以告晏子，晏子曰：“不可，夫以賊匹貴國之害也，置子立少，亂之本也，夫陽生長，而國人戴之，君其勿易，夫服位有等，故賤不陵貴；立子有禮，故孽不亂宗，廢長立少，不可以教下；尊孽卑宗不可以利所愛。長少無等，宗孽無別，是設賊樹姦之本也。君其圖之”（卷三十三，晏子，諫上）

Phiên âm:

233

Thuần Vu (1) nhân nạp nữ (2) ư Cảnh Công, sinh nhụ tử Đồ (3), Cảnh Công ái chi. Chư thần mưu dục phế công tử Dương Sinh (4) nhi lập Đồ, Công dĩ cáo Yến Tử, Yến Tử viết: “Bất khả. Phù dĩ tiện thất (5) quý, quốc chi hại dã; Trí tử lập thiếu (6), loạn chi bản dã. Phù Dương Sinh trưởng nhi quốc nhân đởi (7) chi, quân kỳ (8) vật dị (9). Phù phục vị hữu đẳng (10), cố tiện bất lãng (11) quý; Lập tử hữu lễ, cố nghiệt bất loạn tông (12). Phế trưởng lập thiếu, bất khả dĩ giáo hạ; Tôn nghiệt ti tông, bất khả dĩ lợi sở ái. Trưởng thiếu vô đẳng, tong nghiệt vô biệt, thị thiết tặc thụ gian (13) chi bản dã. Quà kỳ đồ chi”. (**Yến Tử - Quyển 33 - Gián thượng**).

Chú thích:

(1) Thuần Vu: Tên một ước chư hầu thời Tây Chu và thời Xuân Thu. Sách *Quát địa chí* viết: “Nước Thuần Vu, nay là miền đất phía đông cách huyện An Nhạc, Mật Châu 30 dặm, tên cổ là nước Châu, vua Chu Vũ Vương phong là nước Thuần Vu”.

(2) Nạp nữ: Tức là dâng con gái cho vua.

(3) Nhụ tử Đồ: (?-489 Tr. CN), họ Khương, Lã thị, tên là Đồ, con vua Tề Cảnh Công. Vào năm 489 Tr. CN (niên hiệu Lỗ Ai Công thứ 6) vua Tề Tương Công bệnh nặng, lệnh lập Lã Đồ làm Thái tử, đuổi tất cả các đứa con khác ra khỏi kinh thành dời đến Đông Lai, chẳng bao lâu Điền Khất (Trần Khất), làm chính biến cung đình nước Tề, dời Lã Đồ đi xứ Đài, sau giết và đuổi mẹ của Lã Đồ, cùng các quan lập Lã Dương Sinh là anh cả lên làm vua, Lã Đồ làm vua chỉ mấy tháng rồi bị sát hại chết.

(4) Dương Sinh: Tức vua Tề Điệu Công, là con của vua Tề Cảnh Công, do Điền Khất lập lên, mở ra họ Điền thành quý tộc của nước Tề, Vua Tề Điệu Công có mâu thuẫn với đại phu Bào Mục, con của Bào Thúc Nha, Điệu Công nghe lời sàm tấu cho giết Bào Mục ở Lộ Ấp, lập con là Bào Túc thờ cúng Bào Thúc Nha. Điền Khất nắm hết quyền nước Tề.

- (5) Thất: Phối với nhau.
- (6) Trí tử lập thiếu: Phế Thái tử để lập em nhỏ Trí nghĩa là phế bỏ, xả bỏ. Tú thúc Thái tử.
- (7) Đới: Tôn phụng, tôn sùng, ủng hộ.
- (8) Kỳ: Kỳ vọng.
- (9) Diễn giải: Cải biến, canh cải.
- (10) Phục vị hữu đẳng: Tức là ăn mặc khác nhau theo đẳng cấp chức vị.
- (11) Lãng: Vượt qua.
- (12) Nghiệt bất loạn tông: Con của thiếp không được tiếm quyền con của vợ cả. Nghiệt nghĩa là con của thiếp, Tông nghĩa là con của vợ chính.
- (13) Thiết tặc thụ gian: Để lại tai họa, gây mầm họa loạn. Thụ nghĩa là lập.
- (14) Đồ: Kế hoạch, mưu đồ.

Diễn giải:

Người nước Thuận Vu dâng người đẹp cho vua Tề Cảnh Công, chẳng bao lâu sau sinh một bé trai kháu khinh, vua đặt tên là Đồ, rất thương cậu bé này. Nhiều quan đại thần mưu đồ phế con trưởng vua là Thái tử Dương Sinh để lập Đồ lên làm Thái tử. Vua Tề Cảnh Công đem việc ấy kể lại cho Yến Anh. Yến Anh nói: “Không được đâu! Đồ còn nhỏ địa vị thấp kém, còn Dương Sinh đang có địa vị tôn quý, lấy kẻ thấp kém thay cho tôn quý là gây họa cho quốc gia. Phế anh để lập em còn nhỏ làm Thái tử, là căn nguyên làm hỗn loạn đất nước. Dương Sinh đã lớn, được toàn dân ủng hộ, bệ hạ không thể thay đổi được đâu! Con người với địa vị chức vụ có đẳng cấp, cho nên người có địa vị thấp kém thì không được nhảy vọt lên địa vị tôn quý. Lập Thái tử cũng có lẽ pháp của nó, cho nên con của thiếp không thể tiếm địa vị con của vợ chính được. Nếu bệ hạ phế trưởng lập ấu, thì không thể giáo dục bầy tôi. Đưa con của thiếp lên hạ con của vợ chính xuống, thì

làm bất lợi cho tình thân anh em. Tuổi tác lớn nhỏ không có thứ tự đẳng cấp, không phân rõ con vợ chính, vợ thứ, nhất định sẽ gây họa, tạo ra nguyên nhân của họa loạn, cúi xin bệ hạ suy nghĩ cân nhắc cho kỹ”.

(Theo sách Yển Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

二三四

“古之明君非不知繁樂也，以為樂淫則哀；非不知立愛也，憂為義失而憂。是以制樂以節，立子以道。若夫持讒諛以事君者不足以責信。今君用讒人之謀亂夫之言，廢長立少，臣恐後人之有因君之過以資其邪；廢少而立長，以成其利者。君其圖之”。公不聽。景公沒，田氏殺荼立陽生，殺陽生立簡公，殺簡公而取齊國。（卷三十三，晏子，諫上）

Phiên âm:

234

“Cổ chi minh quân, phi bất tri phồn nhạc dã, dĩ vi nhạc dâm tắc ai chi; Phi bất tri lập (1) ái dã, dĩ vi ngã thất nhi ưu. Thị cố chế nhạc dĩ tiết (2), lập tử dĩ đạo. Nhược phù trì sàm du (3) dĩ sự quân giả, bất túc dĩ trách tín (4). Kim quân dụng sàm nhân chi mưu, loạn (5) phu chi ngôn, phế trưởng lập thiếu, thần khủng hậu nhân chi hữu nhân quân chi quá, dĩ tư (6) kỳ tà; Phế thiếu nhi lập trưởng, dĩ thành kỳ lợi giả, quân kỳ đồ chi”. Công bất thính. Cảnh Công một, Điền thị (7) sát Đồ lập Dương Sinh, sát Dương Sinh lập Giản Công (8), sát Giản Công nhi thủ Tề quốc. (Quyển 33 - Yển Tử - Gián thượng).

Chú thích:

(1) Lập: Kiến lập, dựng lên.

- (2) Chế lạc dĩ tiết: Hạn chế lạc dục để giữ tiết tháo. Học giả Khổng Dĩnh Đạt diễn giải: “Tiết là giữ mức độ, tiết có nghĩa là dừng lại”.
- (3) Sàm du: Sàm nghĩa là nói xấu nhằm hãm hại người khác. Du nghĩa là nịnh.
- (4) Trách tìn: Tìn nhiệm.
- (5) Loạn: Phá hoại.
- (6) Tư: Cung cấp, giúp đỡ.
- (7) Điền thị: Chỉ Điền Khất.
- (8) Giản Công: Vua Tể Giản Công, tên Không Nhậm, con của vua Tể Điều Công, lên ngôi sau khi vua Tể Điều Công bị giết. Vua Tể Giản Công cũng bị Điền Hằng giết.

Diễn giải:

Yến Tử nói: “Các vị minh quân từ xưa đến nay đều nhận ra rằng vui sướng lắm thì buồn khổ nhiều (lạc cực sinh bi), nên họ không quá chú trọng chuyện hưởng lạc, họ biết rằng sau khi thỏa mãn điều mình yêu thích, thì nỗi lo tai họa ập đến bất cứ lúc nào vì hành xử mất đạo nghĩa, nên hạn chế hưởng lạc, giữ mức độ, khi lập Thái tử cũng phải theo lễ pháp. Nhà vua không nên nghe lời bọn xu nịnh bên cạnh nhà vua. Ngày nay, nếu bệ hạ nghe theo mưu đồ của bọn gian tà, bỏ con trưởng, lập con nhỏ thì thần sợ rằng sau này có kẻ lợi dụng sai sót của bệ hạ, là tạo điều kiện cho chúng lấy cớ phò trưởng, để thực hiện mưu đồ lợi riêng của chúng. Cúi xin bệ hạ cân nhắc tính toán thật kỹ”. Vua Tể Cảnh Công không nghe lời can của Yến Tử. Sau khi vua Cảnh Công qua đời không lâu, họ Điền giết vua Đổ, lập Dương Sinh lên làm vua; Sau đó lại giết Dương Sinh, lập Giản Công lên làm vua. Sau đó lại giết Giản Công, đoạt chính quyền nước Tề về tay họ Điền.

(Theo sách Yến Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

二三五

聖人疏樂也以神杜淫反其天心至其衰也, 流而不反淫而好色, 至以亡國. 其作書也, 以領理百事, 愚者以不忘, 智者以記事; 及其衰也, 為姦僞, 以解有罪, 而殺不辜. 其作囿也, 以奉宗廟之具, 簡士卒戒不虞, 及其衰也, 馳騁弋獵, 以奪民時. 其上賢也, 以平教化, 正獄頌, 賢者在位, 能者在職, 澤施於下, 萬民懷德; 至其衰也明黨比周各推其與廢公趨私外內相舉姦人在位, 賢者隱處. (卷三十三, 晏子, 諫上)

Phiên âm:

235

Thánh nhân sơ tác nhạc dã, dĩ quy thần (1) đồ dâm (2), phản (3) kỳ đại tâm (4); chí kỳ suy dã, lưu (5) nhi bất phản, dâm nhi háo sắc, chí kỳ vong quốc. Kỳ tác thư (6) dã, dĩ lĩnh lý (7) bách sự, ngu giả dĩ bất vong, trí giả dĩ ký sự (8); Cập kỳ suy dã, vi gian ngụ dĩ giải (9) hữu tội, nhi sát bất cô. kỳ tác hữu (10), dã, dĩ phụng (11) tông miếu chi cụ (12), giản (13) sĩ tốt, giới bất ngu (14); Cập kỳ suy dã, trì sinh đặc liệt (15), dĩ đoạt dân thời. Kỳ thượng hiền dã, dĩ bình (16) giáo hóa, chính ngục tụng, hiền giả tại vị, năng giả tại chức, trạch thi ưu hạ, vạn dân hoài đức; Chí kỳ suy dã, minh đảng tỉ Chu (17), các suy kỳ dữ (18), phế công xu tư (19), ngoại nội tương dữ (20), gian nhân tại vị, hiền giả ẩn xử. (Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ).

Chú thích:

- (1) Quy thần: Tĩnh tánh, dưỡng tâm.
- (2) Đồ dâm: Dứt bỏ tà ác.
- (3) Phản: Trở lại, quy về.
- (4) Thiên tâm: Bản tính.
- (5) Lưu: Trầm nịch, chìm đắm.

- (6) Tác thư: Ý nói điển sách.
- (7) Lĩnh lý: Trị lý, cai trị, quản lý.
- (8) Ký sự: Ghi chép chuyện đại sự của quốc gia.
- (9) Giải: Lột bỏ, miễn trừ.
- (10) Tác hữu: Xây dựng vườn nuôi gia súc.
- (11) Phụng: Hiến dâng.
- (12) Tông miếu chi cụ: Tế phẩm dùng cúng tế.
- (13) Giản: Kiểm duyệt.
- (14) Giới bất ngu: Phòng bị bất trắc. Bất ngu nghĩa là dự liệu không kịp, không hết.
- (15) Trì sính đặc liệt: Phi ngựa bắn tên. Trì sính nghĩa là thúc ngựa chạy nhanh.
- (16) Bình: Chính, nghiêm chính.
- (17) Bằng đảng tỵ: Kết bè đảng vì lợi riêng.
- (18) Dữ: Bè đảng.
- (19) Xu tứ: Mưu đồ tư lợi. Xu: Mưu đồ.
- (20) Ngoại nội tương dữ: Trong ngoài triều đình cùng câu kết tiến cử. Dữ nghĩa là tuyển dụng.

Diễn giải:

Thời kỳ ban đầu Thánh nhân sáng tác âm nhạc là để tịnh tính dưỡng tâm, diệt trừ dâm tà, hướng trở về bản tính. Đến khi quốc gia suy bại, vua chúa chìm đắm trong thú âm nhạc ủy mị, nên không thể trở về bản tính, dẫn đến vong quốc. Thánh nhân soạn sách để cai trị cả trăm chuyện, cho nên, kẻ ngu không biết hết được, còn người trí thì ghi nhớ các chuyện đại sự. Đến khi nước nhà suy bại, nhà vua đem sách ra diễn tả theo ý mình, kẻ có tội được thoát, còn người vô can bị tàn sát. Thánh nhân xây dựng vườn chăn nuôi, làm tế phẩm cúng tế tông miếu, kiểm duyệt sĩ binh để phòng bất trắc. Đến quốc gia suy bại, vườn nuôi thú

trở thành nơi sẵn làm vui cho vua, xâm đoạt thời gian cày cấy của nhân dân. Thánh nhân tôn trọng nhân tài, dùng nghiêm chính giáo hóa nhân dân, phán quyết các án tụng chính xác, người hiền đức được mời làm quan, người nào chức ấy theo khả năng, nhân dân được hưởng ân trạch, hàng vạn người cảm niệm ơn vua. Đến khi quốc gia suy bại, quan lại kết bè thành từng nhóm lợi ích, tố cáo lẫn nhau, tiến cử người cùng phe nhóm lợi ích vào các chức vụ để mưu lợi riêng, trong ngoài triều đình câu kết, bọn gian tà chiếm các chức vị cao có quyền lực, còn người tài đức đều bỏ đi ở ẩn.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn:

二三六

聖人之道非修禮義廉恥不立。民無廉恥，不可治也；不知禮義，不可以行法。（卷三十三，晏子，諫上）

Phiên âm:

236

Thánh nhân chi đạo, phi tu (1) lễ nghĩa, liêm sỉ bất lập. Dân vô liêm sỉ, bất khả trị dã; Bất tri lễ nghĩa, bất khả dĩ hành pháp (2). (Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ).

Chú thích:

- (1) Tu: Học tập.
- (2) Hành pháp: Chiếu theo pháp mà hành sự.

Diễn giải:

Biện pháp cai trị của bậc Thánh nhân là: Nếu không cho bách tính học tập lễ nghĩa thì bách tính không có cái tâm liêm sỉ. Bách

tính không có cái tâm liêm sỉ thì không thể cai trị được; Bách tính không biết lễ nghĩa thì không thể hành sự theo lễ nghĩa.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn:

二三七

聖王在上, 明好惡以人經非譽以導之, 親賢而進之, 賤不肖而退之刑措而不用, 禮義修而任賢德也. (卷三十五, 文子, 上禮)

Phiên âm:

237

Thánh vương tại thượng, minh hảo ác dĩ thị nhân, kinh (1) phi dụ (2) dĩ đạo chi, thân hiền nhi tiến (3) chi, tiện (4) bất tiếu nhi thoái (5) chi, hình thố nhi bất dụng, lễ nghĩa tu (6) nhi nhiệm hiền đức dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ).

Chú thích:

- (1) Kinh: Trái qua.
- (2) Phi dụ: Chỉ việc khiển trách và danh dụ.
- (3) Tiến: Để bạt.
- (4) Tiện: Coi khinh.
- (5) Thoái: Bỏ đi, gạt đi.
- (6) Tu: Thực hành.

Diễn giải:

Khi bậc thánh vương tại vị, xác định điều tốt việc xấu ban bố ra khắp thiên hạ, thông qua khen ngợi và khiển trách để dẫn đạo dư luận, găn gũi các bậc hiền tài và để bạt họ, khinh rẻ bọn tiểu

nhân, bãi miễn chúng, lập ra hình pháp nhưng rất ít khi áp dụng là bởi vì đạo đức lễ nghĩa đã thấm nhập nơi mọi người, bậc tài đức đều được trọng dụng.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn:

九：民生

二三八

禹曰：“於！帝念哉！德惟善政，政在養民。水，火，金，木，土，穀，惟修正德利用，厚生，惟和”。（卷二，尚書）

Phiên âm:

CỬU: DÂN SINH

238

Vũ viết: “Ư! Đế niệm (2) tai! Đức duy thiện chính, chính tại dưỡng dân. Thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc (3), duy tu (4) chính đức (5), lợi dụng (6), hậu sinh (7), duy hòa”. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Ư: Đọc Ô! Biểu thị tán thưởng.
- (2) Niệm: Tư khảo, suy nghĩ.
- (3) Cốc: Túc 6 loại căn bản nuôi sống con người. Trước tiên làm sao cho 6 loại này cho tốt, là giải quyết vấn đề sinh kế cho dân.
- (4) Tu: Chính trị, chính lý.
- (5) Chính đức: Đức hạnh đoan chính.
- (6) Lợi dụng: Ý nói tận dụng vật chất, phát huy hiệu năng của con người và sự vật.
- (7) Hậu sinh: Khiến mọi người làm ăn giàu có.

Diễn giải:

Vua Hạ Vũ nói: “Những lời này, vua Đế Thuấn đã suy nghĩ kỹ! Đức hạnh của đế vương thể hiện nơi thiện chính. Thiện chính là “dưỡng dân”, tức là giỏi sửa sang 6 yếu tố là: thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc. Đức hạnh đoan chính, tận dụng, phát huy hiệu năng của con người và sự vật, khiến cho đời sống nhân dân sung túc. Đó là ba sự kiện cần phải phụ nhau cùng thành tựu, hài hòa cùng tiến. Đức hạnh đoan chính có thể dẫn dắt toàn dân cùng tu đức, hướng thiện, thì tự nhiên tài lợi đến một cách hợp lý, tận dụng tích tụ tài lợi, khiến cho nhân dân giàu lên, xã hội ổn định vui sống hòa bình an lạc.

(Theo sách **Thượng thư** - Quyển 2)

Nguyên văn:

二三九

夫天有常形，民有常生，與天下共其生，而天下靜矣。（卷三十一，六韜，武韜）

Phiên âm:

239

Phù thiên hữu thường hình (1), dân hữu thường sinh (2).
Nhi thiên hạ tịnh hỹ. (**Quyển 31 - Lục thao - Vũ thao**).

Chú thích:

- (1) Thường hình: Hình thái cố định.
- (2) Thường sinh: Chỉ một nghiệp sống.

Diễn giải:

Ông Trời chỉ có duy nhất một quy luật, nhân dân mỗi người

chỉ có một nghiệp sống, nhà vua nên an sinh cùng nhân dân thì thiên hạ mới được ổn định

(Theo sách Lục thao - Vũ thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

二四〇

夫民之所利，譬之如冬日之陽，夏日之陰，終日之從陽，夏日之從陰，不召自來。故生民之道，先定其所利，而民自至。（卷三十一，六韜，虎韜）

Phiên âm:

240

Phù dân chi sở lợi, thí chi như đông nhật chi dương, hạ nhật chi âm (1). Đông nhật chi tùng dương, hạ nhật chi tùng âm, bất triệu tự lai. Cố sinh dân chi đạo (2), tiên định kỳ sở lợi, nhi dân tự chí. (Quyển 31 - Lục thao - Hồ thao).

Chú thích:

- (1) Âm: Chỉ nơi mà ánh nắng không chiếu tới được.
- (2) Sinh dân chi đạo: Đạo dưỡng dục bách tính.

Diễn giải:

Thi thổ nhiều việc có lợi cho nhân dân, giống như những nơi có ánh nắng mùa đông và những nơi mát mẻ mùa hè. Như những nơi có ánh nắng mặt trời mùa đông, những nơi có khí hậu mát mẻ mùa hè, thì không cần phải triệu thỉnh, người ta sẽ tự tìm đến. Vì thế để dưỡng dục đạo lý cho bách tính, thì trước hết phải thi thổ các chính sách làm lợi cho dân, thì tự nhiên bách tính nghe theo.

(Theo sách Quyển 31 - Lục thao - Hồ thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

二四一

措國於不傾之地, 授有德也; 積於不凋之倉, 務五穀也; 藏於不竭之府, 養桑麻育六畜也; 下令於流水之原令順民也; 使民於不爭之官各為其所長也 (卷三十一, 管子, 牧民)

Phiên âm:

241

Thổ quốc ư bất khuynh chi địa, thụ hữu đức dã; Tích ư bất điều chi thương, vụ ngũ cốc (1) dã; Tàng ư bất kiệt chi phủ, dưỡng tang ma (2), dục lục súc (3) dã; Hạ lệnh ư lưu thủy chi nguyên, lệnh thuận dân tâm dã; Sử dân ư bất tranh chi quan, sử dân các vi kỳ sở trường dã. (Quyển 32 - Quản Tử - Mục dân).

Chú thích:

- (1) Ngũ cốc: 5 loại cây lương thực là lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, lúa tẻ, nếp.
- (2) Tang ma: Cây trồng cho sợi dệt thành vải, cây dâu dùng nuôi tằm, tằm nhả tơ để dệt lụa. Ma là loại cây cho sợi dệt vải thô.
- (3) Lục súc: 6 loại gia súc: Bò, trâu, ngựa, heo, dê, gà, chó.

Diễn giải:

Kiến lập quốc gia ổn định không bị xáo trộn dựa trên cơ sở giao quyền cho những người có tài có đức; Tích trữ lương thực vô tận trong kho tàng nhà nước bằng cách xúc tiến canh tác các loại ngũ cốc cho thật tốt; Lưu trữ vật tư dùng không bao giờ cạn qua việc trồng các loại cây dâu cây gai và đẩy mạnh chăn nuôi gia súc. Chính lệnh ban ra như nước chảy từ đầu nguồn thì chính lệnh thuận với nhân tâm. Bằng cách phát huy sở trường của bách tính thì có thể khiến bách tính không chống lại quan viên.

(Theo sách Quản Tử - Mục dân - Quyển 32)

Nguyên văn:

二四二

有地不務本事, 君國不能臺民而求宗廟社稷之無危, 不可得也. (卷三十二, 管子, 權脩).

Phiên âm:

242

Hữu địa bất vụ bản sự, quân quốc (1) bất năng đài dân (2), nhi cầu tông miếu xã tắc (3) chi vô nguy, bất khả đắc dã. (Quyển 32 - Quản Tử - Quyền tu).

Chú thích:

- (1) Quân quốc: Chỉ người làm vua cai trị nước.
- (2) Đài dân: Khiến toàn dân hòa hợp, nhất trí.
- (3) Tông miếu xã tắc: Gọi chỉ chung quốc gia, vương thất.

Diễn giải:

Có đất đai mà không chịu khó cày cấy sản xuất, cai trị nước nhà mà không khiến dân trong nước mình đoàn kết hòa hợp, mà hy vọng nước mình không gặp nguy cơ thì vô vọng.

(Theo sách Quản Tử - Quyền tu - Quyển 32)

Nguyên văn:

二四三

夫有餘則讓, 不足則爭; 讓則禮義生, 爭則暴亂起. 故多則欲省, 求瞻則爭止. 故世治則小人守正, 而利不能動也; 世亂則君子為姦而法不能禁也. (卷三十五, 文子, 上禮).

Phiên âm:

243

Phù hữu dư tắc nhượng, bất túc tắc tranh; nhượng tắc lễ nghĩa sinh, tranh tắc bạo loạn khởi. Cố vật đa tắc dục tĩnh (1), cầu chiêm (2) tắc tranh chi. Cố thể trị tắc tiểu nhân thủ chính,(3), nhi lợi bất năng động (4) dã; Thế loạn tắc quân tử vi gian, nhi pháp bất năng cấm dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ**).

Chú thích:

- (1) Tĩnh: Giảm thiểu.
- (2) Chiêm: Đầy đủ.
- (3) Thủ chính: Cung kính cẩn thận tuân thủ chính đạo.
- (4) Động: Dao động.

Diễn giải:

Vật phẩm dư thừa, người ta thường nhường nhau, còn khi thiếu thì người ta tranh giành; Nhường nhau thì sinh lễ nghĩa đạo đức, còn tranh giành thì nảy sinh bạo lực và hỗn loạn. Thế cho nên, khi người ta giữ nhiều vật tư, thì dục vọng tranh đoạt giảm thiểu, khi đã thỏa mãn nhu cầu thì hết còn tranh đấu. Vì thế, xã hội ổn định trật tự, thì ngay bọn tiểu nhân cũng cung kính cẩn thận tuân thủ chính đạo, lợi ích cũng không khiến chúng làm chuyện sai quấy. Còn trong xã hội hỗn loạn, mất trật tự thì người quân tử có khi cũng bậy bạ, luật pháp cũng không thể ngăn cấm được.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn:

二四四

堯之治天下, kỳ 其尊也, 水處者漁, 山處者木, 谷處者牧, 陸處者田. 地宜其事, 事宜其械, 械便其人, 是則民得以所有易所無, 以所巧易所拙也是以離叛者寡, 聽從者眾若風之過箭, 忽然感之, 各以清濁應矣; 物莫不就其所利, 避其所害, 是以鄰國相妄雞狗之音相聞, 而足跡不接於諸侯之境, 車軌不結於千里之外, 皆安其居也. (卷三十五, 文子, 道自然).

Phiên âm:

244

Tích giả, Nghiêu chi trị thiên hạ, kỳ đạo dân dã, thủy xú (1) giả ngư (2), sơn xú giả mộc (3), cốc xú giả mục (4), lục xú (5) giả điền. Địa nghi kỳ sự, sự nghi kỳ giới (6), giới tiện kỳ nhân. Như thị tắc dân đắc dĩ sở hữu (7) dịch (8) sở vô, dĩ sở xảo dĩ sở chuyết dã. Thị dĩ ly bạng giả quả, thính tùng giả chúng, nhược phong chi quá tiễn (9), hốt nhiên cảm chi, các dĩ thanh trọc (10) ứng hỹ; vật mạc bất tỵ kỳ sở lợi, tỵ kỳ sở hại, thị dĩ lân quốc tương vọng, kê cầu chi âm tương văn, nhi túc tích bất tiếp ư chư hầu chi cảnh, xa quỹ (11) bất kết (12) ư thiên lý chi ngoại, giai an kỳ cư dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Đạo tự nhiên).

Chú thích:

- (1) Thủy xú: Người cư trú cạnh sông biển.
- (2) Ngư: Đánh bắt thủy sản.
- (3) Sơn xú giả mộc: Người cư trú cạnh rừng núi.
- (4) Mục: Chăn nuôi trâu bò.
- (5) Lục xú: Người cư trú tại đồng bằng.
- (6) Giới: Phiếm chỉ khí cụ, công cụ sản xuất.
- (7) Sở hữu: Chỉ việc cầm giữ vật gì đấy.
- (8) Dịch giải: Trao đổi.

- (9) Tiễn: Ống trúc dùng làm ống tiêu, một loại nhạc khí.
- (10) Thanh trọc: Âm nhạc có âm trong với âm đục.
- (11) Xa quỹ: Vết bánh xe trên đường.
- (12) Kết: Liên tiếp.

Diễn giải:

Ngày xưa, khi vua Đế Nghiêu cai trị thiên hạ, ông dẫn đạo bách tính, những người cư trú cạnh sông biển thì đánh bắt thủy sản để sinh nhai, những người ở ven rừng núi thì làm nghề mộc để sinh nhai, những người ở trong hang động thì chăn nuôi gia súc gia cầm để sinh sống, những người ở đồng bằng thì lo làm ruộng mưu sinh. Các loại địa khu khác nhau, đều có sự nghiệp mưu sinh cho con người với các loại công cụ chuyên môn để làm việc, công cụ tiện lợi cho con người sử dụng. Như vậy, con người trao đổi những gì mình làm ra, đổi lấy những sản phẩm mình không làm ra được. Vì thế người ta bỏ xứ tha phương cầu thực ngày càng giảm, người theo nghề ngày càng đông, giống như gió thổi qua ống tiêu, cùng là gió mà qua từng lỗ phát ra tiếng trong tiếng đục khác nhau, vạn vật không phải chạy theo cái lợi, tránh cái hại. Vì thế, hai nước láng giềng ở cạnh nhau có thể nhìn thấy nhau, nghe tiếng chó sủa gà gáy của nhau, nhưng lại không thể bước qua cương giới, xe ngựa cũng không thể đi xa ngàn dặm, bởi vì bách tính trong từng nước ấy đều được an cư lạc nghiệp.

(Theo sách Văn Tử - Đạo tự nhiên - Quyển 35)

Nguyên văn:

十：法古

二四五

說曰：“王！人求多聞，時惟建事，學于古訓乃有獲。事弗師古以克永世匪說攸聞。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

THẬP: PHÁP CỔ

245

Thuyết viết: “Vương! Nhân cầu đa văn (1), thời duy (2) kiến sự (3), học vu cổ huấn (4) nãi hữu hoạch. Sự (5) phát sử cổ, dĩ khắc (6) vĩnh thế, phi (7) thuyết du (8) văn”. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Văn: Tri thức, kiến văn.
- (2) Thời duy: Thời nghĩa là là, đó là. Duy nghĩa là làm.
- (3) Kiến sự: Tức là lập sự nghiệp.
- (4) Cổ huấn: Điển tịch hoặc chuẩn mực từ xưa truyền lại.
- (5) Sự: Cai trị.
- (6) Dĩ khắc: Dĩ có nghĩa là mà. Khắc nghĩa là có thể.
- (7) Phi: Không, không được.
- (8) Du: Sở.

Diễn giải:

Theo truyền thuyết, rằng: “Nhà vua muốn tri thức được sâu rộng, kiến lập sự nghiệp thì học tập lời dạy của cổ nhân, mới thu hoạch được những kinh nghiệm quý báu, còn làm việc mà không học cái hay của cổ nhân, mà có thể khiến quốc gia ổn định lâu dài thì tôi chưa từng nghe nói đến”.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

二四六

中書郎李重, 以為等級繁多, 在職不得久, 又外選輕而內官重, 以史風俗大弊, 宜釐改重外選, 簡階級, 使官人, 議曰: “古之聖王, 建宮垂制, 所以體國經治, 而功在簡易, 自帝王而下, 世有增損, 舜命九官周分六職. 秦采古制. 漢仍秦舊倚承相, 任九卿雖置五曹尚書令, 僕射之職, 始於掌封奏, 以宣外內, 事任尚輕, 而郡守牧民之官重. 故漢宣稱所與為治唯良二千石. 其有殊正者, 或賜爵進秩, 諒為治大體, 所以遠蹤三代也. 及至東京尚書雖漸優顯, 然令僕出為郡守, 便入為三公, 虞延弟五倫, 桓虞鮑昱是也. 近自魏朝, 名守杜畿, 滿寵, 田豫, 胡質等居郡十餘二十年, 或秩中二千石假節猶不去郡. 此亦古人苟善其事, 雖沒世, 不徒官 “之義也”. (卷三十九, 晉書上, 百官志)

Phiên âm:

246

Trung thư lang (1) Lý Trọng (2) dĩ vi đẳng cấp (3) phồn đa, tại chức bất đắc cửu, hựu ngoại tuyền khinh nhi nội quan (4) trọng, dĩ sử phong tục đại tệ. Nghi ly cải (5) trọng ngoại tuyền, giản giai cấp (6), sử quan nhân (7), Nghị viết: “Cổ chi thánh vương, kiến cung thùy chế, sở dĩ thể quốc (8) kinh trị (9), nhi công tại giản dị (10). Tự đế vương nhi hạ, hể hữu tăng tổn. Thuấn mệnh cửu quan (11), Chu phân lục chức (12), Tần thái cổ chế, Hán nhưng (13) Tần cự, Ý (14) Thừa tướng, nhiệm cửu khanh (15), tuy trí ngũ tào (16), Thượng thư lệnh (17), Bộc xạ (18) chi chức, thủy ư chưởng phong tấu (19), dĩ tuyền ngoại nội, sự nhiệm (20) thượng khinh, nhi quận thủ mục dân (21) chi quan trọng. Cổ Hán Tuyên (22) xưng sở dĩ vi trị, duy lương nhị thiên thạch (23). Kỳ hữu thù chính (24) giả, hoặc tứ tước tiến trật (25), lượng vi trị đại thể, sở dĩ viễn tung (27) tam đại dã. Cập chí Đông kinh (28), Thượng tư (29), tuy tiêm ưu hiển (30), nhi lệnh Bộc (31) xuất vi quận thủ, tiêm nhập vi tam công (32), Ngu Diên (33), Đệ Ngũ Luân (34), Hoàng Ngu

(35), Bảo Dục (36) thị dã. Cận tỵ Ngụy triều, danh thủ (37) Đỗ Kỳ (38), Mãn Sùng (39), Diên Dự (40), Hồ Chất (41) đẳng, Cư quận thập dư nhị thập dư niên, hoặc trật trung nhị thiên thạch (42), giá tiết (43), do bất khứ quận, thủ diệc cổ nhân “cầu thiện kỳ sự, tuy một thể (44), bất đồ quan (45)” chi nghĩa dã”. (**Quyển 39 - Tấn thư thượng - Bách quan chí**).

Chú thích:

- (1) Trung thư lang: Tên một chức quan, có từ thời nhà Ngụy thời Tam Quốc, chức này thuộc cơ quan Trung thư tỉnh, có nhiệm vụ biên tu quốc sử. Đến thời Tấn Huệ Đế, đổi cho thuộc Bí thư giám, gọi là Đại trú tác lang.
- (2) Lý Trọng: (235-300 CN), tỵ là Mậu Tăng, người Chung Vũ Giang Hạ, nhỏ hiếu học, có tài văn từ, mồ côi cha từ bé, ở chung với các em, được tiếng là người hữu ái, năm 20 tuổi, được bổ chức Trung chính, khiêm tốn chối từ, từng dâng sớ luận về cái tệ của cửu phẩm, chuyển làm Thái tử xá nhân, chuyên Thượng thư lang, niên hiệu Thái Hi sơ niên (290 CN), đổi làm Trung thư lang. Mỗi đại sự đều tham khảo Kinh điển để giải quyết, lại chuyển chức Tượng thư lang bộ Lại, niên hiệu Vĩnh Nguyên sơ niên, Tư Mã Du dùng ông làm chức Tướng quốc Tả Tư mã, buồn rầu thành bệnh rồi qua đời.
- (3) Đẳng cấp: Định ra chức quan cao thấp khác nhau.
- (4) Nội quan: Chỉ các quan thân cận nhà vua.
- (5) Ly cải: Cải cách, cải chính. Ly nghĩa là cải chính, cải biến.
- (6) Giai cấp: Phẩm vị, đẳng cấp quan lại.
- (7) Sử quan nhân: Tuyển người bổ làm quan. Quan nhân nghĩa là tuyển người tài bổ làm quan.
- (8) Thể quốc: Sáng kiến hoặc cai trị quốc gia.
- (9) Kinh trị: Trù hoạch việc cai trị.
- (10) Giản dị: Làm đơn giản không gây phiền toái.
- (11) Cửu quan: Theo truyền thuyết, vua Thuấn thiết trí 9 đại thần. Nhan Sư Cổ chú: “Sách Thượng thư viết rằng vua Vũ đặt ra 9 chức

là 1. Tư không, 2. Khí Hậu tặc, 3. Khiết Tư đồ, 4. Cao Dao tác sĩ, 5. Thừa cộng công, 6. Ích trẫm ngu, 7. Bá di trật tông, 8. Quỷ điển nhạc, 9. Long nạp ngôn.

(12) Lục chức: Gồm 1. Vương công, 2. Sĩ đại phu, 3. Bách công, 4. Thương lữ, 5. Nông phu, 6. Phụ công.

(13) Nhưng: Dùng theo.

(14) Ý: Dựa vào.

(15) Cửu khanh: 9 quan chức cao cấp trong chính phủ trung ương thời cổ.

(16) Ngũ tào: Chỉ dưới quyền của cơ quan Thượng thư tỉnh có 5 cơ quan trị sự, thời Hán sơ có 5 quan Thượng thư trong đó có quan Bộc xạ, 4 người còn lại chia ra nắm giữ 4 tào, Thường thị tào chủ việc ngự sử cho thừa tướng. Nhị thiên thạch tào chủ việc chế sử nhị thiên thạch. Dân tào chủ việc thứ nhân dưng thư; Chủ khách tào chủ việc đối ngoại.

(17) Thượng thư lệnh: Chức quan từ thời Tần đến thời Tây Hán là quan thuộc cơ quan Thiếu phủ, giữ văn thư và tấu chương của quần thần. Thời vua Hán Vũ Đế chức này do hoạn quan đảm nhiệm (còn gọi là Trung thư lệnh), tới thời Hán Thành đế cải dùng sĩ nhân. Thời Đông Hán, chính vụ quy vào cho Thượng thư, Quan Thượng thư lệnh thành người phụ trách toàn bộ chính lệnh của nhà vua.

(18) Bộc xạ: tên chức quan, xuất hiện vào thời nhà Tần, vì thời cổ trọng thị quan võ, dùng người thiện xạ quản lý sự vụ. Vua Hán Thành Đế ban đầu bố trí Thượng thư, một người làm Bộc xạ, địa vị gần như quan Thượng thư lệnh. Vào niên hiệu Kiến An thứ tư, vua Hán Hiến đế, bố trí Tả, Hữu Bộc xạ. Đến nhà Đường, Tả Hữu Bộc xạ tương đương chức Tể tướng. Vua Tống Huy Tông đổi Tả Hữu Bộc xạ thành chức Thái tể, Tiểu tể.

(19) Phong tấu: Chỉ tấu chương của quần thần tâu vua đều phải cho vào phong bao dán kín.

(20) Sự nhiệm: Chức trách, chức vụ.

(21) Mục dân: Cai trị dân.

(22) Hán Tuyên: Tức vua Hán Tuyên đế, cháu cố vua Hán Vũ đế,

tin dùng người tài đức, thời ông tại vị được gọi là “lại xứng kỳ chức, dân an kỳ nghiệp”. Sử gọi là “Tuyên Đế trung hưng”.

(23) Nhị thiên thạch: Thời Hán, bổng lộc quan Quận thủ được hưởng hai ngàn thạch gạo, tức mỗi tháng 120 hộc, người đời nói là 2 ngàn thạch.

(24) Thù chính: Chính tích đột xuất.

(25) Tiến trật: Thăng quan, tăng thêm bổng lộc.

(26) Lượng: Xác thực.

(27) Viễn tung: Viễn truy. Sách *Nghệ văn loại tự* viết viễn nghĩa là truy. Viễn tung nghĩa là theo dấu vết mà truy tầm.

(28) Đông kinh: Tên kinh đô cũ, chỉ Lạc Dương, tức ngày nay thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam, Lạc Dương là kinh đô nhà Đông Hán, phía đông kinh đô Trường An của nhà Tây Hán, nên gọi là Đông kinh.

(29) Thượng thư: Thượng chỉ ý chấp chương. Thời Tần gọi là Thiếu phủ thuộc quan, vua Hán Vũ đế đề cao quyền của hoàng tộc, vì quan Thượng thư làm việc bên cạnh vua, chương quản văn thư tấu chương, địa vị ngày càng quan trọng, thời vua Hán Thành đế lập ra Thượng thư 5 người, chia ra các tào làm việc. Thời nhà Đông Hán thì chính thức trở thành chức quan hiệp trợ cùng nhà vua trực tiếp xử lý chính vụ, từ đó chức Tam công dần dần mất quyền. Từ thời Ngụy Tấn về sau thì sự vụ của quan Thượng thư ngày càng nhiều.

(30) Ưu hiển: Quý hiển.

(31) Lệnh bộc: Chỉ quan Thượng thư lệnh với quan Bộc xạ, cũng phiếm chỉ các quan trọng thân tay chân thân cận.

(32) Tam công: Chỉ ba loại quan hàm tối cao thời cổ. Thời Tây Hán tam công gồm Thừa tướng (Đại tư đồ), Thái úy (Đại tư mã), Ngự sử đại phu (Đại tư không); thời Đông Hán gồm Thái úy, Tư Đồ, Tư không.

(33) Ngu Đình: Tự là Tử Đại, người Đông Hôn, Trần Lưu.

(34) Đệ Ngũ Luân: Tên người, tự là Bá Ngu, người Trường Lăng, Kinh Triệu thời Đông Hán (nay là miền đông bắc huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây). Tổ tiên vốn họ Điền thời Chiến Quốc,

thời Tây Hán di cư đến Viên Lăng, dùng thú tự từng đợt di cư làm họ (như Đệ Ngũ Luân), Đệ Ngũ Luân ban đầu làm chức quan dạy dân cày cấy ở địa phương, quan doãn Kinh Triệu là Lư Hưng mời làm chức Chủ bạ, chỉ huy việc đúc tiền. Về sau được cử Hiếu liêm, được bổ làm Thái thú Cối Kê, Thục quận (Tứ Xuyên), ông làm quan nổi tiếng thanh liêm.

(35) Hoàn Ngu: Tự là Trọng Xuân, người Vạn Niên quận Phùng Dục thời Đông Hán, làm đến Tư đồ, ông là người cẩn thận và công chính, xét xử đúng theo pháp luật.

(36) Bào Dục: Tự là Văn Tuyên, sinh ước vào niên hiệu Canh Thìn thứ hai nhà Tấn của Vương Mãng (năm 10 CN), qua đời năm thứ 6 niên hiệu Kiến Sơ vua Hán Chương đế (năm 81 CN), người huyện Đồn Lưu, thành phố Trường Trị, tỉnh Sơn Tây), là con của Bào Vĩnh, làm chức Tư lệ hiệu úy trong triều đình nhà Đông Hán. Bào Dục làm quan tới chức Tư đồ, Thái úy suốt ba triều vua Hán Quang Vũ, Hán Minh đế và Hán Chương đế, nổi tiếng là viên quan phụng pháp thủ chính. Thường phạt quan viên đúng người đúng tội.

(37) Danh Thú: Quan quận thú tài đức.

(38) Đỗ Kỳ: Tự là Bá Hầu, là dòng dõi của quan Ngự sử Đỗ Duyên Niên thời Tây Hán, người Đỗ Lăng Kinh Triệu, là quan và tướng lĩnh của nhà Tào Ngụy thời Tam Quốc.

(39) Mãn Sùng: Tự là Bá Ninh, người Xương Ấp quận Sơn Dương, (nay là Vi Sơn Sơn Đông) là một danh tướng của nước Ngụy thời Tam Quốc, làm tới chức Thái úy, thời còn trẻ làm huyện lệnh nhiều huyện cho Tào Tháo, nắm quyền tư pháp, được ca tụng là người chấp pháp nghiêm chỉnh, sau chuyển làm Thái thú Nhữ Nam, bắt đầu cầm quân, từng tham gia đánh trận nổi tiếng Xích Bích. Trận Quan Công bao vây Phàn Thành, Mãn Sùng và Tào Nhân giữ thành, khuyên Tào Nhân đừng theo kế hoạch bỏ thành mà công kiên giữ thành chờ viện binh. Khi Tào Phi làm vua Mãn Sùng trấn giữ Tần Dã, phụ trách Kinh Châu đối đầu quân Đông Ngô. Trong thời Tào Duệ làm vua, Mãn Sùng được điều đến Dương Châu chỉ huy đối đầu với quân Đông Ngô, lập nhiều công lao, về sau về trung ương làm chức Thái úy.

(40) Điền Dự: (177-252 CN), tự là Quốc Nhượng, người Ung Nô Ngự Dương (nay là miền đông bắc khu Vũ Thanh, thành phố Thiên Tân, là tướng lĩnh của phe Tào Ngụy thời Tam Quốc, quan chức là Thái trung đại phu, phong Trường Lạc Đình hầu.

(41) Hồ Chất: (?-250 CN), tự là Văn Đức, người Thọ Xuân, Hoài Nam, hồi trẻ cùng Tương Tể, Chu Tích nổi tiếng khắp vùng Giang Hoài. Tương Tể làm chức Biệt giá, tiến cử Hồ Chất với Tào Tháo, được Tào Tháo triệu làm Đốn Khâu lệnh. Thời vua Ngụy Văn Đế, làm tới chức Đông Hoàn Thái úy. Ở Đông Hoàn 9 năm, đông Hoàn ổn định, nhân dân an bình làm ăn, trên khen dưới thuận, sau chuyển làm Chế sử Kinh Châu.

(42) Trúng nhị thiên thạch: Tên quan trật thời nhà Hán (quan trật nghĩa là phẩm cấp quan tước được đãi ngộ). Thời Hán, chế độ lương bổng cho quan cửu khanh là 2 ngàn thạch gạo. Nhị thiên thạch cũng phẩm chỉ quan cửu khanh. Người trúng nhị thiên thạch được cấp 2160 thạch lúa mỗi năm (lương).

(43) Giá tiết: Thời nhà Tấn rồi thời Nam bắc triều, người quản lý quân đội địa phương được gọi là “Sứ trì tiết”, “Trì tiết”, “Giá tiết”, quan Giá tiết được quyền giết quan tù trung cấp trở xuống, những người phạm quân lệnh.

(44) Một thế: Qua đời, hết đời.

(45) Đồ quan: Thiên chuyển quan chức.

Diễn giải:

Quan Trung thư lang là Lý Trọng cho rằng đẳng cấp quan chức quá nhiều, mà người làm một chức không lâu, lại coi thường việc tuyển bổ các quan địa phương, coi trọng và tin dùng các quan trong triều, nên khiến cho phong khí bại hoại. Phải thay đổi, nên coi trọng việc tuyển bổ các quan làm việc ở địa phương, hoạch định đơn giản hóa phẩm cấp quan viên, khiến cho quan viên được việc. Ông nói: “Các bậc thánh vương thời thượng cổ, thiết lập quan chế, với mục đích cai trị quốc gia tốt nhất, thành công ở chỗ đơn giản dễ làm. Từ thời Ngũ đế, Tam vương đến nay, thiết chế quan chức qua nhiều triều đại có lúc tăng có lúc giảm. Đế Thuấn nhà Ngu chỉ dùng 9 quan cai trị

nhân dân. Nhà Chu chia ra 6 loại chức việc, thời Tần áp dụng cổ chế, nhà Hán dùng theo chế độ nhà Tần, lập chức Thừa tướng, bổ dụng cửu khanh, tuy cũng lập theo ngũ tào, các chức Thượng thư lệnh, Bộc xạ. Các viên quan này chỉ lo việc phong bao các tấu chương của quần thần rồi đệ trình lên vua, họ truyền các chỉ thị của vua đến các quan địa phương, còn nhiệm vụ chức trách không có gì quan trọng. Các viên Quận thú ở địa phương, là quan chức quản lý nhân dân thì mới quan trọng. Cho nên vua Hán Tuyên đế mới nói, việc cai trị thiên hạ nên dựa vào các viên quan ấy, những người được cấp 2 ngàn thạch gạo. Trong số các viên quan Quận thú cũng có người này người nọ, được ban cấp tước vị hoặc thăng quan tiến chức, gia tăng bổng lộc khác nhau, nhưng đó là đại căn bản trong việc cai trị thiên hạ. Vì thế, vua Hán Tuyên đế có thể sánh với các vị thánh quân thịnh thế của thời Tam đại Hạ, Thương, Chu. Đến thời nhà Đông Hán, chức quan Thượng thư dần dần nắm hết các việc quan trọng, nên người ta liệt vào Tam công gồm quan Thượng thư lệnh, Bộc xạ và Quận thú. Các vị như Ngụ Diên, Đệ Ngũ Luân, Hoàn Ngu, Bào Dục giữ các chức vị như thế. Gần đây các vị trừ danh triều Ngụy như Đỗ Kỳ, Mãn Sùng, Điền Dự, Hồ Chất làm chức Quận thú từ 10 năm đến 20 năm, đạt được phẩm trật được hưởng 2 ngàn thạch gạo, được hoàng thượng ban cho tiết trượng, đồng thời không cho phép họ đi khỏi châu quận mà họ đảm trách chức Quận thú. Điều đó cũng thể hiện đại nghĩa của cổ nhân là “một khi từng sự tốt công tác, tức đảm nhiệm một chức vụ thì không rời bỏ chức quan ấy”.

(Theo sách Tần thư thượng - Bách quan chí - Quyển 39)

Nguyên văn:

二四七

“漢魏以來，內官之貴，於今最隆，而百官等級遂多，遷補轉徙如流，能不以著，黜陟不得彰此為治之大弊也。夫階級繁多而

望官久, 官不久而望治功成, 不可得也. [吾書]云: “三考, 幽明黜陟幽明”. [周官], 三年大計群吏之治, 而行其誅賞. 漢法, 官人或不值秩. 魏初用輕資, 亦先試守, 不稱繼以左遷. 然則雋才登進無能降退, 此則所謂 “有知必識, 而使以器”. 者也. 臣以為令宜大並群官等級使同班者不得復稍遷又簡法外議罪之制明識守左遷之例, 則官人理書, 士必量能而受爵矣. 居職者自久, 則政績可考. 人心自定務求諸己矣.

(卷三十九, 晉書上, 百官志)

Phiên âm:

247

“Hán Ngụy dĩ lai, nội quan chi quý, ư kim tối long (1), nhi bách quan đẳng cấp toại đa, thiên bổ (2) chuyển đồ (3) như lưu, Năng bắt dĩ trừ (4), truất trặc (5) bất đắc chương, thử vi trị chi đại tộ dã. Phù giai cấp phồn đa nhi vọng quan cửu, quan bất cửu nhi vọng trị công (6) thành, bất khả đắc dã. (Ngô thư) (7) vân: “Tam khảo (8), truất trặc u minh (9)”. “Chu quan”, tam niên đại kế (10) quần lại chi trị, nhi hành kỳ tru thưởng. Hán pháp, quan nhân hoặc bất trị trật. Ngụy sơ dụng khinh tư, diệc tiên thí thủ (11), bất xúng, kế dĩ tả thiên (12). Nhiên tắc tuyển tài (13) đẳng tiến, vô năng giáng thoái, thử tắc sở vị “hữu tri tất thí, nhi sử nhân dĩ khí (14)” giả dã. Thần dĩ vi lệnh nghi đại tịnh quần quan đẳng cấp, sử đồng ban (15) giả bất đắc phục sảo thiên, hựu giản (16) pháp ngoại nghị tội (17) chi chế, minh thích thủ tại thiên chi lệ, tắc quan nhân lý thư (18), sĩ (19) tất lượng năng (20) nhi thụ tước (21) hỹ. Cự chúc (22) giả tự cửu, tắc chính tích khả khảo. Nhân tâm tự định, vụ cầu chư kỷ hỹ”.

Chú thích:

- (1) Long: Hiển đạt, hiển hách.
- (2) Thiên bổ: Thăng quan.
- (3) Chuyển đồ: Chuyển dịch qua lại.

- (4) Trú: Nổi tiếng.
- (5) Truất trắc: Chỉ sự tiến lui của nhân tài, tăng giáng của quan lại. Truất chỉ giáng chức, cách chức. Trắc chỉ thăng chức, chuyển chức, tiến dụng.
- (6) Trị công: Phiếm chỉ công lao cai trị.
- (7) Ngu thư: Một phần trong sách “Thượng thư”.
- (8) Tam khảo: Chế độ khảo hạch công tích của quan lại thời cổ, qua 3 lần mới quyết định thăng, giáng thưởng phạt.
- (9) Truất trắc u minh: Bãi miễn hôn quan, tấn thăng quan tốt có tài có đức. U minh, chỉ thiên ác, hiền ngu.
- (10) Đại kế: Cứ ba năm thì khảo tích quan lại một lần.
- (11) Thí thủ: Chính thức giao nhiệm vụ cho mỗi chức vụ.
- (12) Tả thiên: Giáng chức quan lại.
- (13) Tuyển tài: Người tài trí xuất chúng.
- (14) Khí: Năng lực, tài năng.
- (15) Đồng ban: Đẳng cấp ngang nhau.
- (16) Giản: Giản hóa.
- (17) Nghị tội: Bàn định tội trạng.
- (18) Lý thư: Trị sự, quản lý công việc, xử lý sự vụ.
- (19) Sĩ: Khanh sĩ, phiếm xưng các cấp quan lại, bầy tôi của các vua chư hầu.
- (20) Lượng năng: Lượng định tài năng.
- (21) Thụ tước: Tiếp nhận tước vị.
- (22) Cử chức: Tại chức, nhiệm chức.

Diễn giải:

Thừa phép cấp trên, Lý Trọng nói: “Từ triều Hán, triều Ngụy đến nay, người làm quan tại triều đình được tôn quý, cho nên đến nay được vinh hiển. Vì vậy các đẳng cấp quan chức cũng gia tăng. Việc bổ khuyết, điều chuyển, thăng chức, giáng chức quan viên

giống như nước chảy, người có năng lực nhưng không được ai biết đến, người hiền kẻ ngu không rõ ràng trong việc thăng chức, giáng chức. Đó là điều cực tệ hại trong việc cai trị quốc gia. Nhiều cấp quan lại như vậy thì không mong một viên quan tại chức lâu dài được, viên quan làm việc một chức vụ trong thời gian ngắn thì không mong vị quan ấy lập được thành tích, vì không đủ thời gian để hoàn thành từ đầu đến cuối một việc gì. Sách *Thượng thư* - *Ngũ thư* viết: “Trải qua ba lần khảo hạch, mới quyết định việc thăng cấp, hạ cấp quan viên”. Sách *Chu quan* viết: “Cứ mỗi 3 năm thì khảo hạch quan lại một lần, theo đó mà thưởng phạt, nhiệm, miễn”. Biện pháp thời nhà Hán là khi tuyển dụng quan chức không trực tiếp xác định phẩm cấp lớn nhỏ, triều Tào Ngụy khi ban đầu nhiệm dụng không coi trọng quá trình công tác, mà cũng dùng biện pháp tuyển dụng cho làm thử, ai làm không đạt thì bị giáng chức. Như vậy, các quan chức tài năng thì được thăng tiến, còn kẻ bất tài thì bị giáng chức hoặc bị cách chức. Đó là biện pháp “người có tài đức nhất định kinh qua thời gian làm thử, qua đó tùy tài năng cao thấp mà sử dụng”. Tôi cho rằng, ngày nay nên xếp các quan viên đồng một cấp, ban cho họ cùng một phẩm quan, cho làm thử một thời gian, trong thời gian ngắn không điều chuyển, ngoài ra cần đơn giản hóa quy định chế độ về bình nghị ngoài phạm vi sai phạm của quan viên, xác minh thời kỳ làm thử, thời kỳ lưu dụng, quy định về việc giáng chức, miễn chức những người không xứng đáng. Làm như vậy, một là, mọi người đều được đặc vị, chế độ cũng được đơn giản hóa, còn sĩ nhân cũng được tiếp nhận tước vị đúng với tài năng. Thời gian làm quan lâu dài, công lao có thể khảo xét được nên người làm quan yên tâm làm việc, tất nhiên họ sẽ tận lực làm việc đúng chức vụ.

(Theo sách Tẩn thư thượng - Bách quan chí - Quyển 39)

Nguyên văn:

二四八

“夫武王聖王也；成王，賢嗣也。然武王不恃成王聖王之賢，而廣封見者，慮經無窮也。且善言今者，必以驗之於古。唐虞以前書文殘缺，其事事難詳，至三代則並建明德，及舉王之顯親，開國承家以藩屏帝室，延祚久長，近者五六百歲，遠者延將千載。

(卷三十，晉書下，百官志)

Phiên âm:

248

Phù Vũ Vương, thánh vương dã; Thành Vương, hiền tự dã. Nhiên Vũ Vương bất thị Thành Vương chi hiền, nhi quảng phong kiến giả, lự kinh vô cùng dã. Thả thiện ngôn kim giả, tất hữu dĩ nghiệm chi u cổ, Đường Ngu dĩ tiền, thư văn tàn khuyết, kỳ sự an tường. Chí ư Tam đại, tắc tịnh kiến minh đức, cập cử vưng chi hiền thân (1), khai quốc thừa gia, dĩ phiên bình (2) để thất diên tộ (3) cứu trường, cận giả ngũ bách tuế, viễn giả diên tương vu tải”. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Hiền thân: Bà con được quý hiền, được vinh hiển.

(2) Phiên bình: Bảo vệ.

(3) Duyên tộ: Phước vận quốc gia lâu dài.

Diễn giải:

Ông Lưu Tụng nói: “Vua Chu Vũ Vương là một vị vua thánh minh, vua Chu Thành Vương là vị vua hiền minh kế thừa vua Vũ Vương. Dĩ nhiên là vua Vũ Vương không hề dựa vào ưu điểm hiền minh của vua con Thành Vương, trong việc phong lập các nước chư hầu, mà vì ông tính đến phương cách cai trị thiên hạ ổn định lâu dài, Hơn nữa, người đàm luận thông suốt tình hình ngày nay,

tất nhiên đã biết rút kinh nghiệm từ cổ nhân. Trước nhà Đường Nghiêu, nhà Ngu Thuấn, văn hiến mất cả không lưu lại gì, không dễ khôi phục lại được. Đến thời Tam đại nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, các nhà vua đều thụ lập các đức hạnh tốt đẹp, đồng thời lại đã gây dựng nên vương thất quý hiển, kiến lập các nước chư hầu kế thừa đại nghiệp quốc gia để bảo vệ triều đình trung ương được ổn định, khiến cho quốc vận trường cửu, ngắn cũng kéo dài năm sáu trăm năm, dài đến gần ngàn năm.

(Theo sách **Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30**)

Nguyên văn:

二四九

逮至秦氏，罷侯置守，子弟不分尺土，孤立無輔，二世而亡。漢承周秦之後，雜而用之，前後二代，各二百餘年。揆其封建雖度舛錯，不盡事中然跡其衰亡在同姓失職諸侯微時，不在強盛也。昔呂氏作亂，幸賴齊代之援；以寧社稷；七國叛逆，梁王扞之，卒弭其難。自是之後，威權削奪，諸侯止食租俸，甚者至乘牛車，是以王莽得擅本朝，遂其姦謀，傾蕩天下毒流生靈。（卷三十，晉書下，傳）

Phiên âm:

249

Đãi chí Tần thị, bãi hầu trí thú, tử đệ bất phân xích thổ (1), cô lập vô phụ, nhị thể nhi vong. Hán thừa Chu Tấn chi hậu, tạp nhi dụng chi, tiền hậu nhị đại, các nhị bách dư niên. Quĩ (2) kỳ phong kiến, tuy chế độ suyển thác (3), bất tận sự trung, nhiên tích kỳ suy vong, hằng tại đồng tính thất chức, chư hầu vi thời (4), bất tại cường thịnh dã, Tích Lũ thị tác loạn, hạnh lại Tề đại chi viện, dĩ ninh xã tắc; Thất quốc bạo nghịch, Lương Vương hãn chi, tốt nhị (5) kỳ nạn. Tự thị chi hậu, uy quyền tước đoạt, chư hầu chỉ thực

tổ phụng, kỳ giả chí thừa ngư xa. Thị dĩ Vương Mãng đặc thiện bản triều, toại kỳ gia mưu, khuynh chỉ thực tổ độc lưu sinh linh”. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Xích thổ: Ý nói vùng đất nhỏ hẹp.
- (2) Quỹ: Ước lượng, đo.
- (3) Suyển thác: Thác loạn, không chính đáng.
- (4) Vi thời: lúc Còn thấp hèn chưa hiển đạt.
- (5) Nhị: Ngưng lại.

Diễn giải

(Thừa phép cấp trên), ông Lưu Tụng nói: “Đến triều Tấn, bỏ chế độ chư hầu, lập biện pháp trung ương trực tiếp quản lý các địa phương trong cả nước. Tại các địa phương thì tổ chức cơ cấu hành chính quận và huyện, người trong họ nhà vua không còn được phân phong cho một tấc đất nào. Vì thế vương triều bị cô lập không có các chư hầu phụ tá như trước kia, nên nhà Tấn truyền được vài ba đời là mất nước. Kế tiếp nhà Chu, nhà Tấn, là nhà Hán. Nhà Hán sử dụng hỗn tạp đồng thời chế độ phong kiến và chế độ quận huyện, nên cả hai triều đại nhà Hán, Tây Hán và Đông Hán chỉ tồn tại mỗi nhà hơn hai trăm năm. Thần khảo sát chế độ phong kiến thời nhà Hán, phát hiện chế độ phong kiến cũng tồn tại những địa phương bị rối loạn, chứ không phải tình hình nơi nơi đều thỏa đáng, nhưng việc khảo tra vào thời kỳ suy vong của nhà Hán; Vấn đề là các chư hầu cùng họ Lưu đều trong thời kỳ hèn yếu không đủ sức bảo vệ quốc gia. Trước sự làm loạn của phe ngoại thích họ Lữ, của Lữ hậu may mà dựa vào nước Tề, được các vua chư hầu viện trợ, mới giữ được giang sơn nhà Hán của họ Lưu. Sau đó, vụ “thất quốc phản loạn”, nhờ Lương Vương, Lưu Vũ bảo vệ triều đình, cuối cùng bình định được một cơn đại tại nạn. Từ đó về sau quyền lực của các vua chư hầu cũng như uy lực của họ bị tước đoạt, chỉ còn có quyền thu tô, đánh thuế để sinh sống, có người nghèo khổ đến

nổi phải đi lại bằng xe bò. Vì thế Vương Mãng mới có thể độc quyền tóm tắt việc triều chính, thực hiện gian mưu soán nghịch, khiến cho nhân dân chia rẽ ly tán, đẩy nhân dân vào cảnh lầm than.

(Theo sách Tẩn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

二五〇

光武紹起，雖封樹子弟，而不建成國之制，祚亦不延。魏氏承之，圈閉親戚幽囚子弟，是以神器速傾。天命移在陴下，長短之應，禍福之徵，可見於此矣矣。然則建邦苟盡其理，則無向不。故曰：“為社稷計莫若見國”。夫邪正逆者，人心之所繫服也，今之建置審量事勢，使君樂其國，臣榮其朝，各流福祚，傳之無窮，上下一心，愛國如家，視人如子，然後能保荷天祿，兼翼王室。今諸王裂土，皆兼於古之諸侯，而君賊其爵，臣恥其位，有安志，其故何也？法同郡縣，無成國之制故也。今之建置，宜使率由舊章，一如古典。而人心繫常，不累十年，好惡未改，情願未移。臣之愚慮，以為宜早創大制，遲迴眾望，猶在十年之外，然後能君臣各安其位，榮其所蒙，上下相持用成藩輔。如今之為適足以虧天府之藏徒棄穀帛之資無補鎮國衛土之勢也。

(卷三十，晉書下，傳)

Phiên âm:

250

“Quang Vũ thiệu (1) khởi, tuy phong thụ tử đệ, nhi bất kiến thành quốc chi chế, tộ diệc bất duyên. Ngụy thị thừa chi, khuyên bế (2) thân thích, u tù tử đệ, thị dĩ thần khí (3) tốc khuynh. Thiên mệnh di tại Bê hạ, trường đoản chi ứng, họa phúc chi trưng, khả kiến u thủ hỹ. Nhiên tắc kiến bang cầu tận ý lý, tắc vô hướng bất khả. Cổ viết: “Vi xã tắc, kế, mạc nhược kiến quốc”. Phù tà chính nghịch thuận giả, nhân tâm chi sở hệ phục dã. Kim chi kiến trí, thẩm lượng

(4) sự thế, sử quân lạc kỳ quốc, thần lạc kỳ triều, các lưu phúc tộ (5), truyền chi vô cùng. Thượng hạ nhất tâm, ái quốc như gia, thị nhân nhu tử, nhiên hậu năng bảo hà thiên lộc, kiêm dực vương thất. Kim chư vương liệt thổ, giai kiêm ư cổ cổ chi chư hầu, nhi quân tiện kỳ tước, thần sĩ kỳ vị, mạc hữu an chí (6), kỳ cổ hà dã? Pháp đồng quận huyện, vô thành quốc chi chế cổ dã. Kim chi kiến trí, nghi sử suất do cựa chương (7), nhất như cổ điển. Nhiên nhân tâm hệ thường, bất luy thập niên, háo ố vị cải, tình nguyện vị di. Thần chi ngu lự, dĩ vi nghi tảo sáng đại chế, trì hồi chúng vọng, do tại thập niên chi ngoại, nhiên hậu năng lệnh quân thần các an kỳ vị, vinh kỳ sở mông, thượng hạ tương trì, dụng thành phiên phụ. Như kim chi vi, thích túc dĩ khuy thiên phủ (8) chi tang, đồ khí cốc bạch chi tư, vô bổ trấn quốc vệ thổ chi thế dã”. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Thiệu: Thừa kế, nối ngôi.
- (2) Khuyên bế: Cấm cống.
- (3) Thần khí: Đồ vật tượng trưng đại biểu của quốc gia. Như ngọc tử, bảo đỉnh, chỉ đế vị, chính quyền.
- (4) Thẩm lượng: Khảo sát đoán định, lượng định.
- (5) Phúc tộ: Phước lộc, phước phận.
- (6) An chí: An tâm.
- (7) Suất do cựa chương: Chế độ điển chương ở đời trước; Sách “Kinh Thi – Đại nhã – giả lạc” viết: “Bất khiên (tội lỗi) bất vong, suất do cựa chương”, Nhà Nho Trịnh Huyền thời Hán trong sách “Tiên” viết: “Suất nghĩa là tuần,... noi theo văn chương trong cựa điển, gọi là lễ pháp của Chu Công”.
- (8) Thiên phủ: Kho của triều đình, chỉ quốc khố.

Diễn giải:

(Thừa phép cấp trên), ông Lưu Tụng nói: “Vua Quang Vũ Lưu Tú nhà Đông Hán kế thừa nhà Tây Hán, về mặt danh nghĩa ông cũng phân phong cho tử đệ làm vua chư hầu, nhưng ông đã

không kiến lập chế độ cho các nước chư hầu, mà vận nước cũng đã không được lâu dài, nhà Tào Ngụy kế thừa thiên hạ của Hán thất, hạn chế tông thất, giam cầm tử đệ, nên ngôi vua nhanh chóng sụp đổ, mệnh trời chuyển qua bệ hạ như ngày nay. Sự dài ngắn của quốc vận, điềm họa phúc không dễ nhận ra, nhưng có thể tham khảo các triều vua thời gian qua. Từ đó rút ra, kiến lập chính quyền quốc gia như thế nào cho phù hợp với đạo lý an bang, thì sao không thành công cho được. Thế cho nên, suy nghĩ về việc đại sự quốc gia xã tắc thì quan trọng hơn hết là kiến lập các nước chư hầu, cai trị quốc gia là đưa những sai quấy lệch lạc trở về trung chính, bách tính từ chỗ nghịch lảo trở thành thuận hòa chân thật, đó là phương hướng giáo hóa nhân tâm. Ngày nay nếu kiến lập các nước chư hầu, thì nên nắm bắt thời thế, sao cho các vị vua chư hầu đều vui lòng nhận nước phong cho mình, các bầy tôi của các nước chư hầu cũng đều vui lòng làm việc, khiến cho họ đem phúc chỉ ấy truyền lại cho con cháu họ về sau, vô cùng vô tận. Trên dưới đồng tâm hiệp lực yêu nước mình như yêu nhà mình, xem dân mình như con mình, như thế thì sẽ khiến ông trời trên cao ban cho phước lộc, đồng thời cũng là hộ trì vương triều trung ương. Ngày nay, các vua chư hầu đều được phân phong đất đai, tương tự các vua chư hầu thời xưa, nhưng các vua chư hầu ngày nay coi thường tước vị, các bầy tôi của các vua chư hầu cũng không thỏa mãn chức quan của họ, không một người nào an tâm, nguyên do từ đâu vậy? Từ pháp quy thể hệ của chế độ quận huyện, nguyên nhân là trong chế độ quận huyện không kiến lập cho nước chư hầu có một bộ quy tắc quốc vận làm cụ thể. Ngày nay, kiến lập vương quốc chư hầu, nhất định phải tham khảo chế độ điển chương thời xưa, hoàn toàn giống với cách làm thời xưa. Nhưng dân tâm không dễ thay đổi, chưa trải qua mười năm thì tâm lý nhân dân yêu thích hay ghét bỏ không thể cải biến và thay đổi. Theo ngu kiến của vi thần, cần phải sớm sáng kiến đại pháp về việc thành lập các nước chư hầu, để tâm lý của đông đảo nhân dân tiếp thu dần dần, rồi còn phải cần đến hơn mười năm nữa để

các vua chư hầu với bầy tôi của họ an định địa vị, họ tự cảm thấy vinh diệu, trên dưới phù trì lẫn nhau, cuối cùng sẽ đạt đến hiệu quả phù trợ vương thất. Ngày nay, người ta chú tâm làm sao cho quốc khố không bị hụt, rõ ràng là lãng phí lương thực và các loại vật tư như vải lụa, mà không giúp vào việc hình thành tình thế trấn thủ quốc gia bảo vệ quốc thổ.

(*Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30*)

Nguyên văn:

十一：賞罰

二五一

汝作士，明于五刑，以弼五教期于予治，刑期于無刑，民協于中，時乃功，懋哉？（卷二，尚書）

Phiên âm:

THẬP NHẤT: THƯƠNG PHẠT

251

Nhữ (1) tác sĩ (2), minh (3) vu ngũ hình (4), dĩ bất (5) ngũ giáo (6) kỳ (7) vu dư (8) trị. Hình kỳ vu vô hình (9), dân hiệp (10) vu trung, thời nãi (11) công, mậu (12) tai?" (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Nhữ: Chỉ Cửu Dao, tức Cao Dao, người sáng lập ra pháp điển Trung Hoa, bầy tôi của vua Đế Thuấn, quản lý chuyện hình ngục.

(2) Sĩ: Quan viên ngành hình ngục thời cổ.

(3) Minh: Triệu thị, hiện rõ.

(4) Ngũ hình: 5 loại hình phạt từ nhẹ đến nặng khác nhau, gồm Mắc: khắc chữ đen lên mặt tội nhân, ăn sâu vào da thịt không xóa

được; Nhị: Cắt mũi tội nhân; Phế: Chặt chân tội nhất; Cung: Cắt bỏ bộ phận sinh dục của tội nhân; Đại tịch: Tử hình.

(5) Bật: Củ chính, phụ trợ.

(6) Ngũ giáo: Giáo dục 5 loại luân thường: “Phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu. Sách *Tả truyện - Văn công thập bát niên* viết: “Cử bát nguyên, sử bố ngũ giáo vu tứ phương, phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu, nội bình ngoại thành”.

(7) Kỳ: Mong mỗi, mong ngóng.

(8) Dư: Tôi, chỉ vua Đế Thuấn.

(9) Hình kỳ vu vô hình: Mục đích của hình pháp ở chỗ giáo dục con người tuân thủ pháp luật, sao cho khỏi phải dùng đến hình phạt.

(10) Hiệp: Hòa hợp.

(11) Nãi: Ông, chỉ Cửu Dao (Cao Dao).

(12) Mậu: Thịnh, tốt đẹp.

Diễn giải:

Cửu Dao, ông là quan cầm đầu về hình ngục đưa ra 5 loại hình phạt là khắc lên mặt, cắt mũi, chặt chân, thiến và tử hình để phụ trợ cho 5 loại giáo dục luân thường là phụ nghĩa, mẫu từ, anh hiền, em kính, con hiếu, phụ giúp ta cai trị thiên hạ được thỏa đáng. Mục đích của hình pháp ở chỗ giáo dục nhân dân tuân thủ pháp luật, làm sao đạt đến không phải dùng đến các loại hình phạt, trong lòng của nhân dân hòa hợp một khối, không tái phạm pháp lệnh quốc gia. Đó là công lao của ông, khiến người ta ca ngợi.

*(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)*

Nguyên văn:

二五二

元帝令曰：“自元康已來事故荐臻，法禁滋漫，大理所上宜朝堂會議，蠲除詔書不可用者，此孤所虛心者也”。轉廷尉又上言：“古者肉刑事經前聖愚謂宜復古施行”。中宗詔曰：“可內外通共議之”。於是，驃騎將君王導等議，以“肉刑之典，由來上矣。肇自古先，以及三代，聖哲明王，所會曾改。斑固深論其事，以為：“外有輕刑之名，內實殺人輕重失當故刑政不中也”。且原先王之造刑名也，非以過怒也，非以殘民也；所以救姦，所以當罪也。今盜者竊人之財，淫者好人之色，亡者避叛之役皆無殺害也。別之以刑，刑之則止，而加以斬戮，戮過其罪。死不可生，縱虐於此歲與巨計，此乃仁人君子所不忍聞，而況行之於政乎？若乃感其名，而不練其實，惡其生，而趣其死，此畏水投舟避坎陷井愚夫之不若何取於政哉？”（卷三十九，晉書上，刑法志）

Phiên âm:

252

Nguyên Đế (1) lệnh viết: “Tự Nguyên Khang (2) dĩ lai, sự cố (3) tiến trần (4), pháp cấm tư mạn (5), đại lý (6) sở tượng, nghi triều đường hội nghị (7), quyền trừ (8) chiếu thư bất khả dụng giả, thử cô (9) sở hư tâm (10) giả dã”. Chuyển (11) đình úy (12), hựu thượng ngôn: “Cổ giả nhục hình (13), sự kinh tiền thánh, ngu vị nghi phục cổ (14) thi hành”. Trung tong chiếu viết: “Khả nội ngoại thông cộng (15) nghị chi” ư thị, Phiêu Kỳ tướng quân Vương Đạo (16) đẳng nghị, dĩ “nhục hình chi điển (17), do lai thượng (18) hỹ. Triệu tự cổ tiên (19), dĩ cập tam đại (20), tánh triết minh vương, sở vị tăng cải. Ban Cố (21) thâm luận (22) ý sự, dĩ vi; “Ngoại hữu hình chi danh, nội thực sát nhân, khinh trọng thất đáng, cổ hình chính (23) bất trung (24) dã”. Thả nguyên (25) tiên vương chi tạo hình danh (26) dã, phi dĩ quá nộ dã, phi dĩ tàn dân dã; Sở dĩ (27) cứu gian (28), sở dĩ đáng tội (29) dã. Kim đạo giả thiết nhân chi tài, dâm giả (30) hảo nhân chi sắc, vong giả (31) tỵ nạn chi dịch

(32), giai vô sát hại dã. Ngoạt (33) chi dĩ hình, hình chi tắc chỉ, nhi gia chi trảm lục (34), lục quá kỳ tội. Tử bất khả sinh, tủng ngược (35) ư thủ, tuế dĩ cự kế, thủ nãi nhân nhân quân tử sở bất nhẫn văn, nhi hướng hành chi ư chính hồ? Nhược nãi (36) cảm kỳ danh (37), nhi bất luyện (38) kỳ thực, ác (39) kỳ sinh, nhi thú (40) kỳ tử, thủ úy thủy đầu chu (41), tỵ khảm hãm tĩnh (42), ngu phu (43) chi bất nhược (44), hà thủ (45) ư chính tai?”. (**Quyển 39 - Tấn thư thượng - Hình pháp chí**).

Chú thích:

(1) Nguyên Đế: Đế hiệu, (tại vị từ 317-323 CN), tên là Duệ, tự là Cảnh Văn, cháu cố của Tư Mã Ý, thế tập làm Lang Nha Vương.

(2) Nguyên Đế: (291-299 CN) là niên hiệu thứ ba của Tấn Huệ Đế Tư Mã Trung.

(3) Sự cố: Chỉ tai nạn phát sinh.

(4) Tiến trăn: Liên tục không dứt.

(5) Pháp cấm tư mạn: Pháp luật cấm phóng túng trể lười. Mạn nghĩa là phóng túng không vào khuôn phép.

(6) Đại lý: Tên chức quan, quan nắm quyền hình pháp thời cổ. Ở đây chỉ Vệ Triển, tự là Đạo Dã, người Hà Đông, là cha của nữ thư pháp gia Vệ phu nhân thời Đông Tấn. Vệ Triển từng làm Thượng thư lang, Thái thú Nam Dương, Trong thời niên hiệu Vĩnh Gia vua Tấn Hoài đế, ông làm Giang Châu Thứ sử, rồi làm Tấn vương Đại lý.

(7) Triều đường hội nghị: Họp tại triều đình.

(8) Quyên trừ: Phế trừ, bỏ đi, miễn trừ.

(9) Cô: Các bậc vua chúa thời cổ tự xưng là cô, ý khiêm tốn.

(10) Hư tâm: Một lòng hướng về.

(11) Chuyển: Tiến chuyển chức.

(12) Đình úy: Chú quan chưởng hình ngục.

(13) Nhục hình: Hình phạt chặt chân tay hoặc cắt đứt gân chân

thời cổ. Các loại hình phạt như rạch mặt, cắt mũi, chặt chân tay, thiến, tử hình cũng gọi là nhục tịch.

(14) Phục cổ: Khôi phục chế độ hoặc tập tục thời cổ.

(15) Thông cộng: Cộng thông toàn bộ.

(16) Vương Đạo: (267- 330 CN), tự là Mậu Hoàn, là một vị danh thần nhà Tấn, người Lâm Nghi (nay là huyện Lâm Nghi, tỉnh Sơn Đông). Khi Nguyên Đế làm Lang Nha Vương, biết thiên hạ sắp loạn nên khuyên vương nên thu phục bậc tài đức làm việc cho mình. Khi Lang Nha Vương lên làm vua, ông được tham gia triều chính, trong triều ngoài làng đều kính trọng gọi ông là “Trọng phụ”. Sau theo di chiếu ông được mời làm phụ tá cho vua Tấn Minh đế, rồi phụ tá cho vua Tấn Thành đế, trải qua 3 triều, ra tướng vào tướng, khi nhà Tấn trung hưng, công lao của ông rất lớn, quan tới chức Thái truyền, chết được ban tên Thụy là “Văn Hiến”.

(17) Điển: Pháp độ nhà nước.

(18) Thượng: Thời cổ, thời cách nay rất xa.

(19) Triệu tự cổ tiên: Bắt đầu thời thượng cổ.

(20) Tam đại: ba triều đại: Nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu. Cũng gọi là Tam hậu.

(21) Ban Cố: Tự là Mạnh Kiên, con của Ban Bưu, thời Đông Hán, làm quan lang triều vua Hán Minh đế, từng giữ chức *Truyền nghị* [藪] *điển hiệu bí thư*, sau viết tiếp sách của cha, soạn ra sách “Hán thư”, về lịch sử triều Tây Hán, gồm 120 quyển, soạn trong hơn 20 năm. Thể lệ chia ra *Ký*, *Biểu*, *Chí*, *Truyện*, là bộ sử đồ sộ đầu tiên viết đủ về một triều đại của Trung Hoa.

(22) Thâm luận: Bàn luận sâu rộng.

(23) Hình chính: Hình pháp chính lệnh.

(24) Bất chúng: Không thỏa đáng, không thỏa thích.

(25) Nguyên: Truy tìm căn nguyên.

(26) Tạo hình danh: Soạn thảo luật về hình pháp.

(27) Sở dĩ: Vì thế, như vậy.

(28) Cứu gian: Chế ngự tà ác.

- (29) Đáng tội: Xét xử đúng người đúng tội.
- (30) Dâm giả: Kẻ tham sắc dục, phóng đãng tà dâm.
- (31) Vong giả: Kẻ trốn tù.
- (32) Diễn giải: Nghĩa vụ lao dịch, trong việc xây dựng tu sửa thành trì, đắp đường làm cầu, phòng vệ xóm làng, phòng thủ biên cương.
- (33) Ngoạt: Hình phạt chặt chân hoặc tay thời cổ.
- (34) Trảm lục: Giết chết, sát hại.
- (35) Túng ngược: Bao hàm ý tàn hại, hành vi hung ác tàn khốc.
- (36) Nhược nãi: Chí ư, nói xong chuyện trước mắt, nói tiếp chuyện khác.
- (37) Cảm kỳ danh: Mê mẩn công danh.
- (38) Luyện: Nắm rọ, tinh tường.
- (39) Ác: Oán hận, ghét bỏ.
- (40) Thú, thúc: thôi thúc,
- (41) Uý thủy đầu chu: Sợ bị chìm xuống nước, trèo lên thuyền.
- (42) Tỵ khảm hãm tỉnh: Sợ sụp hố cạn lại bị rơi xuống giếng sâu.
- (43) Ngu phu: Người không thông hiểu sự lý.
- (44) Bất nhược: So không hơn.
- (45) Thủ: Tuyển chọn, liệt cử.

Diễn giải:

Vua Tấn Nguyên đế Tư Mã Duệ hạ lệnh: “Từ niên hiệu Nguyên Khang [(291-299 CN) là niên hiệu thứ ba của vua Tấn Huệ đế Tư Mã Trung] đến nay, phát sinh các loại ý ngoại kéo theo các tai nạn đổ ập đến, khiến pháp luật cấm lệnh bị phớt lờ rối tung. Nội dung tình hình ấy đã được đề cập đến trong tờ tâu của quan Đại lý Vệ Triển, được đưa ra thảo luận trong hội nghị của triều đình, nên ý của trẫm là không nhắc lại trong chiếu lệnh”. Chẳng bao lâu sau khi Vệ Triển chuyển sang làm chức Đình úy, lại viết tờ tâu: “Nhục hình thời cổ, thì hiền nhân thánh vương đã sử dụng

rồi, thần cho rằng nên đem ra thi hành khôi phục cổ chế của tiền nhân”. Vua Tấn Nguyên đế Tư Mã Dục bèn hạ lệnh: “Giao cho đại thần trong triều ngoài địa phương cùng nhau thương nghị”. Sau đó nhóm của quan Phiêu Kỳ tướng quân Vương Đạo họp bàn nhau, cho rằng: “Chế độ nhục hình ra đời đã quá lâu rồi, vào đầu thời thượng cổ, đến hết thời Tam đại Hạ, Thương, Chu, các bậc thánh triết minh vương chưa từng canh cải, thời Đông Hán, sử gia Ban Cố đã từng luận thuật sâu sắc về vấn đề ấy, cho rằng: *‘Tuy nhìn theo hình thức, việc phế bỏ nhục hình tuy có tiếng là giảm nhẹ hình phạt, vì thực chất cũng là sát nhân. Nhưng bỏ nhục hình thì hình phạt nặng nhẹ mất chính xác, cho nên hình phạt và chính lệnh khó mà sử dụng công bình công chính’*, Như thế thì suy cứu nguồn gốc các chế định hình phạt của tiên vương, chẳng qua cũng do một lúc nóng giận mà phát tiết ta. cũng không có ý tàn hại dân chúng, mà dùng để ngăn chặn gian ác, dùng để xử tội phù hợp với các loại hình phạm tội. Nhưng ngày nay, bọn trộm cắp tài vật của người khác, bọn tham sắc, bọn phóng đảng tà dâm tham đồ sắc đẹp, bọn trốn tránh lao động công ích, bọn chúng chưa từng phạm tội sát nhân. Đối với bọn tội phạm này có thể xử chúng bị tội chặt chân. Xử tội nhục hình tức muốn cấm chỉ phạm tội, nếu tái phạm thì bị tội tử hình. Thì quả là xử quá lạm cái tội mà chúng gây ra. Nên nhớ là người đã chết thì không thể sống lại, nhưng mỗi năm kẻ bị án xử tử ngày càng nhiều, đó là chuyện bất nhẫn đối với những người đức hạnh khoan hậu có nhiệt tâm giúp người không muốn nghe nói đến, huống chi đưa các loại hình phạt ấy vào chính lệnh? Nếu như bị hiểu nhầm mỹ danh việc bỏ nhục hình, mà không đếm xỉa đến thực tình, bọn ác nhân đáng ghét có được con đường sống lại bị đưa vào con đường chết, ví như người sợ chết chìm mà nhảy ra khỏi thuyền, kẻ sợ bị sụp hố cạn lại nhào đầu xuống giếng sâu thì kẻ ngu si nhất cũng không làm, lại có lý do gì, đem các loại hình phạt ấy đưa vào chính lệnh nhỉ?”

(Theo sách **Tấn thư thượng - Hình pháp chí - Quyển 39**)

Nguyên văn:

二五三

武王問太公曰：“將何為威？何以為明？何以為禁止而令行？”太公曰：“以誅小為明，以罰審為禁止而令行。故殺一人而三軍振者殺之，賞一人而萬人說者賞之，故殺貴大，賞貴小，殺及貴重當路之臣是刑上極也；賞及牛馬廝養，是賞下通也。刑上極賞下通，是將威之所行也。（卷三十一，六韜，龍韜）

Phiên âm:

253

Vũ Vương (1) vấn Thái Công (2) viết: “Tương hà dĩ vi uy (3)? Hà dĩ vi minh (4)? Hà dĩ vi cấm chỉ nhi lệnh hành (5)?”. Thái Công viết: “Dĩ tru đại (6) vi uy, dĩ thưởng tiểu (7) vi minh, dĩ phạt thâm (8) vi cấm chỉ nhi lệnh hành. Cổ sát nhất nhân nhi tam quân (9) chấn giả sát chi, thưởng nhất nhân nhi vạn nhân thuyết (10) giả thưởng chi, cổ sát quý đại, thưởng quý tiểu. Sát cập quý trọng đương lộ (11) chi thân, thị hình thượng cực (12) dã; Thưởng cập ngưu mã tư dưỡng (13), thị thưởng hạ thông dã. Hình thượng cực, thưởng hạ thông, thị tương uy (14) chi sở hành dã”. (**Quyển 31 - Lục thao - Long thao**).

Chú thích:

(1) Vũ Vương: Tức Chu Vũ Vương.

(2) Thái Công: Tự là Tử Nha, người Đông Hải, vốn họ Khương. Khi Chu Văn Vương đi săn, gặp Tử Nha ở bên sông Vị, trò chuyện rất tương đắc, nói: “Ta mong (vọng) Thái Công từ lâu rồi”, vì thế mới xưng là Thái công Vọng, mời về triều tôn làm thầy.

(3) Uy: Uy tín.

(4) Minh: Nghiêm minh.

(5) Cấm chỉ nhi lệnh hành: Có lệnh ắt làm, có lệnh cấm ắt ngưng. Hình dung pháp lệnh hoặc kỷ luật nghiêm chỉnh.

- (6) Tru đại: Giết nhân vật có địa vị cao.
- (7) Thường tiểu: Tưởng thưởng cho người có công dù địa vị thấp kém.
- (8) Phạt thâm: Thận trọng, nghiêm minh trong việc trừng phạt.
- (9) Tam quân: Theo chế độ nhà Chu, nước chư hầu lớn thống suất tam quân, một quân có 12500 quân sĩ, về sau từ tam quân chỉ chung quân đội.
- (10) Thuyết: Vui vẻ, mừng rỡ, cao hứng.
- (11) Đương lộ: Chỉ nắm chính quyền.
- (12) Cực: Đến, đạt đến.
- (13) Tư dưỡng: Cung cấp lực lượng lao động.
- (14) Tương uy: Uy tín của tướng quân.
- (15) Hành: Thi hành, chấp hành, thực tiễn.

Diễn giải:

Vua Chu Vũ Vương hỏi Khương Thái Công: “Trong việc dùng quân, làm như thế nào để tạo uy tín? Làm thế nào để thể hiện minh xác? Làm thế nào để cấm thì không ai dám làm, có lệnh thì làm?”. Thái Công nói: “Đem quân giết kẻ có địa vị cao thì lập được uy tín, khen thưởng người có địa vị thấp thể hiện minh sát, thận trọng, nghiêm minh trong việc trừng phạt để mọi người không được phạm lệnh cấm, thi hành theo mệnh lệnh. Vì thế giết một người nào đó mà chấn động toàn quân phải sợ hãi, thì phải giết; Thưởng một người nào đó mà khiến vạn người hân hoan thì nên tưởng thưởng cho người ấy. Cho nên, giết thì giết thần tử có địa vị cao, chấp chương quyền hành lớn, chúng tỏ hình pháp thực thi đến thượng tầng, tưởng thưởng cho đám sĩ tốt chặn bò chặn ngựa, là quan tâm đến lực lượng hạ tầng căn bản của chế độ. Hình phạt nên thi hành đến thượng tầng quyền quý, tưởng thưởng thì nên quan tâm đến đám sĩ tốt ở hạ tầng hèn kém. Đó là việc tạo uy tín trong việc dùng quân”.

(Theo sách Lục thao - Long thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

二五四

武王問太公曰：“吾欲輕罰而重威，少其賞而勸善多簡其令而眾皆為之何如？”太公曰：“殺一人千人，懼者殺之，殺一人而萬人，懼者殺之，殺三人三軍振千人，懼者殺之振者殺之；賞一人而千人喜者賞之，賞二人而萬人喜者賞之，賞三人三軍喜者賞之；令一人千人得者令之，禁二人而萬人止者禁之，教三人而三軍正者教之。殺一以懲萬，賞一而勸眾，此明君之威福也”。
(卷三十一，陰謀)

Phiên âm:

254

Vũ Vương vấn Thái Công viết: “Ngô dục khinh phạt (1) nhi trọng uy (2), thiếu kỳ thưởng (3) nhi khuyến thiện (4) đa, giản kỳ lệnh (5) nhi chúng giai hóa (6), vi chi hà như?”. Thái Công viết: “Sát nhất nhân nhi thiên nhân cụ giả sát chi, sát nhị nhân nhi vạn nhân cụ giả sát chi, sát tam nhân tam quan chấn (7) giả sát chi; Thưởng nhất nhân nhi thiên nhân hỉ giả thưởng chi, thưởng nhị nhân nhi vạn nhân hỉ giả thưởng chi, thưởng tam nhân tam quân hỉ giả thưởng chi; Lệnh (8) nhất nhân thiên nhân đắc giả lệnh chi, cấm (9) nhị nhân nhi vạn nhân chỉ giả cấm chi, giáo (10) tam nhân nhi tam quân chính giả giáo chi, sát nhất dĩ trừng (11) vạn, thưởng nhất nhi khuyến chúng (12), thử minh quân chi uy phúc (13) dã”.
(Quyển 31 - Âm mưu).

Chú thích:

- (1) Khinh phạt: Giảm nhẹ hình phạt.
- (2) Trọng uy: Càng thêm uy nghiêm.
- (3) Thưởng: Tặng tài vật cho người có công.
- (4) Khuyến thiện: Khích lệ làm việc thiện.
- (5) Giản kỳ lệnh: Đơn giản công lệnh.

- (6) Chúng giai hóa: Đại chúng đều được giáo hóa.
- (7) Chấn: Chinh đốn.
- (8) Lệnh: Mệnh lệnh.
- (9) Cấm: Không cho làm.
- (10) Giáo: Giáo dục.
- (11) Trừng: Giáo huấn, cảnh thích.
- (12) Khuyến chúng: Cổ vũ mọi người, khuyến khích mọi người.
- (13) Uy phúc: Quyền thưởng phạt của người cai trị.

Diễn giải:

Vua Chu Vũ Vương hỏi Khương Thái Công: “Ta mong giảm thiểu hình phạt mà tăng uy nghiêm, giảm thiểu ban thưởng mà khuyến khích được nhiều người làm việc thiện, giảm lược chính lệnh mà đại chúng đều được hưởng giáo hóa, thì phải làm như thế nào?”. Thái Công nói: “Nếu giết một người mà khiến ngàn người khác sợ hãi thì nên giết kẻ ấy, giết hai người mà khiến cả vạn người khác sợ hãi thì nên giết chúng đi, giết ba người mà chinh đốn được tam quân thì nên giết chúng đi. Nếu ban thưởng cho một người mà cả ngàn người vui lòng thì nên ban thưởng cho người ấy, ban thưởng cho hai người mà cả vạn người vui lòng thì nên ban thưởng cho họ, ban thưởng cho ba người mà cả vạn người vui lòng thì nên ban thưởng cho người ấy, ban thưởng cho ba người mà được tam quân vui lòng thì nên ban thưởng cho họ. Ra lệnh cho một người mà khiến được cả ngàn người phẫn tiến thì nên ra lệnh cho người ấy, ra lệnh cấm hai người mà khiến cả vạn người không dám làm chuyện ác, thì nên ra lệnh cấm chỉ cho hai người ấy. Giáo dục ba người mà chinh đốn được cả tam quân, thì nên giáo dục ba người ấy. Giết một người để cảnh giới cả vạn người, thưởng một người để khích lệ đại chúng, đó là đạo thưởng phạt của nhà vua thánh minh”.

(Theo sách Âm mưu - Quyển 31)

Nguyên văn:

二五五

遠人至而不去, 則有以畜之也; 民眾而可壹, 則有以牧之也. 見其可也, 喜之有徵; 見其不可也, 惡之有刑. 賞罰信於其所見, 雖其所不見, 其敢為之乎? 見其可也, 喜之無徵; 見其不可也, 惡之無刑. 賞罰不信於其所見, 而求其所不見之為之化, 不可得也. (卷三十二, 管子, 權脩)

Phiên âm:

255

Viễn nhân (1) chí nhi bất khứ, tắc hữu dĩ súc (2) chi dã; Dân chúng nhi khả nhất (3), tắc hữu dĩ mục (4) chi dã, Kiến kỳ khả dã, hỉ chi hữu trung (5); Kiến kỳ bất khả dã, ố chi hữu hình (6). Thường phạt tín (7) ư kỳ sở kiến, tuy kỳ sở bất kiến, kỳ cảm vi chi hồ? Kiến kỳ khả dã, hỉ chi vô trung; Kiến kỳ bất khả dã, ố chi vô hình. Thường phạt bất tín ư kỳ sở kiến, nhi cầu kỳ sở bất kiến chi vi chi hóa, bất khả đắc dã”. (Quyển 32 - Quản Tử - Quyền tu).

Chú thích:

- (1) Viễn nhân: Người ở xa.
- (2) Súc: Thu dùng, nuôi.
- (3) Nhất: Thống nhất, nhất trí.
- (4) Mục: Thống trị, giá ngự, cai trị.
- (5) Trung: Nghiệm chứng, chứng minh, chỉ tưởng thưởng cho mình.
- (6) Ố chi hữu hình: Cảm thấy ghét nên trừng phạt.
- (7) Thường phạt tín: Thường phạt rõ ràng phân minh.

Diễn giải:

Người khách từ phương xa đến nhà rồi không rời đi, bởi vì chủ nhà mời họ ở lại, dân chúng thì đông mà có thể nhất trí với nhau, nhờ họ được quản lý có phương pháp và chế độ. Thấy hành vi chính đáng

của dân chúng thì vui lòng ban thưởng cho họ, còn nếu thấy họ làm chuyện không chính đáng thì giận dữ trừng phạt họ. Nhà vua quan sát hành vi của nhân dân, đáng thưởng thì thưởng đáng phạt thì phạt, rõ ràng phân minh, thì dù khi không ở trước mặt vua, họ lại dám làm bậy hay sao? Thấy hành vi chính đáng của dân chúng, cao hứng mà không ban thưởng, còn thấy họ làm chuyện không chính đáng mà không trừng phạt họ, trước những hành vi của dân chúng mà không thưởng phạt phân minh mà không nên hy vọng nhân dân đều được giáo hóa không làm bậy sau lưng vua mình.

(Theo sách *Quản Tử* - Quyển tu - Quyển 32)

Nguyên văn:

二五六

景公射鳥，野人駭之，公令吏誅之。晏子曰：“野人不知也，臣聞之，賞無功謂之亂，罪不知謂之虐，兩者先王之禁也。以飛鳥犯先王之禁，不可。今君不明先王之制，而無仁義之心，是以從欲而輕誅也。夫鳥獸固人之養也，野人駭之，不亦疑乎？”公曰：“善。自今以來弛鳥獸之禁無以抱民”。（卷三十三，晏子，諫上）

Phiên âm:

256

Cảnh Công xạ điểu, dã nhân (1) hãi (2) chi. Công lệnh lại tru (3) chi. Yến Tử nói: Dã nhân bắt tri dã, thần văn chi, thưởng vô công vị chi loạn, (4), tội (5) bắt tri vị chi ngược (6), lưỡng giả tiên vương chi cấm dã. Dĩ phi điểu phạm tiên vương chi cấm, bất khả. Kim quân bất minh tiên vương chi chế, nhi vô nhân nghĩa chi tâm, thị dị tòng dục (7) nhi khinh tru dã. Phù điểu thú cố nhân chi dưỡng dã, dã nhân hãi chi, bất diệc nghi hồ?. Công viết: “Thiện, tự kim dĩ lai thi (8) điểu thú chi cấm, vô dĩ câu dân”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng**).

Chú thích:

- (1) Dã nhân: Chỉ người dân thôn quê, nông dân.
- (2) Hãi: Hoảng sợ, hoảng kinh. Trương Thuần chú thích dẫn Tôn Tinh Diễn trong sách *Yến Tử Xuân thu âm nghĩa* viết: “Kinh điều lệnh khú dã”.
- (3) Tru: Giết chết.
- (4) Loạn: Mất trật tự, hỗn loạn.
- (5) Tội: Trừng phạt, trị tội.
- (6) Ngược: Bạo ngược, tàn ác. Sách *Thượng thư – Thang cáo* viết: “Hạ vương diệt đức tác uy, dĩ phu ngược ư nhĩ vạn phương bách tính”.
- (7) Tùng dục: Tự mình phóng túng theo tư dục.
- (8) Thi: Bỏ, giải trừ. Trương Thuần hiệu chú dẫn Tôn Tinh Diễn trong sách *Yến Tử Xuân thu âm nghĩa* viết: “Sách *Thái bình ngự lãm* viết thi là chưa có”.

Diễn giải:

Vua Tề Cảnh Công đi săn, đang khi nhắm bắn con chim, thì một nông dân gây tiếng động chim bay mất, vua Cảnh Công tức giận bảo cận vệ tìm giết người nông dân ấy. Yến Tử vội chạy đến can vua: “Tên nông phu ấy đâu biết nhà vua đang nhắm bắn con chim ấy đâu! Thần vẫn nghe nói rằng, thưởng cho người không có công, gọi là “loạn”; Trừng phạt người không biết mình mắc tội gì gọi là “ngược”, đó là hai việc mà các bậc tiên vương ngày xưa xem là điều cấm kỵ. Nay vì một con chim mà bệ hạ phạm đến điều cấm kỵ của tiên vương, là chuyện chẳng nên làm, như nay bệ hạ vì không rõ chế độ của tiên vương, không có cái tâm nhân nghĩa, nên mới tùy theo tâm muốn, coi nhẹ đạo nghĩa, vô cớ sát nhân. Chim thú được người ta nuôi dưỡng, người ta xua chúng bay đi chẳng phải là chuyện chính đáng hay sao? Cảnh Công nghe xong nói: “Ông nói rất đúng!”, từ nay về sau, bãi bỏ mọi việc săn bắn chim thú, chẳng nên vì thế mà gây hại cho bách tính”.

(Theo sách *Yến Tử - Giám thượng - Quyển 33*)

Nguyên văn:

二五七

有虞氏不賞不罰，而民可用至德也；夏賞而不至教也；殷罰而不賞，至威也；周以賞罰，德衰也。（卷三十三，司馬法）

Phiên âm:

257

Hữu Ngu thị (1), bất thưởng bất phạt, nhi dân khả dụng (2), chí đức dã; Hạ thưởng nhi bất phạt, chí giáo (3) dã; Ân phạt nhi bất thưởng, chí uy (4) dã, Chu dĩ thưởng phạt, đức suy dã. (**Quyển 33 - Tư mã pháp**).

Chú thích:

- (1) Hữu Ngu thị: Tên bộ lạc thời cổ, theo truyền thuyết là bộ lạc mà Đế Thuấn là thủ lĩnh, nhận ngôi từ Đế Nghiêu nhường cho.
- (2) Dụng: Ra sức.
- (3) Chí giáo: Dạy dỗ quá tốt.
- (4) Uy: Khiến người ta sợ hãi phục tùng.

Diễn giải:

Vua Ngu Thuấn không dùng chuyện thưởng phạt làm hiệu lệnh, đó là vì đạo đức quá cao cảm đến mọi người, triều nhà Hạ chỉ có ban thưởng mà không có trừng phạt, là nhờ giáo hóa đến nơi đến chốn. Triều đại nhà Thương Ân dùng trừng phạt mà không tưởng thưởng, đó là nhờ uy thế quá lớn đè nén nhân dân, triều đại nhà Chu có thưởng có phạt, là vì thời ấy đạo đức đã suy đồi.

(Theo sách **Tư mã pháp - Quyển 33**)

Nguyên văn:

二五八

善與者, 用約而為德, 善取者, 入多而無怨. 故聖人因民之所善以勸善, 因民之所憎以禁姦. 賞一人而天下趣之, 罰一人而天下畏之, 至賞不費, 至刑不濫. 聖人守約而治廣此之謂也. (卷三十三, 文子, 上義)

Phiên âm:

258

Thiện dữ (1) già, dụng ước (2) nhi vi đức (3); Thiện thủ giả, nhập (4) đa nhi vô oán. Cố Thánh nhân nhân dân chi sở thiện (5) dĩ khuyến thiện (6) nhân dân chi sở tăng dĩ cấm gian. Thường nhất nhân nhi thiên hạ thú (7) chi, phạt nhất nhân nhi thiên hạ úy chi. Chí thưởng bất phí, chí hình bất lạm. Thánh nhân thủ ước nhi trị quảng, thủ chi vị dã. (**Quyển 33 - Văn Tử - Thượng nghĩa**).

Chú thích:

- (1) Dữ: Cấp cho.
- (2) Dụng ước: Cấp thiếu. Dụng nghĩa là cấp cho, ước nghĩa là thiếu, ít.
- (3) Đức: Ổn đức.
- (4) Nhập: Thu nhập.
- (5) Thiện: Vui vẻ.
- (6) Khuyến thiện: Khích lệ làm việc thiện.
- (7) Thú: Quy hướng, hướng về.

Diễn giải:

Làm việc thiện cho người ta, dù không nhiều vẫn khiến người ta cảm kích ân đức; Làm việc thiện để lôi kéo người ta, tuy nhiều, không khỏi khiến người ta hờn oán, cho nên bậc Thánh nhân căn cứ vào chỗ bách tính vui thích để khuyến khích bách

tính làm việc thiện, căn cứ vào chỗ ghét bỏ của bách tính để cấm chỉ gian tà. Khen thưởng cho một người, cả thiên hạ tranh nhau làm việc thiện, xử phạt một người, cả thiên hạ sợ làm chuyện sai quấy. Khen thưởng tốt nhất là vừa vặn, không bị lãng phí chút nào. Hình phạt hoàn thiện nhất cũng ở chỗ vừa vặn không chút lạm dụng. Bậc Thánh nhân duy trì tính giản ước nhưng công hiệu trong cai trị rất cao, đó là giữ được tình huống ấy.

(Theo sách Văn Tử - Thượng nghĩa - Quyển 33)

Nguyên văn:

二五九

為人臣者以進為功，為人君者以賢為功。為人臣者進賢，是自為置上也。自為置上賞，是故不為也。進不肖者，是自為置下也。自為置下而無罪，是故為之也。使進賢者，必有賞，進不肖者必有罪，無敢進也者，為無能之人。若此則必多進賢矣。（卷三十六，尸子，發蒙）。

Phiên âm:

259

Vi nhân thần giả dĩ tiến hiển vi công, vi nhân quân giả dĩ dụng hiển chi công. Vi nhân thần giả tiến hiển, thị tự vi trí thượng (1) dã. Tự vi trí thượng nhi vô thưởng, thị cố bất vi dã. Tiến bất tiểu (2) giả, thị tự vi trí hạ (3) dã. Tự vi trí hạ nhi vô tội, thị cố vi chi dã. Sử tiến hiển giả tất hữu thưởng, tiến bất tiểu giả tất hữu tội, vô cảm tiến dã (4) giả, vi vô năng chi nhân. Nhược thử, tắc tất đa tiến hiển hỹ. (Quyển 36 - Thi Tử - Phát môn).

Chú thích:

- (1) Tự vi trí thượng: Tiến cử người có đức hạnh cao hơn so với mình.
- (2) Bất tiểu: Không có tài cán.

(3) Tụ vi trí hạ: Tiến cử người không ngang bằng với đức hạnh của mình.

(4) Dã: Dùng trong câu, biểu thị lời lẽ đĩnh đốn.

Diễn giải:

Làm quan chức thì việc tiến cử người tài đức là trọng yếu nhất, còn người làm vua, việc trọng yếu nhất là sử dụng người tài đức. Làm quan chức tiến cử người tài đức, là người tài đức cao hơn mình. Tiến cử người tài đức mà không được khen thưởng thì không tiếp tục tiến cử nữa. Tiến cử phải người không có tài đức, tức là tiến cử người kém mình, tiến cử người bất tài mà không bị trừng phạt tội, thì người ấy cứ thế mà tiến cử người bất tài khác nữa. Nhất định phải tưởng thưởng cho người tiến cử hiền tài, nhất định phải xử phạt người tiến cử kẻ bất tài, còn đối với những người không tiến cử được ai thì xếp vào loại quan viên thiếu năng lực. Làm như thế nhất định có nhiều người tiến cử hiền tài.

(Theo sách Thi Tử - Phát mông - Quyển 36)

Nguyên văn:

二六〇

惟明王愛權重信，而不以私害法也。故上多惠言而不克其賞，則下不用；數加嚴命，而不致其刑，則民傲。凡賞者文也，刑者武也。文武者，法之約也。故明主慎法。不蔽之謂明，不欺之謂察。故賞厚而信，刑重而必；不失疏遠，不私親近，故臣不蔽主，而下不欺上。（卷三十六，商君子，脩權）

Phiên âm:

260

Duy minh vương ái quyền trọng tín, nhi bất dĩ tư hại pháp

dã. Cổ thượng đa huệ ngôn (1), nhi bất khắc (2) kỳ thưởng, tắc hạ bất dụng (3), sở gia nghiêm mệnh (4), nhi bất trí (5) kỳ hình, tắc dân ngạo tội (6). Phàm thưởng giả văn dã, hình giả vũ dã. Pháp chi ước (7) dã. Cổ minh chúa thận pháp. Bất tể chi vị minh, bất khi chi vị sát. Cổ thưởng hậu nhi tín, hình trọng nhi tất; Bất thất sơ viễn, bất tư thân cận, cổ thần bất tể chúa, nhi hạ bất khi thượng. (**Quyển 36 - Thương Quân Tử - Tu quyển**).

Chú thích:

- (1) Huệ ngôn: Lời nói dễ lọt tai.
- (2) Bất khắc: Không có khả năng, không thể.
- (3) Bất dụng: Không dùng làm việc được.
- (4) Nghiêm mệnh: Mệnh lệnh nghiêm túc.
- (5) Trí: Thi hành.
- (6) Ngạo tội: Coi thường pháp luật không ngại phạm tội.
- (7) Ước: Cương yếu, đại để, nói chung.

Diễn giải:

Chỉ có các nhà vua hiền minh mới trân quý quyền lực, mới coi trọng chữ tín, không lấy ý riêng gây tổn hại đến pháp luật. Thế cho nên, nếu nhà vua thường nói tốt mà không tưởng thưởng thì làm sao khiến bọn bầy tôi vì mình mà tự nguyện ra sức; Nếu như cả một loạt nghiêm lệnh trừng phạt truyền xuống mà cấp dưới không thi hành việc xử phạt, thì dân chúng sẽ coi thường pháp luật và không ngại phạm tội. Đại phạm ban bố khen thưởng là dùng văn đức để thi hành giáo hóa. Thực thi hình phạt tức là dùng sức mạnh để trấn nhiếp. Hai loại thủ đoạn *văn võ* là cương yếu của việc chấp pháp. Thế cho nên nhà vua hiền minh sử dụng pháp lệnh một cách thận trọng, chẳng để mờ tối che lấp chỗ sáng, trung thực chẳng chút lừa dối. Vì thế thưởng hậu mà được tin tưởng, hình phạt nghiêm uy mà nhất định chấp hành, không quan hệ lén lút với người gần kẻ xa, cũng không thiên vị người thân bên cạnh.

Như thế thì thần tử không che dấu vua mình, cấp dưới không coi thường lừa dối cấp trên.

(Theo sách **Thương Quân Tử - Tu quyền - Quyển 36**)

Nguyên văn:

十二：法律

二六一

“夫監司以法舉罪，獄官案劾盡實，法吏据辭守文，大較雖同然至於施用，監司夫法獄，體宜小異；獄官唯實，法吏唯文，監司則欲舉大而略小何則夫細過微闕謬妄之失，此人情之所必有，而必糾以法，則朝野無全人此所謂欲治而反亂者也。（卷三十六，尸文子，發蒙）

Phiên âm:

THẬP NHỊ: PHÁP LUẬT

261

“Phù giám ty (1) dĩ pháp cử (2) tội, ngục quan án hặc tận thực (3), pháp lại cứ từ (4) thủ văn (5), đại giáo (6) tuy đồng, nhiên chí ưu thi dụng (7), Giám ty dữ phù (8) pháp ngục, thể (9) ghi tiểu dị; Ngục quan duy thực (10), pháp lại duy văn (11), Giám ty tắc dục cử đại nhi lược tiểu. Hà tắc (13)? Phù tế quá vi khuyết (14), mậu vọng (15) chi thất, thủ nhân tình chi sở tất hữu, nhi tất cử dĩ pháp (16), tắc triều dã vô toàn nhân (17). Thủ sở vị dục trị nhi phản loạn dã. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

(1) Giám ty: Tỳ Giám sát thuộc lại ở địa phương, chỉ đạo các quan lại. Từ thời nhà Hán trở đi là quan Tư lệ Hiệu úy và đốc sát châu huyện, các quan Chế sử, Chuyển vận sử, Án sát sử, Bổ chánh sử đều được gọi chung là quan Giám ty.

- (2) Cử: Đề xuất.
- (3) Án hặc tận thực: Thăm vấn truy hỏi tội trạng hoàn toàn án chiếu theo tình thực.
- (4) Cú tù: Căn cứ lời khai trong án kiện thẩm lý nguyên cáo và bị cáo.
- (5) Thủ văn: Tuân thủ pháp lệnh, điển chương.
- (6) Đại giáo: Đại lược, đại khái.
- (7) Thi dụng: Thi hành.
- (8) Phù: Không có nghĩa, chữ dùng trong câu văn ngôn.
- (9) Thể: Hình thái bản chất hoặc phần chủ yếu của sự vật.
- (10) Duy thực: Lộ ra sự thực quan trọng.
- (11) Duy văn: Lộ ra điều văn của pháp lệnh, điển chương quan trọng.
- (12) Lược: Giản hóa, làm cho đơn giản đi.
- (13) Hà tắc: Sao vậy.
- (14) Vi khuyết: Sai lầm nhỏ, lỗi nhỏ.
- (15) Mậu vọng: Lầm lẫn và ngu muội, đối trá.
- (17) Toàn nhân: Người có nhân cách, đạo đức và học hành đều không chút vết tích lỗi lầm.

Diễn giải:

[Lưu Tụng dâng sớ tâu]: “Các quan Giám ty dựa theo pháp luật mà xử tội, quan coi ngục điều tra sự tình thực sự của vụ án, rồi pháp lại căn cứ ghi trong cung từ tố tụng, tường thuật sự thực xử lý án kiện. Các sự tình ấy tuy nói chung đều cùng một dạng nhưng đến khi chấp hành, quan giám ty và pháp lại, ngục quan bằng cách làm cụ thể có nhiều chỗ khác nhau. Ngục quan chủ yếu khảo cứu vấn đề về phương diện sự thực, pháp lại coi trọng sự tình điều văn của pháp lệnh, điển chương, Giám ty phải kiểm điểm, nêu ra những lỗi lớn và sơ lược lỗi nhỏ.

(Theo sách **Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30**)

Nguyên văn:

二六二

文王問太公曰：“願聞治國之所貴？”太公曰：“貴法令之必
行。必行則治道通，通則民太利，太利則君 勳 德彰矣”。
(卷三十一，六韜，文韜)

Phiên âm:

262

Văn Vương (1) vấn Thái Công (2) viết: “Nguyên văn trị quốc chi sở quý (3)?” Thái Công viết: “Quý pháp lệnh chi tất hành, Tất hành tắc trị đạo (4) thông, thông tắc dân thái lợi (5), thái lợi tắc quân đức chương (6) hĩ”. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

- (1) Văn Vương: Tức vua Chu Văn Vương.
- (2) Thái Công: Tức Khương Thái Công Lã Vọng.
- (3) Quý: Chú trọng, trọng thị.
- (4) Trị đạo: Phương kế, chính sách cai trị đất nước.
- (5) Thái lợi: Tức đại lợi.
- (6) Chương: Biểu lộ, tuyên dương.

Diễn giải:

Vua Chu Văn Vương hỏi Khương Thái Công: “Ta muốn biết trong việc cai trị thì nên coi trọng phương diện nào hơn cả?”. Khương Thái Công trả lời: “Phải coi trọng việc quán triệt thi hành pháp lệnh của quốc gia. Pháp lệnh được thực thi thì phương kế, chính sách trị quốc mới thông suốt; mà thông suốt thì nhân dân thu được lợi ích lớn, nhân dân được lợi ích lớn thì đức độ của nhà vua càng hiện rõ”.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

二六三

凡赦者，小利而大害者也，故久而不勝其禍；無赦者，小害而大利者也，故久而不勝其禍。故赦者奔馬而委轡也；無赦者痠疽之砭石也。先王制軒冕，足以著貴賤，不求其觀也。使人食於力。君子食於道，則上尊而民順；小人食於力，則財厚而養足。

(卷三十二, 管子, 法法)

Phiên âm:

263

Phàm xá (1) giả, tiểu lợi nhi đại hại giả dã, cố cứu nhi bất thẳng (2) kỳ họa; Vô hặc giả, tiểu hại nhi đại lợi giả dã, cố cứu nhi bất thẳng kỳ phúc. Cố hặc giả, bôn mã chi ủy bí (3) dã; Vô hặc giả, tọa thư (4) chi biêm [cái kim bằng đá] thạch (5) dã. Tiên vương chế hiên miện (6), túc dĩ trú (7) quý tiện, bất cầu kỳ quan (8) dã. Sử quân tử thực (9) ư đạo (10), tiểu nhân (11) thực ư lực (12). Quân tử thực ư đạo, tắc thượng tôn nhi hạ thuận; Tiểu nhân thực ư lực, tắc tài hậu nhi dưỡng túc (14). (Quyển 32 - Quản Tử - Pháp pháp).

Chú thích:

- (1) Xá: Tha tội.
- (2) Bất thẳng: Vô hạn.
- (3) Ủy bí: Mất dây cương. Ủy nghĩa là bỏ, bí nghĩa là dây vàm khống chế trâu ngựa.
- (4) Tọa thư: U nhọt độc.
- (5) Biêm thạch: Dụng cụ y khoa tối cổ ở Trung Hoa, vào thời đồ đá, người ta mài đá cho sắc nhọn, chích cửa vào u mụn, lấy máu mủ ra cho người bệnh bớt đau đớn. Về sau người ta dùng kim chích bằng kim loại, cũng gọi là “phạm châm”, “thạch châm”.
- (6) Hiên miện: Thời cổ xe của quan khanh đại phu trang trí màn che hai bên, hình cong là xe sang. Miện nghĩa là mũ lễ của quan lớn.
- (7) Trú: Tiêu cử, tiêu thị, bày tỏ ra.

- (8) Quan: Bề ngoài dễ trông.
- (9) thực: Sinh kế, bổng lộc.
- (10) Đạo: Tư tưởng, phương pháp, đạo lý.
- (11) Tiểu nhân: Người bình dân, nhân dân.
- (12) Lục: Lao碌, ý nói giữ bản phận.
- (13) Thượng: Nhà vua.
- (14) Dưỡng túc: Chiếu cố đầy đủ.

Diễn giải:

Đại phạm thi hành xá miễn, chỉ được lợi nhỏ mà bị hại to. Nên trường kỳ gặp họa hoạn hoài hoài trong thi hành. Không thi hành xá miễn thì bị hại ít mà được lợi to, nên khi thi hành thì tốt đẹp mọi chuyện. Thế cho nên thi hành xá miễn đúng như đang phi ngựa mà bỏ dây cương; Không thi hành xá miễn giống như khi đang bị nổi ung nhọt đau đớn, phải dùng kim chích mủ máu ra. Các bậc tiên vương định ra các kiểu màn che xe cộ, áo mũ cho đại quan, phân rõ đẳng cấp người cao kẻ thấp, không phải chỉ cần cho đẹp bề ngoài, mà là để cho quan lại theo đó mà làm việc và sinh hoạt. Quan lại dựa hành đạo trị quốc để sinh hoạt, Nhà vua giữ được sự tôn quý, nhân dân thuận tòng; Nhân dân dựa vào đó mà lao động làm ra của cải phong phú, cung cấp tài vật đầy đủ.

(Theo sách Quản Tử - Pháp pháp - Quyển 32)

Nguyên văn:

二六四

規矩者，方圓之正也，雖有巧目利手，不如拙規矩之正方圓也。故巧者能生規矩，不能廢規矩而正方圓，聖人能生法而治國。故雖有明智高行，背法而治是廢規矩而正方圓也。（卷三十二，管子，法法）

Phiên âm:

264

Quy củ (1) giả, phương viên (2) chi chính dã. Tỳ hữu xảo mục lợi thủ, bất như chuyết (3) quy củ chi chính (4) phương viên dã. Cố xảo giả năng sinh quy củ (5), bất năng phế quy củ nhi chính phương viên. Thánh nhân năng sinh pháp (6), bất năng phế pháp (7) nhi trị quốc. Cố tuy hữu minh trí cao hạnh (8), bồi (9) pháp nhi trị, thị phế quy củ nhi chính phương viên dã. (**Quyển 32 - Quán Tử - Pháp pháp**).

Chú thích:

- (1) Quy củ: Quy tức là khí cụ vẽ hình tròn (compa). Củ tức là khí cụ vẽ hình vuông hoặc vẽ góc (thước kẻ) còn gọi là thước ngắn, thước một, thước lỗ ban.
- (2) Viên: Hình tròn. Sách *Chu lễ - Đông quan khảo công ký - Du nhân* viết “Viên giả trung quy, phương giả trung củ”.
- (3) Chuyết: Ý nói thô vụng.
- (4) Chính: Củ chính, sửa cho đúng, cho ngay.
- (5) Sinh quy củ: Chế tác cái quy cái củ.
- (6) Sinh pháp: Chế định lễ pháp.
- (7) Phế pháp: Phế bỏ lễ pháp.
- (8) Cao hạnh: Phẩm hạnh cao quý, cao thượng.
- (9) Bồi: Bỏ ra sau.

Diễn giải:

Các loại thiết bị vẽ vòng tròn, vẽ hình vuông hoặc vẽ góc giúp cho hai tay của người thợ trở nên chính xác và tinh xảo, không còn loay hoay vụng về khi làm gì liên quan đến hình tròn hình vuông góc. Vì thế, người thợ khéo, tuy chế tác ra cái quy và cái củ, vẫn phải dùng đến cái quy, cái củ trong việc làm vật dụng hình tròn, hình vuông. Bậc Thánh nhân tuy có khả năng chế định ra lễ pháp,

cũng không thể bỏ qua lễ pháp trong việc cai trị, cho nên dù nhà vua có trí lực phi phàm, có đức hạnh cao thượng, mà bỏ qua lễ pháp trong việc cai trị thì giống như người thợ không dùng đến cái quy, cái củ để làm ra đồ hình tròn hình vuông góc vậy.

(Theo sách **Quản Tử - Pháp pháp - Quyển 32**)

Nguyên văn:

二六五

夫法者，天下之準繩也，人主之度量也。懸法者，法不法也。法定之後，中繩者賞，缺繩者誅，雖尊貴者不輕其賞，卑賤者不重其刑。犯法者雖賢必誅；中度者，雖不肖無罪，是故公道行而私欲塞也。（卷三十五，文子，上義）

Phiên âm:

265

Phù pháp (1) giả, thiên hạ (2) chi chuẩn thăng (3) dã, nhân chủ (4) chi độ lượng (5) dã. Huyền pháp (6) giả, pháp bất pháp (7) dã. Pháp định chi hậu, trung thăng (8) giả thưởng, khuyết thăng (9) giả tru (10). Tuy tôn quý giả (11) bất khinh (12) kỳ thưởng, ti tiện giả (13) bất trọng kỳ hình. Phạm pháp giả, tuy hiền tất tru; Trung độ (14) giả, tuy bất tiểu (15) vô tội, thị cố công đạo hành, nhi tư dục tái (16) dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng nghĩa**).

Chú thích:

- (1) Pháp: Tức pháp lệnh, chế độ.
- (2) Thiên hạ: Tức cách gọi toàn các quốc gia thời cổ.
- (3) Chuẩn thăng: Ý nói pháp độ của quyền hành trên sự vật.
- (4) Nhân chủ: Tức vua.
- (5) Độ lượng: Quy cách, tiêu chuẩn.

- (6) Huyền pháp: Thời cổ treo pháp lệnh nơi cửa khuyết để công bố, nên công bố pháp lệnh gọi là “huyền pháp”.
- (7) Pháp bất pháp: Người vi phạm pháp lệnh treo nơi cửa khuyết.
- (8) Trúng thẳng: Phù hợp pháp độ. Trúng nghĩa là phù hợp. Thẳng tức là pháp độ.
- (9) Khuyết thẳng: Không phù hợp pháp độ.
- (10) Tru: Trừng phạt, trừng trị.
- (11) Tôn quý giả: Người có địa vị tôn quý.
- (12) Khinh: Giảm thiểu.
- (13) Ti tiện giả: Người thấp hèn.
- (14) Trúng độ: Đứng với pháp độ.
- (15) Bất tiếu: Bất tài.
- (16) Tái: Át chế.

Diễn giải:

Chế độ pháp lệnh là chuẩn mực về ngôn hành của mọi người trong thiên hạ, là tiêu chuẩn sự vật thuộc quyền hành của nhà vua. Công bố pháp lệnh, chủ yếu là việc trừng phạt kẻ phạm pháp. Chế độ pháp lệnh sau khi đã được xác định, thì thực hiện thưởng phạt những ai phù hợp pháp quy và xử phạt kẻ vi phạm pháp quy. Tức vinh danh những ai giữ pháp, coi khinh những kẻ vi phạm pháp quy. Không làm giảm ban thưởng cũng như không tăng nặng trừng phạt. Những kẻ làm trái chế độ pháp lệnh, thì tuy là hiền tài cũng bị xử phạt, người tuân thủ chế độ pháp lệnh thì tất cả người dưới quyền cũng không bị xử phạt. Vì vậy, công đạo có thể thi hành, át chế tư dụng cá nhân.

(Theo sách Văn Tử - Quyển 35 - Thượng nghĩa)

Nguyên văn:

二六六

先王當時而立法，度務而制事。法宜其時則治，事適其務故有功。然法則有時而治，事有當而功。今時移而法不變，務易而事以古，是法而時詭，而事與務易也。故法立而亂益，務為而事廢。故聖人而治國也，不法古，不循今，當時而立功，在難而能免。務今民能變俗矣，而法不易；國形更勢矣，而務以古，夫法者，民之治也；務者，事之用也。國失法則危，事失用則不成。故法不當時而務不適用而不危者未之有也。（卷三十六，商君子，六法）

Phiên âm:

266

Tiên vương (1) thường thời (2) nhi lập pháp, độ vụ (3) nhi chế sự (4). Pháp nghi kỳ thời tắc trị (5), sự thích kỳ vụ, cố hữu công (6). Nhiên pháp hữu thời nhi trị, sự hữu đương (7) nhi công. Kim thời di (8) nhi pháp bất biến, vụ dị (9) nhi sự dĩ cố, thị pháp dĩ thời quý (10), nhi sự dĩ vụ dị dã. Cố pháp lập nhi loạn ích, vụ vi nhi sự phế. Cố Thánh nhân chi trị quốc dã, bất pháp cố (11), bất tuần (12) kim. Đương thời nhi lập công, tại nan nhi năng miễn. Kim dân năng biến tục (13) hỹ, nhi pháp bất dị; Quốc hình canh thế (14) hỹ, nhi vụ dĩ cố. Phù pháp giả, dân chi trị dã; Vụ giả, sự chi dụng (15) dã. Quốc thất pháp tắc nguy, sự thất dụng tắc bất thành. Cố pháp bất đương thời, nhi vụ bất thích dụng, nhi bất nguy giả vị chi hữu (16) dã. (Quyển 36 - Thương Quân Tử - Lục pháp).

Chú thích:

- (1) Tiên vương: Bạc thánh vương thờ cổ.
- (2) Đương thời: Thích thời, hợp thời.
- (3) Độ vụ: Suy nghĩ tính toán sự tình hoặc công việc.
- (4) Chế sự: Công tác, chức vụ chuyên việc trừ hoạch.

- (5) Trị: Đất nước thái bình.
- (6) Hữu công: Có công trạng.
- (7) Đương: Phù hợp.
- (8) Thời di: Thời đại biến thiên.
- (9) Diễn giải: Thay đổi.
- (10) Quý: Làm trái ngược lại, vi phản.
- (11) Pháp cổ: Bất chước phép chế cổ.
- (12) Tuân: Tuân thủ, y theo.
- (13) Dân năng biến tục: Dân chúng đã trải qua cải biến tập tục, đời xưa dân thì ngu thật, đời nay dân thì khôn xảo.
- (14) Quốc hình canh thế: Tình thế đất nước đã cải biến. Hình tức là tình thế.
- (15) Dụng: Công hiệu.
- (16) Vị chi hữu: Chưa từng có.

Diễn giải:

Các bậc thánh vương thời xưa thuận theo thời thế mà chế định ra pháp độ, suy nghĩ tìm tòi nhiệm vụ chủ yếu của quốc gia rồi mới làm việc. Pháp độ thích hợp thời nghi thì đất nước mới được an định; Sự tình với nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia phù hợp với nhau, nên mới lập được công trạng. Sao cho pháp độ tương ứng với tình thế đương thời thì xã hội mới an định. Sự tình phù hợp với sự bức thiết bấy giờ của xã hội thì mới tạo ra hiệu quả. Tuy nhiên, ngày nay thời thế đã khác xưa mà pháp độ, nhiệm vụ trọng yếu của đất nước không được cải biến theo, mà kéo dài lẽ lối cũ, nên pháp độ trái với thời sự tình, với nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia không được nhất trí với nhau, Thế cho nên việc chế định pháp lệnh mà động loạn càng nhiều; Nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia đã được thiết lập mà sự nghiệp chẳng ra làm sao, ngày một hoang phế. Thế cho nên, bậc Thánh nhân cai trị đất nước không chăm chăm bắt chước cượng chế thời xưa, không lập theo y chang ý

kiến của người thời nay, mà thích ứng thời thế hiện lập sự nghiệp trong cảnh cùng khốn mà tìm ra cách tránh được tai họa. Ngày nay bách tính đã trải qua cải biến tập tục, trong khi pháp độ không cải biến theo; Tình thế đất nước đã trải qua biến hóa mà nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia còn dựa theo lối cũ. Pháp độ được dùng để bảo vệ sự ổn định của nhân dân, nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia được dùng để bảo chứng cho lao động đạt hiệu quả. Nước mất pháp độ thì nước nguy vong, làm việc không có mục đích hiệu quả thì không thể làm thành công. Vì thế, pháp độ không hợp với thời vụ, nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia không phù hợp với nhu cầu thiết yếu của xã hội, mà không bị nguy thì chuyện chưa từng nghe qua.

(Theo sách Thương Quân Tử - Lục pháp - Quyển 36)

Nguyên văn:

二六七

夫廢法度而好私議則姦臣鬻權以約祿，秩官之吏，隱下而漁民。諺曰：“蠹眾而木折隙大而牆壞”。故大臣爭於私而不顧其民，則下離上，下離上者，國之隙也。秩官之吏，隱下以漁百姓，此民之蠹也。故國有隙蠹而不亡者，天下鮮矣。故明主任法去私，而國無隙蠹矣。（卷三十六，商君子，脩權）

Phiên âm:

267

Phù phế pháp độ (1) nhi háo tư nghị (2), tặc gia thần (3) chúc quyền (4) dĩ ước (5) lộc; Trật quan (6) chi lại, ẩn hạ (7) nhi ngư dân (8). Ngạn (9) viết: “Đố chúng nhi mộc chiết, kích đại nhi tường hoại (10)”. Cố đạ thần (11) tranh ư tư, nhi bất cố kỳ dân, tặc hạ ly thượng (12). Hạ ly thượng giả, quốc chi kích dã. Trật quan chi lại, ẩn hạ dĩ ngư bách tính, thủ dân chi đố dã. Cố quốc hữu kích đố nhi bất vong

giả, thiên hạ tiên (13) hỷ. Cổ minh chủ nhiệm pháp khú tư (14), nhi quốc vô khích đố hỷ. (Quyển 36 - Thương Quân Tử - Tu quyền).

Chú thích:

- (1) Pháp độ: Pháp luật và chế độ.
- (2) Tư nghị: Nghị luận riêng tư, bàn riêng.
- (3) Gian thần: Bầy tôi gian manh thâm hiểm.
- (4) Chúc quyền: Dùng lộng quyền để mưu lợi riêng. Chúc nghĩa là bán.
- (5) Ước: Yêu cầu, cầu giũ.
- (6) Trật quan: Phẩm quan.
- (7) Ẩn hạ: Che giấu, không khoe.
- (8) Ngư dân: Lừa dân. Ngư nghĩa là dùng thủ đoạn bất chính, mưu đồ.
- (9) Ngạn: Truyền khẩu dân gian, mang tính triết lý có tác dụng khuyên răn.
- (10) Đố chúng nhi mộc chiết, khích đại nhi tường hoại: Cây gỗ bị một ăn nhiều thì mục hỏng, tường vách bị nứt nhiều chỗ thì sụp đổ, ví dụ, nước có nhiều kẻ bại kẻ xấu thì nước sẽ bị bại hoại.
- (11) Đại thần: Quan lại gánh vác quốc gia.
- (12) Hạ ly thượng: Tâm đức của nhân dân xa rời triều đình.
- (13) Tiên: Thiếu, nhỏ, trẻ.
- (14) Nhiệm pháp khú tư: Noi theo pháp độ mà xa bỏ tư dục.

Diễn giải:

Nhà vua bỏ pháp độ mà thích nghe lời bàn của tư nhân, thì sao khỏi bị bọn gian thần lợi dụng thao túng, lộng quyền để mưu lợi riêng. Giới tiểu lại đông đảo lên lút gian giáo chiếm đoạt lợi ích của nhân dân, chiếm đoạt tài sản của nhân dân. Ngạn ngữ có câu “mối một càng nhiều, làm mục nát cây gỗ, vết nứt ngày một nhiều thì vách tường sẽ bị đổ sụp”. Thế cho nên, gánh vác nước nhà là trọng trách của đội ngũ quan lại, nếu họ chỉ biết tranh giành quyền

lợi mà chẳng lo đến dân, thì nhân dân sao khỏi xa tâm, xa đức với triều đình. Mà khi bách tính xa tâm, xa đức với triều đình thì quốc gia “rách nát”. Thì đội ngũ tiểu lại đông đảo, cấp dưới lén lút gian xảo chiếm đoạt lợi ích của nhân dân, đúng là “sâu mọt” của nhân dân. Vì thế, quốc gia “rách nát” và “mục ruỗng” mà không bị diệt vong thì ít có trong thiên hạ. Vì vậy, nhà vua hiền minh nên dựa theo pháp độ mà loại trừ tư dục, thì quốc gia mới không bị “rách nát” và “mục ruỗng”.

(Theo sách **Thương Quân Tử - Tu quyển - Quyển 36**)

Nguyên văn:

二六八

名分未定，堯舜禹湯且皆加務而逐之；名分已定，貪盜不取。今法令不明，其名不定，天下之人得議之此所謂名分不定也。夫名分不定，堯舜猶將皆折而姦之，而況眾人乎？故聖人必為法令置官也，置吏也，為天下師，所以定分也。名分定則大詐真信，巨盜願慤而各自治也。（卷三十六，商君子，定分）

Phiên âm:

268

Danh phận (1) vị định, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang thả giai gia vụ (2) nhi trực chi; Danh phận dĩ định, tham đạo bất thủ. Kim pháp lệnh bất minh, kỳ danh (3) bất định, thiên hạ chi nhân đắc nghị (4) chi, thủ sở vị danh phận bất định dã. Phù danh phận bất định, Nghiêu, Thuấn do tương giai chiết (5) nhi gian (6) chi, nhi hưởng chúng nhân hồ? Cổ Thánh nhân tất vi pháp lệnh trí quan (7) dã, trí lại (8) dã, vi thiên hạ sư (9), sở dĩ định phận dã. Danh phận định tắc đại trá (10) chân tín, (11), cự đạo (12) ngụyện khác (13) nhi các tự trị (14) dã. (**Quyển 36 - Thương Quân Tử - Định phận**).

Chú thích:

- (1) Danh phận: Chức phận danh nghĩa của địa vị của một người.
- (2) Gia vụ: Tăng bội.
- (3) Danh: Chỉ chức phận danh vị.
- (4) Nghị: Bình luận chuyện thị phi.
- (5) Chiết: Nói bậy bạ
- (6) Gian: Can phạm.
- (7) Quan: Người do chính phủ trung ương bổ nhiệm, làm việc trong các cơ quan chính phủ.
- (8) Lại: Người do chính quyền địa phương bổ nhiệm làm việc tại các cơ quan địa phương.
- (9) Sư: Gương mẫu.
- (10) Trá: Giáo hoạt, hư ngụy, lão xược.
- (11) Chân tín: Thành thực, chính trực, ngay thẳng đáng tin.
- (12) Cự đạo: Trộm cướp lớn.
- (13) Nguyên khác: Nguyên nghĩa là trung hậu, khác nghĩa là thành thực.
- (14) Tự trị: Tự làm việc quản lý.

Diễn giải:

Khi sự vật chưa được xác định danh nghĩa và chức phận của địa vị sở cư, thì các vị minh quân thời cổ như Đế Nghiêu, Đế Thuấn, vua Hạ Vũ, vua Thương Thang thấy đều ra sức theo đuổi chúng; Chức phận danh vị sau khi đã được xác định thì ngay cả đến bọn đạo tặc tham lam cũng không dám ra tay. Ngày nay, chế độ pháp lệnh chưa được xác định rõ ràng, nên không xác định được chức phận danh vị, người ta có lý do nghị luận việc ấy, đó gọi là không xác định chức phận danh vị. Đại phạm, không xác định sự vật danh vị, thì Đế Nghiêu, Đế Thuấn đều vi phạm chính đạo mà xâm phạm danh phận, hưởng chi nhà vua

bình thường nào khác? Cho nên bậc Thánh nhân nhất quyết phải thiết lập pháp lệnh quan chức thiết trí quan lại, đưa ra các quan gương mẫu, mục đích là xác định danh vị chức phận. Chức phận danh vị sau khi đã được xác định thì thế nào bọn giao hoạt lừa đảo sẽ đều tự bắt buộc thành người thành tín chính trực, bọn trộm cướp sẽ đều tự bắt buộc thành người chất phác trung thực quý đạo.

(Theo sách Thương Quân Tử - Định phân - Quyển 36)

Nguyên văn:

十三：武事

二六九

帝曰：“咨禹！惟時有苗弗率，汝徂征”。（卷二，尚書）

Phiên âm:

THẬP TAM: VÕ SỰ

269

Đế (1) viết: “Tư (2), Vũ (3)! Duy thời hữu miêu (4) phát suất (5), nhữ tổ chinh (6)”. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Đế: Chỉ Đế Thuấn.

(2) Tư: Than thở, ngữ khí biểu lộ cảm thán.

(3) Vũ: Túc vua Hạ Vũ, mở ra triều đại nhà Hạ, được Đế Thuấn nhường ngôi, nhưng khi chết truyền ngôi cho con, mở ra chế độ thế tập.

(4) Hữu Miêu: Theo truyền thuyết họ Hữu Miêu là một tộc người cổ có từ thời Hoàng Đế, trải qua các đời vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, cũng gọi là Tam Miêu, chủ yếu cư trú tại một giải thuộc miền hạ du sông Trường Giang, giữa hồ Động Đình và hồ Phan Dương.

(5) Suất: Dựa theo, tuân theo.

(6) Tổ chính: Chính phạt trước đây. Tổ nghĩa là vãng, là đã qua.

Diễn giải:

Vua Đế Thuấn nói: “Ôi! Vũ ơi! Hiện nay dân Tam Miêu không tuân theo đạo của ta, làm loạn phạm thượng, ta cử ông dẫn quân đi thảo phạt”.

(Theo sách **Thượng thư** - Quyển 2)

Nguyên văn:

二七〇

禹乃會群后誓于師曰：“濟濟有眾，咸德朕命，蠢茲有苗，昏迷弗恭，侮慢自賢，反道敗德，君子在野，小人在位，民棄弗保，天降之咎，肆予以爾眾士，奉詞伐眾，爾尚一乃心力，其克有動。

(卷二，尚書)

Phiên âm:

270

Vũ nãi hội quần hậu (1) thệ vu sư viết: “Tế tế (2) hữu chúng, hàm thánh trăm mệnh. Xuân (3) tứ Hữu Miêu (4), hôn mê phát cung. Vũ mạn (5) tự hiền (6), phản đạo bại đức. Quân tử tại dã (7), tiểu nhân tại vị, dân khí phát bảo, thiên giáng chi cữu (8), tứ (9) dư dĩ nhĩ (10) chúng sĩ, phụng từ phạt tội. Nhĩ thượng (11) nhất nãi (12) tâm lực, kỳ (13) khắc hữu động (14). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Quần hậu: Chỉ các nước chư hầu.

(2) Tế tế: Nhiều dạng khác nhau.

(3) Xuân: Côn trùng cửa quạ, dẫn thân đi lung tung, động loạn.

(4) Hữu Miêu: Chỉ vua nước Miêu.

- (5) Mạn: Nhàm chán, khinh miệt.
- (6) Tự hiển: Tự cho mình là người hiền
- (7) Quân tử tại dã: Chỉ người tài đức khôn khéo đều tản lạc trong dân gian.
- (8) Cữu: Tai họa, chuyện bất hạnh.
- (9) Tứ: Vì vậy, như cố.
- (10) Nhĩ: Các ngài, các ông.
- (11) Thượng: Thảng hoặc, còn như.
- (12) Nãi: Ông, của ông.
- (13) Kỳ: Còn cùng, cùng phải.
- (14) Động: Công lao, công lao động.

Diễn giải:

Sau đó, vua Vũ họp vua chư hầu các nơi, làm đại hội lễ ăn thề, ông phát biểu: “Này chư vị quan binh, các ông hãy lắng nghe hiệu lệnh của trẫm. Bọn rợ Tam Miêu nổi lên làm loạn, u mê hồ đồ, bất cung bất kính, tự tôn tự đại, coi thường thiên tử, vi phạm chính đạo, bại hoại đạo đức khiến cho các bậc tài đức xiêu lạc trong dân gian, còn bọn truy danh trục lợi thì được trọng dụng. Khiến cho bách tính quay lưng lại với quốc gia, không bảo vệ đất nước, nên trời nhiều lần giáng tội lên đất nước này. Vì thế, nay ta phụng mệnh lệnh của vua Đế Thuấn, ban lệnh cho các chư vị, tiến hành thảo phạt. Mong chư vị đồng tâm hiệp lực, nhất định lần này qua cuộc chiến mà lập công lao.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

二七一

王問太公曰：“立將之道奈何？”太公曰：“凡國有難君避正殿，召將而詔之曰：“社稷安危一在將君”。將君受命，乃齋於太廟，

擇日授斧鉞. 君入廟, 西面而立. 將軍入, 北面立. 君親操鉞, 持其首, 授其柄, 曰: “從此以往, 上至於天, 將軍制之”. 乃復操斧, 持柄, 授將其刃, 曰: “從此以下至於泉, 將軍制之”. 既受命, 曰: “臣聞治國不可從外治, 軍不可從中御, 二心不可以事君, 疑志不可以應敵. 臣既受命專斧鉞之威, 不敢還請願君亦垂一言之命於臣, 君不許臣, 臣不敢將”. 君許之, 乃辭而行. 軍中之事, 不可聞君命, 皆由將出; 臨敵決戰, 無有二心. 若此, 無天於上, 無地於下, 無敵於前, 無主於後. 是故智者為一慮勇者為之鬥氣厲青雲, 疾若馳驚, 兵不接刃, 而敵降服”. (卷三十一, 六韜, 龍韜) 鉞

Phiên âm:

271

Vũ Vương (1) vấn Thái Công (2) viết: “Lập tướng (3) chi đạo nại hà?”. Thái Công viết: “Phàm quốc hữu nạn. Quân tỵ chính điện (4) triệu tướng nhi chiếu chi viết: “Xã tắc an nguy, nhất tại tướng quân”. Tướng quân thụ mệnh, nãi trai ư thái miếu (5), trạch nhật thụ phủ việt (6). Quân nhập miếu, tây diện nhi lập. Tướng quân nhập, bắc diện lập. Quân thân thao việt, trì kỳ thủ, thụ kỳ binh. Viết: “Tùng thủ dĩ vãng, thượng chí ư thiên, tướng quân chế (7) chi”. Nãi phục thao phủ, trì binh, thụ tướng kỳ nhận (8), viết: “Tùng thủ dĩ hạ chí ư tuyên, tướng quân chế chi”. Ký thụ mệnh, viết: “Thần văn trị quốc bất khả tùng ngoại trị, quân bất khả tủng trung ngự (9), nhị tâm (10) bất khả dĩ sự quân, nghi chí (11) bất khả dĩ ứng địch, thần ký thụ mệnh chuyên phủ việt chi uy (12), bất cảm hoàn thỉnh (13), nguyện quân diệt thù nhất ngôn chi mệnh (14) ư thần. Quân bất hứa thần, thần bất cảm tướng (15)”. Quân hứa chi (16), nãi từ nhi hành. Quân trung chi sự, bất khả văn quân mệnh, giai do tướng xuất, lâm địch quyết chiến, vô hữu nhị tâm. Nhược thủ, vô thiên ư thượng, vô địa ư hạ, vô địch ư tiên, vô chủ ư hậu. Thị cố trí giả vi chi lự, dũng giả vi chi đấu, khí lệ thanh vân (17), tật nhược trì vụ (18), binh bất tiếp nhãn (19), nhi địch giáng phục”. (Quyển 31 - Lục thao - Long thao).

Chú thích:

- (1) Vũ Vương: Tức vua Chu Vũ Vương.
- (2) Thái Công: Tức Khương Thái Công Lã Vọng.
- (3) Lập tướng: Cử làm tướng soái chỉ huy toàn quân.
- (4) Chính điện: Nơi họp vua quan trong cung vua.
- (5) Trai ư thái miếu: Trai nghĩa là thanh tâm quả dục, tịnh thân khiết thực tỏ vẻ tôn kính trước và trong khi làm lễ tế. Thái miếu là nhà thờ tổ của vua.
- (6) Thụ phủ việt: Vua trao cờ mao búa việt [vật tượng trưng cho quyền chính phạt] cho chủ tướng tại lễ xuất quân, phổ biến vào thời nhà Ân, nhà Chu.
- (7) Chế: Quản chế, khống chế.
- (8) Thụ tướng kỳ nhận: Trao cho chủ tướng mũi búa [tượng trưng cho chiến đấu].
- (9) Bất khả tùng trung ngự: Nhà vua không nên trực tiếp can dự đến việc quân. Trung chỉ cung cấm, cũng chỉ triều đình.
- (10) Nhị tâm: Chỉ tướng cầm quân có ý phản.
- (11) Nghi chí: Ý chỉ nhà vua cử tướng đánh giặc mà trong bụng không tin tưởng.
- (12) Chuyên phủ việt chi uy: Khi vua trao phủ việt cho tướng thì tướng có toàn quyền hành động.
- (13) Hoàn thỉnh: Sinh hoàn.
- (14) Thùy nhất ngôn chi mệnh: Ý nói tướng chỉ huy yêu cầu vua không can thiệp vào việc quân. Thùy nghĩa là cấp cho.
- (15) Tướng: Tổng chỉ huy quân đội.
- (16) Quân hứa chi: Nhà vua trả lời là không can thiệp vào việc quân.
- (17) Thanh vân: Mây trắng trời xanh.
- (18) Trì vụ: Chạy nhanh, lồng lên.
- (19) Tiếp nhần: Ý nói giao chiến.

Diễn giải:

Vua Chu Vũ Vương hỏi Khương Thái công: “Tín nhiệm giao quyền cho tướng chỉ huy thì như thế nào?” Khương Thái Công đáp: “Khi quốc gia có nguy cơ bị xâm chiếm, thì vua triệu tập hội nghị tại chính điện, rồi họp riêng các tướng nói: “Quốc gia an nguy, hoàn toàn trông cậy các tướng quân”. Sau khi chủ tướng nhận mệnh lệnh, nhà vua trai giới và làm lễ cúng tế tổ tiên tại nhà thái miếu, chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ trao búa việt cho viên chủ tướng. Đúng ngày tốt, vua vào nhà thái miếu, đứng hướng về hướng tây, viên tướng soái bước vào, đứng nhìn về hướng bắc, nhà vua đích thân cầm lưỡi của búa việt trao cán cho viên chủ tướng, tuyên cáo rằng: “Từ nay về sau, mọi việc quân đội đều do tướng quân xử trí”. Sau đó nhà vua lại cầm cán búa việt trao cho chủ tướng, tuyên cáo: “Từ nay về sau, toàn bộ mọi chuyện về quân đội đều do tướng quân quyết định”. Sau khi nhận nhiệm vụ, viên chủ tướng nói: “Thần nghe rằng việc cai trị quốc gia, không để người ngoài xen vô, hiệu lệnh cho quân đội không để triều đình khống chế quyền chỉ huy, bầy tôi ăn ở hai lòng thì không thể trung thành với vua mình, người làm tướng nhận mệnh của vua mình, mà còn bị vua nghi ngờ thì phân vân không thể chuyên tâm đối phó quân địch. Thần nay đã phụng mệnh chấp chương đại quyền chinh phạt nếu không thắng lợi thì không dám trở về. Mong Bệ hạ giao giao cho thần toàn quyền, khiến cho thần quyết đoán làm việc, nếu bệ hạ không hứa thì thần không dám nhận trọng trách này”. Sau khi nhà vua đáp ứng, chủ tướng từ biệt dẫn quân tiến phát. Từ đó, tất cả việc quân, chẳng phải chờ lệnh vua nữa, mà tam quân chỉ theo lệnh của chủ tướng, quyết chiến với quân địch, một lòng một ý, chẳng còn phân vân suy nghĩ gì nữa. Như thế, chủ tướng trên thì không bị thiên thời tiết chế, dưới thì không bị địa hình cản trở, trước mặt không có quân địch nào dám kháng cự, sau lưng không bị nhà vua trói buộc. Như vậy thì các mưu sĩ mưu trí đều tự nguyện để ra kế sách, các tay vũ dũng, đều ra sức chiến đấu, sĩ khí lên cao, người nào thông suốt việc mình, hành động tấn tới như

ngựa tốt phi nhanh, quân lính chưa xáp đánh mà quân địch đã xếp vó quy hàng.

(Theo sách **Lục thao - Long thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

二七二

將身不服禮，無以知士卒之寒暑。出隘塞，犯泥塗，將必下步，名曰力將，將身不服力，無以知士卒之勞苦。士卒軍皆定次將乃就舍；炊者皆熟，將乃敢食，軍不舉火，將亦不火食，名曰止欲，無以知士卒之飢飽。故將與士卒共寒暑，共飢飽動苦。三軍之眾，聞鼓音而喜，聞金聲而怒矣；高城深池，矢石繫下，士爭先登；白刃始合，士爭先赴。非好死而樂傷，為其將念其寒苦之極，知其飢飽之審，而見其勞苦之明也。（卷三十一，六韜，龍韜）

Phiên âm:

272

Tương (1) thân bất phục lễ (2), vô dĩ tri sĩ tốt chi hàn thử (3). Xuất ải tái (4), phạm nê đồ (5), tướng tất hạ bộ, danh viết lục tướng (6). Tướng thân bất phục lực, vô dĩ tri sĩ tốt lao khổ, sĩ tốt quân giai định thứ (7), tướng nãi tựu xả (8): Xuy (9) giả giai thực, tướng nãi cảm thực; Quân bắt cử hỏa (10), tướng diệc bất hỏa thực (11), Danh viết chỉ dục (12). Tướng bất thân phục chỉ dục, vô dĩ tri sĩ tốt cơ bảo. Cổ thượng tướng dữ sĩ tốt cộng hàn thử, cộng cơ bảo động khổ, Cổ tam quân (13) chi chúng, văn cổ âm (14) nhi hỉ, văn kim thanh (15) nhi nộ (16) hỹ; Cao thành thâm trì (17), thỉ thạch phồn hạ, (18), sĩ tốt tiên đăng; bạch nhận thủy hợp (19), sĩ tranh tiên phó, phi hiếu tử nhi lạc thương, vi kỳ tướng niệm kỳ hàn khổ chi cực, tri kỳ cơ bảo chi thẩm (20), nhi kiến kỳ lao khổ chi minh dã. (**Quyển 31 - Lục thao - Long thao**)

Chú thích:

- (1) Tướng: Tướng sư, quan tổng chỉ huy quân đội.
- (2) Phục lễ: Tuân hành lễ pháp.
- (3) Hàn thử: Chỉ tình trạng sĩ tốt phải xông pha mưa gió, nóng lạnh.
- (4) Xuất ải tái: Tiến vào nơi chật hẹp nguy hiểm nơi quan tái.
- (5) Phạm nề đồ: Nơi đường sá kỳ khu, gò nổi, nơi lầy lội. Phạm nghĩa là đi lạc vào.
- (6) Lực tướng: Chủ tướng có sức mạnh.
- (7) Thứ: Chỉ việc quân đội trú lại nghỉ ngơi.
- (8) Xá: Doanh trướng, lều nghỉ của tướng soái.
- (9) Xuy: Nấu bữa ăn, chỉ làm bữa ăn cho tướng soái.
- (10) Cử hỏa: Nổi lửa nấu cơm canh.
- (11) Hỏa thực: Nấu ăn.
- (12) Chỉ dục: Chỉ khả năng kiểm chế dục vọng của tướng soái.
- (13) Tam quân: Là tả quân, trung quân và hữu quân theo cách biên chế quân 6 đội thời xưa. Về sau, thường gọi quân đội là tam quân.
- (14) Cổ âm: Là tiếng trống thúc giục tiến đánh nơi trận địa.
- (15) Kim thanh: Tiếng chiêng, phèng la, tiếng thu quân.
- (16) Nộ: Tức giận, buồn giận.
- (17) Cao thành thâm trì: Tường thành cao, hào thành sâu, chủ sự phòng thủ kiên cố.
- (18) Thi thạch phồn hạ: Tên đá bắn xuống, chỉ vũ khí giữ thành ngày xưa.
- (19) Bạch nhãn thủy hợp: Mũi đao sắc bén giao phong nơi trận địa.
- (20) Thẩm: Cẩn thận tinh tế.

Diễn giải:

Chủ tướng mà không dẫn thân làm điển hình, thì không hiểu được sĩ tốt phải chịu lạnh, chịu nóng như thế nào. Trên đường tiến

quân, qua những nơi nhỏ hẹp, nguy hiểm ngoài quan tái, những nơi lấy lợi hiểm trở thì tướng soái nên xuống ngựa, xuống xe đi bộ với sĩ tốt thì mới được gọi là lực tướng, tướng mà không lao động cơ thể, thì không hiểu nổi lao khổ của sĩ tốt dưới quyền. Chỗ trú quân nghỉ ngơi, sau khi sĩ binh đã an ổn trong lều trại, thì chủ tướng mới vào lều soái dành cho mình, chờ cho toàn bộ cấp dưới ăn uống xong, thì chủ tướng mới dùng bữa. Nếu phải giữ bí mật sĩ tốt không được nổi lửa nấu nướng, thì chủ tướng cũng phải chấp hành. Đó gọi là chủ tướng cắt bỏ ham muốn riêng. Nếu chủ tướng không khắc phục tư dục, thì không thể hiểu được sĩ tốt mình khi phải nhịn đói. Vì thế, chủ tướng nên cùng sĩ tốt dưới quyền chịu rét, chịu nóng, cùng chịu đói, cùng chung gian khổ. Cho nên mới có chuyện toàn quan quân binh khi nghe tiếng trống thúc dục tiến quân thì vui mừng, khi nghe tiếng chiêng thu quân thì bực bội; khi công phá thành cao hào sâu, trước mũi hàng loạt tên bắn, gạch đá trút xuống, mà tranh nhau tiến trước, không để tụt hậu, phấn dũng đánh thành; Hết lớp này đến lớp khác sĩ tốt đều anh dũng tiến tới, không phải là họ mong được chết, muốn bị thương tật, mà là vì chủ tướng của họ cùng chịu nóng lạnh đói khát với họ. Đó là nguyên có thực tế của việc cùng chịu lao khổ với tam quân của chủ tướng vậy!

(Theo sách **Lục thao - Long thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

二七三

(武王懼, 曰): “以諸侯擊天子, 以細擊大, 以少擊多, 以弱擊強, 以危擊安, 以此五短, 擊此五長, 其可以濟功成事乎? 太公曰: “審天子不可擊, 審大不可擊, 審眾不可擊, 審強不可擊, 審安不可擊”. 王大恐以懼. 太公曰: “王無恐且懼. 所謂大者, 盡得天下之民; 所謂眾者, 盡得天下之眾; 所謂強者, 盡用天下之力; 所謂安者, 能得天下之所欲; 所謂天子者, 天下相愛如父子. 此之謂天子”. (卷三十一, 六韜, 犬韜)

Phiên âm:

273

(Vũ Vương cụ, viết): “Dĩ chư hầu kích thiên tử (1), dĩ tế (2) kích đại, dĩ thiếu kích đa, dĩ nhược kích cường, dĩ nguy kích an, dĩ thủ ngũ đoản, kích thủ ngũ trường, kỳ khả dĩ tế công (3) thành sự (4) hồ?” Thái Công viết: “Thẩm (5) thiên tử bất khả kích, thẩm đại bất khả kích, thẩm chúng bất khả kích, thẩm chúng bất khả kích, thẩm cường bất khả kích, thẩm an bất khả kích”. Vương đại khủng dĩ cụ, Thái Công viết: “Vương vô khủng thả cụ, sở vị đại giả, tận (6) đắc thiên hạ (7) chi dân; Sở vị chúng giả, tận đắc thiên hạ chi chúng; Sở vị cường giả, tận dụng thiên hạ chi lực; Sở vị an giả, năng đắc thiên hạ chi sở dục; Sở vị thiên tử giả, thiên hạ tương ái như phụ tử, thù chi vị thiên tử”. (**Quyển 31 - Lục thao - Khuyển thao**).

Chú thích:

- (1) Dĩ chư hầu kích thiên tử: Chỉ việc vua Chu Vũ Vương hội chư hầu chinh phạt vua Trụ nhà Thương Ân.
- (2) Tế: Nhỏ, tinh, tinh tế.
- (3) Tế công: Công nghiệp được thành tựu.
- (4) Thành sự: Thành công, hoàn thành sự nghiệp.
- (5) Bá: Quả thực, xác thực.
- (6) Tận: Toàn bộ.
- (7) Thiên hạ: Chỉ toàn nước Trung Hoa thời cổ.

Diễn giải:

(Vua Chu Vũ Vương thấy sợ, nói): “Ngày nay, chúng ta chinh phạt Thương Trụ, lấy thân phận chư hầu đánh thiên tử, dùng nước nhỏ đánh với nước lớn, dùng số ít chống số đông, dùng nước yếu đánh nước mạnh, dùng hình thế bất lợi đánh hình thế có lợi, dùng 5 cái sở đoản đánh 5 cái sở trường, thì sao thành công cho được?”

Khương Thái Công nói: “Quả thực không có thể đánh thiên tử, quả là không thể đánh chiếm một lãnh thổ rộng lớn, quả là số người ít không thể đánh thắng số người đông, quả là nước yếu không thể đánh thắng nước mạnh, quả là không thể đánh người ta khi tình thế người ta ổn định”. Vua Chu Vũ Vương nghe thế lại càng thêm sợ. Khương Thái Công nói tiếp: “Xin chúa công đừng ngại, cái gọi là to lớn, là nói nói được cả toàn dân trong thiên hạ ủng hộ, cái gọi là dân chúng, là nói bách tính toàn thiên hạ chung lo, cái gọi là sức mạnh là nói người toàn thiên hạ đều ra sức, cái gọi là an ổn là nói đến nguyện vọng thuận tòng của toàn thiên hạ, cái gọi là thiên tử là chỉ người trong toàn thiên hạ tương thân, tương ái như cha và con trong nhà. Đó mới gọi là thiên tử”.

(Theo sách Lục thao - Khuyển thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

二七四

古者以仁為本，以義治之，治之謂正，是故殺人安人，殺之可也。攻其國，愛其民，攻之可也。以戰去戰，雖戰可也。故仁見親，義見悅，智見恃，勇見方，信見信故內得愛焉，所以守也；外得威焉，所以戰也。（卷三十三，司馬法）

Phiên âm:

274

Cổ giả (1) dĩ nhân (2) vi bản, dĩ nghĩa (3) trị chi, trị chi vị chính (4). Thị cố sát nhân an (5) nhân, sát chi khả dã. Công (6) kỳ quốc, ái kỳ dân, công chi khả dã. Dĩ chiến khứ chiến (7), tuy chiến khả dã. Cố (8) nhân kiến thân (9), nghĩ kiến duyệt (10), trí kiến thị (11), dũng kiến phương (12), tín kiến tín (13). Cổ nội (14) đắc ái yên, sở dĩ thủ (15) dã, ngoại đắc uy (16) yên, sở dĩ chiến (17) dã. (Quyển 33 - Tư mã pháp).

Chú thích:

- (1) Cổ giả: Người xưa, cổ nhân.
- (2) Nhân: Đức hạnh khoan dung lương thiện.
- (3) Nghĩa: Sự tình phù hợp với lễ nghi.
- (4) Chính: Phù hợp pháp độ.
- (5) An: Làm cho ổn định.
- (6) Công: Công kích.
- (7) Dĩ chiến khú chiến: Dùng chiến tranh để chấm dứt chiến tranh.
- (8) Cố: Có các nguyên nhân ở trước nên có kết quả về sau.
- (9) Nhân kiến thân: Cái tâm bác ái được đối phương tiếp nhận, nên đối phương biểu hiện có lòng muốn thân cận.
- (10) Nghĩa kiến duyệt: Hành sự thuận lý, thì được quần chúng tâm phục ủng hộ.
- (11) Trí kiến thị: Túc trí đa mưu khiến người gần, kẻ xa đều tin tưởng quy phụ theo về.
- (12) Dũng kiến phương: Dũng cảm hành động khiến người gần, kẻ xa đều quy phụ theo về ra sức phò tá.
- (13) Tín kiến tín: Thành thực khiến người gần kẻ xa đều tín nhiệm.
- (14) Nội: Chỉ toàn thể người trong nước.
- (15) Thủ: Tự bảo hộ.
- (16) Uy: Có lực lượng nhiếp phục người khác, chỉ người ngoài sinh tâm mến phục.
- (17) Chiến: Chỉ chiến thắng quân địch.

Diễn giải:

Cổ nhân lấy chữ nhân ái làm căn bản, phối hợp với đạo nghĩa trong việc cai trị đất nước. Đó là phương pháp cai trị chính đáng “Trị dân dùng binh, binh loạn phải giữ dân, nhất định phù hợp đạo nghĩa”. Vì thế, giết đi một số người để đa số nhân dân được yên ổn, thì giết người đâu phải là ác mà nên làm (giết người nhằm để phòng nhiều

người hơn thoát chết); Tiến công một nước khác, vì thương dân chúng thì đánh phá là chuyện nên làm (vì dân trừ hại, trừ khử vua ác). Mục đích của chiến tranh là ngăn cản nhiều cuộc chiến tranh hơn, thì càng phải nên tiến hành chiến tranh. Vì thế nhà vua thi hành nhân đạo thì dân mới gắn gũi, nhà vua kiên trì đạo nghĩa thì được nhân dân mến phục, nhà vua có trí tuệ thì dân chúng mới dựa vào vua, nhà vua dũng cảm thì dân chúng mới tin tưởng ra sức phò tá, nhà vua giữ thành tín với dân, có đủ 5 đức tính: Nhân, nghĩa, trí, dũng, tín thì ắt nhân dân tin tưởng, thân cận, nương dựa vui lòng ra sức hành động thành tựu. Nhờ đó mà toàn thể nhân dân trong nước mến mộ, có khả năng ổn định phòng thủ quốc gia, có uy danh và thu phục được lòng người nước ngoài, thì đánh đâu thắng đó vậy.

(Theo sách Tư mã pháp - Quyển 33)

Nguyên văn:

二七五

孫子曰：“凡用兵之法，全國為上，破國次之；全軍為上，破軍次之；全卒為上，破卒次之”。（卷三十三，孫子兵法）

Phiên âm:

275

Tôn Tử (1) viết: “Phàm dụng binh (2) chi pháp, toàn quốc (3) vi thượng, phá quốc (4) thứ chi; Toàn quân (5) vi thượng, phá quân (6) thứ chi, toàn tốt (7) vi thượng, phá tốt (8) thứ chi”. (**Quyển 33 - Tôn Tử binh pháp**).

Chú thích:

(1) Tôn Tử: Tức Tôn Vũ, tự là Trường Khanh, người nước Tề, nhà binh pháp thời Xuân Thu, được vua nước Ngô là Hạp Lư dùng làm tướng đánh nước Sở, uy bức nước Tề, nước Tấn làm bá chủ chư hầu. Ông viết sách *Tôn Tử* 13 thiên.

- (2) Dụng binh: Điều động sử dụng nhân mã tác chiến.
- (3) Toàn quốc: Bảo vệ tốt quốc gia, hoàn toàn không để bị phá hoại. Thời cổ nước chư hầu gọi là “quốc”.
- (4) Phá quốc: Đánh phá địch quốc, tiêu diệt địch quốc.
- (5) Toàn quân: Quân đội được bảo toàn, không để mất một tên lính tại chiến trường. Dùng mưu kế khiến toàn bộ quân địch đầu hàng. Biên chế nhà Chu, cứ 1 vạn 2 thiên năm trăm lính gọi là quân.
- (6) Phá quân: Đánh bại quân địch hai bên đều bị tổn thương.
- (7) Toàn tốt: Sĩ tốt được bảo toàn. Biên chế quân đội thời nhà Chu, 100 lính gọi là tốt.
- (8) Phá tốt: Đánh phá quân địch.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: “Đại phạm dùng quân đánh trận, có nguyên tắc chỉ đạo là: Thượng sách là buộc toàn bộ quân địch đầu hàng quân ta; Còn phải đánh nhau thì tối thượng là, tiến quân vào nước địch, chiếm kinh đô nước địch, cắt đứt mọi cánh viện binh. Thứ nhì, khi phải dùng quân mình đánh phá quân địch khiến cho toàn nước địch phải chịu quy hàng. Thượng sách là có thể khiến quân địch hàng phục quân mình. Còn phải đánh nhau thì làm cho quân địch đội ngũ chỉnh tề, chịu đầu hàng là thượng sách, chuyện phải đụng độ khi không thể hoàn thành hai chuyện trên.

(Theo sách Tôn Tử binh pháp - Quyển 33)

Nguyên văn:

二七六

夫慈，以戰則勝，以守則固。用兵有言：“吾不敢為主而為客；不敢進寸而退尺”。禍莫大於輕敵，輕敵幾喪吾寶。故抗兵相加，哀者勝矣。（卷三十三，老子德經）

Phiên âm:

276

Phù từ (1), dĩ chiến (2) tắc thắng, dĩ thủ tắc cố, dụng binh (3) tắc ngôn: “Ngô bất cảm vi chúa (4), nhi vi khách (5); Bất cảm tiến thốn (6), nhi thoái xích (7). Họa (8) mạc đại ư khinh địch, khinh địch cơ (9) táng ngô bảo. Cố kháng (10) binh tương gia (11), ai giả thắng (12) hỹ. (Quyển 33 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh).

Chú thích:

- (1) Từ: Nhân từ, từ ái.
- (2) Dĩ chiến: Dùng trong chiến tranh, trong chiến đấu. Dĩ ở đây nghĩa là dùng.
- (3) Dụng binh: Điều động nhân mã tác chiến, chỉ binh pháp của nhà binh.
- (4) Chủ: Chủ yếu.
- (5) Khách: Thứ yếu
- (6) Tiến thốn: Tiến một tấc, ý nói tiến thì ngắn.
- (7) Thoái xích: Lùi một thước, ý nói lùi thì dài.
- (8) Họa: Tai họa, tai nạn.
- (9) Cơ: Tương cận, gần, chỉ tư tưởng. Bảo nghĩa là người lính.
- (10) Kháng: Chống đối.
- (11) Tương gia: Chỉ hai đoàn quân đánh nhau.
- (12) Ai giả thắng: Chỉ lòng nhân từ mà buồn thương, tất có khả năng thắng địch.

Diễn giải:

“Nhân từ” là pháp bảo, dùng trong chiến tranh có khả năng chiến thắng; Dùng trong phòng thủ, giữ chắc “Nhân từ”, thì bách tính theo về giữ thành, nên giành được chiến thắng trước quân địch, biên giới lãnh thổ được bảo vệ kiên cố khỏi bị xâm hại. Người

chỉ huy quân đội cho biết: “Tôi thường không dám chủ động tiến công trước, mà phải thủ thế làm khách, ta không dám tiến tới một tấc mà nên lùi một thước. Không tai họa nào lớn bằng sai lầm coi thường quân địch. Coi thường quân địch thì tan rã táng thân không còn xa. Vì thế hai bên đem quân đánh nhau, khi binh lực tương đương, bên nào nhân từ biết thương xót thì tất có khả năng chiến thắng”.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 33)

Nguyên văn:

二七七

地廣民眾，不足以為疆也，甲堅兵利，不足以為恃勝也。高城深池，不足以為固也；嚴刑殺，不足以為威也。為存政者，無小必存，為亡政者，無大必亡。故善守者無與御，善戰者無與鬥，乘時世，因民欲，而取天下也。（卷三十三，文子下德）

Phiên âm:

277

Địa quảng dân chúng, bất túc dĩ vi cương (1) dã; Giáp kiên binh lợi (2), bất túc dĩ thị (3) thắng dã; Cao thành thâm trì, bất túc dĩ vi cố dã; Nghiêm hình lợi sát (4), bất túc dĩ vi uy (5) dã. Vi tồn chính (6) giả, vô tiểu (7) tất tồn; Vi vong chính (8) giả, vô đại (9) tất vong. Cố thiện thủ giả vô dĩ ngự (10), thiện chiến giả vô dĩ đấu, thừa (11) thời thế (12), nhân (13) dân dục (14), nhi thủ thiên hạ dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Hạ đức).

Chú thích:

(1) Cương: Cường thịnh.

(2) Giáp kiên binh lợi: Áo giáp bền chắc, vũ khí sắc bén.

- (3) Thị: Dựa vào.
- (4) Lợi sát: Chỉ việc lạm sát, giết hại bừa bãi.
- (5) Uy: Biểu thị oai làm cho mọi người sợ.
- (6) Tổn chính: Làm cho quốc gia được ổn định, bảo toàn chính trị.
- (7) Vô tiểu: Vô luận lớn nhỏ, nhiều ít.
- (8) Vong chính: Loạn chính.
- (9) Vô đại: Vô luận có nhiều, to lớn.
- (10) Ngự: Phòng bị, ngăn trở.
- (11) Thừa: Ứng theo.
- (12) Thời thế: Trạng huống chính trị đương thời.
- (13) Nhân: Căn cứ.
- (14) Dân dục: Mong muốn của nhân dân, dân tâm.

Diễn giải:

Đất rộng, dân đông, chưa được kể là cường quốc. Quân đội được trang bị áo giáp bền chắc, binh khí lợi hại sắc bén chiến đấu chưa chắc thắng địch. Tường thành cao, hào nước sâu rộng, chưa chắc không thể bị hạ; Dùng hình phạt khắc nghiệt giết hại bừa bãi, chưa chắc đã tạo được uy quyền. Thi hành chính sách bảo toàn được đất nước, thì quốc gia vô luận lớn hay nhỏ cũng sẽ được tồn tại lâu dài. Có thi hành chính sách vong quốc, thì dù quốc gia ấy lớn đến đâu cũng sẽ bị diệt vong. Thế cho nên, không cần việc tập luyện cho mọi người trong thiên hạ, giỏi tham gia phòng ngự, giỏi đánh đấm trong chiến đấu, mà chỉ nên làm cho trạng huống nền chính trị được thời hợp với lòng dân, thì giữ được thiên hạ bền vững nhất.

(Theo sách Văn Tử - Hạ đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

二七八

凡兵所起者五：“一曰爭名，二曰爭利，三曰積惡，四曰內亂五曰困飢。其名又五：一曰義兵，二曰強兵，三曰剛兵，四曰暴兵，五曰逆兵；禁暴救亂，曰義；恃眾以伐曰強；因怒興師曰剛；棄禮貪利曰暴；國犯民疲，舉事動眾曰逆。五者之數，各有其道。義必以禮服；強必以謙服；剛必以辭服；暴必以詐服；逆必以權服；此其勢也。（卷三十六，吳子，圖國）

Phiên âm:

278

Phàm binh sở khởi giả (1) ngũ: Nhất viết tranh danh, nhị viết tranh lợi, tam viết tích ác (2), tứ viết nội loạn (3), ngũ viết khốn cơ (4). Kỳ danh hựu ngũ: Nhất viết nghĩa binh, nhị viết cường binh, tam viết cương binh, tứ viết bạo binh, ngũ viết nghịch binh. Cấm bạo cứu loạn (5) viết nghĩa; Thụ chúng dĩ phạt (6) viết cường; Nhân nộ nhi hưng sư (7) viết cương; Khí lễ tham lợi viết bạo; Quốc nguy dân bì, cử sự (8) động chúng viết nghịch. Ngũ giả chi số (9), các hữu kỳ đạo (10). Nghĩa, tất dĩ lễ (11) phục; Cường, tất dĩ khiêm (12) phục, cương, tất dĩ từ (13) phục; Bạo, tất dĩ trá (14) phục; Nghịch, tất dĩ quyền phục (15). Thử kỳ thể (16) dã. (Ngô Tử - Quyển 36 - Đồ quốc).

Chú thích:

- (1) Binh sở khởi giả: Phát động chiến tranh.
- (2) Tích ác: Làm nhiều chuyện bất thiện.
- (3) Nội loạn: Cục diện bất an trong nước.
- (4) Khốn cơ: Đời sống nhân dân khó khăn thống khổ, bị đói lạnh.
- (5) Cấm bạo cứu loạn: Cấm chỉ hạn chế hành động bạo lực, phạm pháp.
- (6) Phạt: Chinh phạt.
- (7) Hưng sư: Xuất quân đi chinh phạt.

- (8) Cử sự: Khởi sự, đưa quân đi đánh.
- (9) Số: Theo đó.
- (10) Đạo: Phương pháp.
- (11) Lễ: Quy phạm hành vi con người.
- (12) Khiêm: Kính nhường, khiêm tốn.
- (13) Từ: Ngôn ngữ ứng đối.
- (14) Trá: Chỉ mưu lược, thuật lừa dối.
- (15) Nghịch, tất dĩ quyền phục: Làm chuyện trái với thiên lý. Thì dùng quyền phép để chế phục.
- (16) Thế: Tình hình, trạng huống.

Diễn giải:

Thông thường chiến tranh xảy ra, do 5 loại nguyên nhân như sau: Một là tranh nhau về danh dự; Hai là tranh nhau về quyền lợi; Ba là do thù nhau lâu ngày tích tụ đến lúc bùng phát; Bốn là nội bộ bất đồng đến nỗi đánh nhau; Năm là nghèo đói khổ quá phải nổi loạn. Danh nghĩa động binh cũng có 5 loại: Một là vì quân chính nghĩa, Hai vì tự cho quân mình mạnh hơn; Ba là vì giận dữ; Bốn là vì quân hung bạo; Năm là quân ngược ngạo trái với đạo trời. Ngăn cản những hành động sử dụng bạo lực hoặc ngăn cản phạm pháp gọi là “Nghĩa”; Dựa vào quân nhiều tướng lĩnh đi chinh phạt nước khác gọi là “Cường”; Bởi vì phần nộ mà động quân gọi là “Cương”; Đạp lên lễ nghĩa vì tham lợi gọi là “Bạo”; Không quan tâm đến mối nguy của nước, cũng như lao khổ của nhân dân mà bắt lính, gây chiến gọi là “Nghịch”. Dứt bỏ 5 loại chiến tranh ấy có các phương pháp khác nhau: Quân chính nghĩa dùng lễ đi chinh phục, dùng khiêm tốn để chinh phục thói ỷ mạnh; Dùng lời lẽ ôn hòa thuyết phục phần nộ; Dùng mưu trí chế phục hung bạo; Dùng phép quyền nghi chế ngự việc làm trái với đạo trời. Đó là các đối sách trước những tình hình khác nhau.

(Theo sách Ngô Tử - ĐỒ QUỐC - Quyển 36)

Nguyên văn:

二七九

武侯問曰：“兵以何為勝？”吳子曰：“兵以治為勝”。又問：“不在眾乎？”對曰：“若法令不明，賞罰不信，金之不止，鼓之不進，雖有百萬之師，何益於用？所謂治者，居則有禮，動則有威；進不可當，退不可追；前欲如節，左右應麾，投之所往，天下莫當，名曰“父子之兵”。（卷三十六，吳子，治兵）

Phiên âm:

279

Vũ hầu (1) vấn viết: “ Binh dĩ hà vi thắng (2)? ” Ngô Tử (3) viết: “ Binh dĩ trị (4) vi thắng ”. Hựu vấn: “ Bất tại chúng (5) hồ? ” Đối viết: “ Nhược pháp lệnh bất minh, thưởng phạt bất tín, kim (6) chi bất chỉ, cổ (7) chi bất tiến, tuy hữu bách vạn chi sư (8), hà ích ư dụng? Sở vị trị giả, cư tắc hữu lễ (9), động tắc hữu uy (10); Tiến bất khả đương (11), thoái bất khả truy (12); Tiên khước nhi tiết (13), tả hữu ứng huy (14), đầu (15) chi sở vãng thiên hạ (16) mạc đương (17), danh viết “ Phụ tử chi binh ” (18) dã. (Quyển 36 - Ngô Tử - Trị binh).

Chú thích:

(1) Vũ Hầu: Túc Ngụy Vũ Hầu, con vua Ngụy Văn Hầu trong thời ông trị vì, ông có công đưa nước Ngụy lên bá chủ.

(2) Binh dĩ hà vi thắng: Lấy gì thủ thắng trong chiến tranh. Binh chỉ quân sự.

(3) Ngô Tử: Túc danh tướng Ngô Khởi, một vĩ nhân thời Chiến Quốc, thông thạo binh gia, pháp gia, Nho gia. Từng phục vụ 3 nước Lỗ, Ngụy, Sở, ông đã lập công cực cao về trị nước, quân sự. Khi làm cho nước Lỗ, ông đánh lui quân xâm lược Tề. Khi làm cho Ngụy Văn Hầu, ông đem quân đánh nước Tần, hạ 5 thành, được phong làm Thái thú Tây Hà, sau bị vu hãm phải trốn sang nước Sở, làm tướng cho vua Sở Điệu vương, chủ trì việc cải cách, sử gọi là biến pháp Ngô Khởi, khiến nước Sở ngày một cường thịnh. Ông chủ trương bỏ các công hầu ở xa xôi để nuôi quân nên bị giới quý tộc

đại thần nước Sở thù ghét, sau bị bán chết, Ngô Khởi viết sách *Ngô Tử*, là một trong sách binh thư cổ đại. Sách gồm 6 thiên [chương]: Đồ quốc, Liệu địch, Trị binh, Luận tướng, Biến hóa, Lệ sĩ.

- (4) Trị: Quản trị, thống lý.
- (5) Chúng: Chỉ quân đông.
- (6) Kim: Chỉ khua chiêng. Bằng đồng, đánh chiêng là hiệu lệnh thu quân, lui quân.
- (7) Cổ: Trống. Tiếng trống là hiệu lệnh tiến tới.
- (8) Bách vạn chi sư: Quân đông trăm vạn.
- (9) Cư tắc hữu lễ: Thời bình, luyện tập sĩ tốt thuận thực.
- (10) Động tắc hữu uy: Hành động tốt nghiệp phục được mọi người tin theo.
- (11) Đương: Đương đầu, đánh giặc.
- (12) Truy: Truy kích, đuổi đánh giặc bỏ chạy.
- (13) Tiên khước như tiết: Tiến binh, lui binh đều chủ động.
- (14) Tả hữu ứng huy: Huy là cờ chỉ huy. Chỉ quân đội theo cờ chỉ huy mà làm theo.
- (15) Đầu: Đi tới.
- (16) Thiên hạ: Chỉ cả nước.
- (17) Mạc đương: Không ai chống nổi.
- (18) Phụ tử chi binh: Chỉ tình thương tướng với quân như tình cha con.

Diễn giải:

Vua Ngụy Vũ Hầu hỏi: “Trong chiến đấu, quân đội đánh thắng địch thì phải dựa vào cái gì?”. Ngô Khởi đáp: “Trị lý tốt quân đội thì đánh thắng địch”. Vũ Hầu lại hỏi: “Chứ không phải do quân nhiều quân ít à?”. Ngô Khởi nói: “Nếu quân lệnh không nghiêm minh, thưởng phạt không công bằng, đánh chiêng quân không lui, thúc trống quân không tiến thì quân nhiều đến trăm vạn thì có

dùng được không? Nói trị lý quân đội tốt, thì thời bình huấn luyện binh pháp cho thật thuần thực, tiến lui phải phép, trên dưới có lễ, khi có chuyện thì phần phát uy vũ, có khả năng nhiếp phục lực lượng quân địch, tiến đánh mạnh mẽ tinh nhuệ, không địch quân nào chống được, khi triệt thoái mà quân địch không dám đuổi theo. Tiến lui đều có phương phát tiết độ, toàn quân răm rắp làm theo hiệu lệnh chỉ huy. Vô luận tiến về hướng nào thì trên đời này ai mà có khả năng đương đầu? Quân đội ấy, tướng với quân thương nhau như cha với con, gọi là “Phụ tử chi binh”.

(Theo sách Ngô Tử - Trị binh - Quyển 36)

Nguyên văn:

伍：敬慎

一：微漸

二八〇

帝庸作歌，曰：“敕天之命，惟時惟幾”。乃歌曰：“股膊喜哉！元首豈哉！百工熙哉！”（卷二，尚書）。

Phiên âm:

CƯƠNG MỤC ĐỆ NGŨ: KÍNH THẬN

NHẤT: VI TIỆM

280

Để dung (1) tác ca, viết: “Sắc thiên chi mệnh (2) duy thời duy cơ (3), nãi ca viết: “Cổ bác (4) hỉ tai (5)! nguyên thủ (6) khởi tai (7) bách công (8) hi tai (9)!” (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

(1) Dung: Lúc ấy.

(2) Sắc thiên chi mệnh: Đúng, chính.

- (3) Duy thời duy cơ: Chỉ không cẩn thận bất cứ lúc nào việc gì. Cơ nghĩa là việc chưa lộ ra.
- (4) Cổ bác: Chỉ người phụ trợ chung quanh.
- (5) Hỉ tai: Vui sướng thay!
- (6) Nguyên đạo: Nhà vua.
- (7) Khởi tai: Phấn khởi thay!
- (8) Bách công: Việc của bách quan.
- (9) Hi tai: Hưng thịnh thay!

Diễn giải:

Đế Thuấn nói qua ca xướng: “Tôn phụng thiên mệnh, thi hành nền chính trị đạo đức, thuận với thiên thời, không nơi nào không lúc nào mà không cẩn thận”. Rồi lại xướng: Quân vương nên tuân theo thiên mệnh, ta nghiêm túc mà không trái thiên thời, quan đại thần nên giữ công bằng trong xử lý việc triều chính! Nhà vua cố gắng, bách quan cũng nên siêng năng chuyện cai trị, bao nhiêu công tác có thể đảm trách tốt!”

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

二八一

文王田乎渭之陽，見太公坐茅而釣。問之曰：“子樂得魚耶？”太公曰：“夫釣以求得也。其情，可以觀大矣！”文王曰：“願聞其情”。太公曰：“夫魚貪其餌，乃牽於緝；人食其祿，乃服於君。故以餌取魚，魚可殺；以祿取人，拔人可竭；以家取國，國可拔；以國取天下，天下可畢也”。卷三十一，六韜，序）。

Phiên âm:

281

Văn Vương điền (1) hồ Vị chi dương (2), kiến Thái Công toạ mâu nhi điếu. Văn chi viết: “Tử lạc đắc ngư da?” Thái công viết: “Phù điếu dĩ càu đắc dã. Kỳ tình thâm (3), khả dĩ quán đại hỹ!”. Văn Vương viết: “Nguyện văn kỳ tình”. Thái Công viết: “Phù ngư thực kỳ nhị, nãi khiên ư mân (4); Nhân tham kỳ lộc, nãi phục ư quân. Cố dĩ nhị thủ ngư, ngư khả sát; Dĩ lộc thủ nhân, hận khả kiệt (5); Dĩ gia (6) thủ quốc (7), quốc khả bại (8); Dĩ quốc thủ thiên hạ, thiên hạ khả tất (9) dã”. (**Quyển 31 - Lục thao - Tự**).

Chú thích:

- (1) Điền: Đi săn bắn.
- (2) Vị chi dương: Bờ bắc sông Vị thủy. Dương nghĩa là sườn núi phía nam hoặc bờ bắc sông.
- (3) Tình thâm: Đạo lý sâu xa, ảo huyền.
- (4) Khiên ư mân: Dây câu, dây xỏ mang cá. Mân nghĩa là dây câu.
- (5) Kiệt: Cùng tận.
- (6) Gia: Khu vực thống trị của quan đại phu. Túc thực ấp của các quan khanh đại phi.
- (7) Quốc: Chỉ nước của chư hầu được thụ phong.
- (8) Bại: Công thủ, chiếm lĩnh.
- (9) Tất: Chinh phục toàn bộ.

Diễn giải:

Vua Chu Văn Vương đi săn nơi rừng bên bờ bắc sông Vị thủy, gặp Khương Thái Công ngồi trong lều tranh câu cá, vua Văn Vương đến bên ra mắt Khương Thái Công nói: “Chà! Ngài thành thạo câu cá sung sướng thật!”, Khương Thái Công đáp: “Đi câu thì ai cũng muốn câu được nhiều cá, nhưng chuyện câu cá cũng có đạo lý rất là sâu xa thú vị”. Văn Vương nói: “Ta muốn được nghe cái đạo lý sâu xa thú vị ấy”, Khương Thái Công nói: “Cá ham mỗi thơm mà bị dính vào dây câu để bị người bắt, con người ham bổng

lộc của vua ban mà phục tùng nhà vua, nên người ta dùng mỗi thơm để bắt cá làm món ăn cho mình, còn tước lộc là cái lưới bao vây nhân tài, thì nhân tài tận lực phò vua mình. Lấy việc nhà làm cơ sở trong việc trị quốc, thì nước mới là sở hữu của mình. Lấy quốc làm cơ sở cho việc cai trị thiên hạ thì thiên hạ mới thành đối tượng chinh phục của mình. Bổng lộc hậu hĩnh, thưởng tốt, tước vị cao có thể khiến con người tận trí tận lực, tận trung có thể nhảy vào lửa, xuống nước liều mình vì vua mình.

(Theo sách **Lục thao - TỰ - Quyển 31**)

Nguyên văn:

二八二

其安易持, 其未兆易謀. 其脗易破, 其微易散, 為之於未有, 治於未亂. (卷三十四, 老子, 德經).

Phiên âm:

282

Kỳ an (1) dị trị, kỳ vị triệu (2) dị mưu (3) kỳ thúy (4) dị phá, kỳ vi dị tán. Vi (5) chi ư vị hữu (6), trị chi ư vị loạn. (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) An: Ổn định.
- (2) Triệu: Điềm.
- (3) Mưu: Âm mưu, mưu hoạch.
- (4) Thúy: Khinh bạc.
- (5) Vi: Xử lý.
- (6) Vị hữu: Chưa từng xuất hiện.

Diễn giải:

Khi xã hội trong thời kỳ ổn định được duy trì lâu dài; Một điểm nhỏ chưa xuất hiện, kế hoạch dễ dàng khởi động; Cái suy yếu thì dễ hóa giải; Cái nhỏ nhặt thì dễ bỏ đi. Vì thế cần phải hành động trước khi sự tình phát sinh, trị phòng trước khi động loạn đến.

(Theo sách Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

二八三

子墨子見染絲者而曰：“染於蒼則蒼，染於黃則黃。所入者變，其色亦變，故染可不慎耶？(卷三十四，墨子，所染)。

Phiên âm:

283

Tử Mặc Tử (1) nhiễm ư thương tắc thương, nhiễm ư hoàng tắc hoàng. Sở nhập giả biến, kỳ sắc diệc biến, cố nhiễm khả bất thận da?” (Quyển 34 - Mặc Tử - Sở nhiễm).

Chú thích:

(1) Tử Mặc Tử: Lời của thầy Mặc Tử, sách “Mặc Tử” xiển thuật trứ tác tử tưởng Mặc gia, có 71 thiên, hiện còn lại 53 thiên, do học trò của thầy Mặc và những người hậu học sau này ghi chép, chỉnh lý, biên soạn mà thành. Trong “tử Mặc Tử” chữ tử đầu chỉ các bậc thầy nói chung, chữ tử sau chỉ người có học, có đạo đức hoặc có địa vị xã hội.

Diễn giải:

Thầy Mặc Tử quan sát người thợ nhuộm nhuộm vải, rồi buột miệng than: “Tơ nhuộm bằng thuốc nhuộm màu xanh thì trở nên xanh, tơ nhuộm bằng thuốc nhuộm màu vàng thì trở nên vàng,

thuốc nhuộm khác nhau thì màu sợi vải cho màu khác nhau. Vì thế qua việc nhuộm tơ sợi thì mọi việc có lẽ nào không cẩn thận được sao?”

(Theo sách Mặc Tử - Sở nhiễm - Quyển 34)

Nguyên văn:

二八四

凡人皆以輕小害易為事以至於大患也。(卷三十五, 文子, 微明).

Phiên âm:

284

Phàm nhân giai dĩ khinh (1) tiểu hại, dị (2) vi sự, dĩ chí ư đại hoạn dã. (**Văn Tử - Quyển 35 - Vi minh**).

Chú thích:

(1) Khinh: Không rớ tay.

(2) Dị: Coi thường.

Diễn giải:

Con người ta rất thường không rớ tay vào những cái hại được cho nó là nhỏ, coi thường chuyện bị cho là vật vãnh, nhưng chính những loại ấy lại gây nên đại họa.

(Theo sách Văn Tử - Vi minh - Quyển 35)

Nguyên văn:

二八五

與君子遊苾乎如入蘭芷之室, 久而不聞, 則與之化矣; 與小人

遊, 膩乎如入魚次之室, 久而不聞, 則與之化矣. (卷三十五, 曾子, 疾病).

Phiên âm:

285

Dũ quân tử du, (1), bật (2) hồ nhập lan chủ thất, (3), cửu nhi bất văn, tắc dĩ chi hóa (4) Dũ tiểu nhân du, nị (5) hồ như nhập ngư thứ chi thất (6), cửu nhi bất văn, tắc dĩ chi hóa hỹ. (Quyển 35 - Tăng Tử - Tật bệnh).

Chú thích:

(1) Du: Giao du qua lại.

(2) Bật: Hương thơm.

(3) Lan chỉ chi thất: Căn phòng thơm mùi hoa lan, cây bạch chỉ, ý nói hoàn cảnh lương hảo, tốt đẹp.

(4) Dĩ chi hoa: Cùng thơm như hoa lan chỉ.

(5) Nị: Mùi tanh.

(6) Ngư thứ chi thất: Căn phòng tanh mùi cá chết. Ngư thứ là quây bán cá.

Diễn giải:

Ở đời, giao du với người cao thượng đạo đức, thì con người như được tắm gội bằng nước thơm nấu từ hoa lan cây bạch chỉ, lâu ngày không còn nhận ra hương lan, chỉ vì mình cũng đã thơm tho như lan như bạch chỉ. Còn nếu giao du với kẻ kém phẩm hạnh, thiếu tư cách thì giống như sống nơi quây bán cá tanh hôi mùi cá chết lâu ngày, không cảm thất mùi tanh hôi của cá chết, vì mình đã tanh hôi như cá chết rồi.

(Theo sách Tăng Tử - Tật bệnh - Quyển 35)

Nguyên văn:

二八六

禍之始也易除, 其除之不可者, 避之. 及其成也, 欲除之不可, 欲避之不可, 治於神者, 其事少而功多. 干霄之木, 始若槩, 是易去也, 及其成達也, 百人用斧斤, 弗能償也. 火始豈易息也, 及其焚雲夢, 雖以天下之役, 抒江漢之水弗能救也. (卷三十六, 尸子, 貴言).

Phiên âm:

286

Họa chi thủy dã dị trừ, kỳ trừ chi bất khả giả, tỵ chi. Cập kỳ thành dã, dục trừ chi bất khả, Trị ư thần giả (1), kỳ sự thiếu nhi công đa. Can tiêu chi mộc (2), thủy nhược nghiệt (3), túc dị khứ dã, cập kỳ thành đạt dã, bách nhân dụng phủ cân (4), phát năng phần (5) dã. Tiêu hỏa (6) thủy khởi dị túc dã, cập kỳ phần Vân Mộng (7), Mạnh Chư (8), tuy dĩ thiên hạ chi dịch (9), trừ (10) giang Hán chi thủy, phát năng cứu dã. (Quyển 36 - Thi Tử - Quý ngôn).

Chú thích:

- (1) Trị ư thần giả: Chuyên chú (trị) vào chỗ áo diệu cao minh của con người. Ở đây chỉ nên chú ý đến một hạng người khó quan sát khó tiên liệu được.
- (2) Can tiêu chi mộc: Chỉ cây cao vút như đâm vào mây.
- (3) Nghiệt: Mầm nhú ra của cành cây.
- (4) Phủ cân: Chỉ các loại búa, công cụ chặt đẽo gỗ.
- (5) Phần: Té ngã.
- (6) Tiêu hỏa: Tật bệnh như hỏa bốc. Sách *Thuyết văn giải tự* viết: Tiểu bà bốc hỏa. Tật tốc nghĩa là tức tốc.
- (7) Vân Mộng: Tên cái chằm [đầm nước] thời cổ thuộc nước Sở thời Tiên Tần, địa thế thấp, nhiều hồ ao, nhiều lối thủy đạo, thuyền bè qua lại rất tiện, là nơi giàu có thủy sản và lúa gạo. nay

thuộc miền nam tỉnh Hồ Bắc, là địa khu nằm giữa sông Trường Giang và sông Hán Thủy.

(8) Mạnh Chu: Tên một đầm nước thời cổ, thời Tiên Tần Tần, đầm nước này thuộc nước Tống, nay là miền đông bắc huyện Thương Khâu, tỉnh Hà Nam, phía bắc Ngô thành.

(9) Dịch: Người lao động lao dịch.

(10) Trủ: Không giữ, tát nước.

Diễn giải:

Khi mầm họa vừa ló thì dễ bị tiêu trừ, nếu không trừ được để khi nó phát triển muốn trừ, trừ không xong, muốn tránh nó cũng không tránh được. Khi ta tập trung chuyên chú vào một hạng người nào đó trong xã hội, thì khó mà biết được con người nói chung sẽ như thế nào sau này, và làm việc không thể có hiệu quả cao được. Giống cây to cao như đầm thủng mây khi mới vừa nhú mầm, thì chân đầm đập nó tiêu ngay, chờ khi nó lớn lên, thì dù đông người dùng búa chặt phá cũng không dễ đốn hạ. Lửa cũng vậy, khi mới cháy rất dễ dập tắt, để đến khi cháy lớn hỏa thiêu như vùng Vân Mộng, đầm Mạnh Chu thì cho dù huy động tất cả người trong thiên hạ, theo sông Trường Giang, Hán Thủy đến cứu cũng không thể dập tắt được.

(Theo sách Thi Tử - Quý ngôn - Quyển 36)

Nguyên văn:

二：治亂

二八七

夫聖明不世及，後嗣不必賢，此天理之常也。故善為天下者，任世而不任人。任世者，諸侯是也。任人者，郡縣是也。郡縣是也之治小察理而大勢危。諸侯牧民近多違而遠慮固。聖王惟終始之弊，權輕重之理，苟彼小違，以据大安然後足以藩固內外，維鎮九服。 . (卷三十，晉書下，傳) .

Phiên âm:

NHỊ: TRỊ LOẠN

287

Phù thánh minh bất thế cập, hậu tự bất tất hiền, thử thiên lý chi thường dã ố thiện vi thiên hạ giả, nhiệm thế nhi bất nhiệm nhân. Nhiệm thế giả, chư hầu thị dã. Nhiệm nhân giả, quận huyện thị dã. Quận huyện chi trị, tiểu sát lý nhi đại thế nguy, chư hầu mục dân (1), cận đa vi nhi viễn lự cố. Thánh vương duy chung thủy chi tộ, quyền khinh trọng chi lý, bao bỉ tiểu vi (2), dĩ cứ đại an, nhiên hậu túc dĩ phiên cố (3) nội ngoại, duy trấn cứu phục (4). (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Mục dân: Cai trị nhân dân, cai trị.
- (2) Bao bỉ tiểu vi: Bao dung các lỗi nhỏ. Bao có ý bao dung.
- (3) Phiên cố: Bảo vệ, củng cố.
- (4) Duy trấn cứu phục: Chỉ quan hệ đến ổn định trong toàn quốc. Cứu phục: kinh kỳ thời cổ. Đất đai bên ngoài theo cự ly gần xa mỗi 500 dặm, phân một khu chia thành 9 cấp: Có hầu phục, điện phục, nam phục, thái phục, vệ phục, man phục, di phục, trấn phục, phiên phục, gọi là “Cứu phục”. Xem sách *Chu lễ - Hạ quan - Chúc phương thị*.

Diễn giải:

Những bậc thánh đức anh minh không hề truyền từ đời này qua đời khác, vua lên ngôi kế thừa đại thống cũng vậy, không nhất định là người hiền đức như vua trước đó, đó là quy luật tự nhiên. Cho nên, vua chúa trị nước giỏi đều mong nhờ nền tảng vững chắc của ông cha mình thời lập quốc, nhưng không ỷ lại vào tài trí thông minh của cá nhân. Cái gọi là nền tảng vững chắc tức chỉ việc kiến lập các nước chư hầu, còn cái gọi là dựa vào người thông minh tài

trí là chỉ việc thiết lập quận huyện. Với biên chế quận huyện trong việc cai trị, tuy thấy rõ là đã xử lý tốt các việc nhỏ, nhưng về mặt đại sự tầm quốc gia thì lại không được ổn định. Việc phân phong chư hầu để quản lý dân chúng, trước mắt thấy xuất hiện nhiều tình huống chư hầu làm trái triều đình trung ương, nhưng về lâu về dài thì triều đình trung ương càng thêm được ổn định. Các nhà vua thánh minh tham khảo lợi hại của sự tình chung, rồi cân nhắc đạo lý đúng sai nặng nhẹ, cho rằng chế độ chư hầu quốc, dù có làm trái nhiều chuyện nhỏ nhưng nói chung cần cả thiên hạ được ổn định trước đã, rồi sau đó củng cố mọi chuyện trong ngoài quốc gia, khiến cho tất cả các địa khu đều ủng hộ triều đình trung ương.

(Theo sách **Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30**)

Nguyên văn:

二八八

善為政者，田疇墾 **nhi** 而國邑實，朝廷間而官府治，公法行而私曲止，倉廩實而囷圉空，賢人進而姦民退。其君子上忠正而下諂諛，其士民貴武勇而賤得利，其庶人好耕農而惡飲食，於是財用足而食飲薪菜饒。故是上必寬，裕而有解舍，下必聽從不疾怨，上下和同而有禮義，故處安而動威，戰勝而守固。（卷三十二，管子，五輔）。

Phiên âm:

288

Thiện vi chính giả, dụng trừ khẩn **nhi** quốc ấp thực, triều đình gian **nhi** quan phủ trị, công pháp hành **nhi** tư khúc (1) chỉ, thực lẫm (2) thực **nhi** linh ngũ (3) không, hiền nhân tiến **nhi** gian dân thoái. Kỳ quân tử thượng (4) trung chính **nhi** hạ (5) siểm du (6), kỳ sĩ dân (7) quý vũ dũng **nhi** tiện đắc lợi, kỳ thứ nhân hiếu canh nông **nhi** ố ẩm thực, ư thị tài dụng túc hi ẩm thực

tân thái (8) nhiều. Thị cố thượng tất khoan dụ nhi hữu giải xả (9), hạ tất thính tùng nhi bất tạt oán. Thượng hạ hòa đồng (10) nhi hữu lễ nghĩa, cố xử an nhi động uy, chiến thắng nhi thủ cố. (**Quyển 32 - Quán tử - Ngũ phụ**).

Chú thích:

- (1) Tư khúc: Không công chính, ngả về tư.
- (2) Thương lẫm: Nơi lưu trữ thóc gạo.
- (3) Linh ngữ: Nhà tù, nhà giam.
- (4) Thượng: Sung thượng, mển mộ, tôn sung.
- (5) Hạ: Khinh bỉ.
- (6) Siểm du: Nói láo, nịnh hót.
- (7) Sĩ dân: Chỉ nhân dân, bách tính.
- (8) Tân thái: Củi đun bếp, rau chỉ nhu cầu hàng ngày của nhân dân.
- (9) Giải xả: Khỏi lao dịch.
- (10) Hòa đồng: Chung lòng hòa thuận.

Diễn giải:

Cai trị giỏi thì khai khẩn đất đai thành ruộng rẫy canh tác, thành ấp giàu có, triều đình an nhàn, quan lại đạo đức công minh, công pháp được thông hành; Còn gian tà bị phế bỏ, tài vật đầy kho đụn, nhà giam không bóng người, người tài đức được trọng dụng, bọn gian tà đều bị đuổi cổ. Người cầm đầu thượng tôn công chính, khinh bỉ phong khí dua nịnh, bách tính coi trọng vũ dũng, coi nhẹ tài lợi, yêu thích nghề nông, ghét lẫm lời ăn hại, làm ra của cải sung túc mà hàng ngày sinh hoạt phú dục. Cho nên, nhà vua ắt khoan hậu mà giảm trừ lao dịch, nhân dân ắt thuận lệnh vua, sống hòa thuận vui vẻ, trên dưới một lòng sống có lễ nghĩa, Như thế thì sinh hoạt an ổn mà làm việc có uy tín, đánh giặc thì thắng, phòng thủ thì bền vững.

(Theo sách Quán tử - Ngũ phụ Quyển 32)

Nguyên văn:

二八九

不能為政者，疇而國邑虛，朝廷凶而官府亂，公法廢私典行，倉廩虛而囹圄實，賢姦民進其君子上諂諛而下忠正，其士民得利而賤武勇，其庶人好飲食而惡耕農，於用匱而食飲薪菜乏。上彌殘苟而解舍，下愈覆驚而不聽從。上下交引而不和同，故處安而動不威，戰不勝而守不固。是以小者兵挫而地削，大者身死而國亡。以此觀之則政不可不慎也。（卷三十二，管子，五輔）。

Phiên âm:

289

Bất năng vi chính giả, diên trừ hoang nhi quốc ấp hư, triều đình hung (1) nhi quan phủ loạn, công pháp phế nhi tư điển hành, thương lẫm hư nhi linh ngữ thực, hiến nhân thoái nhi gian dân tiến. Kỳ quân tử thượng siểm nhi hạ trung chính, kỳ sĩ dân quý đắc lợi nhi tiện vũ dũng, kỳ thứ nhân hiếu ẩm thực nhi ố canh nông, ư thị tài dụng quỹ nhi thực ẩm tân thái phạp. Thương di (2) tàn cầu nhi vô giải xả (3), hạ dụ phúc chí (4) nhi bất thính tùng. Thương hạ giao dẫn nhi bất hòa đồng (5), cố xử bất an nhi động bất uy, chiến bất thắng nhi thủ bất cố. Thị dĩ tiểu giả binh tảo nhi địa tước, đại giả thân tử nhi quốc vong. Dĩ thử quan chi, tắc chính bất khả bất thận dã. (Quyển 32 - Quản tử - Ngũ phụ).

Chú thích:

(1) Hung: Nhiều loạn.

(2) Di: Càng thêm.

(3) Giải xả: Ý nói không giao dịch. Sách *Quản tử - Ngũ phụ* viết: “Đó là người trên thì khoan dung rộng rãi, dễ thông qua, kẻ dưới thì nghe theo mà không oán giận”. Lời chú của Thi Tri Chương: “Giải là thả, xả là tha”.

(4) Phúc chí: Dò xét và hoài nghi. Phúc nghĩa là dò xét. Chí nghĩa là hoài nghi.

(5) Thượng hạ giao dẫn nhi bất hòa đồng: Trên dưới cùng tranh lợi mà chống nhau, không đồng tâm.

Diễn giải:

Nhà vua không thương yêu con dân trong nước mình, thì không thể khiến người nước ngoài thật lòng tìm đến quy phục được. Nhà vua coi thường nhân dân, khiến dân khổ cực, thì không thể nào trừ dứt được tà ác nghịch loạn trong nước được; Nhà vua không chịu tiếp thu lời khuyên, can gián của bậc tài đức, lại tỏ ra láo xược với họ, thì không thể nào ra lệnh cho chư hầu; Nhà vua vi phạm nhân nghĩa tham luyến danh lợi, thì không thể có uy tín với các nước khác. Nên nhớ đó là các nguyên tắc tất yếu! Vua Trang Công không nghe theo mà tin dùng dũng sĩ, coi thường sống chết của bầy tôi, gây chiến với nước ngoài, nhiều năm không nghỉ, khiến quốc gia suy yếu, bách tính mỗi mạt. Chỉ thời gian trong một năm bách tính đại loạn, chính vua Trang Công bị Thôi Trử sát hại.

(Theo sách Quản tử - Ngũ phụ - Quyển 32)

Nguyên văn:

二九〇

不能愛邦內之民者，不能服境外之不善；輕士民之死力者，不能禁暴國之邪；逆諫傲賢者，不能威諸侯，背仁義而貪名實者，不能威當世。而服天下者，此其已公不用。任勇力之士，而輕臣僕之死，兵無休，國疲民害。其年百姓大亂，而身及崔氏禍。（卷三十三，晏子，問上）。

Phiên âm:

290

Bất năng ái bang (1) nội chi dân giả, bất năng phục cảnh ngoại chi bất thiện; Khinh sĩ dân chi tử lực giả, bất năng cấm bạo

quốc chi tà; Nghịch gián ngạo hiển giả, bất năng uy chư hầu; Bối nhân nghĩa nhi tham danh thực (2) giả, bất năng uy đương thế; Nhi phục thiên hạ giả, thử kỳ đạo tỵ. Công (3) bất dụng. Nhiệm dũng lực chi sĩ, nhi khinh thần bộc chi tử, dụng binh vô hữu, quốc bì dân hại (4). Kỳ niên (5) bách tính đại loạn, nhi thân cập thối thị họa (6). (**Quyển 33 - Yển Tử - Vấn thượng**).

Chú thích:

- (1) Bang: Đất phong cho chư hầu thời cổ. Nước lớn gọi là bang, nước nhỏ gọi là quốc.
- (2) Danh thực: Túc danh lợi trái nhân nghĩa.
- (3) Công: Chỉ vua Tể Trang Công.
- (4) Quốc bì dân hại: Nước nhà lụn bại, dân chúng đói khổ.
- (5) Kỳ niên: Một năm.
- (6) Thối thị họa: Nhắc chuyện vua Tể Trang Công không nghe lời can của Yển Anh, háo sắc, vào thời vua Chu Linh vương thứ 24 (năm 548 trước CN) tư thông với vợ Thôi Trử là người đẹp Đường Khương. Thôi Trử nổi giận, liên kết với Đường Vô Cửu là cha của Đường Khương, giết chết vua Tể Trang Công.

Diễn giải:

Làm vua một nước chư hầu lớn mà không được nhân dân trong nước yêu mến ủng hộ, thì đừng hòng được nhân dân bên ngoài quy phục. Làm vua mà coi thường bách tính đã lao động gian khổ phục vụ mình, thì không có khả năng dẹp trừ bọn tà ác gian lận trong nước, khinh thường bậc hiền tài, không nghe lời tôi trung can gián, thì sao có thể uy chấn chư hầu. Làm vua mà tham lam danh lợi, làm nhiều chuyện trái nhân nghĩa thì không thể ra lệnh cho người đương thời, mà mơ đến chuyện nhiếp phục thiên hạ, tất nhiên, đó là nguyên tắc! Vua Tể Trang Công không theo các nguyên tắc ấy mà dùng dũng sĩ, coi thường sự sống chết của bầy tôi, chiến tranh với nước ngoài, nhiều năm không nghỉ, đất nước

một mỗi sa sút, bách tính đói khổ. Chỉ một năm sau, nước Tề đại loạn, còn vua Tề Trang Công bị sát hại.

(Theo sách **Yển Tử - Vấn thượng - Quyển 33**)

Nguyên văn:

二九一

桀之所亂湯治則之；紂紂之所亂武王治之。此世不渝而民不改，變正而民易教。其在湯武則治，其在桀則亂。安危治亂，在上之發政也，則豈可謂命哉？(卷三十四，墨子，非命)。

Phiên âm:

291

Kiệt chi sở loạn, Thang trị chi; Trụ chi sở loạn, Vũ Vương trị chi. Thử thế bất du (1) nhi dân bất cải, thượng biến chính nhi dân dị giáo. Kỳ tại Thang, Vũ tắc trị, kỳ tại Kiệt, Trụ tắc loạn. An nguy trị loạn, tại thượng chi phát chính (2) dã, tắc khởi khả vị hữu mệnh (3) tai? (**Quyển 34 - Mặc Tử - Phi mệnh**).

Chú thích:

(1) Bất du: Không thay đổi, bất biến.

(2) Phát chính: Ban bố chính sách.

Diễn giải:

Vua Kiệt nhà Hạ làm cho nước bị rối loạn, vua Thương Thang ổn định; Vua Trụ nhà Thương Ân làm cho nước rối loạn, vua Vũ Vương đem lại ổn định. Xã hội không được cải biến, nhân dân cũng không thay đổi, nhà vua cải biến chính lệnh thì người dân cũng dễ tuân hành. Thời vua Thương Thang, vua Chu Vũ Vương thiên hạ được cai trị, còn thời Kiệt, Trụ thì hỗn loạn. An ninh, với

nguy hiểm, trật tự với hỗn loạn, nguyên nhân là nhà vua ban bố chính lệnh, sao lại đổ thừa cho “có vận mệnh chứ?”

(Theo sách Mặc Tử - Phi mệnh - Quyển 34)

Nguyên văn:

二九二

人之將疾也, 必先不甘魚肉之味; 國之將亡也, 必先惡忠臣之語. 故疾之將死, 不可為良醫; 國之將亡也不可為忠謀. 古者親近以言, 使近者悅遠者來. 與民同欲即和, 與民同守即固, 與民同念即智, 得民力者富, 得民譽者顯. (卷三十五, 文子, 微明).

Phiên âm:

292

Nhân chi tương tật dã, tất tiên bất cam (1) ngư nhục chi vị; Quốc chi tương vong dã, tất tiên ố trung thần chi ngữ. Cổ tật chi tương tử giả, bất khả vi lương y; Quốc chi tương vong giả, bất hả vi trung mưu. Cổ giả thân cận (2) bất dĩ ngôn, lai viễn (3) bất dĩ ngôn, sử cận giả duyệt viễn giả lai. Dĩ dân đồng dục tức hòa, dĩ dân đồng thủ tức cố, dĩ dân đồng niệm tức trí, đắc dân lực giả phú, đắc dân dự giả hiển. (Quyển 35 - Văn Tử - Vi minh).

Chú thích:

- (1) Bất cam: Không cảm thấy vị ngọt.
- (2) Thân cận: Người luôn bên cạnh để nhờ vả, sai biểu.
- (3) Lai viễn: Khiến người ở xa nghe tiếng đến quy phục.

Diễn giải:

Gọi là ngon ngọt. Một nước sắp bị diệt vong trước tiên nhà vua ghét nghe lời can của bậc trung thần. Vì thế, khi con người sắp chết, thì vị lương y tài giỏi cũng bó tay, khi nước sắp mất, tìm mọi

kế sách ra sức cũng khó cứu nước khỏi bị diệt vong. Thời cổ, dùng những người thân cận không cần dựa vào lời ra tiếng vào, dùng người ở xa đến quy phục cũng không cần dựa vào lời ra tiếng vào, cho nên những người thân cận vui lòng, người ở xa đến quy phục. Cùng một nguyện vọng với bách tính gọi là hài hòa, cùng với bách tính phòng giữ thì mới vững chắc. Suy tính giống như bách tính lo nghĩ mới gọi là trí. Có khả năng huy động lực lượng của bách tính thì đất nước mới giàu có cường thịnh. Được bách tính khen ngợi hoan hô thì nổi tiếng khắp bốn biển.

(Theo sách Văn Tử - Vi minh - Quyển 35)

Nguyên văn:

二九三

所貴聖人者，非貴其隋罪作刑也，貴其知亂之所生也。若縱之放僻淫逸，而禁之以法，隨之以刑雖殘天下，不能禁其姦矣。
(卷三十五，文子，下德)

Phiên âm:

293

Sở quý Thánh nhân giả, phi quý kỳ tùy tội nhi tác hình dã, quý kỳ tri loạn chi sở sinh dã. Ngược tủng phóng tích (1) dâm dật (2), nhi cấm chi dĩ pháp, tùy chi dĩ hình, tuy tàn thiên hạ, bất năng cấm gian hỹ. (Quyển 35 - Văn tử - Hạ đức).

Chú thích:

- (1) Phóng tích: Phóng đảng, tà ác, bất chính, gian dối.
- (2) Dâm dật: Hoang dâm vô độ.

Diễn giải:

Việc sùng kính Thánh nhân không phải vì Thánh nhân dựa

vào tội trạng của bách tính mà để ra các loại hình phạt, mà ở chỗ Thánh nhân nhận biết nguyên nhân gây nên họa loạn. Nếu như dung túng cho bách tính phóng đảng tà dâm vô độ, rồi mới chế định pháp luật cấm chỉ, tùy mức mà xử phạt. Như vậy thì dù cho trừng phạt toàn thể thiên hạ cũng không có thể cấm chỉ khiến bách tính không nổi loạn cho được.

(Theo sách Văn tử - Quyển 35 - Hạ đức)

Nguyên văn:

二九四

是非不得盡見謂之蔽，見而弗能知得謂之虛，知而弗能賞謂之縱，三者亂之本也。明分則不蔽，正名則不虛，賞賢罰暴則不縱，三者治之道也。（卷三十六，尸子，發蒙）。

Phiên âm:

294

Thị phi bất đắc tận kiến vị chi tệt, kiến nhi phát năng tri vị chi hư, tri nhi phát năng thưởng vị chi túng, tam giả chi bản dã. Minh phân (1) tắc bất tể, chính danh (2) tắc bất hư, thưởng hiền phạt bạo nhi bất túng, tam giả trị chi đạo dã. (Quyển 36 - Thi tử - Phát môn).

Chú thích:

(1) Minh phân: Biết rõ bốn phận, biết giới hạn bốn phận. Sách *Thi Tử - Phát môn* viết: “Thiên hạ chi khả trị, phân thành dã”. “Quân thần phụ tử, lớn nhỏ trên dưới trên, sang hèn thân sơ, đều được phân biệt gọi là trị”.

(2) Chính danh: Danh nghĩa chính thức, khiến cho danh và thực phù hợp. Sách *Thi Tử - Phát môn* viết: “Có thể phân biệt phải trái gọi là định vậy”.

Diễn giải:

Không biết rõ đúng sai gọi là mông tể. Xem thấy mà không thể biết được nguyên do gọi là hư vọng, biết được nguyên do mà không thể thưởng phạt cho xứng đáng gọi là phóng túng. Ba loại tình hình ấy là căn nguyên dẫn tới rối loạn quốc gia. Nhận rõ bốn phạm, biết giới hạn, không bị che chắn, xử sự đúng với danh nghĩa, khiến cho danh tương phù với thực, không để cho chức vụ bất tương xứng với trách nhiệm; Tưởng thưởng bậc hiền tài, xử phạt kẻ gây rối, bách tính theo đúng quy củ, đó là ba điều kiện chủ yếu trong phương pháp cai trị quốc gia.

(Theo sách **Thi tử - Phát mông - Quyển 36**)

Nguyên văn:

二九五

惟治亂庶官，官弗及私昵，惟其能；爵弗及惡德。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

295

Duy trị loạn tác thứ quan (1). Quan phát cập tư ni (2); Duy kỳ năng (3); Tước phát cập ác đức (4). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Thứ quan: Bách quan, chỉ các quan viên trong triều, ngoài địa phương.

(2) Cập tư nghịch: Dạy cho những người thân cận mình sùng ái. Cập nghĩa là dạy cho. Tư nghịch: Người thân cận, được sùng ái.

(3) Năng: Hiền năng. Thời cổ cho rằng người hiền tài thì có năng lực.

(4) Ác đức: Kẻ bất lương không có phẩm đức.

Diễn giải

Một quốc gia được ổn định hay bị rối loạn đều do việc sử dụng đội ngũ quan lại của nước ấy. Cho nên sử dụng bố trí quan viên không nên vì mềnh yêu của riêng nhà vua, hay vì thân cận với nhà vua, chỉ nên sử dụng bố trí quan chức cho những người tài đức cao thượng, nhất định không nên ban tước vị cho bọn tà ác gian siểm.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

三：鑑戒

二九六

王若曰：“小子封惟及丕考文王，克明德慎罰，弗敢侮鰥寡，庸庸，祗祗，威威，”。

(卷二，尚書，康告)。

Phiên âm:

TAM: GIÁM GIỚI

296

Vương (1) nhược (2) viết: “Tiểu tử (3) phong (4). Duy (5) nãi (6) phi hiển (7), hảo (8) Văn Vương, khắc (9) minh đức thận phạt (10), phát cảm vũ quan quả (11), dung dung (12), chi chi (13), uy uy (14), hiển thị (15). (**Quyển 2 - Thượng thư - Khang cáo**).

Chú thích:

(1) Vương: Ở đây Chu Công căn cứ vào mệnh lệnh của vua Chu Thành Vương, viết thay cáo từ này.

(2) Nhược: Như tử, như thế.

(3) Tiểu tử: Là cách gọi trẻ con thời nhà Chu.

(4) Phong: Tức Cơ Phong, tức Khang Thúc là con thứ 9 của Chu Văn Vương với bà vợ chính Thái Dĩ, là em ruột cùng mẹ với vua Vũ Vương. Sau khi lên ngôi, vua Vũ Vương phong cho Cơ Phong đất trong Khang địa lập nên Khang quốc (nay là miền tây bắc Võ châu tỉnh Hà Nam), nên gọi Cơ Phong là Khang Thúc hay Khang Thúc Phong. Sau khi vua Chu Thành Vương tức vị, xảy ra loạn “Tam giam”, Cơ Phong tham gia dẹp loạn có công được giao quyền đổi tên miền đất Triều Ca vốn cựu kinh đô nhà Thương Ân (nay là huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam), lập ra nước Vệ và được phong làm vua nước Vệ. Trong thời Cơ Phong làm vua nước Vệ, người anh ông là Chu Công Đán làm ra thiên “Khang cáo: “Tửu cáo”, “Tử tài” vua Chu Thành Vương còn thơ ấu, toàn do Chu Công Đán làm cáo thay, các cáo này cho Cơ Phong dùng làm phép tắc trị nước, đồng thời cáo giới Cơ Phong, làm việc nên rộng đức mà nhẹ hình phạt, thương yêu nhân dân, hướng đến các bậc hiền hào trưởng gia nơi kinh sư cũ nhà Thương Ân hiểu về đạo hưng vong ở đời. Cơ Phong cai trị nước Vệ tốt, kinh tế phồn vinh, xã hội ổn định, bách tính an cư, thành thủy tổ nước Vệ, và thủy tổ họ tộc của nhân dân nước Vệ.

(5) Duy: Ý kỳ vọng.

(6) Nãi: Ngồi thứ hai số ít, ông, anh.

(7) Phi hiển: Phi nghĩa là lớn, hiển nghĩa là sáng rõ. Phi hiển: anh minh.

(8) Khảo: Cha.

(9) Khắc: Có khả năng.

(10) Minh đức thận phạt: Minh đức chỉ đề cao đức độ, kính đức. Thận phạt chỉ hình phạt thích đáng, không phạt người vô tội, không loạn phạt người vô tội.

(11) Quan quả: Già mà chết vợ, chết chồng, chỉ người sống cô độc. Sách *Mạnh Tử - Lương Huệ vương hạ* viết: “Già mà vợ chết gọi là quan, già mà chồng chết gọi là quả, già mà không con trai gọi là độc, nhỏ mà cha chết gọi là cô. Bốn hạng người này là cùng dân, là “Vô cáo” (tiếng nói không có trọng lượng).

(12) Dung dung: Người có khả năng được dùng.

(13) Chi chi: Người đáng kính.

(14) Uy uy: Khả úy, chuyện đáng sợ.

(15) Hiển dân: Cho dân biết.

Diễn giải:

Chu Công Đán làm phụ chính cho vua Chu Thành Vương còn thơ ấu, nói thay: “Cơ Phong còn nhỏ tuổi lắm! Phong phải làm tỏa sáng đức nghiệp của vua cha Văn Vương, phải sùng thượng đức giáo, cẩn thận trong việc dùng hình phạt. không nên vũ nhục người già neo đơn, người trẻ mồ côi, sử dụng người có khả năng công việc, tôn trọng bậc đáng kính, biết lo trước những việc đáng ngại, ban bố cho nhân dân biết”.

(Theo sách **Thượng thư - Khang cáo - Quyển 2**)

Nguyên văn:

二九七

曰：“小大邦喪，亦亡罔酒惟辜。惟祀，德將無醉”。（卷二，尚書）

Phiên âm:

297

Viết: “Tiểu đại bang dụng tàng, diệc vông phi tửu duy cô (1). Ẩm duy tự, đức tương (2) vô tụy. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Cô: Tội.

(2) Đức tương: Lấy đức tương trợ, lấy đạo đức ràng buộc hành động của mình. Tương nghĩa là giúp đỡ.

Diễn giải:

Ông Chu Công đại diện cho vua Chu Thành Vương nói: “Các

nước chư hầu lớn có nhỏ có bị diệt vong, cũng do vua rượu chè quá độ mà nên. Chỉ khi làm lễ tế, mới được phép uống rượu, đều nên đem đạo đức để ràng buộc mình, không nên uống rượu say.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

二九八

何曾序穎孝陳國人也為司隸校尉言而太祖曰：“公方以孝治天下，而聽阮籍以重京，飲酒食肉於公坐。宜擯四裔，無令染華夏”太祖曰：“此子羸病若此，君能為吾忍耶！”曾重引据辭理甚切朝廷憚焉。泰始九年司徒以疲疾救退，孫綏位至侍中，潘滔譖於太傅越，遂被殺。初，曾告老，時被召見侍坐終日。世祖不論經國大事，但說平生常語。曾出每曰：“將恐身不免亂，能及嗣乎？”告其二子曰：“汝等猶可得沒”指諸孫曰：“此背必遇亂死也”。及綏死兄崇曰：“我祖其神乎？”(卷二十九，晉書上，百官志)。

Phiên âm:

298

Hà Tăng, tự Dĩnh Hiếu, Trần quốc nhân dã. Vi Tư Lệ giáo úy (1), ngôn ư Thái tổ viết: “Công phương dĩ hiếu trị thiên hạ, nhi thính Nguyễn Tịch dĩ trọng ai (2), ẩm tửu thực nhục ư công tọa. Nghi bấn (3) tứ duệ (4), vô lệnh ô nhiễm Hoa Hạ (5)”. Thái tổ viết: “Thử Tử Doanh (6) bệnh nhược thử, quân bất năng vi ngô nhẫn da!” Tăng Trọng dẫn cứ (7), từ lý thậm thiết, triều đình đạ (8) yên. Thái Như (9) cửu niên, vi Tư đồ (10), dĩ bì tật cầu thoái, Tôn Tuy áo Thị Trong (11), Phan Thao tiếm (12) chi ư Thái truyền (13) viết (14), toại bị sát. Sơ, Tăng cáo lão, thời bị triệu kiến, thị tọa chung nhật. Thế Tổ bất luận kinh quốc đại sự, đản thuyết bình sinh thường ngữ. Tăng xuất mỗi viết: “Tương khủng thân bất miễn

loạn, năng cấp tự hồ?” Cáo kỳ nhị tử viết: “Nhữ đẳng do khả đắc một (16)” chỉ chư tôn giết: “Thử bối tất ngẫu loạn tử dã”. Cấp Tuy tử, huynh tung viết: “Ngã tổ kỳ thân (17) hồ!” (Quyển 29 - Tấn thư thượng - Bách quan chí).

Chú thích:

- (1) Tử Lệ giáo úy: Chức quan giám sát ba triều từ Tây Hán đến triều Đông Hán, Tây Tấn. Chức trách là đôn đốc các quan đại thần trong triều, ngoài các hoàng thân quốc thích cũng như các quan kinh triệu doãn chung quanh kinh sư, Tả phùng dục, Hữu phù phong, Hà Đông, Hà Nam, Hà Nội, kể cả các quan viên Hoàng nông tại 7 quận.
- (2) Trọng ai: Túc đại ai, chỉ mẹ mất.
- (3) Bán: Đuổi, xua đuổi.
- (4) Tứ duệ: Các nơi xa xôi bên ngoài biên giới.
- (5) Hoa Hạ: Từ thời nhà Chu, phạm các tộc người theo Chu lễ, giữ lễ được gọi là người Hoa, tộc Hoa, người Hạ, tộc Hạ, thường gọi là chư Hoa, chư Hạ. Thời cổ người sinh sống nơi trung nguyên, còn người ở chung quanh gọi là duệ, di, tức tứ di, Hoa Hạ còn gọi là Trung Hoa, Trung Hạ, Trung Thổ, Trung Quốc.
- (6) Doanh: Còn đọc là lô: Ốm yếu.
- (7) Dẫn cứ: Dẫn chứng cứ.
- (8) Đạn: Lo sợ.
- (9) Thái Thủy: Niên hiệu đầu tiên (265-274 CN) của vua Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm.
- (10) Tư đồ: Thời vua Hán Ai đế chức Thừa tướng đổi thành Đại tư đồ, đến thời Đông Hán là Tư đồ, một trong Tam công.
- (11) Thị trung: Thời Tấn chức quan này thuộc quan Tể tướng, Thị trung là quan được ra vào cung cấm, là một trong các quan chức được nhà vua tin cậy, thời Đông Hán gọi là Thị trung tự, thời Tấn đổi tên là Môn hạ tỉnh, thường tháp tùng bên cạnh vua làm cố vấn.
- (12) Tiếm: Hủy bang, vu khống hãm hại.

(13) Thái truyền: Có từ thời nhà Chu, làm nhiệm vụ phụ bật cho thiên tử, chuyên chưởng quản chế định và ban hành lễ pháp, là một trong ba chức đầu triều gọi là “Tam công”. Thời Chiến Quốc, nước Tề, nước Sở cũng có chức Thái truyền. Triều Tần thì bỏ, thời Tây Hán hai lần khôi phục lại chức này trong thời gian ngắn, nhà Đông Hán thì sử dụng chức này lâu dài. Các triều sau đó cũng như vậy, phần lớn dùng làm gia hàm cho đại quan, vô thực chức, làm quan phụ đạo cho Thái tử, Đông cung.

(14) Việt: Túc Tư Mã Việt, tự là Nguyên Siêu, người huyện Ôn Hà Nội (nay là huyện Ôn, tỉnh Hà Nam), là cháu nội của em thứ tư của Tống Tuyên đế Tư Mã Ý, con trưởng của Cao Mật Văn hiển vương Tư Mã Thái.

(15) Thế Tổ: Túc vua Tấn Thế Tổ Tư Mã Viêm.

(16) Do khả đặc một: Còn có thể kết cục tốt. Một nghĩa là chết, kết thúc.

(17) Thần: Huyền diệu, không phải người thường.

Diễn giải:

Hà Tăng tự là Dĩnh Hiếu, người nước Trần, khi đảm nhiệm chức Tư lệ hiệu úy, từng nói với vua Tống Thái tổ Tư Mã Chiêu: “Bệ hạ dùng chữ hiếu cai trị thiên hạ, nhưng thần nghe Nguyễn Tịch trong thời gian cư tang mẹ mình mà ăn thịt uống rượu, làm ô nhiễm giống người Hoa Hạ chúng ta đáng đuổi đi vùng xa, không cho ở gần bệ hạ nữa”. Vua Tấn Thái Tổ nói: “Ông ấy thân thể yếu đuối, bạc nhược, ta nữ nào đuổi đi cho đành!”. Hà Tăng lại đưa ra chứng cứ, lời lẽ cực kỳ khẩn thiết khiến các quan trong triều đều rất kính sợ ông ta, vào niên hiệu Thái Thủy thứ chín, Hà Tăng được bổ nhiệm chức Tư đồ, vì lao nhọc sinh bệnh, xin được về hưu. Người cháu là Hà Thỏa làm chức Thị trung, bị Phan Thao vu khống hãm hại trước mặt quan Thái truyền Tư Mã Việt, nên Hà Thỏa bị giết chết. Ban đầu khi Hà Tăng cáo lão hồi hương, thường được vua triệu kiến, cho ngồi cạnh vua suốt ngày, vua Tấn Thế Tổ chỉ bàn chuyện nhà bình thường, không dấn động đến chuyện quốc gia đại sự. Mỗi lần ra khỏi cung vua, Hà Tăng nói: “Ta sợ rằng,

tương lai ta không tránh được tai họa, liên lụy đến con cháu sau này”. Hà Tăng bảo hai người con trai: “Các con còn có thể bình yên”. Rồi ông chỉ đám cháu nói: “Các cháu ta nhất định bị tai họa mà phải chết”. Đến khi Hà Thỏa chết, anh Hà Thỏa là Hà Tung nói: “Ông nội liệu việc như thần!”.

(Theo sách **Tấn thư thượng** - **Bách quan chí** - **Quyển 29**)

Nguyên văn:

二九九

王人者有六賊七害。六賊者，：一曰大作宮殿河池，遊觀淫樂歌舞，傷王之德。二曰不事農桑作作業勢，遊俠犯歷，從吏教不法禁。傷王之化。三曰結連朋黨，此周為權，以蔽賢智，傷王之權。四曰抗智高節，以為氣勢，傷吏威。五曰輕爵位賊有司羞為上難，傷功臣之勞。六曰強宗侵奪，凌侮貧弱，傷庶民矣。（卷三十一，六韜，文韜）。

Phiên âm:

299

Vương nhân giả (1) hữu lục tặc thất hại. Lục tặc giả: Nhất viết đại tác cung điện đài trì, du quan dân lạc ca vũ, thương vương chi đức. Nhị viết, bất sự nông tang, tác nghiệp tác thế, du hiệp phạm lịch pháp cấm, bất tùng lại giáo, thương vương chi hoá. Tam viết kết liên bằng đảng, thủ châu (2) vi quyền, dĩ tế hiền trí, thương vương chi quyền. Tú viết kháng trí cao tiết (3), dĩ vi khí thế. Thương lại uy. Ngũ viết khinh tức vị, tặc hữu tư, tu vi thượng phạm nan (4), thương công thần chi lao. Lục viết cường tông xâm đoạt, lăng vũ bản nhược, thương thứ dân hỹ. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

- (1) Vương nhân gia: Chỉ nhà cai trị thần dân.
- (2) Tỷ châu: Gân gủi bọn tiểu nhân.
- (3) Kháng trí cao tiết: Tiết tháo cao thượng.
- (4) Phạm nan: Mạo hiểm.

Diễn giải:

Bậc quân vương cai trị đất nước, phải đề phòng 6 loại việc lụn bại, 7 loại người bại hoại. 6 loại việc lụn bại như sau: Một, trong quần thần có người vung tiền kiến lập đền đài, đình tạ, du ngoạn tham quan, tổ chức ca múa ăn chơi, làm bại hoại đức chính của vua mình. Hai, trong nhân dân có người không theo nghề nông trang, làm việc đối trá, bắt chước rong chơi, vi phạm cấm lệnh, không theo quản chế quan lại, là bại hoại chính sách giáo hóa của vua mình. Ba, trong quần thần có người riêng tư kết bè kết đảng, chuyên chính lộng quyền bài bác trung lương, làm che mờ tai mắt vua, làm thương tổn uy quyền của vua mình. Bốn, trong tướng sĩ có người đối trá, tự tôn huênh hoang dữ tợn, là làm mất sự uy nghiêm của vua mình. Năm, trong quần thần có người khinh thường tước vị, dò xét quan trên, không hết mình mạo hiểm vì vua, ý muốn đả kích những trung thần tích cực lập công. Sáu, ý lại danh gia vọng tộc, khi dễ xâm đoạt nghèo yếu, tổn hại sự sinh kế của bách tính.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

三〇〇

昔之帝王，其所以明者以其吏也；昔之君子，其所以為功者，以其民也。力生於民，而功最吏，福歸於君。（卷三十一，鬻子）

Phiên âm:

300

Tích chi để vương, kỳ sở dĩ vi minh giả, dĩ kỳ lại dã; Tích chi quân tử, kỳ sở dĩ vi công giả, dĩ kỳ dân dã. Lực sinh ư dân, nhi công tối ư lại (1), phúc quy ư quân. (Quyển 31 - Chúc Tử).

Chú thích:

(1) Công tối ư lại: Công huân hội tụ nơi quan lại. Tối nghĩa là tụ hợp.

Diễn giải:

Trước kia nhà vua trở thành bậc minh quân tùy thuộc vào sự nhiệm dụng quan lại; Trước kia nhà vua đạt được thành công tùy ở nhân dân trong nước. Lực lượng từ bách tính, mà công lao hội tụ nơi quan lại, phúc khí tốt đẹp tụ nơi nhà vua.

(Theo sách Chúc Tử - Quyển 31)

Nguyên văn:

三〇一

凡人君之以為君者，勢也。勢在下則君制於臣，勢在上則臣制於君。故君臣之易位，勢在下也。故曰：“堂上遠於百里，堂下遠於千里，門廷遠於萬里。今步者一日，百里之情通矣！堂上有事，十日而君不聞，此所謂遠於百里也；步者十日，千里之情通矣！堂下有事，一月而君不聞，此所謂遠於千里也；步者百日，萬里之情通矣！門廷有事，期年而君不聞，此所謂遠於萬里也；故請入而不出，謂之滅；出而不入謂之絕；入而不至謂之侵；出而道止，謂之壅。滅絕侵壅之君者，非杜其門而守其戶也，為政之有所不行也。（卷三十一，管子，法法）。

Phiên âm:

301

Phàm (1) nhân quân chi sở dĩ vi quân giả, thế (2) dã. Thế tại hạ, tắc quân chế u thần (3), thế tại thượng, tắc thần chế u quân. Cổ quân thần chi dị vị (4), thế tại hạ dã. Cổ viết: “Đường thượng (5) viễn u bách lý, đường hạ viễn u thiên lý, môn đình (6) viễn u thiên lý. Kim bộ giả (7) nhất nhật, bách lý chi tình thông hỹ! Đường thượng hữu sự, thập nhật nhi quân bất văn, thử sở vị viễn u bách lý dã; Bộ giả thập nhật, thiên lý chi tình thông hỹ! Đường hạ hữu sự, nhất nguyệt nhi quân bất văn, thử sở vị viễn u thiên lý dã; Bộ giả bách nhật, vạn lý chi tình thông hỹ! Môn đình hữu sự, kỳ niên (8) nhi quân bất văn, thử sở vị viễn u vạn lý dã. Cổ thỉnh nhập nhi bất xuất, vị chi diệt; xuất nhi bất nhập, vị chi tuyệt, nhập nhi bất chí, vị chi xâm; Xuất nhi đạo (9) chỉ, vị chi ủng (10). Diệt tuyệt xâm ủng chi quân giả (11), phi đồ (12) kỳ môn nhi thủ kỳ hộ dã, vi chính chi hữu sở bất hành dã. (Quyển 31 - Quân Tử - Pháp pháp).

Chú thích:

- (1) Phàm: Đại khái, đại để, nói chung.
- (2) Thế: Quyền thế, thế lực.
- (3) Quân chế u thần: Nhà vua bị bày tôi khống chế. U nghĩa là bị.
- (4) Dị vị: Đổi vị trí.
- (5) Đường: Triều đường, nhà hội nghị của quan viên, cũng chỉ triều đình.
- (6) Môn đình: Cửa cung, chỗ ngoài cổng.
- (7) Bộ giả: Người đi bộ.
- (8) Kỳ: Năm, một năm.
- (9) Đạo: Đường đi.
- (10) Ủng, ung: Che lấp, che khuất.
- (11) Giả: Biểu thị lời kết luận.
- (12) Đồ: Ngăn trở.

Diễn giải:

Phàm nhà vua được làm vua, ở chỗ có quyền thế. Khi nhà vua khống chế quần thần thì gọi là quyền thế tại thượng, còn khi nhà vua bị quần thần khống chế thì gọi là quyền thế tại hạ, bởi vì địa vị giữa nhà vua và quần thần khác nhau (lược giải).

(Theo sách **Quản Tử - Pháp pháp - Quyển 31**)

Nguyên văn:

三〇二

管仲復於桓公曰：“任之仲者莫如身，塗之仲者莫如口，期之遠者莫如年。以仲任行畏塗，至遠期，唯君子為能及矣”。（卷三十二，管子，戒）。

Phiên âm:

302

Quản Trọng phục ư Hoàn Công viết: “nhiệm chi trọng giả, mạc như (1) thân, đồ (2) chi úy (3) giả mạc như khẩu, kỳ chi viễn giả mạc như niên. Dĩ trọng nhiệm hang úy đồ, chí viễn kỳ, duy quân tử vi năng cập hỹ”. (**Quyển 32 - Quản Tử - Giới**).

Chú thích:

- (1) Mạc như: Không bằng, không như.
- (2) Đồ: Đường đi.
- (3) Úy: Đáng sợ.

Diễn giải:

Quản Trọng lại nói với Tể Hoàn Công: Lấy thiên hạ làm trách nhiệm của mình, đáng gọi là gánh nặng trên vai. Đứng sai vinh nhục đều từ miệng mình ra, nên lời người nói đáng sợ; Việc

đời thay đổi trong chớp mắt hơi thở. Lấy năm làm kỳ hạn gọi đó là dài xa. Gánh vác trách nhiệm đi trên đường hiểm trở, kỳ hạn dài xa kiên trì giữ vững, chỉ có tài năng người quân tử mới làm được vậy.

Theo sách Quản Tử - Quyển 32 - Giới)

Nguyên văn:

三〇三

所謂得天下者，非其履勢稱尊號也，言其運天下心，得天下力也。有南面之名，無一人之譽，此失天下者也。故桀紂不為王，湯武不為放也。（卷三十五，文子，下德）。

Phiên âm:

303

Sở vị đắc thiên hạ giả, phi vị kỳ lý thể (1) xung tôn hiệu dã, ngôn kỳ vận thiên hạ tâm, đắc thiên hạ lực dã. Hữu nam diện chi danh (2), vô nhất nhân chi譽, thử thất thiên hạ giả dã (3). Cố Kiệt, Trụ bất vi vương, Thang, Vũ bất vi phóng (4) dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Hạ đức**).

Chú thích:

(1) Lý thể: Dựa vào quyền thế.

(2) Nam diện chi danh: Chỉ danh hiệu nhà vua. Nam diện: Thời cổ nhà vua dự họp triều đình thường ngồi day mặt về hướng nam, Từ đó nam diện chỉ nhà vua họp triều đình.

(3) Giả dã: Trợ từ.

(4) Phóng: Đuổi đi, chỉ tội nhân bị đày đi vùng sâu vùng xa, hoặc đuổi khỏi địa phương.

Diễn giải:

Người được cả thiên hạ không phải là người dựa vào quyền thế của danh hiệu vua mà là chiếm được nhân tâm, điều khiển lực lượng cả thiên hạ. Người gọi là vua mà không được lấy một người khen ngợi thì mất thiên hạ. Thế cho nên vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương chỉ có danh hiệu mà chẳng xứng là vua, Thương Thang, Chu Vũ Vương mới xứng là vua.

(Theo sách Văn Tử - Hạ đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

三〇四

文王周觀得失，遍覽非，堯舜所以昌，桀紂所以亡者，皆著之明堂。由是觀之則聖人之智圓矣。（卷三十一，淮南子，主術訓）。

Phiên âm:

304

Văn Vương châu quán đắc thất, biến lãm thị phi, Nghiêu Thuấn sở dĩ xưng, Kiệt Trụ sở dĩ vong giả, giai trú (1) chi ư minh đường (2). Do thị quán chi, tắc Thánh nhân chi trí viên hĩ. (**Quyển 31 - Hoài Nam Tử - Chủ thuật huấn**).

Chú thích:

(1) Trú: Ghi chép để lại.

(2) Minh Đường: Là nơi tuyên dương chính giáo của các bậc đế vương thời cổ.

Diễn giải:

Khảo cứu xem xét đầy đủ mọi chuyện được thua, thấy được nguyên nhân thịnh trị thời vua Nghiêu, vua Thuấn, bài học bại

vong của vua Kiệt, vua Trụ, ghi chép lại lưu giữ nơi nhà minh đường. Qua đó thấy rằng tài năng tâm trí của bậc Thánh nhân đáng gọi là viên dung vậy.

(*Theo sách Hoài Nam Tử - Chủ thuật huấn - Quyển 31*)

Nguyên văn:

四：應事

三〇五

艮止也時止則止，時行則行，動靜不失其時其道光明。（卷一，周易）。

Phiên âm:

TỨ: ỨNG SỰ

305

Cấn (1), chỉ đã, thời chỉ (2) tắc chỉ, thời hành (3) tắc hành, động tĩnh bất thất kỳ thời, kỳ đạo quang minh. (**Quyển 1 - Chu dịch**).

Chú thích:

- (1) Cấn: Tên một quẻ trong 64 quẻ trong sách *Chu dịch*.
- (2) Thời chỉ: Dựa theo thời cơ nên dừng thì dừng.
- (3) Thời hành: Theo thời cơ nên hành thì hành.

Diễn giải:

Cấn, có ý là dừng theo thời cơ nên dừng thì dừng, theo thời cơ nên hành thì hành, khi động khi tĩnh không lẫn lộn thời cơ, thì con đường đi sáng sủa.

(*Theo sách Chu dịch - Quyển 1*)

Nguyên văn:

三〇六

李憲和序季和, 上黨人也. 累辟三府, 不就. 宣帝復辟為太傅屬固辭. 世宗輔政命憲待為將軍從中郎. 憲引見, 謂謂曰: “昔先公辟君而不應今孤命君而, 至, 何也?” 對曰: “先君以禮見待, 憲得以禮進退, 明公以法繩, 憲畏法而至. 甚敬重焉, 遷太常司隸校尉. (卷二十九, 晉書夏-百官志).

Phiên âm:

306

Lý Hi (1), tự Quý Hòa, Thượng Đẳng (2) nhân dã. Lũy tích (3) tam phủ (4) bất tự. Tuyên Đế (5) phục tích vi Thái truyền (6) thuộc, cố từ (7). Thế tông (8) phụ chính (9), mệnh Hí vi đại tướng quân tòng sự Trung lang. Hí đáo dẫn kiến, vị Hí viết: “Tích tiên công (10) tích quân nhi bất ứng, kim cô (11) mệnh quân nhi chí, hà dã?”. Đối viết: “Tiên quân dĩ lễ kiến đãi (12), Hí đắc dĩ lễ tiến thoái. Minh công (13) dĩ pháp kiến thẳng (14), Hí ụy pháp nhi chí”. Đế thậm kính trọng yên, thiên (15) Thái thường Tư lệ hiệu ụy. (Quyển 29 - Tấn thư hạ - Bách quan chí).

Chú thích:

(1) Lý Hí: Người thời nhà Tấn ở huyện Đồng Đồng, quận Thượng Đẳng (nay là miền nam huyện Thẩm, tỉnh Sơn Tây).

(2) Thượng Đẳng: Địa danh xưa nhất tại nước Tấn thời Xuân Thu. Thời Tây Tấn, có 10 huyện: Lộ, Truân Lưu, Hồ Quan, Trường Tử, Huyền Thị, Cao Đô, Đồng Đồng, Niết, Tương Hoàn, Vũ Hương.

(3) Lũy tích: Nhiều lần trưng gọi, liên tục.

(4) Tam phủ: Quan làm đến Tam công thì được lập phủ riêng, người ta quen gọi quan tam công là tam phủ. Thời Tây Hán tam công gồm Thừa tướng [Đại tư đồ], Thái úy (Đại Tư mã), Ngự sử đại phu (Đại Tư không). Thời Đông Hán tam công là Thái úy, Tư đồ, Tư không, còn gọi là tam ty, nắm toàn quyền quản lĩnh quân

đội hành chính. Sách *Hậu Hán thư – Thừa cung truyện* viết “Tam phủ canh tịch, giai bất ứng”. Lý Hiễn chú giải: “Tam phủ, là phủ Thái úy, phủ Tư đồ, phủ Tư không”.

(5) Tuyên đế: Vua Tấn Tuyên đế Tư Mã Ý.

(6) Thái truyền: Chức quan thời cổ, bắt đầu vào triều nhà Tây Chu có nhiệm vụ làm phụ tá cho vua, chế định lễ pháp và ban hành lễ pháp, là một trong tam công. Thời Chiến Quốc, nước Sở nước Tề cũng lập quan Thái truyền, nhà Tấn bỏ chức này, nhà Tây Hán có bố trí chức này thời gian ngắn, thời Đông Hán thì khôi phục chức này, các triều đại về sau đều bố trí chức này, thường dùng một đại quan kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ này, không thực chức, làm việc phụ đạo cho Thái tử, như thể quan Đông cung.

(7) Cố từ: Kiên quyết từ chối.

(8) Thế Tông: Túc Tư Mã Sư (208-255 CN), tự là Tử Nguyên, người miền Ôn Hà Nội (nay là huyện Ôn, tỉnh Hà Nam), là tay quyền thần cuối triều nhà Ngụy thời Tam Quốc, chức quan tới Đại tướng quân, là bác ruột của vua Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, Tư Mã Sư là con trai đầu lòng của Tư Mã Ý và Trương Xuân Hoa, anh của Tư Mã Chiêu. Sau khi nối quyền của cha, Tư Mã Sư làm trong sạch nội bộ, và bình định nội loạn, đánh bại Gia Cát Khác, và khống chế chính quyền nước Ngụy. Sau khi Tư Mã Sư qua đời, người em là Tư Mã Chiêu đều được thụ phong làm Tấn vương, truy phong cho Tư Mã Sư là Tấn Cảnh vương. Sau khi Tư Mã Viêm xưng đế thì truy phong bác mình là Tấn Cảnh, mộ đề Tuấn Bình, miếu hiệu Thế Tông.

(9) Phụ chính: Phụ tá chính trị.

(10) Tiên công: Chỉ Tư Mã Ý.

(11) Cô: Các vương hầu thời cổ tự xưng là cô. Sách “*Lễ ký – Khúc lễ hạ*” viết: “Các tiểu hầu thứ phương vào nước thiên tử nói mỗ nhân, ở ngoài là tử, tự xưng là cô”.

(12) Kiến đãi: Đối đãi.

(13) Minh công: Tôn xưng với người có địa vị cao.

(14) Kiến thẳng: Gò bó.

(15) Thiên: Thặng chức.

Diễn giải:

Lý Hi (Hí) tự là Quý Hòa, người Đồng Đổng, Thượng Đảng, nhiều lần được mời gọi làm chức quan cao, nhưng ông đều không chịu làm. Tư Mã Ý khi làm chức Thái truyền, mời gọi ông làm thuộc quan, ông giả bệnh bị câm, không nhận chức. Vào niên hiệu Gia Bình thứ ba (251 CN), Tư Mã Ý qua đời, con là Tư Mã Sư lên nắm toàn quyền quân chính nước Ngụy, bổ nhiệm Lý Hi làm Đại tướng quân tòng sự Trung lang. Sau khi đáo nhiệm, Lý Hi được mời đến ra mắt Tư Mã Sư, Tư Mã Sư hỏi: “Trước đây cha ta đã từng bổ nhiệm ông, nhưng ông không chịu làm, nay ta bổ nhiệm thì ông nhận làm, tại sao như vậy?” Lý Hi trả lời: “Tiên quân dùng lễ với tôi, tôi có thể nhận lời hay từ chối, còn ngài dùng luật trói buộc tôi, tôi sợ phạm pháp nên phải đến”. Tư Mã Sư nghe thế rất kính trọng Lý Hi, thăng Lý Hi lên chức Thái thường Tư lệ Hiệu úy.

(Theo sách Tấn thư hạ - Bách quan chí - Quyển 29)

Nguyên văn:

三〇七

權衡者，所以起輕重之數也，然而人弗事者，非心惡利也，不能為之多少其數，而衡不能為之輕重其量也。人知事權衡之無益，故弗事也。（卷三十二，管子，明法解）。

Phiên âm:

307

Quyển (1) hành (2) giả, sở dĩ khởi khinh trọng chi số dã, nhiên nhi nhân phát sự giả, phi tâm ố (3) lợi dã, quyền bất năng vi chi đa thiểu (4) kỳ số, nhi hành bất năng vi chi khinh trọng (5) kỳ lượng dã. Nhân tri sự quyền hành chi vô ích, cố phát sự dã. (Quyển 32 - Quản Tử - Minh pháp giải).

Chú thích:

- (1) Quyển: Dụng cụ đo lường nhiều ít.
- (2) Hành: Quả cân, dùng đo lường nặng nhẹ.
- (3) Ổ: Ghét.
- (4) Đa thiếu: Chỉ số lượng vật nhiều ít.
- (5) Khinh trọng: Chỉ vật nặng nhẹ.

Diễn giải:

Cái quyền cái hành là công cụ để xác định nhiều ít, nặng nhẹ, nên người ta mới không thể bỏ quyền hành. Tâm lý con người thường háo lợi, vì người ta không thể thay cái quyền để biết chính xác số lượng, cũng không thể thay cái hành để biết chính xác trọng lượng. Người ta cần cái quyền cái hành để xử lý sự việc công chính, không có cửa cho bọn gian trá.

(Theo sách **Quản Tử - Minh pháp giải - Quyển 32**)

Nguyên văn:

三〇八

莊公問晏子曰：“威當世而服天下，時耶？”對曰：“行也”。公曰：“何行？”對曰：“能愛邦內之民者，能服不境外不善，重士民之死力者，能禁暴國之邪；中聽任聖者，能威侯；安仁義而樂利世者，能服天下”。（卷三十三，晏子，問上）。

Phiên âm:

308

Trang Công vấn Yến Tử, viết: “Uy đương thế nhi phục thiên hạ (1), thời da (2)?”. Đối viết: “Hành dã”. Công viết: “Hà hành?” Đối viết: “Năng ái bang nội chi dân giả, năng phục cảnh ngoại chi

bất thiện; Trọng sĩ dân chi tử lực (3) giả, năng cấm bạo quốc chi tà (4); Trung thính nhiệm thánh (5) giả, năng uy chư hầu; An nhân nghĩa nhi lạc lợi thế giả, năng phục thiên hạ”. (Quyển 33 - Yến Tử - Vấn thượng).

Chú thích:

- (1) Phục thiên hạ: Được cả thiên hạ quy phục.
- (2) Thời da: Thời cơ chẳng?
- (3) Tử lực: Cứng mạnh toàn thân.
- (4) Bạo quốc chi tà: Thế lực tà ác tàn hại nước nhà.
- (5) Trung thính nhiệm thánh: Nên tin tưởng nghe lời người đức hạnh cao thượng, người thông đạt sự lý.

Diễn giải:

Vua Tề Trang Công hỏi Yến Tử: “Để oai chấn đương thời khiến người trong thiên hạ quy phục thì phải như thế nào?”. Yến Tử trả lời: “Tùy nơi hành vi”. Vua Tề Trang Công hỏi tiếp: “Hành vi thế nào?”. Yến Tử nói: “Nhà vua nên thương yêu nhân dân trong nước mình, nên làm cho người nước ngoài tìm đến quy phục. nhà vua coi trọng người dân hết sức làm việc vì quốc gia, có khả năng diệt hết bọn tà ác gian xảo trong nước, có khả năng nghe theo và tín nhiệm sử dụng người đức hạnh cao thượng, hiểu thông sự lý. Nhà vua như thế thì có thể uy chấn chư hầu, giảng điều nhân nghĩa, vui với việc làm lợi ích cho thế gian thì chiết phục được thiên hạ”.

(Theo sách Yến Tử - Vấn thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

三〇九

聖處無為之事，行不言之教。萬物作焉而不辭。生而不有，為而不恃。（卷三十四，老子，道經）。

Phiên âm:

309

Thánh nhân xử vô vi chi sự (1), hành bất ngôn chi giáo (2), vạn vật tác yên (3), nhi bất từ (4). Sinh nhi bất hữu (5), vi nhi bất thị (6), (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo kinh).

Chú thích:

- (1) Xử vô vi chi sự: Xử sự vô dục vô vi, thuận theo tự nhiên.
- (2) Hành bất ngôn chi giáo: Giáo hóa bằng hành vi, không thông qua lời giảng dạy.
- (3) Tác yên: Bốc lên, nảy mầm.
- (4) Bất từ: Không gượng gạo cản trở.
- (5) Sinh nhi bất hữu: Vạn vật sinh trưởng không phải do mình.
- (6) Vi nhi bất thị: Giúp đỡ vạn vật mà không tự thị khả năng của mình.

Diễn giải:

Bậc Thánh nhân dùng “Vô vi” trong thái độ hành sự, thực hành phương pháp giáo hối “Không nói”. Khi vạn vật bắt đầu sinh nở, trưởng thành không can thiệp vô, vạn vật sinh dưỡng không phải do mình, giúp đỡ vạn vật mà không tự thị khả năng của mình.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

三一〇

士先避患而後就利，先遠辱而後求名。故聖人裳從事於無形之外，而不留心盡慮於已成之內，是以患禍無由至，非譽不能陳垢也。（卷三十五，文子，微明）。

Phiên âm:

310

Thượng sĩ (1) tiên tỵ hoạn nhi hậu tỵ lợi, tiên viễn nhục nhi hậu cầu danh. Cổ Thánh nhân thường tòng sự ư vô hình chi ngoại (2), nhi bất lưu tâm tận lực ư dĩ thành chi nội, thị dĩ hoạn hoạ vô do chí, phi dự (3) bất năng trần cấu (4) dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Vi minh**).

Chú thích:

- (1) Thượng sĩ: Bạc hiền sĩ cao minh.
- (2) Vô hình chi ngoại: Chỉ sự tình khi còn chưa thành hình.
- (3) Phi dự: Tiếng ác xấu vang lừng.
- (4) Trần cấu: Dơ bẩn, tỳ vết.

Diễn giải:

Bạc hiền sĩ cao minh kiêng lánh họa hoạn trước, rồi sau mới đi tìm lợi ích; Ban đầu không để bị sỉ nhục rồi sau mới cầu được thanh danh. Thế cho nên bậc Thánh nhân thường dốc sức vào những sự tình từ lúc nó chưa thành hình mà không phí tâm tính toán ở việc khi đã hoàn thành, nhờ thế nên tránh được tai họa, không bị hủy báng sỉ nhục.

(*Theo sách Văn Tử - Vi minh - Quyển 35*)

Nguyên văn:

三一一

若夫臨官治事者，案其法民敬事；任士進賢，保其後，則民舉；
議國親事者，盡實則民敬言。（卷三十六，尸子，發蒙）。

Phiên âm:

311

Nhược phù (1) lâm quan trị sự giả, án kỳ pháp (2), tắc dân kính sự; Nhiệm sĩ tiến hiền giả, bảo kỳ hậu (3), tắc dân thận cử (4), nghị quốc thân sự giả (5), tận kỳ thực (6), tắc dân kính ngôn (7).
(Quyển 36 - Thi Tử - Phát mông)

Chú thích:

- (1) Nhược phù: Trợ từ dùng ở đầu câu, biểu thị tiếp theo hoặc chuyển chiết.
- (2) Án kỳ pháp: Theo pháp mà thực thi chính vụ.
- (3) Bảo kỳ hậu: Biểu hiện phụ trách người được tin dùng về sau.
- (4) Thận cử: Cẩn thận trong việc tiến cử.
- (5) Nghị quốc thân sự giả: Chế định phương châm đại chính, tổng lý sự vụ quan lại của quốc gia.
- (6) Tận kỳ thực: Chỉ làm việc bám sát thực tế.
- (7) Kính ngôn: Phát biểu ngôn luận chân thực một cách nghiêm túc.

Diễn giải:

Nếu quan lại có thể theo đúng pháp lệnh hành chính trong cai trị, thì lẽ nào bách tính không cung kính làm việc của mình; Tin tưởng và tiến cử người hiền tài ra làm quan là có trách nhiệm với lớp người sau này, thì lẽ nào nhân dân không cùng nhau tiến cử nhân tài. Chế định phương châm đại chính, tổng lý sự vụ quan lại của quốc gia, làm việc bám sát thực tế thì bách tính phát biểu ngôn luận chân thực một cách nghiêm túc.

(Theo sách Thi Tử - Phát mông - Quyển 36)

Nguyên văn:

三一二

慮善以動, 動惟厥時. (卷二, 尚書).

Phiên âm:

312

Lự thiện (1) dĩ động, động duy (2) quyết (3) thời. (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Thiện: Hoàn thiện.
- (2) Duy: Ngấm nghĩ, liệu định.
- (3) Quyết: Đại từ chỉ cái ấy, nó.

Diễn giải:

Phàm việc gì sau khi đã suy xét ổn thỏa hoàn hảo rồi mới làm. Làm thì trước hết phải chọn thời cơ. Làm sao cho hành động hợp thời cơ và nhu cầu.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

三一三

天地之道, 極即反, 益即損, 故聖人治弊而改制事終而更矣.
(卷三十五, 文子, 上禮).

Phiên âm:

313

Thiên địa chi đạo, cực tắc phản, ích tắc tống, cổ Thánh nhân

trị tậ (1) nhi cải chế, sự chung (2) nhi canh vi (3) hĩ. (**Quyển 35 - Văn Tử - Thượng lễ**).

Chú thích:

- (1) Trị tậ: Xử lý khi xuất hiện tậ bệnh.
- (2) Chung: Cùng tận, hết.
- (3) Canh vi: Cải biến, giải pháp.

Diễn giải:

Quy luật vận hành sự vật của trời đất là khi đạt tới chỗ cùng cực thì quay trở lại (cực tắc phản), đầy thì hao (ích tắc tổn), cho nên bậc Thánh nhân cai trị đất nước khi tậ bệnh xuất hiện thì cải cách chế độ, khi sự tình lưu hành không thông thì cải biến phương pháp cai trị.

(Theo sách Văn Tử - Thượng lễ - Quyển 35)

Nguyên văn:

五：慎始終

三一四

恒[象]曰：“雷風。恒，君子以立不易方。（卷一，周易）。

Phiên âm:

NGŨ: THẬN THỦY CHUNG

314

Hằng (1) [tượng] viết: “Lôi phong (2), hằng. Quân tử bất dị phương (3). (**Quyển 1 - Chu dịch**).

Chú thích:

- (1) Hằng: Một quẻ trong 64 quẻ *Kinh Dịch*. Quẻ Hằng gồm chấn trên, tổn dưới, biểu thị đạo trường cửu bất biến.

(2) Lôi phong: Chỉ quẻ Hằng, trên chấn là lôi, dưới tốn là phong.

(3) Quân tử dĩ lập bất dị phương: Chỉ người quân tử bắt chước phong lôi đang dịch của quẻ Hằng, đạo vũ trụ thường mới mà không cải biến, chỉ quẻ Hằng rốt cùng trở lại như gốc, là tinh thần của đạo Hằng.

Diễn giải:

Quẻ Hằng, [tượng truyện] thuyết: “Chấn ở trên là sấm sét (lôi), chấn ở dưới là gió (phong), đó là quẻ Hằng. Thường tình trời đất sấm sét thì gió nổi, sấm gió loạn xạ thì vũ trụ thường mới, người quân tử bắt chước tinh thần của quẻ Hằng mà không cải biến.

(Theo sách **Chu dịch - Quyển 1**)

Nguyên văn:

三一五

咎繇曰：“都！慎厥脩，思永。惇敘九族庶明厲翼，邇可遠，”。

在茲

(卷二，尚書)。

Phiên âm:

315

Cửu Dao (1) viết: “Đô (2)! Thận quyết (3) thân tu, tư vĩnh (4). Đôn tự (5) cửu tộc (6), thứ minh lệ dục (7), nhĩ hả viễn (8), tại tư (9)”. (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Cửu Dao: Tức ông Cao Dao.

(2) Đô: Từ biểu thị tán thán, cổ lén gắng lên.

(3) Quyết: Nó, ông ấy, cái ấy.

(4) Tư vĩnh: Chỉ tu thân nên suy tính cái lớn cái lâu dài.

- (5) Đôn tự: Đôn nghĩa là hậu, tự nghĩa là thứ lớp, thứ tự.
- (6) Cử tộc: Xem chú thích bài thứ 66.
- (7) Thứ minh lệ dục: Thứ nghĩa là chúng, minh nghĩa là hiển minh, lệ nghĩa là gắng lên, khích lệ, dục nghĩa là phụ trợ.
- (8) Nhĩ: Khá xa, từ gần có thể đẩy đi xa.
- (8) Tại tư: Tại đó.

Diễn giải:

Ông Cao Dao nói: “Này! Nên tự đòi hỏi bản thân mình, sao cho tư tưởng phẩm đức của mình ngày một cao hơn, phải siêng năng kiên trì không chút bê trễ, phải giữ thứ tự già trẻ, người thân kẻ sơ, cùng thân mến đồng lòng với nhau và nhận rõ sự giáo đạo của vua mình, mà tôi cũng tự cố gắng, theo chân nhà vua hiển minh, góp sức cai trị quốc gia, đó là đạo lý từ gần có thể vươn ra xa vậy”.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

三一六

號令已出又易之，禮義已行又止之，度量已制又遷之，刑法已措又移之。如是，則賞慶雖重，民不勸也；殺戮雖繁，民不畏也。
(卷三十二，管子，法法)。

Phiên âm:

316

Hiệu lệnh dĩ xuất hựu dịch (1) chi, lễ nghĩa dĩ hành hựu chỉ chi, độ lượng dĩ chế hựu thiên chi, hình pháp dĩ thổ hựu di chi. Như thị, tặc tưởng khánh (2) tuy trọng, dân bất khuyến (3) dã, sát lục (4) tuy phồn, dân bất úy dã. (**Quyển 32 - Quản Tử - Pháp pháp**).

Chú thích:

- (1) Dịch: Canh cải, đổi mới, thay đổi.
- (2) Thường khánh: Tường thưởng.
- (3) Bất khuyến: Không giúp làm tăng thế lực.
- (4) Sát lục: Sát hại, giết chết, chỉ hình phạt.

Diễn giải:

Hiệu lệnh đã ban ra thì lại thay đổi. Lễ nghĩa đã cho thực hiện thì lại bảo ngưng; Pháp quy độ lượng đã qua chế định lại cải biến; Hình pháp đã đem ra thực hành rồi lại bãi bỏ. Cai trị như thế thì dù thưởng trọng hậu, nhân dân cũng không chịu nỗ lực, hình phạt dù nhiều, nhân dân cũng chẳng kiêng sợ.

(Theo sách Quản Tử - Pháp pháp - Quyển 32)

Nguyên văn:

三一七

桓公, 管重, 鮑叔牙, 寧戚, 四人飲, 飲酣, 桓公謂叔牙曰: “盍不起為寡人壽乎? 叔牙奉杯而起, 曰: “使公無出而在於莒, 使管重無忘束縛於魯也, 使寧戚無忘飯牛車下也”. 桓公避席再拜曰: “寡人與二大夫能無忘夫子之言, 則國之社稷必不危矣”. (卷三十二, 管子, 小稱).

Phiên âm:

317

Hoàn Công, Quản Trọng, Bào Thúc Nha, Ninh Thích, tứ nhân ẩm. Ẩm hàm, Hoàn Công vị Thúc Nha, viết: Cái bất (1) khởi vi quả nhân (2) thọ (3) hồ?”. Thúc Nha phụng bôi (4) nhi khởi, viết: “Sử công vô vong xuất nhi tại ư Cử (5), sử Quản Trọng vô

vong thúc phược tại ư Lỗ (6) dã, sử Ninh Thích vô vong phạm ngư xa hạ (7) dã”/ Hoàn công tỵ tịch (8) tái bài viết: “Quả nhân dữ nhị đại phu năng vô vong phu tử chi ngôn, tắc quốc chi xã tắc (9) tất bất nguy hĩ”. (**Quyển 32 - Quán Tử - Tiểu xứng**).

Chú thích:

- (1) Hà [hạ] bắt: Sao không.
- (2) Quả nhân: Người kém đức, các vua thời cổ tự xứng, [nói khiêm].
- (3) Thọ: Dùng vàng lụa làm quà tặng hoặc rót rượu kính tửu chúc tửu đều gọi là “Thọ”, mừng thọ.
- (4) Phụng bôi: Nâng cốc rượu lên ngang mày.
- (5) Sử công vô vong xuất nhi tại ư Cử: Vào thời Xuân Thu, nước Tề rối loạn, từng tị nạn ở nước Cử, sau về làm vua nước Tề. Bào Thúc Nha nâng cốc rượu kính chúc Hoàn Công, chúc nhà vua đừng quên thời kỳ phải trốn sang nước Cử, cảnh tỉnh thời nhà vua hàn vi khổ nạn. Sách *Lễ ký - Vương chế* viết: “Chế độ tước lộc của vương giả có 5 đẳng cấp là công- hầu - bá - tử - nam”, ở đây chỉ Tề Hoàn Công.
- (6) Quán Trọng vô vong thúc phược tại ư Lỗ: Nhắc Quán Trọng đừng quên thời gian bị ở tù tại nước Lỗ.
- (7) Sử Ninh Thích vô vong phạm ngư xa hạ: Nhắc Ninh Thích đừng quên thời gian phải làm nô lệ đánh xe bò.
- (8) Tỵ tịch: Người xưa ngồi nơi chiếu trải trên nền nhà, biểu thị kính trọng khách, khi đứng lên gọi là “Tỵ địa”.
- (9) Xã tắc: Chỉ quốc gia.

Diễn giải:

Vua Tề Hoàn Công cùng ngồi uống rượu với ba vị cận thần Bào Thúc Nha, Quán Trọng và Ninh Thích, đến khi ngà ngà, Tề Hoàn Công nói với Bào Thúc Nha: “Sao ông không nâng cốc chúc ta trường thọ?”. Bào Thúc Nha, bưng chén rượu đứng lên nói: “Cầu chúc bề hạ không quên cái thời lánh nạn ở nước Cử, chúc cho ông bạn Quán Trọng không quên cái thời bị ở tù tại nước Lỗ, chúc cho ông Ninh Thích không quên cái thời chặn bò đánh xe bò”. Vua Tề

Hoàn Công liền đứng lên bái Bào Thúc Nha hai bái nói: “Quả nhân và hai vị đại phu xin hứa không bao giờ quên nhắc nhở của phu tử, Như vậy thì quốc gia nhất định khỏi phải lâm vào chỗ nguy nan”.

(Theo sách **Quản Tử - Tiểu xưng - Quyển 32**)

Nguyên văn:

三一八

昔先君公方賢而贊德之時，亡國恃以存，危國仰以安，是以民樂其政而世高其德。行遠征暴勞者不疾；驅內使朝子諸侯不怨。當是時，盛君之行，不能進焉。及其卒而衰，怠於德而並於樂，身若於婦侍而謀因於豎刁，是以民苦其政而世非其行，故身死胡宮而不舉，蟲而不收。當是時也，桀，紂之卒不能惡焉。
(卷三十三，晏子，諫上)。

Phiên âm:

318

Tích tiên quân (1) Hoàn Công, phương nhiệm hiền nhi tán đức (2) chi thời, vong quốc thị dĩ tồn, nguy quốc ngưỡng dĩ an, thị dĩ dân lạc kỳ chính, hi thế cao kỳ đức, hành viễn chinh bạo, lao giả bất tật (3); Khu hải nội sử triều thiên tử, chư hầu bất oán. Đương thị thời, thịnh quân (4) chi hành, bất năng tiến yên. Cập kỳ tốt nhi suy, đãi ư đức nhi tịnh ư lạc đã ư đức nhi tịnh ư lạc, thân nhược ư phụ thị (5), nhi mưu nhân ư Thụ Điều (6), thị dĩ dân khổ (7) kỳ chính, nhi thế phi (8) kỳ hành. Cố thân tử hồ cung (9) nhi bất cử (10), trùng xuất nhi bất thu (11). Đương thị thời dã, Kiệt, Trụ chi tốt, bất năng (12) ố (13) yên (14). (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián thượng**).

Chú thích:

(1) Tiên quân: Vua trước đây.

(2) Tán đức: Ca tụng đạo đức.

- (3) Bất tật: Không ghét hận.
- (4) Thịnh quân: Vua thánh minh.
- (5) Nhược ư phụ thị: Chỉ việc Tể Hoàn Công chìm đắm vào nữ sắc.
- (6) Thụ Điều: Người nước Tề thời Xuân Thu, tự hiến để được ở gần vua. Vua Tể Hoàn Công không nghe di ngôn của Quản Trọng, tin dùng 2 tên Dịch Nha, Thụ Điều. Khi vua Hoàn Công lâm trọng bệnh thì Thụ Điều làm loạn, không cung cấp thức ăn cho vua. Hoàn công sau khi biết được, lấy tay áo che mặt, rồi qua đời.
- (7) Khổ: Sợ, đau khổ.
- (8) Phi: Phản đối.
- (9) Hồ cung: Tẩm cung, nơi ngủ.
- (10) Bất cử: Không báo.
- (11) Trùng xuất nhi bất thu: Thi thể để lâu ngày bị giòi bọ, vua Tể Hoàn Công chết thì 5 con đánh nhau giành ngôi vua Tề. Khi nước Tề có vua mới thì tổ chức an táng, thi thể Hoàn Công vì để lâu không chôn nên bị giòi bọ.
- (12) Bất năng: Bất cập, vị cập, không kịp.
- (13) Ố: Hư hoại.
- (14) Yên: Cảm thán, nghĩa như ư.

Diễn giải:

Vua Tể Hoàn Công trước đây tin dùng hiền lương quý trọng nhân đức, lấy dân làm chỗ dựa để quốc gia không bại diệt, chuyển nguy thành an. Do đó bách tính rất làm yêu thích chính sách của vua, tôn sùng vua. Khi đi thảo phạt quân địch những nơi rất xa, mọi người thân chịu khổ sở phục dịch mà không ai oán hận, các nước chư hầu triều kiến thiên tử thảy đều kính phục. Đến tuổi già, vua lười biếng chính sách đức độ, đất nước suy dần, vua lại tham luyến dâm ô, hưởng lạc chìm trong mỹ sắc, nghe tin lời bợn Thụ Điều mưu tính khiến dân tình ta oán. Sau chết trong tẩm cung chẳng ai hay, chẳng ai chôn; xác chết sinh giòi bọ bị vất ra ngoài

tường thành. Thời Hạ Kiệt bạo ngược, Thương Trụ chết cũng không thảm thiết bằng!

(Theo sách Yển Tử - Gián thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

三一九

為者敗之，執者失之，聖人無為故無敗。民之從事，常於幾成而敗之。（卷三十四，老子，德經）。

Phiên âm:

319

Vi giả bại chi, chấp giả thất chi, Thánh nhân vô vi cố vô bại. Dân chi tùng sự (1), thường ư ki thành (2) nhi bại chi. (Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh).

Chú thích:

(1) Tùng sự: Làm việc.

(2) Ki thành: Ki nghĩa là tương cận, ki thành nghĩa là gần thành.

Diễn giải:

Có làm là có bại, có chấp là có bại. Cho nên, bậc Thánh nhân làm chính trị thì dùng phương thức vô vi vô chấp, thì không bị thất bại. Có những người làm việc sắp thành công thì bị thất bại, vì tham vị háo danh, xa xỉ ham muốn tràn đầy nên dễ bị thất bại.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

三二〇

夫積愛成福, 積憎成禍. 人皆知救禍患, 莫知使患無生. 夫使患無生, 易於救禍. 今人不務使患無生, 而務於救之, 雖神聖人不能為謀也. (卷三十五, 文子, 微明).

Phiên âm:

320

Phù tích ái thành phúc, tích tăng thành họa. Nhân giai tri cứu hoạn, mạc tri sử hoạn vô sinh. Phù sử hoạn vô sinh, dị ư cứu hoạn. Kim nhân bất vụ (1) sử hoạn vô sinh, nhi vụ ư cứu chi, tuy thần Thánh nhân, bất năng vi mưu (2) dã. (**Quyển 35 - Văn Tử - Vi minh**).

Chú thích:

- (1) Vụ: Gắng sức làm việc.
- (2) Mưu: Trù tính.

Diễn giải:

Ban bố nhân ái nhiều thì tích phước cho mình nhiều, cừu hận nhiều là rước vạ lớn vào thân. Con người ta ai cũng biết cái hại của tai họa nhưng lại không biết làm sao cho tai họa không xảy ra. Làm cho tai họa không xảy ra dễ dàng hơn cứu tai vạ. Ngày nay người ta không có thể lực ngăn tai họa không xảy ra mà ra sức cứu lấy thôi. Ngay cả thần thánh cũng không có cách sách lược giúp cho họ.

(Theo sách Văn Tử - Vi minh - Quyển 35)

Nguyên văn:

六：養生

三二一

甚愛即大費，多藏必厚亡，知足不辱，知止不怠，可以長久。
(卷三十四，老子，德經)。

Phiên âm:

LỤC: DƯỠNG SINH

321

Thậm ái tất đại phí (1), đa tàng tất hậu vong (2). Tri túc bất nhục (3), tri chỉ bất đãi (4), khả dĩ trường cửu. (**Quyển 34 - Lão Tử - Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) Thậm ái tất đại phí: Tham lam danh lợi quá lỗ nhất định bị hao tổn nghiêm trọng. Thậm ái nghĩa là tham ái quá lỗ, chỉ việc truy cầu danh lợi quá đáng. Đại phí là hao tổn nghiêm trọng.
- (2) Đa tàng tất hậu vong: Thu trung liêm cao làm giàu cho mình, nhất định tổn hại nghiêm trọng. Hậu là nghiêm trọng.
- (3) Tri túc bất nhục: Biết đủ thì dừng sẽ không bị hổ thẹn.
- (4) Tri chỉ bất đãi: Biết đến đâu thì nên dừng thì không bị lao tâm khổ tứ. Đãi là nguy hiểm.

Diễn giải:

Tham ái danh lợi quá lỗ nhất định sẽ bị hao tổn nghiêm trọng. Lo mua rẻ bán mắc, tích tụ tiền của cho nhiều nhất định sẽ bị hao tổn nghiêm trọng. Người nào biết đủ thì suốt đời không bị hổ thẹn, nhục nhã, biết dừng lại đúng chỗ nên dừng, thì khỏi phải lao tâm khổ tứ hại thân. Người biết đủ, biết dừng thì có khả năng trường thọ.

(Theo sách **Lão Tử - Đạo Đức Kinh - Quyển 34**)

Nguyên văn:

三二二

神者智之淵也, 神清則智明; 智者心之符也, 智公即心平. 人莫鑑於流水, 而鑑於澄水者, 以其清且靜也. 故神清意平, 乃能形物之情也. (卷三十五, 文子, 九守).

Phiên âm:

322

Thần giả trí chuyên dã, thần thanh tắc trí minh; Trí giả tâm chi phù (1) dã, trí công tức tâm bình. Cố thần thanh ý bình, nãi năng vật chi tình (2) dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Cửu thủ).

Chú thích:

- (1) Tâm chi phù: Biểu trưng của tâm, phù nghĩa là tiêu ký.
- (2) Hình vật chi tình: Mô tả sự vật trung thực.

Diễn giải:

Tinh thần của con người là nơi tụ tập của trí tuệ, trí tuệ minh triết thì tinh thần sáng láng; Trí tuệ là biểu trưng của tâm, nếu công chính vô tư thì nội tâm thanh thản. Dòng nước chảy không phản chiếu mặt mũi con người, mà chỉ mặt nước bình lặng mới có thể phản chiếu được, vì thế, chỉ tinh thần sáng láng, nội tâm thanh thản thì mới có thể nhận thức được thực sự tình hình sự vật.

(Theo sách Văn Tử - Cửu thủ - Quyển 35)

Nguyên văn:

三二三

凡人筋骨欲其固也, 心志欲其和也, 精氣欲其行也. 若此, 則病 vô 無所居而惡無由生矣. (卷三十四, 老子, 德經).

Phiên âm:

323

Phàm nhân trợ cốt dục ì cố dã, tâm chí dục kỳ hoà dã, tinh khí (1) dục kỳ hành dã. Nhược thử, tắc bệnh vô sở cứ, nhi ác (2) vô do sinh hỹ. (Quyển 39 - Lã thị Xuân thu).

Chú thích:

- (1) Tinh khí: Nguyên khí tinh thần của loài người.
- (2) Ác: Tật bệnh.

Diễn giải:

Đại phàm con người đều cho rằng trợ cốt cho cường tráng, tâm chí bình hòa, tinh khí trong cơ thể vận hành thông suốt. Như vậy thì bệnh khí không có chỗ tụ lại, bệnh tật không có lý do nảy sinh.

(Theo sách Lã thị xuân thu - Quyển 39)

Nguyên văn:

陸：明辨

一：邪正

三二四

遯。(象)曰：“天下有山，遯。君子以遠小人，不惡而嚴。九五，嘉遯，貞吉。(卷一，周易)。

Phiên âm:

CƯỜNG MỤC ĐỆ LỤC: MINH BIỆN

NHẤT: TÀ CHÍNH

324

Độn (1), (tượng) viết: “Thiên hạ hữu sơn (2), độn. Quân tử dĩ viễn tiểu nhân, bất ố nhi nghiêm (3), cửu ngũ gia độn, trinh cát (4). (Quyển 1 - Chu dịch).

Chú thích:

- (1) Độn: Tên quẻ, một trong 64 quẻ trong sách Kinh Dịch. Càn thượng là trời,坎 dưới là núi, là tượng bảo thoái ẩn.
- (2) Thiên hạ hữu sơn: Dưới trời (càn) có núi (cấn) chỉ quẻ Độn.
- (3) Quân tử dĩ viễn tiểu nhân, bất ố nhi nghiêm: Khi người quân tử đang phải trốn, thì kẻ tiểu nhân hoành hành, nên phải trốn xa vì không có lực chống lại, không thể làm chuyện ác, cũng không thể a dua cùng bọn tiểu nhân, nên nói “bất ố nhi nghiêm”, giữ nghiêm khiến người ta kính sợ.
- (4) Cửu ngũ, gia độn, trinh cát: Hào thứ 5 của quẻ Độn, dùng cách ẩn tối hảo, nên được cát tường.

Diễn giải:

Quẻ Độn, (Hào truyện) viết: “Càn trên là trời,坎 dưới là núi, trời xanh cao tốt núi không thể với (xí) tới, là quẻ Độn, liệu pháp của người quân tử là tránh xa kẻ tiểu nhân, mà nghiêm luật bản thân mình để kẻ tiểu nhân kính sợ. Hào thứ năm của quẻ Độn này, dùng cách ẩn độn tốt nhất thì được cát tường.

(Theo sách Chu dịch – Quyển 1)

Nguyên văn:

三二五

負也者。小人之事也，乘也者，君子之器也，小人而乘君子之器，道忠奪之矣。

(卷一，周易，繫辭上傳)。

Phiên âm:

325

Phụ (1) dã giả, tiểu nhân chi sự dã. Thừa (2) dã giả, quân tử chi khí dã. Tiểu nhân nhi thừa quân tử chi khí, đạo (3) tử đoạt chi hỹ. (**Quyển 1 - Chu dịch - Hệ từ thượng truyện**).

Chú thích:

- (1) Phụ: Dùng vai gánh vật.
- (2) Thừa: Xe, phương tiện giao thông.
- (3) Đạo: Cướp.

Diễn giải:

Dùng vai vác vật nặng, đó là việc mưu sinh của người bình dân, kiếm chút lợi nhỏ. Xe ngựa kéo là công cụ đi lại của người quân tử đi làm việc. Ngày nay, bách tính ngồi xe ngựa của người quân tử, hãnh diện khoe khoang với người đời, như thế sẽ dẫn đến cái tâm lờ bịp ăn cắp.

(Theo sách Chu dịch - Hệ từ thượng truyện - Quyển 1)

Nguyên văn:

三二六

任賢勿貳, 去邪勿疑, 疑謀勿成. 百志惟熙. (卷二, 尚書).

Phiên âm:

326

Nhiệm hiền vật nhị (1), khứ tà vật nghi. Nghi mưu (2) vật thành, bách chí (3) duy hi (4). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Nhị: Hoài nghi, không tín nghiệm.
- (2) Nghi mưu: Chỉ không thao lược tính toán.
- (3) Bách chí: Các loại quan điểm, ý kiến.
- (4) Hi: Quảng đại, rộng lớn.

Diễn giải:

Một khi tín nhiệm người hiền thì không nên nghi ngại gì nữa. Trừ khử gian tà nên thẳng tay không chút do dự. Không có mưu lược thì không thực thi, nên nghe hết mọi quan điểm rồi mới kết luận.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

三二七

任愷，字元褒，樂安人也，為侍中。愷性忠直以稷為己任，帝器而昵之，政事多諮焉。愷惡賈充之為人，不欲令久執政，每裁抑之，後承間稱愷忠局正宜在東宮，使保護太子。外假稱揚，內斥遠之。帝以為太子少傅，而侍中知固，充計盡不行。會吏部尚書缺，好事者為充謀曰：“愷今總門下樞要，得與上親接宜啟令典選，便得漸疏。一都令史事耳！且九流難精，間隙易乘”。充即啟稱愷才能宜在官人之職。世祖不疑充挾邪，而選官所望，唯賢是任，即日用愷。愷既在尚書，侍覬轉希，充與荀勗，馮沈承間譖潤免官，愷受黜在家。充毀間得行，世祖情遂漸薄。然眾論明愷為人，群共舉愷為尹，甚得朝野稱譽。而賈充明黨，日夜求愷小過，又諷有司，奏愷免官。後起為太裳，不得志，遂以憂卒。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

327

Nhậm Khải (1), tự Nguyên Bao, Lạc An nhân dã, vi Thị trung (2). Khải tinh trung trực, dĩ xã tắc (3) vi kỷ chính, đế khí nhi ni chi (4), chính sự đa tư (5) yên. Khải ố (6) Giả Sung chi vi nhân, bất dục lệnh cừ chấp chính, mỗi tài ức (7) chi. Sung bệnh chi (8), hậu thừa gian (9) xưng Khải trung công cục chính (10), nghi tại đông cung, sử bảo hộ Thái tử. Ngoại giả (11) xưng dương, nội xích viễn chi. Đế dĩ vi Thái tử thiếu truyền, nhi Thị trung như cố, Sung kế tận bất hành, hội (12) Lại bộ Thượng thư khuyết, hảo sự giả vi Sung mưu viết: “Khải kim tổng môn hạ xu yếu, đắc dĩ thượng thân hậu, ngi Khải lệnh điển tuyền (13), tiện đắc tiệm sơ. Thử nhất đô lệnh sử sự nhĩ! Thả cừ lưu nan tinh (14), gian khích dị thừa (15)”. Sung tức Khải, xưng Khải tài năng nghi tại cung nhân chi chức. Thế Tông bất nghi Sung hiệp tà (16), nhi dĩ thiên quan thế vọng, duy hiển thị nhiệm, tức nhật dụng Khải. Khải ký tại Thượng thư, thị kýchuyển hy, Sung dữ Tuân Trợ, Phùng Đảm thừa gian tiếm nhuận (17) miễn quan, Khải thụ truất (18) tại gia, Sung hủy gian (19) đắc hành, Thế Tổ tình toại tiệm bạc. Nhiên chúng luận minh Khải vi nhân, quần cộng cử Khải vi Hà Nam doãn, thậm đắc triều dã xưng dự, nhi Giả Sung bằng đảng, nhật dạ cầu (20) Khải tiểu quá, hựu phúng hữu ty, tấu Khải miễn quan. Hậu khởi vi Thái thường, bất đắc chí, toại dĩ ưu tốt. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Nhậm Khải: (223-384 CN), tự là Nguyên Bao, người Bác Xương quận Nhạc An, thời Tam Quốc, là con của Nhậm Hạo Thiên nhà Tào Ngụy. Nhậm Khải phục vụ hai triều Ngụy, Tấn, xử lý công vụ siêng năng, được mọi người từ trong triều đến các địa phương nông thôn ca tụng, nhưng ông đối lập với băng đảng của Giả Sung, nên con đường hoạn lộ bị trở ngại.
- (2) Thị trung: Chức quan theo sát vua làm cố vấn cho vua.
- (3) Xã tắc: Chỉ quốc gia.
- (4) Đế hí nhi ni chi: Chỉ vua Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm rất quý trọng và thân cận với Nhậm Khải.

- (5) Tư: Tư vấn, hỏi han trao đổi, bàn luận.
- (6) Ố: Ghét, không ưa.
- (7) Tài úc: Yếm chế, tiêu diệt.
- (8) Bệnh chi: Ghét Nhậm Khải.
- (9) Thừa gian: Thừa cơ hội, nhân khi.
- (10) Trung công cục chính: Trung thành công chính. Cục chính nghĩa là có khí độ mà thuần chính.
- (11) Giả: Lợi dụng.
- (12) Hội: Vừa tốt, rất tốt.
- (13) Điển tuyền: Phụ trách việc tuyền nhân tài làm quan.
- (14) Cửu lưu nan tinh: Khó tinh thông các lưu phái. Cửu lưu chỉ các học phái thời Tiên Tần là: Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia.
- (15) Gian khích dị thù: Dễ dàng tìm đến nơi công kích đối phương.
- (16) Hiệp tà: Có ý gian tà trong tâm lý. Hiệp nghĩa là ôm giữ, ẩn tàng.
- (17) Tiếm nhuận: Tích lũy sàm nịnh ngày ngày. Tiếm nghĩa là nói xấu, vu cáo.
- (18) Thụ truất: Bị cách chức quan.
- (19) Hủy gian: Khiêu khích chỉ trích khiến người ta bất hòa.
- (20) Cầu: Bày cách cho được.

Diễn giải:

Nhậm Khải, tự là Hoàn Bao, người Nhạc An thời Tây Tấn, làm chức Thị trung. Nhậm Khải bản tính chính trực trung thành, xem việc nước là trách nhiệm của chính mình, được vua Tấn Thế Tổ Tư Mã Viêm kính trọng và gần gũi thân mật, thường tham khảo ông những chuyện quốc gia đại sự. Nhậm Khải rất ghét con người Giả Sung, chẳng kể Giả Sung quyền hạn cao hơn mình, nhiều lần phê phán Giả Sung, khiến Giả Sung không ưa Nhậm Khải. Về sau Giả Sung tìm ra một cơ hội, làm bộ tâu khen Nhậm Khải trung thành

công chính, một lòng vì nước, tiến cử Nhậm Khải làm phụ tá giúp cho Thái tử. Thoạt nghe như là tán dương Nhậm Khải, mà thực ra thì là bài xích, ý đồ tước bỏ quyền lực của Nhậm Khải, Nhà vua lại bổ nhiệm Nhậm Khải làm chức Thái tử thiếu truyền cũng ngang với chức Thị trung, âm mưu của Giả Sung không thành. Đến khi triều đình khuyết chức Thượng thư bộ Lại, bọn quan nhiều chuyện trong phe Giả Sung hiến kế: “Hiện thời Nhậm Khải đang nắm chức vụ tổng lâm trú môn hạ tể cơ yếu, theo sát hoàng thượng, trực tiếp bàn việc với hoàng thượng được hoàng thượng giao quyền tuyển chọn nhân tài, nên hoàng thượng dễ gì cho Nhậm Khải đi xa. Bây giờ chỉ có cách tâu cho Nhậm Khải qua làm Thượng thư bộ Lại, bộ này nhiều việc, quan trên rất dễ bị sơ sót, để cho ta bới lông tìm vết để ta công kích”. Giả Sung nghe theo, nhân khi có cơ hội, Giả Sung tán dương tài năng của Nhậm Khải xứng đáng bổ nhiệm làm Thượng thư bộ Lại. Vua Thế Tổ không nghi Giả Sung có âm mưu đen tối và cho rằng bộ Lại là nơi quan trọng trong việc tuyển quan, nên bố trí người tài đức, bèn nghe lời tâu ấy, bổ nhiệm Nhậm Khải làm Thượng thư bộ Lại. Từ khi làm Thượng thư bộ Lại, Nhậm Khải dần dần xa vua, Giả Sung cùng bọn Tuân Úc, Phùng Đảm bịa chuyện vu hãm Nhậm Khải, đến nỗi Nhậm Khải bị cách chức đuổi về nhà, Giả Sung bày kế ly gián đến nỗi tình cảm của nhà vua đối với Nhậm Khải nhạt phai dần. Song quần thần đều biết nhân cách của Nhậm Khải, cùng tâu xin cho Nhậm Khải nhậm chức Hà Nam doãn. Nhậm Khải làm được một thời gian, được mọi người tán tụng, nhưng bè đảng của Giả Sung luôn moi móc sai sót của Nhậm Khải rồi tâu xin cách chức Nhậm Khải. Sau đó, triều đình lại tin dùng trở lại Nhậm Khải, bổ làm chức Thái thường, Nhậm Khải cảm thấy rất bất đắc chí, buồn rầu mà chết.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

三二八

郤先, 字廣基, 滌龔人也. 舉賢良對策曰: “臣竊觀乎古今而考美惡, 古人相與求賢, 今人相與求爵, 此風俗所以異流也”.
(卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

328

Tế Thâm (1), tự Quảng Cơ, Tế Âm nhân dã, cử hiền lương đối sách (2) viết: “Thần thiết quán hồ cổ kim nhi khảo (3) kỳ mỹ ố, cổ nhân tương dũ (4) cầu hiền, kim nhân tương dũ cầu tước, thủ phong tục sở dĩ (5) dị lưu dã”. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Tế Thâm: Là quan Chế sú Ung Châu thời Tấn, tự là Quảng Cơ, người Đan Phụ, có học vấn tốt, kiến thức rộng, khí vũ hơn người, xử sự quyết đoán, năng động trước tình hình thế sự, lập nhiều công tích nên được nhiều người trong triều ngoài địa phương tán tụng. Tế Thâm thi đối sách về sách lược chính trị quốc gia, đệ nhất thiên hạ.

(2) Cử hiền lương đối sách: Thời cổ, sĩ tử trả lời câu hỏi của vua về sách lược trị nước. Sĩ tử đề xuất phương lược trị nước. Thời Nam triều Lương có Lưu Hiệp viết sách *Văn tâm điều long - Nghị đối* viết: “Đối sách là ứng đối giải trình giải pháp chính trị”.

(3) Khảo: Nghiên cứu, xem xét.

(4) Tương dũ: Tương hài, tương hỗ, giúp nhau.

(5) Sở dĩ: Hà dĩ, vì hà, làm sao.

Diễn giải:

Tế Thâm, tự Quảng Cơ, người Tế Âm (nay là huyện Định Đào, tỉnh Sơn Đông). Đề xuất đối sách hiền lương, ông nói: Thần tự quan sát xã hội xưa nay, mà nghiên cứu tìm ra nguyên nhân

thiện ác. Người xưa giúp nhau tìm cầu người tài đức tiến cử ra làm việc cho nhà nước, còn ngày nay người ta giúp nhau tìm cầu tước vị. Đó là nguyên nhân dẫn đến phong tục khác nhau giữa người xưa và người nay.

(Theo sách **Tấn thư hạ** - **Truyện** - **Quyển 30**)

Nguyên văn:

三二九

政者正也, 聖人明正以治國. 故正者, 所以止過而逮不及也. 過與不及, 皆非正也. 非正則傷國一也. 勇而不義傷兵, 仁而不法傷正. 故軍之敗也生於不義; 法之侵也, 生於不正, 故言有辨, 而非務者, 行有難而非善者. 故言必中務, 不苟為辨; 行必思善不苟為難. (卷三十二, 管子, 法法).

Phiên âm:

329

Chính giả chính (1). Thánh nhân minh chính dĩ trị quốc. Cổ chính giả, sở dĩ chỉ quá nhi đãi bất cập (2) dã. Quá dữ bất cập, giai phi chính dã. Phi chính, tắc thương quốc nhất dã. Dũng nhi bất nghĩa thương binh, nhân nhi bất pháp thương chính. Cổ quân chi bại dã, sinh ư bất nghĩa; Pháp chi xâm dã, sinh ư bất chính. Cổ ngôn hữu biện (3) nhi phi vụ giả, hành hữu nan (4) nhi phi thiện giả. Cổ ngôn tất trung vụ (5), bất cầu (6) vi biện; Hành tất tư thiện, bất cầu vi nan. (**Quyển 32 - Quản Tử - Pháp pháp**)

Chú thích:

- (1) Chính: Ngay thẳng, không xiên xẹo.
- (2) Đãi bất cập: Bổ sung không kịp.
- (3) Biện: Lời giải trình.

- (4) Nan: Hành vi lo sợ kính thận.
- (5) Trung vụ: Chuyện thực cần thiết.
- (6) Bất cầu: Không tùy tiện, không dễ, không nên.

Diễn giải:

Cái gọi là chính trị, đó là ngay thẳng không xiên xẹo. Bậc Thánh nhân lấy sự ngay thẳng cai trị quốc gia. Cái gọi là “Chính trung kỳ phạt” dùng để hạn chế sự quá lỗ, quá đà vượt qua chức phạt, đồng thời cũng nhằm bổ sung chỗ bất túc. Chưa được chính trung, thì dù là quá phạt hay bất túc, đều là một kiểu làm phương hại quốc gia cả. Có vũ dũng mà làm chuyện bất nghĩa thì làm hại cho sĩ binh. Có nhân hậu mà làm chuyện không đúng theo chế độ pháp lệnh thì mất đi cái phạt chính trung. Thế cho nên quân đội bị đánh bại vì hành vi không hợp nghĩa; Pháp lệnh chế độ bị xâm hại là vì hành vi không đúng phạt chính trung, cho nên lời lẽ nghe xuôi tai mà không thực tế, hành vi thoạt nhìn có vẻ kính cẩn sợ sệt, mà là hành vi bất thiện. Vì thế ngôn từ nhất thiết phải sát với thực tế, không nên nói cho dễ nghe mà không sát thực, hành vi nhất định phải phát xuất từ thiện niệm, không nên giả bộ tỏ ra nghiêm túc sợ sệt, mà là hành vi bất thiện.

(Theo sách Quản Tử - Pháp pháp - Quyển 32)

Nguyên văn:

三三〇

梁丘據死，景公召晏子告之曰：“據忠且愛我，我欲豐厚其葬，高大壟” 晏子曰：“敢問據之所以忠愛君者，可得聞乎？”公曰：“吾有喜於玩好有司未能我供也，則據以其財供我，吾是以知其忠也；每有風雨暮夜求之必好，吾是以知其愛也”。晏子曰：“嬰為罪不對則無以事君，敢不對乎！要聞之，臣專其君謂之不忠；子專其父謂之不孝；妻專其夫謂之不嫉妒。為臣道

君, 親於父兄, 有禮於群臣, 有惠於百姓, 有義於諸侯, 謂之忠也; 為子道父, 以鐘愛其兄弟, 施行於諸父, 以慈惠於眾子, 誠信於朋友, 謂之孝也為妻, 使眾妾皆得驩欣於夫謂之不妒也, 今四封之民, 君之臣也, 而唯據盡力以愛君何愛者之少耶? 四封之貨, 皆君之有也, 而唯據也, 以其私財忠於君, 何忠者之寡耶? 據之防塞群臣壅蔽君, 無乃甚乎?” 公曰: “善哉! 微子, 寡人不知據之至於是也”, 遂罷為壘之役, 廢厚葬之令. 令有司據而責, 群臣陳過而諫故官無廢法, 臣無隱忠, 而百姓大悅. 也 (卷三十三, 晏子, 諫下).

Phiên âm:

330

Lương Khâu Cú (1) tử, Cảnh Công triệu Yến Tử cáo chi viết: “Cú trung thả ái ngã, ngã dục phong hậu kỳ tang, cao đại kỳ lũng (2)”. Yến Tử viết: “Cảm (3) vấn Cú chi sở dĩ trung ái quan giả, khả đắc văn hồ?” Công viết: “Ngô hữu hỉ ư ngoạn hảo (4), hữu ty (5) vị năng ngã cung dã, tắc Cú dĩ kỳ tài cung ngã, ngô thị dĩ tri kỳ trung dã; mỗi hữu phong vũ, mộ dạ cầu chi, tất tồn, ngô thị dĩ tri kỳ ái dã”. Yến Tử viết: “Anh đối tắc vi tội, bất đối tắc vô dĩ sự quân, cảm bất đối hồ! Anh văn chi, thần chuyên kỳ quân, vị chi bất trung; tử chuyên kỳ phụ, vị chi bất hiếu; thê chuyên kỳ phu, vị chi tật đổ. Vi thần đạo (6) quân, thân ư phụ huynh, hữu lễ ư quần thần, hữu trung ư bách tính, hữu nghĩa ư chư hầu, vị chi trung dã; Vi tử đạo phụ, dĩ chung ái kỳ huynh đệ, thi hành ư chư phụ (7), dĩ từ huệ ư chúng tử, thành tín ư bằng hữu, vị chi hiếu dã; Vi thê, sử chúng thiệp giai đắc hoan hân ư phu, vị chi bất đổ dã. Kim tứ phong (8) chi dân, giai quân chi thần dã, nhi duy Cú tận lực dĩ ái quân, hà ái giả chi thiếu da (9)? Tứ phong chi hóa, giai quân chi hữu dã, nhi duy Cú dã, dĩ kỳ tư tài trung ư quân, hà trung giả chi quả da? Cú chi phòng tái (10), quần thần, ủng tế (11) quân, vô nãi (12) thậm hồ?” Công viết: “Thiện tai! Vi tử (13), quả nhân bất tri Cú chi chí ư thị dã”. Toại bả (14) vi lũng chi dịch, phế hậu tang chi lệnh, Lệnh

hữu ty cú pháp nhi trái, quần thần trần quá nhi gián. Cố quan vô phế pháp, thần vô ẩ trung, nhi bách tính đại duyệt. (**Quyển 33 - Yến Tử - Gián hạ**).

Chú thích:

- (1) Lương Khâu Cú: Là hậu duệ của Tể hầu Khương Thượng, là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, chịu ơn sâu của vua Tề Cảnh Công, sau thụ phong nơi Lương Khâu ở Sơn Đông, rồi lấy đất phong làm họ. Ông trở thành thủy tổ dòng họ Lương Khâu. Ông tinh thông “Dịch học”, tôn sùng khoa học tự nhiên.
- (2) Lũng: Gò đất đắp mộ.
- (3) Cảm: Mạo muội.
- (4) Ngoạn hảo: Thích đồ vật đẹp khéo.
- (5) Hữu ty: Quan viên ty chuyên môn.
- (6) Đạo: Dẫn đạo hướng dẫn.
- (7) Chư phụ: Thời cổ, các vua chư hầu cùng họ với thiên tử hoặc các quan đại phu cùng họ với vua đều được tôn xưng là “phụ” hoặc “chư phụ”. Ở đây chỉ bá phụ, thúc phụ (bác, chú).
- (8) Tứ phong: Tứ phương. Phong nghĩa là biên giới.
- (9) Da: Hỏi, vẻ nghi vấn.
- (10) Phòng tái: Bố phòng kiên cố.
- (11) Ứng tế: Ngăn cách, che chắn.
- (12) Vô nãi: Chỉ e rằng, biểu thị ý thăm dò.
- (13) Vi Tử: Không có thầy.
- (14) Bãi: Ngưng lại.

Diễn giải:

Lương Khâu Cú qua đời, vua Tề Cảnh Công cho mời Yến Tử đến, báo tin rồi nói: Lương Khâu Cú trung thành với trẫm và có bụng mền trẫm, ta muốn tổ chức lễ tang trọng hậu, đắp ngôi mộ thật to thật cao cho hắn. Yến Tử thưa: “Lương Khâu Cú trung thành

và yêu mến bệ hạ như thế nào, bệ hạ có thể kể lại vài chuyện cụ thể được không? Vua Tề Cảnh Công nói: Ta vốn yêu thích một số đồ vật, chẳng có quan nào quan tâm tìm cho ta cả, chỉ Lương Khâu Cú bỏ tiền túi ra mua dâng cho ta, ta cho đó là trung. Mỗi khi trời mưa lạnh lẽo, chẳng kể chiều tối hay đêm khuya, ta cho gọi là hần đến ngay, ta cho rằng vì hần yêu mến ta. Yến Tử nói: Thần xin thưa, nếu thần trả lời, nhất định đắc tội với bệ hạ, còn nếu thần không trả lời thì sao gọi là thị phụng bệ hạ? Thì đâu dám? Thần nghe người ta bảo rằng, đứa con giành yêu riêng cha mình bị cho là bất hiếu, vợ giành yêu riêng chồng mình bị cho là tạt đổ, bấy tôi giành yêu riêng vua mình bị cho là bất trung. Đạo lý của con là làm sao cho cha mình hòa thuận yêu thương anh chị em của cha, với bà con họ hàng, từ ái ân huệ với con cháu trong họ tộc, thành thực với bạn bè thân hữu, mới được cho là con có hiếu. Đạo lý làm vợ là làm sao các bà thiếp của chồng mình đều hài lòng vui vẻ, mới được cho là người vợ không hẹp hòi. Đạo lý của bấy tôi là thị phụng vua mình, là làm sao cho vua mình thân ái với cha anh của vua, đối xử có lễ với các bấy tôi, ban ân huệ cho nhân dân, có tín nghĩa với các chư hầu thì mới được cho là trung thần. Ngày nay người khắp bốn phương đều là thần tử của bệ hạ, mà Lương Khâu Cú ra sức riêng mình thị phụng vua, giành hết tình cảm của quân vương thì sao gọi là người trung ái cho được? Lương Khâu Cú giành hết về cho mình, ngăn trở quần thần, che mắt nhà vua, chẳng phải là quá bậy hay sao?” Cảnh Công trầm ngâm một lát rồi nói: Rất có lý! Không có tiên sinh, thì quả nhân không biết chỗ bậy của Lương Khâu Cú”. Nhà vua ra lệnh bãi bỏ việc làm lễ tang hoành tráng và bỏ chuyện đắp mộ to cao cho Lương Khâu Cú, mà chỉ an táng đắp mộ như bình thường.

(Theo sách Yến Tử - Gián hạ - Quyển 30)

Nguyên văn:

三三一

三人之所廢, 天下弗能興也; 三人之所興, 天下弗能廢也; 親曰不孝, 君曰不忠, 友言其信, 天下弗能興也; 親言其孝, 君言其忠, 友言其信, 天下弗能廢也. 夫符節合之, 則是非自見. 行亦有符, 三合, 則非自見矣, 所以觀行也. (卷三十六, 尸子, 分).

Phiên âm:

331

Tam nhân chi sở phế, thiên hạ phát năng hưng dã; Tam nhân chi sở hưng, thiên hạ phát năng phế dã. Thân viết bất hiếu, quân viết bất trung, hữu viết kỳ tín, thiên hạ phát năng hưng dã; Thân ngôn kỳ hiếu, quân ngôn kỳ trung, hữu ngôn kỳ tín, thiên hạ phát năng phế dã. Phù phù tiết (1) hợp chi, tắc thị phi tự kiến (2). Hành diệc hữu phù, tam giả hợp, tắc hành tự kiến hỹ, thử sở dĩ quán hành dã. (Quyển 36 - Thi Tử - Phân).

Chú thích:

- (1) Phù tiết: Thời cổ ra vào cổng thành, có một loại thẻ thông hành. Thẻ được làm bằng tre gỗ, ngọc, đồng, khắc chữ, chia làm 2 nửa, khách giữ một, khi kiểm tra ghép lại khớp nhau là đúng.
- (2) Thị phi tự kiến: Sự lý đúng sai rõ ràng.

Diễn giải:

Có ba hạng người cha mẹ, vua, bạn cho người ấy là quân bất hảo, thì người trong thiên hạ không có cách nào khen được. Có ba hạng người cha mẹ, vua, bạn cho người ấy là người tốt, thì người trong thiên hạ không có cách nào chê được. Cha mẹ người ấy bảo con mình không có hiếu, vua bảo không có lòng trung, bạn bè bảo không tin được, thì người trong thiên hạ không có cách nào khen được. Cha mẹ người ấy bảo con mình có hiếu, vua bảo có lòng trung, bạn bè bảo đáng tin, thì người trong thiên hạ không có cách

nào chê được. Giống như tấm thẻ bài ra vô công thành của một người khi ráp lại khớp nhau, thì tự nhiên là đúng người ấy rồi, đó là phương pháp quan sát hành vi con người.

(Theo sách Thi Tử - Phân - Quyển 36)

Nguyên văn:

二：人情

三三二

(象) (1) 曰：山上有雷小過。君子以行過乎恭，喪過乎哀，用過乎儉。(卷三十，晉書下，傳)。

Phiên âm:

NHI: NHÂN TÌNH

332

(Tượng) (1) viết: Sơn thượng hữu lôi (2), tiểu quá (3). Quân tử dĩ hành quá hồ cung, tang quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm. (Quyển 1 - Chu dịch).

Chú thích:

(1) (Tượng): Sách *Kinh Dịch* tượng là một trong thập dịch. Tượng là Dịch hào tượng bằng văn từ. Tương truyền tượng do Khổng Tử soạn, cũng còn gọi là “tượng từ”.

(2) Sơn thượng hữu lôi: Hạ坎 là sơn, thượng 震 là lôi (sấm sét).

(3) Tiểu quá: Quẻ Tiểu quá tên một trong 64 quẻ của *Kinh Dịch*, quẻ Tiểu quá, có坎 hạ, 震 thượng,坎 tượng của núi, 震 tượng của sấm sét. Quẻ Tiểu quá biểu thị lợi ở thủ chính, chỉ có thể làm chuyện nhỏ, không nên làm chuyện đại sự.

Diễn giải:

(Tượng truyện) bảo: Cán ở dưới là núi, chấn ở trên là sấm sét, là ý của quẻ Tiểu quá, người quân tử hành động nên hết sức cung kính, có tang lễ phải hết sức bi ai, phí cần dùng phải hết sức tiết kiệm.

(Theo sách Chu dịch - Quyển 1)

Nguyên văn:

三三三

“君子之過，如日之蝕焉”。又曰：“過而能改”又曰：“不貳過”。凡此數者，是賢人君子不能無過之言也，苟不至於害治則天網之所漏也。所犯在甚泰，然後王誅所必加。此舉罪淺深之大例也。故君子得全美以善事，不善者必夷戮警眾。此為治誅赦之准式也。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

333

“Quân tử chi quá, như nhật chi thực yên”, hựu viết: “Quá nhi năng cải”, hựu viết: “Bất nhị quá (1)”. Phàm thử số giả, thị hiển nhân quân tử bất năng vô quá chi ngôn dã, cấu bất chí ư hại trị, tắc giai thiên võng (2) chi sở lậu dã. Sở phạm tại thậm thái, nhiên hậu vương tru (3) sở tất gia, thử cử tội thiên thâm chi đại lệ (4) dã, Cổ quân tử đắc toàn mỹ (5) dĩ thiện sự (6), bất thiện giả tất di lục (7) cảnh chúng. Thử vi trị tru xá chi chuẩn thức (8) dã. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Bất nhị quá: Không lặp lại sai lầm một lần nào nữa.
- (2) Thiên võng: Vương pháp, quốc pháp, phép vua, phép nước.

- (3) Tru: Trừng trị, trừng phạt.
- (4) Đại lệ: Thông lệ.
- (5) Toàn mỹ: Bảo toàn nhận ca tụng.
- (6) Thiện sự: Hành vi tốt.
- (7) Di lục: Giết chết.
- (8) Chuẩn thức: Tiêu chuẩn, phép tắc.

Diễn giải:

(Cổ nhân nói): “Sai sót của người quân tử, giống như nhật thực”. Lại nói: “Có sai sót thì có thể cải chính”. Lại nói: “Sai sót không được tái phạm”. Các lời ấy đều cho rằng bậc hiền nhân, quân tử không thể không mắc sai lầm. Nếu sai sót ấy không làm nguy hại đến quốc gia thì không bị quốc pháp trừng phạt, còn nếu phạm tội nghiêm trọng, thì tất nhiên người ấy cũng bị xử trị theo vương pháp như mọi công dân. Đó là phán đoán và xử lý tùy theo tội trạng nặng nhẹ như thông thường. Sở dĩ người quân tử được như thế là vì thiện hạnh của họ được bảo toàn và ca tụng, còn hành vi không tốt nhất định sẽ bị trừng phạt để cảnh giới giáo dục đại chúng. Đó là chuẩn tắc quyết định trừng phạt hoặc xá miễn.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

三三四

晉國苦盜，有卻雍者，能視盜之貌察其眉睫之間，而得其情。晉侯使視盜，千百無貴一焉。晉侯大喜告趙文子曰：“吾得一人而一國盜為盡奚用多為？”文子曰：“吾君恃伺察而得盜，盜不盡矣，日卻雍必不得其死焉”。俄而群盜謀曰：“吾所窮者卻雍也”。遂共盜而戕。晉侯聞大駭，召文子曰：“果如子言”。（卷三十四，列子，力命）。

Phiên âm:

334

Tấn quốc khổ đạo, hữu Khích Ung (1) giả, năng thị đạo chi mạo, sát kỳ mi tiếp chi gian, nhi đắc kỳ tình. Tấn ấu sử thị đạo, thiên bách vô di nhất yên. Tấn hầu đại hỉ, cáo Triệu Văn Tử viết: “Ngô đắc nhất nhân, nhi nhất quốc đạo vi tận, hể dụng đa vi (2)?” Văn Tử viết: “Ngô quân thị tỵ sát nhi đắc đạo, đạo bất tận hỷ, thả Khích Ung tất bị đắc kỳ tử yên”. Nga nhi (3) quần đạo mưu viết: “Ngô sở cùng giả Khích Ung dã”. Toại cộng đạo nhi tường (4). Tấn hầu vãn nhi hĩ, triệu Văn Tử nhi cáo chi viết: “Quả như tử ngôn (5)”. (Quyển 34 - Liệt Tử - Lục mệnh).

Chú thích:

- (1) Khích Ung: Người có tiếng thời Xuân Thu ở nước Tấn, có tài xem tướng, nhận ra bọn trộm vặt, chỉ bắt nhiều tên trộm.
- (2) Hể dụng đa vi: Đâu dùng nhiều làm gì.
- (3) Nga: Chưa lâu.
- (4) Tường: Giết hại.
- (5) Quả như tử ngôn: Đúng như lời ông đoán. Chỉ Triệu Văn tử.

Diễn giải:

Nước Tấn đang bị nạn trộm vặt hoành hành, nhân dân rất khổ. Khi ấy có một người tên Khích Ung, có biệt tài xem tướng đoán biết dân ăn trộm. Vua nước Tấn mới nhờ Khích Ung chỉ bắt bọn trộm. Khích Ung tuân lệnh bắt cả mấy trăm tên trộm vặt, chẳng bắt oan một ai. Vua nước Tấn vô cùng phấn khích, báo cho Triệu Văn Tử biết rồi nói: “Ta được một người, mà bắt hết bọn trộm vặt cả nước, đâu cần nhiều người làm chi?”. Văn Tử nói: Nhà vua dựa vào xem tướng mà bắt hết bọn trộm, thì tình hình trộm cắp sẽ không dứt hết đâu! Mà rồi Khích Ung sẽ không được toàn mạng”. Chẳng bao lâu bọn trộm họp nhau lại nói: “Chúng ta bị cùng khổ đều do Khích Ung cả”. Rồi

chúng cử người tìm giết Khích Ung. Vua Tấn nghe tin rất sợ hãi, cho Triệu Văn Tử, nói: Quả như dự đoán của ông.

(Theo sách **Liệt Tử - Lục mệnh - Quyển 34**)

Nguyên văn:

三三五

為忠者獲小賞而大乖違於人，恃人君之獨知之耳，而獲訪於人，此忠者福無幾而禍不測身也。得於君吓過斯須之歡，失於君而終身之故患，賞荷名而實窮於罰也。是以忠者逝而遂，智者慮而不為。（卷三十七劉虞別傳，疑賢）。

Phiên âm:

335

Vi trung giả hoạch tiểu thưởng nhi đại quai vi ư nhân, thị (1) nhân quân chi độc tri chi nhĩ, nhi hoạch phỏng chi ư nhân, thử vi trung giả phúc vô kỷ (2), nhi họa bất trắc ư thân dã. Đắc ư quân, bất quá tư tu (3) chi hoan, thất ư quân, nhi chung thân chi cố họa, hà (4) thưởng danh nhi thực cùng ư phạt dã. Thị dĩ trung giả thệ nhi toại, trí giả lự nhi bất vi. (**Quyển 37 - Lưu Dị biệt truyện - Nghi hiền**).

Chú thích:

- (1) Thị: Cậy, dựa, nương nhờ.
- (2) Vô kỷ: Không lâu, không bao lâu nữa.
- (3) Tư tu: Một chút.
- (4) Hà: Âm Hạ. Nghĩa gánh vác.
- (5) Thệ nhi toại: Lìa bỏ tài năng để bảo toàn tự mình. Thệ nghĩa là rời đi, ly khai. Toại nghĩa là đường đi, ở đây chỉ con người vừa mới xuất lộ.

Diễn giải:

Làm bấy tôi trung thành với vua mình tuy được thưởng phần thưởng nho nhỏ, nhưng cũng vì được thưởng nên bị người khác không thích, đó là chỉ một mình nhà vua biết mình thôi! Còn nếu nhà vua tham khảo nhiều người khác, sau đó mới thưởng thì người được thưởng hưởng phúc chẳng được bao lâu, còn họa to chưa biết khi nào sẽ đổ ập xuống đầu mình. Được vua tưởng thưởng chẳng qua chỉ được vui sướng một thời gian ngắn, còn việc mất tín nhiệm của nhà vua thì tai họa phải chịu suốt đời. Trên thực tế, có tiếng được vua thưởng rất cùng là chịu bị phạt. Thế cho nên, bậc trung thần chỉ nên đừng tỏ ra tài năng, thì mình mới được bảo toàn, người thông minh sau khi suy nghĩ chín chắn thì không dám làm trung thần.

(Theo sách **Lưu Di Biệt truyện - Nghi hiền - Quyển 37**)

Nguyên văn:

三：才德

三三六

任官惟賢材, tả 左右惟其人, 其難其慎, 惟和惟一. (卷二, 尚書).

Phiên âm:

TAM: TÀI ĐỨC

336

Nhiệm quan duy hiền tài, tả hữu (1) duy kỳ nhân, duy hòa (2) duy nhất (3). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Tả hữu: Chỉ triều thần, các quan to thân cận vua.
- (2) Hòa: Hòa mục.
- (3) Nhất: Thuần nhất.

Diễn giải:

Bổ nhiệm làm quan nhất định đó là những người vừa có đức vừa có tài, những quan phụ tá thân cận vua nhất định là những trung trực thiện lương. Những người như vậy không phải dễ nhận ra, cần phải cẩn thận khảo cứu quan sát, người nào có khả năng được quần thần ủng hộ thì mới có thể một lòng phụng sự vua mình, một lòng phục vụ nhân dân.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

三三七

犬馬非其土生弗畜，珍离奇獸，弗育于國。弗寶遠物，則遠人格；所寶惟賢則邇人安。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

337

Khuyến mã phi kỳ thổ sinh phát súc (1), trân ly kỳ thú, phát dục vu quốc. Phát bảo viễn vật (2), tặc viễn nhân cách (3); Sở bảo duy hiền, tặc nhĩ nhân an (4). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Khuyến mã phi kỳ thổ sinh phát súc: Chó ngựa không được sinh ra từ cục đất đâu, mà không nuôi dưỡng chúng. Sách *Khổng truyện* viết: “Không phải sinh ra từ cục đất sao không nuôi dưỡng”.

(2) Phát bảo viễn vật: Không nên quý trọng sản vật từ nơi xa đưa tới. Bảo nghĩa là dùng làm.

(3) Viễn nhân cách: Người phương xa đến quy phụ. Cách nghĩa là đến.

(4) An: Ổn định, có ý chỉ an cư lạc nghiệp.

Diễn giải:

Loài chó ngựa không phải được sinh ra từ cục đất đâu, mà không nuôi dưỡng chúng. Yêu quý loại cầm thú kỳ dị cũng không được nuôi dưỡng trong nước mình. Không xem trọng sản vật ở xa, thì sao lại nhận những người ở xa đến quy phụ mình. Nếu chỉ tôn trọng những người hiền đức, thì lảng giềng làm sao an cư lạc nghiệp cho được.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

三三八

五載一巡狩, 群后四朝. 敷奏以言, 明試以功, 車服以庸.
(卷二, 尚書).

Phiên âm:

338

Ngũ tải (1) tuần thú (2), quần hậu tứ triều (3). Phu tấu (4) dĩ ngôn (5), minh thí (6) dĩ công, xa phục (7) dĩ dung (8). (**Quyển 2 - Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Tải: Năm.
- (2) Tuần thú: Nhà vua đi thăm kiểm tra chính quyền các địa phương.
- (3) Quần hậu tứ triều: Hậu chỉ chư hầu. Trong 4 năm thiên tử không đi tuần thú, mà ở tại triều đình, mà các chư hầu đến yết kiến thiên tử.
- (4) Phu tấu: Trần tấu. Phu nghĩa là trần thuật.
- (5) Ngôn: Kiến nghị.
- (6) Minh thức: Soi xét rõ ràng

(7) Xa phục: Xe quan và triều phục.

(8) Dung: Trả công.

Diễn giải:

Khi vua Thuấn chấp chính, cứ mỗi 5 năm đi kiểm tra thăm các chư hầu một lần. Trong 4 năm không đi tuần thì các chư hầu phải đến yết kiến vua, trình báo việc chính sự, nhà vua chất vấn ghi nhận công lao cai trị, rồi ban thưởng xe ngựa cùng đồ vật để khen thưởng, biểu chương.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

三三九

凡官不同事，人不同能；得其能則成，失其能則敗。今品不狀才能之所宜，而以九等為例。以品取人，則非才能之所長；以狀取人，則為本品之所限。若狀得其實，猶品狀相妨，所疏則削其長，所親則飾其短，徒結白論，以為虛譽。以治風俗，則狀無實行；以宰官職，則品不料能。百揆何以得理？萬機何以得脩？職名中正，實為姦府；事名九品而損。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

339

Phàm quan bất đồng sự, nhân bất đồng năng: Đắc kỳ năng tắc thành, thất kỳ năng tắc bại. Kim phẩm bất trạng tài năng chi sở nghi (1), nhi dĩ cửu đẳng (2) vi lệ. Dĩ phẩm thủ nhân, tắc phi tài năng chi sở trường; Dĩ trạng thủ nhân, tắc vi bản phẩm chi sở hạn. Nhược trạng đắc kỳ thực, do phẩm trạng tương phương, sở sơ tắc tức kỳ trường, sở thân tắc tức kỳ đoản, đồ kết bạch luận (3), dĩ vi hư dụ. Dĩ trị phong tục, tắc trạng vô thực hành; Dĩ tế quan chức,

tác phẩm bất liệu năng. Bách quỹ (4) hà dĩ đắc lý? Vạn cơ hà dĩ đắc tu? Chức danh trung chính, thực vi gian phủ; Sự danh cửu phẩm, nhi hữu bát tổn. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

- (1) Phẩm bất trượng tài năng chi sở nghi: Phẩm tước không biểu hiện tài năng của người ấy thích hợp như thế nào với chức vị.
- (2) Cửu đẳng: Chỉ cửu phẩm quan lại thời phong kiến.
- (3) Bạch luận: Không nói.
- (4) Bách quỹ: Bách quan.

Diễn giải:

Có người nói: “Các chức quan đều không tương đồng, năng lực của họ cũng đều không tương đồng, người được bổ vào chức vụ phù hợp với khả năng thì làm việc thành công, còn người làm chức vụ không phù hợp khả năng thì bị thất bại. Phẩm cấp quan lại ngày nay, không thể cho biết khả năng của một ông quan thích hợp với chức vụ của ông hay không, mà chỉ bố trí hoạch định theo đẳng cấp cửu phẩm đã thành lệ. Việc dùng phẩm cấp để tuyển dụng quan viên, thì không cách nào phát triển tài năng sở trường của họ; Còn nếu căn cứ tài năng để tuyển dụng quan viên thì phẩm cấp lại làm hạn chế họ, tức là đối với khả năng bình sinh thực tế của họ, khiến cho phẩm cấp với khả năng thực tế trái nhau, gây trở ngại cho nhau. Thậm chí đối với mối quan hệ của mình với người quen biết sơ sơ thì không đếm xỉa đến sở trường của họ, còn đối với mối quan hệ của mình với người thân cận với mình, thì che giấu sở đoản của họ, toàn là nói không đúng sự thực, khiến cho mọi thứ đều là giả dối. Kiểu ấy giống như lấy kết luận bình phẩm viên quan trung chính để chỉnh đốn phong khí xã hội, thì trần thuật nội dung không cách nào thể hiện hành vi thực tế của viên quan ấy; Dùng cách ấy để phong quan, định chức thì không phản ánh tình huống tài năng thực tế. Vì thế làm sao quản lý bách quan

cho tốt được? Làm sao xử lý công việc quốc gia cho tốt được? Hạng quan chức như vậy được gọi là “trung chính” mà trên thực tế là quan “gian trá”, làm việc nhà nước dưới danh nghĩa “cửu phẩm”, mà trên thực tế có 8 loại tai hại.

(Theo sách **Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30**)

Nguyên văn:

三四〇

魯昭公失國走齊, 齊景公問焉, 曰: “子之位新, 奚道至于此乎?” 昭公對曰: “吾少之時人多愛我者, 吾體不能親; 人多諫愛我者, 吾志不能用. 是以內無弼, 外無輔, 輔弼無一人諂諛我者甚眾, 譬之由秋蓬也, 孤其根莖, 密其支葉, 春氣至僨以揭也”. 景公以其言語晏子, 曰: “使是人反其國, 豈不為之賢君乎? 晏子曰: “不然. 夫愚者多悔, 不肖者自賢”. (卷三十三, 晏子, 雜上).

Phiên âm:

340

Lỗ Chiêu Công thất quốc tẩu Tề (1). Tề Cảnh Công vấn yên, viết: “Tử chi thiên vị tân (2), hê đạo chí vu hồ (3)?”. Chiêu Công đối viết: “Ngô thiếu chi thời, nhân đa ái ngã giả, ngô thể bất năng thân (4); Nhân đa gián ngã giả, ngô chí bất năng dụng (5). Thị dĩ (6) nội vô bật (7), ngoại vô phụ, phụ bật vô nhất nhân, siểm du ngã giả thậm chúng, thí chi do thu bông (8) dã. Cô kỳ căn cai (9), mật kỳ chi diệp, xuân khí chí, phần dĩ yết (10) dã”. Cảnh Công dĩ kỳ ngôn ngữ (11) Yến Tử, viết: “Sử thị nhận phản (12) kỳ quốc, khởi bất vi cổ chi hiền quân hồ?”. Yến Tử viết: “bất nhiên (13), phù ngu giả đa hối, bất tiểu (14) giả tự hiền”. (**Quyển 33 - Yến Tử - Tập thượng**).

Chú thích:

- (1) Lỗ Chiêu Công thất quốc tẩu Tề: Vua nước Lỗ là Chiêu Công bị thua trận phải chạy trốn nương nhờ nước Tề. Lỗ Chiêu Công đem quân phạt Quý Tôn Thị song bị đại bại, chạy trốn qua nước Tề.
- (2) Tử chi thiên vị tân: Ông lên ngôi chưa bao lâu.
- (3) Hề đạo chí vu hồ?: Nguyên do nào đến nỗi thế này?
- (4) Ngô thể bất năng thân: Không thân cận nhân dân.
- (5) Ngô chí bất năng dụng: Ta không nghe lời can gián.
- (6) Thị dĩ: Vì thế, nhân thử, do đó.
- (7) Bật: Phụ trợ.
- (8) Thu bông: Cỏ úa khô mùa thu.
- (9) Căn cai: Rễ cỏ.
- (10) Phấn dĩ yết: Chỉ cỏ bông úa khô, phơi rễ đầy mặt đất, tung bay trong gió.
- (11) Ngữ: Kể lại.
- (12) Phản: Bội phản.
- (13) Bất nhiên: Không phải như vậy.
- (14) Bất tiếu: Người không đàng hoàng, kẻ xấu.

Diễn giải:

Vua Lỗ Chiêu Công bị mất chính quyền, chạy đến nước Tề tá túc. Vua Tề Cảnh Công hỏi ông: “Lên ngôi chưa bao lâu sao ra nông nỗi này”. Lỗ Chiêu Công nói: “Khi còn trẻ, tôi được rất nhiều người thương mến, nhưng tôi tránh né không giao du thân cận với họ. Có nhiều người can gián khuyên răn, mà tôi lại không nghe lời họ, vì thế trong triều, ngoài địa phương không có người phụ tá tôi cả. Đã không một ai phụ trợ, mà bọn siểm nịnh thì rất nhiều, giống như cỏ khô mùa thu, la liệt trên mặt đất, mùa xuân đến thân rễ tươi tắn, bay tứ tung theo từng cơn gió thổi”. Vua Tề Cảnh Công đem lời nói của Lỗ Chiêu Công kể lại cho Yến Tử, Cảnh Công

nói: “Giả dụ ta giúp Chiêu Công trở về làm vua nước Lỗ, liệu ông ta có thể trở thành một vị minh quân được không?”. Yến Tử nói: “Không thể như thế được, kẻ ngu thường bị nạn rồi mới biết hối hận, kẻ ác nhân thường tự cho mình là hiền nhân”.

(Theo sách Yến Tử - Tập thượng - Quyển 33)

Nguyên văn:

三四一

國有亡主，世無亡道。人有窮而理無不通也。故不因道理之數而專己之，其窮不遠矣。夫君人者，不出戶而知天下者，因物以識物，因以人知人也。故積力舉，既無不勝也；眾知之所為，既無不成也。無二技，士不兼官人得所宜，物得所安，是以器戒惡，而職事不慢也。夫責小易償也，職寡易守也，任輕易勸也。上操約少之分，下效易為之功，是以君臣久而不相厭也。
(卷三十五，文子，下德)。

Phiên âm:

341

Quốc hữu vong chúa, thế vô vong đạo. Nhân hữu cùng, nhi lý vô bất thông dã. Cổ bất nhân (1) đạo lý chi số (2) nhi chuyên kỹ chi năng, kỳ cùng bất viễn hỹ. Phù quân nhân giả, bất xuất hộ dĩ tri thiên hạ giả, nhân vật dĩ thức vật, nhân nhân dĩ tri nhân dã. Cổ tích lực chi sở cử, ký vô bất thắng (3) dã. Công vô nhị kỹ, sĩ bất kiêm quan, nhân đắc sở nghi, vật đắc sở an, thị dĩ khí giới bất ác (4), nhi chức sự bất mạn (5) dã. Phù trái tiểu dị thường (6) dã, chức quả dị thủ (7) dã, nhiệm khinh dị khuyến (8) dã. Thương thao ước thiếu chi phân (9), bất hiệu dị vi chi công (10), thị dĩ quân thần cửu nhi bất tương yếm (11) dã. (Quyển 35 - Văn Tử - Hạ đức).

Chú thích:

- (1) Bất nhân: Không vì thế.
- (2) Số: Quy luật, phép tắc, nguyên tắc.
- (3) Vô bất thắng: Không thể nào không thắng lợi, đều thắng lợi cả.
- (4) Khí giới bất ác: Khí cụ chuyên môn thường không xúng.
- (5) Chúc sự bất mạn: Sự tình trong chức vụ không thể chờ hoàn thành.
- (6) Trách tiểu dị thường: Trách nhiệm nhỏ để thực hiện. Thường nghĩa là thực hiện.
- (7) Chúc quả dị thủ: Chức vụ nhỏ để xử lý tốt.
- (8) Nhiệm khinh dị khuyến: Nhiệm vụ nhẹ để khuyến khích ra sức hoàn thành.
- (9) Ước thiếu chi phân: Chia thành những nhiệm vụ đơn giản, ít.
- (10) Dị vi chi công: Dễ hoàn thành nhiệm vụ.
- (11) Tương yểm: Giúp nhau thảo yểm.

Diễn giải:

Quốc gia có nhà vua vong quốc, nhưng cuộc đời không có đạo vong quốc. Con người có những lúc cùng khốn, nhưng đạo lý thì lúc nào cũng thông. Vì thế, nếu không dựa theo phép tắc của đạo lý, mà ý lại vào tài năng của mình thì sao tránh được bị cùng khốn sắp đến gần. Người cai trị một nước, chưa ra khỏi cổng thành của mình mà biết chuyện cả thiên hạ, là nhờ có khả năng hiểu được tính chất của vật để nhận thức được nó, có khả năng hiểu được tính chất của người để hiểu người. Vì thế, tích tụ đầy đủ nhiều lực lượng, rồi sau đó mới làm thì làm việc gì cũng xong. Tập hợp trí lực của nhiều người rồi mới làm thì làm việc gì cũng thành công. Người thợ không làm một lúc hai nghề kỹ năng khác nhau, kẻ sĩ không kiêm nhiệm chức quan, người đang làm chức vụ thích hợp với tài năng, vật nào nên được sử dụng vào việc tốt nhất, nhờ đó mà khí cụ không sai chạy, mà sự tình của chức vụ cũng chưa bao giờ bị bê trễ. Trách nhiệm nhỏ thì dễ thực hiện, chức vụ nhỏ

dễ xử lý tốt, nhiệm vụ nhẹ để khuyến khích gắng sức hoàn thành. Nhà vua phân chia thành nhiều việc đơn giản, nhỏ giao cho bầy tôi thực hiện thì bầy tôi dễ hoàn thành. Nhờ thế vua tôi cùng nhau đối xử lâu dài, cũng không vấp phải chuyện mất lòng nhau.

(Theo sách Văn Tử - Hạ đức - Quyển 35)

Nguyên văn:

三四二

博選者，序德程俊也。道凡四稽，一曰天，二曰地，三曰人，四曰命。人有五至：一曰百己，二曰十己，三曰若己，四曰廡役，五曰徒隸。所謂天者，理物情者也，所謂地者，常弗去者也。所謂人者，惡死樂生者也。所謂命者，靡不在君者也。君者，端神明者也。神明者，以人為本，人者以賢聖為本；聖賢者，以博選為本；博選者以五至為本。故北面事之，則百己者至；先趨而後息，先問趨而後默，廡役者則十己者至；人趨己趨，則若己者至；馮几據杖指摩而使，則廡役者至；噫喑叱，則徒隸人至矣。（卷三十四，鶡冠子，博選）。

Phiên âm:

342

Bác tuyển giả, tự đức trình tuấn (1) dã. Đạo phàm tứ khể (2): nhất viết thiên, nhị viết địa, tam viết nhân, tứ viết mệnh. Nhân hữu ngũ chí (3): Nhất viết bách kỷ, nhị viết thập kỷ, tam viết nhược kỷ, tứ viết tư dịch (4), ngũ viết đồ lệ (5). Sở vị thiên giả, thường phát khú giả dã. Sở vị nhân giả, ố tử lạc sinh giả dã. Sở vị mệnh giả, mỹ bất tại quân giả dã. Quân giả, đoan thần minh giả dã. Thần minh giả, dĩ nhân vi bản; Nhân giả, dĩ hiền thánh vi bản; Hiền thánh giả, dĩ bác tuyển vi bản; Bác tuyển giả, dĩ ngũ chí vi bản. Cố bắc diện (6) sự chi, tặc bách kỷ giả chí; Tiên xu (7) nhi hậu tức, tiên vấn nhi hậu mặc,

nhi thập kỷ giả chí; Nhân xu kỷ xu, tắc nhược kỷ giả chí; Phùng kỷ cú trượng, chỉ huy nhi sử (8), tắc tư dịch giả chí; Y tích sắt (9), tắc đồ lệ nhân chí hỹ. (**Quyển 34, Hạc quan Tử, Bác tuyển**).

Chú thích:

- (1) Tự đức trình tuần: Bình nghị phẩm đức cao thấp và khảo hạch tài trí cao thấp.
- (2) Khế: Khảo chúng.
- (3) Ngũ chí: 5 loại tiêu chuẩn.
- (4) Tư Diễn giải: Lao động làm thuê.
- (5) Đồ lệ: Cách gọi người nô lệ thấp hèn thời cổ.
- (6) Bắc diện: Thời cổ vua ngồi day mặt về nam, triều thần day về bắc. Bắc diện chỉ bầy tôi.
- (7) Xu: Đi nhanh, chạy.
- (8) Chỉ huy nhi sử: Phát hiệu lệnh, chỉ thị hành động.
- (9) Y tích sắt: La to, mắng chưởi.

Diễn giải:

Việc tuyển chọn để bạt nhân tài nên được phổ biến rộng rãi, từng người được bình nghị phẩm đức cao thấp, được khảo hạch tài trí lớn nhỏ. “Đạo” có bốn phương diện như sau: Nhất là trời, nhì là đất, ba là người, bốn là mệnh. Người có 5 loại: Một là người có năng lực giỏi hơn ta gấp trăm lần, hai là người có năng lực giỏi hơn ta gấp mười lần, ba là có năng lực tương đương với ta, bốn là người kém hơn ta chỉ đáng làm nô bộc để ta sai khiến, năm là kẻ tội phạm bị bắt lao động cực khổ. Đạo trời là tình huống quản lý sự vật, đạo đất là vĩnh viễn không rời bỏ, đạo người là vui sống ghét chết, đạo mệnh là không thể nào không có vua. Nhà vua là người bảo trì tri giác mẫn duệ, tinh thần chính trực. Bảo trì căn bản tri giác mẫn duệ, tinh thần chính trực nơi con người. Căn bản của con người tụ hết ở bậc Thánh Hiền, mà căn bản của Thánh Hiền ở việc tuyển chọn để bạt nhân tài một cách rộng rãi. Việc tuyển chọn

để bạt nhân tài một cách rộng rãi, căn bản ở chỗ nhận thức rõ 5 loại người trên kia. Vì thế, nếu quả là bầy tôi mưu hoạch phụng sự vua mình, thì tìm đến nhân tài có năng lực gấp trăm lần mình, nhưng cũng có khi chạy theo một số người, đến khi tìm được thì lại là người chẳng hơn kém với mình bao nhiêu.

(Theo sách **Hạc quan Tử, Bác tuyền** - Quyển 34)

Nguyên văn:

四：朋黨
三四三

既無鄉老紀行之譽，又飛非朝廷考績之課，使進官之人，棄近求遠，背逐，位不由行立以求成不由行立。故狀無實事，諧文浮飾：品不校功，黨譽虛妄。上奪天朝考績之分，下長浮朋黨之事。（卷三十，晉書下，傳）。

Phiên âm:

TỨ: BẰNG ĐẢNG

343

Ký vô hương lão (1) kỷ hành chi dự, hựu phi triều đình khảo tích chi khóa (2), toại sử tiến quan chi nhân, khí cận cầu viễn, bối bản trực mạt, vị dĩ cầu thành, bất do hành lập. Cổ trạng vô thực sự, hài văn phú súc (3); Phẩm (4) bất hiệu công (5), đảng dự (6) hư vọng. Thượng đoạt thiên triều (7) khảo tích chi phận, hạ trường phù hoa minh đảng chi sự. (**Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện**).

Chú thích:

(1) Hương lão: Tên một chức quan ở địa phương, nắm việc giáo hóa 6 làng. Ở triều có quan Tam công, ở làng có quan Hương lão.

(2) Khóa: Bình nghị các vị thứ, khảo thí.

- (3) Phù sức: Khoe lòe vẻ đẹp.
- (4) Phẩm: Đẳng cấp.
- (5) Hiệu: Khảo hạch, khảo sát.
- (6) Đẳng dục: Khen ngợi một phía.
- (7) Thiên triều: Thời xưa từ tôn xưng triều đình.

Diễn giải:

Đã không có văn bản nhận xét tốt xấu của chính quyền làng tổng, lại cũng không thông qua nhận xét khảo hạch của triều đình, thì việc thăng quan tiến tước của người ấy là việc bỏ gần cầu xa, bỏ gốc chạy theo ngọn; giỏi chạy chức mà được làm quan, hoàn toàn không do phẩm đức. Cho nên, đối với trần thuật sự nghiệp cuộc đời của người ấy không thực có, mà chẳng qua chỉ là lời thêm vào cho sang; Đối với phẩm vị được hoạch định cũng không đúng với công tích, chuyện tốt được tán dương cũng không có thực, mà do nặn ra. Người như vậy, trên thì tiến đoạt chức phận của các khảo quan của triều đình, dưới thì vô tình giúp cho tính giả dối, nói láo không nói thực, phong cách của bọn kết bè mưu lợi riêng.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

三四四

荀勗, 序公會, 潁陰人也. 為中書監加侍中. 勗才學博覽, 有可親觀採而性邪佞與賈充馮贍共相黨. 朝廷賢臣心不能悅, 任愷機舉充鎮關中. 世祖即詔遣之. 勗謂胆曰: “賈公遠放勢, 太子昏尚未定, 若使充女為妃則營留而自停矣”. 勗與充伺世祖間, 並稱充女淑令風姿絕世若納東宮則必能輔佐君子有” 關雎” 后妃之德. 遂成昏焉. (卷三十, 晉書下, 傳).

Phiên âm:

344

Tuân Trợ (1) tự Công Tăng, Âm nhân dã vi Trung thư giám (2), gia Thị trung (3). Trợ tài học bác lãm, hữu khả quán thái (4), nhi tính tà nịnh (5), dữ Giả Sung (6), Phùng Đảm (7) cộng tương bằng đảng. Triều đình hiền thần tâm bất năng duyệt, Nhậm Khải (8) nhân cơ cử Sung trấn quan trung (9), Thế Tổ tức chiếu khiển chi (10). Trợ vị Đảm viết: “Giả công viễn phóng, ngô đảng (11) thất thế, Thái tử hôn thượng vị định, nhược sử Sung nữ vi phi, tắc bất doanh lưu (12) nhi tự đình hỹ”. Trợ dữ Đảm tỵ Thế Tổ gian (13), tịnh xưng Sung nữ thực lệnh (14), phong tư tuyệt thế, nhược nạp Đông cung (15), tất năng phụ tá quân tử, hữu “quan tụy” hậu phi chi đức (16). Toại thành hôn yên. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

(1) Tuân Trợ: (?-289 CN), tự là Công Tăng người Dĩnh Âm Dĩnh Xuyên thời nhà Tây Tấn, làm quan từ thời Tào Ngụy, đến nhà Tấn được phong là Tế Bắc quận công, thăng làm chương quan về được Quang Lộc đại phu. Bấy giờ triều đình khai quật, thu thập được sách bằng thẻ tre thời cổ nơi nghĩa địa triệu, Tuân Trợ sắp xếp thành sách trung kinh, lưu trữ nơi bí thư. Tuân Trợ, cùng bọn Phùng Đảm, Dương Đào theo phe của Giả Sung, là sủng thần vua Tấn Thế Tổ Tư Mã Viêm, lập thành băng đảng đối lập với nhóm chính trực trong triều như Nhậm Khải, Dữu Thuần, Hòa Kiệu. Tuân Trợ giúp Giả Sung được lưu nhiệm, khởi ra trấn Quan Trung, hiến kế cho con gái Giả Sung, là Giả Nam Phong lấy thái tử Tư Mã Trung, con vua Tấn Thế Tổ. Tuân Trợ nói quá về trí tuệ và sắc đẹp của Giả Nam Phong, khiến các quan chính trực trong triều lấy làm xấu hổ, coi ông thuộc giới dua nịnh đáng tởm.

(2) Trung thư giám: Chức quan này có từ thời Tam Quốc, vua Ngụy Văn Đế đổi Bí thư lệnh thành Trung thư giám và Trung thư lệnh. Trung thư giám và Trung thư lệnh chức vụ ngang nhau, đều là chức cao. Đến thời nhà Minh, hai chức này thực chất là Tể tướng.

(3) Thị trung: Thời nhà Tấn, chức quan Thị trung thuộc Tể tướng, đến nhà Hán chủ yếu là gia quan, có quyền ra vào cung cấm, là một trong ít chức quan được vua tín nhiệm, nhà Đông Hán lập chức Thị trung tự, đến nhà Tấn đổi Môn hạ tỉnh, thị tùng vua, làm cố vấn cho vua.

(4) Quán thái: Quan sát và thấu thủ.

(5) Tà nịnh: Gian tà tiểu nhân. Nịnh là giỏi nói lời làm vừa lòng cấp trên.

(6) Giả Sung: (217-282 CN) tự Công Lư người huyện Tương Lăng quận Bình Dương (nay là huyện Tương Phần, tỉnh Sơn Tây), con của quan Chế sử Dự Châu Giả Quý triều Tào Ngụy, từng phục vụ hai triều Tào Ngụy là Tấn, là công thần kiến quốc của nhà Tấn, là tâm phúc của cha con Tư Mã Chiêu, Tư Mã Viêm, sau khi chết được ban tên thụy là “Vũ Công”.

(7) Phùng Đảm: (?-286 CN), tự là Thiếu Trụ, người An Bình (nay là huyện Dục, tỉnh Hà Bắc, thời nhỏ bác lãm điển tịch, có tài học, giỏi biện luận, từng làm Thái thú quận Ngụy, Binh bộ hiệu úy và Việt kỵ hiệu úy, được vua Tấn Vũ đế sủng ái, thăng chức làm Tá Vệ tướng quân.

(8) Nhậm Khải: (223-284 CN) tự là Nguyên Bao, người Bác Xương, quận Lạc An (nay là huyện Bác Hưng, tỉnh Sơn Đông), là con quan Thái thường Nhậm Hạo thời Tào Ngụy. Nhậm Khải làm quan hai triều Ngụy Tấn. Nhậm Khải làm việc siêng năng cẩn thận, được mọi người ca tụng, nhưng bị phe đảng Giả Sung thù ghét nên con đường hoạn lộ không thông.

(9) Nhân cơ cử Sung trấn quan trung: Vào niên hiệu Thái Thủy thứ 10, (271 CN), quân Tiên Ti xâm lấn hai châu Ung và châu Tấn khiến Tư Mã Viêm lo lắng, nhân cơ hội ấy, Nhậm Khải kiến nghị bổ nhiệm Giả Sung cầm quân ra trấn giữ biên giới.

(10) Chiếu khiển chi: Chiếu vua cử Giả Sung ra biên giới.

(11) Ngô đảng: Chúng tôi.

(12) Bất doanh lưu: Ý chỉ không lưu lại làm quan tại triều đình.

(13) Tý Thế Tổ gian: Dò xét vua Tấn Thế Tổ Tư Mã Viêm những khi vua vô sự.

(14) Thục lệnh: Lương thiện.

(15) Đông cung: Nơi ở của Thái tử.

(16) Quan tụy: Chỉ đức hạnh của hậu phi. “Quan tụy” là một thiên thơ ca tụng mỹ đức của giới hậu phi. Sách *Kinh Thi - Chu nam - Quan tụy tự* viết: “Quan tụy hậu phi chi đức dã”. Khổng Dĩnh Đạt chú giải: [sách *Điển lễ* viết: “Thiên tử chi phi viết hậu”]. Sách *Nhĩ nhĩ - Thích cổ* viết: “Phi, bề dã” ý nói sánh ngang [bề] với chồng.

Diễn giải:

Tuân Trợ, tự là Công Tăng, người Dĩnh Âm làm chức Trung thu giám, Gia Thị trung. Học vấn và tài năng Tuân Trợ sâu rộng, phong phú, là một nhân vật tài giỏi nhưng là kẻ siểm nịnh và gian tà, cùng Giả Sung, Phùng Đả kết thành phe đảng, đánh phá những người không theo ý mình. Các hiền thần trong triều rất không ưa bọn họ. Nhân khi người Tiên Ti gây rối Tấn Châu và Ung Châu, nơi biên giới phía tây, khiến nhà vua lo lắng, thì Nhậm Khải thừa cơ ấy tiến cử Giả Sung dẫn quân đi biên giới giữ ải quan, được vua Tấn Vũ Đế hạ lệnh cho Giả Sung đi biên giới. Tuân Trợ liền bàn với Phùng Đả: “Giả Sung đi giữ ải nơi biên giới thì bọn mình thất thế. Hiện nay Thái tử chưa thành hôn, nếu Thái tử cưới con gái Giả Sung thì chuyện đi xa của Giả Sung phải đình lại. Rồi nhân khi vua Tấn Vũ Đế nhàn rỗi, Tuân Trợ và Phùng Đả cùng ra mắt vua, ca tụng con gái Giả Nam Phong, con Giả Sung phong tư tuyệt thế, nếu thu nạp làm Đông cung phi tử thì phụ tá cho Thái tử rất tốt, như mô tả trong thiên “quan tụy” của kinh Thi. Kết quả là Thái tử cưới Giả Nam Phong con gái Giả Sung.

(Theo sách *Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30*)

Nguyên văn:

三四五

夫窮澤之民据犁接耜之士, 或懷不羈之能, 有禹皋陶之美, 身不容於世, 無紹介通之也. 公卿之子弟貴戚黨友, 雖無過之能, 然在尊重之處, 輔之者強而飾之眾也. (卷四十, 新語).

Phiên âm:

345

Phù cùng trạch (1) chi dân, cú lê tiếp tữ (2) chi sĩ, hoặc hoài bất ky (3) chi năng. Hữu Võ, Cao Dao chi mỹ, nhiên thân bất dung ư thể, vô thiệu giới (4) thông chi giả dã. Công khanh (5) chi tử đệ, quý thích (6) chi đảng hữu (7), tuy vô quá nhân chi năng, nhiên thân tại tôn trọng (8) chi xử, phụ (9) chi giả cường, nhi súc (10) chi chúng dã. (Quyển 40 - Tân ngữ).

Chú thích:

- (1) Cùng trạch: Nơi vùng sâu vùng xa.
- (2) Cú lê tiếp tữ: Chỉ nghề làm nông. Lê, tữ là hai loại nông cụ.
- (3) Bất ky: Chỉ tài cao chí rộng, không thể lường được.
- (4) Thiệu giới: Giới thiệu.
- (5) Công khanh: Phiếm chỉ quan to.
- (6) Quý thích: Họ hàng của vua.
- (7) Đảng hữu: Bằng đảng.
- (8) Tôn trọng: Tôn quý kính trọng.
- (9) Phụ: Phụ trợ.
- (10) Súc: Trang súc, làm đẹp, làm sáng.

Diễn giải:

Người dân nông thôn nơi vùng sâu vùng xa, chỉ quen sử dụng các loại nông cụ, trong số ấy cũng có người tài đức nhìn xa trông

rộng, như thuở hàn vi của vua Đa Vũ, ông Cao Dao, nhưng thời ấy triều đình không biết dùng họ, vì không có người biết tài đức của họ để tiến cử lên triều đình. Đông đảo con cháu nhà vương công tử đệ, nhà hoàng thân quốc thích lại bắt tài, tuy bản thân họ có địa vị tôn quý, được bao nhiêu nhân vật danh tiếng phụ trợ, tán dương khen ngợi hết lời.

(Theo sách Tân ngữ - Quyển 40)

Nguyên văn:

五：辨物

三四六

履(象)曰：“上天下澤，履君子以辨上下，定民志。(卷一，周易)。

Phiên âm:

NGŨ: BIÊN VẬT

346

Lý (1) (tượng) viết: “Thượng thiên hạ trạch (2), lý. Quân tử dĩ biện (3) thượng hạ, định dân chí (4). (Quyển 1 - Chu dịch).

Chú thích:

(1) Lý: Quẻ Lý, dưới Đoài (trạch), trên Càn (trời), sách “Nhĩ nhã – Thích ngôn” viết: “Lý, lễ dã, trời cao, đầm (trạch) thấp, đều đã được định vị, từ thấp tiến lên cao, tất trên dưới phải hòa thuận, tuân tự mà tiến, lao động thân thể, lấy lễ tương đãi, thực tiễn chân lý dân chủ.

(2) Thượng thiên hạ trạch: Quẻ Lý, trên là càn (trời), dưới đoài (trạch: đầm ao) biểu thị hiện tượng tôn ti khác biệt nhau, trên dưới an vị là chính lý, con người hành xử nên theo như vậy.

(3) Biên: Biện minh.

(4) Dân chí: Dân tâm, tâm ý của nhân dân.

Diễn giải:

Tượng truyện của quẻ Lý viết: “Trên càn là trời, dưới đoài là đầm ao là hiện tượng có sai biệt tôn ti của quẻ Lý, vị trí chính lý của cư vị trên dưới, hành vi của con người phải nên như vậy, hiệu pháp tinh thần của bậc quân tử trong cai trị, là làm cho chính bản phận có trên có dưới, nhằm an định cái tâm của nhân dân.

(Theo sách Chu dịch - Quyển 1)

Nguyên văn:

三四七

泰(象)曰：“天地交，泰。后以財成天地之道，輔相天地之宜，以右民。(卷一，周易)。

Phiên âm:

347

Thái (1), (tượng) viết: “Thiên địa giao (2), Thái. Hậu (3) dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ thương thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân. (Quyển 1 - Chu dịch).

Chú thích:

- (1) Thái: Quẻ Thái càn (trời) dưới, khôn đất trên.
- (2) Thiên địa giao: Trời đất cùng nhau giao hòa.
- (3) Hậu: Thời thượng cổ gọi việc vua phát hiệu lệnh là hậu.

Diễn giải:

Tượng truyện của quẻ Thái viết: “Trên khôn là đất, dưới càn là trời, là hiện tượng trời đất cùng nhau giao hòa của quẻ Thái, tượng

trung nhà vua phát lệnh cho công dụng của trời đất, thích nghi phụ trợ sự an bài của trời đất để nhân dân sinh hoạt hữu dụng.

(Theo sách **Chu dịch** - Quyển 1)

Nguyên văn:

三四八

鼓之以雷霆, 潤之以風雨, 日月運行一寒一暑. (卷一, 周易, 繫辭上傳).

Phiên âm:

348

Cổ chi dĩ lôi đình (1), nhuận chi dĩ phong vũ (2), nhật nguyệt vận hành (3). (**Quyển 1 - Chu dịch - Hệ từ thượng truyện**).

Chú thích:

(1) Cổ chi dĩ lôi đình: Cổ động bằng sấm trời và sét chớp. Khí lưu thông giữa trời và đất phát động khiến trời đất súc sống tràn đầy, làm cho vạn vật sinh trưởng. Sách *Cốc Lương truyện* viết: “Lôi nghĩa là đình”, Từ “chi” là đại từ chỉ vạn vật trong trời đất.

(2) Nhuận chi dĩ phong vũ: Được gió mưa ươm nhuận tưới tấp vạn vật mới phát triển lớn lên. Từ “chi” là đại từ chỉ vạn vật trong trời đất.

(3) Nhật nguyệt vận hành: Mặt trời, mặt trăng thay nhau rọi chiếu nên vạn vật được liên tục phát triển lớn lên.

(4) Nhất hàn nhất thử: Nhờ vận hành của mặt trời, mặt trăng nên địa cầu mới có khi nóng khi lạnh thay nhau.

Diễn giải:

Trong hoàn cảnh tự nhiên giữa trời và đất, chúng ta chứng kiến cảnh sấm chớp vang rền cổ động cho vạn vật biến hóa, cùng với gió mưa tưới tắm nuôi dưỡng vạn vật, mặt trời mặt trăng thay

nhau rọi chiếu nên vạn vật được liên tục phát triển và địa cầu mới có khi nóng khi lạnh thay nhau.

(Theo sách Chu dịch - Hệ từ thượng truyện - Quyển 1)

Nguyên văn:

三四九

仰以觀於天文俯以察於地理，知幽明之故，知死生之說也。
(卷一，周易，繫辭上傳)。

Phiên âm:

349

Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn (1), phủ dĩ sát ư địa lý (2), tri u minh chi cổ (3), tri tử sinh chi thuyết (4). (**Quyển 1 - Chu dịch - Hệ từ thượng truyện**).

Chú thích:

- (1) Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn: Ngửa trông quy luật vận hành của sao trên trời.
- (2) Phủ dĩ sát ư địa lý: Cúi xem tìm hiểu văn lý biến hóa địa mạo địa chất của quả đất.
- (3) Tri u minh chi cổ: Tìm hiểu nguyên nhân của sáng tối.
- (4) Tri tử sinh chi thuyết: Hiểu được đạo lý sống chết của con người.

Diễn giải:

Ngửa trông quy luật vận hành của sao trên trời, cúi xem tìm hiểu văn lý biến hóa địa mạo địa chất của quả đất, tìm hiểu nguyên nhân sáng tối của sự vật giữa trời và đất thì hiểu được đạo lý sống chết của con người.

(Theo sách Chu dịch - Hệ từ thượng truyện - Quyển 1)

Nguyên văn:

三五〇

仁者見之謂之仁，智者見之謂之智。百姓日用而不知故君子道鮮矣。（卷一，周易，繫辭上傳）。

Phiên âm:

350

Nhân giả kiến (1) chi (2) vị chi nhân; Trí giả kiến chi vị chi trí. Bách tính nhật dụng (3) nhi bất trí, cố quân tử chi đạo, tiên hỹ (4). (**Quyển 1 - Chu dịch - Hệ từ thượng truyện**).

Chú thích:

- (1) Kiến: Quan sát lý giải sự vật.
- (2) Chi: Chỉ đạo và tính của vạn vật do âm dương hóa sinh.
- (3) Nhật dụng: Ứng dụng cho sinh hoạt hàng ngày.
- (4) Cố quân tử chi đạo, tiên hỹ: Quân tử vốn là người vừa nhân vừa trí, là người hiểu được đạo và tính của vạn vật do trời đất âm dương hóa sinh, nên người có khả năng thấy rõ “quân tử chi đạo” rất hiếm. Tiên ở đây nghĩa là ít.

Diễn giải:

Người quan sát lý giải sự vật thấy được tính và đạo, gọi là người có “nhân”; Người có trí tuệ hiểu rõ nắm được tính ấy, đạo ấy được gọi là “trí”. Người dân thì ứng dụng trong sinh hoạt hàng ngày nhưng lại không thể nhận biết được. Thế cho nên người được cho là có khả năng hiểu rõ “đạo quân tử” thì rất hiếm.

(Theo sách **Chu dịch - Hệ từ thượng truyện - Quyển 1**)

Nguyên văn:

三五一

弗知稼穡之艱難, 弗聞小人之艱難勞, 惟耽樂之從亦罔克壽.
(卷二, 尚書).

Phiên âm:

351

Phất tri giá sắc chi gian nan (1), phất văn tiểu nhân chi lao (2), duy đàm lạc chi tùng (3), diệc võng hoặc khắc thọ (4). (**Quyển 2 – Thượng thư**).

Chú thích:

(1) Phất tri giá sắc chi gian nan: Không biết công việc rất vất vả của nhà nông. Giá nghĩa là cày cấy. Sắc nghĩa là thu hoạch.

(2) Phất văn tiểu nhân chi lao: Không quan tâm đến lao động gian khổ của người nông dân. Tiểu nhân ở đây chỉ thứ dân.

(3) Duy đàm lạc chi tùng: Chỉ sa đà vui thú ăn chơi.

(4) Diệc võng hoặc khắc thọ: Chẳng có ông vua nào sống trường thọ.

Diễn giải:

Không biết công việc nông trang rất vất vả, không quan tâm đến lao động gian khổ của người nông dân, mà chỉ sa đà vui thú ăn chơi, nên chẳng có ông vua nào được trường thọ.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

Nguyên văn:

三五二

凡學者, 能於天人之分, 通於治亂之本, 其終始可謂達矣。
(卷三十五, 文子, 上義)。

Phiên âm:

352

Phàm học giả, năng minh ư thiên nhân chi phân (1), thông ư trị loạn chi bản, kiến kỳ chung thủy, khả vị đạt (2) hỷ. (Quyển 35 - Văn Tử - Thượng nghĩa).

Chú thích:

(1) Minh ư thiên nhân chi phân: Biết được sự bất đồng và riêng biệt giữa đạo trời và đạo người, chỉ quy luật vận hành của thế giới tự nhiên.

(2) Đạt: Thông hiểu sự lý.

Diễn giải:

Phàm người có học biết được sự bất đồng và riêng biệt giữa đạo trời và đạo người, nên có thể lý giải nguồn gốc đời trị và đời loạn, có khả năng mở ra và kết thúc sự tình, có thể cho là người thông hiểu việc đời.

(Theo sách Văn Tử - Thượng nghĩa- Quyển 35)

Nguyên văn:

三五三

周之建侯享其國, 與王者並. 遠者延將千載, 近者猶數百年. 漢之諸王傳祚, 暨至曾玄, 人性不甚相遠, 古今一揆, 而短長甚違, 其故何耶? 立意本殊, 制不同故也. 周封建使重君公侯之

身，輕於社稷，故無道之君，不免誅放。敦興滅計絕之義，故國祚不泯。不免誅放，群后思懼，胤嗣必繼，是無亡國也。諸侯思懼後道。下無亡國，天子承之，理勢自安此室所以長存也。
(卷三十，晉書下，傳)。

Phiên âm:

353

Chu chi kiến hầu (1), trường hưởng kỳ quốc, dữ vương giả tịnh. Viễn giả duyên tương thiên tải, cận giả do số bách niên. Hán chi chư vương truyền tộ (2), ký chí tăng huyền (3). Nhân tính bất thậm tương viễn, cổ kim nhất quĩ (4), nhi đoán trường thậm vi, kỳ cố hà da? Lập ý bản thù (5), nhi chế bất đồng cố dã. Chu chi phong kiến, sử quốc trọng quân, công hầu chi thân, khinh ư xã tắc, cố vô đạo chi quân, bất miễn thù phóng (6), đôn (7) hưng diệt kế tuyệt (8) chi nghĩa, cố quốc tộ bất mãn. Bất miễn thù phóng, tắc quần hậu tư cụ, dận tự (9) tất kế, thị vô vong quốc dã. Chư hầu tư cụ, nhiên hậu quĩ đạo (10). Hạ vô vong quốc, thiên tử thừa chi, lý thế (11) tự an. Thủ chu thất sở dĩ trường tồn dã. (Quyển 30 - Tấn thư hạ - Truyện).

Chú thích:

- (1) Kiến hầu: Phong lập chư hầu, lập công được phong hầu, cho cai trị một nước, gọi là nước chư hầu.
- (2) Truyền tộ: Truyền ngôi vua cho con cháu. Các vua chư hầu được truyền cho con cháu như thiên tử.
- (3) Tăng huyền: Tăng tôn (chắt), huyền tôn (chít).
- (4) Nhất quĩ: Cùng mô dạng, đạo lý.
- (5) Lập ý bản thù: Dụng ý xưa nay không đồng nhau. Thù nghĩa là bất đồng.
- (6) Tru phóng: Xử tội đi lưu dày.
- (7) Đôn: Sung thượng, chú trọng.
- (8) Hưng diệt kế tuyệt: Ý nói diệt cho hết làm mới, xóa sổ làm lại. Sách *Luận ngữ - Nghiêu viết* viết: “Hưng diệt quốc, kế tuyệt thế”.

(9) Dận tự: Hậu tự, nối dõi về sau.

(10) Quỹ đạo: Tuân theo pháp hế.

(11) Lý thế: Xu thế phát triển sự việc, tình thế.

Diễn giải:

Nhà Chu kiến lập các nước chư hầu, vua chư hầu được quyền cha truyền con nối cai trị lâu dài nước mình được phong. Giống như nhà Chu, có những nước chư hầu tồn tại cả ngàn năm, ngắn thì mấy trăm năm. Trong khi thời nhà Hán các vua chư hầu chỉ truyền đến đời chắt, đời chít là hết. Tính tình con người khác nhau không quá xa, mà sao thời nay khác thời xưa, nước chư hầu thời Hán quá ngắn so với nước chư hầu thời nhà Chu. Điều đó từ nguyên nhân như thế nào? Vì cách lập các nước chư hầu của hai triều Chu và Hán khác nhau ở chế độ mà ra! Nhà Chu thực thi chế độ phong kiến, địa vị vua nước chư hầu quan trọng như bậc vương hầu, tính mệnh thân gia của công hầu nhẹ nơi xã tắc, cho nên hôn quân vô đạo khỏi bị giết hoặc lưu đày. Do nơi tôn sùng đạo nghĩa về hưng diệt kế tuyệt, nên mệnh vận của các nước chư hầu không bị mất đi. Vua chư hầu khỏi bị giết hoặc bị lưu đày, mà chỉ sợ hãi và cảnh tỉnh, nên con cháu mới có thể được kế thừa làm vua. Vì thế mà không xảy ra chuyện mất nước. Vua chư hầu cảm thấy lo sợ, nên chiếu theo lễ pháp mà làm việc. Nước chư hầu không rơi vào cảnh nguy hiểm, thiên tử dựa vào các chư hầu, nên tình thế thiên hạ an ổn. Đó là nguyên nhân mà nhà Chu tồn tại lâu dài vậy.

(Theo sách Tấn thư hạ - Truyện - Quyển 30)

Nguyên văn:

六：因果

三五四

禹曰：“惠迪吉從逆凶惟響”。（卷二，尚書）。

Phiên âm:

LỤC: NHÂN QUẢ

354

Vũ viết: “Huệ dịch cát (1), tòng nghịch hung (2), duy ảnh hưởng (3). (Quyển 2 - Thượng thư).

Chú thích:

- (1) Huệ dịch cát: Hành động thuận theo đạo trời, thì được cát tường.
- (2) Tòng nghịch hung: Hành động trái với đạo trời, là rước họa vào thân.
- (3) Ảnh hưởng: Bóng theo hình, vang theo tiếng.

Diễn giải:

Vua Đại Vũ nhà Hạ nói: “Hành động thuận theo đạo trời, thì được cát tường. Hành động trái với đạo trời, là rước họa vào thân, giống như bóng theo hình, vang theo tiếng vậy.

(Theo sách Thượng thư - Quyển 2)

Nguyên văn:

三五五

惠賈庶人，名南風平陽人也。拜子妃惟妒虐嘗手殺數人或以戟擲孕妾，子乃墜地。惠帝即位，為皇后，虐誅三楊，逆殺太后，矯害二公。荒淫放恣與太醫程据等亂。彰于內外，詐有身為產養妹夫韓壽兒遂謀廢太子以所養代立。專為姦誣害太子，眾惡彰著。康年為趙王倫所廢賜死。（卷三十九，晉書下，后妃傳）。

Phiên âm:

355

Huệ giả thứ nhân (1), danh Nam Phong, Bình Dương nhân

dã. Bái Thái tử phi, tính đố ngược, thường thủ sát số nhân, hoặc dĩ kích dựng thiếp, tử nãi trụy địa. Huệ Đế tức vị, vi hoàng hậu, ngược tru tam Dương (3), nghịch sát Thái hậu, kiêu hại nhị công (4). Hoang dâm phóng tú, dữ thái y Trình Cứ đảng loạn. Chương vu nội ngoại, trá hữu thân vi sản (5), dưỡng muội phu Hàn Thọ nhi, toại mưu phế Thái tử, dĩ sở dưỡng đại lập. Chuyên vi gian vu (6), hại Thái tử (7), chúng ác chương trứ. Vĩnh Khang nguyên niên, vi Triệu vương Luân sở phế, tử tử. (**Quyển 39 - Tấn thư hạ - Hậu phi truyện**).

Chú thích:

- (1) Huệ Giả thứ nhân: Túc Giả Nam Phong (257-300 CN), là hoàng hậu của vua Tấn Huệ đế, niên hiệu Vĩnh Khang nguyên niên (300 CN), Triệu vương Tư Mã Luân, cử Tể vương Tư Mã Thương đi bắt Nam Phong, áp giải đến thành Kim Dung, phế danh vị hoàng hậu đuổi làm dân thường, rồi bắt uống thuốc độc mà chết.
- (2) Bái: Nhận chức.
- (3) Ngược tru Tam Dương: Chỉ việc Giả Nam Phong hại chết 3 người họ Dương là Dương Tuấn, Dương Diêu, Dương Tế.
- (4) Kiêu hại nhị công: Chỉ việc Giả Nam Phong ban chiếu ra lệnh cho Tư Mã Vĩ giết Tư Mã Lượng và Vệ Quán là hai quan đại thần phụ chính, sau đó lại giết Tư Mã Vĩ.
- (5) Trá hữu thân vi sản: Niên hiệu Nguyên Khang thứ 9 (299 CN), Giả Nam Phong giả mạo mình thụ thai đúng dịp lễ tang vua Tấn Vũ Đế nên giấu không tiện công bố, Giả Nam Phong đưa em bé con của em rể là Hàn Thọ bảo là con mình.
- (6) Chuyên vi gian vu: Chuyên giả dối làm nhiều chuyện gian lận coi thường luật pháp.
- (7) Hại Thái tử: Chỉ việc hoàng hậu Giả Nam Phong phế Thái tử Tư Mã Duật.

Diễn giải:

Giả Nam Phong, người Bình Dương, vốn là hoàng hậu vua

Tấn Huệ đế, bị biến làm dân thường. Khi là Thái tử phi đã lộ ra tính đố kỵ, bạo ngược từng tự tay giết chết nhiều người, bà đã nhẫn tâm dùng kích đâm vô bụng chữa của người thiếp, đứa bé rơi xuống đất. Khi vua Tấn Huệ đế lên ngôi, phong Giả Nam Phong làm Hoàng hậu, bà ngỗ nghịch giết Thái hậu Dương Chi cùng ba người họ Dương là Dương Tuấn, Dương Diêu, Dương Tế. Kiểu sát hại vị quan to hoàng tộc là Tư Mã Lượng, và Tư Mã Vĩ. Hoàng hậu Giả Nam Phong dâm loạn vô đạo, phóng túng làm loạn triều nghi, âm mưu với bọn thái y Trình Cứ, làm nhiều hành vi bất chính. Niên hiệu Nguyên Khang thứ chín (299 CN), công bố toàn dân bịa chuyện hoàng hậu từng có bầu sinh con trai, nhằm phế ngôi Thái tử của Tư Mã Duật, thực ra hoàng hậu nuôi Hàn Úy, con của người em rể Hàn Thọ, chồng của em gái mình với ý đồ đưa Hán Úy lên ngôi Thái tử thay Thái tử Tư Mã Duật. Hoàng hậu Giả Nam Phong chuyên làm những việc gian tà, coi thường mọi người, kể cả việc mưu hại Thái tử Tư Mã Duật, nhiều chuyện gian ác ngày càng lộ ra. Niên hiệu Vĩnh Khang nguyên niên (300 CN), Triệu vương Tư Mã Luân, cử Tể vương Tư Mã Thương đi bắt Nam Phong, áp giải đến thành Kim Dung, phế danh vị hoàng hậu, đui làm dân thường, sau đó không lâu bắt uống thuốc độc mà chết.

(Theo sách Tấn thư hạ - Hậu phi truyện - Quyển 39)

Nguyên văn:

三五六

文王太公曰：“人主動作舉事善惡福殃應，鬼神之福無？”太公曰：“有之。王動作舉事，惡則天應之以刑，善則地應之以德，逆則地應之以德，逆則人備之以力，順則神授之以職。
(卷三十一，六韜，文韜)。

Phiên âm:

356

Văn Vương vấn Thái Công, viết: “Nhân chủ động tác cử sự, thiện ác hữu phúc ương chi ứng, quỷ thần chi phúc vô (1)?”. Thái Công viết: “Hữu chi. Chúa động tác cử sự, ác tắc thiên ứng chi dĩ hình (2), thiện tắc địa ứng chi sở đức (3), nghịch tắc nhân bị chi dĩ lực, thuận tắc thần thụ chi dĩ chức (4)”. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

- (1) Quỷ thần chi phúc vô: Chẳng lẽ quỷ thần không giáng phước hay sao?
- (2) Ác tắc thiên ứng chi dĩ hình: Làm chuyện ác lẽ nào trời đất không trừng phạt.
- (3) Thiện tắc địa ứng chi sở đức: Làm việc thiện lẽ nào trời đất không ban đức.
- (4) Thuận tắc thần thụ chi dĩ chức: Hành động thuận trời hợp đất, thì thần linh giao chức quyền giúp làm việc thành công.

Diễn giải:

Chu Văn Vương hỏi Khương Thái Công rằng: “Hành vi cử chỉ của nhà vua, đều ứng nghiệm bằng họa phước, chẳng lẽ quỷ thần không giáng phước hay sao?”. Khương Thái Công đáp: “Có đấy, hành vi cử chỉ của nhà vua nếu làm chuyện ác lẽ nào trời đất không trừng phạt, làm việc thiện, lẽ nào trời đất không ban đức, hành động thuận trời hợp đất thì thần linh giao chức quyền giúp làm việc thành công”.

(Theo sách Lục thao - Văn thao - Quyển 31)

Nguyên văn:

三五七

人主好重賦斂, 大宮室, 多遊臺, 則民多病溫霜露殺五穀, 絲麻不成. 人主好田獵嗶弋, 不避時禁, 則歲多大風, 禾穀不實. 人主好破壞名山壅塞大川決通名水, 則歲多大水, 傷民五穀不滋. 人主好武事兵革不息, 則日月薄蝕, 太白失行. 故人主動作舉事, 善則天應之以德, 惡則人備之以力, 神奪之以職, 如響之應聲, 如影之隨形.

(卷三十一, 六韜, 文韜).

Phiên âm:

357

Nhân chủ háo trọng (1) phú liễm, đại (2) cung thất, đa (3) du đài, tắc dân đa bệnh ôn (4), sương lộ sát ngũ cốc (5), ti ma bất thành. Nhân chủ háo điển liệt tất đặc (6), bất tỵ thời cấm (7), tắc tuế đa đại phong, hòa cốc, ti ma bất thành. Nhân chủ háo phá hoại danh sơn, ung tái (8) đại xuyên, quyết thông danh thủy, tắc tuế đa đại thủy, thương dân gũ cốc bất từ. Nhân chủ háo vũ sự (9), binh cách (10) bất tức, tắc nhật nguyệt bạc thực (11), Thái Bạch (12) thất hành. Cổ nhân chủ động tác cử sự, thiện tắc thiên ứng dĩ chi đức, ác tắc nhân bị chi dĩ lực, thần đoạt chi dĩ chức (13), như hưởng chi ứng thanh, như ảnh chi tùy hình. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

- (1) Trọng: Tăng thêm, coi trọng.
- (2) Đại: Quảng đại, rộng rãi.
- (3) Đa: Tăng nhiều.
- (4) Bệnh ôn: Còn gọi là bệnh ôn nhiệt, cảm mạo sương gió, bị cảm nóng sốt.
- (5) Ngũ cốc: Chỉ các loại lương thực chủ yếu như lúa, nếp, lúa mạch, lúa mì.

- (6) Tắt dặc: Chỉ đồ đi săn. Tắt là cái lưới. Dặc là bán cung tên.
- (7) Bất tỵ thời cấm: Không kiêng cử những ngày cấm trong việc làm nông vì thời tiết.
- (8) Ung tái: Làm tắc dòng nước.
- (9) Vũ sự: Chuyện quân sự, chuyện đánh nhau.
- (10) Binh cách: Vũ khí và áo giáp trang bị cho quân sĩ.
- (11) Nhật nguyệt bạc thực: Mặt trời mặt trăng bị che (thực). Sách *Lã thị xuân thu - Minh lý* viết: “Kỳ nguyệt hữu bạc thực”, Cao Dụ chú giải: “Bạc nghĩa là bách, mặt trời mặt trăng có khi che nhau gọi là bạc thực”.
- (12) Thái Bạch: Tên ngôi sao, còn gọi là “Thái Bạch kim tinh”.
- (13) Chức: Chúa quyền.

Diễn giải:

Nếu nhà vua coi trọng việc thu thuế để mở rộng cung điện, xây dựng lầu đài hồ cảnh vui hưởng, thì dân chúng phải lao dịch vất vả dễ sinh bệnh ôn, sương muối làm hại lúa má, cây lương thực, cây làm sợi dệt. Nếu nhà vua ham mê săn bắn, không quan tâm những thời kỳ cấm kỵ trong sản xuất nông nghiệp, thì gặp năm gió xoáy, khiến cho cây trồng bị lay gốc đến nỗi không kết hạt, mất mùa. Nếu nhà vua ưa làm chuyện đào xới các danh sơn, đắp bờ ngăn dòng nước chảy, tùy ý đào kênh dẫn nước, gặp năm lụt lội ngũ cốc không sinh trưởng được, dân phải bị đói kém. Nếu nhà vua thích gây chiến tranh, đánh nhau không nghỉ, khiến cho trời ra điềm nguyệt thực nhật thực, sao Thái bạch sáng hơn cảnh báo xã hội đói kém loạn lạc. Vì thế nên hành vi cử chỉ của nhà vua, nếu là chuyện tốt thì trên trời dùng nhân đức ứng nghiệm, chuyện xấu xa hư hoại thì nhân dân dùng vũ lực phòng bị, thần linh đoạt mất quyền chức, giống như tiếng dội lại của âm thanh, như ảnh theo sát với hình.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

三五八

武王伐殷，得丈夫，而問之曰：“殷之將亡，有妖乎？”其一人對曰：“有。殷國嘗雨血，雨灰，雨石。小者如椎，大者如箕，六月雨雪深尺餘”。(卷三十一，六韜，文韜)。

Phiên âm:

358

Vũ Vương phạt Ân, đắc nhị trượng phu (1), nhi vấn chi viết: “Ân chi tương vong, diệc hữu yêu (2) hồ?” Kỳ nhất nhân đối viết: “Hữu. Ân quốc thường vũ huyết (3), vũ hôi, vũ thạch. Tiểu giả như chùy, đại giả như ky. Lục nguyệt vũ tuyết thâm xích dư”. (**Quyển 31 - Lục thao - Văn thao**).

Chú thích:

- (1) Trượng phu: Thông xưng chỉ nam tử trưởng thành. Thời nhà Chu 8 tấc (thốn) = 1 thước (xích), 10 thước (xích) = 1 trượng. người nam trưởng thành cao khoảng 8 thước.
- (2) Yêu: Trái với lẽ thường tự nhiên, hiện tượng hoặc sự vật kỳ quái không tốt lành.
- (3) Vũ huyết: Mưa xuống là máu.

Diễn giải:

Thời kỳ vua Chu Vũ Vương chinh phạt nhà Ân, thu phục được hai nam thanh niên. Vua hỏi họ: “Nhà Ân sắp bị diệt, có trái với lẽ tự nhiên không, có xuất hiện điềm gì bất thường quái dị hay không?”. Một người trả lời: “Có đấy, thời nhà Ân từng xuất hiện trời đổ mưa toàn máu, mưa tro, mưa đá. Hòn đá nhỏ bằng hột bắp, to như cái bát. Sáu tháng trời đổ tuyết, dày đến cả thước.

(Theo sách **Lục thao - Văn thao - Quyển 31**)

Nguyên văn:

三五九

天道不爭而善勝, 不爭而善應, 不召而自來, 產然而善謀. 天網恢恢, 疏而不失. (卷三十四, 老子, 德經).

Phiên âm:

359

Thiên đạo (1) bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai, sản nhiên (2) nhi thiện mưu. Thiên võng khôi khôi (3), sơ nhi bất thất (4). (**Quyển 34, Lão Tử, Đạo Đức Kinh**).

Chú thích:

- (1) Thiên đạo: Chỉ quy luật của tự nhiên khiêm tốn mà nhu hòa.
- (2) Sản nhiên: Dạng rộng lớn, lỏng lẻo.
- (3) Thiên võng khôi khôi: Thiên đạo trời rộng lớn không bờ, ví như tấm lưới to bao trùm hết vạn vật.
- (4) Sơ nhi bất thất: Tuy rộng lớn thừa lỗ nhưng biết rõ người thiện người ác, không sót một ai.

Diễn giải:

Đạo Trời khiêm tốn mà nhu hòa, không tranh cạnh là sang hèn, to nhỏ mà thủ thắng một cách tự nhiên, không phải cao giọng kêu gọi mà vạn vật tự động hưởng ứng bất cứ lúc nào, không phải sai bảo mà tự động quy phục, đối ứng bao la mà khéo trong mưu hoạch. Đạo trời rất rộng lớn bao la không bờ bến giống như tấm lưới vĩ đại bao trùm hết vạn vật, tuy thừa mà biết rõ người thiện kẻ ác, không để sót một ai, để lọt một ai.

(Theo sách Lão Tử - Đạo đức kinh - Quyển 34)

Nguyên văn:

三六〇

庶群嗜酒, 腥聞在上, 故天降喪殷. 天于虐, 惟人自速辜.
(卷二尚書).

Phiên âm:

360

Thứ quần (1) thị tửu, tinh văn tại thượng, cố thiên giáng tang
(2) vu Ân. Thiên phi ngược (3), duy nhân tự tốc (4) cô (5). (**Quyển 2 -
Thượng thư**).

Chú thích:

- (1) Thứ quần: Chỉ đám quần thần của vua Trụ nhà Thương Ân.
- (2) Tang: Diệt, vong.
- (3) Ngược: Tàn hại, tàn sát. Chỉ trời giáng tai họa.
- (4) Tốc: Rước lấy.
- (5) Cô: Trừng phạt tội lỗi.

Diễn giải:

Vua tôi nhà Thương Ân quây quần uống rượu, mùi tanh bay lên tới trời cao, nên trời giáng họa diệt vong nhà Thương Ân. Trời không ác độc, là do con người tự chuốc họa vào thân.

(Theo sách **Thượng thư - Quyển 2**)

MỤC LỤC

Thư gửi quý độc giả	5
Lời Tựa sách “QUẦN THƯ TRỊ YẾU”	7
Trình bày lý do biên dịch sách “QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360”	10
Thuyết minh của nhà xuất bản về sách “QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360 – Quyển 4”	12

CƯƠNG MỤC ĐỆ NHẤT: QUÂN ĐẠO

NHẤT: TU THÂN	24
- GIÁP: SỬ MỆNH	24
- ẤT: GIỚI THAM	33
- BÍNH: CẦN KIÊM	42
- ĐINH: CẢI QUÁ	45
NHỊ: ĐÔN THÂN	49
TAM: PHẢN THÂN	52
TỬ: TÔN HIỀN	60
NGŨ: NẠP GIÁN	68
LỤC: ĐỔ SÀM TÀ	85
THẤT: THẨM ĐOÁN	107

CƯƠNG MỤC ĐỆ NHỊ: THẦN THUẬT

NHẤT: LẬP TIẾT	123
NHỊ: TẬN TRUNG	128
TAM: KHUYẾN GIÁN	147
TỬ: CỬ HIỀN	168

CƯƠNG MỤC ĐỆ TAM: QUÝ ĐỨC

NHẤT: THƯỢNG ĐẠO	178
NHỊ: HIẾU ĐỂ	191
TAM: NHÂN NGHĨA	195
TỬ: THÀNH TÍN	213
NGŨ: CHÍNH KỶ	228
LỤC: ĐỘ LƯỢNG	244
THẤT: KHIÊM HƯ	249
BÁT: CẢN THẬN	257
CỬU: GIAO HỮU	265
THẬP: HỌC VẤN	268
THẬP NHẤT: HỮU HẰNG	275
THẬP NHỊ: XỬ THẾ	278

CƯƠNG MỤC ĐỆ TỬ: VI CHÍNH

NHẤT: VỤ BẢN	281
NHỊ: GIÁO HÓA	303
TAM: TRI NHÂN	309
TỬ: NHIỆM XỨ	321
NGŨ: CHÍ CÔNG	340
LỤC: ÁI DÂN	346
THẤT: CƯƠNG KỶ	364
BÁT: LỄ NHẠC	370
CỬU: DÂN SINH	382
THẬP: PHÁP CỔ	390
THẬP NHẤT: THƯỜNG PHẠT	407
THẬP NHỊ: PHÁP LUẬT	426
THẬP TAM: VÕ SỰ	440

CƯƠNG MỤC ĐỆ NGŨ: KÍNH THẬN

NHẤT: VI TIỆM	461
NHỊ: TRỊ LOẠN	470
TAM: GIÁM GIỚI	481
TỬ: ỨNG SỰ	494
NGŨ: THẬN THỦY CHUNG	504
LỤC: DƯỠNG SINH	513

CƯƠNG MỤC ĐỆ LỤC: MINH BIỆN

NHẤT: TÀ CHÍNH	515
NHỊ: NHÂN TÌNH	529
TAM: TÀI ĐỨC	534
TỬ: BẰNG ĐẲNG	545
NGŨ: BIỆN VẬT	551
LỤC: NHÂN QUẢ	560

QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360 - Quyển 4 -
Nguyên tắc trị quốc của Trung Hoa thời xưa
LÊ SƠN chuyển ngữ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP. HCM
ĐT: (028) 38216009 - 39142419 - Fax: (028) 39142890
Email: nxbvanhoavanngh@yaho.com.vn
nxbvanhoavanngh@yaho.com.vn
Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavanngh.org.vn
Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
 Gian hàng 03 Đường sách TP. HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP. HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO
Biên tập: Trần Thị Hoàng Tần
Biên tập: Nguyễn Hồng Phượng
Sửa bản in: Trí Tâm
Trình bày và bìa: Khánh Lê

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG

In 1.000 cuốn, khổ 16x24cm tại Công ty Cổ phần in Khuyến học phía Nam,
Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, Củ Chi, TP. HCM.
Số XNĐKXB: 3898-2020/CXBIPH/4-173/VNTPHCM. Số QĐXB: 490-QĐ/ NXB VHVN,
ký ngày 02/10/2020. Mã số ISBN: 978-604-68-6873-6. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.